

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Thái Nguyên, 2025

Số: 751 /QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo Giáo dục Công dân, trình độ đại học
ngành đào tạo Giáo dục Công dân, mã ngành 7140204**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Giáo dục Công dân, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên (có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng đào tạo cho sinh viên ngành đào tạo Giáo dục Công dân, trình độ đại học (mã ngành 7140204) tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

Đ. Qu

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *OMC*

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (05).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường

MỤC LỤC

Trang.

1. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo.....	01
2. Xác định nhu cầu xã hội.	11
3. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt nam	11
4. Chuẩn đầu vào tuyển sinh.....	17
5. Điều kiện tổ chức đào tạo.....	17
6. Mục tiêu đào tạo	21
7. Chuẩn đầu ra	22
8. Nội dung đào tạo	23
9. Đề cương chi tiết các học phần	38
10. Triết học Mác – Lênin	38
11. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin.	52
12. Chủ nghĩa xã hội khoa học.	76
13. Tư tưởng hồ Chí Minh.....	94
14. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	115
15. Pháp luật đại cương	132
16. Tiếng Anh 1	153
17. Tiếng Anh 2.....	165
18. Tiếng Anh 3.....	176
19. Tin học đại cương	186
21. Giáo dục thể chất 1	197
21. Giáo dục thể chất 2	203
22. Giáo dục thể chất 3	216
23. Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	228
24. Logics học	244
25. Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam	260
26. Đạo đức học và giáo dục đạo đức	275
27. Kinh tế học đại cương	297
28. Giáo dục kỹ năng sống	318
29. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	338
30. Chủ nghĩa tư bản hiện đại	348
31. Đại cương Lịch sử Việt Nam	360
32. Lịch sử các học thuyết kinh tế	371
33. Xã hội học	392
34. Lịch sử triết học	406
35. Giáo dục Pháp luật 1	419
36. Giáo dục Pháp luật 2	429
37. Giáo dục Kinh tế 1	439

38. Giáo dục Kinh tế 2	454
39. Lý luận và pháp luật về quyền con người	468
40. Chuyên đề đạo đức hồ Chí Minh	482
41. Những vấn đề của thời đại ngày nay	501
42. Hiến pháp và định chế chính trị	514
43. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	527
44. Phương pháp NCKH GD CD	542
45. Chuyên đề bình đẳng giới và quyền trẻ em	567
46. Chuyên đề dân tộc và tôn giáo	579
47. Công tác Đảng và Đoàn thể ở trường phổ thông	594
48. Thực tế chuyên môn	612
49. Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	622
50. Tâm lý học giáo dục	636
51. Giáo dục học	650
52. Giao tiếp sư phạm	667
53. LL&PP dạy học GD CD	678
54. Phát triển chương trình GD CD	692
55. Phương pháp dạy học GD CD 1	707
56. Phương pháp dạy học GD CD 2	719
57. Kiểm tra đánh giá trong dạy học GD CD	738
58. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	757
59. Thực hành sư phạm	771
60. Dạy học tích hợp trong dạy học GD CD	783
61. Phương pháp dạy học GD CD 2	719
62. Thực tập sư phạm 1	793
63. Thực tập sư phạm 2	798
64. Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học GD CD	803
65. Xử lý tình huống sư phạm GD CD	817
66. Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	793
67. Tổ chức hoạt động trải nghiệm GD CD	841
68. Giáo dục gia đình	856
69. PPDH cá môn khoa học Mác-Lênin	871
70. Kỹ năng truyền và phổ biến pháp luật	886
71. Giáo dục môi trường	895
72. Danh mục học liệu	909
73. Đội ngũ cán bộ giảng dạy	953

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 3 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 751/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)*

I. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo

1. Vai trò, ý nghĩa của ngành đào tạo Giáo dục công dân đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ

Trong bối cảnh đất nước đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn học về giáo dục công dân, đạo đức, pháp luật và kinh tế trong hệ thống giáo dục phổ thông đóng vai trò hết sức quan trọng. Ngành Sư phạm Giáo dục công dân có ý nghĩa to lớn trên nhiều phương diện:

** Đối với sự phát triển giáo dục và đào tạo*

- Ngành đào tạo Giáo dục công dân (GD CD) đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Sự đổi mới này được thể hiện qua việc cung cấp đội ngũ giáo viên có năng lực triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT. Đội ngũ giáo viên được đào tạo không chỉ đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, mà còn tích hợp được giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống trong các môn học một cách hiệu quả.

- Ngành đào tạo GD CD cũng đóng góp quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục thông qua đào tạo đội ngũ giáo viên có chuyên môn vững vàng và phương pháp sư phạm hiện đại. Các giáo viên này sẽ góp phần phát triển năng lực tư duy độc lập, sáng tạo cho học sinh, đồng thời trang bị cho các em những kỹ năng sống và giá trị sống tích cực. Họ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, nhân văn trong nhà trường.

- Trong xu thế hội nhập quốc tế, ngành GD CD góp phần thực hiện mục tiêu hội nhập trong giáo dục thông qua việc tiếp cận các xu hướng giáo dục

tiên tiến của thế giới. Điều này được thể hiện qua việc vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục hiện đại, kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị toàn cầu, đồng thời tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế trong đào tạo giáo viên.

** Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội*

Trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, ngành GD&ĐT đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các khía cạnh chính sau:

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Ngành GD&ĐT có đóng góp to lớn trong việc xây dựng nền tảng nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước thông qua việc giáo dục kiến thức và kỹ năng thiết yếu cho thế hệ trẻ. Đặc biệt, ngành góp phần hình thành và phát triển tư duy kinh tế, ý thức pháp luật và các kỹ năng công dân cần thiết cho học sinh ngay từ độ tuổi học đường. Việc trang bị sớm những kiến thức về kinh tế thị trường, các nguyên tắc quản lý tài chính cá nhân, và hiểu biết về hệ thống pháp luật sẽ giúp học sinh hình thành nền tảng vững chắc để trở thành những công dân có năng lực và có trách nhiệm trong tương lai. Đồng thời, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực thích ứng của người học với nền kinh tế số. Thông qua các hoạt động giáo dục, học sinh được trang bị tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng thích ứng với sự thay đổi, và tinh thần khởi nghiệp - những yếu tố then chốt quyết định sự thành công trong kỷ nguyên số. Ngành cũng chú trọng bồi dưỡng các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện - những năng lực thiết yếu cho công dân trong thế kỷ XXI.

- Thúc đẩy phát triển văn hóa - xã hội bền vững: Ngành có đóng góp quan trọng trong việc xây dựng xã hội học tập và nâng cao dân trí thông qua việc giáo dục toàn diện các giá trị văn hóa, đạo đức và lối sống cho thế hệ trẻ. Đội ngũ giáo viên được đào tạo không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn là những người trực tiếp góp phần định hình nhân cách, bồi đắp tâm hồn và nuôi dưỡng những giá trị tốt đẹp cho học sinh.

Trong xu thế phát triển bền vững, ngành đóng vai trò tiên phong trong việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu cho thế hệ trẻ. Qua đó, ngành góp phần hình

thành những công dân có trách nhiệm với môi trường và có ý thức về phát triển bền vững. Đồng thời, thông qua việc giáo dục về bình đẳng giới, công bằng xã hội và tôn trọng sự đa dạng văn hóa, ngành góp phần xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

- Tăng cường dân chủ và pháp quyền xã hội chủ nghĩa: Ngành đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng và củng cố nền tảng dân chủ - pháp quyền cho đất nước thông qua việc giáo dục ý thức tôn trọng và thực thi pháp luật trong xã hội. Thông qua các hoạt động giáo dục, học sinh được trang bị hiểu biết sâu sắc về quyền và nghĩa vụ công dân, về các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, và về vai trò của mỗi cá nhân trong việc xây dựng xã hội dân chủ. Đặc biệt quan trọng, ngành có đóng góp tích cực trong việc phòng chống tham nhũng và tiêu cực xã hội thông qua việc giáo dục đạo đức, liêm chính và trách nhiệm công dân. Bằng việc hình thành ý thức tôn trọng pháp luật, đề cao công bằng và minh bạch trong các hoạt động xã hội, ngành góp phần xây dựng một thể hệ công dân có trách nhiệm, có ý thức đấu tranh chống tiêu cực và tích cực tham gia xây dựng xã hội văn minh, dân chủ.

Thông qua việc thực hiện các vai trò trên, ngành GD&ĐT không chỉ góp phần trực tiếp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai, đặc biệt là tại khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

** Đối với sự phát triển con người và văn hóa*

Ngành GD&ĐT có vai trò đặc biệt trong việc hình thành nhân cách và phát triển toàn diện cho thế hệ trẻ. Điều này được thực hiện thông qua giáo dục đạo đức, lối sống, phát triển kỹ năng sống, giáo dục kinh tế, pháp luật cùng với việc hình thành các năng lực cho học sinh. Quá trình giáo dục không chỉ bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn và thẩm mỹ mà còn giúp hình thành bản sắc cá nhân và khả năng tự hoàn thiện cho người học.

Về mặt ý thức công dân, ngành góp phần quan trọng trong việc giáo dục ý thức trách nhiệm công dân và phát triển tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ. Thông qua các hoạt động giáo dục, ngành giúp nâng cao ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội, đồng thời bồi dưỡng tinh thần, ý thức tự tôn dân tộc và tinh thần hội nhập quốc tế cho học sinh.

Trong lĩnh vực văn hóa, ngành đóng góp tích cực vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp. Song song

với đó, ngành cũng góp phần tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại và xây dựng văn hóa ứng xử trong môi trường số cho thế hệ trẻ.

** Đối với sự phát triển khoa học - công nghệ*

Trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục đang diễn ra mạnh mẽ, ngành GD&ĐT đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ trong lĩnh vực giáo dục. Ngành không chỉ góp phần đổi mới phương thức dạy học truyền thống mà còn tạo ra những thay đổi tích cực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục, thể hiện qua các khía cạnh sau:

Thứ nhất, về đổi mới sáng tạo trong giáo dục, ngành GD&ĐT tập trung đào tạo đội ngũ giáo viên có khả năng ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy. Đội ngũ giáo viên được đào tạo không chỉ thành thạo trong việc sử dụng các thiết bị và phần mềm dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu, phần mềm trình chiếu, các ứng dụng giáo dục, mà còn có khả năng thiết kế và phát triển các học liệu số chất lượng, xây dựng các bài giảng đa phương tiện tương tác, và tổ chức các hoạt động học tập trực tuyến hiệu quả. Đặc biệt, họ được trang bị những kỹ năng cần thiết để tận dụng các nền tảng học tập số, các công cụ đánh giá trực tuyến và các phương tiện dạy học hiện đại để tạo ra môi trường học tập hấp dẫn, tương tác và hiệu quả. Việc này không chỉ nâng cao chất lượng dạy học mà còn góp phần phát triển năng lực số cho học sinh - những công dân tương lai của xã hội số.

Thứ hai, về hoạt động nghiên cứu khoa học: ngành tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để đội ngũ giảng viên và sinh viên có thể thực hiện các nghiên cứu thiết thực trong lĩnh vực giáo dục công dân và đạo đức học. Thông qua các khóa tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ, giảng viên và sinh viên được trang bị những kỹ năng nghiên cứu cơ bản và cần thiết như: xây dựng đề cương nghiên cứu, thiết kế phiếu khảo sát và phỏng vấn, thu thập số liệu thực tế tại các trường phổ thông, và sử dụng các phần mềm thống kê thông dụng để xử lý số liệu nghiên cứu. Những kỹ năng này giúp họ có thể triển khai các nghiên cứu gắn liền với thực tiễn giảng dạy như: đánh giá hiệu quả của các phương pháp dạy học đang áp dụng tại trường phổ thông, tìm hiểu tác động của các hoạt động giáo dục đối với sự phát triển nhân cách học sinh, hay nghiên cứu đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục công dân trong điều kiện thực tế của từng địa phương.

Thứ ba, về khía cạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học: ngành đặc biệt quan tâm đến việc trang bị cho giảng viên và sinh viên những kỹ năng thiết yếu để có thể ứng dụng công nghệ một cách hiệu quả trong hoạt động giảng dạy thực tế. Thông qua các học phần về công nghệ dạy học, người học được rèn luyện các kỹ năng như: sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn phòng để xây dựng giáo án và bài giảng điện tử, khai thác hiệu quả nguồn tài liệu dạy học trên Internet, vận dụng linh hoạt các phần mềm trình chiếu và công cụ dạy học trực tuyến phổ biến, thiết kế được các bài tập tương tác đơn giản và bài kiểm tra trực tuyến, cũng như có khả năng tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến cơ bản khi cần thiết.

Với những vai trò và ý nghĩa to lớn như trên, việc mở ngành đào tạo Giáo dục công dân tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên không chỉ là một bước đi chiến lược mà còn là sự đầu tư có tính định hướng tương lai. Ngành sẽ góp phần quan trọng vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy tiến bộ xã hội và đổi mới sáng tạo trong giáo dục, đặc biệt tại khu vực Trung du và miền núi phía Bắc - một địa bàn có ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển chung của đất nước.

2. Nhu cầu về nhân lực của ngành đào tạo

Kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo trình độ cử nhân Sư phạm Giáo dục công dân được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1. Kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo trình độ cử nhân Sư phạm Giáo dục công dân

STT	Địa phương/tỉnh	Nhu cầu nhân lực	Số lượng nhân sự cần tuyển dụng			
			01-05	06-10	11-20	20-50
1	Bắc Kạn	Giai đoạn 2025-2030	x			
		Giai đoạn 2030-2035				x
2	Điện Biên	Giai đoạn 2025-2030		x		
		Giai đoạn 2030-2035				x
3	Tuyên Quang	Giai đoạn 2025-2030			x	
		Giai đoạn 2030-2035				x
4	Thái Nguyên	Giai đoạn 2025-2030		x		
		Giai đoạn 2030-2035			x	

5	Sơn La	Giai đoạn 2025-2030		x		
		Giai đoạn 2030-2035				x
6	Cao Bằng	Giai đoạn 2025-2030			x	
		Giai đoạn 2030-2035				x
7	Quảng Ninh	Giai đoạn 2025-2030		x		
		Giai đoạn 2030-2035				x
8	Hòa Bình	Giai đoạn 2025-2030		x	x	
		Giai đoạn 2030-2035				
Tổng		Giai đoạn 2025-2030	5	40-50	55-70	
		Giai đoạn 2030-2035				115-130

Như vậy, có thể thấy, hầu hết các tỉnh được khảo sát đều có nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Giáo dục công dân. Trong 5 năm tới, mỗi tỉnh được khảo sát có nhu cầu đào tạo ít nhất từ 6-10 giáo viên GDCD. Do đó nếu tính cả 15 tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, nhu cầu đào tạo về giáo viên Giáo dục công dân là rất lớn.

Điều đó cho thấy, việc mở ngành đào tạo này tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên không chỉ đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên, mà còn góp phần quan trọng vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

3. Thực trạng của ngành đào tạo Giáo dục công dân

3.1. Thực trạng ngành đào tạo ở Việt Nam

Thông qua nghiên cứu thực tiễn quá trình phát triển và triển khai đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục công dân tại các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước, có thể đưa ra những luận cứ cơ bản sau đây:

Thứ nhất, về quy mô và phân bố các cơ sở đào tạo: Hiện nay, hệ thống các trường sư phạm trọng điểm trên cả nước đang triển khai đào tạo ngành này với quy mô và chất lượng ngày càng được nâng cao. Trong đó, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm TP.HCM là hai đơn vị đầu ngành, đã tiên phong trong việc đào tạo song song cả hai ngành Giáo dục công dân và Sư phạm Giáo dục chính trị với quy mô 60 - 80 sinh viên/ngành/năm. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tập trung đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục chính trị với quy mô ổn định khoảng 40-50 sinh viên/năm. Các trường đại học

sư phạm khu vực như Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng cũng đang phát triển mạnh mẽ công tác đào tạo với quy mô phù hợp, đáp ứng nhu cầu đặc thù của từng vùng miền.

Thứ hai, về định hướng phát triển chương trình đào tạo: Các trường sư phạm trọng điểm đang thể hiện rõ xu hướng phân tách chương trình đào tạo thành hai chuyên ngành riêng biệt: Giáo dục công dân và Giáo dục chính trị. Xu hướng này xuất phát từ ba yêu cầu khách quan của thực tiễn giáo dục: (1) Đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới 2018, trong đó phân định rõ các môn học Giáo dục công dân (ở cấp THCS) và Giáo dục kinh tế - pháp luật (ở cấp THPT); (2) Đảm bảo tính chuyên sâu trong đào tạo, giúp sinh viên có năng lực chuyên biệt đáp ứng yêu cầu giảng dạy từng môn học cụ thể; (3) Tạo điều kiện để người học có thể lựa chọn chuyên ngành phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Thứ ba, về đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo: Các cơ sở đào tạo đang thực hiện việc cập nhật và đổi mới toàn diện chương trình theo hướng tiếp cận năng lực và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông. Điều này được minh chứng qua những thay đổi cụ thể như: tăng cường các học phần về phương pháp dạy học hiện đại, đẩy mạnh hoạt động thực hành nghề nghiệp với nhiều hình thức đa dạng, tích hợp công nghệ thông tin một cách có hệ thống trong các môn học, tăng cường thời lượng thực tập tại trường phổ thông, và thắt chặt mối liên kết giữa cơ sở đào tạo với các trường phổ thông trong việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên.

Thứ tư, về năng lực đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên tại các cơ sở đào tạo đang được nâng cao cả về số lượng và chất lượng thông qua các giải pháp đồng bộ như: khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên nâng cao trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ; tăng cường tham gia nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; thường xuyên cập nhật kiến thức và phương pháp giảng dạy mới; tích cực tham gia các dự án đổi mới giáo dục; và tăng cường kết nối với các trường phổ thông để nắm bắt thực tiễn giáo dục.

Thứ năm, về điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo: Các trường sư phạm đã và đang được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chất lượng, bao gồm: hệ thống giảng đường được trang bị hiện đại, thư viện với nguồn tài liệu phong phú, phòng thực hành và phòng học chuyên môn đầy đủ thiết bị, các phần mềm và công cụ hỗ trợ dạy học tiên tiến, và hệ thống

công nghệ thông tin phục vụ dạy học trực tuyến đáp ứng xu thế chuyển đổi số trong giáo dục.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục công dân vẫn còn đối mặt với một số thách thức cần được giải quyết, như: một số cơ sở đào tạo còn chưa thực sự gắn kết chương trình với thực tiễn; số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tại một số trường còn hạn chế; năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều; cơ sở vật chất ở một số trường địa phương còn thiếu thốn; và sự liên kết giữa các cơ sở đào tạo chưa thực sự chặt chẽ để tạo thành mạng lưới đào tạo hiệu quả.

3.2. Thực trạng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, ngành Giáo dục công dân có lịch sử phát triển gắn liền với sự hình thành và phát triển của Khoa Giáo dục Chính trị, thể hiện qua các giai đoạn phát triển cụ thể:

Thứ nhất, về quá trình phát triển, Khoa được thành lập theo Quyết định số 156/QĐ-TCCB ngày 5 tháng 8 năm 1995 với tên gọi ban đầu là Khoa Giáo dục Chính trị và lý luận Mác - Lênin. Khoa đã bắt đầu tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 1997 với chuyên ngành đào tạo Cử nhân sư phạm Giáo dục công dân, đến năm 2010 đã chuyển đổi thành chương trình đào tạo Giáo dục chính trị.

Thứ hai, về năng lực đào tạo, Khoa hiện có đội ngũ giảng viên chất lượng cao bao gồm 21 giảng viên, trong đó có 11 tiến sĩ, 10 thạc sĩ (4 nghiên cứu sinh), đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục công dân. Đội ngũ giảng viên không chỉ có trình độ chuyên môn cao mà còn có kinh nghiệm thực tiễn trong dạy học và giáo dục học sinh.

Thứ ba, về cơ sở vật chất, Trường đã được đầu tư đồng bộ với hệ thống giảng đường được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ việc giảng dạy và học tập, phòng máy tính, thư viện với nguồn tài liệu phong phú, và phòng tư liệu khoa với đầy đủ các đầu sách phục vụ cho đào tạo sinh viên chuyên ngành Giáo dục công dân.

Thứ tư, về kinh nghiệm đào tạo, Khoa chuyên môn đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu trong quá trình đào tạo giáo viên nói chung và giáo viên Giáo dục công dân nói riêng. Điều này được thể hiện qua việc nhiều cựu sinh viên của Khoa đã thành công trong nghề nghiệp và đang đảm nhận các vị trí quan trọng trong ngành giáo dục tại các địa phương.

Thứ năm, về hợp tác và liên kết, Khoa chuyên môn đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục phổ thông trong khu vực và trong nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình thực tập, thực hành nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Như vậy, việc mở ngành Sư phạm Giáo dục công dân tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên là hoàn toàn khả thi và có tính cấp thiết. Trường không chỉ có đủ điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất và kinh nghiệm đào tạo, mà còn có lợi thế về vị trí địa lý và mối quan hệ với các địa phương trong khu vực để đảm bảo chất lượng đào tạo và cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4. Các căn cứ pháp lý khác cho việc mở ngành đào tạo Giáo dục công dân

Việc mở ngành đào tạo Sư phạm Giáo dục công dân tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên được xây dựng dựa trên hệ thống các văn bản pháp lý có tính hệ thống và đồng bộ, từ cấp vĩ mô đến các quy định cụ thể của ngành và địa phương. Cụ thể:

**** Các văn bản của Đảng và Nhà nước***

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ V/v phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung năm 2018

- Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục Giáo dục đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt

động của ngành đào tạo trình độ đại học đã cung cấp khung pháp lý cụ thể cho việc mở ngành mới.

- Thông tư số 16/2024/TT-BGDĐT ngày 20/11/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- * *Căn cứ từ các văn bản của Đại học Thái Nguyên và Trường*

- Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/1/2022 của Giám đốc ĐHTN về Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của đại học Thái Nguyên.

- Quyết định số 830/QĐ-ĐHSP ngày 14/4/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm về ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của trường đại học Sư phạm

- Nghị quyết số 81/NQ-HĐT ngày 18/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc bổ sung quy hoạch và mở mới ngành/chương trình đào tạo năm 2025, trong đó Hội đồng trường đã nhất trí với chủ trương mở mới ngành/chương trình đào tạo mới năm 2025 trong đó ngành đào tạo giáo viên Giáo dục công dân.

- Nghị quyết số 133-NQ/ĐU ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Đảng ủy trường ĐHSP về chủ trương bổ sung quy hoạch ngành/chương trình đào tạo và mở mới ngành/chương trình đào tạo mới năm 2025, trong đó có ngành đào tạo giáo viên Giáo dục công dân.

- * *Căn cứ từ nhu cầu thực tiễn của địa phương*

- Các văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh trong khu vực về nhu cầu đội ngũ giáo viên Giáo dục công dân cho giai đoạn 2025 - 2030 đã khẳng định sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo này.

- Kết quả khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực tại các cơ sở giáo dục trong khu vực cho thấy có nhu cầu lớn về giáo viên được đào tạo đúng chuyên ngành Giáo dục công dân. Đặc biệt là đội ngũ giáo viên cấp THCS. Đội ngũ giáo viên dạy môn GDCC cấp THCS ở nhiều địa phương không được đào tạo đúng chuyên ngành GDCC.

Với hệ thống các căn cứ pháp lý đồng bộ và toàn diện nêu trên, việc mở ngành đào tạo Sư phạm Giáo dục công dân tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nhu cầu thực tiễn của địa phương, góp phần quan trọng vào việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

II. Xác định nhu cầu xã hội

Đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục công dân được xem là yêu cầu cấp thiết đáp ứng nhu cầu của xã hội trong triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đây là ngành đào tạo ra thế hệ giáo viên có kiến thức chuyên môn đạt chuẩn, có đạo đức nhà giáo và đạo đức nghề nghiệp, có lập trường chính trị vững vàng, đảm bảo tốt các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục/dạy học môn Giáo dục công dân ở trung học cơ sở (THCS); môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trung học phổ thông (THPT) theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tuy nhiên, hiện nay, nguồn nhân lực giáo viên nói chung và giáo viên giảng dạy Giáo dục công dân vẫn còn thiếu nhiều. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, tình trạng thiếu giáo viên cục bộ vẫn còn tồn tại hầu hết các địa phương, nhất là giáo viên dạy các môn học mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, trong đó có môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật với sự thay đổi căn bản nhiều kiến thức về lĩnh vực kinh tế, pháp luật. Điều này gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học, giáo dục. Tính đến tháng 4/2024, cả nước còn thiếu 113.491 giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông. Do đó, việc mở ngành cử nhân sư phạm GD CD ở trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là điều hết cần thiết để đào tạo đội ngũ giáo viên GD CD có chất lượng phục vụ tốt sự nghiệp đổi mới giáo dục, đặc biệt là ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Trên thực tế, cơ cấu đội ngũ nhà giáo còn mất cân đối giữa các môn học trong cùng một cấp học, giữa các vùng miền có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau; chỉ tiêu phân bổ giáo viên cho các địa phương đa số thấp hơn so với nhu cầu thực tế. Tỷ lệ giáo viên/lớp ở các cấp học đều thấp hơn định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xuất phát từ thực trạng này, có thể thấy nhu cầu về chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm GD CD hiện nay là cần thiết xét từ nhu cầu xã hội trên bình diện cung - cầu. Đồng thời, qua tìm hiểu thực trạng và xu hướng đào tạo cử nhân sư phạm GD CD trong và ngoài nước cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội đất nước, có thể khẳng định phát triển ngành học này tại trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên vào thời điểm hiện tại là phù hợp với sứ mạng, mục tiêu chiến lược và năng lực của Nhà trường.

Đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục công dân còn đảm bảo cung ứng cho xã hội lực lượng nhân lực làm công tác nghiên cứu, chuyên viên tại viện nghiên cứu giáo dục, các cơ sở giáo dục và các cơ quan ban, ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội thuộc hệ thống chính trị các cấp, đặc biệt là các vị trí việc làm liên quan đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng ở các cơ quan, đơn vị thuộc các địa phương cũng đang rất cần nhân lực đảm trách nhiệm vụ quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. ***Vì vậy, việc mở ngành đào tạo cử nhân sư phạm GD CD ở trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là cần thiết để thu hút sinh viên theo học và có cơ hội việc làm rộng mở sau khi ra trường, đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội ở các địa phương.***

III. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt Nam

**** Thế giới:***

Giáo dục công dân (GD CD) là môn học thiết yếu được giảng dạy ở nhiều quốc gia trên thế giới. Các quốc gia tiên tiến đều hướng tới xây dựng nền giáo dục hiện đại, phát triển toàn diện cho người học.

Chương trình GD CD ở Anh và Pháp. Xây dựng chương trình môn học GD CD ở nước Anh không đơn thuần chỉ là đáp ứng yêu cầu nội tại của trường học mà còn phục vụ cho việc đào tạo người công dân trong một xã hội dân chủ, đa sắc tộc, người công dân có tri thức, năng lực để đóng góp công sức của mình trong nhà trường, cộng đồng, xã hội. Các thành tố của GD CD bao gồm: 1/ Trách nhiệm xã hội và đạo đức; 2/ Sự tham gia của cộng đồng; 3/ Hiểu biết chính trị: “HS học tập và làm thế nào để trở thành công dân tích cực trong cuộc sống thông qua tri thức, kỹ năng và giá trị”. Mục tiêu chính của GD CD là tạo ra sự thay đổi văn hoá, chính trị của đất nước cả ở cấp quốc gia và địa phương để mọi người tự nghĩ về mình như là những công dân tích cực, sẵn sàng, có khả năng và trang bị những tố chất cần thiết tạo ảnh hưởng trong đời sống xã hội với các năng lực quan trọng để suy nghĩ, cân nhắc và hành động. GD CD là một bộ phận của môn học về giáo dục cá nhân, xã hội và giáo dục sức khoẻ (PSHE) ở cấp Tiểu học đối với HS từ 5 đến 11 tuổi và là một môn học riêng biệt ở cấp Trung học cho HS từ 11 đến 16 tuổi. Chương trình quốc gia của môn GD CD có ba yếu tố tương quan, đó là: 1/ Kiến thức và hiểu biết về việc trở thành công dân kì vọng; 2/ Phát triển kỹ năng điều tra và tiếp cận; 3/ Phát triển kỹ năng tham gia và hành động có trách nhiệm. Chương trình môn GD CD ở Anh được chia ra thành 8 cấp độ tương ứng với từng giai đoạn phát triển nhận thức của học sinh từ 5 – 16 tuổi. Với việc xây dựng chuẩn đầu ra dựa trên 8 mức độ là một bài học tốt, đáng tham khảo cho việc xây dựng chương trình GD CD mới ở Việt Nam.

Chương trình GD CD ở Đức. Đức là quốc gia chú trọng đặc biệt tới dạy học GD CD cho học sinh. Ở Đức, giáo dục công dân là môn học được xây dựng nhằm giáo dục trẻ em, từ thời thơ ấu, trở thành những công dân sáng suốt và giác ngộ, những người tham gia vào các quyết định liên quan đến xã hội. Giáo dục cho công dân có trách nhiệm có kiến thức về vai trò của họ trong cộng đồng, đất nước và thế giới của họ; có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động làm cho thế giới của họ trở nên tốt đẹp hơn; có trách nhiệm là những tác nhân thay đổi hành động chống lại bất công về xã hội, kinh tế và môi trường. Ngoài ra, thông qua việc giảng dạy bằng các trò chơi, các hoạt động trải nghiệm, chương trình môn GD CD sẽ hình thành và phát triển các kỹ năng mềm, khả năng kiểm soát bản thân, tính độc lập và trách nhiệm xã hội đối với tất cả học sinh.

Chương trình GD CD ở Canada. Ở Canada, GD CD được hiểu là môn học giáo dục con người từ cấp độ tiểu học đến hết trung học phổ thông. Giáo dục hướng tới phát triển những con người có “bản sắc”, có nhận thức về chính trị và vai trò của mình đối với xã hội. Tùy theo độ tuổi mà chương trình học được phân bổ với các thành phần nội dung khác nhau. Thông thường, nó sẽ được tích hợp với các nội dung về lịch sử - địa lý, văn hóa, chính trị và các vấn đề về môi trường. Giáo dục về quyền công dân gắn với việc giáo dục đạo đức và trách nhiệm xã hội của công dân, thông qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm và xử lý các tình huống phát sinh.

Chương trình GD CD ở EU. Ở Liên minh châu Âu, GD CD là chương trình dạy học được đặc biệt chú trọng. Ở hầu hết các quốc gia thuộc EU, GD CD được coi là nguyên tắc chi phối mục tiêu của chương trình dạy học ở tất cả các cơ sở đào tạo cụ thể cho giáo dục bắt buộc ở cả ba cấp giáo dục phổ thông. Ở cấp tiểu học, GD CD được giảng dạy theo chủ đề liên môn. Ở cấp trung học, GD CD là môn học bắt buộc, có sự tích hợp với các nội dung kiến thức môn lịch sử, khoa học xã hội, địa lý, giáo

dục tôn giáo, đạo đức, triết học và chính trị học. Mục tiêu của GDCCD là giáo dục quyền con người, gắn với hình thành tư duy chính trị, phát triển tư duy chính trị và trách nhiệm xã hội của công dân. Cách thức dạy học chủ yếu thông qua các hoạt động trải nghiệm, cho phép học sinh tham gia và đời sống của trường học và cộng đồng địa phương nhằm hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề thực tiễn về chính trị, văn hóa và trách nhiệm xã hội.

Chương trình GDCCD ở Cộng hòa Séc. GDCCD được đưa vào đào tạo với tư cách là một chương trình đào tạo và có khoa đào tạo tại một số trường đại học của Cộng hòa Séc như đại học Ostrava. Khoa đào tạo chương trình Cử nhân Giáo dục Công dân 3 năm tập trung vào Giảng dạy/Giáo dục và chương trình đào tạo giáo viên Thạc sĩ 2 năm dành cho giáo viên Giáo dục Công dân ở bậc trung học cơ sở trong tương lai. Cả hai chương trình đều có thể học toàn thời gian hoặc bán thời gian. Sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc trong hệ thống giáo dục. Hầu hết các khóa học (bài giảng và hội thảo) tập trung vào lý thuyết, cung cấp kiến thức cơ bản trong từng ngành khoa học xã hội tạo thành nền tảng cho chuyên môn về giáo dục công dân: bao gồm triết học, nghiên cứu tôn giáo, khoa học chính trị, xã hội học, lịch sử, kinh tế, luật, đạo đức và giáo dục liên văn hóa. Sinh viên cũng có thể chọn các khóa học tùy chọn cho phép họ chuyên sâu vào các lĩnh vực cụ thể - chẳng hạn như giáo dục môi trường và toàn cầu, lịch sử nghệ thuật và quản lý di sản văn hóa, giáo dục nhạy cảm về giới, địa lý chính trị và văn hóa, thẩm mỹ và các vấn đề liên quan đến các nhóm dân tộc thiểu số. Sinh viên tham gia vào các vị trí giảng dạy thực tế (cả ngày giảng dạy thông thường và khối hai tuần) tại các trường tiểu học, THCS và THPT. Sau khi bảo vệ luận văn Cử nhân và vượt qua kỳ thi cuối kỳ của tiểu bang, sinh viên sẽ được trao bằng Cử nhân.

Như vậy, nghiên cứu và tham khảo chương trình môn GDCCD ở một số nước tiên tiến trên thế giới có thể thấy:

GDCCD là môn học quan trọng có mục đích là giáo dục con người một cách toàn diện từ nhận thức về xã hội, hoàn thiện nhân cách, đạo đức đến hình thành và phát triển quyền công dân.

GDCCD là môn học chuyên biệt nhưng có sự tích hợp với các môn về khoa học xã hội và khoa học chính trị. Quyền con người gắn với việc hình thành và phát triển tư duy chính trị, phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong phát triển cộng đồng chung.

GDCCD được đưa vào giảng dạy cho tất cả các cấp học ở phổ thông, dành cho các học sinh từ 5 – 18 tuổi. Cách thức giảng dạy chủ yếu thông qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thực tế, học sinh được tham gia trực tiếp vào cuộc sống cộng đồng và tự xử lý các tình huống phát sinh.

Bảng 2: Danh mục cơ sở đào tạo nước ngoài đang đào tạo ngành Giáo dục công dân

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1	Cộng hòa Séc	University of Ostrava	Khoa đào tạo chương trình Cử nhân Giáo dục Công dân 3 năm, tập trung vào Giảng	Cử nhân	https://www.osu.cz/

			dạy lý thuyết, cung cấp kiến thức cơ bản trong từng ngành khoa học xã hội tạo thành nền tảng cho chuyên môn về giáo dục công dân. Sau khi tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân.		o-univerzite/
2	Anh và Pháp	University School of the Lowcountry	Mục tiêu chính của GDCCD là tạo ra sự thay đổi văn hoá, chính trị của đất nước cả ở cấp quốc gia và địa phương để mọi người tự nghĩ về mình như là những công dân tích cực, sẵn sàng, có khả năng và trang bị những tố chất cần thiết tạo ảnh hưởng trong đời sống xã hội với các năng lực quan trọng để suy nghĩ, cân nhắc và hành động.	Cử nhân	https://uslowcountry.org/academics/signature-programs/civic-education/ https://www.study-smarter.co.uk/explanations/french/french-social-issues/french-civic-education
3	EU	Civis-A European Civic University	Mục tiêu của GDCCD là giáo dục quyền con người, gắn với hình thành tư duy chính trị, phát triển tư duy chính trị và trách nhiệm xã hội của công dân	Cử nhân	https://civis.eu/en

*** Việt Nam:**

Trong hệ thống đào tạo của các trường đại học ở Việt Nam, ngành Giáo dục công dân đóng vai trò rất quan trọng, nó được xem là ngành trọng điểm, trở thành mục tiêu hàng đầu cần được quan tâm. Bởi Giáo dục công dân là môn khoa học xã hội có vị trí rất quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Môn học cung cấp cho học sinh hệ thống tri thức toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật.... Môn học này góp phần hình thành nhân cách, phẩm chất, năng lực cho học sinh; hình thành và phát triển phương pháp suy nghĩ và hành động giúp học sinh trở thành con người có tri thức, phát triển hoàn thiện các mặt: Đức, Trí, Thể, Mĩ; trực tiếp hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức tư tưởng cho học sinh về thế giới quan và nhân sinh quan khoa học; hình thành niềm tin, lý tưởng và ý thức pháp luật cho thế hệ công dân tương lai của đất nước.

Giáo dục công dân giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho học sinh ý thức và hành vi của người con người. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, Giáo dục công dân góp phần bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu

và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kỹ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, ngành giáo dục luôn chú trọng việc giảng dạy môn học này trong cấp THCS và THPT.

Mục tiêu đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Công dân: có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, có kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên sâu về ngành giáo dục công dân, đồng thời có kỹ năng sư phạm nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục phổ thông và tự tin làm việc tại các tổ chức xã hội – chính trị, cơ quan nghiên cứu.

Chương trình đào tạo của ngành học GD CD ở các trường đại học đều được xây dựng trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Đối với chương trình đào tạo Ngành Giáo dục công dân, sinh viên sẽ được đáp ứng đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục môn giáo dục công dân ở trường THCS, THPT.

Sinh viên theo học chuyên ngành này sẽ được đào tạo khối kiến thức đại cương, kiến thức chuyên sâu, kiến thức nghiệp vụ sư phạm như: kiến thức về các lĩnh vực chính trị, xã hội, giáo dục kinh tế, pháp luật, đạo đức, tâm lý, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá... Đồng thời, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm để xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình giảng dạy, kỹ năng giao tiếp, phán đoán, đánh giá tâm lý của học sinh...

Hiện nay, chuyên ngành GD CD đã và đang được nhiều trường đại học đào tạo như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội II, Đại học Thủ Đô, Đại học Cần Thơ, Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.... Tỷ lệ tuyển sinh hằng năm cho chuyên ngành này ở mỗi trường từ 50 cho đến 200 sinh viên. Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường về cơ bản đều đã làm đúng ngành nghề đào tạo là giáo viên dạy môn GD CD ở bậc THCS và THPT.

Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy, hiện nay các trường vẫn đang thiếu giáo viên dạy môn GD CD được đào tạo đúng chuyên ngành ở cả bậc THCS và THPT. Nhu cầu tuyển dụng đối với giáo viên ngành này ở Việt Nam nói chung và các tỉnh miền núi phía Bắc là rất lớn. Do đó, việc mở thêm mã ngành đào tạo chuyên ngành GD CD của trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là cần thiết.

Để xây dựng ngành GD CD, chúng tôi đã tham khảo chương trình đào tạo của các trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội II, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Qua nghiên cứu, đánh giá cho thấy các chương trình xây dựng đều đảm bảo các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Trong mỗi khối ngành đều có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Số lượng tín chỉ cho các học phần là cơ bản phù hợp. Tổng số tín chỉ mỗi chương trình đào tạo từ 120 – 135 tín chỉ, phù hợp với yêu cầu của một chương trình đào tạo cử nhân đại học. Các học phần được xây dựng đều đáp ứng yêu cầu mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Dưới đây là 5 chương trình đào tạo ngành GD CD mà chúng tôi đã tham khảo của các trường Đại học uy tín trong cả nước.

Bảng 3: Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành Giáo dục công dân

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
2	Việt Nam	ĐHSP Hà Nội 2	Đào tạo cử nhân khoa học ngành Giáo dục công dân giảng dạy tốt môn Giáo dục công dân ở các trường Trung học phổ thông, có thể trở thành giảng viên các môn khoa học Mác-Lênin, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, các trường chính trị ở địa phương, giáo viên chính trị ở các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, cán bộ trong các lĩnh vực chính trị - xã hội.	Cử nhân GD CD	https://politics.hpu2.edu.vn/public/fileupload/source
3	Việt Nam	ĐHSP–Đại học Đà Nẵng	Đây là ngành đào tạo ra thể hệ giáo viên có kiến thức chuyên môn tốt, có đạo đức nhà giáo chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp tốt, có lập trường chính trị vững vàng, đảm bảo dạy tốt môn Giáo dục công dân ở trung học cơ sở (THCS) và môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trung học phổ thông (THPT); làm công tác nghiên cứu, chuyên viên tại viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các cơ quan ban, ngành, các tổ chức đoàn thể thuộc hệ thống chính trị các cấp. Đào tạo giáo viên Giáo dục công dân đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.	Cử nhân GD CD	https://daotao.ued.udn.vn/wpcontent/uploads/2024/08/316SCD.pdf
4	Việt Nam	ĐH Cần Thơ	CTĐT cử nhân đại học ngành GD CD với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức; có năng lực sư phạm, khả năng tự học và nghiên cứu khoa học, có kiến thức chuyên sâu về xã hội, kinh tế, pháp luật và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam; có năng lực tự chủ và trách nhiệm. Người học có năng lực làm việc trong các lĩnh vực như	Cử nhân GD CD	https://www.ctu.edu.vn/ctdt/k50/047140204_GiaoDucCongDan.pdf

			dạy học môn GDKT&PL ở trường THPT; dạy học môn GD CD ở trường THCS. Ngoài ra người học còn có năng lực làm việc ở các trường trung cấp, cao đẳng; các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức đoàn thể; các cơ quan tạp chí chuyên ngành.		
5	Việt Nam	ĐHSP TPHCM	Đào tạo người giáo viên dạy môn Giáo dục công dân có phẩm chất trách nhiệm của người công dân, đạo đức nhà giáo trong sáng; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, thực hiện có hiệu quả công tác giảng dạy ở các cơ sở đào tạo theo vị trí việc làm được xác định.	Cử nhân GD CD	https://drive.google.com/file/d/1DetvcxCYNOvIHmCyS4MzxnpkYUOUUAq6/view

Chương trình đào tạo của trường đại học có uy tín ở nước ngoài được sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị: Chương trình Giáo dục công dân của trường Đại học Ostrava, Cộng hòa Séc.

IV. Chuẩn đầu vào và tuyển sinh

- 4.1. Chuẩn đầu vào: Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT
- 4.2. Đối tượng dự thi: Theo Thông tư hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non
- 4.3. Tổ hợp môn xét tuyển: Văn - Sử - GDKT&PL; Văn - Địa - GDKT&PL; Văn – Toán – GDKT&PL
- 4.4. Kế hoạch tuyển sinh: Theo kế hoạch chung của Trường ĐHSP-ĐHTN

V. Điều kiện tổ chức đào tạo của đơn vị liên quan đến ngành đào tạo

5.1. Đội ngũ cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình:

- Số giảng viên cơ hữu: 21
- Giảng viên thỉnh giảng: 0
- Giáo sư, phó giáo sư: 0
- Tiến sĩ: 11
- Thạc sĩ: 10
- Cử nhân: 0

5.2. Cơ sở vật chất:

- * Phòng học, trang thiết bị

Trường Đại học Sư phạm đã có sẵn cơ sở vật chất đáp ứng cho hoạt động giảng dạy và học tập của các ngành đào tạo. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên là một trong các trường đại học sư phạm thụ hưởng dự án ETEP. Vì vậy, hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu đều mới được sửa chữa, nâng cấp.

Bảng 4. Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	06	3962
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	05	636
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	96	6455
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	43	2192
5	Số phòng học đa phương tiện	02	128
6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	87	2399

Nơi làm việc của Khoa Giáo dục chính trị sử được bố trí ở tầng 4 tòa nhà A4 của Trường Đại học Sư phạm. Cụ thể khoa có 01 phòng dành cho Ban chủ nhiệm khoa, 01 phòng dành cho GV cao cấp và TS phục vụ nghiên cứu chuyên môn, 01 phòng văn phòng khoa, 2 phòng bộ môn để kết hợp trao đổi, tư vấn học tập cho sinh viên; phòng tư liệu khoa để sinh viên lên nghiên cứu tài liệu, 01 phòng để đồ dùng giảng dạy và học tập; mỗi phòng có diện tích khoảng 30 m². Như vậy, tổng diện tích phòng làm việc cả Khoa được sử dụng phục vụ cho công tác đào tạo khoảng trên 200 m², được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, tủ tư liệu... Các trang thiết bị và phòng làm việc là phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường, đáp ứng cơ sở vật chất tốt nhất cho giảng viên, cán bộ có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Diện tích phòng học của ngành Giáo dục công dân là một phần diện tích phòng học chung của toàn trường đã có sẵn với đủ phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Toàn trường có 06 giảng đường với tổng diện tích 18656 m², 01 nhà học đa dụng 1.000 chỗ ngồi, 1 phòng học 350 chỗ ngồi. Tổng số 125 phòng học phục vụ các ngành đào tạo, trong đó có: 07 phòng học lớn từ 100 đến 200 chỗ ngồi, 101 phòng học từ 50 đến 100 chỗ ngồi, 14 phòng học dưới 50 chỗ ngồi. Cụ thể, Khoa Giáo dục Chính trị được sắp xếp học ở các giảng đường B1, B2, B4 những phòng này được trang bị đầy đủ bàn, ghế, máy chiếu, có hệ thống ánh sáng đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Trung tâm Phát triển kỹ năng sư phạm đã được đưa vào sử dụng, với quy mô 7 tầng, diện tích sàn xây dựng 3.050 m² có đầy đủ trang thiết bị hiện đại, bao gồm cả phòng máy tính, phòng học trực tuyến có thể kết nối với một số trường trung học phổ thông, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Bảng 2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành của chương trình đào tạo Giáo dục công dân

TT	Tên thiết bị	Nước sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1	Phòng máy tính kết nối Internet	Trung Quốc	20	Các học phần
2	Hệ thống máy tính	Việt Nam		Các học phần
3	Máy in	Trung Quốc	100	Các học phần

4	Máy Photocopy	Nhật Bản	50	Các học phần
5	Máy chiếu đa vật thể	Trung Quốc	10	Các học phần
6	Máy ảnh kỹ thuật số	Nhật Bản	30	Các học phần
7	Máy chiếu Overhead	Nhật Bản	50	Các học phần
8	Máy chiếu Projector	Trung Quốc	200	Các học phần
9	Máy quay Camera kỹ thuật số	Nhật Bản	10	Các học phần
10	Phòng đa phương tiện	Nhật Bản	10	Các học phần

* Hệ thống thư viện, sách tham khảo: Trường Đại học Sư phạm có hệ thống thư viện với nhiều đầu sách phục vụ cho các môn chung và các môn học chuyên ngành. Tài liệu tham khảo liên quan đến ngành Sư phạm Giáo dục công dân của nhà trường khá phong phú và cập nhật. Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch bổ sung các đầu sách theo yêu cầu chuyên môn của các chuyên ngành khi tổ chức đào tạo.

Bảng 3. Thư viện

TT	Thư viện	Diện tích thư viện (m2)	Diện tích phòng đọc (m2)	Số chỗ ngồi	Số lượng máy tính tra cứu	Số đầu sách (giáo trình, tham khảo)/ số bản	Phần mềm quản lí thư viện
1	Trung tâm học liệu ĐHTN	>10.000	100m	1000	400	50000	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2	Thư viện Trường	2.934		> 300	100	13.394/276.382	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.1	Tổng số đầu/nhan đề sách, giáo trình bản in có trong Thư viện **	2.934		> 300	100	10.328 đầu	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.2	Số đầu/ nhan đề sách, giáo trình bản in của CTĐT có trong Thư viện **	2.934		> 300	100	1.220 đầu	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.3	Tổng số bản/giáo trình bản in có thể mượn trực tiếp tại Thư viện **	2.934		> 300	100	114.893 cuốn	Các Module: Biên mục, tra cứu,

							lưu thông...
2.4	Tổng số bản/giáo trình bản in của CTĐT có thể mượn trực tiếp tại Thư viện **	2.934		> 300	100	12.283 cuốn	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.5	Tổng số đầu sách điện tử (học liệu số truy cập trực tuyến)**	2.934		> 300	100	1.896	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.6	Sách điện tử (E_book)	2.934		> 300	100	52.074	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.7	Tổng số đầu sách điện tử của CTĐT (học liệu số truy cập trực tuyến)**	2.934		> 300	100	45	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.8	Số lượng bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học của cơ sở giáo dục	2.934		> 300	100	04	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.9	Số lượng bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học của CTĐT	2.934		> 300	100	04	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.10	Số lượng bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học của cơ sở giáo dục	2.934		> 300	100	01	Các Module: Biên mục, tra cứu, lưu thông...
2.11	Số lượng bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp	2.934		> 300	100	01	Các Module: Biên mục,

	chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo						tra cứu, lưu thông...
3	Phòng tư liệu khoa	40m	30m	30 chỗ	2	>2000 cuốn	Danh mục sách

5.3. Các hợp tác, liên kết về đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan: hàng năm khoa hợp tác với các giảng viên, giáo viên ở các cơ sở giáo dục như giáo viên các trường phổ thông trong tỉnh Thái Nguyên; giảng viên các trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Học viện Kỹ thuật Quân sự; Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – ĐHQG Hà Nội... để tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học.

VI. Chương trình đào tạo

6.1. Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh): Giáo dục công dân – Civic Education

6.2. Tên chương trình đào tạo: Giáo dục công dân

6.3. Hệ đào tạo: Đại học

6.4. Danh hiệu tốt nghiệp (kỹ sư, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ): Cử nhân sư phạm GD&ĐT

6.5. Thời gian đào tạo: 4 - 6 năm

6.6. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

6.7. Đơn vị đào tạo: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

6.8. Mục tiêu đào tạo

6.8.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc để phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế, phát triển KT - XH của cả nước, đặc biệt là khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Có đủ kiến thức và năng lực để dạy học môn Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường trung học.

6.8.2. Mục tiêu cụ thể

• Kiến thức

PO1. Có kiến thức toàn diện về lý luận chính trị, khoa học giáo dục và kiến thức cơ bản về lĩnh vực giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kinh tế và pháp luật để vận dụng trong hoạt động thực tiễn của bản thân và tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục công dân ở trường phổ thông.

• Kỹ năng

PO2. Có kỹ năng thực hành, giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục công dân, thích nghi với môi trường làm việc, khởi nghiệp.

PO3. Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, khai thác và sử dụng được công nghệ thông tin, tiếng Anh trong tự học, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục công dân

• **Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

PO4. Có năng lực để học tập suốt đời và tiếp tục học ở các bậc học cao hơn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông, nơi công tác liên quan đến nghiên cứu và giảng dạy.

PO5. Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

6.9. Chuẩn đầu vào

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT

6.10. Chuẩn đầu ra

6.10.1. Về kiến thức

** Kiến thức chung:*

PLO1: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

PLO2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

** Kiến thức chuyên môn:*

PLO3: Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế, pháp luật, đạo đức, kỹ năng sống.

PLO4: Vận dụng được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế, pháp luật, đạo đức, kỹ năng sống và các kiến thức khoa học xã hội vào dạy học môn GD&CD và tổ chức các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

PLO5: Hiểu được các kiến thức về chương trình giáo dục phổ thông, chương trình môn GD&CD; phương pháp dạy học, giáo dục Đạo đức, Giáo dục Công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

6.10.2. Về kỹ năng

** Kỹ năng chung*

PLO6: Tổ chức thực hiện được hoạt động dạy học, giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp, đổi mới sáng tạo cho học sinh ở trường phổ thông.

PLO7: Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học và đáp ứng các yêu cầu khác của thực tiễn nghề nghiệp.

PLO8: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

** Kỹ năng chuyên môn:*

PLO9: Lập kế hoạch, tổ chức được các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục môn GDCC để phát triển năng lực học sinh.

PLO10: Sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá để tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục môn GDCC phát triển năng lực học sinh.

PLO11: Vận dụng được các kiến thức đã học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo.

PLO12: Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác; nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục công dân; phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

6.10.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Tạo dựng được văn hoá và thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO14: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, học tập suốt đời, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để khởi nghiệp, phát triển và đổi mới sáng tạo.

6.10.4. Định hướng nghề nghiệp

- Giáo viên dạy môn Giáo dục công dân ở các trường Trung học cơ sở;
- Giáo viên dạy môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường THPT; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có môn học gắn với môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật
- Cán bộ chuyên môn của các phòng Giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Chuyên viên các cơ quan quản lý Nhà nước, đoàn thể và tổ chức xã hội: Ban Tuyên giáo, Ban Dân tộc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Huyện đoàn, Tỉnh đoàn...
- Giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị, môn Lý luận và phương pháp dạy học Lý luận chính trị ở các trường cao đẳng, đại học, học viện... sau khi học lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

6.11. Nội dung đào tạo

6.11.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ

- Khối kiến thức chung (kiến thức giáo dục đại cương): 26 tín chỉ
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (kiến thức cơ sở): 24 tín chỉ

- Khối kiến thức chung của nhóm ngành (kiến thức chuyên ngành): 33 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ (kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 41 tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 6 tín chỉ

6.11.2. Khung chương trình đào tạo

T T	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ lên lớp					HP tiên quyết	HP học trước
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận	Thực tế CM		
1. Kiến thức giáo dục đại cương			26							
1	60SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	42	12	10	14			
2	60SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	32	10	6	10			60SPH131
3	60SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			60SPE121
4	60HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			60SSO121
5	60HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	32	8	8	10			60HCM121
6	60GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6			
7	60ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5			
8	60ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			60ENG131
9	60ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			60ENG132
10	60GIF131	Tin học đại cương	3	12	6	40	4			
11	60PHE111	Giáo dục thể chất 1		4		36				
12	60PHE112	Giáo dục thể chất 2		4		36				
13	60PHE113	Giáo dục thể chất 3		4		36				
14	60MIE131	Giáo dục quốc phòng	05 tuần tập trung							

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
2.1. Kiến thức cơ sở			24							
Các học phần bắt buộc			21							
15	60AED231	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	3	32	10	6	10			
16	60LOG231	Lô gic học	3	32	10	6	10			
17	60CUL231	Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam	3	32	10	6	10			
18	60EDE231	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	3	32	8	8	10			
19	60FEC231	Kinh tế học đại cương	3	32	10	6	10			
20	60LSE231	Giáo dục kỹ năng sống	3	32	10	10	6			
21	60IAE231	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10			
Các học phần tự chọn			3							
22	60MCM231	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3	32	10	6	10			
23	60HFV231	Đại cương lịch sử Việt Nam	3	32	10	6	10			
24	60HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	32	10	6	10			
25	60SCI231	Xã hội học	3	32	8	8	10			
26	60PBM231	Lịch sử triết học	3	32	10	6	10			
2.2. Kiến thức chuyên ngành			33							
Các học phần bắt buộc			30							
27	60EDL331	Giáo dục pháp luật 1	3	32	8	8	10			
28	60EDL332	Giáo dục pháp luật 2	3	32	8	8	10			
29	60ECE331	Giáo dục kinh tế 1	3	32	10	6	10			

30	60ECE332	Giáo dục kinh tế 2	3	32	10	6	10			
31	60TLH331	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3	32	10	6	10			
32	60HET331	Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh	3	32	10	6	10			
33	60MOP331	Những vấn đề của thời đại ngày nay	3	32	10	6	10			
34	60CPR331	Hiến pháp và định chế chính trị	3	32	10	6	10			
35	60AIC331	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học GD CD	3	32	5	16	5			
36	60SME331	Phương pháp nghiên cứu khoa học GD CD, GD CT	3	32	8	8	10			
Các học phần tự chọn			3							
37	60TGC331	Chuyên đề bình đẳng giới và quyền trẻ em	3	32	10	6	10			
38	60TER331	Chuyên đề dân tộc và tôn giáo	3	32	8	8	10			
39	60ACS331	Công tác Đảng và Đoàn thể ở trường phổ thông	3	32	8	8	10			
40	60RPE331	Thực tế chuyên ngành GD CD	3					45		
41	60VSL331	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	3	32	8	8	10			
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			41							
Các học phần bắt buộc			38							
42	60EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8			
43	60PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			

44	60COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			
45	60TMC431	Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân	3	32	10	6	10			
46	60DTE431	Phát triển chương trình giáo dục công dân	3	32	8	8	10			
47	60MCS431	Phương pháp dạy học GD CD 1	3	30	8	14	8			60TMC431
48	60MCS432	Phương pháp dạy học GD CD 2	3	30	5	12	5	8		60TMC431
49	60CTE431	Kiểm tra đánh giá trong dạy học GD CD	3	32	8	10	8			
50	60PSR431	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	3	20	15	20	15			60MCS431 60MCS432
51	60PEH431	Thực hành sư phạm GD KT & PL	3	30	5	20	5			60MCS432
52	60ICE431	Dạy học tích hợp trong dạy học GD CD	3	30	10	10	10			
53	60TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở Trường phổ thông						
54	60TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở Trường phổ thông						
Các học phần tự chọn			3							
55	60DOE431	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học GD CD	3	30	10	10	10			
56	60PSC431	Xử lý tình huống sư phạm GD CD	3	32	8	10	8			
57	60SRH431	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	3	32	8	8	10			
4. Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp			6							

Khoá luận tốt nghiệp										
58	60POL961	Khoá luận tốt nghiệp	6							
Học phần thay thế KLTN (chọn 6 TC)			6							
59	60OWE931	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GDCD	3	32	8	10	8			
60	60FAE931	Giáo dục gia đình	3	32	8	8	10			
61	60MTM931	Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin	3	30	10	10	10			
62	60SDP931	Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	3	32	8	10	8			
63	60EED931	Giáo dục môi trường	3	32	10	6	10			
Tổng số			130							

6.11.3. Xây dựng ma trận đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15
Học phần															
Triết học Mác - Lênin	3		3	3							2	2	2	1	1
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3		3	3							2	2		1	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		3	3							2	2	1	2	1
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		3	3							2	2	1	1	1

Lịch sử Đảng Cộng sản VN	3		3	3						2	2	1	1	2
Pháp luật đại cương	3		3	3						2	2		1	2
Tiếng Anh 1							3				3		2	
Tiếng Anh 2							3				3		2	
Tiếng Anh 3							3				3		2	
Tin học đại cương		1		1							3		3	
Giáo dục thể chất 1											2	1	3	
Giáo dục thể chất 2											2	1	3	
Giáo dục thể chất 3	3		3	1						1	1		1	
Giáo dục quốc phòng							3						3	
Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2		3	2						1	1			1
Lôgic học	2		2			2				1	2		1	
Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam	2		3	3						2	2	2		1
Đạo đức học và giáo dục đạo đức	2	1	3	3	3	2	2	1		2	1	2		1
Kinh tế học đại cương	3		3	3		2				2	1		2	2
Giáo dục kỹ năng sống	2	1	3	3	2	1				2	1	1	2	1
Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi ngiệp	1			1		3			1	1				3
Chủ nghĩa tư bản hiện đại	2		2	2							2		1	2
Đại cương lịch sử Việt Nam	2			2		2				2			1	2
Lịch sử các học thuyết kinh tế	2		2	2		2				2	1		2	1
Xã hội học	2		1	2		1				1			2	2
Lịch sử triết học	2		2	1						1		1		1
Giáo dục pháp luật 1	3		3	3		1				3	1			1

Giáo dục pháp luật 2	3		3	3		1					3	1			1
Giáo dục kinh tế 1	3		3	3		1					3	1			1
Giáo dục kinh tế 2	3		3	3		1					3	1			1
Lý luận và pháp luật về quyền con người	3		3	2		1					2	1			1
Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh	0	0	3	3	0	1	0	0	1	1	2	2	1	1	1
Những vấn đề của thời đại ngày nay	2		3	3		1					2	2	1	1	1
Hiến pháp và định chế chính trị	3		3	3		1					2	1			1
Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học GD CD	0	0	2	3	3	1	1	0	2	2	2	1	0	2	2
Phương pháp nghiên cứu khoa học GD CD, GD CT	1		2	2	2				2		2	2	1	2	2
Chuyên đề bình đẳng giới và quyền trẻ em	2		2	2		1					2	1			
Chuyên đề dân tộc và tôn giáo	3		2	2		1					1	1	1	1	
Công tác Đảng và Đoàn thể ở trường phổ thông	2		2	2		1					1	1			
Thực tế chuyên ngành GD CD	1		1	1		2			1		3	1	1	1	1
Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	2		2	2		1					2	1			
Tâm lý học giáo dục	1	3		2	1	1					1				1

Giáo dục học	1	3		2	1	1			1		1				1
Giao tiếp sư phạm	1	2		2		1					1		3		1
Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân		1		2	3	2			2	3	2			2	1
Phát triển chương trình giáo dục công dân		1		2	3	2			2	1	2			2	1
Phương pháp dạy học GDCD 1		1		2	3	3			3	3	2			2	1
Phương pháp dạy học GDCD 2		1		2	3	3			3	3	2			2	1
Kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCD		1		2	3	2			2	1	2			2	1
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên		1		2	3	3			3	3	2			2	1
Thực hành sư phạm GDKT&PL		1		2	3	3			3	3	2			2	1
Dạy học tích hợp trong dạy học GDCD		1		2	3	3			3	3	2			2	1
Thực tập sư phạm 1		1		2	3	3			3	3	2			2	3
Thực tập sư phạm 2		1		2	3	3			3	3	2			2	3
Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học GDCD		1		2	3	3			3	3	2			2	1
Xử lý tình huống sư phạm GDCD				2	2				3		1		3		
Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	1		1	1		1			1			1	2		1
Khoá luận tốt nghiệp	3		3	3		2	2	1	1	1	1	2		2	2

Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD&CD		1	1	2	2	3			2	2	3	2	1		1
Giáo dục gia đình	2		2	2							2		2		1
Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin		1	1	1	1	2			2	3	3	1	1		1
Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	2	1	2	2	1	2	1	1	2		3	1	2		1
Giáo dục môi trường	2		2	2							2		2		1

Ghi chú: Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến 15 (Mức độ đóng góp được mã hóa như sau: 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình; 3 = Đóng góp mức cao; Để trống = Mức đóng góp chưa rõ ràng)

6.11.4. *Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học (để cho sinh viên tham khảo)*

*** Trình tự nội dung chương trình dạy học**

Năm thứ nhất

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Triết học Mác - Lênin	60SPH131	3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	60SPE121	2
Tiếng Anh 1	60ENG131	3	Tiếng Anh 2	60ENG132	3
Giáo dục thể chất 2	60PHE112		Giáo dục thể chất 1	60PHE111	
Giáo dục kỹ năng sống	60LSE231	3	Lô gic học	60LOG231	3
Tâm lý học giáo dục	60EPS431	3	Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam	60CUL231	3

Pháp luật đại cương	60GEL121	2	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	60EDE231	3
Tự chọn			Tự chọn		
			Chủ nghĩa tư bản hiện đại	60MCM231	3
			Đại cương lịch sử Việt Nam	60HFV231	3
			Lịch sử các học thuyết kinh tế	60HET231	3
			Xã hội học	60SCI231	3
			Lịch sử triết học	60PBM231	3



Năm thứ hai

Học kỳ 3			Học kỳ 4		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	60SSO121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	60HCM121	2
Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học GD&ĐT	60AIC331	3	Tin học đại cương	60GIF131	3
Tiếng Anh 3	60ENG143	4	Giáo dục kinh tế 1	60ECE331	3
Giáo dục thể chất 3	60PHE113		Giao tiếp sư phạm	60COS431	3
Kinh tế học đại cương	60FEC231	3	Phương pháp dạy học GD&ĐT 1	60MCS431	3
Giáo dục học	60PEP431	3	Giáo dục quốc phòng	60MIE131	
Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân	60TMC431	3			

Tự chọn			Tự chọn		
			Chuyên đề bình đẳng giới và quyền trẻ em	60TGC331	3
			Chuyên đề dân tộc và tôn giáo	60TER331	3
			Công tác Đảng và Đoàn thể ở trường phổ thông	60ACS331	3
			Xây dựng Đảng	60CPB331	3
			Thực tế chuyên ngành GD CD	60RPE331	3
			Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	60VSL331	3



Năm thứ ba

Học kỳ 5			Học kỳ 6		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Lịch sử Đảng Cộng sản VN	60HPV121	2	Giáo dục pháp luật 2	60EDL332	3
Giáo dục pháp luật 1	60EDL331	3	Giáo dục kinh tế 2	60ECE332	3
Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh	60HET331	3	Lý luận và pháp luật về quyền con người	60TLH331	3
Phương pháp dạy học GD CD 2	60MCS432	3	Dạy học tích hợp trong dạy học GD CD	60ICE431	3

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	60PSR431	3	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	60IAE231	3
Thực tập sư phạm 1	60TRA421	2			
Phương pháp nghiên cứu khoa học GDCT, GDCT	60SME331	3			
Tự chọn			Tự chọn		
			Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học GDCT	60DOE431	3
			Xử lý tình huống sư phạm GDCT	60PSC431	3
			Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	60SRH431	3

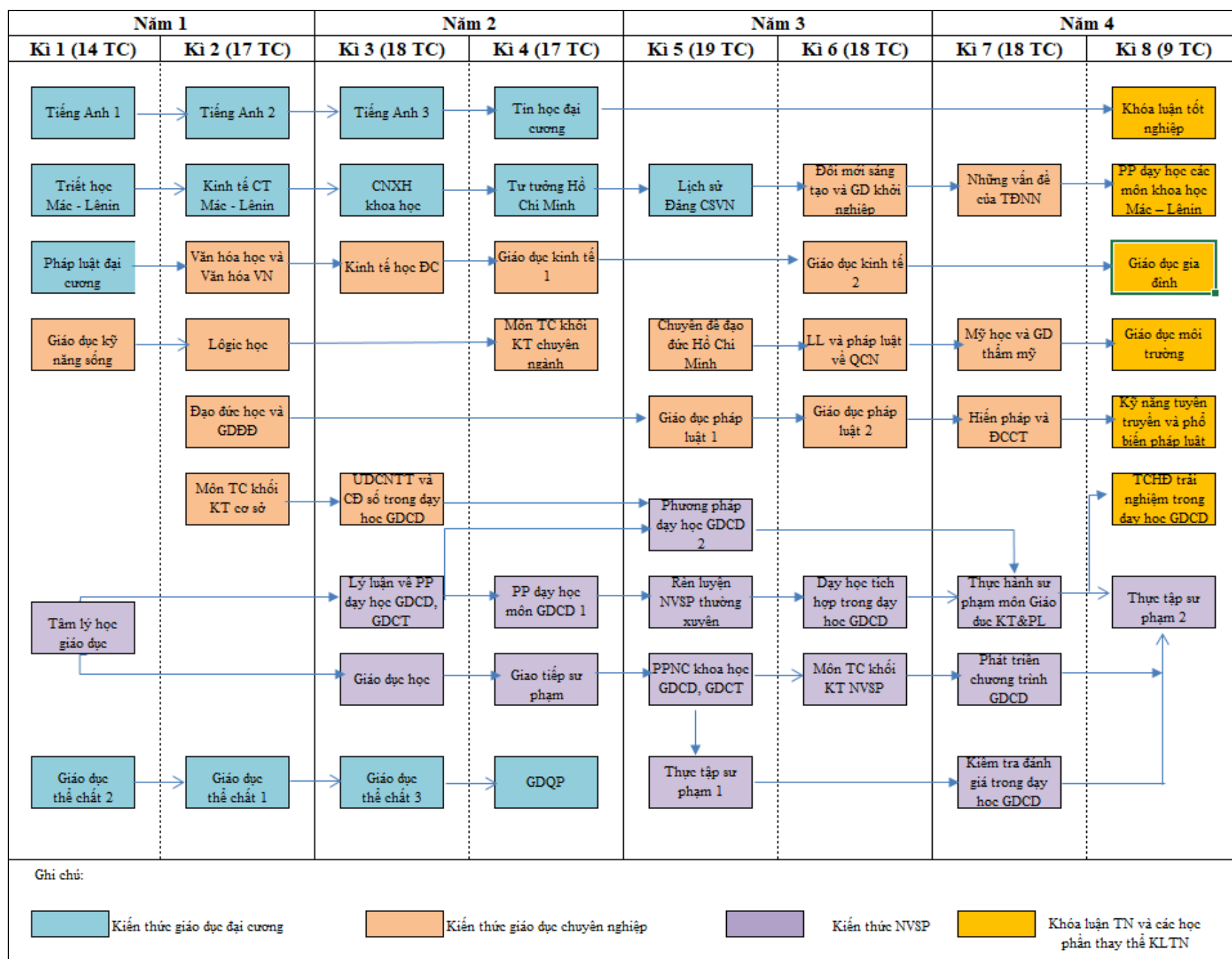


Năm thứ tư

Học kỳ 7			Học kỳ 8		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	60AED231	3	Thực tập sư phạm 2	60TRA432	3
Những vấn đề của thời đại ngày nay	60MOP331	3			
Hiến pháp và định chế chính trị	60CPR331	3			
Phát triển chương trình giáo dục công dân	60DTE431	3			
Kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCT	60CTE431	3			

Thực hành sư phạm GDKT&PL	60PEH431	3			
Tự chọn			Tự chọn		
			Khoá luận tốt nghiệp	60POL961	6
			Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD&CD	60OWE931	3
			Giáo dục gia đình	60FAE931	3
			Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin	60MTM931	3
			Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	60SDP931	3
			Giáo dục môi trường	60EED931	3

*** Sơ đồ lộ trình giảng dạy các học phần**



VII. Đề cương chi tiết học phần

7.1: 60SPH131, Triết học Mác – Lênin (PHILOSOPHY MAX-LENIN)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
4	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennttpoli@tnue.edu.vn
6	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Khái quát được sự ra đời, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội.

CO2: Phân tích được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.

CO3: Phân tích được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

* Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được giá trị khoa học cách mạng của triết học Mác – Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng, phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được sự ra đời, phát triển của triết học Mác – Lênin	PLO1,3,4
	CLO2	Giải thích được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.	PLO1,3,4
CO2	CLO3	Phân tích được quan điểm của CNDVBC về vật chất, ý thức và mối quan hệ biện chứng giữa vật chất - ý thức.	PLO1,3,4
	CLO4	Phân tích được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật.	PLO1,3,4
	CLO5	Phân tích được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức theo quan điểm của CNDVBC.	PLO1,3,4
CO3	CLO6	Phân tích được nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội.	PLO1,3,4
	CLO7	Luận giải được những vấn đề của triết học Mác-Lênin về giai cấp và nhà nước	PLO1,3,4
	CLO8	Phân tích được quan điểm của CNDVLS về mối quan hệ biện chứng giữa TTXH và YTXH.	PLO1,3,4
	CLO9	Phân tích được quan điểm triết học Mác – Lênin về vấn đề con người.	PLO1,3,4
	Kỹ năng		
CO4	CLO10	Vận dụng giá trị khoa học và tính cách mạng của CNDVBC vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	PLO11,12
	CLO11	Vận dụng giá trị khoa học và tính cách mạng của PBCDV vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	PLO11,12
	CLO12	Vận dụng giá trị khoa học và tính cách mạng của CNDVLS vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	PLO11,12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO13	Liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng, phát triển đất nước.	PLO13, 14,15
	CLO14	Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng, phát triển đất nước.	PLO13, 14,15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

[illegible]

CLO4	x		x	x											
CLO5	x		x	x											
CLO6	x		x	x											
CLO7	x		x	x											
CLO8	x		x	x											
CLO9	x		x	x											
CLO10										x	x	x			
CLO11										x	x	x			
CLO12										x	x	x			
CLO13													x	x	x
CLO14													x	x	x
MĐG	3	0	3	3	0	0	0	0	0	2	2	2	1	1	1

Ghi chú:

- “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 hoặc 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/ sản phẩm tự học cần nộp: theo yêu cầu của giảng viên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**8.1. Hình thức và trọng số điểm**

- *Sử dụng thang 10 điểm.*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14

2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-14
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO 1-14
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 1-14
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-5
	A6. Bài kiểm tra định kì 2			Đáp án, thang điểm	CLO 6-9
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,3,4,5,6,8,9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian giao hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian giao hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích và có dẫn chứng minh họa.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ, đáp ứng yêu cầu có luận giải rõ ràng	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu, không luận giải được.	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, chưa có luận giải	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, luận giải chưa rõ ràng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu, luận giải rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Thị Khương chủ biên (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Công thương.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007) *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long chủ biên (2004) *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>, <http://www.tuyengiao.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>, ...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân biệt được các hình thức cơ bản của CNDV và CNDT; thuyết khả tri, bất khả tri và hoài nghi luận trong quá trình nhận thức và thực tiễn.
LLO2	Giải thích được sự đối lập giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình trong quá trình nhận thức sự vật hiện tượng
LLO3	Chứng minh được sự ra đời của triết học Mác là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử triết học nhân loại để thấy được vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó trong nhận thức và thực tiễn.
LLO4	Chứng minh được triết học Mác – Lênin là cơ sở lí luận khoa học của công cuộc xây dựng CNXH trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN ở Việt Nam.
LLO5	Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sinh viên.
LLO6	Vận dụng quan điểm triết học Mác – Lênin để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống các quan điểm sai trái, thù địch.
LLO7	Chứng minh được vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức và rút ra được ý nghĩa phương pháp luận trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO8	Minh họa được sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất và ý nghĩa phương pháp luận của nó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO9	Vận dụng ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật để giải quyết các vấn đề sau: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng. - Thực hiện bình đẳng giới. - Thực hiện quyền con người, quyền công dân. - Thực hiện đạo đức nhà giáo.
LLO10	Phân tích được nội dung 3 quy luật cơ bản của PBCDV và ý nghĩa của nó đối với bản thân.
LLO11	Phân loại được sự khác biệt giữa thực tế và thực tiễn; bệnh giáo điều và bệnh kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn và công việc.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO12	Chứng minh được vai trò của thực tiễn đối với nhận thức và ý nghĩa của nó đối với bản thân.
LLO13	Giải thích được quan điểm khách quan, bệnh chủ quan duy ý chí.
LLO14	Phân tích được nội dung các cặp phạm trù cơ bản của PBCDV.
LLO15	Vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển để định hướng nghề nghiệp cho học sinh.
LLO16	Bày tỏ được quan điểm của cá nhân về vấn đề LLSX, QHSX ở địa phương; về CSHT và KTTT ở Việt Nam; về sự vận dụng học thuyết HTKT – XH của Đảng ta trong cách mạng Việt Nam hiện nay.
LLO17	Phân tích được các dấu hiệu để nhận biết giai cấp, dân tộc và các hình thức của đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay.
LLO18	Tóm tắt được nguồn gốc, bản chất nhà nước; nguyên nhân và vai trò của CMXH; sự vận dụng của Đảng trong việc về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
LLO19	Luận giải được quan điểm của CNDVLS về vai trò quyết định của TTXH đối với YTXH trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.
LLO20	Mình họa được 5 biểu hiện của tính độc lập tương đối của YTXH trong xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta hiện nay.
LLO21	Chứng minh được sự vận dụng của Đảng ta trong việc xây dựng con người mới phát triển toàn diện là dựa trên cơ sở quan điểm của triết học Mác – Lênin về bản chất con người.
LLO22	Bày tỏ được quan điểm cá nhân về việc phát huy vai trò của con người trong công cuộc đổi mới đất nước dựa trên quan điểm triết học Mác - Lênin về bản chất con người
LLO23	Chỉ ra được các biện pháp tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất và năng lực cho học sinh để trở thành con người phát triển toàn diện đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đất nước theo quan điểm của triết học Mác – Lênin về bản chất con người
LLO24	Lựa chọn 01 nội dung về giáo dục quyền con người cho học sinh phổ thông để làm bài thực hành.
LLO25	Vận dụng quan điểm duy vật lịch sử để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch về văn nhà nước, dân tộc, cách mạng xã hội.
LLO26	Lựa chọn được một số biện pháp để phát huy quyền làm chủ của nhà giáo và của người học dựa trên quan điểm của CNDVLS.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO1	x									x				
LLO2	x													
LLO3		x												
LLO4		x								x			x	x

LLO5		x								x				
LLO6		x								x	x	x	x	x
LLO7			x							x				
LLO8			x											
LLO9			x							x	x		x	x
LLO10				x						x	x		x	x
LLO11					x					x	x		x	x
LLO12					x					x	x		x	x
LLO13					x									
LLO14				x										
LLO15				x						x	x		x	x
LLO16						x						x	x	x
LLO17							x							
LLO18							x					x	x	x
LLO19								x						
LLO20								x				x	x	
LLO21									x			x		
LLO22									x			x	x	x
LLO23									x			x	x	x
LLO24									x			x	x	x
LLO25								x				x	x	x
LLO26									x			x	x	x

10.2. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học <i>1.1.1. Khái lược về triết học</i> <i>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</i>	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO2	<i>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</i>	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO3	1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội <i>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin</i>	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1

LLO4	1.2.2. <i>Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin</i> 1.2.3. <i>Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</i>	- Thuyết trình - Đàm thoại - nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1] [3], [4], [5] Chương 1 [2]: chương I và chương IV
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Vẽ sơ đồ tư duy về vấn đề cơ bản của triết học	- Hướng dẫn sinh viên trình bày và báo cáo sản phẩm cá nhân	A1, A2, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO3	2. Chứng minh sự ra đời của triết học Mác là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử triết học nhân loại.	- Hướng dẫn sinh viên trình bày và báo cáo sản phẩm cá nhân.	A1, A2, A5, A7	[1] [3], [4], [5] Chương 1 [2]: chương I và chương IV
LLO5	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sinh viên	- Hướng dẫn SV thực hiện sản phẩm nhóm	A1, A3	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (13 tiết) - SV đọc Chương 1 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Nguồn gốc ra đời của triết; 2. Những giai đoạn phát triển của triết học Mác – Lênin; 3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. 4. Vận dụng quan điểm triết học Mác – Lênin để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống các quan điểm sai trái, thù địch.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên	A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
Chương 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (12 tiết) 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. <i>Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</i> 2.1.2. <i>Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</i> 2.1.3. <i>Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A5, A7	[1], [2] Chương 2 [3], [4], [5] Chương 4
LLO10	2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. <i>Hai loại hình biện chứng và PBCDV</i> 2.2.2. <i>Nội dung của PBCDV</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - nêu vấn đề - Đàm thoại - Nghiên cứu trường hợp	A1, A5, A7	[1] [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 5 chương 6 chương 7
LLO11 LLO12	2.3. Lý luận nhận thức 2.3.1. <i>Các nguyên tắc cơ bản của lý luận nhận thức DVBC</i> 2.3.2. <i>Nguồn gốc, bản chất của NT</i> 2.3.3. <i>Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</i> 2.3.4. <i>Các giai đoạn của quá trình NT</i> 2.3.5. <i>Tính chất của chân lý</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A5, A7	[1] [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 8
LLO7, LLO8	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Chứng minh tính đúng đắn của triết học Mác - Lênin trong quan niệm về vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức;	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A5, A7	[1], [2] chương 2 [3] chương 4
LLO14	2. Phân tích các cặp phạm trù cơ bản của PBCDV	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1] [2] Chương 2 [3], [4], [5] chương 5
LLO15	3. Vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển để định hướng nghề nghiệp cho học sinh.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1] [2] Chương 2 [3], [4], [5] chương 5
LLO9 LLO10 LLO14	* Nội dung thực hành: (3 tiết) Vận dụng ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật để giải quyết các vấn đề sau: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng. - Thực hiện bình đẳng giới - Thực hiện quyền con người, quyền CD - Thực hiện đạo đức nhà giáo	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (Đóng vai, diễn đàn...)	A1, A3, A5, A7	[1], [2] Chương 2. [3], chương 4; chương 5

LLO13	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) 1. Giải thích quan điểm khách quan, bệnh chủ quan duy ý chí.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1], [2] Chương 2 [3] chương 4, chương 5
LLO12	2. Phân tích mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, ý nghĩa của nó đối với sinh viên sư phạm	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4, A5, A7	[1], [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 7
LLO12	3. Vận dụng quan điểm thực tiễn để đánh giá về vấn đề đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1], [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 8
LLO1 – LLO15	* Kiểm tra: (1 tiết) - Nội dung của chương 1 và chương 2	- Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo quy định	A5	[1], [2] chương 1, 2
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10 LLO11 LLO12 LLO13 LLO14 LLO15	B. Nội dung tự học: (38 tiết) - SV đọc Chương 2 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất 2. Nguồn gốc và bản chất ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 3. Phép biện chứng duy vật (Nội dung của nguyên lý mối liên hệ phổ biến và nguyên lý phát triển; 6 cặp phạm trù của PBCDV; 3 quy luật cơ bản của PBCDV). 4. Vận dụng phép biện chứng duy vật để giải quyết các vấn đề về: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng; - Thực hiện bình đẳng giới; - Thực hiện quyền con người, quyền công dân; - Thực hiện đạo đức nhà giáo	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A5, A7	[1], [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 4
Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (26 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (13 tiết) 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội <i>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề	A1, A6, A7	[1], [2] Chương 3. [3], [4], [5]

	3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên	- Tình huống - Đàm thoại		chương 10
LLO17	3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc 3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6	[1], [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 11
LLO18	3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6	[1], [2] Chương 3 [3], [4], [5] chương 12
LLO19, LLO20	3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của YTXH 3.4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6, A7	[1], [2] Chương 3 [3], [4], [5] chương 13
LLO21, LLO22, LLO24	3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử triết học trước Mác 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về cá nhân và xã hội, về vai trò của QCND và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam 3.5.5. Vận dụng quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người trong việc giáo dục bình đẳng giới và quyền con người cho học sinh phổ thông	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại - Nghiên cứu trường hợp	A1, A6, A7	[1], [2] Chương 3 [3], [4], [5] chương 14
LLO16	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Trình bày đặc điểm LLSX, QHSX ở Việt Nam hiện nay. 2. Trình bày đặc điểm CSHT, KTTT ở Việt Nam hiện nay.	-Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A6	[1], [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 10

LLO17 LLO18	3. Nêu đặc điểm đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay 4. Trình bày đặc điểm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A6	[1], [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 12
LLO20	5. Đặc điểm của YTXH mới ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1], [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 13
LLO24	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Lựa chọn 01 nội dung về giáo dục quyền con người cho học sinh phổ thông để làm bài thực hành	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (xây dựng kịch bản để đóng vai/điển thuyết/điển đàn/bài giảng...)	A1, A3	[1], [2] Chương 3. [3], [4], chương 12, 14
LLO26	2. Đề xuất các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhà giáo và người học.	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (xây dựng kịch bản để đóng vai/điển thuyết/điển đàn/bài giảng...)	A1, A3	[1], [2] Chương 3. [3], [4], chương 12, 14
LLO16	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) 1. Sự vận dụng học thuyết HTKT – XH của Đảng ta trong cách mạng Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1], [2] Chương 3. [3] chương 10
LLO25	2. Vận dụng quan điểm duy vật lịch sử để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề nhà nước, dân tộc, cách mạng xã hội.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1], [2] Chương 3. [3] chương 10
LLO23	3. Trình bày các giải pháp phát triển bản thân để trở thành người giáo viên có đầy đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1], [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 14
LLO16 – LLO26	* Kiểm tra: (1 tiết) - Nội dung của chương 3	- Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo quy định	A6	[1], [2] chương 3
LLO16 LLO17 LLO18 LLO19 LLO20 LLO21	B. Nội dung tự học: (41 tiết) - SV đọc Chương 3 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Học thuyết Hình thái KT-XH và sự vận dụng học thuyết hình thái KT-XH	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên	A1, A6	[1], [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 10

	của Đảng ta trong việc xây dựng CNXH ở Việt Nam. 2. Vấn đề giai cấp và dân tộc. Liên hệ với vấn đề giai cấp, dân tộc ở Việt Nam. 3. Vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội. 4. Vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội 5. Con người và bản chất con người theo quan điểm triết học Mác – Lênin. Vận dụng quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người trong việc giáo dục bình đẳng giới và quyền con người cho học sinh phổ thông.			
--	---	--	--	--

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: loa, mic

7.2: 60SPE121, Kinh tế chính trị Mác – Lênin (POLITICAL ECONOMY OF MARXISM – LENINISM)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	20		40
2	Bài tập	06		21
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	06		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	01		
Tổng		39		61

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: 60SPH131_ Triết học Mác - Lênin
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và phương pháp dạy học;

Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
3.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
4.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hienntt.poli@tnue.edu.vn
6.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được các nguyên lý cơ bản về kinh tế chính trị của Các Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin.

CO2: Phân tích được các vấn đề lý luận về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

* Về kỹ năng

CO3: Vận dụng được kiến thức kinh tế chính trị để xây dựng và giải quyết các tình huống kinh tế - xã hội trong hoạt động thực tiễn.

CO4: Đánh giá được một số vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị trong đời sống kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Quán triệt và hiện thực hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị.	PLO1,

			PLO3, PLO4
	CLO2	Phân tích được lý luận về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	PLO1, PLO3, PLO4
	CLO3	Phân tích được lý luận của CácMác về giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	PLO1, PLO3, PLO4
	CLO4	Phân tích được vấn đề cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	PLO1, PLO3, PLO4
CO2	CLO5	Phân tích được vấn đề kinh tế thị trường định hướng XHCN và quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	PLO1, PLO3, PLO4
	CLO6	Phân tích được vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	PLO1, PLO3, PLO4
	Kĩ năng		
CO3	CLO7	Vận dụng được lý luận hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư để xây dựng, giải quyết hay nhận diện các tình huống, hiện tượng liên quan đến sản xuất kinh doanh, quan hệ lợi ích.	PLO11 PLO12 PLO15
	CLO8	Vận dụng được các kiến thức đã học để xây dựng, giải quyết hay nhận diện các tình huống, hiện tượng liên quan đến Kinh tế thị trường, lợi ích kinh tế; CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	PLO11, PLO12 PLO15
CO4	CLO9	Đánh giá được vấn đề kinh tế thị trường, quan hệ lợi ích kinh tế trên thế giới và ở Việt Nam.	PLO11 PLO12
	CLO10	Đánh giá được vấn đề CNH, HĐH; hội nhập kinh tế quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam.	PLO11, PLO12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		

CO5	CLO11	Có trách nhiệm trong việc quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.	PLO14, PLO15
	CLO12	Có trách nhiệm trong việc hiện thực hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.	PLO14, PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x	x											
CLO2	x		x	x											
CLO3	x		x	x											
CLO4	x		x	x											
CLO5	x		x	x											
CLO6	x		x	x											
CLO7											x	x			x
CLO8											x	x			x
CLO9											x	x			
CLO10											x	x			
CLO11														x	x
CLO12														x	x
MDG	3	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	2	0	1	2

Ghi chú:

- “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của CácMác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân; nộp sản phẩm khi giảng viên yêu cầu.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 01bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 9,10,11,12.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 7,8,11,12
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4,9
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					

6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10
---	-------------	----	----	--------------------	----------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng	Kết quả thực hành đầy đủ và

		đáp ứng yêu cầu	đổi các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

			vài sai sót quan trọng		
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dùng cho các khối không chuyên kinh tế và quản trị doanh nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia.

[3]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2001), *Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về phương thức sản xuất TBCN*, NXB Chính trị Quốc gia.

[4]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

[5]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin*, NXB Chính trị Quốc gia.

9.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>,
<http://www.tuyengiao.vn/>, <http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/>,...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO1	Tóm tắt được nhận thức cơ bản về đối tượng, phương pháp, chức năng và ý nghĩa nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin.
LLO2	Luận giải được các khái niệm, phạm trù, quy luật về hàng hoá, thị trường.
LLO3	Sử dụng được kiến thức để diễn giải tính kinh tế và giải các bài toán về lượng giá trị hàng hoá và tiền tệ.
LLO4	Xây dựng được các ý tưởng kinh doanh đảm bảo tuân thủ quy luật thị trường và pháp luật của Nhà nước.
LLO5	Chứng minh được tác động của hoạt động sản xuất hàng hoá và sự điều tiết của Nhà nước đối với đời sống kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.
LLO6	Giải thích được các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn trước tác động của quy luật khách quan và hành động của các chủ thể kinh tế.
LLO7	Thể hiện được quan điểm về vai trò của sản xuất của cải vật chất và trao đổi hàng hoá đối với sự phát triển của con người và xã hội loài người .
LLO8	Minh họa được các hành vi kinh tế có văn hoá, vì cộng đồng, tuân thủ pháp luật, hưởng ứng chính sách của Nhà nước và ngược lại.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO9	Lĩnh hội được các yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên để làm bài tập cá nhân hoặc làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết bài thực hành, thảo luận chương 2.
LLO10	Giải thích được những kết luận quan trọng của C.Mác về giá trị thặng dư.
LLO11	Tính được các bài toán kinh tế liên quan đến giá trị thặng dư.
LLO12	Xác định được những tình huống kinh tế thể hiện sự sản xuất hoặc chia sẻ giá trị thặng dư của các chủ thể kinh tế.
LLO13	Diễn giải được các phạm trù, quy luật trong học thuyết giá trị thặng dư cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.
LLO14	Lựa chọn được các hình thức, biện pháp để vận dụng hiệu quả, đúng định hướng các phạm trù, quy luật vào hoạt động phát triển kinh tế ở Việt Nam
LLO15	Khẳng định được vị trí, vai trò của các ngành kinh tế trong xã hội và trách nhiệm của các chủ thể trong giải quyết lợi ích nhằm phát triển toàn diện kinh tế - xã hội.
LLO16	Đề xuất được những kiến thức, cách làm để thực hiện bài tập cá nhân hoặc bài thực hành nhóm, thảo luận nhóm chương 3.
LLO17	Hiểu được những kiến thức cơ bản của V.I.Lênin về cạnh tranh và độc quyền.
LLO18	Lập luận và tính được các bài toán có yếu tố độc quyền.
LLO19	Làm sáng tỏ được thực chất của vấn đề độc quyền, độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN.
LLO20	Đánh giá được biểu hiện mới và tác động của độc quyền, độc quyền nhà nước trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay.
LLO21	Bày tỏ được quan điểm đúng đắn về việc học tập và kế thừa sáng tạo có chọn lọc các thành tựu phát triển kinh tế của CNTB vào thực tiễn phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay.
LLO22	Thể hiện được ý kiến cá nhân khi làm bài tập chương 4.
LLO23	Xác định được những nhận thức cơ bản về kinh tế thị trường định hướng XHCN và quan hệ lợi ích kinh tế.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO24	Diễn dịch được tính hai mặt của các vấn đề kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; của việc giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
LLO25	Khẳng định được sự đúng đắn, hợp quy luật của việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.
LLO26	Dự báo được xu hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam và các vấn đề đặt ra trong giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
LLO27	Nhận diện và đánh giá được sự ảnh hưởng tiêu cực của các hiện tượng tham ô, lãng phí, tham nhũng đến quá trình thực hiện các quan hệ lợi ích kinh tế và phát triển của xã hội.
LLO28	Hệ thống được quan điểm, cách thức tổ chức và kết quả thực hiện phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta thời gian qua, trong đó có nhận thức và trách nhiệm của sinh viên.
LLO29	Kết hợp được kiến thức, cách làm để giải quyết hiệu quả bài thực hành nhóm, thảo luận nhóm chương 5.
LLO30	Tóm tắt được những kiến thức cơ bản về công nghiệp hoá, hiện đại hoá và quan hệ kinh tế quốc tế.
LLO31	Xác định được những tác động của cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế đối với đời sống kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.
LLO32	Hệ thống hóa được phương hướng, biện pháp để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập kinh tế quốc tế.
LLO33	Xây dựng được mục tiêu, nhiệm vụ cho bản thân trong học tập, lao động để trở thành công dân toàn cầu trước tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế mở cửa hội nhập.
LLO34	Quán triệt được các tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế vào việc xây dựng đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO35	Tích hợp được kiến thức, phương pháp để giải quyết hiệu quả bài thảo luận nhóm chương 6.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)											
-------------	-------------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
LLO1	X										x	
LLO2		X					X				X	X
LLO3		X					X				X	X
LLO4		X					X				X	X
LLO5		X					X				X	X
LLO6		X					X				X	X
LLO7		X					X				X	X

LLO8		X					X				X	X
LLO9		X					X				X	X
LLO10			X				X				X	X
LLO11			X				X				X	X
LLO12			X				X				X	X
LLO13			X				X				X	X
LLO14			X				X				X	X
LLO15			X				X				X	X
LLO16			X				X				X	X
LLO17				X			X				X	X
LLO18				X			X				X	X
LLO19				X			X				X	X
LLO20				X			X				X	X
LLO21				X			X				X	X
LLO22				X			X				X	X
LLO23					X			X	X	X	X	X
LLO24					X			X	X	X	X	X
LLO25					X			X	X	X	X	X
LLO26					X			X	X	X	X	X
LLO27					X			X	X	X	X	X
LLO28					X			X	X	X	X	X
LLO29					X			X	X	X	X	X
LLO30						X		X	X	X	X	X
LLO31						X		X	X	X	X	X
LLO32						X		X	X	X	X	X
LLO33						X		X	X	X	X	X
LLO34						X		X	X	X	X	X
LLO35						X		X	X	X	X	X

10.3. Nội dung chi tiết học phần

**Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị
Mác – Lênin**

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1, A5, A6	[1] chương 1 [2] chương 1
LLO1	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có).	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV.	A1	[1] Chương 1 [2] Chương 1
Chương 2: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường				
Nội dung chuẩn đầu ra của chương				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá 2.1.1. Sản xuất hàng hoá	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu và đàm thoại.	A1, A5, A6	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5]

	2.1.2. Hàng hoá 3.1.3. Tiền 2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hoá đặc biệt 2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.1.1. Khái niệm, vai trò của thị trường 2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường 2.2.1.3. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường			Chương 4
LLO3, 9	* Nội dung bài tập (2 tiết) Diễn giải tính kinh tế và tính toán các bài tập kinh tế (do GV xây dựng và yêu cầu).	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2, A5, A6	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO 5-9	* Nội dung thảo luận (2 tiết) 1. Luận chứng vai trò của sản xuất và trao đổi hàng hoá đối với sự phát triển của con người và xã hội loài người. 2. Minh họa về các hành vi kinh tế có văn hoá, vì cộng đồng, thực thi đúng pháp luật, hưởng ứng chính sách của Nhà nước và ngược lại. 3. Chứng minh biểu hiện và tác động của lý luận hàng hoá, thị trường và sự điều tiết của Nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4, A5, A6	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4

	4. Nhận diện và giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn trước tác động của quy luật khách quan và hành xử của các chủ thể kinh tế trên thế giới hoặc ở Việt Nam hiện nay.			
LLO4,9	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Xây dựng ý tưởng kinh doanh đảm bảo vừa đáp ứng yêu cầu của các quy luật thị trường, vừa đảm bảo tuân thủ pháp luật.	Thực hành nhóm (Xây dựng ý tưởng, thuyết trình - đóng vai, phản biện).	A3	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO 2-9	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm, TL, TH.	A1,A2, A3,A4.	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường TBCN. 3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5, A6	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO 11,16	* Bài tập cá nhân (3 tiết) Giảng viên xây dựng và giao bài tập cụ thể cho sinh viên theo dạng: Diễn giải và tính các bài tập kinh tế.	Giao bài và hướng dẫn	A2, A5, A6	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO12 ,13,15, 16	* Nội dung thảo luận (2 tiết) 1. Làm rõ các nội dung về nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư. Ý nghĩa nghiên cứu đối với các chủ thể kinh tế. 2.Làm rõ mối quan hệ giữa các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Ý nghĩa	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4, A5, A6	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5]

	nghiên cứu đối với các chủ thể kinh tế thuộc các ngành trong liên kết kinh tế và giải quyết lợi ích nhằm phát triển nền kinh tế. 3. Nhận diện các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong các tình huống kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất biện pháp giải quyết giữa các chủ thể kinh tế cũng như của Nhà nước nhằm đảm bảo phát triển hài hòa lợi ích của các chủ thể kinh tế cụ thể.			Chương 5
LLO 14,16	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Từ lý luận về hàng hoá sức lao động và giá trị thặng dư, giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động. Liên hệ trong trường học. 2. Từ lý luận về tuần hoàn, chu chuyển tư bản và tích lũy tư bản xây dựng phương án mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đề xuất biện pháp mở rộng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất trong trường học.	Thực hành nhóm (Xây dựng tình huống – phương án, thuyết trình – đóng vai; thảo luận, phản biện) .	A3, A6	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO 10 - 16	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm,	A1, A2, A3, A4	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5

	thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành.	chuẩn bị sản phẩm TL, TH		
Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1,A5, A6	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5] Chương 6
LLO 18 -22	* Nội dung bài tập (1tiết) 1. Làm rõ các nội dung lý luận và thực chất của độc quyền, độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN. 2. Đánh giá được biểu hiện mới và ảnh hưởng của độc quyền, độc quyền nhà nước trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. 3.Đánh giá khách quan về sự phát triển và vai trò của nền kinh tế thị trường TBCN đối với sự phát triển kinh tế thế giới. Vấn đề đặt ra trong xây dựng đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam. 4. Tính toán và nhận định đối với các bài toán kinh tế có yếu tố độc quyền.	Giao bài và hướng dẫn	A2,A5, A6	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5] Chương 6

LLO 17 – 22	B. Nội dung tự học: (5tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập;	A1,A2,	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5] Chương 6
LLO1 -> LLO22	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kỳ - 1 tiết Sinh viên làm bài trực tiếp trên lớp B. Nội dung tự học: (3tiết) <i>Sinh viên chủ động ôn tập nội dung lý thuyết chương 1,2,3,4 và các vấn đề thực tế có liên quan để thực hiện bài kiểm tra định kỳ đạt kết quả tốt</i>	Kiểm tra, đánh giá; GV định hướng, nhắc nhở	A1,A5	[1].Chương 1,2,3,4
Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO23	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, đàm thoại	A1,A6	[1] chương 5 [2] Chương 13,15

	5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hoà các quan hệ lợi ích và phòng, chống tham nhũng			
LLO24 ,25,29	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Diễn giải nội dung và chứng minh biểu hiện hai mặt các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 2. Luận chứng sự đúng đắn, hợp quy luật, sáng tạo, linh hoạt của Đảng và Nhà nước trong chủ trương và chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4,A6	[1] chương 5 [2] Chương 13,15
LLO 26 -29	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Dự báo xu hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam và các vấn đề đặt ra trong giải quyết vấn đề lợi ích ở Việt Nam hiện nay. 2. Nhận diện các hiện tượng tham ô, lãng phí, tham nhũng trong đời sống kinh tế - xã hội; đánh giá sự ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình thực hiện các quan hệ lợi ích kinh tế và phát triển của xã hội.	Thực hành nhóm (thuyết trình, thảo luận, phản biện) .	A3, A6	[1] chương 5 [2] Chương 13,15

	3. Hệ thống quan điểm, cách thức tổ chức và kết quả thực hiện phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta thời gian qua. Liên hệ nhận thức và trách nhiệm của sinh viên.			
LLO 23 - 29	B. Nội dung tự học: (9tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 5 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm TL,TH.	A1,A3, A4	[1] chương 5 [2] Chương 13,15
Chương 6: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO31	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 6.1. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hoá 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 6.1.3. Công nghiệp hoá ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, đàm thoại, nêu vấn đề.	A1,A6	[1] chương 6 [2] Chương 11,12,16

	6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam			
LLO 32 - 35	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Hệ thống hóa các phương hướng, biện pháp để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước tác động của cách mạng 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế. Liên hệ trách nhiệm của thế hệ trẻ (<i>trong đó có sinh viên</i>). 2. Tìm hiểu những tác động của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đối với đời sống kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động cụ thể của thế hệ trẻ (<i>trong đó có sinh viên</i>) để trở thành công dân toàn cầu, đồng thời góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong xu thế mở cửa hội nhập. 3. Tìm hiểu các tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Minh họa các hoạt động của học sinh, sinh viên Việt Nam hiện nay nhằm đáp ứng được các tiêu chí về nguồn nhân lực chất	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4, A6	[1] chương 6 [2] Chương 11,12,16

	lượng cao. Liên hệ các tiêu chí đó với việc xây dựng đạo đức nhà giáo.			
LLO30 31,32, 33,34, 35	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 6 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận	A1, A4	[1] chương 6 [2] Chương 11,12,16

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu sáng rõ và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: đường truyền internet tốc độ cao đảm bảo kết nối.

7.3: 60SSO121, Chủ nghĩa xã hội khoa học (SCIENTIFIC SOCIALISM)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	11	9	40
2	Bài tập	4	2	21
3	Thực hành	4	2	
4	Thảo luận	4	2	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	1	0	61
Tổng		24	15	

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: *Kinh tế chính trị Mác – Lênin (55SPE131)*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
2	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
4	TS. Vũ Thị Thủy	0974146989	thanhl@tnue.edu.vn
5	Ths. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
6	TS. Lý Trung Thành	0974146989	thanhl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học và luận giải được vai trò, ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học.

CO2: Luận chứng được tính khoa học, cách mạng của học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

CO3: Luận giải và đánh giá được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp và hợp tác để giải quyết các vấn đề đặt ra liên quan đến bài học.

CO5: Phản biện được những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch chống phá quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về các nhiệm vụ chính trị trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

CO7: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và tự học suốt đời để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (GCLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giải thích được tính tất yếu ra đời và sự phát triển của CNXHKKH	PLO1,3 PLO4
	CLO2	Đánh giá được ý nghĩa lý luận, thực tiễn của việc nghiên cứu CNXHKKH	PLO1,3 PLO4

CO2	CLO3	Luận giải được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	PLO1,3 PLO4
	CLO4	Chứng minh được tính khoa học, cách mạng trong quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH	PLO1 PLO3 PLO4
CO3	CLO5	Giải thích được đặc trưng, bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và liên hệ đến vấn đề này ở Việt Nam.	PLO1 PLO3 PLO4
	CLO6	Vận dụng được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp để luận giải tính tất yếu, nội dung, phương hướng liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	PLO1 PLO3 PLO4
	CLO7	Luận chứng được tính khoa học, cách mạng trong quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc, tôn giáo và giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	PLO1 PLO3 PLO4
	CLO8	Khái quát được lý luận chung về gia đình và vận dụng để giải quyết được một số vấn đề đặt ra trong việc phối hợp gia đình với nhà trường đối với công tác giáo dục học sinh	PLO1 PLO3 PLO4
	Kĩ năng		
CO4	CLO9	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp để thuyết trình, giảng giải các vấn đề chính trị - xã hội liên quan đến quá trình xây dựng CNXH	PLO11 PLO12 PLO14
	CLO10	Hợp tác được với các thành viên trong nhóm để giải quyết được các vấn đề chính trị - xã hội liên quan đến quá trình xây dựng CNXH	PLO11 PLO12 PLO14
CO5	CLO11	Nhận diện và phản bác được các quan điểm/hành vi sai trái, thù địch với hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	PLO3 PLO4 PLO11 PLO12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO12	Thực hiện được quy chế dân chủ ở trường phổ thông và chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề chính trị - xã hội	PLO4 PLO13
CO7	CLO13	Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn một cách sáng tạo	PLO12 PLO14 PLO15

5.Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

[illegible]

CLO3	x		x	x											
CLO4	x		x	x											
CLO5	x		x	x											
CLO6	x		x	x											
CLO7	x		x	x											
CLO8	x		x	x											
CLO9											x	x		x	
CLO10											x	x		x	
CLO11			x	x							x	x			
CLO12				x									x		
CLO13												x		x	x
MĐG	3	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	2	1	2	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10

2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO3,4,5, 6,7,8,9,10,11
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO3,4,5, 7,8,9,10,11
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1- CLO8 CLO11
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A7. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1- CLO11

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: Rubric đánh giá

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian giao hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn

				thời gian gia hạn	
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5,0%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

đúng yêu cầu		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn
--------------	--	--	---	---	-----------------------------

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[5]. Trần Thị Lan (2023), *Giáo trình chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH
LLO2	Chứng minh được ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH
LLO3	Giải thích được nội dung, đặc điểm, điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và GCCN Việt Nam
LLO4	Vận dụng được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân để giải thích những vấn đề đặt ra về việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới và ở Việt Nam.
LLO5	Diễn giải được điều kiện ra đời, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội
LLO6	Chứng minh được tính tất yếu khách quan, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ được đến thực tiễn vấn đề này ở Việt Nam
LLO7	Phân định được nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa với các nền dân chủ và nhà nước trước đó trong lịch sử
LLO8	Vận dụng được lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ và nhà nước pháp quyền để luận giải bản chất và phác thảo định hướng phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam
LLO9	Dự đoán được sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO10	Diễn giải được nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ được đến thực tiễn Việt Nam
LLO11	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin trong giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo
LLO12	Chứng minh được sự vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc, tôn giáo trong việc hoạch định chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam
LLO13	Giải thích được chức năng cơ bản của gia đình và dự đoán được sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
LLO14	Xác định được phương hướng xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
LLO15	Bày tỏ được thái độ không đồng tình với những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Việt Nam
LLO16	Sử dụng được những lập luận để chứng minh tính sai trái, thù địch trong âm mưu chống phá thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam
LLO17	Nhận diện và phê phán được tính sai trái trong những quan điểm chống phá dân chủ xã hội chủ nghĩa của các thế lực, phản động
LLO18	Phản bác được âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực phản động, thù địch
LLO19	Vận dụng được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ để thực hiện bình đẳng giới; thực hiện quyền con người, quyền công dân; thực hiện đạo đức nhà giáo; đấu tranh phòng, chống tham nhũng và các biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về các vấn đề chính trị - xã hội.
LLO20	Giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong bài tập cá nhân, bài thảo luận, thực hành trên cơ sở hợp tác nhóm.
LLO21	Đề xuất được nội dung về giáo dục gia đình và yêu cầu phối kết hợp giữa giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO1	x												
LLO2		x											
LLO3			x										
LLO4			x										
LLO5				x									
LLO6				x									
LLO7					x								
LLO8					x								
LLO9						x							
LLO10						x							
LLO11							x						

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO12							x						
LLO13								x					
LLO14								x					
LLO15									x	x	x		x
LLO16									x	x	x		x
LLO17									x	x	x		x
LLO18									x	x	x		x
LLO19	x					x			x	x	x	x	x
LLO20									x	x			x
LLO21								x					

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết (2 tiết) 1.1. Sự ra đời của CNXHKKH 1.1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học- một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.3. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.1.C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXHKKH 1.2.2.V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới 1.2.3. Sự vận dụng và phát triển CNXHKKH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1] Đọc chương 1
LLO1 LLO2	1.3.Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.1.Đối tượng nghiên cứu của chủ CNXHKKH 1.3.2.Phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH 1.3.3.Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại	A1 A6	[1] Đọc chương 1,

LLO1 LLO20	*Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Tại sao nói: Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời là một tất yếu khách quan? Học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học có ý nghĩa gì đối với quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam?	Định hướng SV độc lập nghiên cứu vấn đề	A1 A2 A6	[1]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - <i>Đọc tài liệu:</i> Học thuyết tiến hóa, Học thuyết tế bào, Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. Trên cơ sở đó chỉ rõ ý nghĩa của những phát minh này đối với sự ra đời của CNXHKH - Nêu giá trị và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và lập bảng về giá trị và hạn chế của CNXH không tưởng	A1	[1]. Đọc chương 1
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của GCCN				
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.2.1. <i>Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN</i> 2.1.2.2. <i>Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN</i> 2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.3.1. <i>Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN</i> 2.1.3.2. <i>Điều kiện chủ quan để GCCN thực hiện sứ mệnh lịch sử</i> 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện SMLS của GCCN hiện nay 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN trên thế giới hiện nay. 2.3. Sứ mệnh lịch sử của GCCN VN 2.3.1. Đặc điểm của GCCN Việt Nam 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam hiện nay 2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu xây dựng GCCN VN hiện nay	- Thuyết trình kết hợp với đàm thoại - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc chương 1

LLO15 LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện, phê phán những quan điểm sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.	- Hướng dẫn sinh viên thực hành nhóm - Cử đại diện các nhóm báo cáo, phản biện	A1 A4 A6	[1]. Đọc chương II
LLO3 LLO4 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Tại sao GCCN ở các nước tư bản hiện nay chưa thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình? Điều đó có phủ nhận giá trị học thuyết Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của GCCN không? Vì sao? 2. Nhận diện những điều kiện đảm bảo cho GCCN ở các nước tư bản chủ nghĩa thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc chương 1
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Đọc tài liệu và làm rõ vấn đề dưới đây: + Tìm hiểu chính sách bóc lột của thực dân Pháp đối với Việt Nam để thấy sự cần thiết của việc GCCN VN thông qua ĐCSVN lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc cách mạng thủ tiêu chế độ người bóc lột người, giành chính quyền về tay nhân dân lao động + Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? + Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng nước ta. - Hiện nay, giai cấp công nhân ở các nước tư bản có còn bị bóc lột không? Nêu những biểu của sự bóc lột. - Tìm hiểu một số quan điểm sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, rút ra kết luận cần thiết - Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở + Nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc chương 1
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
LLO5 LLO6 LLO7 LLO19	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Chủ nghĩa xã hội 3.1.1. Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN 3.1.2. Điều kiện ra đời CNXH 3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH 3.2. Thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH	- Nêu vấn, thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp với đàm thoại	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương III [3]. Đọc phần phương hướng xây dựng đất nước

	3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN 3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay 3.3.2.1. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở VN 3.3.2.2. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay			[4]. Đọc Cương lĩnh [5]. Đọc chương 2
LLO6 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Phân tích làm rõ đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Ý nghĩa của việc nhận thức đúng đắn vấn đề này đối với cách mạng nước ta?	Yêu cầu SV: Làm bài tập tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[1]. Đọc chương III
LLO16 LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện và phê phán những quan điểm sai trái, thù địch về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Ý nghĩa của việc đấu tranh, phê phán những quan điểm đó đối với cách mạng nước ta hiện nay?	Hướng dẫn sinh viên thực hành nhóm; từng cá nhân tiến hành phê phán, phản biện chỉ rõ tính sai trái.	A1 A4 A6	[1]. Đọc chương 3 mục 3.3 [5]. Đọc chương 2
LLO6 LLO19 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Vận dụng kiến thức đã học, nhận diện và giải thích những điều kiện đảm bảo cho Việt Nam quá độ lên CNXH theo phương thức quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.	Hướng dẫn sinh viên trao đổi theo nhóm, nộp sản phẩm và báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[5]. Đọc chương 2
LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc tài liệu và tóm tắt các nội dung sau + Những điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội CSCN + Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội + Tại sao cần thực hiện thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? + Thu thập một số quan điểm sai trái, thù địch về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và chỉ rõ tính chất sai trái, thù địch của những quan điểm đó. - Làm bài tập: Hoàn thiện 6 câu hỏi trắc nghiệm do GV đưa ra	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học - Yêu cầu SV: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1]. Đọc chương III [4]. Đọc Cương lĩnh [5]. Đọc chương 2
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa				
LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết)	- Thuyết trình, tình huống	A1 A3 A4	[1]. Đọc chương IV

LLO19	4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.3. Hệ thống chính trị XHCN 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN 4.3. Dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở VN 4.3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay	- Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A5 A6	[2]. Đọc Báo cáo của Ban chấp hành TW Đảng [3]. Đọc Báo cáo phương hướng phát triển đất nước [5]. Đọc chương 3
LLO17 LLO19 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) 1. Nhận diện, đấu tranh phản bác những hành vi tham nhũng ở nước ta và những biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về dân chủ. 2. Việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa như thế nào đối với việc thực thi quyền con người và quyền công dân ở Việt Nam hiện nay?	- Hướng dẫn SV độc lập làm bài tập cá nhân - Hoàn thiện bài tập tại lớp - Trao đổi với GV (nếu cần)	A1 A2	[1]. Đọc chương IV [3]. Đọc Báo cáo phương hướng phát triển đất nước
LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ, hãy tham góp ý kiến vào việc xây dựng quy chế dân chủ ở trường phổ thông và thực hiện quyền kiểm tra, giám sát để chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở trường phổ thông.	Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm, thiết lập 1 bản góp ý đối với việc xây dựng quy chế dân chủ ở trường phổ thông	A1 A2 A4	[1]. Đọc chương IV [5]. Đọc chương 3
LLO17 LLO19 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Xem video do GV đưa ra, nhận diện và phản bác âm mưu của các thế lực phản động thù địch trong vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhân quyền ở nước ta hiện nay. Chỉ ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục?	Hướng dẫn SV thảo luận theo nhóm: - Chỉ rõ được các quan điểm sai trái, thù địch - Lý giải được âm mưu, thủ đoạn của	A1 A2 A3	[1]. Đọc chương IV

	(Xem video tại https://www.youtube.com/watch?v=x-8g-DW94cU/ Đẩy lùi 2 mũi tấn công nguy hiểm mang tên Dân chủ - Nhân quyền)	các thể lực phản động, thù địch - Xác định được nguyên nhân và các biện pháp khắc phục		
LLO7 LLO8	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Dân chủ là gì? + Trong lịch sử có mấy nền dân chủ? + Bản chất của nền dân chủ XHCN trên từng bình diện cụ thể: Chính trị, kinh tế, văn hóa- xã hội + Dân chủ và Nhà nước XHCN có mối quan hệ như thế nào? + Bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam. + Một số những biểu hiện vi phạm dân chủ trong thực tiễn. - Làm bài tập: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	[1]. Đọc chương IV [4]. Đọc cương lĩnh [5]. Đọc chương 3
Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH				
LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 5.1. Cơ cấu xã hội- giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở VN 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở VN 5.3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở Việt Nam	-Thuyết trình, tình huống - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A3 A4 A5 A6	[1]. Đọc chương V

	5.3.2.2. <i>Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở VN</i>			
LLO10 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Luận chứng vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	Hướng dẫn SV đọc lập làm bài tập tại lớp, và nộp báo cáo cho GV	A1 A2	[1]. Đọc chương V
LLO10 LLO21	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện và đánh giá những yếu tố tác động, chi phối đến xu hướng biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta hiện nay?	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm viết báo cáo - Nộp báo cáo cho giảng viên	A4 A6	[1]. Đọc chương V
LLO10 LLO21	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Những thuận lợi, khó khăn, thách thức đối với quá trình xây dựng và phát huy khối liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam?	- Hướng dẫn SV trao đổi cặp đôi, hoàn thiện báo cáo - GV gọi ngẫu nhiên SV báo cáo	A3 A6	[1]. Đọc chương V
LLO9 LLO10	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH. + Cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam hiện nay? + Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Đánh giá vai trò, vị trí của các giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Nhận diện xu hướng biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học	A1	[1]. Đọc chương V
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
LLO11 LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc 6.1.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc 6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở VN	- Dạy học dựa trên vấn đề thông qua tình huống thực tiễn - Kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn. - Sử dụng phim tư liệu	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương VI

	6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 6.2.1.1. <i>Bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo</i> 6.2.1.2. <i>Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH</i> 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay 6.2.2.1. <i>Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam</i> 6.2.2.2. <i>Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay</i> 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở VN 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở VN hiện nay			
LLO12 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Nhận diện và phân tích những khó khăn, rào cản trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	- Hướng dẫn SV làm việc độc lập tại lớp - SV báo cáo trước lớp	A1 A2	[1]. Đọc chương VI
LLO19 LLO21	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Xem video do GV đưa ra và vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc để nhận diện, phê phán âm mưu, thủ đoạn và phương thức lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực phản động, thù địch.	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm để nhận diện, tranh luận, phê phán âm mưu, thủ đoạn và phương thức lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực phản động, thù địch	A1 A4	[1]. Đọc chương VI
LLO12 LLO19 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay? Trách nhiệm của nhà giáo đối với việc giáo dục quyền bình đẳng dân tộc và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho học sinh ở địa phương nơi cư trú?	Hướng dẫn SV trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo, trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương VI
LO1- LO19	Kiểm tra định kỳ (1 tiết)	Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo qui định	A5	[1]. Đọc chương

				1,2,3,4,5,6
LLO12	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Khái niệm dân tộc, tôn giáo + Phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín dị đoan. + Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin? + Những biểu hiện lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc ở Việt Nam hiện nay? + Ôn tập, hệ thống hóa lại những kiến thức đã học về sứ mệnh lịch sử của GCCN; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ XHCN; Liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[1]. Đọc chương VI
Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
LLO13 LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa 7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH	- Giảng viên giảng dạy qua tình huống thực tiễn. - Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn, thảo luận nhóm - Sắm vai	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương VII
LLO14 LLO20	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Luận giải sự biến đổi trong chức năng gia đình ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV làm tại lớp, trao đổi với GV	A1 A2 A6	[1]. Đọc chương VII

LLO14 LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng gia đình mới, tiến bộ để nhận diện và phê phán những biểu hiện bất bình đẳng giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm - Mỗi nhóm xây dựng 1 kịch bản - - Sắm vai theo kịch bản	A1 A4	[1]. Đọc chương VII
LLO14 LLO19 LLO20 LLO21	* Nội dung thảo luận nhóm: (1 tiết) 1. Nhận diện và đánh giá những yếu tố chi phối, tác động đến việc xây dựng gia đình mới, tiến bộ ở Việt Nam. 2. Những yêu cầu về phối kết hợp giữa giáo dục Nhà trường, giáo dục gia đình trong bối cảnh hiện nay?	Hướng dẫn SV trao đổi cặp đôi, cử đại diện báo cáo, trả lời phát vấn	A1 A3	[1]. Đọc chương VII
LLO13 LLO14	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc tài liệu, tổng hợp và khái quát nội dung: Mỗi quan hệ của gia đình và xã hội; chức năng của gia đình; những xu hướng biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay. - Tìm hiểu những biến đổi của gia đình ở địa phương nơi cư trú. - Những biểu hiện về bất bình đẳng giới trong thực tiễn hiện nay. - Tìm hiểu những tiêu chí, yêu cầu về xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay.	-Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Các nhóm xây dựng kịch bản và nộp GV duyệt trước khi thực hành trên lớp.	A1	[1]. Đọc chương VII

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Rộng, sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết, máy chiếu và các thiết bị đi kèm, mạng internet.
- Điều kiện khác: Loa, micro

7.4: 60HCM121, Tư tưởng Hồ Chí Minh (HOCHIMINH'S THOUGHTS)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	12	8	40
2	Bài tập	2	4	21
3	Thực hành	6		
4	Thảo luận	3	3	

5	Kiểm tra, đánh giá	1		
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: 60SSO121 - Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: TTHCM – Lịch sử ĐCSVN; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@dhsptn.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	phamthihuyen@dhsptn.edu.vn
3	Th.s Thái Hữu Linh	0388 644 227	linhth@tnue.edu.vn
4	TS Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
5	TS Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlysptn@gmail.com
6	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	tuananahgdct@gmail.com
7	Th.s Nguyễn Thị Minh Hiền	0979858677	hienntm.poli@tnue.edu.vn
8	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận giải được những vấn đề về khái niệm, đối tượng, phương pháp, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO2: Chứng minh được những vấn đề lý luận cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO3: Luận chứng được quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

CO4: Đánh giá được giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.

* Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được các kiến thức đã học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành chuyên môn nghiệp vụ; phân tích, đánh giá và phản biện được các quan điểm sai trái về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

CO6: Tổ chức thực hiện được hoạt động dạy học, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm nhằm phát triển năng lực học sinh ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Tạo dựng được văn hóa và thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO8: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn về tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân tích được khái niệm, đối tượng nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO1, PLO3
	CLO2	Vận dụng được phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO1, PLO3
CO2	CLO3	Phân tích được cơ sở thực tiễn, lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO1,PLO3, PLO4
	CLO4	Đánh giá được quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn.	PLO1,PLO3, PLO4
CO3	CLO5	Luận chứng được tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	PLO1,PLO3, PLO4
	CLO6	Phân tích được tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.	PLO1,PLO3, PLO4
	CLO7	Đánh giá được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.	PLO1,PLO3, PLO4
	CLO8	Phân tích được tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người.	PLO1,PLO3, PLO4
CO4	CLO9	Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng và Nhà nước vào thực tiễn cách mạng và công tác phòng chống tham nhũng hiện nay.	PLO1,PLO3, PLO4
	CLO10	Đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế và xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	PLO3, PLO4
	Kỹ năng		

CO5	CLO11	Tổ chức và quản lý được các hoạt động trải nghiệm, thực hành chuyên môn về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sáng tạo trong môi trường giáo dục.	PLO11, PLO12
	CLO12	Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và phản biện các quan điểm sai trái về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.	PLO11, PLO12
CO6	CLO13	Tổ chức thực hiện được hoạt động dạy học, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua kỹ năng giao tiếp, thuyết trình cho học sinh ở trường phổ thông.	PLO11, PLO12
	CLO14	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học theo nhóm về tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát triển năng lực học sinh ở trường phổ thông.	PLO11, PLO12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO7	CLO15	Tạo dựng được môi trường văn hóa ứng xử và thực hiện nghiêm túc quy định về đạo đức nhà giáo theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.	PLO13
	CLO16	Tuân thủ và vận dụng hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ quan dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO13
CO8	CLO17	Hình thành và phát triển được năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc độc lập trong việc học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO14
	CLO18	Tổ chức và điều phối được hoạt động nhóm để nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu và ứng dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

[illegible]

CLO6	x		x	x											
CLO7	x		x	x											
CLO8			x	x											
CLO9			x	x											
CLO10			x	x											
CLO11											x	x			
CLO12											x	x			
CLO13											x	x			
CLO14											x	x			
CLO15													x		
CLO16													x		
CLO17														x	
CLO18															x
MĐG	3	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	2	1	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14, 15, 16, 17, 18
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2,3,5,6,7,9,10,11,12
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,3,5,6,7,9,10,11,12
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14, 15, 16, 17, 18

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80%

					nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0 %)					
	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Khánh Bật (Chủ biên): Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2000, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Đinh Xuân Lý - Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên): Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Song Thành : Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, Thư viện Quốc gia, (Nguồn TTHL).

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[6]. Chỉ thị số 03 – CT/TW ngày 14/5/2011 và 05 ngày 15/5/ 2016 của Bộ Chính trị (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>).

[7]. Nghị quyết Trung ương IV khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” - ban hành ngày 16/1/2012, (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>).

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân loại được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO2	Đánh giá được ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.
LLO3	Giải thích được những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO4	Chứng minh được chủ nghĩa Mác – Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO5	Đánh giá được những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.
LLO6	Làm rõ được những luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.
LLO7	Lập luận được vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam
LLO8	Mô tả được những quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
LLO9	Đánh giá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO10	Phân biệt được các giai đoạn của con đường đi lên CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO11	Luận chứng được vai trò, bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh
LLO12	Liên hệ trách nhiệm của bản thân trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch về nhà nước, dân tộc, về cách mạng xã hội chủ nghĩa.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO13	Bảo vệ được những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
LLO14	Liên hệ trách nhiệm của bản thân trong công tác phòng chống tham nhũng hiện nay
LLO15	Chứng minh được những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là phù hợp với thực tiễn.
LLO16	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn hiện nay.
LLO17	Hình thành được niềm tin của bản thân vào quá trình xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
LLO18	Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong hoạt động thực tiễn.
LLO19	Tóm tắt được các luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế
LLO20	Bảo vệ được quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong thời đại ngày nay.
LLO21	Luận giải được vấn đề cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, xây dựng con người.
LLO22	Luận chứng được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
LLO23	Vận dụng được những chuẩn mực đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề sau: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng - Thực hiện bình đẳng giới - Thực hiện quyền con người, quyền công dân - Thực hiện đạo đức nhà giáo

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)																		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
LLO8					x														
LLO9					x														
LLO10					x														
LLO11						x													
LLO12									x			x							
LLO13						x			x										
LLO14									x						x			x	
LLO15						x													
LLO16						x			x										
LLO17						x													
LLO18							x			x									
LLO19							x												
LLO20							x			x									
LLO21								x											
LLO22								x											
LLO23										x						x	x		x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2 Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp nghiên cứu 1.3. Ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên	-Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1,A 6	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1 [3]: Đọc chuyên đề 1 [4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta nhận thức, kế	Bài tập	A1, A2, A3	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1

	thừa và phát triển qua các thời kỳ cách mạng. - Đánh giá được ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên hiện nay.			[3]: Đọc chuyên đề 1 [4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
LLO1, LLO2	B. Nội dung tự học (6 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1 [3]: Đọc chuyên đề 1 [4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh				
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.2. Cơ sở lý luận 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1. Giai đoạn trước 1911 2.2.2. Giai đoạn 1911 – 1920 2.2.3. Giai đoạn 1920 – 1930 2.2.4. Giai đoạn 1930 – 1941 2.2.5. Giai đoạn 1941 – 9/1969 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam 2.3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại	Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Hãy chỉ rõ những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại sao đó là những bước tiến trong nhận thức và quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh ?	Thực hành nhóm	A1, A4	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2

LLO3 LLO4	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Tại sao chủ nghĩa Mác – Lênin giữ vai trò quyết định đến bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A1, A3	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (8 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội				
LLO5 LLO6 LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề về độc lập dân tộc 3.1.2. Vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc dân 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và với chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4

	3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3.4. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay 3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.4.2. Phát huy sức mạnh chủ nghĩa xã hội 3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.			
LLO5 LLO6	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Trong công cuộc đổi mới hiện nay tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, vận dụng, phát triển như thế nào?	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2, A3	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4
LLO5 LLO6 LLO7 LLO9 LLO10	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Bằng lý luận và thực tiễn chứng minh rằng: Ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tư tưởng về bạo lực cách mạng và khả năng, giải pháp hòa bình. 2. Chứng minh sự sáng tạo trong quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ trương kháng chiến lâu dài trong sự nghiệp chống thực dân, đế quốc?	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1, A3	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4

LLO 8 LLO9 LLO10	* Nội dung thực hành: (1 tiết) - Nhận diện, đánh giá những lực cản trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh. - Chứng minh tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, giảng viên giao nhiệm vụ sinh viên chuẩn bị và báo cáo theo nhóm	A1, A4	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4
LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung tự học, trả lời các câu hỏi của giảng viên trong giờ học. Hoàn thành các sản phẩm cho giảng viên	A1	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân				
LLO11 LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết) 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1.1. Nhà nước dân chủ 4.1.2. Nhà nước pháp quyền	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4

	4.1.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước 4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 4.3.2. Xây dựng Nhà nước			
LLO11 LLO12 LLO15	* Nội dung thực hành: (1 tiết) - Suy tầm, phân tích và kể chuyện các tấm gương về những đảng viên tiêu biểu trong việc phát triển kinh tế, tích cực tham gia các hoạt động ở địa phương. - Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thông qua hoạt động nào?.	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp	A1, A4	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO11 LLO16	* Nội dung bài tập: (1 tiết) - Làm rõ tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan điểm ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Ý nghĩa của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền nhân nghĩa trong bảo đảm và phát huy quyền con người giai đoạn hiện nay	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO12 LLO13 LLO14 LLO15 LLO23	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam để đánh giá công tác phòng và chống tham nhũng, lãng phí trong Đảng và cơ quan Nhà nước hiện nay	Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm, oàn thiện báo cáo bài tập và nộp cho giảng viên đúng hạn	A1, A3	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4

	- Chứng minh rằng: Ở Hồ Chí Minh luôn thể hiện sự thống nhất giữa Đức trị và Pháp trị trong việc xây dựng Nhà nước.			
LLO11 LLO14	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên tìm hiểu tài liệu, chuẩn bị nội dung báo cáo sản phẩm cho giảng viên trong giờ học.	A1	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế				
LLO17 LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải thực hiện đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế	Giảng viên thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8

	5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công-nông-trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 5.3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế			
LLO18 LLO19	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) - Luận giải những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam. - Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ thể của ĐĐKTTDT, anh chị hãy liên hệ với việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
LLO17 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Đánh giá ý nghĩa phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp.	A1, A4	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
LLO17 , LLO19	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm	A1, A3	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8

	*Bài kiểm tra định kì (1 tiết) <i>Thời gian làm bài: 45 phút</i> <i>Hình thức kiểm tra: Tự luận</i>	Tổ chức cho sinh viên làm bài theo quy định	A5	chương 1, chương 2, chương 3, chương 4.
LLO17 LLO18	B. Nội dung tự học: (12 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 5 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên chuẩn bị tài liệu về nội dung đã được cung cấp. Trả lời các câu hỏi của giảng viên.	A1	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người				
LLO20 LLO21	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết) 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng 6.2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.3. Quan điểm về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người	Thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A6	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8 [4]: Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị

	6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Vận dụng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Về xây dựng đạo đức cách mạng			
LLO2 LLO22	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) So sánh những chuẩn mực đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh với các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo hiện nay.	Sinh viên viết báo cáo cá nhân, giảng viên gọi ngẫu sinh viên lên báo cáo trước lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8 [4]: Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chi thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
LLO20 LLO21	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Xây dựng kế hoạch rèn luyện đạo đức cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	Sinh viên thực hành, báo cáo trước lớp, các sinh viên khác phản biện.	A1, A4	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8 [4]: Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chi thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
LLO21 LLO22 LLO23	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chuẩn mực Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư để nhận diện và đấu tranh phòng chống tham nhũng hiện nay.	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A1, A3	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8 [4]: Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chi thị số 03, 05 của Bộ Chính trị

LLO20 LLO21 LLO22 LLO23	B. Nội dung tự học: (13 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 6 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên, làm bài tập các nội dung được giao và nộp cho giảng viên.	A1	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8 [4]: Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
----------------------------------	--	--	----	--

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: Loa, micro.

75: 60HPV121, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (HISTORY COMMUNIST PARTY VIETNAM)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	20	0	40
2	Bài tập	6	0	21
3	Thực hành	6	0	
4	Thảo luận	6	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	1	0	61
Tổng		39	0	

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (60HCM121)
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
2	TS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	anhnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Trần Thanh An	0973 474 393	antt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979 858 677	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

CO2: Luận giải được sự ra đời, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

CO3: Vận dụng được những bài học kinh nghiệm của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào thực tiễn và hoạt động chuyên môn.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp để giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động dạy học và thực tiễn.

CO5: Phản biện được các quan điểm sai trái, thù địch với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước.

CO7: Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học theo nhiệm vụ của học phần.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Phân loại được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO1,3,4
CO2	CLO2	Chứng minh được quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.	PLO1,3,4
	CLO3	Giải thích được quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ 1930 đến 1975.	PLO1,3,4
	CLO4	Luận giải được quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới	PLO1,3,4
CO3	CLO5	Chứng minh được giá trị thực tiễn từ những bài học lớn của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.	PLO1,3,4
Kỹ năng			
CO4	CLO6	Vận dụng được kiến thức đã học để thuyết trình, báo cáo những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PLO11,12
CO5	CLO7	Vận dụng được các kiến thức đã học để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.	PLO11,12

Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO8	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.		PLO13,15
CO7	CLO9	Giải quyết được công việc độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả.		PLO14,15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x	x											
CLO2	x		x	x											
CLO3	x		x	x											
CLO4	x		x	x											
CLO5	x		x	x											
CLO6											x	x			
CLO7											x	x			
CLO8													x		x
CLO9														x	x
MDG	3	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	2	1	1	2

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một GPLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3 CLO4,5,6,7 CLO9
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 2,3, 4, CLO5, 6,7, CLO9
4	A4. Thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO 2, 3, 4, CLO5, 6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,3, CLO4,5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, CLO4, 5

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ

					lên lớp lý thuyết
--	--	--	--	--	-------------------

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

			nhưng còn một vài sai sót quan trọng		
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5 Thiếu rõ ràng	0,5 đến < 1,0 Tương đối rõ ràng	1,0 đến < 1,5 Khá mạch lạc, rõ ràng	1,5 đến 2,0 Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25 Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	0,25 đến < 0,5 Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	0,5 đến < 0,75 Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	0,75 đến 1,0 Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25 Trả lời sai đa số các câu hỏi	0,25 đến < 0,5 Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	0,5 đến < 0,75 Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	0,75 đến 1,0 Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25 Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	0,25 đến < 0,5 Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	0,5 đến < 0,75 Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	0,75 đến 1,0 Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25 Không tham gia thảo luận và chia sẻ	0,25 đến < 0,5 Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	0,5 đến < 0,75 Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	0,75 đến 1,0 Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5 Không thực hiện được các thao tác, quy trình	0,5 đến < 1,0 Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	1,0 đến < 1,5 Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	1,5 đến 2,0 Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0 Kết quả thực hành không	1,0 đến < 2,0 Kết quả thực hành đầy đủ và	2,0 đến < 2,5 Kết quả thực hành đầy đủ và	2,5 đến 3,0 Kết quả thực hành đầy đủ

		đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Hoàng Thu Thủy (Chủ biên), Trần Thanh An, Nguyễn Thị Minh Hiền (2022), *Giáo trình Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[3]. Hoàng Thu Thủy, Nguyễn Hữu Toàn (Đồng chủ biên) (2023), *Giáo trình Văn kiện Đảng*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
LLO2	Phân loại được các phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
LLO3	Luận giải được hoàn cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam;
LLO4	Chứng minh được vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
LLO5	Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930).

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO6	Chứng minh được ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
LLO7	Giải thích được quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng từ 1930 đến 1945.
LLO8	Luận giải được quá trình Đảng lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)
LLO9	Phân tích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (1946-1954)
LLO10	Phân tích được đường lối của Đảng trong giai đoạn 1954 - 1965
LLO11	Giải thích được đường lối của Đảng trong giai đoạn 1965 – 1975
LLO12	Giải thích được đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước được thể hiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12/1976) và lần thứ V (3/1982) của Đảng.
LLO13	Vận dụng được kiến thức để giải thích quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước (1986 -1996)
LLO14	Luận giải được quá trình Đảng lãnh đạo đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế (1996-2018)
LLO15	Khái quát được những bài học lớn của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
LLO16	Luận giải được những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
LLO17	Phản bác được âm mưu của các thế lực phản động, thù địch phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, chống phá cách mạng Việt Nam; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.
LLO18	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề sau: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh phòng, chống tham nhũng; thực hiện quyền bình đẳng giới; thực hiện quyền con người, quyền công dân; thực hiện đạo đức nhà giáo.
LLO19	Giải quyết được công việc độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	x								
LLO2	x								
LLO3		X							
LLO4		X							
LLO5			x						
LLO6			x						
LLO7			x						

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO8			x						
LLO9			x						
LLO10			x						
LLO11			x						
LLO12				x					
LLO13				x					
LLO14				x					
LLO15					x				
LLO16					x	X			
LLO17						X	x		
LLO18								x	
LLO19									x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1. Các sự kiện lịch sử Đảng 1.2. Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn 1.3. Chỉ đạo, tổ chức thực tiễn trong tiến trình cách mạng 1.4. Hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu
LLO2	III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1	[1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu

	3.2. Các phương pháp cụ thể IV. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm		
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập (1 tiết) Tại sao phải học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh hiện nay?	Bài tập cá nhân Yêu cầu SV Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A2	1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu
LLO6 LLO19	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - Yêu cầu sinh viên: Tự học và rút ra ý nghĩa của việc học tập môn học và liên hệ bản thân; nộp sản phẩm cho giảng viên.	<i>SV tự học.</i> Yêu cầu SV: <i>tự đọc hiểu và thảo luận nhóm.</i>	A1	1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu
Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO19	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) 1.1.1. Bối cảnh lịch sử	- <i>Thuyết trình (của GV)</i> - <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1 A6	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4 LLO17	1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng	- <i>Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu</i> - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1, A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1

				[5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO5 LLO17	1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO6 LLO17	1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO7 LLO17 LLO19	1.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng năm 1930 - 1931 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO3 LLO4 LLO19	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Hãy phân tích nhận định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” của Nguyễn Ái Quốc.	- Định hướng sinh viên làm bài tại lớp - Yêu cầu sinh viên: Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1

LLO7 LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Tìm hiểu những hoạt động đấu tranh vì quyền con người của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 – 1945.	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm - Cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1 A4	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO7 LLO17 LLO19	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Có người cho rằng: “Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự “ăn may” của lịch sử”. Bằng kiến thức đã học, hãy nêu quan điểm của em về vấn đề này?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO3 LLO4 LLO19	B. Nội dung tự học: (11 tiết) - Đọc tài liệu và làm rõ nội dung: Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?	<i>Sinh viên tự học.</i> - Yêu cầu đối với SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở + Nộp sản phẩm cho giảng viên.	A1	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	

		Dạy học	Đánh giá	
LLO8 LLO17 LLO19	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 2
LLO9 LLO17 LLO19	2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 - 1950) 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951 - 1954) 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A3 A6	[1].Đọc Chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 2
LLO10 LLO17 LLO19	2.2 Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 – 1975) 2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954 – 1965)	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 3
LLO11 LLO17 LLO19	2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 – 1975) 2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 3
LLO8 LLO19	* Nội dung bài tập (1 tiết) Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc giải quyết khó khăn, thử thách như “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 -1946 và một số kinh nghiệm?	Yêu cầu SV - Làm bài tại lớp - Trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2.	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc chương 2 [3]. Đọc Chương 2
LLO10 LLO11 LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Thiết kế 1 sản phẩm để tuyên truyền về hoạt động của phụ nữ Việt Nam trong	- Định hướng SV tiến hành	A1 A4 A6	[1].Đọc Chương 2 [2].Đọc Chương 3, 4

	kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).	thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm - Cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.		[3]. Đọc Chương 3
LLO10 LLO11 LLO19	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Phân tích vai trò của hậu phương miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954-1975.	Đọc tài liệu, chuẩn bị báo cáo, - Thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày trước lớp; nộp sản phẩm	A1 A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 3
LLO8 LLO9 LLO10 LLO11	B. Nội dung tự học: (16 tiết) - Đọc chương 2 và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	- GV định hướng SV đọc tài liệu - Yêu cầu sinh viên: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 2, Chương 3
Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO12 LLO16 LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 3.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3	[1].Đọc chương 3 [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4
LLO13 LLO16 LLO17	3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3 A6	[1].Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO14 LLO16 LLO17	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ 1996 đến nay) 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3 A6	[1].Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO14 LLO18	* Nội dung bài tập (2 tiết) Đánh giá những thành tựu, hạn chế trong công tác lãnh đạo của Đảng về bình đẳng giới, quyền con người, dân chủ ở cơ sở, tham nhũng.	- Làm bài tập theo nhóm; thuyết trình trước lớp; nộp sản phẩm	A1 A2.	[1].Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO14 LLO18	* Nội dung thực hành: (3 tiết)	Thực hành nhóm.	A1 A4	[1].Đọc chương III

	Tìm kiếm những hoạt động của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong đấu tranh, bảo vệ quyền con người giai đoạn hiện nay.	Yêu cầu SV: - Đọc tài liệu, thực hiện yêu cầu nội dung thực hành. - Báo cáo tại lớp và nộp sản phẩm cho GV	A6	[2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO14 LLO16 LLO17 LLO18 LLO19	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Đánh giá thực trạng thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ thời kỳ đổi mới? Liên hệ đến trách nhiệm của nhà giáo trong thực hiện chính sách của Đảng về giáo dục và đào tạo. 2. Phản biện những quan điểm sai trái, thù địch trong chống phá đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	Yêu cầu SV - Chia nhóm thảo luận. Mỗi nhóm chọn 1 nội dung để thực hiện thảo luận. - Chuẩn bị báo cáo, nộp sản phẩm.	A1 A3 A6	1]. Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO8 LLO9 LLO10 LLO11 LLO12 LLO13 LLO14 LLO16	* Bài kiểm tra định kì: Thời gian làm bài: 1 tiết - Yêu cầu: + Thời gian làm bài 60 phút + Hình thức kiểm tra tự luận + Nội dung: SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	Yêu cầu SV Sinh viên tự học, chuẩn bị tài liệu.	A1 A5	1]. Đọc chương 2, Chương 3 [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 3, Chương 4
LLO13 LLO14 LLO19	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đọc chương 3 và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (bài viết khoảng 4 trang).	A1	1]. Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
Kết luận				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	

		Dạy học	Đánh giá	
LLO15 LLO17 LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng 3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A3 A6	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 1, Chương 3, Chương 6, Chương 7
LLO15 LLO16 LLO18 LLO19	* Nội dung bài tập (1 tiết) Tìm hiểu một số hoạt động của chính quyền địa phương trong thực hiện phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” nơi cư trú.	- Làm bài tập cá nhân; thuyết trình trước lớp; nộp sản phẩm	A1 A3 A6	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 3
LLO15 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Sự vận dụng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.	Thực hành nhóm. Yêu cầu SV - Đọc tài liệu, thực hiện yêu cầu nội dung thực hành. - Báo cáo tại lớp và nộp sản phẩm cho GV	A1 A2.	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 6
LLO15 LLO19	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Từ thành tựu của đất nước 35 đổi mới, anh (chị) hãy phân tích nhận định: “ <i>Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay</i> ”. (Trích: Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), <i>Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII</i> , tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.39).	Thảo luận nhóm tại lớp Yêu cầu SV: - Chia nhóm, mỗi nhóm thảo luận một lĩnh vực trong các lĩnh vực sau: Chính trị, kinh tế, văn hoá, đối ngoại. - Chuẩn bị báo cáo, trình bày,	A1 A4	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 7

		nộp sản phẩm.		
LLO15 LLO19	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc Kết luận và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	Sinh viên tự học. Yêu cầu SV tự đọc và thảo luận nhóm ; nêu các nội dung cần giải đáp (nếu có).	A1	[1].Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 1, Chương 3, Chương 6, Chương 7

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè, ấm áp vào mùa đông.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu, loa, micro tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.6: 60GEL121, Pháp luật đại cương (GENERAL LAW)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	5	15	40
2.	Bài tập	6	0	21
3.	Thực hành	6	0	
4.	Thảo luận	6	0	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	1	0	
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa

Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
3.	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
4.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn

5.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
6.	ThS. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
7.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật vào trong hoạt động thực tiễn.

CO2. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong cuộc sống và công việc.

* Về kỹ năng:

CO3. Giao tiếp hiệu quả, đúng pháp luật với người học, đồng nghiệp và phụ huynh bằng các kiến thức đã học.

CO4. Vận dụng được các kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tế.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO5. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO6. Thực hành được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Diễn giải được những khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật.	PLO1, PLO3, PLO4
	CLO2	Sử dụng các kiến thức pháp luật đã học để nhận diện quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật trong thực tế.	PLO1, PLO3, PLO4
	CLO3	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật để thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.	PLO1, PLO3, PLO4
CO2	CLO4	Sử dụng được các kiến thức pháp luật của một số ngành luật trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật.	PLO1, PLO3, PLO4
Kỹ năng			
CO3	CLO5	Thực hiện được các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho người học trong quá trình dạy học.	PLO11, PLO12
CO4	CLO6	Xây dựng được phương án giải quyết một số tình huống pháp lý xảy ra trong thực tế.	PLO11, PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO7	Tuân theo các quy định pháp luật về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường học.	PLO15

CO7	CLO8	Thực hành được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.	PLO14,PLO15
-----	------	---	-------------

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x		x	x											
CLO2	x		x	x											
CLO3	x		x	x											
CLO4	x		x	x											
CLO5											x	x			
CLO6											x	x			
CLO7															x
CLO8														x	x
MDG	3	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	2	0	1	2

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một GPLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9

3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-9
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50-64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên	Nội dung sản phẩm đáp ứng	Nội dung sản phẩm đáp ứng	Nội dung sản phẩm đáp

đáp ứng yêu cầu		quan đến bài tập.	50-64% yêu cầu.	65-79% yêu cầu.	ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic.	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.

* Rubric đánh giá bài thực hành nhóm

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.

		minh còn nhiều lỗi logic.	logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	nhưng chưa sâu sắc.	
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0 Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	1,0 đến < 1,3 Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	1,3 đến < 1,6 Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	1,6 đến 2,0 Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.

[3]. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946) (2014), Nxb Lao động.

[4]. Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) (2017), Nxb Lao động.

[5]. Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

[6]. Luật hôn nhân và gia đình: có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 (2014), Nxb Lao động.

[7]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016) (2017), Nxb Lao động.

[8]. Luật Phòng Chống tham nhũng (2018), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

[9]. Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013): Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính (2014), Nxb Lao động.

[10]. Luật Bình đẳng giới (hiện hành), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

9.3. Website

[11]. Website cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật:

<http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx>

[12]. Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật: <http://www.moj.gov.vn/Pages/vbpq.aspx>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Chứng minh được nhà nước là một hiện tượng lịch sử xã hội.
LLO2	Phân loại được các hình thức nhà nước, chức năng của nhà nước, kiểu nhà nước.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO3	Liên hệ được với hình thức, kiểu nhà nước của Việt Nam; vận dụng quan điểm duy vật lịch sử để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề nhà nước, dân tộc, cách mạng xã hội.
LLO4	Luận giải được các nguyên nhân dẫn đến sự ra đời pháp luật.
LLO5	Phân loại được các hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật.
LLO6	Liên hệ được để giải thích về các hành vi thực hiện pháp luật, cơ cấu của quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.
LLO7	Bày tỏ được quan điểm về hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật.
LLO8	Liên hệ được với việc xây dựng pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay và vấn đề thực hiện đạo đức nhà giáo.
LLO9	Xác định được các dấu hiệu để nhận biết hành vi vi phạm pháp luật.
LLO10	Tự giải quyết được các vấn đề đặt ra trong bài tập cá nhân và hợp tác để hoàn thành bài thảo luận nhóm, bài thực hành nhóm Chương 2.
LLO11	Diễn giải được hệ thống cấu trúc của pháp luật Việt Nam.
LLO12	Phân loại được các văn bản quy phạm pháp luật, các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
LLO13	Diễn giải được những nội dung cơ bản của ngành luật Hiến pháp Việt Nam: chế độ chính trị; chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước...
LLO14	Thực hành được các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục luật Hiến pháp cho người học.
LLO15	Thực hiện được sự hỗ trợ trong hoạt động thảo luận nhóm để hoàn thành được nhiệm vụ chung của Chương 4.
LLO16	Luận giải được về ngành luật Hành chính,vi phạm hành chính, các hình thức xử lý hành chính, hành vi khiếu nại, tố cáo.
LLO17	Thực hiện được hoạt động tư vấn cho người học về pháp luật hành chính.
LLO18	Sử dụng được kiến thức đã học để xác định thẩm quyền và hình thức xử lý vi phạm hành chính trong các tình huống thực tế.
LLO19	Thực hiện được các quy định của luật Hành chính để giữ gìn đạo đức nhà giáo.
LLO20	Độc lập giải quyết bài tập cá nhân và hợp tác để hoàn thành bài thảo luận Chương 5.
LLO21	Diễn giải được những nội dung cơ bản của ngành luật dân sự.
LLO22	Thể hiện được khả năng thuyết trình, xây dựng và giải quyết tình huống về luật dân sự
LLO23	Giải quyết được các tình huống về luật Dân sự nảy sinh trong thực tế.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO24	Thực hiện được các quy định của luật Dân sự trong cuộc sống và công việc.
LLO25	Thực hành được kỹ năng giao tiếp, hợp tác để hoàn thành bài thực hành, thảo luận nhóm Chương 6.
LLO26	Phân loại được tội phạm và hình phạt.
LLO27	Xác định được những dấu hiệu cơ bản của tội phạm để đấu tranh phòng, chống tội phạm.
LLO28	Thể hiện được cách giải quyết của bản thân về các tình huống pháp luật Hình sự.
LLO29	Giải quyết được các bài tập các nhân một cách độc lập và hợp tác được với nhóm để hoàn thành nhiệm vụ Chương 7.
LLO30	Xác định được các điều kiện kết hôn, quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình, các căn cứ ly hôn theo quy định của pháp luật hiện hành.
LLO31	Thực hiện được hoạt động tư vấn cho người học về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới.
LLO32	Xây dựng được phương án giải quyết các tình huống pháp luật Hôn nhân và gia đình trong thực tế.
LLO33	Thực hiện được các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới trong cuộc sống và công việc.
LLO34	Thực hành được kỹ năng giao tiếp, hợp tác để hoàn thành bài thực hành, thảo luận nhóm Chương 8.
LLO35	Sử dụng được các kiến thức đã học để tuyên truyền phòng, chống tham nhũng.
LLO36	Thực hành được các hành vi phòng, chống tham nhũng trong trường học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							
LLO2		x						
LLO3			x					
LLO4	x							
LLO5		x						
LLO6		x						
LLO7			x					
LLO8			x					
LLO9					x			
LLO10								x

LLO11	x							
LLO12			x					
LLO13				x				
LLO14					x			
LLO15								x
LLO16				x				
LLO17					x			
LLO18						x		
LLO19							x	
LLO20								x
LLO21				x				
LLO22					x			
LLO23						x		
LLO24							x	
LLO25								x
LLO26				x				
LLO27					x			
LLO28						x		
LLO29								x
LLO30				x				
LLO31					x			
LLO32						x		
LLO33							x	
LLO34							x	
LLO35					x			
LLO36								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Khái quát chung về nhà nước				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (03 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 1.1 Nguồn gốc hình thành nhà nước 1.1.1. Một số quan điểm về nguồn gốc nhà nước giai đoạn trước Mác 1.1.2. Học thuyết Mác – Lênin về nguồn gốc nhà nước 1.1.3. Định nghĩa nhà nước 1.2. Bản chất của nhà nước 1.2.1. Tính giai cấp của nhà nước 1.2.2. Vai trò xã hội của nhà nước 1.3. Đặc trưng của nhà nước	- <i>Nêu vấn đề.</i> - <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1
LLO2	1.4. Hình thức nhà nước và chế độ chính trị 1.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước 1.4.2. Hình thức chính thể nhà nước 1.4.3. Hình thức cấu trúc nhà nước 1.4.4. Chế độ chính trị 1.5. Chức năng của nhà nước 1.5.1. Khái niệm chức năng của nhà nước 1.5.2. Các chức năng cơ bản của nhà nước 1.6. Kiểu nhà nước 1.6.1. Khái niệm kiểu nhà nước 1.6.2. Các kiểu nhà nước trong lịch sử		A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1
LLO3	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1) Chứng minh kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa có tính ưu việt hơn các kiểu nhà nước khác. 2) Phân biệt nhà nước với một tổ chức kinh tế (ví dụ: một công ty cổ phần).	SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp để GV đánh giá.	A3	[1] Đọc chương 1
LLO2	B. Nội dung tự học: (05 tiết) - <i>Nội dung tự học của người học: đọc tài liệu và chuẩn bị bài phần chức năng của nhà nước và kiểu nhà nước</i>	Tóm tắt lại nội dung đã học, GV kiểm tra lại trên lớp.	A1	[1] Đọc chương 1 [2] Đọc chương 1

Chương 2. Khái quát chung về pháp luật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (06 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 2.1. Nguồn gốc hình thành pháp luật 2.1.1. Học thuyết Mác – Lênin về nguồn gốc pháp luật 2.1.2. Định nghĩa pháp luật 2.2. Bản chất của pháp luật 2.2.1. Tính giai cấp của pháp luật 2.2.2. Vai trò xã hội của pháp luật 2.2.3. Tính dân tộc, tính mở của pháp luật	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2
LLO5, 9	2.3. Quy phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật 2.3.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật 2.4. Quan hệ pháp luật 2.4.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật 2.4.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật 2.5. Thực hiện pháp luật 2.5.1. Khái niệm thực hiện pháp luật 2.5.2. Các hình thức thực hiện pháp luật 2.6. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý 2.6.1. Vi phạm pháp luật 2.6.2. Trách nhiệm pháp lý	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2
LLO8	2.7. Pháp chế xã hội chủ nghĩa 2.7.1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa 2.7.2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa 2.7.3. Những biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1	[1] Đọc chương 2

LLO6,7	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1. Lấy ví dụ về 05 quy phạm pháp luật và phân tích cơ cấu của các quy phạm pháp luật đó. 2. Lấy ví dụ về một quan hệ pháp luật và phân tích các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật đó.	- GV hướng dẫn SV thảo luận nhóm, viết báo cáo. - Đại diện SV báo cáo trước lớp.	A3	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2
LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Phân tích các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật trong tình huống GV đưa ra. 2. Phân biệt các hình thức thực hiện pháp luật. 3. Phân biệt quan hệ xã hội thông thường và quan hệ pháp luật. Cho ví dụ minh họa.	SV làm bài tập nộp cho GV, GV tổng hợp và đánh giá.	A2	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2
LLO9,10	* Nội dung thực hành: (02 tiết) Xây dựng một tình huống có chứa các hành vi thực hiện pháp luật.	- SV chuẩn bị tình huống theo nhóm, xử lý tình huống của nhóm bạn. GV nhận xét, đánh giá.	A4	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2
LLO5,6,7	B. Nội dung tự học: (08 tiết) - Nội dung tự học: Đọc tài liệu chuẩn bị bài cho các nội dung về quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, làm bài tập GV giao trên lớp.	Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV, làm BT theo yêu cầu.	A1	[1] Đọc chương 2 [2] Đọc chương 2

Chương 3. Hệ thống pháp luật Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (02 tiết) * Nội dung lý thuyết: (02 tiết)	- Thuyết trình kết	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 3,

	3.1. Khái niệm và đặc điểm của hệ thống pháp luật Việt Nam 3.1.1. Khái niệm hệ thống pháp luật Việt Nam 3.1.2. Đặc điểm của hệ thống pháp luật Việt Nam 3.2. Hệ thống cấu trúc của pháp luật Việt Nam 3.2.1. Quy phạm pháp luật 3.2.2. Chế định pháp luật 3.2.3. Ngành luật	<i>hợp với trình chiếu.</i> <i>- Thảo luận nhóm.</i>		[2] Chương 17 (mục 1, 2, 3), [7] Đọc toàn bộ văn bản
LLO12	3.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam 3.3.1. Khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật 3.3.2. Các loại văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay 3.4. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	<i>- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 3, [2] Chương 17 (mục 1, 2, 3), [7] Đọc toàn bộ văn bản
LLO11,12	B. Nội dung tự học: (04 tiết) <i>- Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về hệ thống cấu trúc của pháp luật Việt Nam, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.</i>	<i>Chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của GV trên lớp.</i>	A1	[1] Đọc chương 3, [2] Chương 17 (mục 1, 2, 3), [7] Đọc toàn bộ văn bản

Chương 4. Luật Hiến pháp Việt Nam

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (03 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 4.1. Khái quát chung về ngành luật	<i>- Thuyết trình kết hợp với</i>	A1, A5, A6	[1] chương 4, [3] Đọc toàn bộ

	Hiến pháp Việt Nam 4.1.1. Khái niệm ngành luật Hiến pháp 4.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp 4.1.3. Nguồn của ngành luật Hiến pháp 4.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Hiến pháp Việt Nam 4.2.1. Chế độ chính trị 4.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.2.3. Chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường 4.2.4. Tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	<i>trình chiếu.</i> <i>- Thảo luận nhóm.</i>		văn bản
LLO14,15	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Ngành luật Hiến pháp có vai trò như thế nào trong hệ thống pháp luật Việt Nam? 2. Phân tích nội dung một số quyền con người cơ bản được quy định trong Hiến pháp năm 2013. 3. Vẽ sơ đồ mô tả tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.	<i>- GV hướng dẫn SV làm BT.</i>	A2	[1] chương 4, [3] Đọc toàn bộ văn bản
LLO13	B. Nội dung tự học: (05 tiết) <i>- Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về Chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục khoa học công nghệ và môi trường, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức bộ máy nhà nước.</i>	<i>Chuẩn bị bài theo nhóm, trả lời câu hỏi của GV.</i>	A1	[1] chương 4, [3] Đọc toàn bộ văn bản

Chương 5. Luật Hành chính Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 5.1. Khái quát chung về ngành luật Hành chính Việt Nam 5.1.1. Khái niệm ngành luật Hành chính 5.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hành chính 5.1.3. Nguồn của ngành luật Hành chính 5.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Hành chính Việt Nam 5.2.1. Quản lý hành chính nhà nước 5.2.2. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính 5.2.3. Pháp luật về khiếu nại, tố cáo	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm.</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 4 [9] Phần thứ nhất: Điều 2, Điều 5; Phần thứ hai: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
LLO17, 19	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1. Lấy ví dụ về vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính. 2. Phân biệt khiếu nại với tố cáo? Cho ví dụ minh họa về hành vi khiếu nại, tố cáo. 3. Phân tích một số quy định nhằm cụ thể hóa các quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 của pháp luật hành chính Việt Nam.	- <i>GV hướng dẫn SV thảo luận nhóm.</i> - <i>GV định hướng SV viết báo cáo.</i> - <i>Đại diện SV báo cáo trước lớp.</i>	A3	[1] Đọc chương 4 [9] Phần thứ nhất: Điều 2, Điều 5; Phần thứ hai: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
LLO18, 20	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) Xử lý một số tình huống về vi phạm hành chính, khiếu nại, tố cáo mà GV đưa ra.	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập trên lớp.</i>	A2	[1] Đọc chương 4 [9] Phần thứ nhất: Điều 2, Điều 5; Phần thứ hai: Chương 1, Chương 2, Chương 3.

LLO16	B. Nội dung tự học: (06 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về quản lý nhà nước, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về khiếu nại, tố cáo.	GV kiểm tra nội dung tự học của SV bằng phát vấn trên lớp.	A1	[1] Đọc chương 4 [9] Phần thứ nhất: Điều 2, Điều 5; Phần thứ hai: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
-------	---	--	----	---

Chương 6. Luật Dân sự Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO21	A. Nội dung thực hiện trên lớp (05 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 6.1. Khái quát chung về ngành luật Dân sự Việt Nam 6.1.1. Khái niệm ngành luật Dân sự 6.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Dân sự 6.1.3. Nguồn của ngành luật Dân sự 6.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Dân sự Việt Nam 6.2.1. Tài sản 6.2.2. Quyền sở hữu 6.2.3. Hợp đồng dân sự 6.2.4. Thừa kế * Bài kiểm tra định kì : (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV ôn tập theo giới hạn của giảng viên.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Xem video tư liệu. - Thảo luận nhóm	A1, A5, A6	[1] Đọc Chương 4 [4] Chương 10, Chương 12, mục 7 (chương 17), Phần thứ tư.

LLO22, 23	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Phân biệt các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. 2. So sánh thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật.	<i>SV làm bài tập trên lớp theo hướng dẫn của GV.</i>	A2	[1] Đọc Chương 4 [4] Chương 10, Chương 12, mục 7 (chương 17), Phần thứ tư.
LLO24, 25	* Nội dung thực hành: (01 tiết) Thực hành kỹ năng tra cứu văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dân sự để xử lý một số tình huống về quyền sở hữu và thừa kế mà GV đưa ra.	<i>GV hướng dẫn cách tra cứu và đưa ra thông tin yêu cầu SV tra cứu trong văn bản.</i>	A4	[11], [12]. Tìm đọc các văn bản mà GV yêu cầu.
LLO21	B. Nội dung tự học: (09 tiết) - <i>Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về tài sản, quyền sở hữu, hợp đồng dân sự và thừa kế.</i>	<i>Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của giảng viên trên lớp.</i>	A1	[1] Đọc Chương 4 [4] Chương 10, Chương 12, mục 7 (chương 17), Phần thứ tư.

Chương 7. Luật Hình sự Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO26	A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 7.1. Khái quát chung về ngành luật Hình sự Việt Nam 7.1.1. Khái niệm ngành luật Hình sự 7.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hình sự 7.1.3. Nguồn của ngành luật Hình sự 7.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Hình sự Việt Nam 7.2.1. Tội phạm 7.2.2. Hình phạt	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm.</i>	A1,A6	[1] Đọc Chương 4 [5] Đọc Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI
LLO27, 29	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1. Phân tích những dấu hiệu cơ bản để nhận biết tội phạm. 2. Giải thích tại sao hình phạt là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất? 3. Pháp luật hình sự Việt Nam thể hiện tinh thần bảo vệ quyền con người như thế nào?	- <i>Thảo luận nhóm.</i> - <i>Viết báo cáo và nộp cho GV đánh giá.</i>	A3	[1] Đọc Chương 4 [5] Đọc Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI
LLO28, 29	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) SV xử lí một số tình huống về tội phạm và hình phạt do GV đưa ra.	<i>SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.</i>	A2	[1] Đọc Chương 4 [5] Đọc Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI
LLO26, 27	B. Nội dung tự học: (06 tiết) - <i>Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về tội phạm và hình phạt.</i>	<i>Đọc tài liệu và chuẩn bị bài.</i> <i>GV đánh giá bằng phát vấn trên lớp.</i>	A1	[1] Đọc Chương 4 [5] Đọc Chương III, Chương IV, Chương V, Chương VI

Chương 8. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO30	A. Nội dung thực hiện trên lớp (07 tiết) * Nội dung lí thuyết: (03 tiết) 8.1. Khái quát chung về ngành luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 8.1.1. Khái niệm ngành luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 8.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hôn nhân và gia đình 8.1.3. Nguồn của ngành luật Hôn nhân và gia đình 8.2. Một số chế định cơ bản của ngành luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 8.2.1. Kết hôn 8.2.2. Quan hệ giữa vợ và chồng 8.2.3. Quan hệ giữa cha mẹ và con 8.2.4. Ly hôn 8.2.5. Bình đẳng giới trong gia đình	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm.</i>	A1,A6	[1] Đọc Chương 4, [5] Chương 17 [6]Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10 [10]. Đọc toàn bộ văn bản
LLO31	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1. Giải thích các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. 2. Trình bày thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định hiện hành. 3. Quyền kết hôn và ly hôn trong Hiến pháp năm 2013 được Luật Hôn nhân và gia đình cụ thể hóa như thế nào?	- <i>Thảo luận theo nhóm.</i> - <i>Đại diện nhóm thuyết trình để GV đánh giá</i>	A3	[1] Đọc Chương 4, [5] Chương 17 [6]Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10 [10]. Đọc toàn bộ văn bản

LLO32	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) SV xử lý một số tình huống về kết hôn, ly hôn mà GV đưa ra.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV	A2	[1] Đọc Chương 4, [5] Chương 17 [6]Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10 [10]. Đọc toàn bộ văn bản
LLO33, 34	* Nội dung thực hành: (02 tiết) 1. Chuẩn bị một hồ sơ đăng ký kết hôn giả định theo quy định hiện hành. 2. Tư vấn một số tình huống kết hôn mà các nhóm đưa ra.	GV đưa ra tình huống giả định để SV thực hành theo nhóm. SV đóng vai để thể hiện kết quả thực hành.	A4	[1] Đọc Chương 4, [5] Chương 17 [6]Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10 [10]. Đọc toàn bộ văn bản
LLO30	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về kết hôn, quan hệ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, ly hôn.	Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của giảng viên trên lớp.	A1	[1] Đọc Chương 4, [5],Chương 17 [6]Điều 8, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 6, Chương 10

Chương 9. Pháp luật phòng, chống tham nhũng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO35	A. Nội dung thực hiện trên lớp (05 tiết) * Nội dung lí thuyết: (03 tiết) 9.1. Khái quát chung về tham nhũng 9.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hành vi tham nhũng 9.1.2. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng 9.2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng 9.2.1. Nguyên nhân của tham nhũng 9.2.2. Tác hại của tham nhũng 9.3. Ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng 9.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1,A6	[5] Đọc Mục 1 Chương XXIII, [8] Đọc toàn bộ văn bản
LLO36	* Nội dung thảo luận nhóm: (01 tiết) 1. Nguyên nhân nào là quan trọng nhất trong số các nguyên nhân của tham nhũng ở Việt Nam hiện nay? Tại sao? 2. Phân biệt hành vi tham nhũng với tội phạm tham nhũng.	- <i>Thảo luận nhóm.</i>	A1,A6	[5] Đọc Mục 1 Chương XXIII, [8] Đọc toàn bộ văn bản
LLO36	* Nội dung thực hành nhóm: (01 tiết) Soạn một bài thuyết trình về tác hại của tham nhũng và đề xuất một vài biện pháp để phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục.	- <i>Mỗi nhóm soạn một bài thuyết trình và trình bày trước lớp (có minh họa bằng trình chiếu).</i>	A4	[5] Đọc Mục 1 Chương XXIII, [8] Đọc toàn bộ văn bản

LLO35	B. Nội dung tự học: (08 tiết) <i>- Nội dung tự học: chuẩn bị bài cho các nội dung về các hành vi tham nhũng, tội phạm tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.</i>	<i>Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của GV trên lớp.</i>	A1	[5] Đọc Mục 1 Chương XXIII, [8] Đọc toàn bộ văn bản
-------	---	--	----	--

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.7: 60ENG131, Tiếng Anh 1 (ENGLISH 1)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	13	15	60
2	Bài tập	10		30
3	Thực hành		15	
4	Thảo luận	5		
5	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		30	30	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
5	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
6	ThS. Trần Thị Thảo	0986060650	thaott.flan@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Sử dụng được các vốn từ vựng theo chủ đề sức khỏe, thể thao, giao thông, thử thách trong giao tiếp tiếng Anh.	PLO8
CO2	CLO2	Sử dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản như: thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, trạng ngữ chỉ tần suất, so sánh hơn, so sánh ngang bằng và so sánh hơn nhất.	PLO8
CO3	CLO3	Vận dụng được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp liên quan đến chủ đề sức khỏe, thể thao, giao thông, thử thách.	PLO8
	Kỹ năng		
CO4	CLO4	Hiểu được nội dung chính và thông tin chi tiết trong các bài báo, các mẫu quảng cáo, các cuộc hội thoại, hướng dẫn, thông báo thuộc các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày.	PLO8
	CLO5	Vận dụng được các vốn từ vựng, ngữ pháp, kiến thức văn hóa để có thể đặt câu hỏi và trả lời, trình bày được quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.	PLO8, PLO12

	CLO6	Vận dụng được cấu trúc của câu đơn, câu phức và câu ghép trong tiếng Anh để viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.	PLO8, PLO12
CO5	CLO7	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.	PLO8, PLO12, PLO14
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO8	Vận dụng được các kỹ năng tự học tập, tự nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.	PLO8, PLO12, PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1								x							
CLO2								x							
CLO3								x							
CLO4								x							
CLO5								x				x			
CLO6								x				x			
CLO7								x				x		x	
CLO8								x				x		x	
MDG	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	2	0

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
- + Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

+ Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.

- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân và nhóm đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên Spark và lớp học ảo đúng hạn, đúng yêu cầu.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
3	A2. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
4	A3. Bài kiểm tra định kì (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A4. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1		
6	A5. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1		
Thi kết thúc học phần					
7	A6. Nghe - Đọc - Viết - Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt

các hoạt động trong giờ học		vụ học tập được giao.	học tập được giao.	học tập được giao.	động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc (nghỉ quá 20% số giờ -> không đủ đk dự thi)	5,0	1 đến < 2,5 Dự 80%-84% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	2,5 đến < 3,3 Dự 85%- 89% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning
Bài tập trên SPARK (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và đúng hạn bài tập được giao	3,0	0 đến < 1,5 Hoàn thành đúng hạn dưới 50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	1,5 đến < 2,0 Hoàn thành đúng hạn từ 50 - 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	2,0 đến < 2,5 Hoàn thành 65 - 79% đúng hạn bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	2,5 đến 3,0 Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao đáp ứng yêu cầu.	7,0	0 đến < 5,0 Bài tập được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	5,0 đến < 6,0 Bài tập được giao đáp ứng 50 - 64% yêu cầu về nội dung.	6,0 đến < 6,5 Bài tập được giao đáp ứng 65 -79% yêu cầu về nội dung.	6,5 đến 7,0 Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM... (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0 Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	1,0 đến < 1,2 Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	1,2 đến < 1,6 Tham gia từ 70 - 80% các bài thực hành theo yêu cầu.	1,6 đến 2,0 Tham gia đầy đủ từ 90-100% các bài thực hành theo yêu cầu.
Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức.	6,0	0 đến < 3 Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về	3,0 đến < 3,6 Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60% yêu cầu về	3,6 đến < 4,8 Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội	4,8 đến 6,0 Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu cầu

		nội dung và hình thức.	nội dung và hình thức.	dung và hình thức.	về nội dung và hình thức.
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành, nhưng chưa tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tương đối tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.
Bài kiểm tra định kì (20%)					
Bài kiểm tra định kì (bài thi kỹ năng Nghe - Đọc trên máy, Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn bộ môn duyệt			
Thi kết thúc học phần (50%)					
Nghe – Đọc – Viết - Vấn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn bộ môn duyệt và theo quy định chung của Trường.			

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd

Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge University Press.

[3] Murphy, Raymond (2019). *English grammar in use*. Cambridge University Press

9.3. Website

<https://learn.eltnl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các cuộc hội thoại về chủ đề Sức khỏe, lối sống; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Sức khỏe, lối sống trong các giao tiếp thông thường.
LLO2	Sử dụng được thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, trạng ngữ chỉ tần suất trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO3	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các cuộc hội thoại về chủ đề Thể thao; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Thể thao trong các giao tiếp thông thường.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO4	Sử dụng được dạng verb + <i>ing</i> ; like + V- <i>ing</i> , <i>I'd like to</i> ; động từ tình thái trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO5	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các cuộc hội thoại về chủ đề Giao thông; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Giao thông trong các giao tiếp thông thường.
LLO6	Sử dụng được tính từ so sánh hơn, so sánh hơn nhất và so sánh ngang bằng trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO7	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các cuộc hội thoại về chủ đề Thử thách; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Thử thách trong các giao tiếp thông thường.
LLO8	Sử dụng được quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, giới từ <i>in</i> , <i>on</i> , <i>at</i> chỉ thời gian trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO9	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.
LLO10	Vận dụng được các kỹ năng học tập độc lập, nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	...
LLO1	x		x	x			x	x	
LLO2		x	x		x	x	x	x	
LLO3	x		x	x			x	x	
LLO4		x	x		x	x	x	x	
LLO5	x		x	x			x	x	
LLO6		x	x		x	x	x	x	
LLO7	x		x	X			x	x	
LLO8		x	x		x	x	x	x	
LLO9							x		
LLO10								x	

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Unit 1: LIFESTYLE

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết trực tiếp và 3 tiết Elearning) 1. Grammar: present simple and continuous; adverbs and expressions of frequency. 2. Vocabulary: everyday routines; leisure activities; wordbuilding: collocations with <i>do, go or play</i>; word focus: <i>feel</i>; medical problems. 3. Listening and speaking: Speaking: your habits; your current life; talking about illness; Listening: in search of a long life; 4. Reading and writing: Reading: How well do you sleep? The secret of long life; Nature and health; Writing: filling in a form; information on forms. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 1 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Making lives healthier B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 09-20). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp present simple and continuous; adverbs and expressions of frequency.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1 [3]
		Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
Unit 2: COMPETITIONS				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: verb + <i>ing</i> forms; like <i>–ing</i> , <i>I’d like to</i> ; verbs for rules. 2. Vocabulary: sport; wordbuilding: suffixes, word forms; sport venues and equipment; competition words; word focus: <i>like</i> . 3. Listening and speaking: Listening: competition; competitive sports. Speaking: opinion about sport; Olympic sports; clubs and membership; talking about your interests. 4. Reading and writing: Reading: Crazy competitions; Bolivian wrestlers (women in sport); Write an advert or notice.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 2 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 2 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Talk about your favourite sports			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 21-32). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: verb + <i>ing</i> forms; like <i>–ing</i> , <i>I’d like to</i> ; verbs for rules.	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
REVIEW UNIT 1+2				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong Unit 1+ 2 * Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Bài tập phần Review Unit 1+2 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (1 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 1+2	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1+2 [2] [3] [1] [2] [3]
	Bài kiểm tra định kì số 1: 1 tiết			
Unit 3: TRANSPORT				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: comparatives and superlatives; as ... as; comparative modifiers. 2. Vocabulary: modes of transport, transport nouns, transport adjectives, transport verbs, taking transport. 3. Listening and speaking: Speaking: everyday journey; travel advice; alternative transport; going on a journey. Listening: using animals for transport	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 3 [3]

	4. Reading and writing: Reading: transport solution; traditional transport (The end of the road); Writing reports, notes and messages.			
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 3 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Opinions for and against			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 33-44). - Tìm hiểu trước về các cấu trúc So sánh trong tiếng Anh.			[1] [2] [3]

Unit 4: CHALLENGES

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: past simple and past continuous. 2. Vocabulary: personal qualities; wordbuilding: verbs and nouns. 3. Listening and speaking: Speaking: your past; events you remember; telling a story; challenges in English; Listening: an impossible decision. 4. Reading and writing: Reading: adventurers' stories; challenge yourself (challenge your brain); Writing: challenges in English; write short stories. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 4 [3]

	Bài tập của Unit 4 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Looking for evidence			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 45-56). - Tìm hiểu trước về thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn.	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
	Bài kiểm tra định kì số 2: 1 tiết			
CONSOLIDATION				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1,2, 3,4 [3]
LLO7	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết)			
LLO8	- Ôn tập các nội dung đã học trong chương trình			
LLO9	- Hướng dẫn định dạng bài thi kết thúc học phần			
LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) - Các dạng bài tập trong phần review từ Unit 1 đến Unit 4			
	* Nội dung thực hành (2 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2]
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - Những nội dung đã học trong chương trình và dạng thức bài thi kết thúc học kỳ.			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết)			

	Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình			[3]
--	--	--	--	-----

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: có đầy đủ bàn ghế, dễ di chuyển để phục vụ giảng dạy.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có máy chiếu, loa.
- Điều kiện khác: Lớp học không quá 45 sinh viên.

7.8. 60ENG132, Tiếng Anh 2 (ENGLISH 2)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	13	15	60
2	Bài tập	10		30
3	Thực hành		15	
4	Thảo luận	5		
5	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		30	30	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 60ENG131, Tiếng Anh 1
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Khoa Ngoại Ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn T. Đoàn Trang	0912936510	trangntd@tnue.edu.vn
3	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
5	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng về một số chủ đề quen thuộc hằng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp tương ứng với bậc 3 cấp thấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

CO3: Hiểu được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước phương Tây.

*** Về kỹ năng**

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 mức trung cấp thấp trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

CO5: Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Sử dụng được các vốn từ vựng theo chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ trong giao tiếp tiếng Anh.	PLO8
CO2	CLO2	Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản như: danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có 'to', các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và câu điều kiện loại 0.	PLO8
CO3	CLO3	Vận dụng được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp liên quan đến chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ.	PLO8
	Kỹ năng		
CO4	CLO4	Hiểu và phân tích được nội dung chính và thông tin chi tiết trong các bài báo, đoạn tin ngắn và thông báo hướng dẫn thuộc các chủ đề về cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ.	PLO8
	CLO5	Vận dụng được các vốn từ vựng, ngữ pháp, kiến thức văn hóa để có thể đưa miêu tả sự việc, đưa ra chỉ dẫn và trình bày quan điểm cá nhân trong các tình huống giao tiếp liên quan đến chủ đề về cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ.	PLO8, PLO12
	CLO6	Vận dụng được kiến thức ngữ pháp về từ nối, động từ hành động, trạng từ cách thức trong tiếng Anh để viết mô tả, báo cáo, mẫu truyện ngắn, và sơ yếu lý lịch theo các chủ đề về cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ.	PLO8, PLO12
CO5	CLO7	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.	PLO8, PLO12, PLO14
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		

CO6	CLO8	Vận dụng được các kỹ năng học tập độc lập, nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.	PLO8, PLO12, PLO14
-----	------	---	--------------------------

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1								x							
CLO2								x							
CLO3								x							
CLO4								x							
CLO5								x				x			
CLO6								x				x			
CLO7								x				x		x	
CLO8								x				x		x	
MDG	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	2	0

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
+ Chuẩn bị bài học theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp;
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên MyELT và lớp học ảo đúng hạn.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
3	A2. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
4	A3. Bài kiểm tra định kì (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8
5	A4. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1		
6	A4. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1		
Thi kết thúc học phần					
7	A5. Vấn đáp + Viết	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học

					tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	1 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự 80% - 84% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 85%- 89% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning
Bài tập trên SPARK (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và đúng hạn bài tập được giao	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Hoàn thành đúng hạn dưới 50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đúng hạn từ 50 - 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 65 -7,9% đúng hạn bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao đáp ứng yêu cầu.	7,0	0 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến < 6,5	6,5 đến 7,0
		Bài tập được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 50 - 64% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 65 -79% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia từ 70 -80% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia đầy đủ từ 90 - 100% các bài thực hành theo yêu cầu.
Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức.	6,0	0 đến < 3	3,0 đến < 3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu cầu về nội dung và hình thức.
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.

			hành, nhưng chưa tốt.	thực hành tương đối tốt.	
Bài kiểm tra định kì (20%)					
Bài kiểm tra định kì (bài thi kĩ năng Nghe - Đọc trên máy, Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn duyệt			
Thi kết thúc học phần (50%)					
Nghe – Đọc – Viết - Vấn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn duyệt và theo quy định chung của Trường.			

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge University Press.

[3] Murphy, Raymond (2019). *English grammar in use*. Cambridge University Press

9.3. Website

<https://learn.eltnl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nghe hiểu, đọc hiểu được thông tin chính và chi tiết trong các bài báo, các nói chuyện về chủ đề môi trường; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Môi trường trong các giao tiếp thông thường.
LLO2	Vận dụng được kiến thức về mạo từ, danh từ trong các giao tiếp đơn giản.
LLO3	Diễn đạt được các quan điểm cá nhân; viết được các báo cáo và các thư điện tử trang trọng.
LLO4	Đọc hiểu, nghe hiểu và vận dụng được các từ vựng mô tả các sự kiện, các lễ kỉ niệm trong cuộc đời.
LLO5	Sử dụng được các hình thái và hình thức tương lai của động từ trong khi nói và viết về dự định, kế hoạch, quyết định và sự kiện.
LLO6	Nghe hiểu, đọc hiểu được các thông tin chính và chi tiết trong các quảng cáo công việc; Sử dụng được các từ vựng về chủ đề công việc trong giao tiếp hàng ngày.
LLO7	Sử dụng được thì hiện tại đơn, các giới từ về nơi chốn và chuyển động để mô tả về công việc của mình.

LLO8	Sử dụng được câu điều kiện và mệnh đề quan hệ xác định trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO9	Nghe hiểu, đọc hiểu được các bài báo, các bài thuyết trình và vận dụng được các từ vựng về chủ đề công nghệ, internet trong các giao tiếp thông thường.
LLO10	Phối hợp được với người khác để giải quyết các tình huống trong các giao tiếp thông thường.
LLO11	Vận dụng được các kỹ năng học tập độc lập, nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.

10.2. Ma trận liên kết huấn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x			x			x	x
LLO2		x					x	x
LLO3			x			x	x	x
LLO4	x			x			x	x
LLO5		x	x			x	x	x
LLO6	x		x				x	x
LLO7		x	x				x	x
LLO8		x	x			x	x	x
LLO9	x		x				x	x
LLO10							x	
LLO11								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2, LLO3, LLO10, LLO11	UNIT 5: THE ENVIRONMENT A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết trực tiếp, 3 tiết Elearning) 1. Grammar: quantifiers; article: <i>a/an, the</i> , no article 2. Vocabulary: materials recycling; results and figures; word focus: take. 3. Listening and speaking: Listening: extract, news environmental projects; Speaking: changing attitudes and behaviour 4. Reading and Writing: close reading; writing emails, formal words * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 5 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5 [3]

	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - How much do you recycle or reuse items in the house or at work? How easy is it to recycle where you live? - We describe people and their behaviour as 'green' when they help the environment. How green are you? - Can you think of more ways to be green in your daily life? - Call out different problems a customer can have with something they order, either by email or on line.			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 57 đến trang 68 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO4, LLO5, LLO10, LLO11	UNIT 6: STAGES IN LIFE A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: to-infinitive; future forms. 2. Vocabulary: life events; describing age celebrations; word focus: get; wordbuilding: synonyms. 3. Listening and speaking: Listening: differences between the generations, a news item about Mardi Gras; Speaking: plan the trip of a lifetime, planning a celebration, describing annual events 4. Reading and writing: read articles and write descriptions, descriptive adjectives	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 6 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 6 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - What age do you think the stages of life begin and end? What is your current stage of life?			

	- Which events do you celebrate in your country? When do you have parties? - At what age can people legally do these things: drive a car, get married, buy cigarettes, leave home, buy fireworks, open a bank account, ... ? - How is the verb GET used? - Which adjectives are used in the description?			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 69-80). - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO1, LLO2, LLO3, LLO4, LLO5, LLO10, LLO11	REVIEW UNIT 5-6 A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong Unit 5+6	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5+6 [2] [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Bài Tập phần Review Unit 5 + 6 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (1 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 5 + 6	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]
LLO6, LLO7, LLO10, LLO11	UNIT 7: WORK A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) Grammar: Present perfect and past simple; Present perfect with <i>for</i> and <i>since</i>; Preposition of place and movement. Vocabulary: jobs, suffixes, parts of a building, <i>make</i> or <i>do</i>, job adverts. Listening and speaking: Listening: description of a job in a steel factory, an interview, giving instructions; Speaking: describing past experiences, giving direction, Jobs interview. Reading and writing: articles; writing CVs. * 2 tiết kiểm tra định kì	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 7 [3]

	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 7 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - Think about your current job (or a job you want in the future). - Have you ever applied for any kind of job? Think about answers for any questions the interviewer might ask you. - What do you know about how to write a good CV? - Which verb + noun combinations with MAKE and DO do you know?			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 81 đến trang 92 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK			[1] [2] [3]
LLO8, LLO9, LLO10, LLO11	UNIT 8: TECHNOLOGY A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: zero and first conditional, definite relative clause 2. Vocabulary: Internet verb; wordbuilding: dependent prepositions, instructions 3. Listening and speaking: Listening: documentary about the importance of technology, a science programme about a new invention; Speaking: planning a trip, important inventions, design an invention for everyday life, favourite technology 4. Reading and writing: Reading: an explorer's blog, an article about biomimetics; writing: a paragraph, connecting words	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 8 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 8 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến)			

	Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - What problems did these famous inventions solve? - How do you use the Internet? - How are zero and first conditionals used? - Have you used a topic sentence? Have you used three supporting sentences? Have you used connecting words?			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 93 đến trang 104 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO6, LLO7, LLO8, LLO9, LLO10, LLO11	REVIEW UNIT 7-8 A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong chương trình - Hướng dẫn định dạng bài thi kết thúc học phần	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5-6-7-8 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) - Các dạng bài tập trong phần review từ Unit 5 đến Unit 8			
	* Nội dung thực hành (2 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - Những nội dung đã học trong chương trình và dạng thức bài thi kết thúc học kỳ.			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: có đầy đủ bàn ghế, dễ di chuyển để phục vụ giảng dạy
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có máy chiếu, loa
- Điều kiện khác: Lớp học không qua 45 sinh viên

7.9: 60ENG143, Tiếng Anh 3 (ENGLISH 3)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: **4**; Tổng số giờ quy chuẩn: **60**
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện			Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến <i>E-learning</i>	Lớp học ảo	
1	Lý thuyết	30	10	0	80
2	Bài tập	5	5	5	15
3	Thực hành	5	5	10	20
4	Thảo luận	5	0	0	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0	0	0
Tổng		45	20	15	120

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 60ENG132-Tiếng Anh 2
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
5	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
6	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

- CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.
- CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CO3: Vận dụng được các kiến thức được học về xã hội, văn hóa các nước nói tiếng Anh trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

- CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Sử dụng được các vốn từ vựng theo chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên trong giao tiếp tiếng Anh.	PLO8
CO2	CLO2	Sử dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản về quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, câu bị động ở hiện tại và quá khứ; tính từ đuôi <i>-ing</i> và đuôi <i>-ed</i> ; cấu trúc <i>used to</i> , câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định.	PLO8
CO3	CLO3	Vận dụng được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp liên quan đến chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên.	PLO8, PLO12
Kỹ năng			
CO4	CLO4	Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng thuộc các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên.	PLO8, PLO12
	CLO5	Vận dụng được các vốn từ vựng, các nhóm từ, ngữ pháp, kiến thức văn hóa để thuật lại câu chuyện, sự kiện; trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình về một chủ đề hoặc một vấn đề quan tâm.	PLO8, PLO12
	CLO6	Vận dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng viết đã học để viết đoạn văn đơn giản có tính liên kết, có bố cục về một chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm.	PLO8, PLO12, PLO14
CO5	CLO7	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.	PLO8, PLO12, PLO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO8	Vận dụng được các kỹ năng tự học tập, tự nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.	PLO8, PLO12, PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1								x							
CLO2								x							
CLO3								x				x			
CLO4								x				x			
CLO5								x				x			
CLO6								x				x		x	
CLO7								x				x		x	
CLO8								x				x		x	
MDG	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	2	0

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39%

số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết lên lớp trực tiếp; và 100% số giờ học trực tuyến.
 - + Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.
 - + Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
- Thảo luận: Tham gia tích cực các hoạt động thảo luận.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giảng viên
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên SPARK và lớp học ảo đúng hạn và đúng yêu cầu.
- Tham gia và hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ theo lịch của nhà trường.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK và LMS	20	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
3	A3. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS,		4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo CANVAS,	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

	GOOGLE CLASSROOM,...			GOOGLE CLASSROOM, ...	
4	A4. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe-Đọc)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Nghe - Đọc - Viết + Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học trên lớp bắt buộc (nghỉ quá 20% số giờ -> không đủ đk dự thi)	5,0	1 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự 80%-84% số giờ lên lớp	Dự 85%- 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp
Bài tập trên SPARK và LMS (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và đúng hạn bài tập được giao	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Hoàn thành đúng hạn dưới 50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đúng hạn từ 50 - 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 65 - 79% đúng hạn bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao	7,0	0 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến < 6,5	6,5 đến 7,0
		Bài tập được giao đáp ứng	Bài tập được giao đáp ứng 50	Bài tập được giao đáp ứng 65	Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu

đáp ứng yêu cầu.		dưới 50% yêu cầu về nội dung.	- 64% yêu cầu về nội dung.	-79% yêu cầu về nội dung.	cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo CANVAS, GOOGLE CLASSROOM, ... (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia từ 70 - 80% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia đầy đủ từ 90-100% các bài thực hành theo yêu cầu.
Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức.	6,0	0 đến < 3	3,0 đến < 3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu cầu về nội dung và hình thức.
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành, nhưng chưa tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tương đối tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.
Bài kiểm tra định kì (20%)					
Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe-Đọc-Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn duyệt			
Thi kết thúc học phần (50%)					
Nghe – Đọc – Viết - Vấn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn duyệt và theo quy định chung của Trường			

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). *Life: A2-B1*. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge university press.
 [3] Murphy, Raymond (2011). *English grammar in use*. Nxb Thời đại.

9.3. Website

<https://learn.eltnl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nghe hiểu, đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về chủ đề Kỳ nghỉ; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Kỳ nghỉ trong các giao tiếp thông thường.
LLO2	Sử dụng được thì quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, câu gián tiếp trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO3	Nghe hiểu, đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về chủ đề Sản phẩm; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Sản phẩm trong các giao tiếp thông thường.
LLO4	Sử dụng được câu bị động ở hiện tại và quá khứ; các cụm động từ, cấu trúc <i>used to</i> trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO5	Nghe hiểu, đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về chủ đề Lịch sử; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Lịch sử trong các giao tiếp thông thường.
LLO6	Sử dụng được câu gián tiếp; động từ <i>say</i> hoặc <i>tell</i> , trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO7	Nghe hiểu, đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về chủ đề Tự nhiên; Sử dụng được từ vựng về chủ đề Tự nhiên trong các giao tiếp thông thường.
LLO8	Sử dụng được câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định trong khi nói, viết về các chủ đề quen thuộc hàng ngày.
LLO9	Phối hợp được với người khác để giải quyết các vấn đề trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh.
LLO10	Vận dụng được các kỹ năng học tập độc lập, nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) ...
LLO1	x		x	x			x	x
LLO2		x	x		x	x	x	x
LLO3	x		x	x			x	x
LLO4		x	x		x	x	x	x
LLO5	x		x	x			x	x
LLO6		x	x		x	x	x	x
LLO7	x		x	x			x	x
LLO8		x	x		x	x	x	x
LLO9							x	
LLO10								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Unit 9: HOLIDAYS				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: holiday collocations; wordbuilding: <i>-ed/-ing</i> adjectives; word focus: place; requesting and suggesting 2. Listening and speaking: a holiday; the place you live or know; requesting; a different kind of holiday 3. Reading and writing: Reading: Holiday stories; Two sides of Paris; Writing an email requesting information * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 9 trong giáo trình Life. * Nội dung thảo luận (1 tiết) - What activities do you do during your holidays? - Who do you travel with - family, friends, alone? - What type of accommodation do you stay in - hotel, Airbnb, camping? - What kind of holidays or destinations do you prefer - beach, city, countryside etc? * Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 9 B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: past perfect simple/ subject questions C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 105-116). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: past perfect simple/ subject questions - Viết bài: Your favourite holiday	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 9 [3]
		Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
		Trên hệ thống LMS		
		Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
Unit 10: PRODUCTS				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: Word forms; Describing design; Websites; Discussing opinions. 2. Listening and speaking: Describing design; website design; famous products; product design; using less stuff. 3. Reading and writing: Reading: A lesson in logos; Is stuff winning? Writing a review; giving your opinion. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 10 trong giáo trình Life. * Nội dung thảo luận (1 tiết) - What is the logo/significance of the logo? What does it symbolize? - Would you consider the logo/brand to be successful? Why or why not? - In your opinion, is the logo/branding effective at representing the company? - Do you have any favorite logos from well-known global brands? * Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 10 B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Present simple passive; structure <i>used to</i>. C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 118-128). - Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp: Present simple passive; structure <i>used to</i>. - Viết bài: Using less stuff	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 10 [3]
		Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
		Trên hệ thống LMS		
		Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
REVIEW				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) - Ôn tập các nội dung của Unit 9+10 - Kiểm tra 1	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 9 +10 [2] [3]

LLO4 LLO9 LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Bài tập phân Review Unit 9+10 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (1 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 9 + Unit 10.	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
	B. Nội dung thực hiện Elearning (3 tiết) (Lý thuyết: 1 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Unit 9 + Unit 10	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 9+10	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]

Unit 11: HISTORY

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: wordbuilding: verb + prepositions; communication; ancient history; emotion words; word focus: one 2. Listening and speaking: Listening: A message in a bottle; reporting a story; Saving history; giving a short presentation 3. Reading and writing: Reporting a story; Reading: Stealing history; Writing: a biography * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 11 trong giáo trình Life. * Nội dung thảo luận (1 tiết) - How does learning about history help you understand the present day better? - What important historical events or periods do you think everyone should know about? - Do you feel history is taught well in schools? If not, how could teaching be improved? - What resources do you use to learn history outside the classroom (books, documentaries, podcasts, etc.)? * Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 11. B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 11 [3]

	(Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Reported speech, Reporting verbs (<i>say</i> and <i>tell</i>).			
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 129-140). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: reported speech, Reporting verbs (<i>say</i> and <i>tell</i>). - Viết bài: Saving history	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
Unit 12: NATURE				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: extreme weather; nature; word focus: start; Finding a solution. 2. Listening and speaking: Speaking: hopes and dreams; questions with <i>any</i> ; an interview; Listening: a documentary. 3. Reading and writing: Reading: What if...; The life of Jane Goodall (living with chimpanzees); Writing: an article; planning an article. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 12 trong giáo trình Life. * Nội dung thảo luận (1 tiết) - Why is it important to protect nature and the environment? - What are some of the main benefits of nature to humans and the planet? - What are some major environmental issues we face today, like climate change, pollution, etc.? - What can individuals do daily to help protect nature? * Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 12.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 12 [3]
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết)	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo	Trên hệ thống LMS	

	Grammar: <i>any-, every-, no-, some- and – thing, -where, -one, -body</i> ; second conditional;			
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 141-152). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: đại từ bất định với <i>any-, every-, no-, some- and – thing, -where, -one, -body</i> ; câu điều kiện loại 2. - Viết bài: Protecting Nature	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
CONSOLIDATION				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 9, 10, 11, 12 [3]
LLO2	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết)			
LLO3	- Ôn tập các nội dung đã học của Unit 9-12			
LLO4	- Kiểm tra 2			
LLO5	- Hướng dẫn định dạng bài thi kết thúc HP			
LLO6	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết)			
LLO7	- Các dạng bài tập trong phần review từ Unit 9 đến Unit 12			
LLO8	* Nội dung thảo luận (1 tiết)			
LLO9	- What are the main topics learned in English module 3?			
LLO10	- What are the format and sections of a VSTEP exam?			
	* Nội dung thực hành (2 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 9-12.	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo	A1	[1] [2] [3]
	B. Nội dung thực hiện Elearning (1 tiết-Lý thuyết) Những nội dung Grammar của Unit 9-12	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình	Tự học, tự nghiên cứu		

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: có đầy đủ bàn ghế, dễ di chuyển để phục vụ giảng dạy.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Có máy chiếu, loa.
- Điều kiện khác: Lớp học không quá 45 sinh viên.

7.10: 60GIF131, Tin học đại cương (BASIC INFORMATICS)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	10	8	40
2.	Bài tập	6	0	40
3.	Thực hành	30	10	
4.	Thảo luận	0	4	
5.	Kiểm tra, đánh giá	2	0	0
Tổng		48	22	80

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin, Khoa

Toán

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Văn Trường	0915016063	truongnv@tnue.edu.vn
2.	TS. Trần Ngọc Hà	0915168400	hatn@tnue.edu.vn
3.	TS. Ngô Thị Tú Quyên	0915023306	quyenntt@tnue.edu.vn
4.	Th.S Lê Bích Liên	0983444586	lienlb@tnue.edu.vn
5.	Th.S Phạm Văn Tiến	0912515028	tienpv@tnue.edu.vn
6.	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982203129	hienntt.math@tnue.edu.vn
7.	TS. Vũ Đức Quang	0352340851	quangvd@tnue.edu.vn
8.	Th.S Cáp Thanh Tùng	0912735670	tungcp@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phần cứng, phần mềm máy tính và hệ điều hành trong học tập và công việc.

CO2. Sử dụng được phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint để soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu trên bảng tính và tạo bài trình chiếu với nhiều loại dữ liệu đa phương tiện khác nhau.

CO3. Áp dụng được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và một số biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trong làm việc trực tuyến; mô tả được đặc điểm của một số dịch vụ trên mạng Internet.

*** Về kĩ năng:**

CO4. Thành thạo kĩ năng soạn thảo văn bản, xây dựng bảng tính và tạo bài trình chiếu phù hợp với ngành đào tạo.

CO5. Quản lý được thông tin trên máy tính và thông tin cá nhân trên mạng máy tính; áp dụng được một số dịch vụ trên mạng Internet trong học tập và nghiên cứu.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

CO6. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được cấu trúc chung của máy tính; phân loại được máy tính, phần cứng và phần mềm phổ biến; mô tả được các chức năng và giao tiếp được với hệ điều hành.	PLO7
CO2	CLO2	Áp dụng được các thao tác trên phần mềm Microsoft Word để soạn thảo văn bản.	PLO7
	CLO3	Áp dụng được các thao tác trên phần mềm Microsoft Excel để làm việc với bảng tính.	PLO7
	CLO4	Áp dụng được các thao tác trên phần mềm Microsoft PowerPoint để tạo bài trình chiếu.	PLO7
CO3	CLO5	Trình bày được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và một số biện pháp bảo đảm an toàn thông tin.	PLO7
	CLO6	Áp dụng được quá trình tìm kiếm, lưu trữ, chia sẻ thông tin trên mạng máy tính vào trong học tập và công việc.	PLO7
	Kĩ năng		
CO4	CLO7	Thành thạo kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản bằng Microsoft Word.	PLO7, PLO14
	CLO8	Tạo lập được bảng tính, sử dụng được các hàm của Microsoft Excel để biểu diễn, tính toán, xử lý dữ liệu và giải một số bài toán quản lý.	PLO7, PLO14
	CLO9	Thiết kế được bài trình chiếu, khai thác được nhiều loại dữ liệu đa phương tiện trong Microsoft PowerPoint.	PLO7, PLO14

CO5	CLO10	Quản lý được thông tin trên máy tính, thông tin cá nhân trên mạng máy tính và sửa được một số lỗi máy tính thường gặp.	PLO7, PLO14
	CLO11	Khai thác được một số dịch vụ trên mạng Internet trong học tập và nghiên cứu.	PLO7, PLO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO12	Có khả năng làm việc từ xa và cộng tác được trên Internet.	PLO7, PLO14
	CLO13	Tiếp cận được các thành tựu mới của công nghệ thông tin thông qua tự học và tự nghiên cứu.	PLO7, PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1							x								
CLO2							x								
CLO3							x								
CLO4							x								
CLO5							x								
CLO6							x								
CLO7							x							x	
CLO8							x							x	
CLO9							x							x	
CLO10							x							x	
CLO11							x							x	
CLO12							x							x	
CLO13							x							x	
MDG	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	3	0

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. Tham gia học tập trên hệ thống LMS (chương 4,5).

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập thực hành. Xem hướng dẫn thực hành trên hệ thống LMS (chương 4, chương 5).

- Thảo luận: Hoàn thành bài thảo luận nhóm tại Chương 4 (nộp bài trên hệ thống LMS).

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO12, 13
2	A2. Thực hành	15	01	Rubric đánh giá bài tập thực hành	CLO7-11
3	A3. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO3, CLO8
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 01	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 02		01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4, CLO7-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Trắc nghiệm	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
7	A7. Thực hành	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4, CLO7-9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Luôn thụ động trong các quá trình học tập.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các

và tham gia các hoạt động trong giờ học			học tập được giao.	học tập được giao.	hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5 Dự <80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (15%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ	3	0 đến < 1,5 Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ	1,5 đến <1,95 Thực hiện 50 - 66% nhiệm vụ	1,95 đến < 2,4 Thực hiện 65 - 80% nhiệm vụ	2,4 đến 3 Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	6	0 đến < 3 Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	3 đến <3,9 Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	3,9 đến < 4,8 Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	4,8 đến 6 Sản phẩm chưa đáp ứng tốt yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5 Không sáng tạo	0,5 đến <0,65 Ít sáng tạo	0,65 đến < 0,8 Tương đối sáng tạo	0,8 đến 1 Sáng tạo
Bài tập (5%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ	3	0 đến < 1,5 Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ	1,5 đến <1,95 Thực hiện 50 - 66% nhiệm vụ	1,95 đến < 2,4 Thực hiện 65 - 80% nhiệm vụ	2,4 đến 3 Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	6	0 đến < 3 Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	3 đến <3,9 Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	3,9 đến < 4,8 Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	4,8 đến 6 Sản phẩm chưa đáp ứng tốt yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5 Không sáng tạo	0,5 đến <0,65 Ít sáng tạo	0,65 đến < 0,8 Tương đối sáng tạo	0,8 đến 1 Sáng tạo
Bài kiểm tra định kỳ (25%)					
Theo đáp án, thang điểm của giảng viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Trần Ngọc Hà, Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Thu Hiền (2023), Tin học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Phạm Hồng Thái, Dư Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu (2008), Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy (2006), Tin học cơ sở, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

9.3. Website:

[4]. <https://support.microsoft.com/en-us/training>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra của chương/bài học (LLOs):

LLOs	Nội dung CĐR của chương/ bài học
LLO1	Mô tả được cấu trúc chung của máy tính; phân loại được máy tính, phần cứng và phần mềm phổ biến.
LLO2	Thực hiện được các thao tác cơ bản trong Control Panel và Windows Explorer.
LLO3	Dự đoán và khắc phục được một số lỗi máy tính thường gặp.
LLO4	Thực hiện được các thao tác định dạng văn bản trong Microsoft Word đối với kí tự, đoạn văn bản và trang văn bản.
LLO5	Thực hiện tạo và hiệu chỉnh các đối tượng phổ biến trong văn bản.
LLO6	Thực hiện được thao tác tìm kiếm, thay thế, gõ tắt và kiểm tra chính tả tự động cho văn bản.
LLO7	Tạo được mục lục và tài liệu tham khảo cho văn bản; đặt mật khẩu cho văn bản, ghi văn bản thành nhiều định dạng khác nhau.
LLO8	Thực hiện được các thao tác xử lý dữ liệu trên bảng tính Microsoft Excel: định dạng, tìm kiếm, thay thế và sắp xếp dữ liệu.
LLO9	Áp dụng được các hàm tính toán cơ bản kết hợp với các dữ liệu và địa chỉ dữ liệu phù hợp của Microsoft Excel để giải bài tập liên quan đến quản lý học sinh.
LLO10	Tạo và chỉnh sửa được biểu đồ dữ liệu trong Microsoft Excel với dữ liệu về bài toán quản lý học sinh.
LLO11	Thiết lập được bố cục trang thuyết trình, tạo được trang thuyết trình chủ (slide master); chọn định dạng đầu ra thích hợp cho trang thuyết trình như bản in ra (handout), chiếu trên màn hình (on-screen), ảnh và video phù hợp với ngành đào tạo.
LLO12	Thực hiện được một số thao tác với slide: sao chép, di chuyển, xóa, đặt màu nền và thiết lập hiệu ứng xuất hiện khi trình diễn.
LLO13	Thực hiện được thao tác chèn và chỉnh sửa các đối tượng trong Microsoft PowerPoint như: âm thanh, hình ảnh, video, slide, đồ thị, bảng và siêu liên kết.
LLO14	Tìm kiếm được các thông tin trên mạng Internet; vận dụng được nguyên tắc giao tiếp của các máy tính trong mạng kết hợp với các công cụ bảo mật để sử dụng thư điện tử, mạng xã hội và diễn đàn trực tuyến một cách an toàn.

LLO15	Phân biệt được các thiết bị mạng phổ biến; phân biệt được mạng cục bộ, mạng diện rộng và mạng Internet.
LLO16	Thực hiện được thao tác lưu trữ, chia sẻ và chỉnh sửa dữ liệu trực tuyến; xây dựng được các mẫu khảo sát và các bài kiểm tra trực tuyến.
LLO17	Thực hiện được việc lập kế hoạch, điều phối, làm việc trực tuyến trong các hoạt động nhóm được giao trong học phần.
LLO18	Hoàn thành tốt các bài tập thực hành, nhiệm vụ thảo luận nhóm, nhiệm vụ tự học trong các chương của học phần.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO1	x									x			
LLO2	x									x			
LLO3	x									x			
LLO4		x					x						
LLO5		x					x						
LLO6		x					x						
LLO7		x					x						
LLO8			x					x					
LLO9			x					x					
LLO10			x					x					
LLO11				x					x				
LLO12				x					x				
LLO13				x					x				
LLO14					x	x				x	x		
LLO15					x					x			
LLO16						x					x	x	
LLO17						x					x	x	x
LLO18								x			x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Khái niệm cơ bản về tin học

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2, LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Phần cứng máy tính 1.2. Phần mềm máy tính 1.3. Hệ điều hành Windows 1.4. Các lỗi máy tính thường gặp	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO1, LLO2, LLO3	* Nội dung thực hành: (3 tiết) - Bài tập: 1-4 [1, Trang 82-83] - Bài tập: 2, 3 [2, Trang 24-31]; 3, 4 [2, Trang 37-39].	Thực hành.	A1 A2 A4, A7	[1] [2]
LLO1, LLO2, LLO3	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 1 - Đọc thêm chương 1: Hiểu biết cơ bản về hệ điều hành. - Làm bài tập thực hành: 7-10 [2, Trang 21-23] - Đọc trước kiến thức Chương 2.	Tự nghiên cứu.	A1	[1] [2] [3] [4]
Chương 2. Phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4, LLO5, LLO6, LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Định dạng văn bản 2.2. Chèn và định dạng các đối tượng trong văn bản. 2.3. Hiệu chỉnh văn bản 2.4. Các công cụ trợ giúp soạn thảo 2.5. Tạo mục lục và tài liệu tham khảo 2.6. In ấn và phân phối văn bản	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO4, LLO5, LLO6	* Nội dung thực hành: (6 tiết) - Bài tập: 1-9 [1, Trang 117-124] - Bài tập: 1-4 [2, Trang 102-104]; 1-4 [2, Trang 111-114].	Thực hành.	A1 A2 A4 A7	[1] [2]
LLO4, LLO5, LLO6	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 2.	Tự nghiên cứu.	A1	[1] [2] [3]

	- Làm bài tập thực hành: 1-3 [2, Trang 91-93]; 2, 3 [2, Trang 118-120]. - Tự đọc về các nội dung sau: + Gộp tài liệu, tạo section. + Tạo mẫu văn bản. + Sửa lỗi không gõ được tiếng Việt có dấu. + Chuyển mã phonetic.			[4]
Chương 3. Phần mềm bảng tính Microsoft Excel				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO8, LLO9, LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lý thuyết: (5 tiết) 3.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính 3.2. Các thao tác cơ sở trên bảng tính 3.3. Định dạng và xử lý dữ liệu 3.4. Công thức và các hàm cơ bản 3.5. Tạo lập và hiệu chỉnh biểu đồ 3.6. In ấn và phân phối bảng tính	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề; hợp tác.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO8, LLO9, LLO10	*Nội dung thực hành: (12 tiết) - Bài tập: 1-6 [1, Trang 176-181] - Bài tập 2 [2, Trang 159]; 6-11 [2, Trang 166-170]; 3, 4 [2, Trang 186-190]; 7 [2, Trang 214]; 1-3 [2, Trang 217-218].	Thực hành.	A1 A2 A4 A7	[1] [2]
LLO8, LLO9, LLO10, LLO17, LLO18	* Nội dung bài tập: (6 tiết) - Bài tập: 1-16 [1, Trang 173-175] - Bài tập: 3, 4 [2, Trang 186-190]; 7 [2, Trang 214]; 1-3 [2, Trang 217-218].	Đàm thoại; nêu vấn đề; hợp tác.	A3	[1] [2]
LLO8, LLO9, LLO10	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - Tổng hợp kiến thức phần hệ thống các hàm cơ bản của Chương 3 bằng sơ đồ tư duy. - Chuẩn bị trước dữ liệu cho các bài thực hành. - Đọc trước kiến thức Chương 4.	Tự nghiên cứu.		[1] [2] [3] [4]
Chương 4. Phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO11, LLO12, LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) *Nội dung lí thuyết: (4 tiết Elearning) 4.1. Kiến thức cơ bản về thuyết trình và trình chiếu 4.2. Các thao tác cơ bản với slide 4.3. Chèn và định dạng các đối tượng 4.4. Thiết lập hiệu ứng 4.5. Tạo siêu liên kết 4.6. Trình chiếu, phân phối và in ấn bài thuyết trình	Học tập trên hệ thống LMS	A1 A2 A4 A5 A6	[1] [2]
LLO11, LLO12, LLO13	* Nội dung thực hành: (5 tiết trực tiếp và 5 tiết Elearning) - Bài tập: 1-6 [1, Trang 222-227] - Bài tập 3, 4 [2, Trang 144], 1-6 [2, Trang 147-148].	Thực hành, học tập trên hệ thống LMS	A1 A2 A4 A7	[1] [2]
	- Bài kiểm tra định kỳ số 01: 1 tiết (thực hành)		A4	
LLO11, LLO12, LLO13 LLO17, LLO18	* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết Elearning) Ứng dụng PowerPoint thiết kế một bài trình chiếu về chủ đề tự chọn	- Thảo luận nhóm trên hệ thống LMS	A1	[1] [2] [3] [4]
LLO11, LLO12, LLO13	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 4. - Đọc trước kiến thức của Chương 5. - Làm bài tập 10 [2, Trang 148].	Tự nghiên cứu, học tập trên hệ thống LMS		[1] [2] [3] [4]
Chương 5. Mạng máy tính				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO14, LLO15, LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết Elearning) 5.1. Tổng quan về mạng máy tính 5.2. Ứng dụng cơ bản trên mạng Internet 5.3. An toàn thông tin	Học tập trên hệ thống LMS	A1 A5 A6	[1], [2]
LLO14, LLO15, LLO16	* Nội dung thực hành: (4 tiết trực tiếp và 5 tiết Elearning) - Bài tập: 5-12 [1, Trang 83] - Bài tập 2, 3 [2, Trang 286-287]; 1-4 [2, Trang 290-293]; 1-5 [2, Trang 299].	Thực hành, học tập trên hệ thống LMS	A1 A2	[1], [2]

	- Thực hành sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến (Meet, Zoom, Microsoft Teams).			
	Bài kiểm tra định kỳ số 02: 1 tiết (trắc nghiệm)		A6	
LLO14, LLO15, LLO16	B. Nội dung tự học: (8 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 5. - Làm bài tập thực hành.	Tự nghiên cứu, học tập trên hệ thống LMS		[1] [2] [3] [4]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng thực hành: Đủ mỗi sinh viên một máy, có kết nối Internet; cài đặt các phần mềm Windows phiên bản thấp nhất là 8.1; phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint phiên bản thấp nhất là 2016.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu.
- Điều kiện khác: Không.

7.11: 60PHE111, Giáo dục thể chất 1 (MÔN BƠI - SWIMMING)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8
2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Giáo dục thể chất không chuyên ngành; Khoa

TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
2	Th.S. Nguyễn Đức Tuân	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
3	Th.S. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
4	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
5	Th.S Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt@tnue.edu.vn

6	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
7	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
8	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
9	T.S. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
10	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vnt@tnue
11	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd@tnue.edu.vntnue.edu.
12	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuanmd@tnue.edu.vn
13	T.S. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm@tnue.edu.vntnue.ed

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về môn Bơi trong chương trình GDTC 1: Lịch sử hình thành và phát triển, các kỹ thuật trong các kiểu bơi.

CO2: Biết được một số chấn thương thường gặp trong môn Bơi, cách phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.

*** Về kĩ năng**

CO3: Thực hiện được các kỹ thuật của kiểu Bơi ếch thể thao.

CO4: Thực hiện được phương pháp xử lý đuối nước, sơ cứu chấn thương trong thực tiễn.

*** Về năng lực tư chủ và trách nhiệm**

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Mô tả được kiến thức cơ bản của môn Bơi trong tập luyện, thi đấu và thực tiễn.	PLO14
CO2	CLO2	Ghi nhớ được kiến thức về chấn thương thường gặp trong môn Bơi để phòng ngừa, sơ cứu.	PLO14
	Kĩ năng		
CO3	CLO3	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của kiểu Bơi ếch thể thao.	PLO 12, 14
CO4	CLO4	Thực hiện được phương pháp xử lý đuối nước, sơ cứu chấn thương trong thực tiễn.	PLO12, 14
CO5	CLO5	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn học	PLO2, 12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO6	Vận dụng được kiến thức, kĩ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.	PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

[illegible]

CLO2														X	
CLO3												X		X	
CLO4												X		X	
CLO5		X										X			
CLO6														X	
MĐG	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	3	0

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp động tác tay với thở; phối hợp tay- chân- thở hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học...

- Sinh viên phải mặc đúng trang phục theo quy định là bộ quần áo bơi và kính bơi đối với nữ; trang phục quần bơi hoặc bộ quần áo bơi và kính bơi đối với nam để tạo điều kiện học tập bơi đạt kết quả cao nhất.

- Đối với những sinh viên có dị tật bẩm sinh, dị ứng với môi trường nước... Tùy từng trường hợp cụ thể sẽ phải nộp các giấy chứng nhận bệnh lý, bệnh án của bệnh viện cấp huyện hoặc tương đương trở lên để được xem xét giảm lượng vận động trong quá trình học, kiểm tra, thi.

- Thực hành:

- + Kiểm tra: Hoàn thành 02 bài thực hành cá nhân theo yêu cầu của giáo viên.

- + Thi: Hoàn thành 01 bài thực hành Bơi hoàn chỉnh kỹ thuật Bơi ếch thể thao.

Sinh viên thực hiện 01 lần thi bơi từ đầu bể 1,8m có bục xuất phát; Được xem xét thực hiện lần 02 trong một số trường hợp như: Sau khi xuất phát từ 15m trở lại mà bị tuột kính, bị sặc nước, trơn trượt khi xuất phát,....

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR HP của
Đánh giá quá trình (Trọng số 30%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2: Bài kiểm tra thường xuyên	10%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3

3	A3: Bài kiểm tra định kì	15%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 4
Thi kết thúc học phần (Trọng số 70%)					
4	Thực hành	70%	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 2-5

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Đào Thị Hoa Quỳnh, Nguyễn Huy Ánh, Trần Minh Khương (2023), Giáo Trình Bơi , NXB Thể thao và Du lịch, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2] Ngô Xuân Viên (2015), Giáo trình bơi thể thao, NXB – TĐTT, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN .

[3] Nguyễn Văn Trạch (1999), Bơi lội, NXB TĐTT, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
LLO1	Diễn giải được sơ lược lịch sử sự hình thành và phát triển của môn bơi lội, đặc điểm, ý nghĩa, nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu.
LLO2	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn

LLO3	Thực hiện được kỹ thuật cơ bản của kiểu bơi ếch
LLO4	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật, chiến thuật... môn Bơi vào tập luyện, thi đấu
LLO5	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn Bóng rổ
LLO6	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
LLO1	x					
LLO2		x				
LLO3			x			
LLO4				x		
LLO5					x	
LLO6						x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1: Giới thiệu môn học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1,2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (40 tiết) * Nội dung lý thuyết: (04 tiết) 1. Lý thuyết chung: 1.1 Sơ lược lịch sử sự hình thành và phát triển của môn bơi lội. 1.2 Đặc điểm vật lý học của môi trường nước 1.3 Mối quan hệ của đặc điểm kết cấu giải phẫu cơ thể với kỹ thuật bơi.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1,A2	[1] Chương 1,2
LLO 3,4	1.4 Phương pháp tạo ra lực cản, lực hữu ích và lực nổi thay nhau tác động đẩy cơ thể tiến về phía trước. 1.5 Thế nào là kỹ thuật bơi hợp lý.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1	
LLO 5	1.6. Các Phương pháp phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1	

LLO 3,4,5	B. Nội dung tự học: (8 tiết) 1. Các yếu lĩnh kỹ thuật Bơi thể thao 2. Kỹ thuật các bài tập trên cạn trong kiểu Bơi ếch thể thao	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện tự học và hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	A1	[1] Chương 1,2
Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản				
LLO s	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 6,7,8	* Nội dung thực hành (34 tiết) - Đặc điểm của kỹ thuật bơi thể thao. - Phân tích yếu lĩnh kỹ thuật bơi thể thao: Tư thế thân người, kỹ thuật động tác chân, động tác tay, thở, phối hợp tay với thở, phối hợp tay với chân và phối hợp toàn bộ kỹ thuật bơi. - Phương pháp dạy bơi cho người mới học, các bước giảng dạy và sửa chữa sai sót kỹ thuật thường mắc. - Ý nghĩa của bơi thực dụng - cứu đuối. - Làm quen nước, tập làm nổi người, tập lướt nước - Học kỹ thuật động tác chân - Học, ôn luyện, củng cố và hoàn thiện kỹ thuật động tác chân bơi ếch. - Học kỹ thuật động tác tay, ôn luyện kỹ thuật động tác chân	Thuyết trình, đàm thoại, thực hành	A1; A2	[1] Chương 3
LLO 6,8	- Ôn luyện, củng cố và hoàn thiện kỹ thuật động tác tay, tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật động tác chân, tập động tác xuất phát - Củng cố và hoàn thiện kỹ thuật động tác tay, tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật động tác chân, tập bơi phối hợp tay với chân. - Học kỹ thuật động tác thở cơ bản trong Bơi - Ôn kỹ thuật động tác chân, tay và phối hợp chân với tay - Ôn luyện phối hợp toàn bộ kỹ thuật kiểu bơi ếch: Phối hợp tay, chân, thở.	Thuyết trình, đàm thoại, thực hành	A1; A3	[1] Chương 3
LLO 6,7,8	B. Nội dung tự học: (52 tiết) Nín thở, ngụp lặn và thở ra trong nước. - Tập làm nổi người. - Học kỹ thuật động tác chân.	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và	A1	

	- Bám bờ tập động tác chân: Có điểm tựa hoặc người giúp đỡ - Luật bơi. - Tập không có dụng cụ (tăng độ khó bài tập), tập phối hợp hai tay. - Tập mô phỏng động tác phối hợp kỹ thuật tay với chân. - Tập bơi phối hợp tay với chân. - Thực hiện lặp lại từ chậm đến nhanh, tăng dần cự ly bơi. - Tập bơi phối hợp chân – tay, không có người giúp đỡ. Động tác mô phỏng kỹ thuật phối hợp toàn bộ kỹ thuật (đứng hoặc nằm trên ghế tập bơi). - Phối hợp với thở 2 - 3 chu kỳ tay một lần thở sau đó rút ngắn dần hai rồi một chu kỳ một lần thở. - Tăng dần độ khó, tăng số chu kỳ và cự ly bơi. Động tác mô phỏng kỹ thuật phối hợp toàn bộ kỹ thuật (đứng hoặc nằm trên ghế tập bơi). - Phối hợp với thở 2 - 3 chu kỳ tay một lần thở sau đó rút ngắn dần hai rồi một chu kỳ một lần thở. - Tăng dần độ khó, tăng số chu kỳ và cự ly bơi.	hoàn thành nội dung bài học.		
	C. các nội dung kiểm tra (2 tiết) - Kiểm tra thường xuyên: Kỹ thuật đạp chân ếch 20m chiều ngang bể bơi (có thể lên lấy hơi sau 5 chu kỳ đạp chân, chấm điểm kỹ thuật đạp chân). - Kiểm tra định kỳ: Bơi kết hợp lấy hơi 50 m tối đa đối với nam; 35m tối đa với nữ dọc bể từ đầu vực xuất phát.		A2,A3	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Bể bơi đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, chất lượng để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Phao tim, chân vịt, trang phục bơi, kính bơi, còi...
- Điều kiện khác: Không

7.12: 60PHE112, Giáo dục thể chất 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8
2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Tự chọn (Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong 4 môn trên).

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDDT Không chuyên, Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963.246.683	quynhhdth@tnue.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	thuyvx@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	dungnv@tnue.edu.vn
5	ThS. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
6	ThS. Nguyễn Đức Tuân	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
7	ThS. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
8	ThS. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
9	ThS. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt.phy@tnue.edu.vn

10	ThS. Nguyễn T.Thanh Vân	0389.974.726	vanntt@tnue.edu.vn
11	ThS. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
12	ThS. Nguyễn Nhac	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
13	ThS. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	hant.phy@tnue.edu.vn
14	ThS. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
15	ThS. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuanmd@tnue.edu.vn
16	ThS. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
17	ThS. Mã Thiên Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914.456.163	cuongdn@tnue.edu.vn
20	ThS. Phạm Thị Bích Thảo	0838888758	thaoptb@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO2: Biết được cách thức thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO3: Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện được kỹ, chiến thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu.

CO6: Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần.

CO7: Vận dụng khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8: Xây dựng được kế hoạch tự học, tự tập luyện độc lập hoặc tập luyện theo nhóm để rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ thể lực.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản của môn thể thao trong học phần GDTC 2: đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật...	PLO14
CO2	CLO2	Nhớ được các bước thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của một môn thể thao thuộc học phần GDTC 2	PLO14
CO3	CLO3	Xác định được nguyên nhân, cách phòng ngừa và cách sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.	PLO14
Kỹ năng			
CO4	CLO4	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2.	PLO12,14
CO5	CLO5	Sử dụng được những kiến thức cơ bản của môn học như luật, chiến thuật...vào thực tiễn tập luyện, thi đấu.	PLO12,14
CO6	CLO6	Đạt được trình độ thể lực theo tiêu chí đánh giá của môn học.	PLO14
CO7	CLO7	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn học	PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO8	Xây dựng được kế hoạch tự học, tự tập luyện độc lập hoặc tập luyện theo nhóm để rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ thể lực	PLO13,14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1														x	
CLO2														x	
CLO3														x	
CLO4												x		x	
CLO5												x		x	
CLO6														x	
CLO7												x			
CLO8													x	x	
MDG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	3	0

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: ôn tập và đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ và các bài kiểm tra thường xuyên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài kiểm tra thường xuyên	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4
3	A3. Bài kiểm tra định kỳ	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7
Thi kết thúc học phần					
4	Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ được xây dựng theo đáp án và thang điểm cụ thể của từng môn học.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

- [1]. Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Thị Kim Lan, Giáo trình Thể dục Aerobic, NXB TDTT, Năm 2014, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.
- [2]. Nguyễn Đức Trường, Lê Trọng Đồng (2019), Giáo trình Bóng rổ, Nxb ĐHTN, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.
- [3]. Tổng cục TDTT, Luật thi đấu Bóng rổ, NXB TDTT năm 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.
- [4] Đào Thị Hoa Quỳnh (2021), Giáo trình Đá cầu, NXB ĐH Thái Nguyên, thư viện trường ĐHSP -ĐHTN.
- [5] Tổng cục TDTT, Luật thi đấu đá cầu, NXB TDTT, Hà Nội, 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.
- [6] Nguyễn Văn Chung, Giáo trình Võ thuật, 2007, NXB Đại học Sư phạm (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN)
- [7] Lê Quốc Ân chủ biên, Kỹ thuật Vovinam Việt võ đạo (tập 1), 2009, NXB Thể dục thể thao Hà Nội (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN)
- [8] Tổng cục Thể dục Thể thao, Luật thi đấu Vovinam, 2018, NXB Hồng Đức (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN)

9.2. Tài liệu tham khảo

- [9]. TS Nguyễn Văn Thời, ThS. Lê Minh Hường, ThS. Trần Thị Thu Trang, *Giáo trình thể dục Aerobic* tập 1, NXB TDTT Hà Nội, thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.
- [10]. Đinh Quang Ngọc, *Bóng rổ trong trường phổ thông*, NXB TDTT, năm 2013, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.
- [11] Vụ TDTT quần chúng , *Phương pháp giảng dạy và huấn luyện Đá cầu*, NXB Đại học Sư phạm, năm 2009, Thư viện Trường ĐHSP ĐHTN
- [12] Website: Vovinamthainguyen.vn
- [13] Nguồn hướng dẫn tập luyện Võ thuật trên Youtube: <https://www.youtube.com/>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra môn 1: Aerobic
LLO1	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của môn Aerobic: Khái niệm, ý nghĩa, tác dụng...
LLO2	Nhớ được các bước biên soạn bài thể dục Aerobic.
LLO3	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn Aerobic.

LLO4	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể dục Aerobic.
LLO5	Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu và biên soạn các bài TD Aerobic.
LLO6	Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần
LLO7	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn TD Aerobic
LLO8	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra môn 2: Bóng rổ
LLO9	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ: đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu;
LLO10	Nhớ được các bước thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ
LLO11	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn Bóng rổ.
LLO12	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Bóng rổ
LLO13	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật, chiến thuật... môn Bóng rổ vào tập luyện, thi đấu
LLO14	Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần
LLO15	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn Bóng rổ
LLO16	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra môn 3: Đá cầu
LLO17	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của môn Đá cầu: đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu;
LLO18	Nhớ được các bước thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của môn Đá cầu
LLO19	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn Đá cầu.
LLO20	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Đá cầu
LLO21	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật, chiến thuật... môn Đá cầu vào tập luyện, thi đấu
LLO22	Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần
LLO23	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn Đá cầu
LLO24	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra môn 4: Võ thuật
LLO25	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của môn Võ thuật: đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu;
LLO26	Nhớ được các bước thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của môn Võ thuật
LLO27	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn võ thuật.
LLO28	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn võ thuật
LLO29	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật, chiến thuật... môn võ thuật vào tập luyện, thi đấu
LLO30	Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần

LLO31	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn Võ thuật
LLO32	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	X							
LLO2		x						
LLO3			x					
LLO4				x				
LLO5					x			
LLO6						x		
LLO7							x	
LLO8								x
LLO9	x							
LLO10		x						
LLO11			x					
LLO12				x				
LLO13					x			
LLO14						x		
LLO15							x	
LLO16								x
LLO17	x							
LLO18		x						
LLO19			x					
LLO20				x				
LLO21					x			
LLO22						x		
LLO23							x	
LLO24								x
LLO25	x							

LLO26		x						
LLO27			x					
LLO28				X				
LLO29					X			
LLO30						X		
LLO31							X	
LLO32								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Môn Aerobic				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2 LLO3	Phần 1: Lý thuyết chung A. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRÊN LỚP (04 tiết) 1.1. Khái niệm, lịch sử, đặc điểm và phân loại Thể dục Aerobic - Khái niệm về Thể dục Aerobic - Lịch sử phát triển của Thể dục Aerobic - Đặc điểm và phân loại Thể dục Aerobic - Ý nghĩa và tác dụng của việc tập luyện Thể dục Aerobic 1.2. Phương pháp biên soạn bài thể dục Aerobic	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử.	A1 A3	[1] Đọc chương I, từ trang 7-39; chương IV, V từ trang 179-217 [2] Đọc chương I từ trang 7-31
	B. NỘI DUNG TỰ HỌC (08 tiết) - Đọc phần lịch sử ra đời, đặc điểm, phân loại môn Thể dục Aerobic. - Đọc phần phương pháp biên soạn bài Thể dục Aerobic.	Sinh viên sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học		
LLO4 LLO5 LLO6 LLO7 LLO8	Phần 2: Thực hành A. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRÊN LỚP (34 tiết) 2.1. Các tư thế cơ bản của chân - Bước điều hành. - Bước chạy bộ. - Bước nhảy cách quãng. - Bước bật nhảy nâng gối. - Bước bật nhảy đá chân.	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép	A1 A2 A4	[1] Đọc chương II từ trang 40-120 [2] Đọc chương 5

	- Bước bật nhảy tách ngang. - Bước bật nhảy tách dọc. 2.2. Các động tác khó tiêu biểu của Thể dục Aerobic <i>* Nhóm A: Các động tác động lực</i> - Yêu cầu tối thiểu của nhóm A - Mô tả một số động tác độ khó tiêu biểu. <i>* Nhóm B: Các động tác tĩnh lực.</i> - Yêu cầu tối thiểu của nhóm A - Mô tả một số động tác độ khó tiêu biểu. <i>* Nhóm C: Các động tác bật nhảy</i> - Yêu cầu tối thiểu của nhóm A. - Mô tả một số động tác độ khó tiêu biểu. <i>* Nhóm D : Mềm dẻo và thăng bằng</i> - Yêu cầu tối thiểu của nhóm A - Mô tả một số động tác độ khó tiêu biểu. 2.3. Biên soạn bài Thể dục Aerobic.	<i>nội dung bài học.</i> <i>- Tập luyện theo hướng dẫn trong video.</i>		<i>từ trang 45-87</i>
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) - Bài thực hành A2: 7 bước cơ bản, một số động tác độ khó tiêu biểu (1 tiết) - Bài kiểm tra định kỳ (A3): Trình diễn bài Aerobic tự biên soạn 1p30 (1 tiết).	<i>Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.</i>	A2 A3	[1] Đọc chương IV, V từ trang 179-217
Môn Bóng rổ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO9 LLO10 LLO11	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) + Đặc điểm, ý nghĩa môn Bóng rổ + Nguyên lý kỹ, chiến thuật môn Bóng rổ + Luật thi đấu. - Cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu Bóng rổ.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A2	Tài liệu học tập [2],[3] Tài liệu tham khảo [10]
	B. Nội dung tự học (08 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ: + Đặc điểm, ý nghĩa môn Bóng rổ	<i>SV nghiên cứu tài liệu</i>		

	+ Nguyên lý kỹ, chiến thuật môn Bóng rổ + Luật thi đấu.			
LLO12 LLO13 LLO14 LLO15 LLO16	Phần 2: Thực hành A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) - Kỹ thuật di chuyển không bóng. - Kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực. - Kỹ thuật dẫn bóng - Phối hợp: Kỹ thuật di chuyển chuyền bắt bóng bằng hai tay trước ngực. - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 2 tay trước ngực. - Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao hoặc 2 tay trước ngực. - Thi đấu tập - Thẻ lực	- Thuyết trình GV, thực hành	A1;A2;A3,A4	Tài liệu học tập [2],[3] Tài liệu tham khảo [10]
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Thực hành các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ - Thẻ lực	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		Tài liệu học tập [2],[3] Tài liệu tham khảo [10]
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) - Bài kiểm tra thường xuyên: Dẫn bóng tốc độ 20m (giây). - Bài kiểm tra định kỳ: Tại chỗ ném rổ.	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2 A3	
Môn Đá cầu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17 LLO18 LLO19	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết)	- Thuyết trình, thực hành	A1,A2	Tài liệu học tập [4],[5]

	1. Nội dung giảng dạy lí thuyết: (04 tiết) + Đặc điểm, ý nghĩa môn Đá cầu. + Nguyên lý kỹ, chiến thuật môn Đá cầu. + Luật thi đấu. - Cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.			Tài liệu tham khảo [11]
LLO20 LLO21 LLO22 LLO23 LLO24	Phần 2: Thực hành A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) Kỹ thuật di chuyển: - Di chuyển ngang, Bước chéo, Bước trượt - Di chuyển chéo - Di chuyển tiến lùi - Kỹ thuật tâng cầu bằng mu giữa bàn chân - Kỹ thuật tâng cầu bằng lòng bàn chân Kỹ thuật tâng cầu bằng mu ngoài bàn chân - Kỹ thuật tâng cầu bằng đùi - Kỹ thuật chuyền cầu - Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện - Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình - Kỹ thuật tâng cầu nhịp 1 tấn công nhịp 2 - Chiến thuật trong môn đá cầu - Thể lực	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1;A2;A3, A4	Tài liệu học tập [4],[5] Tài liệu tham khảo [11]
	B. Nội dung tự học (52 tiết) + Thực hành các kỹ thuật cơ bản trong môn đá cầu + Các bài tập phát triển thể lực	SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) - Bài thực hành A2: Kỹ thuật tâng cầu	Sinh viên thực hiện các bài	A2,A3	

	- Bài kiểm tra định kỳ (A3): Kỹ thuật phát cầu	<i>kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.</i>		
Môn Võ thuật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Dạy học	
LLO25 LLO26 LLO27	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) - Lịch sử phát triển của võ thuật. - Tác dụng của tập luyện võ thuật đối với sức khỏe. - Phương pháp tập luyện và phòng tránh chấn thương trong võ thuật. - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu võ thuật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1,A ₂	Tài liệu học tập [6],[7],[8] Tài liệu tham khảo [12],[13]
	B. Nội dung tự học (08 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Võ thuật: - Lịch sử phát triển của võ thuật. - Tác dụng của tập luyện võ thuật đối với sức khỏe. - Phương pháp tập luyện và phòng tránh chấn thương trong võ thuật	Sinh viên nghiên cứu tài liệu		
LLO28 LLO29 LLO30 LLO31 LLO32	Phần 2: Thực hành A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) a. Nghi lễ trong luyện tập võ thuật. b. Bài tập khởi động chung và chuyên môn c. Kỹ thuật: - Tấn pháp: Lập tấn, Trung bình tấn, Đinh tấn - Kỹ thuật đòn tay: Đấm thẳng, đấm móc; Chém cạnh tay số 1, 2, 3, 4 - Kỹ thuật đòn chân: Đá thẳng, Đá vòng cầu, Đá ngang. - Kỹ thuật phòng thủ: Gạt cạnh tay số 1, 2, 3, 4 - Phương pháp di chuyển	- Thuyết trình, thực hành	A1;A ₂ ;A ₃ ,A ₄	Tài liệu học tập [6],[7],[8] Tài liệu tham khảo [12],[13]

	- Đòn đối luyện số 1, 2, 3, 4, 5, 6 - Liên hoàn kỹ thuật số 1, 2, 3, 4, 5, 6 - Kỹ, chiến thuật trong thi đấu - Phương pháp tấn công và phòng thủ - Tổ hợp kỹ thuật đòn tay và đòn chân			
	B. Nội dung tự học (52 tiết) + Thực hành các kỹ thuật cơ bản trong môn võ thuật + Các bài tập phát triển thể lực	SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) - Bài thực hành A2: Tấn pháp (Đỉnh tấn); Kỹ thuật đòn chân (Đá thẳng, đá vòng cầu); Đòn đối luyện số 1, 2, 3; Thể lực. - Bài kiểm tra định kỳ (A3): Liên hoàn kỹ thuật số 1, 2, 3; Kỹ thuật đá ngang; thể lực	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2,A3	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Sân vận động; Nhà tập đa năng đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, chất lượng để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất của các môn.
- Điều kiện khác: Hệ thống công nghệ thông tin (nếu có).

7.13: 60PHE113, Giáo dục thể chất 3

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8
2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Tự chọn (Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong 4 môn trên).
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không.
- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
 - Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDDT Không chuyên, Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963.246.683	quynhdth@tnue.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	thuyvx@tnue.edu.vn
4	Th.S. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	dungnv@tnue.edu.vn
5	Th.S. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
6	Th.S. Nguyễn Đức Tuấn	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
7	Th.S. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
8	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
9	Th.S. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt.phy@tnue.edu.vn
10	Th.S. Nguyễn T.Thanh Vân	0389.974.726	vanntt@tnue.edu.vn
11	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
12	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
13	Th.S. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	hant.phy@tnue.edu.vn
14	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
15	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuanmd@tnue.edu.vn
16	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
17	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914.456.163	cuongdn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO2: Biết được cách thức thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO3: Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện được kỹ, chiến thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO8: Xây dựng được kế hoạch tự học, tự tập luyện độc lập hoặc tập luyện theo nhóm để rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ thể lực.

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
		Kiến thức	
CO1	CLO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản của môn thể thao trong học phần GDTC 3: đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật...	PLO14
CO2	CLO2	Nhớ được các bước thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của một môn thể thao thuộc học phần GDTC 3	PLO14
CO3	CLO3	Xác định được nguyên nhân, cách phòng ngừa và cách sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.	PLO14
		Kĩ năng	
CO4	CLO4	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3.	PLO12,14
CO5	CLO5	Sử dụng được những kiến thức cơ bản của môn học như luật, chiến thuật...vào thực tiễn tập luyện, thi đấu.	PLO12,14
CO6	CLO6	Đạt được trình độ thể lực theo tiêu chí đánh giá của môn học.	PLO14
CO7	CLO7	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn học	PLO12
		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CO8	CLO8	Xây dựng được kế hoạch tự học, tự tập luyện độc lập hoặc tập luyện theo nhóm để rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ thể lực	PLO 13,14

[illegible]

MĐG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	3	0
------------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------	----------

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn 1 trong 4 môn: Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: ôn tập và đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ và các bài kiểm tra thường xuyên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài kiểm tra thường xuyên	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4
3	A3. Bài kiểm tra định kỳ	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7
Thi kết thúc học phần					
4	Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64%	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các

các hoạt động trong giờ học		50% nhiệm vụ học tập được giao.	nhiệm vụ học tập được giao.	học tập được giao.	hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ được xây dựng theo đáp án và thang điểm cụ thể của từng môn học.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1] Vũ Thanh Mai, *Khiêu vũ Thể thao*, NXB TDTT, Năm 2011, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[2] PGS.TS Trần Đức Dũng, *Giáo Trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội 2007, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Nguyễn Đức Tuân (Chủ biên), Trương Tấn Hùng, *Giáo trình bóng chuyền*, NXB ĐHTN (2020), Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Nguyễn Văn Đức , Trần Văn Vinh (2016) *Giáo trình cầu lông* NXB TDTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[5]. Tổng cục TDTT, *Luật thi đấu Cầu Lông*, 2015, NXB TDTT, thư viện trường ĐHSP TN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[6] Băng đĩa hình; video – Giảng viên giảng dạy cung cấp cho sinh viên.

[7] Luật thi đấu Bóng đá, Tổng cục TDTT - NXB TDTT 2014.

[8]. Tổng cục TDTT, *Luật Bóng chuyền và luật Bóng chuyền bãi biển*, NXB TDTT năm 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[9]. *Bóng chuyền*, Iu. KLESEP – AG. AIRIANX NXB TDTT, Hà Nội 1997, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra môn 1: Khiêu vũ thể thao
LLO1	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của môn Khiêu vũ thể thao: Khái niệm, ý nghĩa, tác dụng sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật;
LLO2	Nhớ được các bước biên soạn bài Khiêu vũ thể thao.
LLO3	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn Khiêu vũ thể thao.
LLO4	Thực hiện đúng các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Khiêu vũ thể thao
LLO5	Vận dụng được các kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu và biên soạn điệu nhảy chachacha và jive của khiêu vũ thể thao.

LLO6	Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần
LLO7	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn Khiêu vũ thể thao
LLO8	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra bài 2: Môn Bóng đá
LLO9	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của môn Bóng đá: đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu;
LLO10	Nhớ được các bước thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá
LLO11	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn Bóng đá.
LLO12	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Bóng đá
LLO13	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật, chiến thuật... môn Bóng đá vào tập luyện, thi đấu
LLO14	Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần
LLO15	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn Bóng đá
LLO16	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra môn 3: Bóng chuyền
LLO17	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của môn Bóng chuyền: đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu;
LLO18	Nhớ được các bước thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền
LLO19	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn Bóng chuyền.
LLO20	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Bóng chuyền
LLO21	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật, chiến thuật... môn Bóng chuyền vào tập luyện, thi đấu
LLO22	Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần
LLO23	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn Bóng chuyền
LLO24	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra bài 4: Môn Cầu lông
LLO25	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của môn Cầu lông: đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu;
LLO26	Nhớ được các bước thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông
LLO27	Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu môn cầu lông.
LLO28	Thực hiện được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Cầu lông
LLO29	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về luật, chiến thuật... môn cầu lông vào tập luyện, thi đấu
LLO30	Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần
LLO31	Biểu hiện được khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn Cầu lông

LLO32	Áp dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.
-------	--

10.2. Ma trận liên kết LLOs với CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	X							
LLO2		x						
LLO3			x					
LLO4				x				
LLO5					x			
LLO6						x		
LLO7							x	
LLO8								x
LLO9	x							
LLO10		x						
LLO11			x					
LLO12				x				
LLO13					x			
LLO14						x		
LLO15							x	
LLO16								x
LLO17	x							
LLO18		x						
LLO19			x					
LLO20				x				
LLO21					x			
LLO22						x		
LLO23							x	
LLO24								x
LLO25	x							
LLO26		x						

LLO27			x					
LLO28				X				
LLO29					X			
LLO30						X		
LLO31							X	
LLO32								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Bài 1. Môn Khiêu vũ thể thao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2 LLO3	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) 1. Khái niệm, lịch sử phát triển của điệu nhảy chachacha và bebop. 2. Nhạc lý và nguyên lý kỹ thuật của vũ điệu Chachacha và bebop. 3. Thể thức thi đấu và Luật thi đấu 4. Cơ sở khoa học của tập luyện Khiêu vũ Thể thao. 5. Cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện Khiêu vũ thể thao.	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1,A2	Tài liệu học tập [1] Tài liệu tham khảo [6]
	B. Nội dung tự học (8 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Khiêu vũ thể thao: + Khái niệm, ý nghĩa, tác dụng của KVTT; + Nguyên lý kỹ, chiến thuật; + Lịch sử hình thành và phát triển của KVTT;	<i>Sinh viên nghiên cứu tài liệu</i>		Tài liệu học tập [1] Tài liệu tham khảo [6]
LLO4 LLO5 LLO6 LLO7 LLO8	Phần 2: Các kỹ thuật cơ bản A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) Nội dung giảng dạy thực hành: (34tiết) 1. Giới thiệu các bước cơ bản của vũ điệu Cha cha - Tập kỹ thuật nhịp 1 - 2 và di chuyển 1 bước - Tập nhịp Chachacha tại chỗ: + Đọc + Ngang - Tập nghe nhạc và vào nhạc từ tư thế chuẩn bị - các bước cơ bản đọc	- <i>Thuyết trình, Thực hành</i>	A1;A2;A3,A4	Tài liệu học tập [1] Tài liệu tham khảo [6]

	- Kỹ thuật chuyển từ bước ngang sang bước dọc và ngược lại. - Kỹ thuật bước chéo. - Kỹ thuật bước mở tiến khi di chuyển ngang. - Kỹ thuật bước mở lùi khi di chuyển ngang. - Kỹ thuật bước quay ngang 360° phải và trái. - Kỹ thuật bước quay dọc 360°. 2. Kỹ thuật Basic tại chỗ. - Kỹ thuật bước ngang. - Kỹ thuật bước dọc. - Bước tiến quay 180. - Bước lùi. - Kỹ thuật đổi tay quay 180 - kỹ thuật các bước di chuyển quay 360° - Liên kết các kỹ thuật đã học. 3. Ghép đôi kết hợp với nhạc. 4. Thẻ lược chuyên môn. 5. Hướng dẫn bài quy định và bài tự soạn			
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Luyện tập các kỹ thuật đã học - Thẻ lược	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		Tài liệu học tập [1] Tài liệu tham khảo [6]
	C. Nội dung kiểm tra (2 tiết) - Kiểm tra điểm thành phần 1: Kỹ thuật chachacha bước ngang và bước dọc (ghép đôi). Kiểm tra 2: Kỹ thuật Bebop, Kỹ thuật Basic tại chỗ, Kỹ thuật bước ngang; Kỹ thuật bước dọc.	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2,A3	
Bài 2. Môn Bóng đá				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO9 LLO10 LLO11	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (08 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) - Sơ lược lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng của môn Bóng đá. - Luật thi đấu. - Cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu. 2. Nội dung giảng dạy thực hành: (04 tiết) - Một số động tác khởi động chuyên môn không bóng, có bóng. - Một số bài tập cảm giác bóng	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1,A 2	Tài liệu học tập [2] Tài liệu tham khảo [7;8]
	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Bóng đá: + Đặc điểm, ý nghĩa, + Nguyên lý kỹ + Luật thi đấu.	<i>Sinh viên nghiên cứu tài liệu</i>		
LLO12 LLO13 LLO14 LLO15 LLO16	Phần 2: Các kỹ thuật cơ bản trong bóng đá A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) - Học kỹ thuật khởi động chuyên môn không bóng; có bóng. - Học các kỹ thuật dẫn bóng (mu trong, mu giữa, mu ngoài...) - Học kỹ thuật tăng bóng, khống chế bóng. - Học kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong bàn chân + Học kỹ thuật đá bóng bằng mu trong, mu giữa bàn chân. + Học kỹ thuật đá bóng bằng mũi bàn chân. + Học kỹ thuật ném biên. + Học kỹ thuật đánh đầu bằng chân giữa. - Thi đấu tập - Thể lực	- <i>Thuyết trình, Thực hành</i>	A1;A 2;A3	Tài liệu học tập [2] Tài liệu tham khảo [7;8]
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Luyện tập các kỹ thuật đã học - Thể lực	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		Tài liệu học tập [2] Tài liệu tham khảo [7;8]

	C. Các nội dung kiểm tra (2 tiết) <i>* Kiểm tra bài thường xuyên. (theo ngân hàng thi và đáp án k59)</i> <i>* Kiểm tra bài định kỳ (theo ngân hàng thi và đáp án k59)</i>	<i>Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.</i>	A2,A3	
Bài 3. Môn Bóng chuyền				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17 LLO18 LLO19	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lí thuyết: (04 tiết) + Lịch sử phát triển môn Bóng chuyền + Luật Bóng chuyền: Một số điều luật cơ bản và phương pháp tổ chức trọng tài môn Bóng chuyền. - Cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.	<i>- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> <i>- Thảo luận nhóm</i>	A1,A2	Tài liệu học tập [3] Tài liệu tham khảo [9]
	B. Nội dung tự học (8 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Bóng chuyền: + Lịch sử phát triển môn Bóng chuyền + Luật Bóng chuyền: Một số điều luật cơ bản và phương pháp tổ chức trọng tài môn Bóng chuyền.	<i>Sinh viên nghiên cứu tài liệu</i>		
LLO20 LLO21 LLO22 LLO23 LLO24	Phần 2: Các kỹ thuật cơ bản B. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) - Các kỹ thuật di chuyển. - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay. - Kỹ thuật đệm bóng Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt với nam - Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt với nữ 2. Thi đấu tập. 3. Thể lực	<i>- Thuyết trình, thực hành</i>	A1;A2;A3,A4	Tài liệu học tập [3] Tài liệu tham khảo [9]
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Luyện tập các kĩ thuật đã học - Thể lực	<i>Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học</i>		

		và hoàn thành nội dung bài học.		
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) Kiểm tra 1: Chuyên bóng cao tay trước mặt Kiểm tra 2: kỹ thuật đệm bóng	<i>Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.</i>	A2,A3	
Bài 4. Môn Cầu lông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Dạy học	
LLO25 LLO26 LLO27	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) - Lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam . - Luật thi đấu cầu lông - Một số điều luật cơ bản và phương pháp tổ chức thi đấu cầu lông	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1,A2	Tài liệu học tập [4;5]
	B. Nội dung tự học (08 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Cầu lông: + Lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam . - Luật thi đấu cầu lông - Một số điều luật cơ bản và phương pháp tổ chức thi đấu cầu lông	<i>Sinh viên nghiên cứu tài liệu</i>		
LLO28 LLO29 LLO30 LLO31 LLO32	Phần 2: Các kỹ thuật cơ bản A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) - Kỹ thuật di chuyển đơn bước - Kỹ thuật di chuyển đa bước - Cách cầm vợt Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay - Kỹ thuật giao cầu thuận tay, trái tay Kỹ thuật giao cầu thuận tay. - Kỹ thuật giao cầu trái tay. - Kỹ thuật đánh cầu cao sâu thuận tay - Kỹ thuật đánh cầu cao trái tay - Kỹ thuật đập cầu. - Thi đấu tập.	- Thuyết trình, thực hành	A1;A2;A3,A4	Tài liệu học tập [4;5]

	- Thẻ lực.			
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Luyện tập các kĩ thuật đã học - Thẻ lực	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) Kiểm tra 1: Kỹ thuật giao cầu thuận tay Kiểm tra 2: KT giao cầu trái tay	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2,A3	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Sân vận động; Nhà tập đa năng đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, chất lượng để phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất của các môn.
- Điều kiện khác: Hệ thống công nghệ thông tin (nếu có).

7.14: 60MIE131, Giáo dục quốc phòng (có chương trình và chứng chỉ riêng)

7.15. 60AED231, Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ (AESTHETICS AND BEAUTY EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	32		64
2	Bài tập	10		28
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		60		92

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước hoặc song hành: + Triết học
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, KT & PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
8.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
9.	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanntt.poli@tnue.edu.vn
10.	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennntt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về đặc điểm cơ bản mỹ học Mác -Lênin và giáo dục thẩm mỹ trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ trong công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO3. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về hình thái ý thức nghệ thuật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO4. Vận dụng được kiến thức cơ bản về giáo dục thẩm mỹ vào hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

* Về kỹ năng

CO5. Sử dụng được các kiến thức cơ bản về mỹ học Mác - Lênin để thực hiện hoạt động thẩm mỹ và giáo dục thẩm mỹ cho người học trong dạy học, giáo dục, hướng nghiệp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về giáo dục thẩm mỹ để khởi nghiệp, phát triển và đổi mới sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân biệt được đặc điểm mỹ học Mác - Lênin với mỹ học trong lịch sử.	PLO1
	CLO2	Hiểu và vận dụng được bản chất của giáo dục thẩm mỹ trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.	PLO1,4
CO2	CLO3	Sử dụng được nội dung cơ bản của chủ thể thẩm mỹ trong nhận thức và thực tiễn.	PLO3,4
	CLO4	Áp dụng các kiến thức của mỹ học để nhận diện các yếu tố cấu thành chủ thể thẩm mỹ trong đời sống thực tiễn.	PLO3,4
	CLO5	Diễn giải được các kiến thức về khách thể thẩm mỹ để nhận biết các phạm trù mỹ học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.	PLO1,3
	CLO6	Minh họa được sự vận dụng một số phạm trù cơ bản trong mỹ học Mác - Lênin trong thực tiễn của bản thân.	PLO3,4

CO3	CL07	Sáng tỏ được nguồn gốc, bản chất, chức năng xã hội của nghệ thuật trong nhận thức và thực tiễn giảng dạy	PLO3
	CL08	Chứng minh được mối quan hệ giữa nghệ thuật với các hình thái ý thức xã hội khác trong thực tiễn.	PLO3,4
CO4	CLO9	Chỉ ra được tính tất yếu, nội dung của công tác giáo dục thẩm mỹ trong thực tiễn giảng dạy	PLO1,3
	CLO10	Bày tỏ được quan điểm cá nhân về đặc trưng và hình thức giáo dục thẩm mỹ trong hoạt động thực tiễn.	PLO3
Kĩ năng			
CO5	CLO11	Thực hiện được các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục thẩm mỹ cho người học vào hoạt động giao tiếp trong dạy học, giáo dục, hướng nghiệp.	PLO12
	CLO12	Thực hành được những tình huống thẩm mỹ nảy sinh trong thực tế vào hoạt động tư vấn, dạy học giáo dục, hướng nghiệp.	PLO11, 12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO13	Vận dụng được kiến thức về giáo dục thẩm mỹ để khởi nghiệp.	PLO15
	CLO14	Vận dụng được kĩ năng về giáo dục thẩm mỹ để đổi mới sáng tạo.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x														
CLO2	x		x	x											
CLO3				x											
CLO4			x	x											
CLO5	x		x												
CLO6			x	x											
CLO7			x												
CLO8			x	x											
CLO9	x		x												
CLO10			x												
CLO11												x			
CLO12											x	x			
CLO13															x
CLO14															x
MDG	2	0	3	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các quan điểm mỹ học Mác - Lênin, bao gồm các vấn đề về mỹ học và bản chất của giáo dục thẩm mỹ; chủ thể thẩm mỹ; khách thể thẩm mỹ; nghệ thuật và vai trò của nó trong đời sống thẩm mỹ; giáo dục thẩm mỹ.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 và 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Sử dụng thang 10 điểm.*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-14
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-10
3	A3. Thực hành	5	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO8-14
4	A4. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO8-14
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2			Đáp án, thang điểm	CLO5-10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

			nhưng còn một vài sai sót quan trọng		
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8.2.5. Rubric đánh giá kiểm tra định kỳ (25%): Theo kết cấu đáp án được phê duyệt.

8.2.6. Rubric đánh giá thi kết thúc học phần (50%): Theo kết cấu đáp án được phê duyệt

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Hà (đồng chủ biên) (2016), *Giáo trình Mỹ học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đỗ Huy - Nguyễn Văn Huyền - Nguyễn Ngọc Long (2000), *Giáo trình mỹ học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đỗ Văn Khang (chủ biên), Đỗ Huy, Nguyễn Văn Huyền (2004), *Mỹ học Mác - Lênin*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4]. Thế Hùng (2006), *Mỹ học đại cương*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

- [5]. C.Mác – Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3, 20, 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 [6]. Vũ Minh Tâm (1998), *Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>,
www.gso.gov.vn/, <http://tapchikhxh.vass.gov.vn/>...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Bày tỏ được quan điểm cá nhân về mối quan hệ giữa mỹ học với các ngành khoa học khác trong quá trình nhận thức và thực tiễn.
LLO2	Phân loại được đặc điểm cơ bản của mỹ học Mác - Lênin với tư tưởng mỹ học thời kỳ trước Mác trong quá trình nhận thức sự vật hiện tượng
LLO3	Chứng minh được bản chất của giáo dục thẩm mỹ trong nhận thức và thực tiễn.
LLO4	Phân tích được vai trò, tác dụng của đời sống thẩm mỹ đối với con người và thực tiễn bản thân.
LLO5	Thể hiện được quan điểm giáo dục thẩm mỹ để bồi dưỡng nâng cao tri thức thẩm mỹ cho người học trong giao tiếp và hoạt động dạy học.
LLO6	Tổ chức được một số hoạt động về kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện nội quy, quy chế dân chủ ở một cơ sở giáo dục của địa phương dựa trên quan điểm thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.
LLO7	Diễn giải được sự hiểu biết của cá nhân về mối quan hệ giữa quan hệ thẩm mỹ với chủ thể thẩm mỹ trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO8	Đưa ra được các biện pháp để bồi dưỡng nâng cao năng lực thẩm mỹ cho người học trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO9	Bày tỏ được quan điểm cá nhân về cấu trúc chủ thể thẩm mỹ trong nhận thức và đời sống thực tiễn.
LLO10	Mình họa được sự vận dụng các yếu tố cấu trúc chủ thể thẩm mỹ để thấy năng lực thẩm mỹ của cá nhân trong hoạt động thực tiễn.
LLO11	Xây dựng được tình huống thể hiện năng lực thị hiếu thẩm mỹ của sinh viên trong môi trường sư phạm trên cơ sở vận dụng quan điểm mỹ học Mác - Lênin.
LLO12	Đề xuất được một số giải pháp để thực hiện các yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, lối sống, tác phong theo quy định đạo đức nhà giáo dựa trên quan điểm mỹ học Mác - Lênin.
LLO13	Bày tỏ được quan điểm cá nhân về khách thể thẩm mỹ trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO14	Diễn giải được các dấu hiệu để nhận diện các phạm trù cơ bản của khách thể thẩm mỹ trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO15	Bày tỏ được quan điểm cá nhân về phạm trù cái đẹp để phát huy cái đẹp trong tự nhiên, trong nghệ thuật và trong thực tiễn.
LLO16	Mình họa được phạm trù cái hài để thấy vai trò của nó trong xã hội hiện nay.
LLO17	Xây dựng được tình huống giáo dục các phạm trù mỹ học cơ bản cho người học trong dạy học giáo dục, hướng nghiệp.
LLO18	Bảo vệ được các giá trị tốt đẹp của đạo đức truyền thống kết hợp với giáo dục các giá trị đạo đức tiến bộ trong quá trình thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo ở trường phổ thông theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO19	Lựa chọn được một số biện pháp để phát huy quyền làm chủ của nhà giáo và của người học dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác -Lênin.
LLO20	Chứng minh được vai trò của nghệ thuật để thấy nghệ thuật là hình thức biểu hiện cao nhất của quan hệ thẩm mỹ trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.
LLO21	Diễn giải được các chức năng xã hội của nghệ thuật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.
LLO22	Sáng tỏ được mối quan hệ giữa nghệ thuật và đạo đức trong hoạt động thực tiễn.
LLO23	Mình họa được mối quan hệ giữa nghệ thuật với chính trị trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
LLO24	Thể hiện được quan điểm giáo dục nghệ thuật để định hướng đúng đắn về nghệ thuật cho người học trong thực tiễn đời sống.
LLO25	Xây dựng được tình huống để giáo dục người học thông qua chức năng của nghệ thuật.
LLO26	Xây dựng được con người phát triển toàn diện, hình thành và phát triển chủ thể thẩm mỹ XHCN trong quá trình giáo dục thẩm mỹ, giáo dục nghệ thuật kết hợp thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo ở trường phổ thông.
LLO27	Giải thích được sự cần thiết của công tác giáo dục thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên hiện nay.
LLO28	Trình bày lại được những nội dung cơ bản của công tác giáo dục thẩm mỹ.
LLO29	Phân tích được những đặc trưng cơ bản của công tác giáo dục thẩm mỹ.
LLO30	Lựa chọn được một số hình thức giáo dục thẩm mỹ trong nhận thức và thực tiễn.
LLO31	Chỉ ra được những nội dung cần chú ý để nâng cao tri thức thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

Chương 1: KHÁI LƯỢC VỀ MỸ HỌC VÀ BẢN CHẤT CỦA GIÁO DỤC THẨM MỸ

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 1.1. Lịch sử tư tưởng mỹ học trước Mác 1.1.1. Mỹ học là gì 1.1.2. Lịch sử tư tưởng mỹ học 1.2. Đối tượng và đặc điểm của mỹ học 1.2.1. Đối tượng của mỹ học. 1.2.2. Những đặc điểm của Mỹ học Mác- Lênin. 1.3. Bản chất của giáo dục thẩm mỹ 1.3.1. Khái niệm giáo dục thẩm mỹ 1.3.2. Bản chất của giáo dục thẩm mỹ 1.3.3. Cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của giáo dục thẩm mỹ	- <i>Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu</i> - <i>Nêu vấn đề</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1. [2] Chương 2. [3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về mối quan hệ giữa mỹ học với các ngành khoa học khác. 2. Phân tích được vai trò, tác dụng của đời sống thẩm mỹ đối	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập và đánh giá.</i>	A1, A2, A5, A6	[1] Chương 1 [2] Chương 1,2 [3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250

	với con người và thực tiễn bản thân.			
LLO2 LLO4 LLO5	* Nội dung thảo luận nhóm: (1 tiết) 1. Phân loại được đặc điểm cơ bản của mỹ học Mác - Lênin với mỹ học thời kỳ trước mác. 2. Thể hiện được quan điểm giáo dục thẩm mỹ để bồi dưỡng nâng cao tri thức thẩm mỹ cho người học trong giao tiếp và hoạt động dạy học.	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1, A4 A5, A6	[1] Chương 1 [2] Chương 1,2 [3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250;
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Nội dung tự học của người học: đọc tài liệu và chuẩn bị bài phần đặc điểm của mỹ học, bản chất của giáo dục thẩm mỹ, tính tất yếu, nội dung và hình thức giáo dục thẩm mỹ	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[1] Chương 1 [2] Chương 1,2 [3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250;
Chương 2: CHỦ THỂ THẨM MỸ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (9 tiết) 2.1. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ 2.2. Cấu trúc chủ thể thẩm mỹ 2.2.1. Cảm xúc thẩm mỹ 2.2.2. Thị hiếu thẩm mỹ 2.2.3. Tình cảm thẩm mỹ 2.2.4. Lý tưởng thẩm mỹ 2.2.5. Ý thức thẩm mỹ	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Thảo luận nhóm nhỏ - Dạy học nêu vấn đề - Sử dụng tình huống trong dạy học.	A1, A5, A6	[1] Chương 2. [2] Đọc tr.179-213; 221-257; [3] Đọc tr.189-255 [4] Đọc tr.24-42
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Các biện pháp để bồi dưỡng, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho người học.	GV hướng dẫn SV làm bài tập và đánh giá.	A1, A2, A5, A6	[1] Chương 2. [2] Đọc tr.179-213; 221-257; [3] Đọc tr.189-255 [4] Đọc tr.24-42
LLO9	* Nội dung thảo luận nhóm: (1 tiết)	- Định hướng SV thảo luận nhóm	A1, A4 A5, A6	[1] Chương 2.

	1. Thị hiếu thẩm mỹ có phải là năng lực bẩm sinh và bất biến? 2. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về cấu trúc chủ thể thẩm mỹ.	- <i>Định hướng SV viết báo cáo</i> - <i>Đại diện SV báo cáo trước lớp</i>		[2] Đọc tr.179-213; 221-257; [3] Đọc tr.189-255 [4] Đọc tr.24-42
LLO11	* Nội dung thực hành: (1 tiết) 1. Xây dựng tình huống thể hiện năng lực thị hiếu thẩm mỹ của sinh viên trong môi trường sư phạm trên cơ sở vận dụng quan điểm mỹ học Mác - Lênin.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.</i>	A1, A3	[1] Chương 2. [2] Đọc tr.179-213; 221-257; [3] Đọc tr.189-255 [4] Đọc tr.24-42
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10 LLO11	B. Nội dung tự học: (21 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu và chuẩn bị bài phần cấu trúc chủ thể thẩm mỹ. + Chuẩn bị nội dung thảo luận, thực hành theo yêu cầu.	- <i>Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy</i>	A5, A6	[1] Chương 2. [2] Đọc tr.179-213; 221-257; [3] Đọc tr.189-255 [4] Đọc tr.24-42
Chương 3: KHÁCH THỂ THẨM MỸ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13 LLO14 LLO15 LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết Elearning: (7 tiết) 3.1. Khái niệm khách thể thẩm mỹ 3.2. Phạm trù Cái đẹp 3.2.1. Vấn đề cái đẹp trong lịch sử tư tưởng 3.2.2. Nội dung phạm trù cái đẹp 3.2.3. Các hình thức chủ yếu biểu hiện cái đẹp 3.3. Phạm trù Cái cao cả 3.3.1. Vài nét trong lịch sử tư tưởng về cái cao cả 3.3.2. Nội dung cái cao cả 3.3.3. Những hình thức chủ yếu biểu hiện cái cao cả 3.4. Phạm trù Cái bi 3.4.1. Quan niệm về cái bi 3.4.2. Nội dung chủ yếu trong QHTM của cái bi 3.5. Phạm trù Cái hài	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Sử dụng tình huống trong dạy học.</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 3 [2] Đọc tr.7-111; 158-170; [3] Đọc tr.104-188; [4] Đọc tr.45-91;

	3.5.1. Quan niệm về cái hài trong lịch sử tư tưởng 3.5.2. Những đặc điểm cơ bản của cái hài 3.5.3. Cái hài trong cuộc sống và nghệ thuật.			
LLO13 LLO14 LLO15 LLO16	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về khách thể thẩm mỹ. 2. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về phạm trù cái đẹp để phát huy cái đẹp trong tự nhiên, trong nghệ thuật và trong thực tiễn.	GV hướng dẫn SV làm bài tập và đánh giá.	A1, A2, A5, A6	[1] Đọc chương 3 [2] Đọc tr.7-111; 158-170; [3] Đọc tr.104-188; [4] Đọc tr.45-91;
LLO17	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Xây dựng tình huống giáo dục các phạm trù mỹ học cơ bản cho người học trong dạy học giáo dục, hướng nghiệp 2. Minh họa được phạm trù cái hài để thấy vai trò của nó trong xã hội hiện nay.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	A1, A3	[1] Đọc chương 3 [2] Đọc tr.7-111; 158-170; [3] Đọc tr.104-188; [4] Đọc tr.45-91;
LLO14 LLO15	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Diễn giải được các dấu hiệu để nhận diện các phạm trù cơ bản của khách thể thẩm mỹ. 2. Trong tác phẩm “Bản thảo kinh tế triết học”, các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác đã khẳng định: Cái đẹp có nguồn gốc từ lao động. Theo C.Mác: “cái gọi là lịch sử toàn thể giới chẳng qua chỉ là sự sáng tạo con người kinh qua lao động của con người”. Hãy chứng minh quan điểm đó?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1, A4 A5, A6	[1] Đọc chương 3 [2] Đọc tr.7-111; 158-170; [3] Đọc tr.104-188; [4] Đọc tr.45-91;
LLO7 – LLO16	* Kiểm tra: (1 tiết) - Nội dung của chương 2 và chương 3	- Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo quy định	A5	[1], [2] chương 2, 3
LLO13 LLO14 LLO15 LLO16 LLO17	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu phần các phạm trù mỹ học cơ bản	- SV đọc tài liệu và ghi chép lại các nội dung theo yêu cầu của GV.	A5, A6	[1] Đọc chương 3 [2] Đọc tr.7-111; 158-170; [3] Đọc tr.104-188;

	+ Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu. + Chuẩn bị cho bài thực hành theo nhóm.			[4] Đọc tr.45-91;
Chương 4: NGHỆ THUẬT LÀ HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CAO NHẤT CỦA QUAN HỆ THẨM MỸ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO20 LLO21 LLO22 LLO23	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết Elearning: (3 tiết) 4.1. Khái niệm nghệ thuật 4.2. Nguồn gốc và bản chất của nghệ thuật 4.3. Chức năng xã hội của nghệ thuật 4.3.1. Chức năng nhận thức 4.3.2. Chức năng giáo dục, cải tạo 4.3.3. Chức năng thẩm mỹ 4.3.4. Chức năng thông tin, giao tiếp 4.3.5. Chức năng giải trí 4.4. Quan hệ của nghệ thuật với các hình thái ý thức xã hội khác. 4.4.1. Quan hệ giữa nghệ thuật và chính trị 4.4.2. Quan hệ giữa nghệ thuật và đạo đức 4.4.3. Quan hệ giữa nghệ thuật và khoa học	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Sử dụng tình huống trong dạy học.</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 4 [3] Đọc tr.256-382 [4] Đọc tr.66-75;
LLO20 LLO21 LLO22 LLO23	* Nội dung bài tập Elearning: (1 tiết) * Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Vận dụng chức năng xã hội của nghệ thuật để giáo dục bình đẳng giới và quyền con người cho học sinh phổ thông. 2. Chứng minh được vai trò của nghệ thuật để thấy nghệ thuật là	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập và đánh giá.</i>	A1, A2, A5, A6	[1] Đọc chương 4 [3] Đọc tr.256-382 [4] Đọc tr.66-75;

	hình thức biểu hiện cao nhất của quan hệ thẩm mỹ.			
LLO25	* Nội dung thực hành: (3 tiết) Xây dựng được tình huống để giáo dục người học thông qua chức năng xã hội của nghệ thuật.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	A1, A3	[1] Đọc chương 4 [3] Đọc tr.256-382 [4] Đọc tr.66-75;
LLO24 LLO26	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Phân tích được luận điểm của Mác “Nếu anh muốn thưởng thức nghệ thuật thì trước hết anh phải được giáo dục về nghệ thuật”?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1, A4 A5, A6	[1] Đọc chương 4 [3] Đọc tr.256-382 [4] Đọc tr.66-75;
LLO20 LLO21 LLO22 LLO23 LLO24 LLO25	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu phần nguồn gốc bản chất, chức năng xã hội của nghệ thuật và quan hệ của nghệ thuật với các hình thái ý thức xã hội khác. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu. + Chuẩn bị cho bài thực hành theo nhóm.	- SV đọc tài liệu và ghi chép lại các nội dung theo yêu cầu của GV.	A5, A6	[1] Đọc chương 4 [3] Đọc tr.256-382 [4] Đọc tr.66-75;

Chương 5: GIÁO DỤC THẨM MỸ

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO27 LLO28 LLO29 LLO30 LLO31	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết Elearning: (4 tiết) 5.1. Tính tất yếu của công tác giáo dục thẩm mỹ 5.2. Nội dung cơ bản của công tác giáo dục thẩm mỹ <i>5.2.1. Nâng cao tri thức thẩm mỹ cho mỗi thành viên trong xã hội.</i>	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Vấn đáp	A1, A5, A6	[1] Chương 5. [2] Đọc tr.87-97; tr.258-270 [3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250;

	5.2.2. Hình thành và phát triển những quan hệ thẩm mỹ đúng đắn 5.2.3. Giáo dục nghệ thuật 5.3. Những đặc trưng cơ bản của công tác giáo dục thẩm mỹ 5.4. Các hình thức giáo dục thẩm mỹ 5.4.1. Giáo dục thẩm mỹ bằng lao động và trong lao động. 5.4.2. Noi gương người tốt, việc tốt 5.4.3. Giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật. 5.4.4. Giáo dục thẩm mỹ bằng những quan điểm mỹ học Mác - Lênin.			
LLO27 LLO28 LLO29 LLO30 LLO31	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Giải thích được sự cần thiết của công tác giáo dục thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên hiện nay. 2. Phân tích được những đặc trưng cơ bản của công tác giáo dục thẩm mỹ.	GV hướng dẫn SV làm bài tập và đánh giá.	A1, A2, A5, A6	[1] Chương 5. [2] Đọc tr.87-97; tr.258-270 [3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250;
LLO27 LLO28 LLO29 LLO30 LLO31	* Nội dung thảo luận nhóm: (2 tiết) 1. Lựa chọn một số hình thức giáo dục thẩm mỹ trong nhận thức và thực tiễn. 2. Trong những hình thức giáo dục thẩm mỹ thì hình thức nào là thiết thực nhất?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1, A4 A5, A6	[1] Chương 5. [2] Đọc tr.87-97; tr.258-270 [3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250;
LLO27 LLO28	* Nội dung thực hành: (1 tiết)	- Thảo luận nhóm	A1, A3	[1] Chương 5. [2] Đọc tr.87-97; tr.258-270

LLO29 LLO30 LLO31	1. Chỉ ra những nội dung cần chú ý để nâng cao tri thức thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên.	- Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.		[3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250;
LLO20 – LLO31	* Kiểm tra: (1 tiết) - Nội dung của chương 4 và chương 5	- Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo quy định	A6	[1], [2] chương 4, 5
LLO27 LLO28 LLO29 LLO30 LLO31	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Nội dung tự học của người học: đọc tài liệu và chuẩn bị bài phần tính tất yếu, nội dung và hình thức giáo dục thẩm mỹ	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[1] Chương 5. [2] Đọc tr.87-97; tr.258-270 [3] Đọc tr.245-246; tr.394-409; [4] Đọc tr.81-89; Tr.247-250;

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch, thoáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu và các thiết bị kèm tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.16: 60LOG231, Logic học (LOGICAL)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	17	13	60
2	Bài tập	06	04	32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra đánh giá	02		
Tổng		41	17	92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: “Không”
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, KT và PPGD; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
	TS. Ngô Thị Lan Anh	09133 49907	anhntl@tnue.edu.vn
	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	09755 48585	hanttpoli@tnue.edu.vn
	TS. Nguyễn Thị Khương	03493 66616	khuongnt@tnue.edu.vn
	ThS. Vũ Thúy Hằng	09740 90486	hangvt@tnue.edu.vn
	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	09829 83877	hiennttpoli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được đối tượng nghiên cứu của logic học và ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học

CO2: Phân tích được những kiến thức cơ bản của logic hình thức.

CO3: Phân tích được những kiến thức cơ bản của logic biện chứng.

* Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được thành thạo các quy tắc, yêu cầu của hình thức của tư duy để có được tư duy đúng.

CO5: Vận dụng được thành thạo các nguyên tắc, yêu cầu của tư duy biện chứng vào nghiên cứu và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thể hiện được ý thức tôn trọng, bảo vệ tri thức khách quan và ý thức nghiêm túc đối với việc rèn luyện, phát triển năng lực tư duy logic.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Làm rõ được đối tượng nghiên cứu của logic học	GPLO1
	CLO2	Diễn giải được ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học	GPLO1
CO2	CLO3	Phân tích được nội dung của các hình thức cơ bản của logic hình thức	GPLO1
	CLO4	Phân tích được nội dung của các quy luật cơ bản của logic hình thức	GPLO1
	CLO5	Phân tích được nội dung của vấn đề chứng minh và bác bỏ	GPLO1
CO3	CLO6	Phân tích được nội dung của các nguyên tắc cơ bản của logic biện chứng	GPLO3
	CLO7	Phân tích được nội dung của các hình thức cơ bản của logic biện chứng	GPLO3

	CLO8	Phân tích được nội dung của các quy luật cơ bản của logic biện chứng	GPLO3
	Kĩ năng		
CO4	CLO9	Tuân thủ được các quy tắc đối với khái niệm, phán đoán, suy luận vào quá trình tư duy để có thể sử dụng từ, câu chính xác, phát triển tư tưởng một cách mạch lạc, hợp lý	GPLO6,12
	CLO10	Thực hiện được các yêu cầu của các quy luật cơ bản của logic hình thức để có được tư duy đúng	GPLO6,12
	CLO11	Thực hiện được các yêu cầu của chứng minh và bác bỏ để xác lập được tư duy chính xác, có sức thuyết phục	GPLO6,12
CO5	CLO12	Vận dụng được thành thạo các nguyên tắc của tư duy biện chứng vào trong nhận thức và hành động	GPLO6,11,12
	CLO13	Thực hiện được các yêu cầu của các quy luật của logic biện chứng vào trong nhận thức và hành động	GPLO6,11,12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO14	Thể hiện được ý thức tôn trọng và bảo vệ tri thức khách quan	GPLO14
	CLO15	Thể hiện được ý thức nghiêm túc đối với việc rèn luyện và phát triển năng lực tư duy logic	GPLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (GPLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x														
CLO2	x														
CLO3	x														
CLO4	x														
CLO5	x														
CLO6			x												
CLO7			x												
CLO8			x												
CLO9						x						x			
CLO10						x						x			
CLO11						x						x			
CLO12						x					x	x			
CLO13						x					x	x			
CLO14														x	
CLO15														x	
MDG	2	0	2	0	0	2	0	0	0	0	1	2	0	1	0

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

PLO1: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

PLO3: Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế, pháp luật, đạo đức, kỹ năng sống.

PLO6: Tổ chức thực hiện được hoạt động dạy học, giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp, đổi mới sáng tạo cho học sinh ở trường phổ thông.

PLO11: Vận dụng được các kiến thức đã học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo.

PLO12: Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác; nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục công dân; phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

PLO14: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, học tập suốt đời, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần logic học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hình thức, quy luật của logic hình thức như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ...và các hình thức, nguyên tắc, quy luật của logic biện chứng như biện chứng của khái niệm, biện chứng của phán đoán, biện chứng của suy luận, các quy luật biện chứng chung, quy luật đi từ trừu tượng đến cụ thể, quy luật thống nhất giữa logic và lịch sử...

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: theo yêu cầu của giảng viên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- *Sử dụng thang 10 điểm.*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-15
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-8
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO9-15
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO9-15

5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
	A5. Bài kiểm tra định kì 2			Đáp án, thang điểm	CLO6-8
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích và có dẫn chứng minh họa.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể

		đầy đủ và không độc đáo			hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
--	--	-------------------------	--	--	----------------------------------

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đồng Văn Quân (2014), *Giáo trình logic học*, Nxb Đại học Thái Nguyên

9.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[2]. Viện Triết học, Học viện CTQGHCM (2006), *Giáo trình Logic học*, Nxb lý luận chính trị

[3]. Tô Duy Hợp và Nguyễn Anh Tuấn (1997), *Logic học*, NXB Đồng Nai

[4]. Vương Tất Đạt (2000), *Logic học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

[5]. Nguyễn Như Hải (2007), *Giáo trình logic học đại cương*, Nxb Giáo dục

[6]. Bùi Thanh Quát, Nguyễn Tuấn Chi (1994), *Giáo trình logic hình thức*, Hà Nội

[7]. Vũ Thị Tùng Hoa (2014), *Giáo trình logic học hình thức*, Thái Nguyên

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Khái quát được đối tượng nghiên cứu của logic học- hình thức và quy luật của tư duy logic
LLO2	Phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic hình thức với đối tượng nghiên cứu của logic biện chứng
LLO3	Khái quát được sự ra đời và phát triển của logic học
LLO4	Giải thích được việc nghiên cứu logic học là yếu tố quan trọng để nâng cao trình độ tư duy logic của mỗi cá nhân
LLO5	Phân tích được những kiến thức cơ bản của khái niệm: đặc điểm, kết cấu, phân loại, mối quan hệ và các thao tác logic đối với khái niệm
LLO6	Phân tích được những kiến thức cơ bản của phán đoán: đặc điểm của phán đoán; phân biệt được phán đoán đơn và phán đoán phức, phán đoán phức cơ bản và phán đoán đa phức hợp; kết cấu, tính chủ diện của các thuật ngữ trong phán đoán đơn và quan hệ giữa các phán đoán đơn; kết cấu, giá trị logic, tính đẳng trị của các phán đoán phức cơ bản và phán đoán đa phức
LLO7	Phân tích được những kiến thức cơ bản của suy luận: đặc điểm, cấu trúc và các hình thức của suy luận; các quy tắc đối với suy luận diễn dịch trực tiếp từ tiền đề là phán đoán đơn và phán đoán phức, suy luận diễn dịch gián tiếp từ tiền đề là phán đoán đơn và phán đoán phức; đặc điểm, phân loại suy luận quy nạp
LLO8	Thực hiện đúng các quy tắc khi thực hiện thao tác logic đối với khái niệm, phán đoán, suy luận trong quá trình tư duy
LLO9	Vận dụng các kiến thức về các hình thức của tư duy để giải được các bài tập về khái niệm, phán đoán, suy luận và trong nghiên cứu các văn bản
LLO10	Phân tích được nội dung, ý nghĩa của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật bài trung, quy luật lý do đầy đủ

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO11	Phân tích được yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật bài trung, quy luật lý do đầy đủ
LLO12	Tuân thủ được các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật bài trung, quy luật lý do đầy đủ trong quá trình tư duy
LLO13	Sửa đổi được những lỗi logic thường mắc phải trong quá trình tư duy khi nắm được các yêu cầu của các quy luật của logic hình thức
LLO14	Phân tích được đặc điểm chung và quy tắc của phép chứng minh
LLO15	Luận giải được mục đích của bác bỏ và các cách bác bỏ
LLO16	Sử dụng được các quy tắc của chứng minh và bác bỏ vào tranh luận, phản biện
LLO17	Thực hiện được các quy tắc của luận đề, luận cứ, luận chứng trong quá trình lập luận
LLO18	Diễn giải được cơ sở lý luận và nội dung của các nguyên tắc cơ bản của logic biện chứng
LLO19	Diễn giải được yêu cầu và ý nghĩa của các nguyên tắc cơ bản của logic biện chứng
LLO20	Vận dụng được thành thạo các nguyên tắc của tư duy biện chứng vào hoạt động nhận thức
LLO21	Vận dụng được thành thạo các nguyên tắc của tư duy biện chứng vào hoạt động thực tiễn
LLO22	Diễn giải được biện chứng của khái niệm,
LLO23	Diễn giải được biện chứng của phán đoán
LLO24	Diễn giải được biện chứng của suy luận
LLO25	Diễn giải được nội dung, ý nghĩa của quy luật đi từ trừu tượng đến cụ thể
LLO26	Diễn giải được nội dung, ý nghĩa của quy luật thống nhất giữa lịch sử và logic
LLO27	Chỉ ra được các nguyên tắc, sự tác động của các quy luật của logic biện chứng trong tư duy
LLO28	Vận dụng được bài học phương pháp luận từ việc nghiên cứu các quy luật của logic biện chứng vào quá trình tư duy biện chứng và hoạt động thực tiễn
LLO29	Đánh giá cao sự luận giải, trình bày một cách biện chứng các vấn đề lý luận và thực tiễn của mình và của người khác
LLO30	Lựa chọn được những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao trình độ tư duy logic

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
LLO7			x												
LLO8									x						
LLO9									x						
LLO10				x											
LLO11				x											
LLO12										x					
LLO13										x					
LLO14					x										
LLO15					x										
LLO16											x				
LLO17											x				
LLO18						x									
LLO19						x									
LLO20												x			
LLO21												x			
LLO22							x								
LLO23							x								
LLO24							x								
LLO25								x							
LLO26								x							
LLO27													x		
LLO28													x		
LLO29														x	
LLO30															x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Đối tượng và ý nghĩa của logic học				
L O S	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đ ánh giá	
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết)			[1] <i>Chương 1,7</i>

L LO 1L LO 2 L LO 3 L LO 4	* Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 1.1. Logic học và đối tượng của logic học 1.2. Logic hình thức và logic biện chứng 1.3. Sự hình thành và phát triển của logic học 1.4. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu logic học	- <i>Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu</i>	A1 ,A6	[2] <i>Chương 1,8</i>
L LO 4	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Ý nghĩa của logic học đối với bản thân	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp</i>	A1 , A4,A5 ,A6	[1] <i>Chương 1,7</i> [2] <i>Chương 1,8</i>
L LO 2	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Chỉ ra sự khác nhau và thống nhất giữa đối tượng của logic hình thức và logic biện chứng	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1 , A4,A5 ,A6	[1] <i>Chương 7</i> [2] <i>Chương 1,8</i>
L LO 1 L LO 3	B. Nội dung tự học: (7,5 tiết) - Logic học và đối tượng của logic học - Sự hình thành và phát triển của logic học	<i>Hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy</i>	A1 ,A6	[1] <i>Chương 1,7</i> [2] <i>Chương 1,8</i>
Chương 2: Logic hình thức				
	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	

L LO s		Dạy học	Đ ánh giá	
L LO 5 L LO 6 L LO 7 L LO 30	A. Nội dung thực hiện trên lớp (35 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (17 tiết) 2.1. Các hình thức cơ bản của logic hình thức 2.1.1. Khái niệm 2.1.2 Phán đoán 2.1.3 Suy luận	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề - Sử dụng tình huống trong dạy học.	A1 , A5, A6	[1] Chương 2,3,5 [2], Chương 2,3,5
L LO 10L LO 11 L LO 30	2.2. Những quy luật cơ bản của logic hình thức 2.2.1. Quy luật đồng nhất 2.2.2. Quy luật cấm mâu thuẫn 2.2.3. Quy luật triệt tam 2.2.4. Quy luật lý do đầy đủ	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề	A1 , A5,A6	[1] Chương 4. [2] Chương 4
L LO 14 L LO 15 L LO 30	2.3. Chứng minh và bác bỏ 2.3.1. Chứng minh 2.3.2. Bác bỏ	- Thuyết trình kết hợp trình chiếu - Đàm thoại	A1 , A5, A6	[1] Chương 6 [2] Chương 6
LL O8 L LO 9	* Nội dung bài tập cá nhân (7 tiết) - Bài tập về xác định nội hàm, ngoại diên của khái niệm - Bài tập về xác định mối quan hệ giữa các khái niệm - Bài tập về mối quan hệ giữa các phán đoán đơn dựa vào hình vuông logic	- Đọc hiểu - Báo cáo bài tập	A1 , A2,A5, A6	[1] Chương 2,3,5 [2]

	- Bài tập về xét tính đẳng trị của các phán đoán phức - Bài tập về suy luận trực tiếp từ tiền đề là các phán đoán đơn và phán đoán phức - Bài tập về tam đoạn luận với 4 loại hình - Vận dụng các kiến thức của khái niệm, phán đoán, suy luận vào nghiên cứu các văn bản: + Đấu tranh phòng chống tham nhũng + Thực hiện bình đẳng giới + Thực hiện quyền con người, quyền công dân + Thực hiện đạo đức nhà giáo	<i>trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>		<i>Chương 2,3,5</i>
L LO 12L LO 13 L LO 30	- Xác định các trường hợp vi phạm quy luật logic của tư duy (vi phạm quy luật đồng nhất, cấm mâu thuẫn, bài trung và lý do đầy đủ)	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1 , A2, A5, A6	[1] <i>Chương 4</i> [2] <i>Chương 4</i>
L LO 8 L LO 9 L LO 30	* Nội dung thực hành: (4 tiết) - Thiết kế các phán đoán đơn từ 2 khái niệm cho trước - Thiết lập các phán đoán phức từ các phán đoán đơn - Thực hành xây dựng một số suy luận suy diễn từ tiền đề là phán đoán đơn.	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Đóng vai hoặc dạy học dự án</i>	A1 , A3,A5 ,A6	[1] <i>Chương 3,5</i> [2], [3] <i>Chương 3,5</i>
L LO 12	- Thực hành chỉ ra một số lỗi vi phạm quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn trong tư duy	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Đóng</i>	A1 , A3, A5, A6	[1] <i>Chương 4</i> [2]

L LO 13 L LO 30		vai hoặc dạy học dự án		Chư ơng 4
L LO 8 L LO 9 L LO 30	- Thực hành chứng minh một số quy tắc của suy luận suy diễn	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1 , A3,A5 ,A6	[1] Chư ơng 5 [2] Chư ơng 5
L LO 8 L LO 9	* Nội dung thảo luận: (6 tiết) - Sự phân chia khái niệm theo ngoại diên - Các phán đoán phức cơ bản - Thảo luận về sự khác biệt giữa suy luận diễn dịch và suy luận quy nạp, giữa suy luận trực tiếp và suy luận gián tiếp - Thảo luận về các quy tắc của suy luận	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp	A1 , A4,A5 ,A6	[1] Chư ơng 2,3,5 [2] Chư ơng 2,3,5
L LO 12 L LO 13 L LO 30	- Thảo luận về các quy luật logic hình thức của tư duy	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết	A1 , A4,A5 ,A6	[1] Chư ơng 4 [2] Chư ơng 4

		quả thảo luận của nhóm trước lớp		
L LO 16 L LO 17 L LO 30	- Thảo luận về các loại chứng minh và các quy tắc chứng minh	- Độc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp	A1 , A4,A5 ,A6	[1] Chương 6 [2] Chương 6
L LO 5 L LO 6 L LO 7	B. Nội dung tự học: (44,5 tiết) - Các thao tác logic đối với khái niệm - Phán đoán phức - Suy luận suy diễn	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (mỗi nội dung khoảng 1-2 trang viết tay)	A1 , A5, A6	[1] Chương 2,3,5 [2], Chương 2, 3,5

L LO 11L LO 12 L LO 30	- Quy luật đồng nhất - Quy luật cấm mâu thuẫn - Quy luật triệt tam - Quy luật lý do đầy đủ	Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (mỗi nội dung khoảng 1-2 trang viết tay)	A1 ,A5, A6	[1] Chương 4 [2] Chương 4
L LO 14 L LO 15 L LO 30	1. Các quy tắc chứng minh 2. Các quy tắc bác bỏ	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (mỗi nội dung khoảng 1-2	A1 , A5, A6	[1] Chương 6 [3] Chương VI [2] Chương 6

		trang viết tay)		
	Kiểm tra định kỳ: 1 tiết			
Chương 3: Logic biện chứng				
L LO s	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Day học	Đ ánh giá	
L LO 18 L LO 19 L LO 29 L LO 30	A. Nội dung thực hiện trên lớp (17 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (10 tiết) 3.1. Các nguyên tắc cơ bản của logic biện chứng 3.1.1. Nguyên tắc xem xét khách quan 3.1.2. Nguyên tắc xem xét toàn diện 3.1.3. Nguyên tắc xem xét trong sự vận động, phát triển 3.1.4. Nguyên tắc thực tiễn 3.1.5. Nguyên tắc lịch sử-cụ thể	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Thảo luận nhóm nhỏ - Day học nêu vấn đề	A1 , A5, A6	[1] Chương 8 [2] Chương 9
L LO 22 L LO 23 L LO 24 L LO 29 L LO 30	3.2. Các hình thức tư duy biện chứng 3.2.1. Biện chứng của khái niệm 3.2.2. Biện chứng của phán đoán 3.2.3. Biện chứng của suy luận	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Sử dụng tình huống trong dạy học	A1 , A5, A6	[1] Chương 9
L LO 25	3.3. Các quy luật cơ bản của tư duy biện chứng 3.3.2. Quy luật đi từ trừu tượng đến cụ thể	- Thuyết giảng kết hợp	A1 , A5, A6	[1] Chương 10 [2]

L LO 26 L LO 29 L LO 30	3.3.3. Quy luật thống nhất giữa lịch sử và lôgic	trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề		Chương 10
L LO 20 L LO 21 L LO 25 L LO 26 L LO 27 L LO 28 L LO 29 L LO 30	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) - Vận dụng được thành thạo các nguyên tắc của tư duy biện chứng vào nghiên cứu các vấn đề: + Đấu tranh phòng chống tham nhũng + Thực hiện bình đẳng giới + Thực hiện quyền con người, quyền công dân + Thực hiện đạo đức nhà giáo - Bài tập thiết lập quá trình phát triển của khái niệm, phán đoán và suy luận - Xác định tính đúng/sai của một quá trình tư duy đi từ trừu tượng đến cụ thể dựa trên ví dụ cho sẵn	- Đọc hiểu - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1 , A2,A5 ,A6	[1] Chương 9,10 [2] Chương 10
L LO 27 L LO 28 L LO 29 L LO 30	* Nội dung thực hành: (2 tiết) - Thực hành thiết lập một quá trình tư duy đi từ trừu tượng đến cụ thể và thống nhất giữa lịch sử và logic	- Đọc hiểu - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1 , A3,A5 ,A6	[1] Chương 8,10 [2] Chương 10

L LO 22L LO 23 L LO 24 L LO 29 L LO 30	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Một số thao tác của tư duy về sự vận động của khái niệm, của phán đoán và của suy luận	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả thảo luận trước lớp</i>	A1 , A4,A5 ,A6	[1] <i>Chuong 9,11</i> [2] <i>Chuong 7</i>
L LO 18 L LO 19 L LO 24 L LO 29 L LO 30	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - Nguyên tắc thực tiễn - Biện chứng của suy luận	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên	A1 , A6, A7	[1] <i>Chuong 8,9,10</i> [2] <i>Chuong 9, 10</i>
	Kiểm tra định kỳ: 1 tiết			

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành:.....
- Phương tiện phục vụ giảng dạy:.....
- Điều kiện khác:

7.17: 60CUL231, Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam (CULTUROLOGY AND VIETNAMESE CULTURE)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện	Số giờ tự học
----	------------------	------------------	---------------

		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	6		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: “Không”
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennttpoli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản của văn hóa, văn hóa học và văn hóa Việt Nam.

CO2: Giải thích được lý luận về bản sắc văn hóa dân tộc..

CO3: Phân tích được sự cần thiết của việc nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc

* Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được kiến thức văn hóa học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo.

CO5: Sử dụng được kiến thức về văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc để rèn luyện các kỹ năng: hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Chia sẻ được kiến thức về văn hóa học và giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3	x		x												
CLO4			x												
CLO5			x												
CLO6			x												
CLO7			x												
CLO8			x												
CLO9			x												
CLO10				x							x		x		
CLO11				x							x		x		
CLO12				x								x	x		
CLO13				x								x	x		
CLO14				x											x
CLO15				x											x
MDG	2	0	3	3	0	0	0	0	0	0	1	1	2	0	1

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lí luận về văn hoá, văn hóa học và văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa dân tộc; văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 3 nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-15
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9

3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO10-15
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO10-15
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO5-9
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-15

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và	Nội dung thể hiện quan điểm	Nội dung thể hiện các quan	Nội dung được phân tích kĩ

câu		lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	và lập luận.	điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán; nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Nguyễn Thị Thường (2008), *Giáo trình Văn hoá học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
 [2]. Vũ Thị Tùng Hoa (2012), *Đề cương bài giảng môn Văn hoá học*, Đại học Sư phạm, Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
 [4]. Vũ Minh Tuyên (2013), *Giáo trình Tôn giáo học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
 [5]. Đặng Đình Siêu (2008), *Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.3. Website

<http://www.vanhoahoc.vn/>

<http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvhh-nhung-van-de-chung/2569-tran-ngoc-them-khai-luan-ve-van-hoa.html>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Diễn giải được một số cách hiểu khác nhau về văn hóa. 1
LLO2	Phân biệt được văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật, bản sắc.1
LLO3	Trình bày được bản chất của văn hóa 1
LLO4	Diễn giải được những đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hóa1
LLO5	Nêu được quan niệm, cách phân chia cấu trúc của văn hóa 1
LLO6	Phân biệt được văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần1
LLO7	Xác định được cơ sở ra đời, đối tượng và một số phương pháp nghiên cứu của văn hóa học.2
LLO8	Giải thích được quy luật vận động và phát triển của văn hóa trong đời sống thực tiễn.3
LLO9	Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu của văn hóa học vào tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh, sinh viên.
LLO10	Trình bày được khái niệm bản sắc, bản sắc văn hóa dân tộc; mối quan hệ văn hóa và dân tộc; vấn đề tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
LLO11	Mô tả được tác động của toàn cầu hóa đối với bản sắc văn hóa Việt Nam.
LLO12	Lựa chọn được các giải pháp phù hợp để gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc.
LLO13	Thể hiện được trách nhiệm giáo dục cho người học giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa.
LLO14	Thể hiện được quan điểm cá nhân về việc gìn giữ và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa của địa phương nhìn từ góc độ chức năng của văn hóa.
LLO15	Phản đối các quan điểm sai trái trong gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.
LLO16	Chứng tỏ được sự cần thiết phải giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên sư phạm.
LLO17	Bày tỏ được quan điểm của cá nhân về sự cần thiết phải giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh, sinh viên.
LLO18	Mình họa được nội dung của các biện pháp tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh và sinh viên.
LLO19	Chỉ ra được những nội dung cụ thể về việc gìn giữ và giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc qua việc nghiên cứu văn hóa của địa phương.
LLO20	Xây dựng được hoạt cảnh sử dụng kiến thức của môn văn hóa học để giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh, sinh viên.
LLO21	Diễn giải được tầm quan trọng và nội dung của việc gìn giữ và làm giàu bản sắc văn hóa Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa.
LLO22	Thực hành được các kỹ năng hợp tác, phản biện xã hội... trong việc đưa ra

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
	định hướng phát huy vai trò của văn hóa Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa.
LLO23	Chia sẻ được quan điểm cá nhân trong việc tác động của toàn cầu hóa đối với bản sắc văn hóa dân tộc
LLO24	Trình bày được vai trò của việc nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc
LLO25	Diễn giải được vấn đề phân kì lịch sử văn hóa Việt Nam
LLO26	Mô tả được Văn hóa thời kì Văn Lang Âu Lạc
LLO27	Giải thích được về văn hóa Việt Nam thời kì Bắc thuộc
LLO28	Trình bày được văn hóa thời kì Đại Việt
LLO29	Diễn giải được văn hóa Việt Nam ở thời kì thống trị của thực dân phương Tây
LLO30	Trình bày được Văn hóa Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám.
LLO31	Chứng tỏ được Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều nền văn hóa
LLO32	Thể hiện được các kỹ năng phân biện, phân tích, đánh giá của cá nhân về thực tiễn của Việt Nam là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLO27						X									
LLO28							X								
LLO29							X								
LLO30									X						
LLO31									X						
LLO32										X					

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Văn hóa học và văn hóa học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,3,4,5, 6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (15 tiết) - Bài tập: 3 - Thảo luận: 3 - Thực hành: 2 - Tự học: 34 tiết 1.1. Văn hóa 1.1.1. Khái niệm văn hoá 1.1.1.1. Khái niệm văn hóa 1.1.1.2. Phân biệt văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật 1.1.2. Bản chất của văn hoá 1.1.4. Đặc trưng và chức năng văn hoá 1.1.5. Cấu trúc văn hoá 1.1.6. Văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần 1.1.6.1. Văn hóa vật chất * Văn hoá ẩm thực * Văn hoá trang phục * Văn hoá ở và kiến trúc 1.1.6.2. Văn hoá phi vật chất * Văn hóa nghệ thuật * Văn hóa ứng xử * Văn hóa nhân cách	- Thuyết trình tích cực	A1, A5, A6	[1] chương 1. Mục I [2], [3], [4], [5] chương 1. Mục I, II
LLO7,	1.2. Văn hóa học 1.2.1. Sự ra đời của Văn hoá học 1.2.2. Đối tượng nghiên cứu của Văn hoá học 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu Văn hoá học 1.2.4. Vai trò của Văn hoá học trong đời sống xã hội	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A6	[1] chương 1. Mục I [2] chương 1. Mục II
LLO8	1.3. Các quy luật vận động và phát triển của Văn hoá học 1.3.1. Quy luật về sự quyết định của điều	- Thuyết giảng tích cực	A1, A5, A6	[1] chương 1. Mục II.

	kiện KT - XH đối với văn hoá 1.3.1.1. Sự quyết định điều kiện KT - XH đối với văn hoá 1.3.1.2. Ảnh hưởng của chính trị đối với văn hoá 1.3.1.3. Tính định lượng tương đối của văn hoá 1.3.2. Quy luật kế thừa trong sự phát triển văn hoá 1.3.2.1. Kế thừa di sản văn hoá 1.3.2.2. Sáng tạo và đổi mới trong sự kế thừa di sản văn hoá 1.3.3. Quy luật tiếp xúc giao lưu trong phát triển văn hoá 1.3.3.1. Khái niệm, thực chất của tiếp xúc và giao lưu văn hoá 1.3.3.2. Tiếp xúc, giao lưu văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.			[3], [4] <i>chương 1.</i> <i>Mục III</i>
LLO2	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Phân biệt các khái niệm văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật, bản sắc.	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1, A2, A5, A6	[1] <i>chương 2.</i> <i>Mục I.</i> [2], [3] <i>chương 2</i> <i>mục II và III.</i>
LLO5	2. Trình bày được các quan điểm phân chia cấu trúc văn hóa.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1, A2, A5, A6	[1] <i>chương 2.</i> <i>Mục I.</i> [2], [3] <i>chương 2</i> <i>mục II và III.</i>
LLO8	3. Lấy được ví dụ về quy luật phát triển văn hóa học: quy luật kế thừa, quy luật tiếp xúc, giao lưu trong sự phát triển của văn hóa.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1, A2, A5, A6	[1] <i>chương 2.</i> <i>Mục I.</i> [2], [3] <i>chương 4</i> <i>mục III.</i>
LLO7	4. Xác định được cơ sở ra đời và đối tượng của văn hóa học.	- Đọc hiểu - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân	A1, A2	[1] <i>chương 1.</i> <i>Mục I.</i> [2], [3] <i>chương 1.</i> <i>Mục I, II;</i> <i>chương 4.</i> <i>Mục I</i>
LLO7	5. Trình bày được một số phương pháp	- Đọc hiểu	A1, A2	[1]

	nghiên cứu văn hóa học cần thiết cho công việc.	- Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân		chương 1. Mục I. [2], [3] chương 4. Mục I
LLO14	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Sử dụng được các kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá về việc tổ chức các lễ hội ở Việt Nam dựa trên kiến thức của môn văn hóa học.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3, A6	[1] Chương 2. [2], [3], chương 2 mục II, III;
LLO15	2. Phản đối các quan điểm sai trái trong gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3, A6	[1] Chương 2. [2], [3], chương 4 mục II, III;
LLO18	3. Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu của văn hóa học vào tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh, sinh viên.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của nhóm trước lớp	A1, A3	[1] chương 1. [2], [3], [4], [5] chương 1. Mục I, II
LLO16, 17	4. Thể hiện được trách nhiệm giáo dục cho người học gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của nhóm trước lớp	A1, A3	[1] chương 1. [2], [3], [4], [5] chương 1. Mục I, II
LLO14	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Đưa vào thực tế được nội dung về đặc trưng, cấu trúc, quy luật phát triển của văn hóa học trong các bài giảng cụ thể của môn GDCD, các môn LLCT.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của nhóm trước lớp.	A1, A4	[1] Chương 2. Mục I, II, III. [2], [3] chương 2 mục II và III;
LLO17	2. Thể hiện được quan điểm cá nhân về việc gìn giữ và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa của địa phương nhìn từ góc độ chức năng của văn hóa.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của nhóm trước lớp.	A1, A4	[1] Chương 2. Mục I, II, III. [2], [3] chương 2 mục II và III;
LLO7	3. Giải thích được vai trò của văn hóa học đối với nhận thức thông qua các chức năng của văn hóa học.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp	A1, A4	[1] chương 1. Mục I. [2], [3]

		<i>theo cá nhân hoặc nhóm</i>		<i>chương 4. Mục I</i>
LLO9	4. Sử dụng các chức năng nghiên cứu của văn hóa học vào tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc gắn với các bài học cụ thể của môn GDCD và các môn LLCT.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1, A4	[1] <i>chương 1. Mục I.</i> [2], [3] <i>chương 4. Mục I</i>
LLO1, 4	B. Nội dung tự học: (34 tiết) 1. Diễn giải được một số cách hiểu khác nhau về văn hóa. 2. Giải thích được những đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hóa.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[1] <i>chương 1.</i> [2], [3] <i>chương 1. Mục I, II</i>
LLO7, 9	4. Lược sử về văn hóa học 5. Phương pháp nghiên cứu và vai trò của văn hóa học. 6. Lựa chọn được các giải pháp phù hợp để gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1] <i>chương 1.</i> [2], [3] <i>chương 1. Mục I, II</i>

Chương 2: Bản sắc văn hóa dân tộc

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (12 tiết) - Bài tập: 3 - Thảo luận: 3 - Thực hành: 1 - Tự học: 27,5 2.1. Lý luận về bản sắc văn hóa dân tộc 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Mối quan hệ giữa văn hóa và dân tộc 2.1.3. Bản sắc văn hóa dân tộc và vấn đề tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại	- Thuyết giảng kết hợp với phương pháp vấn đề	A1, A5, A6	[1] <i>Chương 4. Mục I</i> [2], [3], [4], [5] <i>chương 5 mục II</i>
LLO10 LLO11 LLO12 LLO13	2.2. Nhận diện các yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc trong văn hóa Việt Nam 2.2.1. Hoàn cảnh hình thành và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam 2.2.1.1. Đặc điểm môi trường tự nhiên 2.2.1.2. Đặc điểm môi trường xã hội 2.2.1.3. Yếu tố địa - lịch sử 2.2.2. Tổng quan về sự thể hiện của bản sắc	- Thuyết giảng kết hợp với phương pháp vấn đề	A1, A5, A6	[1] <i>Chương 4. Mục II</i> [2], [3], [4], [5] <i>chương 5 mục III</i>

	văn hóa Việt Nam 2.2.3. Tính độc đáo đặc sắc của văn hóa Việt Nam 2.3. Tác động của toàn cầu hóa đối với bản sắc dân tộc 2.3.1. Tiếp xúc - giao lưu văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. 2.3.2. Tác động của toàn cầu hóa đối với bản sắc văn hóa dân tộc 2.4. Gìn giữ và giáo dục bản sắc văn hóa Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa 2.4.1. Gìn giữ bản sắc văn hóa Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa 2.4.2. Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh <i>2.4.2.1. Sự cần thiết phải giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh</i> <i>2.4.2.2. Những định hướng và biện pháp tổ chức giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh</i>			
LLO10	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Trình bày được khái niệm bản sắc, bản sắc văn hóa dân tộc; mối quan hệ văn hóa và dân tộc; vấn đề tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo nhóm	A1, A2, A5	[1] Chương 4. Mục I [2], [3] chương 5 mục II, III
LLO10 LLO12	2. Tóm tắt được hoàn cảnh hình thành và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.	- Đọc hiểu - Báo cáo bài tập trước lớp	A1, A2	[1] Chương 4. Mục II [2], [3], chương 5
LLO13	* Nội dung thực hành: (1 tiết) 1. Xây dựng được hoạt cảnh sử dụng kiến thức của môn văn hóa học để giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh, sinh viên.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 4. Mục I - V [2], [3], [4], chương 6
LLO21	2. Thực hành được các kỹ năng hợp tác, phản biện xã hội... trong việc đưa ra định hướng phát huy vai trò của văn hóa Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 4. Mục I - V [2], [3], [4], chương 5 từ Mục I – V, chương 6
LLO18	3. Xây dựng hoạt cảnh thể hiện được bản sắc văn hóa ăn, mặc của một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam để rèn luyện kỹ năng hợp tác, phân tích, đánh giá cho học sinh, sinh viên.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 4. Mục I - V [2], [3], [4], chương 6

LLO18	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Lấy được ví dụ về tính độc đáo đặc sắc của văn hóa Việt Nam.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 4. Mục I, II [2], [3] chương 5 mục III
LLO21	2. Mô tả được tác động của toàn cầu hóa đối với bản sắc văn hóa Việt Nam.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 4. Mục IiI [2], [3] chương 5 mục IV
LLO23	3. Bày tỏ được quan điểm của cá nhân về sự cần thiết phải giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh, sinh viên.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 4. Mục IV, V [2], [3] chương 6
LLO19	4. Chỉ ra được những nội dung cụ thể về việc gìn giữ và giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc qua việc nghiên cứu văn hóa của địa phương.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 4. Mục I, II [2], [3] chương 6
LLO10	B. Nội dung tự học: (27,5 tiết) 1. Tóm tắt được hoàn cảnh hình thành và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.	- Tự học và hệ thống hóa nội dung tự học bằng sơ đồ; nộp sản phẩm cho giảng viên (mỗi nội dung khoảng 2 trang viết tay)	A1, A5	[1] Chương 4. Mục I - V [2], [3], [4], chương 5 đọc từ Mục I – V, chương 6
LLO11	2. Giải thích được tác động của toàn cầu hóa đối với bản sắc văn hóa Việt Nam.			
LLO12	3. Diễn giải được tầm quan trọng và nội dung của việc gìn giữ và làm giàu bản sắc văn hóa Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa.			
LLO13	4. Chứng tỏ được sự cần thiết phải giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên sư phạm.			
Chương 3: Đại cương về lịch sử văn hóa Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO24	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (8 tiết)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề	A1, A5, A6	[1] Chương 2. Mục I [2], [3] chương 2 mục II và
LLO25	- Bài tập: 2 - Thảo luận: 2 - Thực hành: 1 - Tự học: 18,5			

	3.1. Vai trò của việc nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc 3.1.1. Sự cần thiết phải nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc 3.1.2. Vấn đề phân kì lịch sử văn hóa Việt Nam			III
LLO26 LLO27 LLO28 LLO29 LLO30	3.2. Tiến trình văn hóa Việt Nam 3.2.1. Văn hóa thời lý Văn Lang- Âu Lạc 3.2.2. Văn hóa Việt Nam thời kì Bắc thuộc 3.2.3. Văn hóa thời kì Đại Việt 3.2.3.1. Đặc trưng văn hóa thời Lý - Trần 3.2.3.1. Đặc trưng văn hóa thời Lê 3.2.3.1. Đặc trưng văn hóa từ thế kỉ XVI đến năm 1858 3.2.4. Văn hóa thời kì thống trị của thực dân Pháp	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Đàm thoại</i>	A1, A5, A6	[1] <i>Chương 2. Mục III.</i> [2], [3], [4], [5] <i>chương 2 mục II, III.</i>
LLO31 LLO32	3.3. Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều nền văn hóa	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Đàm thoại</i>	A1, A5, A6	[1] <i>Chương 2. Mục III.</i> [2], [3], [4], [5] <i>chương 2 mục II, III.</i>
LLO24	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Trình bày được vai trò của việc nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1, A2	[1] <i>Chương 3. Mục I</i> [2], [3], [4], [5] <i>chương 4 mục II, III</i>
LLO25	2. Diễn giải được vấn đề phân kì lịch sử văn hóa Việt Nam	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo trước lớp theo nhóm</i>	A1, A2	[1] <i>Chương 3. Mục I</i> [2], [3], <i>chương 4 mục II, III</i>
LLO26	3 Mô tả được Văn hóa thời kì Văn Lang Âu Lạc	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo trước lớp theo cá nhân</i>	A1, A2	[1] <i>Chương 3. Mục II</i> [2], [3], [4], [5] <i>chương 4 mục II, III</i>
LLO27	* Nội dung thực hành: (1 tiết) 1. Giải thích được về văn hóa Việt Nam	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận</i>	A1, A3	[1] <i>Chương 3. Mục I, II</i>

	thời kì Bắc thuộc	nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án		[2], [3], [4], chương 4 mục II, III
LLO28	2. Trình bày được văn hóa thời kì Đại Việt	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 3. Mục III, V [2], [3], [4], chương 4 mục II, III
LLO26, 27,28,2 9,30	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Chỉ ra sự khác biệt về văn hóa của Việt Nam ở các thời kì theo tiến trình văn hóa.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 3. Mục I [2], [3] chương 4 mục III, IV
LLO32	2. Sử dụng kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá về thực tiễn của Việt Nam là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 3. Mục II [2], [3] chương 4 mục IV
LLO25 LLO27	B. Nội dung tự học: (18tiết) 1. Trình bày vấn đề phân kì lịch sử văn hóa Việt Nam 2. Văn hóa Việt Nam thời kì Bắc thuộc	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1] Chương 3. Mục I [2], [3], [4], [5] chương 4 mục II, III

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: loa, mic

7.18: 60EDE231, Đạo đức học và giáo dục đạo đức (ETHICS AND MORAL EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60

2	Bài tập	8	0	8
3	Thực hành	8	0	8
4	Thảo luận	10	0	10
5	Thực tế chuyên môn	0	0	0
6	Kiểm tra, đánh giá	2	0	6
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*.
- Học phần học trước: *Không*.
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, Kinh tế và phương pháp dạy học; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
3	TS Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
4	Ths Vũ Thuý Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Giải thích được các nội dung lý luận về đạo đức học: nguồn gốc, bản chất, các dạng đạo đức trong lịch sử; các phạm trù cơ bản của đạo đức học; các nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa; các phẩm chất đạo đức cá nhân

CO2: Trình bày được những nội dung chính trong đạo đức Hồ Chí Minh và đạo đức nhà giáo.

CO3: Trình bày được các phương pháp dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh.

* Về kỹ năng

CO4: Có kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện những tình huống đạo đức nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống của bản thân.

CO5: Vận dụng được các kiến thức đã học vào thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học các bài học về giáo dục đạo đức cho học sinh.

CO6: Sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Chấp hành đúng các quy định về đạo đức nghề nghiệp và quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO8: Tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (kí hiệu CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Giải thích được nguồn gốc, bản chất, các dạng đạo đức trong lịch sử, mối quan hệ giữa đạo đức với các hình thái YTXH	PLO1,2, 3, 4, 5,6
	CLO2	Giải thích được nội dung, ý nghĩa của các phạm trù cơ bản của đạo đức học	PLO1,2, 3, 4, 5,6
	CLO3	Giải thích được nội dung, ý nghĩa của các nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa	PLO1,2, 3, 4, 5,6
	CLO4	Giải thích được nội dung, vai trò, ý nghĩa của các phẩm chất đạo đức cá nhân	PLO1,2, 3, 4, 5,6
CO2	CLO5	Trình bày được những nội dung chính trong đạo đức Hồ Chí Minh	PLO1,2, 3, 4, 5,6
	CLO6	Trình bày được tính tất yếu, nội dung đạo đức nhà giáo	PLO1,2, 3, 4, 5,6
CO3	CLO7	Mô tả được các phương pháp dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh	PLO1,2, 3, 4, 5,6
	CLO8	Trình bày cách thức giáo dục các phạm trù đạo đức; các phẩm chất đạo đức cá nhân.	PLO1,2, 3, 4, 5,6
Kĩ năng			
CO4	CLO9	Phân tích, đánh giá, phản biện những tình huống đạo đức nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống của bản thân.	PLO7,8,11,12,13
CO5	CLO10	Vận dụng được các kiến thức đã học vào thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học các bài học về giáo dục đạo đức cho học sinh.	PLO7,8,11,12,13
	CLO11	Vận dụng những trường hợp, tình huống đạo đức điển hình vào thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học các bài học về giáo dục đạo đức cho học sinh.	PLO7,8,11,12,13
CO6	CLO12	Sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh.	PLO7,8,11,12,13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO13	Chấp hành đúng các quy định về đạo đức nghề nghiệp và quy chế dân chủ ở trường phổ thông.	PLO15
CO8	CLO14	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1 CLO	x	x	x	x	x	x	x								
2 CLO	x	x	x	x	x	x	x								
3 CLO	x	x	x	x	x	x	x								
4 CLO	x	x	x	x	x	x	x								
5 CLO	x	x	x	x	x	x	x								
6 CLO	x	x	x	x	x	x	x								
7 CLO	x	x	x	x	x	x	x								
8 CLO	x	x	x	x	x	x	x								
9 CLO								x	x			x	x	x	
10 CLO								x	x			x	x	x	
11 CLO								x	x			x	x	x	
12 CLO								x	x			x	x	x	
13 CLO															x
14 CLO															x
MĐ G	2	1	3	3	3	2	2	1			2	1	2		1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần Đạo đức và giáo dục đạo đức cung cấp những kiến thức cơ bản về đạo đức học; các phạm trù đạo đức cơ bản; một số nguyên tắc đạo đức mới; một số yêu cầu về giáo dục phẩm chất đạo đức cá nhân; học tập và rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và đạo đức nhà giáo; một số phương pháp dạy học và giáo dục đạo đức.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng để xây dựng đạo đức cá nhân, rèn luyện đạo đức nhà giáo và vận dụng vào công tác dạy học, giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân, 2 bài tập nhóm và *nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên*

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành cá nhân và 2 bài thực hành nhóm.

- Seminar: Hoàn thành 2 bài nhóm ở chương ở chương 2,4,6; *nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp*

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành các nhiệm vụ/sản phẩm tự học và nộp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi chương

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14
2	A2. Bài tập cá nhân, bài tập nhóm	5	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1 - 6
3	A3. Thực hành cá nhân, thực hành nhóm	10	02	Rubric đánh giá thực hành cá nhân, nhóm	CLO 7- 14
4	A4. Seminar nhóm	5	02	Rubric đánh giá seminar nhóm	CLO 1-14
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-6
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO 7-14
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Tư luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-14

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến 2,4 Chưa chủ động tham gia các hoạt động học tập; thực hiện đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	2,5 đến 3,3 Chủ động tham gia các hoạt động học tập; thực hiện đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	3,4 đến 4,0 Chủ động tham gia các hoạt động học tập; có chuẩn bị bài; thực hiện đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	4,1 đến 5,0 Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học; thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá thực hành cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0 - 49%	Đạt 50 - 64%	Khá 65 - 79%	Tốt 80 - 100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0 Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	1,0 đến < 2,0 Thực hiện 50 - 80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	2,0 đến < 2,5 Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	2,5 đến 3,0 Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5 Trình bày được dưới 50% nội dung yêu cầu	2,5 đến < 3,3 Trình bày được 50 - 70% nội dung yêu cầu	3,3 đến < 4,0 Trình bày được 71 - 80% nội dung yêu cầu	4,0 đến 5,0 Trình bày được trên 81% nội dung yêu cầu
Phương pháp, kỹ thuật phù hợp, hiện đại, đa dạng	2,0	0 đến < 0,5 Có phương pháp nhưng chưa biết áp dụng kỹ thuật phù hợp	0,5 đến < 1,0 Phương pháp phù hợp, đa dạng nhưng kỹ thuật chưa hiện đại	1,0 đến < 1,5 Phương pháp phù hợp, đa dạng; kỹ thuật hiện đại	1,5 đến 2,0 Phương pháp, kỹ thuật phù hợp, đa dạng, hiện đại, sáng tạo

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận, thực hành và chia sẻ trong nhóm	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Có trong nhóm nhưng không tham gia thực hành	Thỉnh thoảng tham gia góp ý và chia sẻ ý tưởng thực hành	Tích cực tham gia thảo luận, thực hành và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề; tích cực thảo luận, thực hành và chia sẻ
Báo cáo thực hành	5,0	0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ	Kết quả thực hành đầy đủ nhưng còn sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ nhưng còn vài sai sót không quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ, có tính sáng tạo và không có sai sót
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu về hình thức	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không đúng yêu cầu về hình thức và nộp quá thời gian gia hạn quy định	Hình thức nhiều chỗ còn không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Hình thức còn có chỗ sai sót và nộp đúng hạn	Đúng hình thức và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá seminar nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Thiếu một vài nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu và có tính mới, tính sáng tạo
Trình bày rõ ràng; lập luận có căn cứ khoa học và logic	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Trình bày không rõ ràng; Lập luận không có căn cứ khoa học và không lô gic	Trình bày tương đối rõ ràng; Lập luận có căn cứ khoa học nhưng không lô gic và còn nhiều sai sót	Trình bày mạch lạc, rõ ràng; Lập luận có căn cứ khoa học; lô gic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Trình bày mạch lạc, rõ ràng, khúc chiết, sáng tạo; Lập luận có căn cứ khoa học, có lô gic vững chắc và có tính mới
	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

Nhóm phối hợp tốt, thành viên hỗ trợ nhau khi thực hiện nhiệm vụ		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm; Trả lời sai đa số các câu hỏi	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời; Trả lời đúng đa số các câu hỏi	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ; Trả lời đúng đa số các câu hỏi	Nhóm phối hợp tốt, hỗ trợ tốt cho nhau khi báo cáo và trả lời; trả lời đầy đủ, rõ ràng tất cả các câu hỏi
--	--	---	---	--	---

8.2.5. Rubric đánh giá kiểm tra định kỳ (25%): Theo kết cấu đáp án được phê duyệt.

8.2.6. Rubric đánh giá thi kết thúc học phần (50%): Theo kết cấu đáp án được phê duyệt

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Thị Tùng Hoa (2012), *Giáo trình Đạo đức học*, Nxb Giáo dục

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Khương (2024), Đề cương bài giảng *Đạo đức học và giáo dục đạo đức*

[3]. Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (đồng chủ biên) (2013), *Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, 2; Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật

[5]. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Đạo đức học Mác - Lênin* (Hệ cử nhân chính trị), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Thị Khương (chủ biên) (2015), *Quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên ở các tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam*; Nxb Đại học Thái Nguyên.

[7]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 3, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8]. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[9]. Sách giáo khoa: lớp 6,7,8,9,10,11,12 (có thể sử dụng các bộ sách: Cánh diều, Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo được xuất bản và tái bản các năm theo Chương trình GDPT 2018)

[10]. Nguyễn Hữu Toàn, Nguyễn Thị Khương (đồng chủ biên), Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy (2019) *Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa*; NXB Đại học Thái Nguyên.

[11] Website: triethoc.edu.vn; triethoc.info.vn; vietnamnet; dantri, dhsptn.edu.vn...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân biệt được đạo đức và đạo đức học; giải thích và lấy ví dụ về cấu trúc của đạo đức học
LLO2	Giải thích được các quan điểm khác nhau về nguồn gốc, bản chất của đạo đức
LLO3	Phân biệt được các dạng đạo đức trong lịch sử
LLO4	Giải thích được sự khác nhau và mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội
LLO5	Lấy ví dụ chứng minh vai trò, chức năng của đạo đức trong đời sống xã hội
LLO6	Luận giải được nội dung các phạm trù đạo đức học
LLO7	Rút ra ý nghĩa, bài học khi nghiên cứu các phạm trù đạo đức học
LLO8	Vận dụng nội dung, ý nghĩa các phạm trù đạo đức học vào dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh
LLO9	Phân tích, đánh giá, phản biện những tình huống đạo đức liên quan đến phạm trù đạo đức nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống của bản thân.
LLO10	Luận giải được các nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa
LLO11	Vận dụng nội dung, ý nghĩa các nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa vào dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh
LLO12	Luận giải được các phẩm chất đạo đức cá nhân
LLO13	Rút ra vai trò, ý nghĩa, bài học khi nghiên cứu các phẩm chất đạo đức cá nhân
LLO14	Vận dụng nội dung, ý nghĩa, vai trò của các phẩm chất đạo đức cá nhân vào dạy học, giáo dục đạo đức cho học sinh
LLO15	Trình bày được các quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức, đạo đức cách mạng
LLO16	Trình bày được các phẩm chất đạo đức của người cách mạng theo quan điểm của HCM
LLO17	Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức vào công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.
LLO18	Lý giải vì sao phải có đạo đức nhà giáo
LLO19	Mô tả được nội dung các phẩm chất đạo đức cần có của nhà giáo và liên hệ với bản thân
LLO20	Vận dụng được các tâm gương đạo đức nhà giáo vào hoạt động thực tiễn của bản thân
LLO21	Trình bày được các phương pháp và kỹ thuật dạy học nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh
LLO22	Mô tả các biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh
LLO23	Sử dụng các phương pháp dạy học để thiết kế và tổ chức giờ dạy có bài học về để giáo dục đạo đức cho học sinh

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO1	x									x				
LLO2	x									x				
LLO3	x									x	x			
LLO4	x									x				
LLO5	x								x	x	x			
LLO6		x								x	x			
LLO7		x								x				x
LLO8		x							x	x		x		x
LLO9		x							x	x	x	x		x
LLO10			x							x	x		x	
LLO11			x							x		x	x	x
LLO12				x						x			x	x
LLO13				x						x	x			x
LLO14				x					x	x				x
LLO15					x					x	x	x	x	
LLO16					x					x			x	
LLO17					x					x			x	x
LLO18						x								
LLO19						x					x			
LLO20						x			x		x	x	x	x
LLO21							x	x		x	x	x	x	x
LLO22							x	x		x	x	x	x	x
LLO23							x	x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHẬP MÔN ĐẠO ĐỨC HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Khái niệm đạo đức, nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật của đạo đức 1.1.1 Khái niệm đạo đức 1.1.2. Nguồn gốc và bản chất của đạo đức 1.1.3. Chức năng của đạo đức 1.1.4. Vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội 1.1.5 Tính quy luật của đạo đức 1.2. Các dạng đạo đức trong lịch sử 1.3. Mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác 1.3.1. Mối quan hệ giữa đạo đức và chính trị 1.3.2. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật 1.3.3. Mối quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo 1.3.4. Mối quan hệ giữa đạo đức và khoa học 1.3.5. Mối quan hệ giữa đạo đức và nghệ thuật 1.4. Đối tượng và nhiệm vụ của đạo đức học 1.4.1. Đối tượng của đạo đức học 1.4.2. Nhiệm vụ của đạo đức học.	- Thảo luận nhóm - Dạy học nêu vấn đề - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A5,A6	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1,2,3 [4], [6], [7], [8], [10], [11]. Đọc theo chỉ dẫn của GV
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 2. Chỉ ra được mối quan hệ giữa đạo đức với chính trị; mối quan hệ giữa đạo đức với pháp luật; mối quan hệ giữa đạo đức với tôn giáo	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV	A2	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1,2,3 [4], [6], [7], [8], [10], [11].

				Đọc theo chỉ dẫn của GV
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO6	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Phân biệt được sự khác nhau giữa đạo đức và đạo đức học, giữa ý thức đạo đức và hành vi đạo đức. 2. Chứng minh được vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội và thực tiễn của bản thân.	SV thảo luận theo nhóm các nội dung được GV phân công và báo cáo kết quả trước lớp.	A3	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1,2,3 [4], [6], [7], [8], [10], [11]. Đọc theo chỉ dẫn của GV
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Thiết kế được sơ đồ tư duy về nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	A1, A3	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1,2,3 [4], [6], [7], [8], [10], [11]. Đọc theo chỉ dẫn của GV
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (9,5 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu phần kiến thức cơ bản + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu. + Chuẩn bị cho bài thực hành theo nhóm.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1,2,3 [4], [6], [7], [8], [10], [11]. Đọc theo chỉ dẫn của GV
Chương 2: CÁC PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	A1, A5, A6	[1]. Đọc chương 2 [2]. Đọc chương 2

	2.1. Phạm trù Đạo đức học và tính phân cực của các phạm trù Đạo đức học 2.1.1. Phạm trù Đạo đức học 2.1.2. Tính phân cực của các phạm trù Đạo đức học 2.2. Nội dung các phạm trù cơ bản của Đạo đức học 2.2.1. Phạm trù lễ sống đạo đức 2.2.2. Phạm trù nghĩa vụ đạo đức 2.2.3. Phạm trù hạnh phúc 2.2.4. Phạm trù lương tâm 2.2.5. Phạm trù thiện và ác	- Thảo luận nhóm - Dạy học nêu vấn đề - Sử dụng tình huống trong dạy học.		[5]. Đọc chương 4
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Trình bày lại nội dung phạm trù lễ sống, phạm trù nghĩa vụ theo quan niệm của đạo đức học Mác - Lênin.	GV hướng dẫn SV làm bài tập và đánh giá.	A1, A2, A5, A6	[1]. Đọc chương 2 [2]. Đọc chương 2 [5]. Đọc chương 4
LLO7 LLO8	* Nội dung thảo luận nhóm: (3 tiết) 1. Xây dựng đề cương khoa học giáo dục các phạm trù đạo đức cho người học trong hoạt động thực tiễn.	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1, A4 A5, A6	[1]. Đọc chương 2 [2]. Đọc chương 2 [5]. Đọc chương 4
LLO9 LLO10	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Chỉ ra được lễ sống của học sinh – sinh viên hiện nay. 2. Thiết kế được một số chủ đề về lễ sống, nghĩa vụ, hạnh phúc, lương tâm, thiện và ác trong thực tế cuộc sống.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	A1, A3	[1]. Đọc chương 2 [2]. Đọc chương 2 [5]. Đọc chương 4
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Nội dung tự học của người học:	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung	A5, A6	[1]. Đọc chương 2 [2]. Đọc chương 2

	+ Đọc tài liệu và chuẩn bị bài. + Chuẩn bị nội dung thảo luận, thực hành theo yêu cầu.	<i>tự học bằng sơ đồ tư duy</i>		[5]. Đọc chương 4
Chương 3: MỘT SỐ NGUYÊN TẮC ĐẠO ĐỨC MỚI				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13 LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 3.1. Vai trò của đạo đức xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội 3.1.1. Khái niệm đạo đức xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa 3.1.2. Vai trò của đạo đức xã hội chủ nghĩa 3.2. Một số nguyên tắc đạo đức mới 3.2.1. Lòng trung thành với sự nghiệp xây dựng CNXH 3.2.2. Chủ nghĩa tập thể XHCN 3.2.3. Chủ nghĩa yêu nước 3.2.4. Chủ nghĩa nhân đạo XHCN	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Sử dụng tình huống</i>	A1, A5, A6	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 1,2,3 [5]. Đọc chương 5
LLO13 LLO14	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Thiết lập được ma trận về các nguyên tắc đạo đức mới cần xây dựng trong xã hội hiện nay.	<i>SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV</i>	A2	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 1,2,3 [5]. Đọc chương 5
LLO13 LLO14	* Nội dung thảo luận nhóm: (4 tiết) 1. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và các biện	<i>SV thảo luận theo nhóm các nội dung được GV phân công và</i>	A3	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc chương 3

	pháp chống chủ nghĩa cá nhân trong thực tiễn.	<i>báo cáo kết quả trước lớp.</i>		[3]. Đọc chương 1,2,3 [5]. Đọc chương 5
LLO15	* Nội dung thực hành: (4 tiết) 1. Chỉ ra được những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân và các biện pháp chống chủ nghĩa cá nhân trong thực tiễn cuộc sống và công việc.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	A1, A3	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 1,2,3 [5]. Đọc chương 5
	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu và chuẩn bị bài. + Chuẩn bị nội dung thảo luận, thực hành theo yêu cầu.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 1,2,3 [5]. Đọc chương 5
Chương 4: MỘT SỐ YÊU CẦU VỀ GIÁO DỤC PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17 LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 4.1. Tính trung thực 4.1.1. Khái niệm, vai trò, ý nghĩa 4.1.2. Biểu hiện của tính trung thực 4.1.3. Những yêu cầu cơ bản trong giáo dục 4.2. Tính nguyên tắc	- Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A5, A6	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc chương 4 [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web

	4.2.1. Khái niệm, vai trò, ý nghĩa 4.2.2. Biểu hiện của tính nguyên tắc 4.2.3. Những yêu cầu cơ bản trong giáo dục tính nguyên tắc 4.3. Tính khiêm tốn 4.3.1. Khái niệm, vai trò, ý nghĩa 4.3.2. Biểu hiện của tính khiêm tốn 4.3.3. Những yêu cầu cơ bản trong giáo dục tính khiêm tốn 4.4. Lòng dũng cảm 4.4.1. Khái niệm, vai trò, ý nghĩa 4.4.2. Biểu hiện của lòng dũng cảm 4.4.3. Những yêu cầu cơ bản trong giáo dục lòng dũng cảm 4.5. Tình yêu lao động 4.5.1. Khái niệm, vai trò, ý nghĩa 4.5.2. Biểu hiện của tình yêu lao động 4.5.3. Những yêu cầu cơ bản trong giáo dục tình yêu lao động 4.6. Tinh thần học tập không ngừng 4.6.1. Khái niệm, vai trò, ý nghĩa 4.6.2. Biểu hiện của tinh thần học tập không ngừng 4.6.3. Những yêu cầu cơ bản trong giáo dục tinh thần học tập không ngừng.			
LLO17 LLO18	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Chứng tỏ được vai trò và ý nghĩa của việc giáo dục tính khiêm tốn cho học sinh, sinh viên hiện nay.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV	A2	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc chương 4

				[11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO17 LLO18	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) 1. Chứng minh được vai trò và ý nghĩa của việc giáo dục tính trung thực trong hoạt động nhận thức và giáo dục đức tính này cho người học.	SV thảo luận theo nhóm các nội dung được GV phân công và báo cáo kết quả trước lớp.	A3	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc chương 4 [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO19	* Nội dung thực hành: (4 tiết) 1. Xây dựng được tình huống đạo đức về tính trung thực trong học sinh - sinh viên hiện nay để giáo dục đức tính này cho họ.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	A1, A3	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc chương 4 [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO17 LLO18 LLO19	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu và chuẩn bị bài. + Chuẩn bị nội dung thảo luận, thực hành theo yêu cầu.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc chương 4 [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
Chương 5: HỌC TẬP ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VÀ RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC NHÀ GIÁO				
LLOs	Nội dung	Hình thức/	Học liệu	

		phương pháp		
		Dạy học	Đánh giá	
LLO21 LLO22	A. Nội dung thực hiện trên lớp (17 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 5.1. Học tập đạo đức Hồ Chí Minh 5.1.1. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về suốt đời phấn đấu cho độc lập, tự do của tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội 5.1.2. Lòng nhân ái trong đạo đức Hồ Chí Minh 5.1.3. Đạo đức HCM về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 5.2. Đạo đức nhà giáo 5.2.1. Đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề giáo viên (đạo đức nhà giáo) 5.2.2. Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nhà giáo. 5.2.3. Rèn luyện đạo đức nhà giáo trong bối cảnh hiện nay	- Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A2	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 5 [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO21 LLO22	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Áp dụng tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về đức tính khiêm tốn và giản dị để rèn luyện bản thân và hoạt động thực tiễn.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV	A2	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 5 [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO21 LLO22	* Nội dung thảo luận: (4 tiết)	SV thảo luận theo nhóm các nội dung	A3	[1]. Đọc chương 5

	1. Kể lại được một câu chuyện về đức tính cần, kiệm của Hồ Chí Minh và vận dụng những đức tính đó đối với bản thân.	<i>được GV phân công và báo cáo kết quả trước lớp.</i>		[2]. Đọc chương 5 [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO23 LLO24	* Nội dung thực hành: (4 tiết) 1. Thực hiện được theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về tấm gương tự học và sáng tạo trong học sinh - sinh viên. 2. Kể được một câu chuyện về đức tính cần, kiệm của Hồ Chí Minh và vận dụng những đức tính đó đối với bản thân. . Chỉ ra được các yêu cầu về phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo để rèn luyện đạo đức nhà giáo trong thực tiễn.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	A1, A3	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 5 [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO21 LLO22 LLO23 LLO24	B. Nội dung tự học: (17,5 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu và chuẩn bị bài. + Chuẩn bị nội dung thảo luận, thực hành theo yêu cầu.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 5 [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web

Chương 6: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO26 LLO27	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 6.1. Một số phương pháp dạy học và giáo dục đạo đức cho học sinh 6.1.1. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh 6.1.2. Một số phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh 6.2. Xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh 6.2.1. Xây dựng kế hoạch bài dạy nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh 6.2.2. Tổ chức dạy học bài dạy nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh	- Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A5, A6	[2]. Đọc chương 6 [9], [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trong các sách [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO26 LLO27	* Nội dung bài tập: (2 tiết) Xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa về giáo dục đạo đức cho học sinh.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV	A2	[2]. Đọc chương 6 [9], [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trong các sách [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO26 LLO27	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) Phân tích ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp	SV thảo luận theo nhóm các nội dung được GV	A3	[2]. Đọc chương 6 [9], [10]. Đọc theo

	dạy học nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh	<i>phân công và báo cáo kết quả trước lớp.</i>		chỉ dẫn của GV trong các sách [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO28 LLO29	* Nội dung thực hành: (3 tiết) Xây dựng kế hoạch bài dạy nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	A1, A3	[2]. Đọc chương 6 [9], [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trong các sách [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web
LLO26 LLO27 LLO28 LLO29	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu và chuẩn bị bài. + Chuẩn bị nội dung thảo luận, thực hành theo yêu cầu.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[2]. Đọc chương 6 [9], [10]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trong các sách [11]. Đọc các bài viết theo chỉ dẫn của giảng viên trong các trang web

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, thoáng, sạch, mát.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng, máy chiếu, thiết bị âm thanh tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.19: 60FEC231, Kinh tế học đại cương (FUNDAMENTAL ECONOMICS)

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	6		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: 60SPE131, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học – Kinh tế và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	nguyenmao@dhsptn.edu.vn
2	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được kiến thức của kinh tế học đại cương để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Vận dụng được kiến thức của kinh tế học đại cương vào hoạt động dạy học các vấn đề kinh tế trong chương trình GD CD và tổ chức các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

* Về kỹ năng

CO3: Giải quyết được các tình huống kinh tế - xã hội trong hoạt động nhận thức, thực tiễn của bản thân và xã hội.

CO4: Thực hành được kiến thức kinh tế học đại cương vào thiết kế bài giảng và tổ chức dạy học các vấn đề kinh tế trong chương trình giáo dục công dân và tổ chức các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Vận dụng được kiến thức kinh tế học đại cương, kỹ năng chuyên môn vào quá trình tự hoàn thiện bản thân; hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của bản thân và cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (kí hiệu CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Diễn giải được những kiến thức cơ bản của kinh tế học đại cương trong quá trình nhận thức của bản thân.	PLO1, PLO3
	CLO2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế học đại cương để luận giải các hiện tượng kinh tế - xã hội nảy sinh trong hoạt động thực tiễn của bản thân và xã hội.	PLO1, PLO3
CO2	CLO3	Vận dụng được kiến thức của kinh tế học đại cương vào quá trình thiết kế bài giảng và tổ chức dạy học các nội dung kinh tế trong chương trình GDCTD ở trường phổ thông.	PLO3, PLO4
	CLO4	Vận dụng được kiến thức của kinh tế học đại cương vào quá trình tổ chức, quản lý các hoạt động trải nghiệm; giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.	PLO3, PLO4
Kỹ năng			
CO3	CLO5	Áp dụng được kiến thức kinh tế học đại cương để giải quyết các tình huống kinh tế - xã hội trong quá trình nhận thức, lao động sản xuất, phát triển kinh tế của bản thân, xã hội.	PLO4
	CLO6	Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, tính toán, đánh giá để giải quyết các tình huống kinh tế - xã hội nảy sinh trong nhận thức, trong thực tiễn đời sống kinh tế của bản thân và xã hội.	PLO4, PLO12
CO4	CLO7	Thực hành được kiến thức kinh tế học đại cương một cách thời sự, linh hoạt, sáng tạo trong thiết kế bài giảng và tổ chức dạy học các nội dung kinh tế của chương trình GDCTD ở trường phổ thông.	PLO6, PLO11
	CLO8	Thực hành được kiến thức kinh tế học đại cương một cách kịp thời, hiệu quả trong hoạt động tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm, giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp, đổi mới sáng tạo cho học sinh phổ thông.	PLO6, PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

CO5	CLO9	Sử dụng được kiến thức kinh tế học đại cương, kỹ năng chuyên môn một cách chủ động, linh hoạt, sáng tạo vào quá trình làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học suốt đời và tự hoàn thiện chuyên môn của bản thân.	PLO15
	CLO10	Vận dụng được kiến thức kinh tế học đại cương, kỹ năng chuyên môn vào hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của bản thân và cộng đồng.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3			x	x											
CLO4			x	x											
CLO5				x											
CLO6				x								x			
CLO7						x					x				
CLO8						x					x				
CLO9															x
CLO10															x
MDG	3	0	3	3	0	2	0	0	0	0	2	1	0	0	2

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần kinh tế học đại cương nằm trong khối kiến thức ngành đào tạo cử nhân Giáo dục công dân, cung cấp những nội dung đại cương về kinh tế học (kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô); luận giải hành vi kinh tế của các chủ thể cũng như tác động của chính phủ trong nền kinh tế. Học phần được tiếp cận trên lập trường và có mối quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính trị học, Pháp luật đại cương, Những vấn đề thời đại ngày nay, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế....

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân; nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, 2,5,6,9,10
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 1, 2,3,4,7,8,9
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1,2,5,6,9,10
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,5,6,9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,5,6,9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Hồng Tiến, Phạm Thị Hồng Điệp (2008), *Giáo trình Kinh tế học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo (có trên thư viện trường ĐHSP - ĐHTN):

[2]. Nguyễn Văn Công, Bộ môn Kinh tế vĩ mô – Trường ĐHKQTĐ (2012), *Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô*, NXB Lao động.

[3]. Nguyễn Văn Công, Bộ môn Kinh tế vĩ mô – Trường ĐHKQTĐ (2010), *Giáo trình nguyên lý kinh tế vĩ mô*, NXB Lao động.

[4]. David Begg (2008), *Kinh tế học*, NXB Thống kê.

[5]. Vũ Kim Dũng, Đinh Thiện Đức (2011), *Bài tập Kinh tế vi mô*, NXB Văn hóa thông tin.

[6]. Nguyễn Thị Mão (2011), Trường ĐHSP Thái Nguyên, *Đề cương bài giảng Kinh tế học đại cương*, NXB Giáo dục.

[8]. Cao Thúy Xiêm (2008), *Kinh tế học vi mô*, NXB Đại học KTQĐ.

[9]. Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Giang (2022), *Kinh tế phát triển (Dùng cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị)*, NXB Khoa học Xã hội..

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương (LLOs)

LL Os	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO 1	Tóm tắt được nhận thức cơ bản về kinh tế học, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học; các nội dung về chủ thể kinh tế và các vấn đề cơ bản của nền kinh tế.
LLO 2	Luận giải được lý thuyết về giới hạn khả năng sản xuất và lý thuyết lựa chọn trong kinh tế học.
LLO 3	Sử dụng được kiến thức và kỹ năng để giải quyết các tình huống kinh tế trong bài tập cá nhân chương 1.
LLO 4	Diễn giải được các nội dung cơ bản về cung, cầu, thị trường và tác động của chính phủ đối với cân bằng thị trường.
LLO 5	Minh họa được hành vi kinh tế của các chủ thể tham gia thị trường.
LLO 6	Áp dụng được kiến thức và kỹ năng để giải quyết các tình huống kinh tế liên quan đến cung, cầu và cân bằng thị trường.
LLO 7	Vận dụng được kiến thức chương 2 để thiết kế bài giảng đáp ứng được yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Cạnh tranh, cung, cầu trong nền kinh tế thị trường</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông.
LLO 8	Lĩnh hội được các yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên để thực hiện bài tập cá nhân, làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết bài thực hành, thảo luận chương 2.
LLO 9	Diễn giải được những lý luận về sự ràng buộc của ngân sách, về đường bàng quan và sở thích có tác động tới hành vi của người tiêu dùng, về quyết định lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng.
LLO 10	Hình thành được điểm lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng để đạt lợi ích tối đa khi tham gia thị trường.
LLO 11	Lĩnh hội được các yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên để thực hiện bài tập cá nhân, làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết bài thảo luận chương 3.
LLO 12	Phân tích được lý thuyết về các đại lượng: chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
LLO 13	Nhận diện và đánh giá được những phản ứng, ứng xử của doanh nghiệp trước các tình huống kinh tế nảy sinh trong thực tiễn.
LLO 14	Sử dụng được những kiến thức, kỹ năng để thực hiện bài tập cá nhân, thảo luận nhóm chương 4.
LLO 15	Phân tích được những kiến thức cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất.
LLO 16	Chứng minh được những phản ứng, ứng xử của các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường các yếu tố sản xuất trên thế giới, ở Việt Nam.
LLO 17	Vận dụng được kiến thức chương 5 để thiết kế bài giảng đáp ứng được yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Thị trường lao động, việc làm</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông.
LLO 18	Thể hiện được ý kiến trong bài tập cá nhân hoặc trong làm việc nhóm khi giải quyết bài thực hành, thảo luận chương 5
LLO 19	Diễn giải được kiến thức cơ bản về chính sách kinh tế vĩ mô và đo lường sản lượng quốc gia.
LLO 20	Sử dụng được các kiến thức về phương pháp xác định sản lượng quốc gia để tính toán, đo lường các tình huống giả định về sản lượng quốc gia.

LL Os	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO 21	Kết hợp được kiến thức, kỹ năng để giải quyết hiệu quả bài tập cá nhân chương 6
LLO 22	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khóa của nền kinh tế quốc dân.
LLO 23	Đánh giá được các vấn đề về tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khóa ở Việt Nam hiện nay.
LLO 24	Vận dụng được kiến thức chương 7 để thiết kế bài giảng đáp ứng được yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Ngân sách nhà nước và thuế</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông.
LLO 25	Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm chương 7
LLO 26	Tóm tắt được những nhận thức cơ bản về thị trường tiền tệ, hệ thống ngân hàng và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế.
LLO 27	Chứng minh được các biểu hiện trong thị trường tiền tệ, cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng cùng chính sách tiền tệ đã và đang được vận hành ở Việt Nam hiện nay.
LLO 28	Sử dụng được những kiến thức, kỹ năng để thực hiện bài tập cá nhân, thảo luận nhóm chương 8.
LLO 29	Diễn giải được các nội dung lý thuyết về thất nghiệp và lạm phát.
LLO 30	Luận giải được các hiện tượng thất nghiệp, lạm phát đã, đang xảy ra trên thế giới, ở Việt Nam.
LLO 31	Vận dụng được kiến thức chương 9 để thiết kế bài giảng đáp ứng các yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Lạm phát, thất nghiệp</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông.
LLO 32	Sử dụng được những kiến thức, kỹ năng để thực hiện bài tập cá nhân, thực hành nhóm, thảo luận nhóm chương 9.
LLO 33	Giải thích được các lý thuyết về lợi thế trong thương mại quốc tế, tỉ giá hối đoái và thị trường ngoại hối.
LLO 34	Phân tích được các chính sách thương mại quốc tế, tỉ giá hối đoái và thị trường ngoại hối đã đang được vận hành ở Việt Nam hiện nay.
LLO 35	Kết hợp được các kiến thức, kỹ năng đã học để hợp tác nhóm hiệu quả đối với bài thảo luận nhóm chương 10.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2		x								
LLO3					x	x		x	x	x
LLO4	x									
LLO5		x								
LLO6					x	x			x	
LLO7			x				x		x	x
LLO8					x	x		x	x	x

LLO9	x									
LLO10					x	x				
LLO11								x	x	x
LLO12	x									
LLO13		x			x	x		x	x	x
LLO14					x	x		x	x	x
LLO15	x									
LLO16		x			x	x		x	x	x
LLO17			x				x		x	x
LLO18					x	x		x	x	x
LLO19	x									
LLO20		x			x	x		x	x	x
LLO21					x	x		x	x	x
LLO22	x									
LLO23		x			x	x		x	x	x
LLO24			x				x		x	x
LLO25					x	x		x	x	x
LLO26	x									
LLO27		x			x	x		x	x	x
LLO28					x	x		x	x	x
LLO29	x									
LLO30		x			x	x		x	x	x
LLO31			x				x		x	x
LLO32					x	x		x	x	x
LLO33	x									
LLO34		x			x	x		x	x	x
LLO35					x	x		x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Kinh tế học và nền kinh tế				
LL Os	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LL O1 LL O2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu kinh tế học 1.1.1. Định nghĩa, đối tượng nghiên cứu kinh tế học 1.1.2. Phương pháp và công cụ nghiên cứu kinh tế học 1.2. Những vấn đề cơ bản nền kinh tế 1.2.1. Vấn đề cơ bản của nền kinh tế	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não	A1,A5, A6	[1] Chương 1 [7]. Chương 1

	1.2.2. Giới hạn khả năng sản xuất và lý thuyết lựa chọn			
LL O3	* Nội dung bài tập (1 tiết) Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập về chi phí cơ hội và giới hạn khả năng sản xuất	<i>Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.</i>	A2	[1] Chương 1 [7]. Chương 1
LL O 1- LL O3	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có).	<i>Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên.</i>	A1,A2	[1] Chương 1 [7]. Chương 1
Chương 2. Phân tích chung về cung – cầu và sự cân bằng cung cầu trên thị trường				
Nội dung chuẩn đầu ra của chương				
LL Os	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9,5 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Phân tích cầu 2.1.1. Các khái niệm về cầu 2.1.2. Luật cầu và các yếu tố tác động đến cầu 2.1.3. Sự vận động dọc theo đường cầu và sự dịch chuyển toàn bộ đường cầu 2.2. Phân tích cung 2.2.1. Các khái niệm về cung 2.2.2. Luật cung và các yếu tố tác động đến cung 2.2.3. Sự vận động dọc theo đường cung và sự dịch chuyển toàn bộ đường cung 2.3. Sự cân bằng cung – cầu trên thị trường 2.3.1. Trạng thái cân bằng của thị trường về một loại hàng hóa 2.3.2. Các tác động của chính phủ đối với cung cầu trên thị trường	<i>Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não</i>	A1, A5, A6	[1] Chương 2 [7]: Chương 2
LL O6	* Nội dung bài tập (2 tiết)	<i>Hướng dẫn</i>	A1, A2	[1]

LL O8	Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập về cung, cầu và cân bằng thị trường (phân tích nội dung kinh tế của bài tập trước khi áp dụng phương pháp toán học).	<i>sinh viên làm bài tập cá nhân.</i>		Chương 2 [7] Chương 2
LL O7 LL O8	* Nội dung thực hành: (1,5 tiết) Vận dụng kiến thức chương 2 để thiết kế bài giảng đáp ứng được yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Cạnh tranh, cung, cầu trong nền kinh tế thị trường</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL lớp 11 ở trường phổ thông.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tiếp cận CTGDC D 2018, tìm hiểu thực tế để làm bài TH nhóm.	A1, A3	[1] Chương 2 [7] Chương 2
LLO 5 LL O9	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Từ kiến thức chương 2, tìm hiểu và minh họa các hiện tượng và hành vi kinh tế của các chủ thể tham gia thị trường.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tìm hiểu thực tế để làm bài TL nhóm	A1, A4	[1] Chương 2 [7] Chương 2
LL O4 – LL O8	B. Nội dung tự học: (13,5 tiết) - <i>Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có).</i> - <i>Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.</i> - <i>Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thực hành, bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành, thảo luận.</i>	<i>Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, TL.</i>	A1,A2 , A3, A4.	[1] Chương 2 [7] Chương 2

Chương 3. Hành vi của người tiêu dùng				
LL Os	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LL O9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Sự ràng buộc về ngân sách 3.1.1. Đường ngân sách 3.1.2. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến đường ngân sách 3.2. Sở thích người tiêu dùng 3.2.1. Sở thích của người tiêu dùng 3.2.2. Những giả định cơ bản về hành vi người tiêu dùng 3.2.3. Đường bàng quan 3.3. Sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.3.1. Căn cứ lựa chọn của người tiêu dùng 3.3.2. Sự thay đổi điểm lựa chọn của người tiêu dùng	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não	A1,A5,A6	[1] Chương 3 [7] Chương 3
LL O1 0 LL O1 1	* Bài tập cá nhân (1 tiết) Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập về đường ngân sách, sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng; tìm điểm tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng khi tham gia thị trường	Giao bài và hướng dẫn	A1, A2	[1] Chương 3 [7] Chương 3
LL O9- LL O1 1	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, tìm hiểu thông tin, tài liệu để làm bài tập	A2,A3,A4	[1] Chương 3 [7] Chương 3
Chương 4. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp				
LL Os	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu

		Dạy học	Đánh giá	
LL O1 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 4.1. Phân tích chi phí sản xuất của doanh nghiệp 4.1.1. Chi phí kế toán và chi phí kinh tế 4.1.2. Các thước đo chi phí trong ngắn hạn 4.1.3. Các thước đo doanh thu 4.2. Lợi nhuận và quyết định sản lượng của doanh nghiệp 4.2.1. Lợi nhuận 4.2.2. Quyết định sản lượng của doanh nghiệp	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5 ,A6	[1] Chương 4 [7] Chương 4, 5
LL O1 4	* Nội dung bài tập (2 tiết) Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập về chi phí sản xuất, quyết định sản lượng của doanh nghiệp, nguyên tắc tối đa hóa doanh thu và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận (phân tích nội dung kinh tế của bài tập trước khi áp dụng phương pháp toán học).	Giao bài và hướng dẫn	A1, A2	[1] Chương 4 [7] Chương 4, 5
LL O1 3 LL O1 4	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Nhận diện và đánh giá được những phản ứng, ứng xử của doanh nghiệp trước các tình huống kinh tế nảy sinh trong thực tiễn.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tìm hiểu thực tế để làm bài thảo luận nhóm	A1, A4	[1] Chương 4 [7]Chương 4, 5
LL O1 2- LL O1 4	B. Nội dung tự học: (9 giờ) - Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu	A2, A4	[1] Chương 4 [7] Chương 4, 5

	- Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.	thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm TL.		
Chương 5. Thị trường các yếu tố sản xuất				
LL Os	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LL O1 5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6,5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 5.1. Thị trường lao động 5.1.1. Cầu đối với lao động 5.1.2. Cung về lao động 5.1.3. Sự cân bằng thị trường lao động 5.2. Thị trường đất đai 5.2.1. Cơ chế hình thành tiền thuê đất 5.2.2. Cung và cầu trên thị trường đất đai 5.2.3. Thuế đất đai và tài nguyên 5.3. Thị trường vốn 5.3.1. Cầu về vốn 5.3.2. Cung về vốn 5.3.3. Cân bằng và sự điều chỉnh trên thị trường vốn	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5 ,A6	[1] Chương 5 [7] Chương 4
LL O1 6 LL O1 8	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Tìm hiểu và minh chứng được những phản ứng, ứng xử của các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường các yếu tố sản xuất trên thế giới, ở Việt Nam.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tìm hiểu thực tế để làm bài thảo luận nhóm	A1, A3	[1] Chương 5 [7] Chương 4
LL O1 7	* Nội dung thực hành (1,5 tiết) Vận dụng được kiến thức chương 5 để thiết kế bài giảng đáp ứng được yêu cầu của nội	Hướng dẫn SV vận dụng	A1,A4	[1] Chương 5

LL O1 8	dung kinh tế <i>Thị trường lao động</i> , việc làm thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông.	LT, tiếp cận CTGDC D 2018, tìm hiểu thực tế để làm bài TH nhóm		[7] Chương 4
LLO 15 – LL O18	B. Nội dung tự học: (9,5 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 5 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận và thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận, TH.	A1,A3 ,A4	[1] Chương 5 [7] Chương 4
LL O1- LL O1 8	A.Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kỳ lần 1	Tổ chức cho SV làm bài KT theo quy định	A5	[1] Chương 1,2,3,4, 5
LL O1- LL O1 8	B. Nội dung tự học: (3 tiết) - Sinh viên ôn tập kiến thức lý thuyết chương 1,2,3,4,5. - Vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ; ôn luyện các tình huống kinh tế (bài tập) giả định.	Định hướng SV ôn tập lý thuyết, bài tập và cách tiếp cận vấn đề thực tiễn.	A1,A5	[1] Chương 1,2,3,4, 5
Chương 6. Chính sách kinh tế học vĩ mô và đo lường sản lượng quốc gia				
LL Os	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	

		Dạy học	Đánh giá	
LL O1 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 6.1. Mục tiêu và chính sách kinh tế vĩ mô 6.1.1. Các mục tiêu kinh tế vĩ mô 6.1.2. Các chính sách kinh tế vĩ mô 6.2. Đo lường sản lượng quốc gia 6.2.1. Sơ đồ luận chuyển kinh tế vĩ mô ở dạng giản đơn 6.2.2. Phương pháp xác định sản lượng quốc gia	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại.	A1,A5 ,A6	[1] Chương 6 [7] Chương 6
LL O2 0 LL O2 1	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Sử dụng được các kiến thức về phương pháp xác định sản lượng quốc gia để tính toán, đo lường các tình huống giả định về sản lượng quốc gia.	Giao bài tập và hướng dẫn SV.	A1, A2	[1] Chương 6 [7] Chương 6
LL O1 9- LL O2 1	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 6 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thực tế.	A2,A1	[1] Chương 6 [7] Chương 6
Chương 7. Tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khóa				
LL Os	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LL O2 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6,5 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 7.1. Tổng cung, tổng cầu của nền kinh tế 7.1.1. Tổng cung của nền kinh tế 7.1.2. Tổng cầu của nền kinh tế 7.2. Chính sách tài khóa của nhà nước	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại.	A1,A5 ,A6	[1] Chương 7 [7] Chương 7

	7.1.1. Chính sách tài khóa trong lý thuyết, trong thực tế 7.1.2. Chính sách tài khóa và vấn đề thâm hụt ngân sách			
LL O2 5	* Nội dung bài tập cá nhân: (1tiết) Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập về tổng cầu trong nền kinh tế	Giáo bài và hướng dẫn	A1, A2	[1] Chương 7 [7] Chương 7
LL O2 3	* Nội dung thảo luận: (1tiết) Đánh giá các vấn đề về tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khóa ở Việt Nam hiện nay.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tìm hiểu thực tế để làm bài thảo luận nhóm.	A1, A4	[1] Chương 7 [7] Chương 7
LL O2 4	* Nội dung thực hành: (1,5tiết) Vận dụng được kiến thức chương 7 để thiết kế bài giảng đáp ứng được yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Ngân sách nhà nước và thuế</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tiếp cận CTGDC D 2018, tìm hiểu thực tế để làm bài TH nhóm	A1,A3	[1] Chương 7 [7] Chương 7
LL O2 2 - LL O2 5	B. Nội dung tự học: (9,5 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 7 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin;	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm	A1,A2 ,A3,A4	[1] Chương 7 [7] Chương 7

	<i>thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.</i>	hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận, thực hành.		
Chương 8. Ngân hàng và chính sách tiền tệ				
LL Os	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LL O2 6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 8.1. Thị trường tiền tệ 8.1.1. Cung về tiền 8.1.2. Cầu về tiền 8.1.3. Cân bằng cung cầu của thị trường tiền tệ 8.2. Hệ thống ngân hàng và chính sách tiền tệ 1. Ngân hàng thương mại 2. Ngân hàng trung ương 3. Chính sách tiền tệ và các công cụ trong chính sách tiền tệ	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại.	A1, A5, A6	[1] Chương 8 [7] Chương 8
LL O2 8	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập về cân bằng trên thị trường tiền tệ	Giao bài tập và hướng dẫn SV	A1, A2	[1] Chương 8 [7] Chương 8
LL O2 7	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chứng minh được các biểu hiện trong thị trường tiền tệ, cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng cùng chính sách tiền tệ đã và đang được vận hành ở Việt Nam hiện nay.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tìm hiểu thực tế làm bài TL nhóm	A1, A4	[1] Chương 8 [7] Chương 8

LL O2 6 - LL O2 8	B. Nội dung tự học: (8 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 8 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin thực tế, làm việc nhóm, chuẩn bị SP thảo luận.	A1, A2, A4	[1] Chương 8 [7] Chương 8
Chương 9. Thất nghiệp và lạm phát				
LL Os	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LL O2 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7,5 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 9.1. Thất nghiệp 9.1.1. Thất nghiệp và tác hại của thất nghiệp 9.1.2. Các loại thất nghiệp 9.1.3. Thất nghiệp tự nhiên và các nhân tố ảnh hưởng 9.1.4. Một số biện pháp nhằm hạ thấp tỉ lệ thất nghiệp 9.2. Lạm phát 9.1.1. Lạm phát, quy mô và tác hại của lạm phát 9.1.2. Nguyên nhân của lạm phát 9.1.3. Một số biện pháp khắc phục lạm phát	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại.	A1, A5, A6	[1] Chương 9 [7] Chương 9
LL O3 2	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập về lạm phát, thất nghiệp	Giao bài tập và hướng dẫn SV	A1, A2	[1] Chương 9 [7] Chương 9

LL O3 1	* Nội dung thực hành: (1,5 tiết) Vận dụng kiến thức chương 9 để thiết kế bài giảng đáp ứng các yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Lạm phát, thất nghiệp</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tiếp cận CTGDC D 2018, tìm hiểu thực tế để làm Thực hành.	A1,A3	
LL O3 0	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Luận giải các hiện tượng thất nghiệp, lạm phát đã, đang xảy ra trên thế giới, ở Việt Nam.	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tìm hiểu thực tế để làm bài TL nhóm	A1, A4	[1] Chương 9 [7] Chương 9
LL O2 9 – LL O3 2	B. Nội dung tự học: (10,5 giờ) <i>Sinh viên đọc giáo trình chương 9 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có).</i> - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc giáo trình, làm BT; tìm hiểu thông tin thực tế làm việc nhóm, chuẩn bị SP TL, TH.	A1,A2 ,A3,A4	[1] Chương 9 [7] Chương 9
LL O1 9 – LL O3 2	A.Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kỳ lần 2	Tổ chức cho SV làm bài KT theo quy định	A5	[1] Chương 6,7,8,9
	B. Nội dung tự học: (3 tiết) - Sinh viên ôn tập kiến thức lý thuyết chương 6,7,8,9.	Định hướng SV ôn tập lý	A1,A5	[1] Chương 6,7,8,9

	- Vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ; ôn luyện các tình huống kinh tế (bài tập) giả định.	thuyết, bài tập và cách tiếp cận vấn đề thực tiễn.		
Chương 10. Kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở				
LL O	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LL O3 3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) 10.1. Nguyên tắc lợi thế trong thương mại quốc tế 10.1.1. Lợi thế so sánh tuyệt đối 10.1.2. Lợi thế so sánh tương đối 10.2. Tỉ giá hối đoái và thị trường ngoại hối 10.2.1. Tỉ giá hối đoái 10.2.2. Cung và cầu về tiền trên thị trường ngoại hối 10.2.3. Vai trò của tỉ giá hối đoái và mối quan hệ giữa tỉ giá hối đoái với cán cân thanh toán quốc tế	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại.	A1, A6	[1] Chương 10 [7] Chương 10
LL O3 4 LL O3 5	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Phân tích được các chính sách thương mại quốc tế, tỉ giá hối đoái và thị trường ngoại hối đã đang được vận hành ở Việt Nam hiện nay	Hướng dẫn SV vận dụng LT, tìm hiểu thực tế để làm bài TL.	A1, A4	[1] Chương 10 [7] Chương 10
LL O3 3 – LL O3 5	B. Nội dung tự học: (5 giờ) <i>Sinh viên đọc giáo trình chương 10 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có).</i> <i>- Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.</i>	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, nghiên cứu tài liệu, làm	A1, A4	[1] Chương 10 [7] Chương 10

		việc nhóm, chuẩn bị SP thảo luận.		
--	--	---	--	--

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm đảm bảo đồng bộ, chất lượng.
- Điều kiện khác: đường truyền Internet tốc độ cao.

7.20: 60LSE231, Giáo dục kỹ năng sống (LIFE SKILLS EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	32
3	Thực hành	10	
4	Thảo luận	6	
5	Thực tế chuyên môn	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	
Tổng		58	92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: “Không”
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng, Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyht@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979858677	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	tuananhgdct@gmail.com
---	----------------------	------------	--

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Hiểu và vận dụng được những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng sống vào hoạt động thực tiễn ở trường phổ thông.

CO2: Luận giải được hệ thống các kỹ năng sống cơ bản vào tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục môn GDCT ở trường phổ thông.

CO3: Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống vào tổ chức các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

* Về kỹ năng:

CO4: Tổ chức thực hiện được hoạt động dạy học, tư vấn và hướng nghiệp dựa trên nền tảng giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển năng lực học sinh ở trường phổ thông.

CO5: Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác; vận dụng các nguyên tắc, phương pháp giáo dục kỹ năng sống vào phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về giáo dục kỹ năng sống vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và học tập suốt đời để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

CO7: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về giáo dục kỹ năng sống để đổi mới sáng tạo và phát triển nghề nghiệp trong hoạt động dạy học, giáo dục ở trường phổ thông.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản về kỹ năng sống.	PLO1, PLO3
	CLO2	Nêu được kiến thức cơ bản về giáo dục kỹ năng sống.	PLO1, PLO3
	CLO3	Giải thích được sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	PLO1, PLO2, PLO3

CO2	CLO4	Phân tích được hệ thống các kỹ năng nhận thức bản thân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định mục tiêu trong hoạt động giáo dục.	PLO3, PLO4
	CLO5	Phân tích được các kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp trong giáo dục học sinh.	PLO3, PLO4, PLO5
CO3	CLO6	Trình bày được hệ thống các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống.	PLO4, PLO5
	CLO7	Luận giải được phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống vào xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục toàn diện cho học sinh.	PLO4, PLO5
Kĩ năng			
CO4	CLO8	Tổ chức được các hoạt động dạy học và tư vấn hướng nghiệp dựa trên nền tảng giáo dục kỹ năng sống.	PLO4, PLO6, PLO9
	CLO9	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm để phát triển kỹ năng sống cho học sinh.	PLO6, PLO9, PLO11
CO5	CLO10	Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác trong tổ chức hoạt động dạy học kỹ năng sống.	PLO11, PLO12
	CLO11	Thực hiện được việc phân tích, đánh giá và giải quyết các tình huống sư phạm dựa trên các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống.	PLO11, PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO12	Thực hiện được việc tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm trong giáo dục kỹ năng sống.	PLO14
	CLO13	Tổ chức được các hoạt động chuyên môn về giáo dục kỹ năng sống một cách độc lập và hiệu quả.	PLO14
CO7	CLO14	Xây dựng được kế hoạch phát triển nghề nghiệp dựa trên nền tảng giáo dục kỹ năng sống.	PLO14, PLO15
	CLO15	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học kỹ năng sống theo hướng đổi mới sáng tạo.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3	x	x	x												
CLO4			x	x											
CLO5			x	x	x										
CLO6				x	x										
CLO7				x	x										
CLO8				x		x			x						
CLO9						x			x		x				
CLO10											x	x			
CLO11											x	x			
CLO12														x	
CLO 13														x	
CLO14														x	x
CLO15															x
MDG	2	1	3	3	2	1	0	0	0	0	2	1	1	2	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, đề cập đến những vấn đề lý luận chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong giai đoạn hiện nay như: khái niệm kỹ năng sống, vai trò của kỹ năng sống trong cuộc sống đương đại; hệ thống những kỹ năng sống cơ bản đối với học sinh, giúp học sinh nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng lòng say mê nghề nghiệp và chức trách của người giáo viên dạy môn GDCC trong việc góp phần giúp học sinh hình thành và rèn luyện những kỹ năng sống cần thiết cho công tác giảng dạy và trong cuộc sống. Cuối cùng, học phần cung cấp cho sinh viên một số định hướng tiếp cận cách thức lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống qua các bài dạy môn Giáo dục công dân ở trường THPT.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, 2,3,4,5,6,7,8, 9,10, 11, 12, 13, 14, 15
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2,3,4,7,8
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO 1,2 3,4,8, 10, 11, 12, 13
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1, 4,6,7,8,10, 11, 12, 14, 15
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4, 5,6,7,8

hi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6,7,10, 11, 12, 13

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Lập luận có căn cứ khoa học và logic		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thanh Bình (2010), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vũ Thị Tùng Hoa (2016), *Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học kỹ năng sống*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

[3]. Lục Thị Nga, Nguyễn Thanh Bình (2012), *Hiệu trưởng trường trung học với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lý*, Nxb Hà Nội, Đại học Sư phạm.

[4]. Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống giúp bạn gặt hái sự thành công*, Nxb Hà Nội, Đại học Sư phạm.

[5]. Huỳnh Văn Sơn (2020), *Rèn luyện kỹ năng sống và kỹ năng mềm cho sinh viên*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

9.3. Website

[6]. <http://kdiscovery.dhsptn.edu.vn/>

[7]. <http://thuvien.ajc.edu.vn>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân biệt được khái niệm kỹ năng, kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống.
LLO2	Giải thích được khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục kỹ năng sống.
LLO3	Phân loại được các nhóm kỹ năng sống.
LLO4	Chứng minh được sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.
LLO5	Chỉ ra được nội dung giáo dục kỹ năng sống trong tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm.
LLO6	Tóm tắt được nội dung các kỹ năng nhận thức, giao tiếp, xác định mục tiêu, ra quyết định và giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn, lựa chọn nghề nghiệp.
LLO7	Lấy ví dụ được về các kỹ năng trên trong thực tiễn.
LLO8	Bày tỏ được quan điểm của cá nhân về các kỹ năng sống.
LLO9	Xây dựng được hoạt cảnh sử dụng các kỹ năng sống trong dạy học.
LLO10	Xây dựng được hoạt cảnh sử dụng kỹ năng sống trong tư vấn, hướng nghiệp.
LLO11	Thiết kế được kế hoạch về mục tiêu, thông điệp, tài liệu, phương tiện cho các kỹ năng sống.
LLO12	Mình họa được mục tiêu, thông điệp, tài liệu, phương tiện cho các kỹ năng sống.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO13	Đề xuất được hệ thống kỹ năng sống phát triển nghề nghiệp cho học sinh.
LLO14	So sánh được các nguyên tắc tương tác, trải nghiệm, thay đổi hành vi.
LLO15	Mô tả được nội dung các phương pháp giáo dục kỹ năng sống.
LLO16	Phân biệt được các hình thức tổ chức hoạt động kỹ năng sống.
LLO17	Chỉ ra được nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống trong tư vấn, hướng nghiệp.
LLO18	Thiết kế được các hình thức tổ chức hoạt động kỹ năng sống.
LLO19	Kết hợp được các phương pháp giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động thực hành nghề nghiệp.
LLO20	Đề xuất được các hình thức tổ chức hoạt động kỹ năng sống trong làm việc độc lập và nhóm.
LLO21	Mình họa được nguyên tắc tương tác, trải nghiệm, thay đổi hành vi.
LLO22	Trình bày được hệ thống nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống.
LLO23	Phân tích được các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống.
LLO24	Trình bày được các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống.
LLO25	Thiết kế được các hình thức tổ chức hoạt động kỹ năng sống.
LLO26	Kết hợp được các phương pháp giáo dục kỹ năng sống.
LLO27	Chỉ ra được nội dung, yêu cầu của các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống.
LLO28	So sánh được các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống.
LLO29	Phân biệt được các hình thức tổ chức hoạt động kỹ năng sống cho học sinh THPT.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

[illegible]

LLO12		x	x		x										
LLO13		x			x		x			x					
LLO14			x				x	x							
LLO15								x							
LLO16						x		x							
LLO17							x								
LLO18						x		x							
LLO19						x		x			x				
LLO20						x	x		x		x				
LLO21						x		x							
LLO22															
LLO23								x							
LLO24						x		x							
LLO25															
LLO26						x		x			x				
LLO27							x								
LLO28							x	x							
LLO29						x		x							

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết)	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp xem tình huống qua video clip	A1	[1] chương
LLO2	* Nội dung lí thuyết (6 tiết)		A5	1. Mục 1.1
LLO3	1.1. Kỹ năng sống		A6	[2] Chương 3
LLO4	1.1.1. Khái niệm kỹ năng, kỹ năng sống			Mục 3.1
LLO5	1.1.2. Các cách phân loại kỹ năng sống			Chương 4
LLO6	1.2.3. Nội dung của một số kỹ năng sống			Mục 4.2,
LLO7	1.2. Giáo dục kỹ năng sống			Mục 4.2.1,
LLO8	1.2.1. Khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục kỹ năng sống			Mục 4.2.3
LLO9	1.2.2. Nội dung giáo dục kỹ năng sống			[3]
	1.3. Sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh			chương 1. Mục 1.2.1

	1.3.1. Giáo dục kỹ năng sống là yêu cầu quan trọng để hình thành nhân cách con người hiện đại 1.3.2. Giáo dục kỹ năng sống xét từ góc độ giáo dục 1.3.3. Giáo dục kỹ năng sống xét từ góc độ chính trị 1.3.4. Giáo dục kỹ năng sống thúc đẩy sự phát triển bền vững			
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Phân biệt khái niệm kỹ năng, kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống cần thiết cho công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân. 2. Giải thích khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục kỹ năng sống cần thiết cho công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân. 3. Phân loại các nhóm kỹ năng sống phù hợp với hoạt động thực tiễn và công việc. 4. Chứng minh sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong hoạt động thực tiễn và học tập. 5. Phân tích mối quan hệ giữa giáo dục kỹ năng sống và việc phát triển năng lực học tập suốt đời cho học sinh.	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1 A2	[1] chương 1. Mục 1. [2], [3] chương 1. Mục 1, Chương 3 mục 3, 4 chương 4. Mục 2
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Phân loại kỹ năng sống: a) Liệt kê 5 kỹ năng sống quan trọng đối với học sinh THPT. b) Xác định loại kỹ năng sống (nhận thức, xã hội, hay đối phó với cảm xúc) cho mỗi kỹ năng đã liệt kê.	Yêu cầu nhóm: - Thảo luận nội dung chương 1. - Chọn và phân loại 3 kỹ năng sống		

	c) Giải thích ngắn gọn (1-2 câu) tầm quan trọng của mỗi kỹ năng đối với học sinh THPT. 2. Phân tích sự cần thiết của giáo dục kỹ năng sống: a) Trong 4 lý do cần giáo dục kỹ năng sống đã học (mục 1.3), chọn một lý do và giải thích tại sao đó là lý do quan trọng nhất. b) Nêu một ví dụ cụ thể từ thực tế trường học để minh họa cho lý do đã chọn. c) Phân tích cách thức giáo dục kỹ năng sống có thể giúp giải quyết một vấn đề cụ thể trong môi trường giáo dục hiện nay.	cho học sinh THPT. - Chuẩn bị trình bày về 1 lý do cần giáo dục kỹ năng sống. - Báo cáo kết quả.		
LLO1 LLO4 LLO5	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Chỉ ra nội dung giáo dục kỹ năng sống trong tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm. 2. Chứng minh sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong hoạt động thực tiễn và học tập. 3. Thảo luận về vai trò của giáo viên trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong bối cảnh giáo dục hiện đại.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp	A1 A3	[1] Chương 1. Mục 2. [2], [3] chương 2. Mục 2,3,4
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6 LLO7 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (17 tiết) Đọc tài liệu và khái quát các vấn đề sau: - Khái niệm kỹ năng, kỹ năng sống, phân loại kỹ năng sống, nội dung của kỹ năng sống. - Khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của giáo dục kỹ năng sống.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (bài	A1	[1] Chương 1. Mục 1. [2], [3] chương 2. Mục 2,3,4 chương 4. Mục 1,2

	- Sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong hoạt động thực tiễn và học tập. - Nội dung giáo dục kỹ năng sống trong tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm một cách sáng tạo.	viết khoảng 3 trang)		
Chương 2: HỆ THỐNG CÁC KỸ NĂNG SỐNG CẦN GIÁO DỤC CHO HỌC SINH				
LLO10, LLO11, LLO12, LLO13, LLO14, LLO15, LLO16, LLO17, LLO18, LLO19, LLO20	A. Nội dung thực hiện trên lớp: (29 tiết) *Nội dung lí thuyết:(15 tiết) 2.1. Kỹ năng nhận thức bản thân 2.2. Kỹ năng giao tiếp 2.3. Kỹ năng xác định mục tiêu 2.4. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực 2.5. Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề 2.6. Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Thảo luận nhóm nhỏ - Dạy học nêu vấn đề - Đàm thoại	A1 A5 A6	[1] Chương 2. Mục 2,3,4 [2], [3] chương 4 mục 3 và 4 chương 5 mục 1 và 2;
LLO10, LLO11, LLO12	* Nội dung bài tập:(5 tiết) 1. Tóm tắt nội dung các kỹ năng nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp cần thiết cho công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân. 2. Lấy ví dụ về các kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp trong công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1 A2	[1] chương 2. Mục 1, 2, 3. [2], [3] chương 4 mục 2 và 3;

	3. Bày tỏ quan điểm của cá nhân về các kỹ năng sống. 4. Phân tích sự tương tác giữa các kỹ năng sống và đề xuất cách tích hợp chúng trong một tình huống giáo dục cụ thể.			
LLO14 LLO15 LLO16 LLO18 LLO20	* Nội dung thực hành (5 tiết) 1. Xây dựng hoạt cảnh sử dụng kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn để giao tiếp trong hoạt động dạy học và giáo dục. 2. Xây dựng hoạt cảnh sử dụng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp để thực hiện hoạt động tư vấn, giáo dục, hướng nghiệp cho học sinh THPT. 3. Thiết kế hoạch về mục tiêu, thông điệp, tài liệu, phương tiện, hướng dẫn tổ chức hoạt động đối với kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp. 4. Thiết kế một buổi sinh hoạt ngoại khóa tích hợp nhiều kỹ năng sống, nhằm phát triển toàn diện nhân cách học sinh THPT.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1 A4 A5 A6	[1] Chương 2. Mục 1 2, 3 [2], [3] chương 4 mục 2 và 3
LLO14, LLO15, LLO17, LLO18, LLO19	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Minh họa về mục tiêu, thông điệp, tài liệu, phương tiện, hướng dẫn tổ chức hoạt động đối với kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định mục	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận của	A1 A2 A6	[1] chương 2. Mục 2 3, 4. [2], [3] chương 4 mục 2 và 3;

	tiêu, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề. 2. Đề xuất hệ thống các kỹ năng sống để phát triển nghề nghiệp, dẫn dắt chuyên môn, tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp cho học sinh phổ thông. 3 Xây dựng bản kế hoạch về mục tiêu, thông điệp, tài liệu, phương tiện, hướng dẫn tổ chức hoạt động đối với kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn. 4. Phân tích và đánh giá tác động của công nghệ số đối với việc phát triển kỹ năng sống cho học sinh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, đề xuất giải pháp tận dụng công nghệ trong giáo dục kỹ năng sống.	nhóm trước lớp.		
	Kiểm tra 1 tiết - Hình thức: Tự luận - Nội dung: Ôn chương 1,2	- SV hoàn thành bài kiểm tra	A5	
LLO10	B. Nội dung tự học: (46 tiết)	- Tự học và	B1, B3,	[1]Chương
LLO11	Đọc tài liệu và khái quát hóa các vấn	hệ thống hóa	B4, B5,	2. Mục 1, 2,
LLO12	đề sau:	các nội dung	B7, B8.	3,4.
LLO13	- Kỹ năng nhận thức bản thân	tự học bằng		[2], [3]
LLO14	- Kỹ năng giao tiếp	sơ đồ tư duy;		chương 4
LLO15	- Kỹ năng xác định mục tiêu	nộp sản		mục 2 và 3;
LLO16	- Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một	phẩm cho		chương 5
LLO17	cách tích cực	giảng viên		mục 1 và 2;
LLO18	- Kỹ năng ra quyết định và giải quyết	(mỗi nội		chương 6
LLO19	vấn đề	dung khoảng		mục 2;
LLO20	- Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp	1-2 trang		chương 7
		viết tay)		mục 2;
Chương 3: NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH				

	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO21, LLO22, LLO23, LLO24, LLO25, LLO26, LLO27, LLO28, LLO29	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết:(9 tiết) 3.1. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục kĩ năng sống 3.1.1. Nguyên tắc tương tác 3.1.2. Nguyên tắc trải nghiệm 3.1.3. Nguyên tắc thay đổi hành vi 3.2. Các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống 3.2.1. Phương pháp giải quyết vấn đề 3.2.2. Phương pháp thuyết trình 3.2.3. Phương pháp thảo luận nhóm 3.2.4. Phương pháp đóng vai 3.2.5. Phương pháp trò chơi 3.2.6. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình 3.3. Các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống 3.3.1. Thông qua con đường dạy học 3.3.2. Thông qua việc tổ chức hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp 3.3.3. Thông qua tình huống giáo dục và các tình huống thực tiễn trong cuộc sống	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Thảo luận nhóm nhỏ - Dạy học nêu vấn đề - Sử dụng tình huống trong dạy học. -Đàm thoại	A1 A5 A6	[1]Chương 3. Mục 1, 2, 3,4 [2], [3] chương 8 mục 2 3,4; đọc thêm nội dung gắn với kiến thức chương 3
LLO21, LLO22, LLO23, LLO24, LLO26, LLO28	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. So sánh các nguyên tắc tương tác với nguyên tắc trải nghiệm, nguyên tắc thay đổi hành vi đối với công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân. 2. Mô tả nội dung các phương pháp tổ chức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1 A2	[1] Chương 3. Mục 1,2,3,4 [2], [3] chương 7 mục 2,3,4; chương 8 mục 2,3;

	3. Phân biệt các hình thức tổ chức hoạt động kỹ năng sống cho học sinh THPT. 4. Chỉ ra được các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cần thiết cho hoạt động tư vấn trong giáo dục và hướng nghiệp ở trường phổ thông. 5. Đánh giá tính hiệu quả của các phương pháp giáo dục kỹ năng sống đối với các nhóm học sinh khác nhau (ví dụ: học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu). Đề xuất cách điều chỉnh phương pháp cho phù hợp với từng nhóm đối tượng.			
LLO25, LLO26, LLO27, LLO29	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Thiết kế các hình thức tổ chức hoạt động kỹ năng sống. 2. Kết hợp các phương pháp giáo dục kỹ năng sống để tổ chức và quản lý hoạt động thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo cho học sinh ở một trường THPT. 3. Thiết kế một kế hoạch đánh giá hiệu quả của hoạt động giáo dục kỹ năng sống mà bạn đã tổ chức. Xác định các tiêu chí đánh giá và phương pháp thu thập dữ liệu.	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1 A4 A5 A6	[1] Chương 3. Mục 1,2,3,4 [2], [3] chương 8 mục 2,3,4;
LLO20 LLO21, LLO26, LLO28	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Chỉ ra các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cần thiết cho hoạt động tư vấn trong giáo dục và hướng nghiệp ở trường phổ thông. 2. Đề xuất các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học suốt đời.	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1 A3 A6	[1] Chương 3. Mục 1,2,3,4; [2], [3] chương 7 mục 2 ,3 ,4;; chương 8 mục 12, 3, ; chương 8mục 1 và 2.

	3. Minh họa nội dung nguyên tắc tương tác, nguyên tắc trải nghiệm, nguyên tắc thay đổi hành vi cho học sinh THPT trong hoạt động dạy học và giáo dục. 4. Thảo luận về các thách thức trong việc áp dụng các nguyên tắc và phương pháp giáo dục kỹ năng sống trong bối cảnh giáo dục Việt Nam hiện nay. Đề xuất giải pháp để vượt qua những thách thức này.			
	Kiểm tra 1 tiết - Hình thức: tự luận - Nội dung: Ôn chương 3	SV hoàn thành bài kiểm tra tự luận	A5	
LLO21, LLO22, LLO23, LLO24, LLO25, LLO26, LLO27, LLO28, LLO29	B. Nội dung tự học: (29 tiết) Đọc tài liệu và khái quát các vấn đề sau: - Nội dung, yêu cầu của nguyên tắc tương tác; nguyên tắc trải nghiệm; nguyên tắc thay đổi hành vi. - Các phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống - So sánh các nguyên tắc tương tác với nguyên tắc trải nghiệm, nguyên tắc thay đổi hành vi đối với công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân. - Nội dung các phương pháp tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT - Phân biệt các hình thức tổ chức hoạt động kỹ năng sống cho học sinh THPT	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (mỗi nội dung khoảng 1-2 trang viết tay)	A1	[1] Chương 3. Mục 1,2,3,4; [2], [3] chương 7 mục 2 ,3 ,4;; chương 8 mục 12, 3, ; chương 8mục 1 và 2.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè, ấm áp vào mùa đông.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu, loa, micro tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.21: 60IAE431, Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (INNOVATION AND ENTREPRENEURSHIP EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
7.	Lý thuyết	30		60
8.	Bài tập	10		32
9.	Thực hành	6		
10.	Thảo luận	10		
11.	Thực tế chuyên môn	0		
12.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
13.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
14.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
15.	ThS. Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
16.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

- CO1. Hiểu được các vấn đề lý luận liên quan đến đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.
CO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong hoạt động giáo dục khởi nghiệp.

* Về kỹ năng:

- CO3. Phát triển kỹ năng cần thiết cho đổi mới sáng tạo.
CO4. Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các hoạt động giáo dục khởi nghiệp ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- CO5. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
-------------	------------	---------------------------	--------------

	Kiến thức		
CO1	CLO1	Luận giải được các kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.	PLO1
	CLO2	Phân tích được các nội dung cơ bản về khởi nghiệp.	PLO4
	CLO3	Trình bày được các vấn đề về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	PLO6
CO2	CLO4	Phân tích được một số kiến thức và kỹ năng cần thiết trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	PLO6
	CLO5	Phân tích được các nội dung cơ bản về giáo dục khởi nghiệp.	PLO6
	Kỹ năng		
CO3	CLO6	Thực hiện được các phương pháp đổi mới sáng tạo đã học.	PLO6, PLO11, PLO15
CO4	CLO7	Thực hành được một số hoạt động giáo dục khởi nghiệp ở trường phổ thông.	PLO6, PLO9, PLO15
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO8	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn đã học vào quá trình giáo dục khởi nghiệp ở trường phổ thông.	PLO15
	CLO9	Độc lập giải quyết được các nhiệm vụ học tập của cá nhân và hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ của nhóm.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x														
CLO2				x											
CLO3						x									
CLO4						x									
CLO5						x									
CLO6						x					x				x
CLO7						x			x						x
CLO8															x
CLO9															x
MDG	1	0	0	1	0	3	0	0	1	0	1	0	0	0	3

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20

đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của các chương trình đào tạo cử nhân của trường Đại học Sư phạm. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp người học phát triển các kỹ năng để thực hiện đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-15
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-12
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-12
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-9
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp	Chủ động thực hiện, đạt 50 -	Chủ động thực hiện, đạt	Chủ động, tích cực

chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	64% nhiệm vụ học tập được giao.	65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên	Nội dung sản phẩm đáp ứng	Nội dung sản phẩm đáp	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên

		quan đến bài tập.	50-64% yêu cầu.	ứng 65-79% yêu cầu.	80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến <0,5 Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic.	0,5 đến < 2,0 Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	2,0 đến < 2,4 Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	2,4 đến 3,0 Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0 Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	1,0 đến < 1,3 Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	1,3 đến < 1,6 Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	1,6 đến 2,0 Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.

*** Rubric đánh giá bài thực hành nhóm**

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic.	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Hữu Long (chủ biên), Trần Thị Hồng, Phạm Thị Lan Phương, Hồ Minh Nhật, Hoàng Hà, Ngô Hữu Thống (2022), *Giáo trình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp*, Nxb Thanh niên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), Tài liệu tham khảo về hỗ trợ khởi nghiệp: Dành cho sinh viên các trường đại học.

[3]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), Tài liệu giáo dục khởi nghiệp dùng cho giáo viên trung học cơ sở.

[4]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), Tài liệu giáo dục khởi nghiệp dùng cho giáo viên trung học phổ thông.

[5]. Luật khoa học và công nghệ

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được khái niệm đổi mới sáng tạo.
LLO2	Phân biệt được các hình thức đổi mới sáng tạo.
LLO3	Giải thích được vai trò của đổi mới sáng tạo.
LLO4	Phân tích được khái niệm khởi nghiệp và các nguyên tắc của khởi nghiệp.
LLO5	Tóm tắt được các bước thực hiện khởi nghiệp.
LLO6	Mô tả được các loại hình khởi nghiệp phổ biến.
LLO7	Trình bày được các khái niệm cơ bản trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
LLO8	Mô tả được hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam.
LLO9	Trình bày được các kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế, khởi nghiệp tinh gọn, mô hình Canvas.
LLO10	Mô tả các kỹ năng Networking, kỹ năng thuyết trình gọi vốn...
LLO11	Trình bày được khái niệm giáo dục khởi nghiệp và vai trò của giáo dục khởi nghiệp.
LLO12	Mô tả được một số hoạt động giáo dục khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.
LLO13	Thực hiện được các phương pháp đổi mới sáng tạo đã học khi giải quyết các bài tập và thực hành.
LLO14	Thiết kế và thực hiện được một số hoạt động giáo dục khởi nghiệp ở trường phổ thông
LLO15	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn đã học vào quá trình giáo dục khởi nghiệp ở trường phổ thông.
LLO16	Tham gia và thực hiện được các nhiệm vụ cá nhân, nhóm và tự học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	x								
LLO2	x								
LLO3	x								
LLO4		x							

LLO5		x							
LLO6		x							
LLO7			x						
LLO8			x						
LLO9				x					
LLO10				x					
LLO11					x				
LLO12					x				
LLO13						x			
LLO14							x		
LLO15								x	
LLO16									x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2, LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lý thuyết: (10 tiết) 1.1. Một số vấn đề cơ bản về đổi mới sáng tạo 1.1.1. Khái niệm đổi mới sáng tạo 1.1.2. Các hình thức đổi mới sáng tạo 1.1.3. Vai trò của đổi mới sáng tạo	- Nêu vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A5, A6	[1] Chương I, [5]
LLO4, LLO5, LLO6	1.2. Một số vấn đề cơ bản về khởi nghiệp 1.2.1. Khái niệm khởi nghiệp 1.2.1. Nguyên tắc của khởi nghiệp 1.2.2. Các bước thực hiện khởi nghiệp 1.2.3. Các loại hình khởi nghiệp	- Nêu vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A5, A6	[1] Chương II

		- Thảo luận nhóm		
LLO16	* Nội dung bài tập: (02 tiết) 1. Phân tích các hình thức đổi mới sáng tạo phổ biến hiện nay. 2. Mô tả khái quát nguyên tắc và các bước thực hiện khởi nghiệp.	- GV hướng dẫn SV làm bài tập cá nhân và đánh giá kết quả.	A2	[1] Chương II, [5]
	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) 1. Đổi mới sáng tạo có vai trò như thế nào đối với khởi nghiệp? 2. Thảo luận và đánh giá vai trò của khởi nghiệp đối với các thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay.	SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp để GV đánh giá.	A3	[1] Chương I,II, [5]
LLO16	B. Nội dung tự học: (25 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và hệ thống các kiến thức cơ bản đã học về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.	Tóm tắt lại nội dung đã học để GV kiểm tra lại trên lớp.	A1, A5, A6	[1] Chương I,II,

Chương 2. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7, LLO9, LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết)	- Thuyết trình kết hợp	A1, A5, A6	[1] Chương II, Chương III

LLO10	2.1. Các khái niệm cơ bản trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 2.1.1. Khái niệm đổi mới sáng tạo mở 2.1.2. Khái niệm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 2.1.3. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 2.2. Các kiến thức và kỹ năng cần thiết trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 2.2.1. Tư duy thiết kế 2.2.2. Khởi nghiệp tinh gọn 2.2.3. Mô hình Canvas 2.2.4. Kỹ năng xây dựng mạng lưới – networking 2.2.5. Kỹ năng thuyết trình gọi vốn * Bài kiểm tra định kỳ số 1: (01 tiết) <i>thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV ôn tập theo giới hạn của giảng viên.</i>	với trình chiếu.		
LLO13	* Nội dung bài tập cá nhân: (04 tiết) 1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung các khái niệm cơ bản trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. 2. Phân tích mô hình Canvas.	- GV hướng dẫn SV làm bài tập cá nhân và đánh giá kết quả.	A2	[1] Chương II, Chương III
LLO13	* Nội dung thực hành: (03 tiết) 1. Thực hành kỹ năng xây dựng mạng lưới – networking trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. 2. Thực hành lên kế hoạch, xây dựng dự án thuyết trình gọi vốn.	- Định hướng SV thực hành theo nhóm - Định hướng SV viết báo cáo. - Đại diện SV báo cáo trước lớp.	A4	[1] Chương II, Chương III
LLO16	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) Thảo luận và đánh giá vai trò của kỹ năng xây dựng mạng lưới – networking trong khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đối với các start up.	SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp để GV đánh giá.	A3	[1] Chương II, Chương III
LLO5,6,7	B. Nội dung tự học: (33 tiết)	Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV	A1, A5, A6	[1] Chương II, Chương III

	<i>Sinh viên đọc tài liệu và hệ thống các kiến thức cơ bản đã học về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.</i>			
--	--	--	--	--

Chương 3. Giáo dục khởi nghiệp				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11, LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (22 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 3.1. Khái niệm và vai trò của giáo dục khởi nghiệp 3.1.1. Khái niệm giáo dục khởi nghiệp 3.1.2. Vai trò của giáo dục khởi nghiệp 3.2. Các mô hình giáo dục khởi nghiệp 3.2.1. Mô hình giáo dục thực hiện khởi nghiệp 3.2.2. Mô hình giáo dục khởi nghiệp 3.3. Một số gợi ý các hoạt động giáo dục khởi nghiệp cho học sinh phổ thông 3.3.1. Một số hoạt động giáo dục cho học sinh THCS 3.3.2. Một số hoạt động giáo dục cho học sinh THPT * Bài kiểm tra định kì số 2: 01 tiết <i>thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV ôn tập theo giới hạn của giảng viên.</i>	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm.</i>	A1, A5,A6	[2] Phần 1, Phần 2 [3] [4]
LLO16	* Nội dung bài tập cá nhân: (04 tiết) 1. Phân tích vai trò của giáo dục khởi nghiệp đối với học sinh phổ thông. 2. So sánh hai mô hình giáo dục khởi nghiệp.	- <i>SV làm bài tập cá nhân, GV nhận xét, đánh giá.</i>	A2	[2] Phần 1, Phần 2
LLO14	* Nội dung thực hành: (03 tiết) Mỗi nhóm SV lựa chọn hoạt động giáo dục khởi nghiệp cho học sinh phổ thông để thiết kế và tổ chức giảng dạy trên lớp.	- <i>GV chia nhóm SV, tổ chức thực hành và đánh giá sản phẩm.</i>	A4	[2] Phần 1, Phần 2 [3] [4]
LLO16	* Nội dung thảo luận: (04 tiết) Thảo luận và cho ý kiến về quan điểm: Giáo dục khởi nghiệp – Cốt lõi phát triển quốc gia	<i>SV thảo luận theo nhóm và trình bày</i>	A3	[2] Phần 1, Phần 2

		<i>kết quả thảo luận trước lớp để GV đánh giá.</i>		
LLO11,12	B. Nội dung tự học: (34 tiết) <i>Sinh viên đọc tài liệu và hệ thống các kiến thức cơ bản đã học về giáo dục khởi nghiệp, tự sưu tầm, nghiên cứu thêm các tài liệu về giáo dục khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.</i>	<i>Chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của GV trên lớp.</i>	A1	[2] Phần 1, Phần 2

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.22: 60MCM231, Chủ nghĩa tư bản hiện đại (THE MODERN CAPITALISM)

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	32
3	Thực hành	6	
4	Thảo luận	10	
5	Thực tế chuyên môn	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	92
Tổng		58	

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: 60SPE131, Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học – Kinh tế và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	nguyenmao@dhsptn.edu.vn
2	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Vận dụng được các vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại và những biến đổi về kinh tế - xã hội của thế giới để đáp ứng những hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Đánh giá được những tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại và những điều chỉnh của các nước tư bản trong bối cảnh mới.

*** Về kỹ năng**

CO3: Xây dựng và giải quyết được các tình huống kinh tế, chính trị, xã hội đang diễn ra trong thực tiễn.

CO4: Vận dụng được kiến thức kinh tế phát triển vào thiết kế kịch bản và tổ chức dạy học môn giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật cho học sinh phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thực hành được kiến thức kinh tế phát triển vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO6: Vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng về kinh tế, xã hội nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (kí hiệu CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa tư bản hiện đại.	PLO1, PLO3
	CLO2	Áp dụng được kiến thức kinh tế phát triển để giải quyết các tình huống kinh tế, chính trị, xã hội trong bối cảnh hiện nay.	PLO1, PLO4
CO2	CLO3	Giải thích được các chủ trương, đường lối xây dựng, phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.	PLO3
Kỹ năng			
CO3	CLO4	Sử dụng được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá giải thích các tình huống kinh tế, chính trị, xã hội trong thực tiễn nảy sinh để hoàn thành các nhiệm vụ học tập của học phần.	PLO11
CO4	CLO5	Thực hành được các nội dung kiến thức đã học trong hoạt động dạy học, tư vấn, giáo dục và hướng nghiệp.	PLO4,11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO6	Tự giải quyết được các vấn đề đặt ra trong bài tập cá nhân và hợp tác để hoàn thành bài thảo luận nhóm, bài thực hành nhóm và tự học suốt đời.	PLO14 PLO15
CO6	CLO7	Vận dụng được các kiến thức đã học để phát triển nghề nghiệp, dẫn dắt chuyên môn, tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp cho học sinh phổ thông	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x												
CLO2	x			x											
CLO3			x												
CLO4											x				
CLO5				x							x				
CLO6														x	x
CLO7															x
MDG	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	2

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Chủ nghĩa tư bản hiện đại cung cấp những kiến thức cơ bản về CNTB hiện đại ngày nay như đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại; đặc trưng cảm nhánh và vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới; tiềm năng cơ bản, giới hạn chủ yếu, xu hướng và triển vọng phát triển của CNTB hiện đại; quá trình điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển...

Học phần này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Kinh tế học đại cương, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay....

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân; nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7

2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, 2, 3, 4, 7
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 1, 4, 6.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1, 2, 3, 7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn
--------------------------------	--	--	---	---	-----------------------------

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
--	--	--------------------------------------	---	--	--

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Khắc Thân (2002), *Tập bài giảng về chủ nghĩa tư bản hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đỗ Lộc Diệp (2003), *Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Mâu thuẫn nội tại, xu thế và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3]. Đỗ Lộc Diệp, Đào Huy Quát, Lê Văn Sang (2003), *Chủ nghĩa tư bản đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[4]. Trần Thị Vinh (2011), *Chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI – Một cách tiếp cận từ lịch sử*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học chuyên ngành lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Các trang báo điện tử: <http://www.sbv.gov.vn>; <https://www.ssi.com.vn>; <http://gso.gov.vn>; <http://dangcongsan.vn>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO1	Tóm tắt được những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại.
LLO2	Diễn giải được quá trình hình thành các công ty xuyên quốc gia trên thế giới.
LLO3	Trình bày được đặc trưng cốt lõi của các công ty xuyên quốc gia.
LLO4	Chứng minh được vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới
LLO5	Lĩnh hội được các yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên để làm bài tập cá nhân hoặc làm việc nhóm hiệu quả khi giải quyết bài thực hành, thảo luận chương 2.
LLO6	Luận giải được những tiềm năng cơ bản của CNTB hiện đại
LLO7	Xác định được giới hạn chủ yếu của CNTB hiện đại .
LLO8	Giải thích được mâu thuẫn cơ bản và xu hướng vận động của CNTB hiện đại.
LLO9	Đề xuất được những kiến thức, cách làm để thực hiện bài tập cá nhân hoặc bài thực hành nhóm, thảo luận nhóm chương 3.
LLO10	Bày tỏ được những nhận thức cơ bản về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO11	Mình họa được hệ thống điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển
LLO12	Luận chứng được hoạt động điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển.
LLO13	Đề xuất được những kiến thức, cách làm để thực hiện bài tập cá nhân hoặc bài thực hành nhóm, thảo luận nhóm chương 4.
LLO14	Nhận biết được những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế thế giới hiện nay.
LLO15	Làm sáng tỏ và đưa ra dự báo được triển vọng phát triển nền kinh tế thế giới
LLO16	Sử dụng kiến thức đã học để đánh giá được một số thách thức chủ yếu của nền kinh tế thế giới
LLO17	Thể hiện được ý kiến trong bài tập cá nhân hoặc trong làm việc nhóm khi giải quyết bài thảo luận chương 5.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2	x						x
LLO3	x						
LLO4		x					
LLO5				x			
LLO6	x						
LLO7		x			x		
LLO8							
LLO9				x		x	
LLO10	x						x
LLO11			x		x		
LLO12		x					
LLO13		x		x		x	
LLO14	x						
LLO15		x			x		
LLO16			x				x
LLO17				x		x	

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 1.1. Các quan điểm về chủ nghĩa tư bản hiện đại	Thuyết trình kết hợp trình chiếu	A1,A5, A6	[1]. Đọc Tập I [2]. Đọc Chương III

	1.2. Những đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại			
LLO1	* Nội dung bài tập (2 tiết) 1. Vẽ sơ đồ tư duy về những đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại 2. Phân tích những đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1]. Đọc Tập I [2]. Đọc Chương III
LLO1	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Tìm hiểu thông tin, số liệu để minh họa cho 1 trong 5 đặc điểm của CNTB hiện đại (theo phân công)?	Thảo luận nhóm	A4	[1]. Đọc Tập I [2]. Đọc Chương III
LLO1	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Vận dụng các đặc điểm của CNTB để đánh giá khái quát về tình hình xuất khẩu tư bản của Mỹ trong những năm gần đây	Thực hành	A3	[1]. Đọc Tập I [2]. Đọc Chương III
	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có).	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1]. Đọc Tập I [2]. Đọc Chương III
Chương 2: Các công ty xuyên quốc gia của CNTB hiện đại				
Nội dung chuẩn đầu ra của chương				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 2,3,4,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Sự hình thành các công ty xuyên quốc gia 2.2. Đặc trưng cảm nhánh nước ngoài của các công ty xuyên quốc gia 2.3. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não	A1, A5, A6	[1]. Đọc Tập III [2]Chương III [5] Chương 5
LLO5,	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) 1. Vẽ sơ đồ tư duy hoặc mô hình hoá các nội dung đã học 2. Làm rõ vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1]. Đọc Tập III [2]Chương III [5] Chương 5
LLO5,	* Nội dung thảo luận nhóm (2 tiết)	Thảo luận nhóm	A4	[1]. Đọc Tập III

	1. Mục đích cấ nhánh của của các công ty XQG. 2. Tác động của các công ty XQG đối với nền kinh tế thế giới			[2]Chương III
LLO1-LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1tiết) Kiểm tra 1 tiết B. Nội dung tự học: 3 tiết	Tổ chức cho SV làm bài KT theo qui định	A5	[1]. Đọc Tập I-III [2]Chương III
	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thực hành, bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành, thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1,A2, A3, A4.	1]. Đọc Tập III [2]Chương III [5] Chương 5
Chương 3: Tiềm năng, giới hạn, mâu thuẫn và xu hướng vận động của CNTB hiện đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Day học	Đánh giá	
LLO6, 7,8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 3.1.Những tiềm năng cơ bản của CNTB hiện đại 3.2. Giới hạn chủ yếu của CNTB hiện đại 3.3. Mâu thuẫn cơ bản và xu hướng vận động của CNTB hiện đại	Thuyết trình kết hợp trình chiếu	A1,A5,A6	[1]. Đọc tập III [2]. Đọc chương IV [5] Chương 5
LLO9	* Bài tập cá nhân (2 tiết) 1. Vẽ sơ đồ tư duy hoặc mô hình hoá các nội dung đã học 2. Giới hạn chủ yếu của CNTB hiện đại là gì?	Giao bài và hướng dẫn	A2	[1]. Đọc tập III [2]. Đọc chương IV [5] Chương 5

LLO9	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Thu thập thông tin, số liệu minh họa cho tiềm năng, giới hạn, mâu thuẫn, xu hướng vận động của CNTB hiện đại	Thực hành nhóm	A3	[1]. Đọc tập III [2]. Đọc chương IV
LLO9	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Phân tích những mâu thuẫn nội tại và Dự báo xu hướng vận động của CNTB hiện nay – tính hai mặt.	Thảo luận nhóm	A4	[1]. Đọc tập III [2]. Đọc chương IV
	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thực hành, bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành, thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1,A2,A3,A4	[1]. Đọc tập III [2]. Đọc chương IV [5] Chương 5
Chương 4: Điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO10 ,110,1 1,12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 4.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển 4.2. Hệ thống điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển 4.3. Hoạt động điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5,A6	1]. Đọc Tập III
LLO13	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển	Giao bài và hướng dẫn	A2	1]. Đọc Tập III
LLO13	* Nội dung thảo luận nhóm: (2 tiết)	Thảo luận nhóm	A4	1]. Đọc Tập III

	Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc triển khai điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển.			
	B. Nội dung tự học: (16 giờ) - Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm và thảo luận.	A1,A2, A4	1]. Đọc Tập III
Chương 5: Những đặc trưng, triển vọng và thách thức chủ yếu của nền kinh tế thế giới hiện nay				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO14 ,15,16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 5.1. Những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế thế giới hiện nay 5.2. Triển vọng phát triển nền kinh tế thế giới 5.3. Một số thách thức chủ yếu của nền kinh tế thế giới	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A6	[1]. Đọc Tập III [2]: chương V
LLO17	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) Vẽ sơ đồ tư duy hoặc mô hình hoá các nội dung đã học	Giao bài và hướng dẫn	A2	[1]. Đọc Tập III [2]: chương V
LLO17	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Dự báo những triển vọng phát triển của kinh tế thế giới.	Thực hành	A3	[1]. Đọc Tập III [2]: chương V
LLO17	* Nội dung thảo luận nhóm: (2 tiết) Thực tế những thách thức chủ yếu đặt ra cho nền kinh tế thế giới hiện nay.	Thảo luận nhóm	A4	[1]. Đọc Tập III

				[2]: chương V
LLO6- LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra 1 tiết B. Nội dung tự học: (3 tiết)	Tổ chức cho SV làm bài KT theo qui định	A5	[1]. Đọc Tập III [2]: chương III-V
	B. Nội dung tự học: (21 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 8 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận và thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận, thực hành.	A1,A2,A3 ,A4	[1]. Đọc Tập III [2]: chương V

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác:

7.23: 60HFV231, Đại cương lịch sử Việt Nam (HISTORICAL FOUNDATION VIETNAM)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	30	0	60
2.	Bài tập	10	0	32
3.	Thực hành	6	0	
4.	Thảo luận	10	0	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Không.
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam và Thế giới; Khoa: Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Lê Thị Thu Hương A	0912090681	huongaltt@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Hòa	0973853273	hoant.his@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

- CO1: Có hệ thống kiến thức về các giai đoạn phát triển của Lịch sử Việt Nam thời kì cổ - trung đại, cận đại và hiện đại theo phân kì Lịch sử.

- CO2: Có hiểu biết về các sự kiện có tính chất bước ngoặt, các nhân vật tiêu biểu trong mỗi giai đoạn lịch sử, đáp ứng yêu cầu dạy - học liên môn.

* Về kỹ năng

- CO3: Rèn luyện kỹ năng tự học, nghiên cứu khoa học (tìm kiếm và khai thác, xử lý tư liệu, thống kê, tổng hợp, phân tích, đánh giá ...).

- CO4: Có khả năng vận dụng linh hoạt các năng lực, kỹ năng, phương pháp trong nghiên cứu, học tập và giảng dạy.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có khả năng làm việc độc lập, thực hiện tốt các yêu cầu của môn học, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Xác định được những sự kiện lịch sử tiêu biểu qua các thời kì trong lịch sử Việt Nam (từ thời kì dựng nước đến nay).	PLO1,PLO4
CO2	CLO2	Giải thích được vai trò của các sự kiện có tính chất bước ngoặt trong mỗi giai đoạn của Lịch sử Việt Nam.	PLO1,PLO4
	CLO3	Đánh giá được các sự kiện, nhân vật lịch sử và rút ra bài học lịch sử.	PLO1,PLO4
	Kỹ năng		
CO3	CLO4	Duy trì được năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao nhận thức những vấn đề khoa học xã hội - nhân văn.	PLO6,PLO12
CO4	CLO5	Phát triển được các kỹ năng tra cứu tài liệu, khai thác tư liệu lịch sử và xử lý thông tin.	PLO6,PLO12
	CLO6	Kết hợp linh hoạt được các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy - học; kỹ năng giao tiếp thông qua thảo luận nhóm và thực hành.	PLO6,PLO12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	CLO7	Tổ chức hướng dẫn được sinh viên tham gia nhiệt tình vào các hoạt động học tập.	PLO14,PLO15

CO5	CLO8	Giải quyết sáng tạo được các vấn đề trong nhiệm vụ học tập được giao.	PLO15
-----	------	---	-------

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x			x											
CLO2	x			x											
CLO3	x			x											
CLO4						x						x			
CLO5						x						x			
CLO6						x						x			
CLO7														x	x
CLO8															x
MDG	2	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	2	0	1	2

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Đại cương lịch sử Việt Nam là một học phần có xu hướng tích hợp, liên môn với các ngành khoa học của các khoa cơ bản như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An Ninh... Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về Lịch sử Việt Nam. Bao gồm các nội dung lớn như: Sự phát triển kế tiếp của các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học theo yêu cầu của GV: Đọc tài liệu học tập và hoàn thành các bài tập trước khi đến lớp.
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.
- Thực hành: Hoàn thành nội dung thực hành theo nhóm.
- Seminar: Hoàn thành 3 bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 1,2,3.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kì.
- Sản phẩm tự học cần nộp: Với bài tập cá nhân.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1- CLO8
2	A2. Bài tập nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO8
3	A3. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1- CLO8
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (tự luận, trắc nghiệm)	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-CLO4; CLO7-CLO8
	A5. Bài kiểm tra định kì 2 (tự luận, trắc nghiệm)		01		CLO1-CLO4; CLO7-CLO8
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu đánh giá vấn đáp	CLO1-CLO5; CLO7-CLO8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
-Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập nhóm (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa	Thực hiện 50 -64% nhiệm	Thực hiện 65 -79%	Thực hiện 80 -100%

		đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	vụ, nộp đúng hạn	nhiệm vụ, nộp đúng hạn	nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thực hành (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thái độ tham dự	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Tuân thủ nội qui; Không đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Rất ít đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6	0 đến <3	3 đến <3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định<50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 50-60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định70- 80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định (90-100%)
Báo cáo thực hành	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Đúng, đủ 0- 49%	Đúng, đủ 50- 64%	Đúng, đủ 65- 79%	Đúng, đủ 80- 100%

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Quang Ngọc (2000), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [2]. Trương Hữu Quýnh (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
 [3]. *Giáo trình lịch sử Việt Nam* (2010), tập 1,2,3, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
 [4]. Trần Bá Đệ (2000), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, Nxb ĐH Quốc gia HN.
 [5]. Nguyễn Xuân Minh (2006) *Lịch sử Việt Nam hiện đại 1945-2000*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

10. Nội dung chi tiết của học phần**10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)**

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nhận biết được các sự kiện lịch sử tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam cổ - trung đại (từ thời kì dựng nước đến năm 1858).
LLO2	Phân tích ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.
LLO3	Đánh giá được các sự kiện, nhân vật lịch sử, rút ra bài học lịch sử, giải thích một số vấn đề xã hội trong thời kì cổ - trung đại.
LLO4	Thực hành được qua các bài tập cá nhân/nhóm, phát triển và rèn luyện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập.
LLO5	Phát triển được năng lực cá nhân về tra cứu tài liệu, khai thác tư liệu lịch sử và xử lí thông tin, vận dụng vào quá trình nghiên cứu, học tập.
LLO6	Hoàn thành được tốt các nhiệm vụ, yêu cầu học tập cá nhân và nhóm của môn học.
LLO7	Xác định được đặc điểm của lịch sử Việt Nam thời kì cận đại (1858 – 1945).
LLO8	Chứng minh được vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc.
LLO9	So sánh được điểm giống và khác nhau giữa các sự kiện lịch sử và lí giải về những nhân tố tác động đến sự khác nhau đó.
LLO10	Vận dụng linh hoạt được các kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin thiết kế/thuyết trình, báo cáo, sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh, lược đồ...); kĩ năng biên tập và sử dụng video trong học tập, giảng dạy.
LLO11	Tổ chức phân vai, diễn xuất được qua hoạt động sân khấu hóa lịch sử nhằm tăng cường hứng thú học tập, hình thành thế giới quan sinh động cho sinh viên.
LLO12	Nhận biết được đặc điểm của lịch sử Việt Nam thời kì hiện đại từ 1945 đến nay qua các giai đoạn: 1945 -1954; 1954 – 1975; 1975 – 1986; 1986 – nay.
LLO13	Chứng minh được vai trò và mối quan hệ giữa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.
LLO14	Đánh giá được về vai trò của Biển Đông và các đảo của nước ta trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.
LLO15	Phát triển được kĩ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lắng nghe, giải quyết vấn đề, phản biện.
LLO16	Hợp tác được với các bên liên quan khai thác các nguồn tư liệu lịch sử địa phương trong thời kì đổi mới, hoàn thành nội dung nghiên cứu.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x							

LLO2		x						
LLO3			x					
LLO4				x				
LLO5					x			
LLO6							x	
LLO7	x							
LLO8		x						
LLO9			x					
LLO10					x	x		
LLO11								x
LLO12	x							
LLO13		x						
LLO14			x					
LLO15						x		
LLO16							x	

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Lịch sử Việt Nam thời kì cổ - trung đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1-3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết)	- Thuyết trình, nêu vấn đề, trao đổi, đàm thoại.	A1, A4, A5, A6	[1] [2]

LLO4, 5,6	1.1.Thời đại dựng nước đến thế kỷ X 1.1.1. Việt Nam trong thời kỳ dựng nước 1.1.2. Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc (179TCN-938) 1.2. Đại Việt từ thế kỷ X - XV 1.2.1. Quá trình hình thành và xác lập chế độ phong kiến Việt Nam 1.2.2. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa dân tộc 1.3. Đại Việt từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX 1.3.1. Sự sụp đổ của nhà nước Trung ương tập quyền, tình trạng chia cắt đất nước và hỗn chiến phong kiến 1.3.2. Phong trào nông dân Tây Sơn 1.3.3. Vương triều Nguyễn (1802-1858)			
LLO4, 5,6	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết) Lập biểu kiến thức về những thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa dân tộc.	- Làm vào vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp.	A1, A2	
LLO4, 5,6	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. SV sử dụng bản đồ, giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam. 2. Tường thuật chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	- Sử dụng bản đồ, giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam. - Tường thuật chiến thắng Bạch Đằng năm 938.	A1, A3	
LLO1- 3	* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết) 1. Sự ra đời của Nhà nước đầu tiên ở Việt Nam. 2. Quá trình hình thành, xác lập của chế độ phong kiến.	-Thực hiện thảo luận theo nhóm. - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp, tranh biện.	A1, A2	
	B. Nội dung tự học: (29 tiết) Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc (179TCN-938)	Yêu cầu sinh viên: Phát huy tinh thần tự giác học tập có hiệu quả	A1	

		theo yêu cầu của GV: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết trên lớp.		
Chương 2: Lịch sử Việt Nam thời kì cận đại (1858 – 1945)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7-9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết:(10 tiết) 2.1.Thực dân Pháp xâm lược và phong trào kháng chiến chống Pháp từ năm 1858 đến nửa sau thế kỷ XIX 2.1.1.Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam 2.1.2. Phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1858 xâm lược nửa sau thế kỷ XIX 2.2. Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết chiến tranh thế giới thứ nhất 2.2.1. Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp 2.2.2. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914). 2.2.3. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) 2.3. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 2.3.1.Chính sách khai thác thuộc địa lần 2 của thực dân Pháp 2.3.2. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 2.4. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 2.4.1. Tình hình Việt Nam trong những năm 1930-1939 2.4.2. Phong trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 – 1945) *Bài kiểm tra định kì (1 tiết) Thời gian làm bài: 45 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	- Thuyết trình, nêu vấn đề, trao đổi, đàm thoại.	A1, A4, A5,A6	[1] [2] [3] [4]
LLO10-11				

LLO10-11	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết) Hành trình tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.	- Làm vào vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp.	A1, A2	
	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Thực tế nghiên cứu học tập tại các di tích cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên trong thành phố Thái Nguyên năm 1917. <u>Yêu cầu:</u> Khảo sát, nghiên cứu về các di tích: Dinh Công Sứ, trại lính Khố Xanh, nhà lao Thái Nguyên, phòng tuyến Gia Sàng và đền thờ Đội Cấn. <u>Giảng viên:</u> Giao chủ đề thực tế cho sinh viên. Yêu cầu về sản phẩm, 1 clip tự quay ở địa điểm thực tế và làm rõ hiện trạng di tích, lịch sử Khởi nghĩa Thái Nguyên.	Thực tế nghiên cứu học tập tại các di tích cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên trong thành phố Thái Nguyên năm 1917.	A1, A3	
LLO10-11	* Nội dung seminar/thảo luận: (2 tiết) - Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.	Thực hiện thảo luận theo nhóm. - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp, tranh biện.	A1, A2	
LLO7-9	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Xây dựng bài thuyết trình về khởi nghĩa Thái Nguyên. - Vị trí của tổng khởi nghĩa tháng Tám trong đối với tiến trình lịch sử dân tộc.	Yêu cầu sinh viên: Phát huy tinh thần tự giác học tập theo yêu cầu của GV: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết trên lớp.	A1	
Chương 3: Lịch sử Việt Nam thời kì hiện đại (từ năm 1945 đến nay)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	

		Dạy học	Đánh giá	
LLO12 -14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết:(10 tiết) 3.1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 3.1.1. Nước Việt Nam năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám (1945-1946) 3.1.2. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954) 3.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) 3.2.1. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ 3.2.2. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc 3.2.3. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam 3.3. Việt Nam trong thời kì xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN (1975 đến nay) 3.3.1. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1975-1976) 3.3.2. Việt Nam trên con đường Đổi mới (1986 đến nay) * Bài kiểm tra định kì (1 tiết)	- Thuyết trình, nêu vấn đề, trao đổi, đàm thoại.	A1, A4, A5, A6	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO15 LLO16	Thời gian làm bài: 45 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận			
LLO15 LLO16	* Nội dung bài tập cá nhân: (4 tiết) 1. SV xây dựng lược đồ và tường thuật một chiến dịch tiêu biểu trong kháng chiến chống Pháp. 2. Chứng minh quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định Sơ Bộ (6/3/1946), Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954) và Hiệp định Pari (27/1/1973).	- Bài viết trong vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp.	A1, A2	
LLO15 LLO16	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Sinh viên thực tế tại địa phương theo nhóm Nội dung thực tế: 1. Chủ trương Đổi mới tại Đại hội Đảng VI đã được cụ thể hóa đến địa phương như thế nào? 2. Biện pháp thực hiện ? 3. Thành tựu sau hơn 35 năm đổi mới? Đánh giá những chuyển biến nổi bật, những tồn tại và thách thức; bài học kinh nghiệm từ địa phương.	Sinh viên chia nhóm theo địa phương và lập kế hoạch đi thực tế theo yêu cầu của GV, chuẩn bị cho bài báo cáo Powerpoint trên lớp.	A1, A3	

LLO15 LLO16	* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết) 1. Chủ trương Đổi mới về chính trị, kinh tế, văn hóa – giáo dục, quan hệ đối ngoại tại Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Đánh giá về vai trò của biển Đông và các đảo của nước ta trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. 3. Nội dung ôn tập: trao đổi, thảo luận, giải đáp các thắc mắc của SV.	- SV thực hiện thảo luận theo nhóm. - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A2	
LLO12 -14	B. Nội dung tự học: (33 tiết) Làm đề cương ôn tập theo yêu cầu của GV.	Yêu cầu sinh viên: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết trên lớp.	A1	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học, Thư viện
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu
- Điều kiện khác: Không

7.24: 60HET231, Lịch sử các học thuyết kinh tế (THE HISTORY OF ECONOMIC THEORIES)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: “Không”
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, kinh tế và phương pháp dạy học; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
2.	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được những kiến thức của học phần lịch sử các học thuyết kinh tế để đáp ứng hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Vận dụng được những kiến thức của học phần lịch sử các học thuyết kinh tế vào dạy học môn GDCTD và tổ chức các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

* Về kĩ năng

CO3: Thực hiện được kĩ năng phản biện, phân tích, đánh giá các tình huống kinh tế trong dạy học, giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp, đổi mới sáng tạo cho học sinh ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Hình thành được sự quan tâm, yêu thích, khám phá và vận dụng tri thức của học phần trong quá trình học tập, công tác và đời sống kinh tế của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Diễn giải được nội dung các học thuyết kinh tế theo tiến trình lịch sử.	PLO1 PLO3
	CLO2	Chứng minh được giá trị lý luận, thực tiễn của các học thuyết kinh tế cũng như biểu hiện của các lý thuyết kinh tế trong đời sống kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay.	PLO1, PLO3
	CLO3	Phân tích được sự thay thế, phát triển hay thụt lùi hoặc sự khác biệt giữa các lý thuyết trong các học thuyết kinh tế.	PLO1, PLO3
CO2	CLO4	Vận dụng được các kiến thức đã học để luận giải cho các chủ trương, đường lối lãnh đạo phát triển kinh tế của Đảng; sự linh hoạt trong quản lý điều hành các hoạt động kinh tế của Nhà nước; sự bảo vệ quyền lợi của thành viên trong các tổ chức chính trị - xã hội.	PLO4
	CLO5	Vận dụng được các kiến thức đã học để luận giải cho các hoạt động ngoại giao kinh tế của Đảng, Nhà nước ta.	PLO4
Kĩ năng			
CO3	CLO6	Sử dụng được các kỹ năng đàm thoại, phân tích, đánh giá để giải quyết các tình huống kinh tế trong quá trình dạy học môn GDCTD ở trường phổ thông.	PLO6, PLO11
	CLO7	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, phân tích, đánh giá, thích ứng... để giải quyết các tình huống kinh tế trong quá trình giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp, đổi mới sáng tạo cho học sinh ở trường phổ thông.	PLO6, PLO11, PLO12

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO4	CLO8	Thiết lập được cách thức để hoàn thành bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm, bài thực hành nhóm.	PLO14
	CLO9	Điều chỉnh được các hoạt động kinh tế của bản thân đảm bảo phù hợp quy luật thị trường, xu hướng của thời đại và đúng với chính sách, pháp luật của Nhà nước.	PLO14, PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3	x		x												
CLO4				x											
CLO5				x											
CLO6						x					x				
CLO7						x					x	x			
CLO8														x	
CLO9														x	x
MDG	2	0	2	2	0	2	0	0	0	0	2	1	0	2	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Là học phần thuộc hệ thống khối kiến thức chung của ngành, nhằm trang bị cho người học những nhận thức cơ bản về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành các quan điểm, tư tưởng trong mỗi học thuyết kinh tế qua các giai đoạn lịch sử.

Nội dung cơ bản của học phần gồm đối tượng, phương pháp và chức năng nghiên cứu; lịch sử hình thành và phát triển, tính phê phán vốn có, thay thế hay bổ sung nội dung, tính lý luận và thực tiễn của các học thuyết kinh tế trong lịch sử phát triển tư tưởng kinh tế của nhân loại từ thế kỷ XV đến nay; Trên cơ sở lập trường của kinh tế chính trị Mác - Lê nin, đánh giá tính hai mặt của từng học thuyết kinh tế nhằm bảo vệ tính kế thừa, đúng đắn, khoa học, thời sự và sự không ngừng được bổ sung phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lê nin. Học phần cũng tiếp cận những học thuyết kinh tế của kinh tế học tư sản hiện đại với mục đích chỉ ra giá trị thời sự trong hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô và vi mô cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng*

dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.
- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,8
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 4,5,6,7,8
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1,2,3,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
-------------------------------------	--	-----------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------------	--

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình

Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Ngô Thái Hà (2022), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB. Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Bình Trọng (2003), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB. Thống kê

[3]. An Như Hải (2007), *Tìm hiểu môn học Lịch sử các Học thuyết kinh tế*, NXB. Lý luận chính trị.

[4]. Bộ GD-ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học – chuyên ngành lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO1	Giải thích được đối tượng, phương pháp và chức năng nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế.
LLO2	Tóm tắt được hoàn cảnh lịch sử, đặc điểm cơ bản và tư tưởng chủ yếu của chủ nghĩa trọng thương, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa trọng thương; thành tựu và hạn chế của chủ nghĩa trọng thương trong dòng chảy tư tưởng kinh tế của nhân loại..
LLO3	Chứng minh được ý nghĩa của chủ nghĩa trọng thương về mặt lý luận đối với sự phát triển tư tưởng kinh tế của nhân loại; về mặt thực tiễn đối với lịch

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
	sử phát triển kinh tế TBCN, và đối với sự phát triển kinh tế thế giới, Việt Nam hiện nay.
LLO4	Áp dụng được kiến thức của chủ nghĩa trọng thương vào hoạt động kinh tế của bản thân.
LLO5	Chỉ ra được lý do chủ nghĩa trọng thương ngày nay đã biến đổi về biện pháp thực hiện để phù hợp với hoàn cảnh mới của lịch sử; những tinh thần của chủ nghĩa trọng thương biểu hiện trong chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế đối ngoại.
LLO6	Thể hiện được ý kiến trong giải quyết bài tập cá nhân, bài thực hành nhóm và bài thảo luận nhóm chương 2.
LLO7	Tóm tắt được hoàn cảnh ra đời và đặc điểm, nội dung cơ bản trong các lý thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông, của học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh.
LLO8	Đánh giá được giá trị lý luận và thực tiễn trong các lý thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông; của học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh; sự kế thừa có phê phán và hoàn thiện của kinh tế chính trị Mác – Lênin đối với học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh.
LLO9	Đối chiếu được sự phê phán vốn có với sự tự hoàn thiện trong giới hạn và những điểm còn hạn chế hoặc thụt lùi giữa các lý thuyết kinh tế thuộc trường phái trọng nông, trường phái kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh.
LLO10	Bày tỏ được những nhận thức và hành động kinh tế cho bản thân sau khi nghiên cứu chủ nghĩa trọng nông; học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh.
LLO11	Làm rõ được sự vận dụng sáng tạo các lý luận của chủ nghĩa trọng nông trong chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam hiện nay; sự tác động trong thực tiễn của học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh đối với đời sống kinh tế chính trị thế giới và Việt Nam - lịch sử, hiện tại.
LLO12	Lựa chọn được những thông tin, số liệu, hình ảnh và cách thức thực hiện để hoàn thành bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm và thực hành nhóm chương 3.
LLO13	Giải thích được hoàn cảnh ra đời và đặc điểm, nội dung cơ bản trong các lý thuyết kinh tế của các đại biểu thuộc trường phái CNXH không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX.
LLO14	Luận giải được tính hai mặt (khoa học, không tưởng) của trường phái CNXH không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX.
LLO15	Minh họa được giá trị lý luận và thực tiễn của trường phái CNXH không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX đối với đời sống kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay.
LLO16	Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm chương 4.
LLO17	Giải thích được hoàn cảnh ra đời, các giai đoạn phát triển và đặc điểm của học thuyết kinh tế chính trị Mác – Lênin.
LLO18	Đánh giá được những đóng góp của Các Mác và Ph.Ăngghen trong học thuyết kinh tế chính trị Mác – Lênin.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO19	Khẳng định được giá trị lý luận và thực tiễn trong học thuyết kinh tế của V.I.Lênin đối với lịch sử nước Nga (Liên Xô) và đường lối phát triển kinh tế thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
LLO20	Chỉ ra được sự vận dụng sáng tạo lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin trong chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước; trong giáo dục tư tưởng, chính trị của Đảng; trong giải quyết quyền lợi người lao động của Nhà nước và tổ chức Công đoàn.
LLO21	Thể hiện được quan điểm phản biện trước sự chống phá học thuyết kinh tế chính trị Mác - Lênin.
LLO22	Kết hợp được các kiến thức, kỹ năng đã học để hợp tác nhóm hiệu quả đối với bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm chương 5.
LLO23	Giải thích được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và các nội dung cơ bản trong các lý thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển.
LLO24	Chứng minh được giá trị thực tiễn của các lý thuyết kinh tế tân cổ điển đối với lịch sử TBCN và trong đời sống kinh tế thế giới, Việt Nam hiện nay.
LLO25	Quán triệt được các lý thuyết kinh tế để đưa ra biện pháp giải quyết quan hệ kinh tế trong thực tiễn của các chủ thể kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
LLO26	Tổng hợp được các minh chứng thực tế để làm bài tập cá nhân, hoặc giải quyết thành công bài thảo luận nhóm và thực hành nhóm chương 6.
LLO27	Phân tích được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và các nội dung cơ bản trong các lý thuyết kinh tế của trường phái Keynes và trường phái tự do mới.
LLO28	Chứng minh được giá trị thực tiễn của các lý thuyết kinh tế đối với lịch sử TBCN và trong đời sống kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay.
LLO29	Quán triệt được các lý thuyết kinh tế để đưa ra biện pháp giải quyết các quan hệ kinh tế của các chủ thể kinh tế và bản thân.
LLO30	Chỉ ra được sự vận dụng hợp lý các lý thuyết kinh tế của trường phái Keynes và tự do mới trong đường lối lãnh đạo của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế (đối nội, đối ngoại) gắn với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân.
LLO31	Nêu được nguyên nhân lý thuyết kinh tế của trường phái Keynes hay tự do mới đều không giải quyết triệt để các hiện tượng kinh tế - xã hội nảy sinh trong thực tiễn .
LLO32	Tổng hợp được các minh chứng thực tế để làm bài tập cá nhân, để giải quyết thành công bài thảo luận nhóm và thực hành nhóm chương 7.
LLO33	Diễn giải được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của trường phái chính hiện đại; sự phân loại các quốc gia theo mức độ phát triển kinh tế và đặc điểm của các nước đang phát triển; nội dung cơ bản trong các lý thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại; lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển.
LLO34	Áp dụng được các lý thuyết kinh tế để giải quyết các hoạt động kinh tế của các chủ thể kinh tế và bản thân.
LLO35	Khẳng định được các lý thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại, lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế đã hiện thực hoá phù hợp trong đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO36	Đề xuất được các kiến thức, kỹ năng cần áp dụng để làm việc nhóm hiệu quả đối với bài thảo luận và thực hành chương 8.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	X								
LLO2	X								
LLO3		x							
LLO4							X		X
LLO5				X	X				
LLO6								X	
LLO7	x								
LLO8		x							
LLO9			X						
LLO10							X		X
LLO11				X	X				
LLO12								X	
LLO13	x								
LLO14		x	X						
LLO15				X					
LLO16								X	
LLO17	x								
LLO18	x								
LLO19		x							
LLO20				X	X				
LLO21						X	X		X
LLO22								X	
LLO23	x								
LLO24		x							
LLO25						X	X		X
LLO26								X	
LLO27	x								
LLO28		x							

[illegible]

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Đối tượng, phương pháp, chức năng, ý nghĩa nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế 1.1.2. Phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế 1.2. Chức năng, ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử các học thuyết kinh tế 1.2.1. Chức năng nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế 1.2.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế	Thuyết trình kết hợp trình chiếu	A1,A5, A6	[1] Chương 1 [2,3,4]
LLO1	* Nội dung bài tập (1,0 tiết) Hệ thống kiến thức cơ bản của chương 1 và kết cấu các học thuyết kinh tế cơ bản sẽ nghiên cứu của học phần bằng sơ đồ tư duy.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1]Chương 1 [2,3,4]
LLO1	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có).	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên.	A1, A2	[1] Chương1; [2,3,4]
Chương 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương				
Nội dung chuẩn đầu ra của chương				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8,0 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4,0 tiết) 2.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm cơ bản trong học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa trọng thương (CNTT) 2.1.1. Hoàn cảnh ra đời	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não	A1,A5,A6	[1] Chương 3; [2,3,4]

	2.1.2. Đặc điểm cơ bản trong học thuyết kinh tế của CNTT 2.2. Học thuyết kinh tế của CNTT ở một số nước tiêu biểu 2.2.1. Các giai đoạn phát triển và tan rã của chủ nghĩa trọng thương 2.2.2. Biểu hiện của chủ nghĩa trọng thương ở một số nước tiêu biểu 2.3. Đánh giá chung về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương 2.3.1. Những đóng góp của CNTT 2.3.2. Những hạn chế của CNTT			
LLO4 LLO6	* Nội dung bài tập (1 tiết) Vận dụng kiến thức của CNTT để đề ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh tế của bản thân.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1]Chương 3; [2,3,4]
LLO5 LLO6	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Chỉ ra được những tinh thần của chủ nghĩa trọng thương biểu hiện trong chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế đối ngoại. Đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp phát triển ngoại thương ở Việt Nam hiện nay. 2. Chỉ ra những biểu hiện mới và luận giải lý do chủ nghĩa trọng thương ngày nay đã biến đổi về biện pháp thực hiện cả trên thế giới và Việt Nam.	Thực hành nhóm	A3	[1]Chương 3; [2,3,4]
LLO3 LLO6	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chứng minh được ý nghĩa của chủ nghĩa trọng thương về mặt lý luận đối với sự phát triển tư tưởng kinh tế của nhân loại; về mặt thực tiễn đối với lịch sử phát triển kinh tế TBCN, và đối với sự phát triển kinh tế thế giới, Việt Nam hiện nay.	Thảo luận nhóm	A4	[1]Chương 3; [2,3,4]
LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin,	A1,A2, A3, A4	[1]. Chương 3 [2,3,4]

	- Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thực hành, bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức thể hiện cho sản phẩm thực hành và thảo luận.	tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận		
Chương 3: Học thuyết kinh tế kinh tế chính trị tư sản cổ điển				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6tiết) 3.1. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông 3.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của chủ nghĩa trọng nông 3.1.2. Những học thuyết kinh tế cơ bản của chủ nghĩa trọng nông 3.1.3. Đánh giá chung về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông 3.2. Học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh 3.2.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh 3.2.2. Học thuyết kinh tế của một số đại biểu 3.2.3. Đánh giá chung về học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh	Thuyết trình kết hợp trình chiếu	A1,A5,A6	[1] Chương 4 [2,3,4]
LLO10 LLO12	* Bài tập cá nhân (2 tiết) Rút ra nhận thức về chính trị tư tưởng, về hoạt động kinh tế bài học cho bản thân sau khi nghiên cứu học thuyết kinh tế chính trị tư sản cổ điển.	Giao bài và hướng dẫn	A2	[1]Chương 4; [2,3,4]
LL011 LLO12	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Làm rõ sự vận dụng sáng tạo các lý luận của chủ nghĩa trọng nông trong chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Đánh giá thực trạng kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam hiện nay.	Thực hành nhóm	A3	[1]Chương 4; [2,3,4]

LLO8 LLO9 LLO12	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Phân tích lý do thời gian phồn thịnh ngắn trong lịch sử của chủ nghĩa trọng nông và khẳng định ngày nay vẫn có giá trị thời sự. 2. Nhận xét về tính hai mặt trong các lý thuyết của KTCTTSCĐ Anh. 3. Khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn trong các lý thuyết của KTCTTSCĐ Anh.	Thảo luận nhóm	A4	[1]Chương 3; [2,3,4]
LLO7 - LLO12	B. Nội dung tự học: (16 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thực hành, bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành, thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1,A2,A3,A4	[1]Chương 4; [2,3,4]
Chương 4: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 4.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm cơ bản trong học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội (CNXH) không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX 4.1.1. Hoàn cảnh ra đời 4.1.2. Đặc điểm cơ bản 4.2. Học thuyết kinh tế cơ bản của CNXH không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX 4.1.2. Học thuyết kinh tế của Saint Simon 4.1.2. Học thuyết kinh tế của Charles Fourier 4.1.2. Học thuyết kinh tế của Robert Owen	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5,A6	[1].Chương 7 [2,3,4]

	4.3. Đánh giá chung về học thuyết kinh tế của CNXH không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX 4.3.1. Đóng góp 4.3.2. Hạn chế			
LLO14 LLO15 LLO16	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Giá trị lý luận và thực tiễn của trường phái CNXH không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX đối với đời sống kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay. 2. Tính hai mặt (khoa học, không tưởng) của trường phái CNXH không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX.	Thảo luận nhóm	A4	[1]. Chương 7 [2,3,4]
LLO13 - LLO16	B. Nội dung tự học: (8 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 7 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận.	A1,A2,A4	[1]. Chương 7 [2,3,4]
Chương 5: Sự hình thành và phát triển kinh tế chính trị Marx - Lenin				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17 LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của kinh tế chính trị Marx - Lenin 5.1.1. Hoàn cảnh ra đời 5.1.2. Đặc điểm của kinh tế chính trị Marx - Lenin 5.1.3. Sơ lược tiểu sử của Karl Marx, Friedrich Engels 5.2. Quá trình hình thành và phát triển học thuyết kinh tế chính trị của chủ nghĩa Marx	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5,A6	[1]. Chương 8 [2,3,4]

	5.2.1. Giai đoạn hình thành cơ sở triết học và phương pháp luận của học thuyết kinh tế chủ nghĩa Marx 5.2.2. Giai đoạn xây dựng hệ thống các phạm trù và quy luật kinh tế 5.2.3. Giai đoạn hoàn thiện học thuyết kinh tế chính trị của chủ nghĩa Marx 5.3. Những đóng góp của Marx và Friedrich Engels trong kinh tế chính trị 5.3.1. Đưa ra quan điểm mới và khoa học về đối tượng, phương pháp nghiên cứu kinh tế chính trị 5.3.2. Phát hiện và phân tích tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa 5.3.3. Phát hiện ra học thuyết giá trị thặng dư 5.3.4. Phát hiện quy luật chung của tích lũy tư bản 5.3.5. Nghiên cứu quá trình lưu thông tư bản và có phát minh khoa học 5.4. Sự bổ sung và phát triển của V.I.Lenin 5.4.1. Tình hình kinh tế - xã hội trong điều kiện mới 5.4.2. Quá trình hình thành và phát triển học thuyết kinh tế chính trị của V.I.Lenin 5.4.3. Những lý luận cơ bản trong học thuyết kinh tế chính trị của V.I.Lenin 5.5. Đánh giá chung về học thuyết kinh tế chính trị của chủ nghĩa Marx -Lenin			
LLO20 LLO22	* Nội dung bài tập: (2 tiết) Mình chứng sự vận dụng sáng tạo lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin trong chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước; trong giáo dục tư tưởng, chính trị của Đảng; trong giải quyết quyền lợi người lao động của Nhà nước và tổ chức Công đoàn.	<i>Giao bài và hướng dẫn</i>	A2	[1]. Chương 8 [2,3,4]
LLO19 LLO21 LLO22	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Khẳng định hòn đá tảng của nghĩa Mác vẫn trường tồn. 2. Khẳng định được giá trị lý luận và thực tiễn trong học thuyết kinh tế của V.I.Lenin đối với lịch sử nước Nga (Liên	Thảo luận nhóm	A4	[1]Chương 8; [2,3,4]

	Xô) và đường lối phát triển kinh tế thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.			
LLO17 - LLO22	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 6 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm bài tập cá nhân, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận,	A1,A2, A4	[1]Chương 8; [2,3,4]
LLO2 -> LLO22	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kỳ lần 1	Tự luận	A5	[1]Chương 3,4,7,8
	B.Nội dung tự học: (3 tiết) Sinh viên ôn bài theo đề cương bài giảng chương 3,4,7,8 và các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung lý thuyết trước khi vào giờ kiểm tra	Định hướng SV ôn bài	A1,A5	
Chương 6: Học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển				
LLO23	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6tiết) * Nội dung lí thuyết: (4tiết) 6.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm cơ bản trong học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển 6.1.1. Hoàn cảnh ra đời 6.1.2. Đặc điểm cơ bản 6.2. Học thuyết kinh tế cơ bản của trường phái tân cổ điển 6.2.1. Học thuyết kinh tế của trường phái giới hạn thành Vienna (Áo) 6.2.2. Học thuyết kinh tế của trường phái Cambridge (Anh) 6.2.3. Học thuyết kinh tế của trường phái giới hạn (Mỹ) 6.2.4. Học thuyết kinh tế của trường phái Lausanne (Thụy sĩ) 6.3. Đánh giá chung về Học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5,A6	[1]. Chương 9 [2,3]
LLO25 LLO26	* Nội dung bài tập: (1tiết) Vận dụng các lý thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển để đưa ra biện pháp giải quyết quan hệ kinh tế trong thực tiễn của các	Giao bài và hướng dẫn	A2	[1]. Chương 9 [2,3]

	chủ thể kinh tế và bản thân ở Việt Nam hiện nay.			
LLO24 LLO26	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Chứng minh giá trị thực tiễn của các lý thuyết kinh tế tân cổ điển đối với lịch sử TBCN và trong đời sống kinh tế thế giới, Việt Nam hiện nay	Thảo luận nhóm	A4	[1]Chương 9; [2,3]
LLO23 - LLO26	B. Nội dung tự học: (10 tiết) <i>- Sinh viên đọc giáo trình chương 9 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có).</i> <i>- Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.</i> <i>- Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.</i>	<i>Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm bài tập cá nhân, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận,</i>	A1,A2, A4	[1]Chương 9; [2,3]
Chương 7: Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes và trường phái tự do mới				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO27	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8tiết) * Nội dung lý thuyết: (4tiết) 7.1.Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes 7.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm trong học thuyết kinh tế của trường phái Keynes 7.1.2. Các lý thuyết kinh tế cơ bản trong học thuyết kinh tế của J.M.Keynes 7.1.3. Các lý thuyết kinh tế cơ bản của trường phái Keynes mới 7.1.4. Đánh giá chung về học thuyết kinh tế của trường phái Keynes 7.2. Học thuyết kinh tế của trường phái tự do mới 7.2.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm cơ bản trong học thuyết kinh tế của trường phái tự do mới 7.2.2. Một số học thuyết kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tự do mới	<i>Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại.</i>	A1,A5,A6	[1]. Chương 10,11 [2,3,4]

	7.2.3.Đánh giá chung về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới			
LLO29 LLO32	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Từ các lý thuyết kinh tế, hãy đề xuất biện pháp để giải quyết các quan hệ kinh tế giữa các chủ thể trong thực tế.	Giao bài và hướng dẫn	A2	[1]Chương 10,11; [2,3,4]
LLO30 LLO32	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Diễn giải và minh chứng sự vận dụng hợp lý các lý thuyết kinh tế của trường phái Keynes và tự do mới trong đường lối lãnh đạo của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế gắn với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân.	Thực hành nhóm	A3	[1]Chương 10,11; [2,3,4]
LLO28 LLO31 LLO32	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1.Chứng minh được giá trị thực tiễn của các lý thuyết kinh tế đối với lịch sử TBCN và trong đời sống kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay. 2. Nguyên nhân lý thuyết kinh tế của trường phái Keynes hay tự do mới đều không giải quyết triệt để các hiện tượng kinh tế - xã hội nảy sinh trong thực tiễn .	Thảo luận nhóm	A4	[1]Chương 10,11; [2,3,4]
LLO27 - LLO32	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 10,11 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận, thực hành.	A1,A2,A3 A4	[1]Chương 10,11; [2,3,4]
Chương 8: Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại và lý thuyết về tăng trưởng, phát triển kinh tế				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO33	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết)	Thuyết trình kết hợp trình	A1,A5,A6	[1]Chương

	8.1. Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại 8.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm cơ bản trong học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại 8.1.2. Một số lý thuyết tiêu biểu trong học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại 8.1.3. Đánh giá chung về học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại 8.2. Lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế 8.2.1. Phân loại và đặc điểm cơ bản của các quốc gia trên thế giới 8.2.2. Một số lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước đang phát triển 8.2.3. Đánh giá về khả năng vận dụng các lý thuyết tăng trưởng, phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển	<i>chiếu, đàm thoại.</i>		12,13; [2,3,4]
LLO34 LLO36	* Nội dung bài tập cá nhân: (2tiết) Từ các lý thuyết kinh tế, hãy đưa ra biện pháp để giải quyết các hoạt động kinh tế của của các chủ thể kinh tế và bản thân ở Việt Nam hiện nay.	<i>Giáo bài và hướng dẫn</i>	A2	[1]Chương ng 12,13; [2,3,4]
LLO35 LLO36	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Khẳng định và minh chứng các lý thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại, lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế đã hiện thực hoá phù hợp trong đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	<i>Thực hành nhóm</i>	A3	[1]Chương ng 12,13; [2,3,4]
LLO40 LLO41 LLO42 LLO43 LLO44 LLO45	B. Nội dung tự học: (13 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 12,13 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành, thảo luận	<i>Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm</i>	A1,A2,A3, A4	[1]Chương ng 10,11; [2,3,4]

		thực hành, thảo luận,		
LLO23 -> LLO36	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kỳ lần 2	Tự luận	A5	[1]Chương 9,10,11, 12,13
	B.Nội dung tự học: (3tiết) <i>Sinh viên ôn bài theo đề cương bài giảng chương 9,10,11,12,13 và các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung lý thuyết trước khi vào giờ kiểm tra.</i>	Định hướng SV ôn bài	A1,A5	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu sáng rõ và đủ các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: đường truyền internet trên giảng đường đạt tốc độ cao.

7.25: 60SCI231, Xã hội học (SOCIOLOGY)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60
2	Bài tập	8	0	32
3	Thực hành	8	0	
4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
19.	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huong.poli@tnue.edu.vn
20.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
21.	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
22.	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học. Khái quát được lịch sử hình thành xã hội học và liên hệ được với quá trình hình thành và phát triển của ngành xã hội học ở Việt Nam. Hiểu và phân tích được những phạm trù cơ bản của xã hội học. Hiểu, phân tích được các đặc trưng cơ bản của một số lĩnh vực xã hội học tiêu biểu.

CO2: Mô tả được các phương pháp nghiên cứu xã hội thông dụng. Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của các phương pháp nghiên cứu chuyên biệt trong lĩnh vực xã hội học như: phân tích tài liệu, phỏng vấn, metric xã hội, điều tra xã hội học....Khái quát được những đóng góp cơ bản của các lĩnh vực xã hội học tiêu biểu.

*** Về kỹ năng**

CO3: Biết thiết kế đề cương và biết tổ chức kế hoạch thực nghiệm gắn với lĩnh vực nghiên cứu xã hội trong thực tiễn công tác.

CO4: Có khả năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động nghiên cứu xã hội học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào phát triển nghề nghiệp của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Hiểu được khái niệm, đối tượng, phương pháp, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học	PLO1
	CLO2	Sơ đồ hoá và đánh giá được quá trình hình thành, phát triển của xã hội học.	PLO1
	CLO3	Giải thích được các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học. Phân tích được đặc trưng và biểu hiện của các phạm trù cơ bản của xã hội học.	PLO3
	CLO4	Hiểu, phân tích được các đặc trưng cơ bản của một số lĩnh vực xã hội học tiêu biểu.	PLO4
CO2	CLO5	Mô tả được quy trình thực hiện các phương pháp nghiên cứu chuyên biệt của xã hội học. Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu chuyên biệt của xã hội học vào thực tiễn công tác.	PLO4
	CLO6	Khái quát hóa được những đặc trưng cơ bản của các lĩnh vực xã hội học tiêu biểu.	PLO4
	Kỹ năng		
CO3	CLO7	Biết xây dựng bảng hỏi, đề cương và kế hoạch nghiên cứu thực tiễn xã hội.	PLO11
CO4	CLO8	Vận dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu xã hội học để thực hiện kế hoạch điều tra xã hội học gắn với một nội dung cụ thể.	PLO6
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO9	Tự giải quyết được các vấn đề đặt ra trong bài tập cá nhân và hợp tác để hoàn thành bài tập nhóm	PLO14 PLO15

CO6	CLO10	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào phát triển nghề nghiệp.	PLO14 PLO15
-----	-------	---	----------------

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x												
CLO2	x														
CLO3															
CLO4				x											
CLO5				x											
CLO6				x											
CLO7											x				
CLO8						x									
CLO9														x	x
CLO10														x	x
MDG	2	0	1	2	0	1	0	0	0	0	1	0	0	2	2

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Xã hội học góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về xã hội học như khái niệm, đối tượng, phương pháp và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học; các phạm trù cơ bản của xã hội học. Bên cạnh đó, xã hội học còn cung cấp các phương pháp nghiên cứu xã hội chuyên biệt để người học có thể vận dụng trong thực tiễn như: phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp metric xã hội, phương pháp điều tra xã hội học.... Trong học phần này, người học cũng được tiếp cận một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản của xã hội học như: xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học gia đình. Học phần này có mối liên hệ mật thiết với các học phần khác như triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, pháp luật học, ...

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận
 - + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
 - Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
 - Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).
 - Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.
 - Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,9, 10
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8,10
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4,6
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6,7,8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng

		đáp ứng yêu cầu	đổi các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ

			được định hướng phù hợp	định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Lương Văn Úc (2009), *Giáo trình xã hội học*, Nxb Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Hường (2024), *Đề cương bài giảng Xã hội học*.

[3]. Thanh Lê (2002), *Lịch sử xã hội học từ cổ đại đến thế kỷ XX*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[4]. Mạc Văn Trang (2011), *Xã hội học giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Lê Ngọc Hùng (2002), *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Hiểu được những nội dung cơ bản của xã hội học như khái niệm, đối tượng, phương pháp, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học.
LLO2	Khái quát được quá trình hình thành, phát triển của xã hội học.
LLO3	Đánh giá được những đóng góp về mặt lý luận và phương pháp của một số nhà nghiên cứu xã hội học tiêu biểu trong lịch sử.
LLO4	Mô tả được các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học.
LLO5	Phân tích được đặc trưng và biểu hiện của các phạm trù cơ bản của xã hội học
LLO6	Hiểu, phân tích được các đặc trưng cơ bản của một số lĩnh vực xã hội học tiêu biểu.
LLO7	Khái quát được những biểu hiện cơ bản của một số lĩnh vực xã hội học tiêu biểu ở Việt Nam
LLO8	Hiểu được cách thức, quy trình thực hiện của các phương pháp nghiên cứu xã hội học thông dụng.
LLO9	Xây dựng được kế hoạch thực hiện các phương pháp nghiên cứu chuyên biệt của xã hội học.
LLO10	Thiết kế được bảng hỏi, đề cương và kế hoạch nghiên cứu thực tiễn xã hội.
LLO11	Tổ chức được kế hoạch điều tra thực tiễn xã hội học gắn với đối tượng, phạm vi nghiên cứu cụ thể.
LLO12	Tìm được cách thức giải quyết vấn đề trong bài tập cá nhân, bài thảo luận, thực hành của chương 2 trên cơ sở hợp tác nhóm.
LLO13	Tự giải quyết được vấn đề đặt ra trong bài tập cá nhân của chương 3

LLO14	Lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề trong bài thảo luận, bài thực hành của chương trên cơ sở hợp tác nhóm.
LLO15	Vận dụng được kiến thức, phương pháp nghiên cứu của xã hội học vào phát triển nghề nghiệp sau này.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2		x								
LLO3		x								
LLO4			x							
LLO5			x							
LLO6				x	x					
LLO7				x	x					
LLO8						x				
LLO9						x	x			
LLO10									x	
LLO11								x		
LLO12								x	x	
LLO13										x
LLO14										x
LLO15										x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nhập môn Xã hội học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lí thuyết (4 tiết) 1.1. Xã hội học và đối tượng nghiên cứu của xã hội học 1.1.1. Khái niệm xã hội học 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học	Sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm	A1 A6	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1

LLO1	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) 1. Phân tích mối quan hệ giữa xã hội học với các ngành khoa học xã hội như Triết học, Kinh tế học, Luật học, Tâm lý học. 2. Sơ đồ hóa các nhiệm vụ cơ bản của xã hội học.	Định hướng sinh viên độc lập nghiên cứu vấn đề và trình bày vấn đề theo hình thức vẽ sơ đồ tư duy	A1 A6	
LLO1	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - <i>Đọc tài liệu nội dung:</i> + Chức năng và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học + Chức năng của xã hội học + Nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học - <i>Làm bài tập cá nhân:</i> Ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học của thời đại đối với bản thân.	- Định hướng SV nghiên cứu tài liệu, tự rút ra chức năng và nhiệm vụ của xã hội học - SV sơ đồ hoá chức năng và nhiệm vụ của xã hội học - Yêu cầu sinh viên: + Hoàn thiện bài tập. + Cho vào hồ sơ học tập cá nhân để GV đánh giá.	A1	[1] Đọc chương 1, [2] Đọc chương 1, [5] Đọc chương 1
Chương 2: Khái quát lịch sử hình thành xã hội học				
LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Những điều kiện và tiền đề ra đời xã hội học 2.1.1. Điều kiện kinh tế 2.1.2. Điều kiện chính trị - xã hội 2.1.3. Tiền đề văn hoá – tư tưởng 2.2. Những đóng góp của các nhà xã hội học tiêu biểu 2.2.1. Auguste Comte (1798-1857) 2.2.2. Herbert Spencer (1820-1903) 2.2.3. Émile Durkheim (1858-1917) 2.2.4. Max Weber (1864-1920) 2.3. Khái quát về xã hội học Mác-xít 2.3.1. Những đóng góp của C. Mác 2.3.2. Những đóng góp F. Ăngghen 2.3.4. Đóng góp của V.I. Lênin 2.3.4. Đóng góp của Hồ Chí Minh	- Thuyết trình, vấn đáp. - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A1 A5 A6	[2]. Đọc chương 2 [5]. Đọc chương 2,3
LLO2 LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Phân tích đóng góp khoa học của các nhà XHH Mác xít.	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tại lớp - Yêu cầu sinh viên: Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[2]. Đọc chương 2 [5]. Đọc chương 4
LLO3 LLO15	* Nội dung thảo luận: (2 tiết)	- Định hướng SV thảo luận nhóm	A1 A3	[2]. Đọc chương 2

	1. Phân tích những đóng góp tiêu biểu của A. Comte và H. Spencer 2. Phân tích những đóng góp tiêu biểu của M. Weber và E. Duckhiem	- Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A6	[5]. Đọc chương 2
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (11 tiết) - Đọc tài liệu nội dung + Xã hội học Việt Nam qua các thời kỳ - Làm rõ vấn đề dưới đây: + Các giai đoạn phát triển của ngành XHH Việt Nam + Những vấn đề đặt ra trong lĩnh vực phát triển XHH Việt Nam hiện nay. - Hoàn thành 10 câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	- Định hướng SV đọc tài liệu, rút ra thời cơ và thách thức của Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế - Yêu cầu đối với SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở. + Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	- Đọc tài liệu [2]. Đọc chương 2 [5]. Đọc chương 2
Chương 3: Các phạm trù cơ bản của xã hội học				
LLO4 LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lý thuyết: (12 tiết) 3.1. Hành động xã hội, tương tác và quan hệ xã hội 3.2. Vị thế, vai trò và quyền lực xã hội 3.3. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội 3.4. Tổ chức xã hội và thiết chế xã hội 3.5. Xã hội hóa 3.6. Đời sống xã hội 3.7. Dư luận xã hội	- Thuyết trình, nêu vấn đề kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm, đóng vai, đàm thoại	A1 A5 A6	[1] đọc chương 2-8 [2] Đọc chương 3 Đọc thêm [3], [4], [5]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	* Bài kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 1 (1 tiết) Thời gian làm bài: 50 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	Sinh viên ôn tập chương 1, chương 2, chương 3	A5	[1]: Đọc chương 1,2,3
LLO6	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) 1. Phân loại các hình thức bất bình đẳng xã hội và liên hệ với các biểu hiện bất bình đẳng trong xã hội Việt Nam hiện nay.	Yêu cầu sinh viên: Nghiên cứu tài liệu; thiết kế bài thuyết trình và trình bày trước lớp.	A1 A2	[1] đọc chương 2-8 [2] Đọc chương 3 Đọc thêm [3], [4], [5]

	2. Phân tích tác động của các thiết chế xã hội đến sự phát triển KT-XH ở nước ta.			
LLO4 LLO11	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Sơ đồ hóa quá trình hình thành dư luận xã hội. 2. Sơ đồ hóa các tổ chức và thiết chế xã hội ở nước ta. 3. Sơ đồ hóa mối quan hệ giữa tổ chức xã hội và thiết chế xã hội	Yêu cầu sinh viên: Sinh viên trao đổi theo nhóm hoặc cá nhân. Giảng viên gọi ngẫu nhiên sinh viên hoặc đại diện nhóm trình bày trước lớp.	A1 A4 A6	
LLO4 LLO5 LLO11	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Phân tích những vấn đề đang đặt ra trong xây dựng các thiết chế xã hội ở nước ta. 2. Phân tích những yếu tố tác động đến quá trình xã hội hóa cá nhân. 3. Phân tích tác động của lệch lạc xã hội đối với cá nhân và cộng đồng. 4. Phân tích mối quan hệ giữa tổ chức xã hội với tập hợp xã hội.	Yêu cầu sinh viên: Sinh viên trao đổi theo nhóm, nộp sản phẩm và báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1] đọc chương 2-8 [2] Đọc chương 3 Đọc thêm [3], [4], [5]
LLO5 LLO13	B. Nội dung tự học: (33 tiết) - SV đọc tài liệu và hoàn thành các sản phẩm học tập. + Mối quan hệ giữa vị thế, vai trò và quyền lực xã hội + Mối quan hệ giữa bất bình đẳng và phân tầng xã hội - Hoàn thành 5 câu hỏi trắc nghiệm khách quan.	- GV định hướng SV đọc tài liệu - Yêu cầu sinh viên: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	[1] đọc chương 2-8 [2] Đọc chương 3 Đọc thêm [3], [4], [5]
Chương 4. Các phương pháp nghiên cứu của xã hội học				
LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 4.4.1. Các phương pháp nghiên cứu xã hội cụ thể 4.1.1. Phương pháp quan sát 4.1.2. Phương pháp phân tích tài liệu 4.1.3. Phương pháp phỏng vấn 4.1.4. Phương pháp trưng cầu ý kiến 4.1.5. Phương pháp chuyên gia	- Thuyết trình, nêu vấn đề kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3 A4 A5 A6	[1] Đọc chương 9 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171 đọc thêm [3], [4], [5]

	4.2. Tổ chức nghiên cứu xã hội học 4.2.1. Giai đoạn chuẩn bị 4.2.2. Giai đoạn thu thập thông tin thực tế 4.2.3. Giai đoạn xử lý thông tin và xã hội hóa kết quả 4.3. Kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin xã hội học 4.3.2. Kỹ thuật xử lý thông tin			
LLO7 LLO8 LLO9 LLO12	* Nội dung bài tập nhóm (2 tiết) 1. Xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu xã hội học tự chọn. 2. Xây dựng kế hoạch điều tra điền dã xã hội học tự chọn.	Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên làm việc theo nhóm, trao đổi, thống nhất và báo cáo sản phẩm tại lớp	A1 A2	[1] Đọc chương 9 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO12 LLO13	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Lập kế hoạch chi tiết hoạt động điền dã xã hội học. 2. Lập phiếu điều tra xã hội học gắn với chủ đề xã hội học tự chọn. 3. Tổ chức thực hành điền dã nghiên cứu xã hội học theo nhóm.	Yêu cầu sinh viên: - Thiết lập 1 bản đề cương kế hoạch điền dã gắn với chủ đề. - Thống nhất và hoàn thiện kế hoạch. - Xây dựng kịch bản điền dã chi tiết. - Thực hiện tổ chức nghiên cứu tại địa điểm dự kiến. - Hoàn thiện vào vở và báo cáo trước lớp	A1 A2 A4	[1] Đọc chương 9 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO12 LLO13	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Phân tích quy trình thực hiện và ưu, nhược điểm của các phương pháp nghiên cứu xã hội học. 2. Phân tích cách thức chọn mẫu trong điều tra xã hội học.	Yêu cầu sinh viên: - Chỉ rõ được các ưu, nhược điểm của phương pháp nghiên cứu xã hội học. - Mô tả được các bước chọn mẫu trong điều tra xã hội học. - Phân loại các phương pháp chọn mẫu trong điều tra xã hội học. - Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời.	A1 A2 A3	[1] Đọc chương 9 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171 đọc thêm [3], [4], [5]

LLO8 LLO9 LLO13	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Giai đoạn chuẩn bị: Nội dung tập huấn chuyên gia. + Phần mềm GPSS. + Kỹ thuật thu thập thông tin - Làm bài tập: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	[1] Đọc chương 9 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171 đọc thêm [3], [4], [5]
Chương 5: Một số lĩnh vực xã hội tiêu biểu				
LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 5.1. Xã hội học nông thôn 5.1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội nông thôn 5.1.2. Nội dung nghiên cứu của xã hội học nông thôn 5.1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học nông thôn đối với Việt Nam 5.2. Xã hội học đô thị 5.2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội đô thị 5.2.2. Nội dung nghiên cứu của xã hội học đô thị 5.2.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học đô thị đối với Việt Nam 5.3. Xã hội học gia đình 5.3.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội gia đình 5.3.2. Nội dung nghiên cứu của xã hội học gia đình 5.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học gia đình đối với Việt Nam	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Phương pháp dự án - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3 A4 A5 A6	[1] Đọc chương 10, 11 [2] đọc chương 5, từ tr171 - 200 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO6 LLO7 LLO14 LLO15	* Bài kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 2 (1 tiết) Thời gian làm bài: 50 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	Sinh viên ôn tập chương 4, chương 5	A5	[1]: Đọc chương 4,5
LLO6 LLO7 LLO14 LLO15	* Nội dung bài tập nhóm (2 tiết) 1. Sơ đồ hóa sự phát triển đô thị ở Việt Nam. 2. Xây dựng kế hoạch điều tra điền dã xã hội học nông thôn.	Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên làm việc theo nhóm, trao đổi, thống nhất và báo cáo sản phẩm tại lớp	A1 A2	[1] Đọc chương 10, 11 [2] đọc chương 5, từ tr171 - 200 đọc thêm [3], [4], [5]

LLO6 LLO7 LLO14 LLO15	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Thiết kế kịch bản và tổ chức truyền thông về xây dựng đô thị văn minh. 2. Lập phiếu điều tra xã hội học gắn với chủ đề xã hội học gia đình.	Yêu cầu sinh viên: - Thiết kế được kịch bản truyền thông. - Thống nhất và hoàn thiện kịch bản. - Tổ chức mô phỏng truyền thông trên lớp. - Hoàn thiện phiếu điều tra vào vở và báo cáo trước lớp	A1 A2 A4	[1] Đọc chương 10, 11 [2] đọc chương 5, từ tr171 - 200 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO6 LLO7 LLO14 LLO15	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Đánh giá ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học nông thôn ở Việt Nam. 2. Đánh giá những tác động của xã hội đến sự phát triển của gia đình Việt Nam giai đoạn hiện nay.	Yêu cầu sinh viên: - SV làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch thảo luận nhằm khái quát được những đóng góp của xã hội học nông thôn ở Việt Nam. Đánh giá được tác động của xã hội và đề xuất một số biện pháp để giảm thiểu tác động rủi ro đến gia đình Việt Nam. - Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời.	A1 A2 A3	[1] Đọc chương 10, 11 [2] đọc chương 5, từ tr171 - 200 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO6 LLO7 LLO14 LLO15	B. Nội dung tự học: (23 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học nông thôn đối với VN + Xã hội học đô thị + Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội đô thị + Ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học đô thị đối với Việt Nam + Xã hội học gia đình + Ý nghĩa của việc nghiên cứu xã hội học gia đình đối với Việt Nam - Làm bài tập: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	[1] Đọc chương 10, 11 [2] đọc chương 5, từ tr171 - 200 đọc thêm [3], [4], [5]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Rộng, sạch, thoáng, đủ ánh sáng.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết, máy chiếu và các thiết bị đi kèm, mạng internet.
- Điều kiện khác: Loa, micro

7.26: 60PBM231, Lịch sử triết học (HISTORY OF PHILOSOPHY)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	6		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: “*Triết học Mác - Lênin*” (60SPH141)
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
3.	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennntt.poli@tnue.edu.vn
4.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được kiến thức lý luận chung về lịch sử triết học.

CO2: Phân tích được nội dung cơ bản của lịch sử triết học phương Đông

CO3: Luận giải được nội dung cơ bản của các trường phái triết học Phương Tây

* Về kỹ năng

CO4: Sử dụng được kiến thức lịch sử triết học để phát triển kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được quan điểm về dân chủ của các nhà triết học trong lịch sử để phát huy quyền dân chủ trong nhà trường

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
-------------	------------	---------------------------	--------------

	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giải thích được lịch sử triết học là một khoa học.	PLO3,4
	CLO2	Diễn giải được tính quy luật phát triển của lịch sử triết học và những yêu cầu, phương pháp luận khi nghiên cứu lịch sử triết học	PLO3,4
CO2	CLO3	Tóm tắt được nội dung cơ bản của triết học Ấn Độ cổ đại.	PLO1
	CLO4	Trình bày được nội dung cơ bản của triết học Trung Quốc cổ đại.	PLO1
CO3	CLO5	Giải thích được những nội dung cơ bản của triết học Hy Lạp cổ đại.	PLO1
	CLO6	Xác định được nội dung cơ bản của triết học Tây Âu thời Trung cổ và Phục hưng	PLO3
	CLO7	Diễn giải được nội dung cơ bản triết học Tây Âu cận, hiện đại và triết học cổ điển Đức	PLO3
	Kĩ năng		
CO4	CLO8	Thực hành được kỹ năng hợp tác, phản biện các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội trên cơ sở tiếp thu quan điểm duy vật và phương pháp biện chứng của các nhà triết học trong lịch sử.	PLO11
	CLO9	Vận dụng được phương pháp biện chứng để phát triển năng lực hợp tác, tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội.	PLO11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO10	Tán thành các quan điểm tiến bộ về dân chủ của các nhà triết học trong lịch sử.	PLO13
	CLO11	Vận dụng được các quan điểm về dân chủ để phát huy quyền dân chủ trong nhà trường, thực hiện khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.	PLO13,15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1			x	x											
CLO2			x	x											
CLO3	x														
CLO4	x														
CLO5	x														
CLO6			x												
CLO7			x												
CLO8											x				
CLO9											x				
CLO10													x		
CLO11													x		x
MĐG	2	0	2	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO).

đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên khái lược về lịch sử triết học (chương 1); kiến thức triết học phương Đông như lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại, lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại (chương 1); kiến thức triết học phương Tây như lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại, lịch sử triết học thời kỳ Trung cổ, lịch sử triết học thời kỳ Phục hưng và Cận đại, lịch sử triết học Cổ điển Đức (chương 3).

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO8-11
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO8-11
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO5-7
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ

Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán; nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt,	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt

		chỉ/sai sót lớn trong tương tác	còn vài sai sót nhỏ		
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Nguyễn Hữu Vui (2004), *Lịch sử triết học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
 [2]. Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Khương (chủ biên), ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS. Vũ Thị Thúy Hằng (2022), *Giáo trình Lịch sử triết học*, Nxb ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Đồng Văn Quân (2010), *Lịch sử triết học - Dành cho chuyên ngành Giáo dục Chính trị*, Đại học Sư phạm, Thái Nguyên.
 [4]. Nguyễn Đăng Thục (2006), *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
 [5]. Trần Đăng Sinh (2009), *Lịch sử triết học*, Nxb Đại học Sư phạm.

9.3. Website

<https://moet.gov.vn/>; <http://btgcp.gov.vn/>; <https://voer.edu.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

(đánh số liên tục từ 1 cho đến hết các LLOs của các chương trong học phần)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Diễn giải được khái niệm, nội, dung, phương pháp, vai trò xã hội của triết học.
LLO2	Trình bày được mối quan hệ giữa triết với các ngành khoa học.
LLO3	Giải thích được tính quy luật phát triển của triết học.
LLO4	Trình bày được những yêu cầu, phương pháp luận khi nghiên cứu lịch sử triết học.
LLO5	Đề xuất được các giải pháp để phát triển năng lực hợp tác, tư duy phản biện, khả năng phân tích đánh giá những vấn đề nảy sinh trong đời sống.
LLO6	Giải thích được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của triết học Ấn Độ cổ đại.
LLO7	Diễn giải được nội dung cơ bản của các trường phái triết học chính thống và không chính thống của triết học Ấn Độ cổ đại.
LLO8	Mô tả được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm cơ bản của triết học Trung Quốc cổ đại.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO9	Giải thích được tư tưởng triết học của các trường phái triết học Trung Quốc cổ đại.
LLO10	Minh họa được các thành tựu của triết học Phương Đông (Âm – Dương Ngũ hành; Kinh dịch, Kinh Vê da...) trong giảng dạy môn GDCD ở trường phổ thông và các môn lý luận chính trị ở trường chuyên nghiệp.
LLO11	Hình thành được năng lực tư duy biện chứng trong giải quyết một tình huống cụ thể nảy sinh trong cuộc sống như: vấn đề bạo lực học đường.
LLO12	Thực hành theo các quan điểm về giáo dục đạo đức tiến bộ của Nho giáo như lòng hiếu thảo; đề cao chữ trung, chữ tín, sống có trách nhiệm.
LLO13	Tóm tắt hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của triết học Hy – Lạp cổ đại
LLO14	Xác định được những tư tưởng cơ bản của các trường phái triết học và các nhà triết học tiêu biểu của Hy Lạp cổ đại.
LLO15	Mô tả được quá ra đời và đặc điểm của triết học Tây Âu thời trung cổ, tư tưởng của một số nhà triết học tiêu biểu.
LLO16	Trình bày được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm triết học Tây Âu thời Phục hưng và một số nhà triết học tiêu biểu.
LLO17	Tóm tắt được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm tư tưởng triết của một số nhà triết học tiêu biểu của triết học Tây Âu cận, hiện đại.
LLO18	Giải thích được điều kiện ra đời, đặc điểm của triết học cổ điển Đức và nội dung tư tưởng triết học cơ bản của các nhà triết học cổ điển Đức.
LLO19	Bày tỏ được quan điểm của cá nhân khi lý giải về vấn đề thế giới quan, nhân sinh quan trên cơ sở tiếp thu tư tưởng triết tiến bộ của các nhà triết học trong lịch sử.
LLO20	Thể hiện được quan điểm của cá nhân trước một số vấn đề về thiên tai, bão lũ, dịch bệnh... trên cơ sở kế thừa các quan điểm tiến bộ của các triết học trong lịch sử.
LLO21	Chia sẻ được các quan điểm về đạo đức của các nhà triết học cổ điển Đức như: Can tơ, Phơ bách, Hêghen.
LLO22	Đề xuất được các biện pháp để thực thi dân chủ trong nhà trường trên cơ sở tiếp thu tư tưởng dân chủ của các nhà triết học Tây Âu cận đại.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLO14					x											
LLO15						x										
LLO16						x										
LLO17							x									
LLO18							x									
LLO19									x							
LLO20							x		x							
LLO21								x								
LLO22							x									

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết) 1.1. Lịch sử triết học là một khoa học 1.1.1. Khái niệm về triết học 1.1.2. Nội dung, phương pháp và mục đích của triết học 1.1.3. Nhiệm vụ và chức năng xã hội của triết học 1.4. Triết học và hệ tư tưởng 1.5. Triết học và khoa học 1.6. Triết học và tôn giáo	- <i>Thuyết trình tích cực kết hợp đàm thoại</i>	A1, A5, A7	[2] Đọc Chương nhập môn [5]. Đọc chương 1 từ tr.9 – tr.16
LLO3	1.2. Các tính quy luật phát triển của triết học	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i>	A1	[2] Đọc Chương nhập môn [5]. Đọc chương 1 từ tr.9 – tr.16
LLO3 LLO4	1.3. Những yêu cầu về phương pháp luận của việc nghiên cứu lịch sử triết	- <i>Thuyết trình kết hợp đàm thoại, nêu vấn đề</i>	A1	[2] Đọc Chương nhập môn [5]. Đọc chương 1 từ tr.9 – tr.16
LLO3	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Giải thích được tính quy luật phát triển của triết học.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.</i>	A1, A4	[2] Đọc Chương nhập môn [5]. Đọc chương 1 từ tr.9 – tr.16
LLO2	2. Trình bày được mối quan hệ giữa triết với các ngành khoa học.	- <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A4	[1] Đọc

		- Báo cáo kết quả của nhóm trước lớp.		chương 2 từ tr.14 – tr.32 [3] Đọc chương 2
LLO1	B. Nội dung tự học: (16 tiết) 1. Diễn giải được khái niệm, nội dung, phương pháp, vai trò xã hội của triết học	- Tự học: Nghiên cứu tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1] Đọc chương 2 từ tr.14 – tr.32 [3] Đọc chương 2
LLO5	2. Đề xuất được các giải pháp để phát triển năng lực hợp tác, tư duy phản biện, khả năng phân tích đánh giá những vấn đề nảy sinh trong đời sống.	Tự học: Nghiên cứu tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1] Đọc chương 2 từ tr.14 – tr.32 [3] Đọc chương 2
Chương 2: LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (11 tiết) 2.1. Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại 2.1.1. Khái quát về điều kiện ra đời và đặc điểm của Triết học Ấn Độ cổ đại 2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển triết học Ấn Độ cổ đại qua một số trường phái, tư tưởng	- Thuyết trình tích cực - Sử dụng tình huống trong dạy học.	A1, A5, A7	[1]. Đọc chương 2 từ tr.109 - tr.145 [2]. Đọc chương 2 từ Tr.17 – tr.38 [5]. Đọc từ tr.18 – tr.25
LLO8 LLO9	2.2. Lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại 2.2.1. Điều kiện ra đời và đặc điểm của triết học Trung Quốc cổ đại 2.2.2. Tư tưởng tôn giáo và chính trị thời Ân – Thương và Tây Chu (từ thế kỷ XVII - VIII TCN) 2.2.3. Một số trường phái Triết học Trung Quốc tiêu biểu thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc	- Thuyết trình tích cực kết hợp phương pháp nêu vấn đề; đàm thoại	A1, A5, A7	[1]. Đọc chương 1 từ tr.18 – tr.108 [2]. Đọc chương 3 từ tr.38 – tr.68 [4]. Đọc quyển 1
LLO7	* Nội dung bài tập: (5 tiết) 1. Diễn giải được nội dung cơ bản của các trường phái triết học chính thống và không chính thống của triết học Ấn Độ cổ đại	- Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1, A2	[1]. Đọc chương 2 từ tr.109 – tr.145 [2]. Đọc chương 2

LLO8	2. Mô tả được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm cơ bản của triết học Trung Quốc cổ đại.	- <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân</i>	A1, A2	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3 từ tr.38 – tr.68
LLO9	3. Giải thích tư tưởng triết học của các trường phái triết học cơ bản của Trung Quốc: Nho gia, Âm Dương gia, Mặc gia, Đạo gia, Pháp gia	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân</i>	A1, A2	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3 từ tr.38 – tr.68
LLO10	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Minh họa được các thành tựu của triết học Phương Đông (Âm – Dương ngũ hành; Kinh dịch, Kinh Vê da...) trong giảng dạy môn GDCD ở trường phổ thông và các môn lý luận chính trị ở trường chuyên nghiệp.	- <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai hoặc dạy học dự án</i>	A1, A3,	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3
LLO11	2. Hình thành được năng lực tư duy biện chứng cho HS để giải quyết một tình huống cụ thể nảy sinh trong cuộc sống như: vấn đề bạo lực học đường, bảo vệ môi trường, hướng nghiệp...	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai hoặc dạy học dự án</i>	A1, A3,	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3
LLO12	3. Thực hành theo các quan điểm về giáo dục đạo đức tiến bộ của Nho giáo như lòng hiếu thảo; đề cao chữ trung, chữ tín, sống có trách nhiệm cho người học.	- <i>Nghiên cứu tài liệu, thực tế địa phương</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai</i>	A1, A3,	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3
LLO7	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) 1. Phân biệt được giữa triết học chính thống và triết học không chính thống.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.</i>	A1, A4	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3
LLO9	2. Vấn đề Chính danh của Nho gia. Nó còn có giá trị với xã hội hiện đại không? Vì sao?	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.</i>	A1, A4,	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3
LLO1, LLO5- LLO9	* Kiểm tra (1 tiết) bài số 1	<i>Làm bài viết tại lớp</i>	A5	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 2, 3

LLO7	B. Nội dung tự học: (34,5 tiết) 1. Triết học Chính thống và không chính thống của Ấn Độ cổ đại	<i>Tự học: Nghiên cứu tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên.</i>	A1	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3
LLO8	2. Mô tả được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm cơ bản của triết học Trung Quốc cổ đại	<i>Tự học: Nghiên cứu tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy.</i>	A1	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương 3
LLO9	3. Phân tích tư tưởng triết học cơ bản của Nho gia, Âm Dương ngũ hành, Đạo gia, Mặc gia, Pháp gia			
Chương 3: LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY (Giai đoạn trước triết học Mác – Lênin)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13 LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (12 tiết) 3.1. Triết học Hy Lạp cổ đại 3.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm triết học cơ bản của Hy Lạp cổ đại 3.1.2. Các trường phái triết học cơ bản	- <i>Thuyết trình tích cực</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i>	A1, A6 A7	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1 [3]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 2
LLO15	3.2. Triết học Tây Âu thời trung cổ 3.2.1. Điều kiện ra đời và đặc điểm triết học Tây Âu thời kỳ Trung cổ 3.2.2. Một số học thuyết triết học tiêu biểu	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i>	A1, A6 A7	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc chương 2 [3]. Đọc chương 1
LLO16	3.3. Triết học Tây Âu thời Phục hưng 3.3.1. Cơ sở hình thành, phát triển và đặc điểm chung của Triết học Tây Âu thời Phục hưng 3.3.2. Một số triết gia tiêu biểu	- <i>Thuyết trình kết hợp trình chiếu</i> - <i>Vấn đáp</i>	A1, A6, A7	[[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 2 [5]. Đọc chương 3
LLO17	3.4. Triết học Tây Âu thời kỳ cận đại 3.4.1. Những điều kiện hình thành, phát triển của triết học Tây Âu thời kỳ cận đại 3.4.2. Một số triết gia tiêu biểu	- <i>Thuyết trình kết hợp trình chiếu</i> - <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i>	A1, A6, A7	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 5 [3]. Đọc chương 4

LLO18	3.4. Triết học cổ điển Đức 3.4.1. Những điều kiện ra đời và đặc điểm triết học cổ điển Đức 3.4.2. Một số triết gia tiêu biểu	- <i>Thuyết trình kết hợp trình chiếu</i> - <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i>	A1, A6, A7	[1]. Đọc chương 6 [3]. Đọc chương 4 [5]. Đọc chương 2
LLO14	* Nội dung bài tập: (5 tiết) 1. Xác định được những tư tưởng cơ bản của các trường phái triết học và các nhà triết học tiêu biểu của Hy Lạp cổ đại	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1, A2	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1 [3]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 2
LLO15	2. Mô tả được quá ra đời và đặc điểm của triết học Tây Âu thời Trung cổ, tư tưởng của một số nhà triết học tiêu biểu	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập hoặc nhóm</i>	A1, A2	[1]. Đọc chương 2 [2]. Đọc chương 2 [5]. Đọc chương 2
LLO16	3. Trình bày được hoàn cảnh ra đời, đặc điểm triết học Tây Âu thời Phục hưng và một số nhà triết học tiêu biểu.	- <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo trước lớp</i>	A1, A2	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 3 [5]. Đọc chương 2
LLO19	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Bày tỏ được quan điểm của cá nhân khi lý giải về vấn đề thế giới quan, nhân sinh quan trên cơ sở tiếp thu tư tưởng triết tiến bộ của nhà triết học trong lịch sử.	- <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai</i>	A1, A3	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 2
LLO20	2. Thể hiện được quan điểm của cá nhân trước một số vấn đề về thiên tai, bão lũ, dịch bệnh... trên cơ sở kế thừa các quan điểm tiến bộ của các triết học trong lịch sử.	- <i>Nghiên cứu tài liệu, thực tế địa phương</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai</i>	A1, A3	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1 [3]. Đọc chương 1
LLO21	3. Chia sẻ được các quan điểm về đạo đức của các nhà triết học cổ điển Đức như của Can tơ, Phơ bách, Hêghen.	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai hoặc dạy học dự án</i>	A1, A3	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1 [3]. Đọc chương 5
	* Nội dung thảo luận: (4 tiết)	- <i>Đọc hiểu</i>	A1, A4	[1]. Đọc chương 5

LLO22	1. Đề xuất các biện pháp để thực thi dân chủ trong nhà trường trên cơ sở tiếp thu tư tưởng dân chủ của các nhà triết học Tây Âu cận đại.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.</i>		[2]. Đọc chương 1 [3]. Đọc chương 1
LLO13	2. Tóm tắt hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của triết học Hy – Lạp cổ đại. So sánh với đặc điểm của triết học Phương Đông.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.</i>	A1, A4	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 2
LLO18	3. Giải thích được điều kiện ra đời, đặc điểm của triết học cổ điển Đức và nội dung tư tưởng triết học cơ bản của các nhà triết học cổ điển Đức.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.</i>	A1, A4	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 5
LLO13 LLO18	* Kiểm tra (1 tiết) bài số 1	<i>Làm bài viết tại lớp</i>	A5	[1]. Đọc chương 4,5 [2]. Đọc chương 4,5
LLO13 LLO14	B. Nội dung tự học: (39 tiết) 1. Đặc điểm của triết học Hy Lạp cổ đại 2. Phân tích đường lối duy vật và duy tâm của triết học Hy Lạp cổ đại.	- <i>Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học vào vở bài tập.</i>	A1	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1
LLO15 LLO16	3. Đặc điểm của triết học Tây Âu thời Trung cổ 4. Phân biệt phái duy danh và duy thực	- <i>Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy</i>	A1	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 1
LLO17	5. Phân tích chủ nghĩa duy vật ở Anh, Pháp, Hà Lan thời cận đại	- <i>Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy</i>	A1	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc chương 3
LLO18	6. Làm sáng tỏ CNDV và CNDT trong triết học cổ điển Đức	- <i>Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học và ghi chép vào vở.</i>	A1	[1]. Đọc chương 5 [3]. Đọc chương 5

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác:

7.27: 60EDL331, Giáo dục pháp luật 1 (LEGAL EDUCATION 1)**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
7.	Lý thuyết	30		60
8.	Bài tập	8		32
9.	Thực hành	8		
10.	Thảo luận	10		
11.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng				92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa: Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
23.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
24.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
25.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)*** Về kiến thức**

CO1. Phân tích được những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CO2. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về pháp luật, ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật trong hoạt động thực tiễn.

*** Về kỹ năng**

CO3. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề pháp lý nảy sinh trong thực tiễn.

CO4. Tổ chức được các hoạt động giáo dục pháp luật.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5. Thực hiện được hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

CO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học một cách sáng tạo vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về pháp luật xã hội chủ nghĩa.	PLO1,PLO3,PLO4

	CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản về pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	PLO1,PLO3,PLO4
CO2	CLO3	Phân tích được các kiến thức về ý thức pháp luật.	PLO1,PLO3,PLO4
	CLO4	Vận dụng được các kiến thức đã học về hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào hoạt động giáo dục pháp luật.	PLO1,PLO3, PLO4
Kĩ năng			
CO3	CLO5	Thực hiện được kĩ năng để giao tiếp, hợp tác hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.	PLO11,PLO12
	CLO6	Phân tích, đánh giá trong các tình huống pháp lý nảy sinh trong thực tiễn.	PLO11
CO4	CLO7	Thiết kế được các hoạt động giáo dục pháp luật.	PLO11
	CLO8	Thực hiện được các hoạt động giáo dục pháp luật trong thực tế.	PLO7,PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO9	Ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.	PLO15
CO6	CLO10	Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học một cách sáng tạo vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x		x	x											
CLO2	x		x	x											
CLO3	x		x	x											
CLO4	x		x	x											
CLO5											x	x			
CLO6											x				
CLO7						x					x				
CLO8											x				
CLO9															x
CLO10															x
MDG	3	0	3	3	0	1	0	0	0	0	3	1	0	0	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về pháp luật xã hội chủ nghĩa và hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đồng thời, học phần giúp người học hiểu đầy đủ hơn về ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật, từ đó có khả năng vận dụng vào các hoạt động giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho các đối tượng giáo dục khác nhau.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-10
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-10
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-10
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1,2
6	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO3,4
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên

		tập.	cầu.	cầu.	80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

*** Rubric đánh giá bài thực hành nhóm**

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.
 [2]. Nguyễn Thị Khương (chủ biên), Nguyễn Mai Anh (2022), *Giáo trình Pháp luật học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân.
- [4]. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946) (2014), Nxb Lao động.
- [5]. Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) (2017), Nxb Lao động.
- [6]. Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [7]. Luật hôn nhân và gia đình: có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 (2014), Nxb Lao động.
- [8]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016) (2017), Nxb Lao động.
- [9]. Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013): Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính (2014), Nxb Lao động.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được khái niệm pháp luật xã hội chủ nghĩa.
LLO2	Chứng minh được tính ưu việt của pháp luật xã hội chủ nghĩa so với các kiểu pháp luật khác.
LLO3	Phân tích được khái niệm và đặc điểm của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
LLO4	Khái quát được những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
LLO5	Phân tích được khái niệm, đặc điểm của ý thức pháp luật.
LLO6	Xác định được cấu trúc của ý thức pháp luật.
LLO7	Phân tích được mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật
LLO8	Phân tích được khái niệm, mục đích của giáo dục pháp luật.
LLO9	Khái quát được các nội dung giáo dục pháp luật cơ bản.
LLO10	Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của các hình thức giáo dục pháp luật.
LLO11	Giao tiếp phù hợp chuẩn mực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của môn học.
LLO12	Phối hợp hiệu quả để thực hiện các nhiệm vụ của nhóm.
LLO13	Vận dụng các kiến thức đã học về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các bài tập tình huống.
LLO14	Nhận diện được các hành vi không phù hợp với đạo đức nhà giáo và pháp luật xảy ra trong và ngoài trường học.
LLO15	Lập được kế hoạch cho hoạt động giáo dục pháp luật.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO16	Xây dựng kịch bản chi tiết để thực hiện một hoạt động giáo dục pháp luật.
LLO17	Tổ chức được hoạt động giáo dục pháp luật cho một nhóm đối tượng cụ thể.
LLO18	Thực hiện được các hoạt động giao tiếp phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan khi thực hiện các nhiệm vụ của học phần.
LLO19	Phê phán được những hành vi vi phạm quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan khi thực hiện các nhiệm vụ của học phần.
LLO20	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học một cách sáng tạo để thực hiện các nhiệm vụ tự học, làm việc nhóm.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Hệ thống pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung lí thuyết: (16 tiết) 1.1. Khái quát về pháp luật xã hội chủ nghĩa 1.1.1. Khái niệm và sự hình thành pháp luật xã hội chủ nghĩa 1.1.2. Đặc điểm của pháp luật xã hội chủ nghĩa 1.2. Khái niệm và đặc điểm hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.2.1. Khái niệm hệ thống pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.2.2. Đặc điểm hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.3. Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam 1.3.1. Ngành luật Hành chính 1.3.2. Ngành luật Hình sự 1.3.3. Ngành luật Dân sự 1.3.4. Ngành luật Hôn nhân và gia đình 1.3.5. Ngành luật Lao động 1.3.6. Ngành luật Kinh tế 1.3.7. Ngành luật Quốc tế	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1, A5, A7	[1]. Phần thứ hai [2]. Chương 3 [4], [5], [6], [7], [8], [9] Đọc các nội dung theo yêu cầu của GV
LLO13, 14	* Nội dung bài tập cá nhân: (04 tiết) Giải quyết một số bài tập tình huống về Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động... GV giao trên lớp.	GV hướng dẫn SV làm bài tập trên lớp.	A1, A5, A2, A7	Chương 3 [4], [5], [6], [7], [8], [9] Đọc các nội dung theo yêu cầu của GV
LLO4, 11, 12	* Nội dung thảo luận: (04 tiết) SV thảo luận các nội dung sau đây: - Phân biệt vi phạm hình sự và vi phạm hành chính.	SV thảo luận theo nhóm và trình bày	A1, A5, A3, A7	Chương 3 [4], [5], [6], [7], [8], [9] Đọc các

	- Phân biệt khiếu nại và tố cáo, cho ví dụ minh họa. - Giải thích tại sao hình phạt là biện pháp cưỡng chế đặc biệt của nhà nước. - Phân biệt các loại hợp đồng lao động. - Trình bày thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật hiện hành.	<i>kết quả trước lớp.</i>		nội dung theo yêu cầu của GV
LLO20	B. Nội dung tự học (40 tiết) - <i>Nội dung tự học của người học:</i> + <i>Đọc tài liệu về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</i> + <i>Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu.</i>	GV kiểm tra nội dung tự học bằng phát vấn trên lớp.	A1,A5,A7	Chương 3 [4], [5], [6], [7], [8], [9] Đọc các nội dung theo yêu cầu của GV

Chương 2. Ý thức pháp luật				
LLO5, 6,7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (07 tiết) 2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của ý thức pháp luật 2.1.1. Khái niệm ý thức pháp luật 2.1.2. Đặc điểm của ý thức pháp luật 2.1.3. Vai trò của ý thức pháp luật 2.2. Cấu trúc ý thức pháp luật 2.2.1. Tư tưởng pháp luật 2.2.2. Tâm lý pháp luật 2.3. Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1,A5,A7	[2]. [3]. Chương XX
LLO1-7	* Bài kiểm tra định kì số 1: (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	SV làm bài KT theo quy định.	A5	[2]. [3]. Chương XX
LLO5, 6,7	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. So sánh ý thức pháp luật và ý thức xã hội. 2. Phân tích cấu trúc của ý thức pháp luật.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.	A1, A2,A5, A7	[2]. [3]. Chương XX
LLO5, 7,11,12,20	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) SV thảo luận các nội dung sau đây: 1. Ý thức pháp luật có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội. 2. Chứng minh ý thức pháp luật có mối quan hệ mật thiết với pháp luật.	SV thảo luận theo nhóm và thuyết trình kết quả thảo luận trước lớp.	A1, A3,A5, A7	[2]. [3]. Chương XX

LLO13 ,20	B. Nội dung tự học (22 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu. + Hoàn thành bài tập cá nhân.	GV kiểm tra bài tập và nội dung đọc tài liệu bằng phát vấn trên lớp.	A1, A5, A7	[2]. [3]. Chương XX
--------------	--	--	------------	---------------------------

Chương 3: Giáo dục pháp luật

LLO8, 9,10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 3.1. Khái niệm và mục đích của giáo dục pháp luật 3.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật 3.1.2. Mục đích của giáo dục pháp luật 3.2. Nội dung giáo dục pháp luật 3.3. Các hình thức giáo dục pháp luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Đóng vai - Sử dụng phim tư liệu	A1, A6, A7	[3]. Chương XX
LLO3, 4	* Bài kiểm tra định kì số 2: (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	SV làm bài kiểm tra trên lớp theo quy định.	A7	
LLO8, 9,10	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Phân tích các mục đích của giáo dục pháp luật. 2. Trình bày các nội dung giáo dục pháp luật theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.	A1, A2, A6, A7	[3]. Chương XX
LLO11 ,12,15, 16,17, 20	* Nội dung thực hành: (03 tiết) 1. Lựa chọn và lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục cho nhóm đối tượng là người dân tộc thiểu số. 2. Xây dựng kịch bản và tổ chức 1 hoạt động giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng là sinh viên.	SV thực hành theo nhóm và nộp SP thực hành cho GV đánh giá.	A1, A4	[3]. Chương XX
LLO10 ,18,19, 20	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) SV thảo luận theo nhóm các nội dung sau: 1. Phân tích ưu điểm, nhược điểm của các hình thức giáo dục pháp luật đã học. 2. Đánh giá sự phù hợp của hình thức giáo dục pháp luật với 1 nhóm đối tượng (theo phân công của GV)	- SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp.	A1, A3, A6, A7	[3]. Chương XX

LLO20	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu về giáo dục pháp luật theo yêu cầu của GV.	SV ghi chép tóm tắt các nội dung đã tự học và nộp cho GV đánh giá.	A1, A6, A7	[3]. Chương XX
-------	--	--	------------	-------------------

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.28: 60EDL332, Giáo dục pháp luật 2 (LEGAL EDUCATION 2)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
12.	Lý thuyết	30		60
13.	Bài tập	8		32
14.	Thực hành	8		
15.	Thảo luận	10		
16.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa: Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
26.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
27.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
28.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Phân tích được những vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật trong nhà trường.

CO2. Vận dụng được các kiến thức về giáo dục pháp luật trong nhà trường vào hoạt động thực tiễn.

* Về kỹ năng

CO3. Thực hiện được các hoạt động giao tiếp và tư vấn cho người học trong dạy học.

CO4. Tổ chức được các hoạt động giáo dục pháp luật ở trường trung học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5. Tham gia xây dựng và thực hiện văn hóa ứng xử, quy chế dân chủ ở cơ quan.

CO6. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học một cách sáng tạo vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về giáo dục pháp luật trong nhà trường.	PLO1,PLO3, PLO4
	CLO2	Phân tích được các hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật ở trường trung học.	PLO1,PLO3, PLO4
CO2	CLO3	Lựa chọn được các hình thức phù hợp để tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật ở trường trung học.	PLO1, PLO3, PLO4
	CLO4	Sử dụng được một số phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp để giáo dục pháp luật cho học sinh trung học.	PLO1,PLO3, PLO4,PLO11
	Kĩ năng		
CO3	CLO5	Thực hiện được các hoạt động giao tiếp phù hợp chuẩn mực khi thực hiện các hoạt động giáo dục pháp luật	PLO11, PLO12
CO4	CLO6	Thiết kế được các hoạt động giáo dục pháp luật ở trường trung học.	PLO11
	CLO7	Thực hiện được các hoạt động giáo dục pháp luật ở trường trung học.	PLO6,PLO11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO8	Ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan khi thực hiện các hoạt động giáo dục pháp luật.	PLO11
	CLO9	Tích cực phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.	PLO11
CO6	CLO10	Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học một cách sáng tạo vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

[illegible]

CLO3	x		x	x											
CLO4	x		x	x							x				
CLO5											x	x			
CLO6											x				
CLO7						x					x				
CLO8											x				
CLO9											x				
CLO10															x
MĐG	3	0	3	3	0	0	0	0	0	0	3	1	0	0	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về giáo dục pháp luật trong nhà trường. Học phần giúp người học xác định được các mục đích, nội dung cơ bản của giáo dục pháp luật trong nhà trường, từ đó lựa chọn hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật hiệu quả tại các trường trung học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-10
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-10
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-10
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1,2

6	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO3,4
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0

nghệ đáp ứng yêu cầu		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.
----------------------	--	------------------------------------	--	--	---

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

* Rubric đánh giá bài thực hành nhóm

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày	Trình bày	Trình bày tốt,	Trình bày

đúng yêu cầu		chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	tốt, phối hợp trong nhóm tốt
--------------	--	---	--	---	------------------------------

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (chủ biên), Nguyễn Mai Anh (2022), Giáo trình Pháp luật học, Nxb Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ (2011), Chuyên đề Phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

[3]. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được khái niệm giáo dục trong nhà trường.
LLO2	Phân tích được các đặc điểm, mục đích của giáo dục pháp luật trong nhà trường.
LLO3	Phân biệt được các hình thức giáo dục pháp luật trong nhà trường.
LLO4	Phân tích được vai trò và nội dung của các hình thức giáo dục pháp luật trong nhà trường.
LLO5	Xác định được các phương pháp giáo dục pháp luật phù hợp ở trường trung học.
LLO6	Phân loại được các kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng để giáo dục pháp luật ở trường trung học.
LLO7	Phân biệt được hình thức giáo dục pháp luật chính khóa và hình thức giáo dục pháp luật thông qua hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp.
LLO8	Đánh giá được ưu và nhược điểm của các hình thức giáo dục pháp luật trong nhà trường.
LLO9	Phân biệt được các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong giáo dục pháp luật cho học sinh trung học.
LLO10	Đánh giá được ưu và nhược điểm của các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong giáo dục pháp luật cho học sinh trung học.
LLO11	Giao tiếp phù hợp chuẩn mực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của môn học.
LLO12	Nhận diện được các hành vi không phù hợp với đạo đức nhà giáo và pháp luật xảy ra trong và ngoài trường học.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO13	Lập được kế hoạch hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học.
LLO14	Xây dựng được kịch bản chi tiết để thực hiện một hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học.
LLO15	Tổ chức được một hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường trung học.
LLO16	Thực hiện được các hoạt động giao tiếp phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan khi thực hiện các nhiệm vụ của học phần.
LLO17	Nhận diện, phê phán được những hành vi vi phạm quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.
LLO18	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học một cách sáng tạo để thực hiện các nhiệm vụ tự học, làm việc nhóm.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO18										x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Giáo dục pháp luật trong nhà trường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 1.1. Khái niệm và đặc điểm giáo dục pháp luật trong nhà trường 1.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật trong nhà trường 1.1.2. Đặc điểm giáo dục pháp luật trong nhà trường 1.2. Mục đích giáo dục pháp luật trong nhà trường 1.2.1 Mục đích tri thức 1.2.2. Mục đích tình cảm 1.2.3. Mục đích hành vi 1.3. Nội dung giáo dục pháp luật trong nhà trường 1.3.1. Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục mầm non và tiểu học 1.3.2. Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục trung học cơ sở, trung học phổ thông 1.3.3. Nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1, A5, A7	[1]. Chương 2 [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO2, 18	* Nội dung bài tập cá nhân: (04 tiết) 1. Trình bày những nét khác biệt giữa giáo dục pháp luật trong nhà trường và giáo dục pháp luật ngoài nhà trường. 2. Phân tích các mục đích của giáo dục pháp luật trong nhà trường.	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập trên lớp.</i>	A1, A5, A2, A7	[1]. Chương 2 [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4, 11,12, 18	* Nội dung thảo luận: (04 tiết) <i>SV thảo luận các nội dung sau đây:</i>	<i>SV thảo luận theo nhóm và trình bày</i>	A1, A5, A3, A7	[1]. Chương 2 [2], [3] Đọc theo

	1. So sánh nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục của các bậc học (theo sự phân công của GV)	<i>kết quả trước lớp.</i>		hướng dẫn của GV
LLO18	B. Nội dung tự học (28 tiết) - <i>Nội dung tự học của người học:</i> + <i>Đọc tài liệu về giáo dục pháp luật trong nhà trường theo yêu cầu của GV.</i> + <i>Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu.</i>	<i>GV kiểm tra nội dung tự học bằng phát vấn trên lớp.</i>	A1,A5,A7	[1]. Chương 2 [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV

Chương 2. Giáo dục pháp luật ở trường trung học				
LLO4, 7,8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 2.1. Giáo dục pháp luật chính khóa 2.1.1. Giáo dục pháp luật tích hợp toàn bộ trong bài học 2.1.2. Giáo dục pháp luật tích hợp bộ phận trong bài học 2.1.3. Giáo dục pháp luật liên hệ trong bài học 2.2. Giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 2.2.1. Giáo dục pháp luật trong các hoạt động ngoại khóa 2.2.2. Giáo dục pháp luật trong các hoạt động ngoại giờ lên lớp	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1,A5,A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO1-6	* Bài kiểm tra định kì số 1: (01 tiết) <i>thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.</i>	<i>SV làm bài KT theo quy định.</i>	A5	[1], [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4, 8,18	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. Giáo dục pháp luật ở trường trung học gồm có những hình thức nào? 2. Cho ví dụ về giáo dục pháp luật tích hợp ở các cấp độ toàn bộ, bộ phận, liên hệ.	<i>SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.</i>	A1, A2,A5, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4, 7,11,12	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) <i>SV thảo luận các nội dung sau đây:</i> 1. Giáo dục pháp luật ở các cấp độ tích hợp toàn bộ, bộ phận, liên hệ phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục nào ở trường trung học? 2. Cho ví dụ về 1 kế hoạch giáo dục pháp luật trong các hoạt động ngoại khóa.	<i>SV thảo luận theo nhóm và thuyết trình kết quả thảo luận trước lớp.</i>	A1, A3,A5, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO13,18	B. Nội dung tự học (28 tiết) - <i>Nội dung tự học của người học:</i>	<i>GV kiểm tra bài tập và nội</i>	A1, A5, A7	[2], [3] Đọc theo hướng

	+ Đọc tài liệu về giáo dục pháp luật theo hướng dẫn của GV. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu. + Hoàn thành bài tập cá nhân.	<i>dung đọc tài liệu bằng phát vấn trên lớp.</i>		dẫn của GV
--	---	--	--	------------

Chương 3: Một số phương pháp giáo dục pháp luật ở trường trung học

LLO6, 9,10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 3.1. Một số phương pháp giáo dục trong giờ lên lớp 3.2. Một số phương pháp giáo dục ngoài giờ lên lớp 3.3. Một số kĩ thuật dạy học tích cực để giáo dục pháp luật ở trường trung học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Đóng vai - Sử dụng phim tư liệu	A1, A6, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO7-10	* Bài kiểm tra định kì số 2: (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	SV làm bài kiểm tra trên lớp theo quy định.		[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO9, 10,18	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. Phân tích ưu điểm, nhược điểm của một số phương pháp giáo dục trong giờ lên lớp. 2. Trình bày một số kĩ thuật dạy học tích cực sử dụng để giáo dục pháp luật ở trường trung học.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.	A1, A2, A6, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO11, 12,13, 14,15, 16	* Nội dung thực hành: (08 tiết) 1. Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh THCS. 2. Soạn 1 giáo án giáo dục pháp luật (tích hợp toàn bộ) trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	SV thực hành theo nhóm và nộp SP thực hành cho GV đánh giá.	A1, A4	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO12, 16,17	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) SV thảo luận theo nhóm các nội dung sau: 1. Đánh giá về những thuận lợi, khó khăn khi giáo dục pháp luật trong giờ lên lớp. 2. Đánh giá về những thuận lợi, khó khăn khi giáo dục pháp luật ngoài giờ lên lớp.	- SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp.	A1, A3, A6, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO18	B. Nội dung tự học: (36 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu về giáo dục pháp luật theo yêu cầu của GV.	SV ghi chép tóm tắt các nội dung đã tự	A1, A6, A7	[2], [3] Đọc theo hướng

		<i>học và nộp cho GV đánh giá.</i>		dẫn của GV
--	--	--	--	---------------

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.29: 60ECE331, Giáo dục kinh tế 1 (ECONOMIC EDUCATION 1)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 60SPE131, Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Học phần học song hành: không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và Phương pháp dạy học; Khoa Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
29.	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
30.	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
31.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
32.	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được kiến thức về các hoạt động của nền kinh tế và nội dung giáo dục kinh tế.

CO2: Phân tích được những nguyên lý cơ bản của quản lý kinh tế.

CO3: Diễn giải được những kiến thức cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế và các mô hình tăng trưởng kinh tế.

CO4: Luận giải được các nguồn lực cho phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

* Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần Giáo dục kinh tế 1 vào đời sống kinh tế - xã hội, vào dạy học GD&ĐT và tổ chức hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông

CO6: Phát triển các kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá để thực hành nghề nghiệp chuyên môn và giải quyết tình huống nảy sinh trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Diễn giải được các kiến thức về hoạt động của nền kinh tế.	PLO1 PLO3 PLO4 PLO11
	CLO2	Trình bày được những kiến thức cơ bản về giáo dục kinh tế.	PLO1 PLO3 PLO4
CO2	CLO3	Phân tích được các nội dung về quản lý nhà nước về kinh tế.	PLO1 PLO3 PLO4 PLO11
	CLO4	Luận giải được các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước	PLO1, PLO3, PLO4 PLO11
CO3	CLO5	Hiểu được những kiến thức cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế và các thước đo tăng trưởng kinh tế	PLO1, PLO3, PLO4 PLO11
	CLO6	Phân tích được các mô hình tăng trưởng kinh tế và vai trò của nhà nước trong tăng trưởng và phát triển kinh tế	PLO1, PLO3, PLO4 PLO11
CO4	CLO7	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về các nguồn lực cho phát triển kinh tế	PLO1, PLO3, PLO4 PLO11
	CLO8	Phân tích được những nguồn lực cho phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay	PLO1, PLO3, PLO4 PLO11
	Kỹ năng		

CO5	CLO9	Vận dụng được kiến thức giáo dục kinh tế 1 để giải quyết các tình huống kinh tế trên thế giới và Việt Nam hiện nay cũng như hoạt động kinh tế của bản thân	PLO 11
	CLO10	Vận dụng được kiến thức giáo dục kinh tế 1 vào thiết kế, tổ chức kế hoạch dạy học trong chương trình GD CD và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục, tư vấn, hướng nghiệp ở trường phổ thông.	PLO11, PLO 6
CO6	CLO11	Hình thành được tư duy phản biện, phân tích, đánh giá trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	PLO11, PLO 6
	CLO12	Giải quyết được các tình huống nảy sinh trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội	PLO11, PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO13	Vận dụng được các kiến, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	PLO11 PLO15 PLO12 PLO15
	CLO14	Vận dụng được các kiến, kỹ năng đã học vào hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x	x							x				
CLO2	x		x	x							x				
CLO3	x		x	x							x				
CLO4	x		x	x							x				
CLO5	x		x	x							x				
CLO6	x		x	x							x				
CLO7	x		x	x							x				
CLO8	x		x	x							x				
CLO9											x				
CLO10						x					x				
CLO11						x					x				
CLO12											x	x			
CLO13											x	x			x

CLO14															X
MDG	3	0	3	3	0	1	0	0	0	0	3	1	0	0	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục kinh tế 1 thuộc hệ thống kiến thức chung của ngành đào tạo Giáo dục công dân, cần trang bị cho người học với ý nghĩa là những kiến thức có tính liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản sau: *Thứ nhất*, những lý luận chung về các vấn đề cơ bản của nền kinh tế và giáo dục kinh tế. *Thứ hai* những nguyên lý cơ bản của quản lý kinh tế, gồm vai trò, chức năng, phương pháp và nguyên tắc quản lý kinh tế; công cụ quản lý kinh tế. *Thứ ba*, những kiến thức cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế và các mô hình tăng trưởng kinh tế. *Thứ tư*, các nguồn lực cho phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-8,14
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 1-8, CLO 12-14.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1-8, CLO12-14
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,
	A6. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO 5,6,7,8
Thi kết thúc học phần					

6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-8; CLO 10-13
---	-------------	----	----	--------------------	-----------------------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.

Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Mão (2025),

Đề cương bài giảng Giáo dục kinh tế 1.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [2]. Bộ GD-ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học chuyên ngành lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [3]. Vũ Hồng Tiến, Phạm Thị Hồng Điệp (2008), *Giáo trình Kinh tế học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Mạnh Quân (2007), *Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty*, NXB Đại học KTQD.
- [5]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý kinh tế vĩ mô*, NXB Đại học Lao động.
- [6]. Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (2012), *Giáo trình Kinh tế Phát triển (Dùng cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế)*, NXB Đại học KTQD, Hà Nội.
- [7]. Báo điện tử: www.gso.gov.vn/, chinhphu.vn/, dangcongsan.vn/, <https://molisa.gov.vn/>, <https://doanhnhhan.vn/>; ...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO1	Giải thích vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế.
LLO2	Hiểu và chứng minh mối quan hệ giữa các phân ngành kinh tế của khoa học kinh tế trong thực tiễn.
LLO3	Nhận diện và luận giải được mô hình kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
LLO4	Giải thích được khái niệm giáo dục kinh tế và mục đích của giáo dục kinh tế.
LLO5	Luận giải được đối tượng và vận dụng được các phương pháp nghiên cứu của học phần giáo dục kinh tế vào các hoạt động thực tiễn của bản thân
LLO6	Bày tỏ được ý kiến khi giải quyết các yêu cầu của bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm chương 1.
LLO7	Phân tích được kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế.
LLO8	Minh họa được việc sử dụng các phương pháp quản lý kinh tế trong hoạt động kinh tế cụ thể
LLO9	Phân tích được chức năng của quản lý kinh tế trong thực tiễn.
LLO10	Khẳng định được sự quán triệt chức năng, nguyên tắc và phương pháp quản lý kinh tế trong chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và trong thực hành các hoạt động quản lý kinh tế của bản thân, xã hội.
LLO11	Áp dụng được kiến thức của quản lý kinh tế vào hoạt động kinh tế của bản thân.
LLO12	Liên hệ và đánh giá được việc sử dụng công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước.
LLO13	Đánh giá được thực trạng quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước và quản lý kinh tế vi mô của doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay
LLO14	Thể hiện được ý kiến trong giải quyết bài tập cá nhân và bài thảo luận nhóm chương 2.
LLO15	Diễn giải được các kiến thức cơ bản về tăng trưởng và phát triển kinh tế
LLO16	Luận giải được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.
LLO17	Đánh giá được các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế trong thực tiễn kinh tế thế giới và Việt Nam.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO18	Chứng minh được những nhân tố tác động và các điều kiện đảm bảo cho tăng trưởng kinh tế.
LLO19	Liên hệ được các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong đảm bảo tăng trưởng kinh tế cao và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.
LLO20	Luận giải được mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay.
LLO21	Vận dụng được kiến thức để thiết kế và diễn giải bài giảng trong chương trình GDCD ở phổ thông nội dung giáo dục kinh tế, phần hoạt động kinh tế của nhà nước
LLO22	Lựa chọn được những thông tin, số liệu, hình ảnh và cách thức thực hiện để hoàn thành bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm và thực hành nhóm chương 3.
LLO23	Phân tích được kiến thức cơ bản về nguồn lực cho phát triển kinh tế.
LLO24	Mình hoạ được cách phân loại các nguồn lực cho phát triển kinh tế ở Việt Nam.
LLO25	Giải thích được đặc điểm, vai trò của các nguồn lực đối với phát triển kinh tế ở Việt Nam
LLO26	Mô tả được thực trạng huy động và sử dụng nguồn vốn trong nước và vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay
LLO27	Đánh giá được vai trò của nhà nước trong việc phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số
LLO28	Thực hành được trách nhiệm công dân về khai thác, sử dụng nguồn lực dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo đối với phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.
LLO29	Vận dụng được kiến thức để thiết kế và diễn giải bài giảng trong chương trình GDCD ở phổ thông nội dung giáo dục kinh tế, phần hoạt động tế của nhà nước.
LLO30	Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bài thực hành, bài thảo luận nhóm chương 4.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO1	x	x					x		x			x	x	x
LLO2	x	x		x		x	x		x		x		x	x
LLO3	x	x		x		x	x		x		x		x	x
LLO4	x	x	x	x		x			x	x	x		x	x
LLO5	x		x	x		x		x	x	x	x			
LLO6	x		x	x	x					x	x	x		x
LLO7	x	x	x				x			x		x		x
LLO8		x	x							x		x		x
LLO9			x					x		x		x		
LLO10			x	x	x							x	x	x
LLO11		x	x	x	x	x			x		x	x	x	x
LLO12		x	x		x		x		x		x		x	x

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO13		x			x				x		x		x	x
LLO14	x			x	x	x			x		x			x
LLO15	x		x					x	x		x			
LLO16	x		x		x	x			x		x	x	x	x
LLO17	x			x		x			x		x	x	x	x
LLO18	x	x		x		x				x	x	x	x	x
LLO19	x	x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x
LLO20	x	x					x	x		x	x			x
LLO21		x			x	x	x	x		x				x
LLO22		x		x			x	x		x				x
LLO23		x		x		x	x	x		x		x	x	x
LLO24		x			x	x				x		x	x	x
LLO25	x			x								x	x	x
LLO26	x			x		x			x	x	x	x	x	x
LLO27	x	x	x				x		x	x	x			x
LLO28	x	x	x			x		x	x	x	x			x
LLO29	x			x	x	x			x	x	x			x
LLO30	x			x		x						x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề cơ bản của nền kinh tế và giáo dục kinh tế				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3, LLO4, LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Nhận thức chung về kinh tế và những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế 1.1.1. Khái niệm kinh tế và nền kinh tế 1.1.2. Những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế 1.1.3. Sự phân ngành và nghiên cứu liên ngành trong khoa học kinh tế	Thuyết trình kết hợp trình chiếu	A1,A5, A7	[1] Chương 1 [2,6]

	1.2. Giáo dục kinh tế và mục đích của giáo dục kinh tế 1.2.1. Khái niệm giáo dục kinh tế 1.2.2. Mục đích của giáo dục kinh tế 1.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần giáo dục kinh tế 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục kinh tế 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của giáo dục kinh tế			
LLO1 LLO2 LLO3 LLO6	* Nội dung bài tập (2 tiết) Vẽ sơ đồ tư duy minh họa việc giải quyết các vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế trong thực tiễn.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1].Chương 1 [2, 6,7]
LLO2, LLO3	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Chứng minh mối quan hệ giữa các phân ngành kinh tế của khoa học kinh tế trong thực tiễn. - Nhận diện và chứng minh mô hình kinh tế ở Việt Nam hiện nay.	Thảo luận nhóm	A4	[1].Chương 1 [2, 6,7]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 1 ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có). - Cá nhân làm bài tập theo yêu cầu của GV. - Nhóm sinh viên thống nhất đề cương, phân công thu thập thông tin, số liệu; hoàn thiện nội dung thảo luận để báo cáo.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên.	A1,A2,A4	[1].Chương 1 [2, 6,7]
Chương 2: Quản lý nhà nước về kinh tế và công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7, LLO8, LLO12 LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lý thuyết: (7 tiết) 2.1. Quản lý nhà nước về kinh tế 2.1.1. Khái niệm, mục tiêu, động lực quản lý kinh tế 2.1.2. Vai trò, đặc điểm của quản lý kinh tế đối với đời sống xã hội	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não	A1, A5, A7	[1] Chương 2 [2,3,5,6]

	2.1.3. Nguyên tắc và phương pháp quản lý kinh tế 2.1.4. Đối tượng và chức năng của quản lý kinh tế 2.2. Công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước 2.2.1. Chiến lược, kế hoạch, quy hoạch của nhà nước 2.2.2. Hệ thống pháp luật 2.2.3. Các chính sách kinh tế - xã hội			
LLO9, LLO14	* Nội dung bài tập (3 tiết) 1. Minh họa việc sử dụng các phương pháp quản lý kinh tế trong hoạt động kinh tế của bản thân và đời sống kinh tế của xã hội. 2. So sánh vai trò và mức độ hiệu quả của các công cụ quản lý kinh tế của nhà nước Việt Nam hiện nay.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1].Chương 2 [2,3,5,6,7]
LLO10 LLO11 LLO12	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Chứng minh vai trò, động lực của quản lý kinh tế trong thực tiễn. 2. Minh chứng và đánh giá thực trạng quán triệt và thực hiện các chức năng, nguyên tắc và phương pháp trong quản lý vĩ mô của Nhà nước về kinh tế. 3. Minh chứng và đánh giá thực trạng quán triệt và thực hiện các chức năng, nguyên tắc và phương pháp trong quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	Thảo luận nhóm	A4	[1].Chương 2 [2, 3,5,6,7]
LLO12 LLO13	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Vận dụng kiến thức về nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế, bình luận về quan điểm: thị trường tối đa, nhà nước tối thiểu trong quản lý nhà nước về kinh tế 2. Tìm hiểu và đánh giá hiệu quả các chính sách kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay			[1].Chương 2 [2, 3,5,6,7]
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10 LLO11 LLO12	B. Nội dung tự học: (22 tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có).	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm	A1,A2, A3, A4.	[1].Chương 2 [2, 3,5,6,7]

LLO13 LLO14	- Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương, phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung bài thảo luận nhóm.	bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận.		
LLO1 -> LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định lý lần 1	<i>Tự luận</i>	A5	[1].Chương 1,2
	B.Nội dung tự học: (3 tiết) <i>Sinh viên ôn bài theo Đề cương bài giảng chương 1,2 và các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung lý thuyết trước khi vào giờ lý kiểm tra</i>	<i>Định hướng SV ôn bài</i>	A1,A5	[1].Chương 2 [2, 3,5,6,7]
Chương 3: Tăng trưởng và phát triển kinh tế				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO15 LLO16 LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lý thuyết: (8 tiết) 3.1. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế 3.1.1. Tăng trưởng kinh tế 3.1.2. Phát triển kinh tế 3.1.3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế 3.1.4. Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội 3.1.5. Phát triển bền vững 3.2. Các thước đo tăng trưởng và phát triển kinh tế 3.2.1. Các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế 3.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh sự phát triển kinh tế 3.3. Những nhân tố tác động và các điều kiện đảm bảo cho tăng trưởng kinh tế 3.3.1. Những nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế 3.3.2. Những điều kiện cơ bản để tăng trưởng nhanh và bền vững	Thuyết trình kết hợp trình chiếu	A1,A5, A6, A7	[1] Chương 3 [2,3,5]

	3.4. Mô hình tăng trưởng kinh tế 3.4.1. Khái niệm mô hình tăng trưởng kinh tế 3.4.2. Các loại mô hình tăng trưởng kinh tế 3.4.3. Một số mô hình tăng trưởng kinh tế trong lịch sử 3.5. Vai trò của nhà nước trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế 3.5.1. Tạo môi trường kinh doanh 3.5.2. Định hướng phát triển nền kinh tế			
LLO19 LLO21 LLO22	* Bài tập cá nhân (3 tiết) 1. Phân tích các mô hình tăng trưởng kinh tế tiêu biểu trên thế giới. 2. Luận giải các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững. 3. Phân tích những điều kiện cơ bản để tăng trưởng nhanh và bền vững.	Giao bài và hướng dẫn	A2	[1].Chương 3 [2,3,5,7]
LL017, LLO20	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Tìm hiểu chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây 2. Nhận diện mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay.	Thực hành nhóm	A3	[1].Chương 3 [2,3,5,7]
LLO17 LLO18 LLO19 LLO20	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Luận giải và đối sánh các mô hình tăng trưởng kinh tế trong lịch sử 2. Đánh giá khái quát vai trò của nhà nước trong việc đảm bảo phát triển bền vững ở Việt Nam 3. Phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam	Thảo luận nhóm	A4	[1].Chương 3 [2,3,5,7]
LLO15 LLO16 LLO17 LLO18 LLO19 LLO20 LLO21 LLO22	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thực hành, bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin;	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị	A1,A2,A3,A4	[1].Chương 3 [2,3,5,7]

	thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành, thảo luận.	sản phẩm thực hành, thảo luận.		
Chương 4: Nguồn lực cho phát triển kinh tế				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO23	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lý thuyết: (10 tiết) 4.1. Khái niệm và phân loại nguồn lực 4.1.1. Khái niệm nguồn lực 4.1.2. Phân loại nguồn lực 4.2. Các nguồn lực kinh tế cơ bản cho phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay 4.2.1. Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên 4.2.2. Nguồn nhân lực 4.2.3. Nguồn vốn 4.2.4. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo 4.2.5. Dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5 A6, A7	[1] Chương 4 [4,5]
LLO24 LLO27 LLO29 LLO30	*Nội dung bài tập (2 tiết) 1.Thiết kế nội dung và diễn giải bài giảng trong chương trình GD KT và PL ở trường THPT – nội dung giáo dục kinh tế 2.Tìm hiểu và đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay.	Giao bài và hướng dẫn	A2	
LLO24 LLO28	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Tìm hiểu và kể tên các chính sách huy động và sử dụng vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay	Thực hành nhóm	A3	[1].Chương 4 [4,5,7]
LLO23 LLO26 LLO27 LLO28	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Tìm hiểu sự cần thiết của vai trò nhà nước trong việc phân bổ các nguồn lực ở Việt Nam hiện nay. 2. Phân tích vai trò của nguồn lực dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo đối với phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.	Thảo luận nhóm	A4	[1].Chương 4 [4,5,7]
LLO22 LLO23 LLO24	B. Nội dung tự học: (26 tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn	A1,A3, A4	[1].Chương 4 [4,5,7]

LLO25 LLO26 LLO27 LLO28 LLO29 LLO30	lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thực hành, thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức báo cáo cho sản phẩm thực hành, thảo luận.	sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận, thực hành.		
LLO15 -> LLO30	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kỳ lần 2	<i>Tự luận</i>	A6	[1].Chương 3,4 [4,5,7]
	B. Nội dung tự học: (3 tiết) <i>Sinh viên ôn bài theo Đề cương bài giảng chương 3,4 và các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung lý thuyết trước khi vào giờ kiểm tra.</i>	<i>Định hướng SV ôn bài</i>	A1,A6	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu sáng rõ và đủ các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: Internet đường truyền tốc độ cao.

7.30: 60ECE332, Giáo dục kinh tế 2 (ECONOMIC EDUCATION 2)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 60SPE131, Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Học phần học song hành: không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và Phương pháp dạy học; Khoa Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
33.	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
34.	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
35.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
36.	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về các hình thức tổ chức kinh tế của nền kinh tế.

CO2: Diễn giải được nội dung kiến thức về khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp.

CO3: Phân tích được kiến thức về văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh.

CO4: Luận giải được các kiến thức về tài chính, tín dụng và tiêu dùng cá nhân.

* Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được kiến thức về Giáo dục kinh tế 2 vào giải quyết và hình thành kỹ năng giải quyết các tình huống trong thực tiễn kinh tế - xã hội.

CO6: Vận dụng được các kiến thức về giáo dục kinh tế 2 vào dạy học GDCD và tổ chức các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học trong học phần để thực hiện hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách độc lập.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về hình thức tổ chức kinh tế của nền kinh tế và các hình thức tổ chức kinh tế trong nền kinh tế Việt Nam.	PLO1 PLO3 PLO4
	CLO2	Phân tích được những kiến thức cơ bản về phát triển doanh nghiệp số trong nền kinh tế số.	PLO1 PLO3 PLO4
CO2	CLO3	Hiểu được các kiến thức về chuẩn bị khởi sự kinh doanh, hình thành ý tưởng kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh.	PLO1 PLO3 PLO4
	CLO4	Luận giải được kiến thức về tạo lập doanh nghiệp.	PLO1, PLO3, PLO4
CO3	CLO5	Trình bày được nội dung kiến thức văn hóa kinh doanh	PLO1 PLO3 PLO4
	CLO6	Diễn giải được nội dung đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	PLO1 PLO3 PLO4
CO4	CLO7	Phân tích được các kiến thức về tài chính, tín dụng	PLO1 PLO3 PLO6

	CLO8	Luận giải được các kiến thức về tiêu dùng cá nhân và văn hóa tiêu dùng	PLO1 PLO3 PLO11
	Kỹ năng		
CO5	CLO9	Vận dụng được các kiến thức giáo dục kinh tế 2 vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn kinh tế - xã hội.	PLO11, PLO4
CO6	CLO10	Vận dụng được các kiến thức về Giáo dục kinh tế 2 vào dạy học GD CD ở trường phổ thông	PLO11, PLO4
	CLO11	Vận dụng được các kiến thức về Giáo dục kinh tế 2 vào tổ chức các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông	PLO11, PLO4
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO7	CLO12	Vận dụng được linh hoạt, sáng tạo các kiến thức giáo dục kinh tế 2 và kỹ năng trong thực hiện các quan hệ kinh tế của bản thân; trong khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	PLO11, PLO12 PLO15
	CLO13	Làm chủ được kiến thức, kỹ năng trong quá trình làm việc độc lập, nhóm và nâng cao năng lực nghề nghiệp ở trường phổ thông.	PLO11, PLO12 PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x	x											
CLO2	x		x	x											
CLO3	x		x	x											
CLO4	x		x	x											
CLO5	x		x	x											
CLO6	x		x												
CLO7	x		x												
CLO8	x		x								x				
CLO9											x				
CLO10						x					x				
CLO11						x					x				
CLO12											x	x			x
CLO13											x	x			x
MDG	3	0	3	3	0	1	0	0	0	0	3	1	0	0	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39%

số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục kinh tế 2 thuộc hệ thống kiến thức chung của ngành đào tạo Giáo dục công dân cần trang bị cho người học với ý nghĩa là những kiến thức có tính liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản sau: *Thứ nhất*, lý luận về các hình thức tổ chức kinh tế của nền kinh tế. *Thứ hai*, những nguyên lý cơ bản của khởi sự kinh doanh; cách thức hình thành ý tưởng kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh; yêu cầu chủ yếu để tạo lập doanh nghiệp. *Thứ ba*, những kiến thức cơ bản về văn hoá kinh doanh, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. *Thứ tư*, những kiến thức cơ bản về tài chính, tín dụng, tiêu dùng; những kỹ năng, yêu cầu cơ bản đối với hoạt động tài chính, tín dụng và văn hóa tiêu dùng của cá nhân, gia đình.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-13
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-8,12,13
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 1-8, CLO 8-13.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1-8,12,13
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4; CLO9,11,13
	A6. Bài kiểm tra định kì số 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO 5-8; CLO9,11,13
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Ý tưởng sáng tạo		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
------------------	--	--	--------------------------	------------------------------	---

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu

			dung quan trọng		
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Mão (2025), *Đề cương bài giảng Giáo dục kinh tế 2*.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ GD-ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học chuyên ngành lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [3]. Vũ Hồng Tiến, Phạm Thị Hồng Điệp (2008), *Giáo trình Kinh tế học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Dương Thị Liễu (2012), *Giáo trình Văn hoá kinh doanh, phần 1, phần 2*. NXB Đại học KTQD.
- [5]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Mạnh Quân (2007), *Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty*, NXB Đại học KTQD.
- [6]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (2016), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học KTQD.
- [7]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý kinh tế vĩ mô*, NXB Đại học Lao động.
- [8]. Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (2012), *Giáo trình Kinh tế Phát triển (Dùng cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế)*, NXB Đại học KTQD, Hà Nội
- [9]. Báo điện tử: www.gso.gov.vn/, chinhphu.vn/, dangcongsan.vn/, <http://khoinghiep.org.vn/>, <https://doanhnhvan.vn/>; ...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO1	Giải thích được những kiến thức cơ bản về hình thức tổ chức kinh tế và xu hướng vận động, phát triển của các hình thức tổ chức kinh tế.
LLO2	Nhận thức được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển hình thức tổ chức kinh tế, kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.
LLO3	Chứng minh được vai trò của các hình thức tổ chức kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.
LLO4	Đánh giá được vai trò của phát triển kinh tế số và hệ thống doanh nghiệp số trong đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.
LLO5	Vận dụng được kiến thức chương 1 để thiết kế bài giảng đáp ứng yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông (lớp 10).
LLO6	Bày tỏ được ý kiến khi giải quyết các yêu cầu của bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm chương 1.
LLO7	Phân tích được kiến thức cơ bản về chuẩn bị khởi sự kinh doanh, chuẩn bị trở thành nghiệp chủ, hình thành ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp.
LLO8	Minh hoạ được cách nhận diện cơ hội kinh doanh theo các xu hướng hiện tại, hoặc bản kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài Việt Nam.
LLO9	Liên hệ được các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về việc khuyến khích khởi nghiệp, kinh doanh sáng tạo, làm giàu chính đáng đối với mọi chủ thể kinh tế.
LLO10	Thực hiện được việc nhận diện cơ hội kinh doanh; đề xuất, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; xây dựng kế hoạch kinh doanh
LLO11	Vận dụng được kiến thức chương 2 để thiết kế bài giảng đáp ứng yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông (lớp 11,12).

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO12	Thể hiện được ý kiến trong giải quyết bài tập cá nhân và bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm chương 2.
LLO13	Diễn giải được các kiến thức cơ bản về văn hoá kinh doanh, về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
LLO14	Minh hoạ được biểu hiện của các yếu tố cấu thành văn hoá kinh doanh trong thực tiễn đời sống kinh tế trên thế giới và ở Việt Nam; các hành vi, hoạt động kinh tế có và không có văn hóa, đạo đức và trách nhiệm xã hội của các chủ thể kinh tế ở Việt Nam hiện nay.
LLO15	Rút ra được bài học cho bản thân về văn hoá, đạo đức và trách nhiệm xã hội khi tham gia vào các hoạt động kinh tế
LLO16	Vận dụng được kiến thức chương 3 để thiết kế bài giảng đáp ứng yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Đạo đức kinh doanh; Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông (lớp 11,12).
LLO17	Lựa chọn được những thông tin, số liệu, hình ảnh và cách thức thực hiện để hoàn thành bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm và thực hành nhóm chương 3.
LLO18	Phân tích được kiến thức cơ bản về tài chính, tín dụng và tiêu dùng cá nhân.
LLO19	Minh hoạ được các hoạt động phổ biến và vấn đề đặt ra trong thực tế tài chính, tín dụng và tiêu dùng của gia đình, cá nhân trong thời đại số trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.
LLO20	Áp dụng được kiến thức để xây dựng kế hoạch tài chính, tín dụng và quản lý thu chi hiệu quả cho bản thân và gia đình.
LLO21	Nhận thức được hệ thống pháp luật, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động tài chính, tín dụng, tiêu dùng cá nhân ở Việt Nam hiện nay.
LLO22	Vận dụng được kiến thức chương 4 để thiết kế bài giảng đáp ứng yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Tiết kiệm; Quản lý tiền; Lập kế hoạch chi tiêu; Tiêu dùng thông minh; Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng; Lập kế hoạch tài chính cá nhân; Văn hóa tiêu dùng; Quản lý thu chi trong gia đình</i> thuộc môn học GDCCD (lớp 6,7,8,9) và môn Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông (lớp 10,11,12).
LLO23	Đề xuất được các kiến thức, kỹ năng cần áp dụng để làm bài tập cá nhân, làm việc nhóm hiệu quả đối với bài thảo luận và thực hành chương 4.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO1	x	x				x			x		x		x
LLO2				x						x	x		
LLO3	x			x			x	x			x		
LLO4	x			x			x	x				x	
LLO5		x			x	x			x	xx	x		x
LLO6	x		x					x	x				
LLO7	x	x				x				x	x		x

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO8		x		x			x	x				x	
LLO9			x	x									
LLO10	x	x		x			x	x		x		x	
LLO11					x	x			x			x	x
LLO12			x					x	x			x	
LLO13		x								x		x	
LLO14		x		x			x	x		x			
LLO15		x		x			x	x		x	x		
LLO16	x				x	x			x		x		x
LLO17	x							x	x		x		x
LLO18	x		x							x			x
LLO19	x		x	x			x	x		x			x
LLO20			x	x			x	x		x		x	
LLO21		x		x						x		x	
LLO22		x			x	x			x			x	
LLO23		x						x	x				x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Các hình thức tổ chức kinh tế của nền kinh tế				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 1.1. Lý luận về hình thức tổ chức kinh tế trong nền kinh tế hiện đại 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hình thức tổ chức kinh tế 1.1.3. Xu hướng vận động chủ yếu của các hình thức tổ chức kinh tế trong nền kinh tế hiện đại 1.2. Các hình thức tổ chức kinh tế trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay 1.2.1. Hệ thống doanh nghiệp nhà nước 1.2.2. Hệ thống các hợp tác xã 1.2.3. Doanh nghiệp tư nhân	Thuyết trình kết hợp trình chiếu	A1,A5, A6, A7	[1] Chương 1 [2,3,8]

	1.2.4. Công ty cổ phần, công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn 1.2.5. Doanh nghiệp FDI 1.3. Phát triển doanh nghiệp số trong nền kinh tế số 1.3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kinh tế số 1.3.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp số 1.3.3. Các mô hình doanh nghiệp số cơ bản ở Việt Nam hiện nay 1.3.4. Giải pháp phát triển doanh nghiệp số ở Việt Nam hiện nay			
LLO2	* Nội dung bài tập (2 tiết) Tìm hiểu chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển hình thức tổ chức kinh tế, kinh tế số ở Việt Nam hiện nay.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1].Chương 1 [2, 3, 8]
LLO3, LLO4, LLO6	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Chứng minh vai trò của các hình thức tổ chức kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay. 2. Đánh giá được vai trò của phát triển kinh tế số và hệ thống doanh nghiệp số trong đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.	Toàn lớp/ Thảo luận nhóm	A4	[1].Chương 1 [2, 3, 8]
LLO5 LLO6	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng kiến thức chương 1 để thiết kế bài giảng đáp ứng yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông (lớp 10).	Toàn lớp/ Thực hành nhóm		
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 1 ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Sinh viên làm việc nhóm: trao đổi, thống nhất hình thành đề cương, phân công nhiệm vụ thu thập tài liệu thông tin, biên tập nội dung, thao tác kỹ thuật...; cử đại diện báo cáo sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên.	A1,A2,A3,A4	[1].Chương 1 [2, 3, 8]
Chương 2: Khởi sự kinh doanh				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 2.1. Chuẩn bị khởi sự kinh doanh 2.1.1. Khái niệm, quy trình khởi sự kinh doanh	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm	A1, A5, A6, A7	[1] Chương 2 [2, 3,4,7]

	2.1.2. Chuẩn bị để trở thành người chủ doanh nghiệp 2.2. Hình thành ý tưởng kinh doanh 2.2.1. Nhận diện cơ hội kinh doanh 2.2.2. Ý tưởng kinh doanh và đánh giá ý tưởng kinh doanh 2.3. Lập kế hoạch kinh doanh 2.3.2. Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh 2.3.2. Các bộ phận chủ yếu của bản kế hoạch kinh doanh 2.4. Tạo lập doanh nghiệp 2.4.1. Lựa chọn hình thức pháp lý và tiến hành thủ tục pháp lý thành lập doanh nghiệp 2.4.2. Các hoạt động cần thiết cho doanh nghiệp mới	thoại, động não		
LLO9 LLO12	* Nội dung bài tập (3tiết) Liên hệ được các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về việc khuyến khích khởi nghiệp, kinh doanh sáng tạo, làm giàu chính đáng đối với mọi chủ thể kinh tế.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1].Chương 2 [2,3,4,7,9]
LLO8 LLO10 LLO12	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Minh họa cách nhận diện cơ hội kinh doanh theo các xu hướng hiện tại, hoặc bản kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài Việt Nam. 2. Thực hiện việc nhận diện cơ hội kinh doanh; đề xuất, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; xây dựng kế hoạch kinh doanh	Toàn lớp/ Thảo luận nhóm	A4	[1].Chương 2 [2,3,4,7,9]
LLO11 LLO12	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Vận dụng được kiến thức chương 2 để thiết kế bài giảng đáp ứng yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh</i> thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông (lớp 11,12).	Toàn lớp/ Thực hành nhóm	A3	
LLO7, - LLO12	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Sinh viên làm việc nhóm: trao đổi, thống nhất hình thành đề cương, phân công nhiệm vụ thu thập tài liệu thông tin, biên tập nội dung, thao tác kỹ thuật...; cử đại diện báo cáo sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc tài liệu, làm bài tập; làm việc nhóm, báo cáo SP thực hành, thảo luận.	A1,A2, A3, A4.	[1]. Chương 2 [2,3,4,7,9]

LLO1 -> LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định lý lần 1	Toàn lớp/ tự luận	A5	[1]. Chương 1,2,
	B.Nội dung tự học: (3 tiết) <i>Sinh viên ôn bài theo Đề cương bài giảng chương 1,2 và các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung lý thuyết trước khi vào giờ lý kiểm tra</i>	<i>Định hướng SV ôn bài</i>	A1,A5	[1].Chương 1,2 [2,3,4,7,9]
Chương 3: Văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lý thuyết: (7tiết) 3.1. Văn hoá kinh doanh và các yếu tố cấu thành văn hoá kinh doanh 3.1.1. Khái niệm văn hoá kinh doanh 3.1.2. Các yếu tố cấu thành văn hoá kinh doanh 3.2. Văn hoá kinh doanh ở Việt Nam 3.2.1. Nhận diện văn hoá kinh doanh ở Việt Nam trong quá trình đổi mới 3.2.2. Một số vấn đề đặt ra về văn hoá kinh doanh ở Việt Nam 3.2.3. Một số đặc trưng trong văn hoá kinh doanh ở Việt Nam 3.2.4. Lưu ý trong văn hoá kinh doanh với một số quốc gia 3.3. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 3.3.1. Khái niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh và nghĩa vụ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 3.3.2. Các khía cạnh của đạo đức kinh doanh 3.3.3. Đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội trong nền kinh tế Việt Nam và thế giới	Thuyết trình kết hợp trình chiếu	A1,A5,A6, A7	[1] Chương 3 [2,3]
LLO15 LLO17	* Bài tập cá nhân (2 tiết) Rút ra bài học cho bản thân về văn hoá, đạo đức và trách nhiệm xã hội khi tham gia vào các hoạt động kinh tế	Giao bài và hướng dẫn SV	A2	[1].Chương 3 [2,3,9]
LLO16 LLO17	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng kiến thức chương 3 để thiết kế bài giảng đáp ứng yêu cầu của nội dung kinh tế Đạo đức kinh doanh; Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thuộc môn học Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông (lớp 11,12).	Toàn lớp/ Thực hành nhóm	A3	[1].Chương 3 [2,3,9]
LLO14 LLO17	* Nội dung thảo luận: (2 tiết)	Toàn lớp/ Thảo luận nhóm	A4	[1].Chương 3 [2,3,9]

	1. Minh họa biểu hiện của các yếu tố cấu thành văn hoá kinh doanh trong thực tiễn đời sống kinh tế trên thế giới và ở Việt Nam. 2. Minh họa các hành vi, hoạt động kinh tế có và không có văn hóa, đạo đức và trách nhiệm xã hội của các chủ thể kinh tế ở Việt Nam hiện nay.			
LLO13 - LLO17	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Sinh viên làm việc nhóm: trao đổi, thống nhất hình thành đề cương, phân công nhiệm vụ thu thập tài liệu thông tin, biên tập nội dung, thao tác kỹ thuật...; cử đại diện báo cáo sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc tài liệu, làm bài tập; làm việc nhóm, báo cáo SP thực hành, thảo luận.	A1,A2,A3,A4	[1].Chương 3 [2,3]
Chương 4: Tài chính, tín dụng và tiêu dùng cá nhân				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lý thuyết: (8 tiết) 4.1. Tài chính 4.1.1. Khái niệm, bản chất, chức năng của tài chính 4.1.2. Hệ thống tài chính quốc gia 4.1.3. Quản lý tài chính cá nhân, gia đình 4.2. Tín dụng 4.2.1. Khái niệm, vai trò, đặc điểm của tín dụng 4.2.2. Các hình thức tín dụng 4.2.3. Lợi ích của việc sử dụng dịch vụ tín dụng đối với cá nhân, xã hội 4.3. Tiêu dùng cá nhân và văn hóa tiêu dùng 4.3.1. Khái niệm và những yếu tố ảnh hưởng tới tiêu dùng cá nhân 4.3.2. Tiêu dùng cá nhân thông minh và vai trò của tiêu dùng cá nhân đối với phát triển kinh tế - xã hội 4.3.3. Khái niệm và vai trò của văn hóa tiêu dùng 4.3.4. Đặc điểm và biện pháp xây dựng văn hóa tiêu dùng ở Việt Nam	Thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5,A6, A7	[1] Chương 4 [2,3]
LLO20 LLO21 LLO23	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Áp dụng kiến thức để xây dựng kế hoạch tài chính, tín dụng và quản lý thu chi hiệu quả cho bản thân và gia đình.	Hướng dẫn làm bài tập	A2	[1].Chương 4 [2,3,9]

	2. Tìm hiểu hệ thống pháp luật, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động tài chính, tín dụng, tiêu dùng cá nhân ở Việt Nam hiện nay.			
LLO22 LLO23	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Vận dụng được kiến thức chương 4 để thiết kế bài giảng đáp ứng yêu cầu của nội dung kinh tế <i>Tiết kiệm; Quản lý tiền; Lập kế hoạch chi tiêu; Tiêu dùng thông minh; Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng; Lập kế hoạch tài chính cá nhân; Văn hóa tiêu dùng; Quản lý thu chi trong gia đình</i> thuộc môn học GDCD (lớp 6,7,8,9) và môn Giáo dục KT & PL ở trường phổ thông (lớp 10,11,12)	Toàn lớp/ Thực hành nhóm	A3	[1].Chương 4 [2,3,9]
LLO19 LLO23	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Minh họa được các hoạt động phổ biến và vấn đề đặt ra trong thực tế tài chính, tín dụng và tiêu dùng của gia đình, cá nhân trong thời đại số trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay	Toàn lớp/ Thảo luận nhóm	A4	[1].Chương 4 [2,3,9]
LLO18 – LLO23	B. Nội dung tự học: (23tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Sinh viên làm việc nhóm: trao đổi, thống nhất hình thành đề cương, phân công nhiệm vụ thu thập tài liệu thông tin, biên tập nội dung, thao tác kỹ thuật...; cử đại diện báo cáo sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc tài liệu, làm bài tập; làm việc nhóm, báo cáo SP thực hành, thảo luận.	A1,A2,A3,A4	[1].Chương 4 [2,3,9]
LLO13 LLO23	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kì lần 2 (1 tiết)	Toàn lớp/ tự luận	A6	1].Chương 3,4
	B. Nội dung tự học: (3 tiết) <i>Sinh viên ôn bài theo Đề cương bài giảng chương 3,4 và các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung lý thuyết trước khi vào giờ lý thuyết kiểm tra</i>	<i>Định hướng SV ôn bài</i>	A1, A6	[1].Chương 3,4 [2,3,9]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu sáng rõ và đủ các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: Internet đường truyền tốc độ cao.

7.31: 60TLH331, Lý luận và pháp luật về quyền con người ((THEORIES AND LAW ON HUMANRIGHTS)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
17.	Lý thuyết	30		60
18.	Bài tập	10		32
19.	Thực hành	6		
20.	Thảo luận	10		
21.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng				92

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa: Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
37.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
38.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
39.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Vận dụng được các kiến thức lý luận về quyền con người vào hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2. Vận dụng được các kiến thức pháp luật về các nhóm quyền cơ bản của con người

* Về kỹ năng

CO3. Thực hiện được các kỹ năng phổ biến, giáo dục luật về quyền con người

CO4. Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh có liên quan đến các quy định của pháp luật về quyền con người trong thực tiễn công việc.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền con người trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Luận giải được quá trình hình thành và phát triển của quyền con người và quyền công dân.	PLO1,3
	CLO2	Phân tích được các cách thức quy định về quyền con người, quyền công dân của Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới.	PLO1,3

	CLO3	Phân tích được mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân.	PLO1,3
	CLO4	So sánh được quy định của pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ trong quy định về quyền con người và quyền công dân.	PLO1,3
CO2	CLO5	Luận giải được các cách phân loại quyền quyền con người.	PLO1,3
	CLO6	Phân tích quá trình phát triển và nội dung các quyền cơ bản của quyền con người, quyền công dân.	PLO1,3
	CLO7	Đánh giá được về thực trạng bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam hiện nay.	PLO1,3
Kĩ năng			
CO3	CLO8	Tổ chức được một số hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền công dân cho người học.	PLO6,11,12
CO4	CLO9	Phản biện được những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch về chính sách pháp luật liên quan đến quyền con người, quyền công dân của Việt Nam	PLO4,11,12
	CLO10	Xử lý được một số tình huống nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống và công việc có liên quan đến các quy định của pháp luật về quyền con người và quyền công dân.	PLO4,11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO11	Thực hiện và bảo vệ được các quyền con người, quyền công dân của bản thân và những người khác.	PLO15
CO6	CLO12	Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để hoàn thành các nhiệm vụ của môn học một cách sáng tạo.	PLO15

Ghi chú: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3	x		x												
CLO4	x		x												
CLO5	x		x												
CLO6	x		x												
CLO7	x		x												
CLO8						x					x	x			
CLO9				x							x	x			
CLO10				x							x				

CLO11															x
CLO12															x
MDG	3	0	3	2	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về các vấn đề lý luận cũng như pháp luật về quyền con người, quyền công dân, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, nội dung, lịch sử phát triển của quyền con người, quyền công dân trên thế giới và Việt Nam. Đồng thời, học phần giúp người học hiểu hơn về vai trò của các quy định pháp luật về quyền con người, quyền công dân, cơ chế và hệ thống đảm bảo quyền con người, quyền công dân ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-12
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-12
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-12
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-4,8,9
	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO5-11
Thi kết thúc học phần					

6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-12
---	-------------	----	----	--------------------	---------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64%	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80%

			yêu cầu.	79% yêu cầu.	yêu cầu.
--	--	--	----------	--------------	----------

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

* Rubric đánh giá bài thực hành nhóm

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

		hợp.	nhỏ.	còn chưa chặt chẽ.	
--	--	------	------	--------------------	--

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Mai Anh (2022), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền công dân*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946)*, Nxb Lao động.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân tích được quá trình hình thành và phát triển của quyền con người và quyền công dân qua các chế độ xã hội.
LLO2	Luận giải được lịch sử quyền con người và quyền công dân ở Việt Nam.
LLO3	Phân tích được một số nội dung cơ bản về quyền con người, quyền công dân trong pháp luật của một số quốc gia trên thế giới.
LLO4	Xác định được cách thức quy định về quyền con người, quyền công dân của pháp luật Việt Nam.
LLO5	Luận giải được tính thống nhất biện chứng giữa quyền con người và quyền công dân.
LLO6	Phân biệt được quyền con người và quyền công dân.
LLO7	Chỉ ra được những điểm kế thừa và phát triển trong quy định về quyền công dân của Hiến pháp 1992 so với các bản hiến pháp 1946, 1959, 1980.
LLO8	Phân tích được những điểm mới trong quy định của Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền công dân.
LLO9	Phân tích được một số căn cứ phân loại quyền con người, quyền công dân.
LLO10	Phân loại được các quyền cơ bản của con người, công dân trong Hiến pháp năm 2013 theo thể hệ quyền.
LLO11	Luận giải được quá trình phát triển các quyền con người, quyền công dân trong các bản hiến pháp Việt Nam.
LLO12	Phân tích được nội dung cơ bản của các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.
LLO13	Phân tích được khái niệm và đặc điểm của bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền con người, quyền công dân.
LLO14	Khái quát được hệ thống bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam hiện nay.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO15	Làm rõ được thực trạng bảo đảm pháp lý và một số phương hướng nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam hiện nay
LLO16	Thực hiện được các hoạt động tuyên truyền về quyền con người, quyền công dân.
LLO17	Thực hành được kỹ năng tìm kiếm, tra cứu các thông tin về quyền con người, quyền công dân.
LLO18	Nhận diện được những quan điểm, hành vi sai trái thù địch về quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam.
LLO19	Thực hành được các hành vi phê phán, đấu tranh chống các quan điểm, hành vi sai trái thù địch về quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam.
LLO20	Giải quyết được một số bài tập tình huống về quyền con người, quyền công dân.
LLO21	Vận dụng được các kiến thức đã học để bảo vệ quyền con người, quyền công dân của bản thân và những người khác.
LLO22	Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền con người, quyền công dân.
LLO23	Tuyên truyền, vận động những người xung quanh thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền con người, quyền công dân.
LLO24	Làm việc được theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ của môn học một cách sáng tạo.
LLO25	Thực hiện được các nhiệm vụ tự học của học phần theo kế hoạch của bản thân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
LLO1	x											
LLO2	x											
LLO3		x										
LLO4		x										
LLO5			x									
LLO6			x									
LLO7				x								
LLO8				x								
LLO9					x							
LLO10					x							

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
LLO11						x						
LLO12						x						
LLO13							x					
LLO14							x					
LLO15							x					
LLO16								x				
LLO17								x				
LLO18									x			
LLO19									x			
LLO20										x		
LLO21										x		
LLO22											x	
LLO23											x	
LLO24												x
LLO25												x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát chung về quyền con người và quyền công dân				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (05 tiết) 1.1. Sự hình thành, phát triển của quyền con người và quyền công dân 1.1.1. Các giai đoạn phát triển quyền con người và quyền công dân qua các chế độ xã hội 1.1.2. Lịch sử quyền con người và quyền công dân ở Việt Nam	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A1,A5,A7	[1] Chương 1
LLO5, 6	1.2. Mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân 1.2.1. Khái niệm quyền con người và quyền công dân 1.2.2. Tính thống nhất biện chứng giữa quyền con người và quyền công dân	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm.	A1,A5,A7	[1] Chương 1

	1.2.3. Sự khác biệt giữa quyền con người và quyền công dân			
LLO3	1.3. Quyền công dân trong pháp luật của một số nước trên thế giới 1.3.1. Hợp chủng quốc Hoa kỳ 1.3.2. Liên bang Nga 1.3.3. Nhật Bản 1.3.4. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 1.3.5. Cộng hòa Pháp	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1,A5,A7	[1] Chương 1
LLO2, 6	* Nội dung bài tập cá nhân: (03 tiết) 1. Phân nhóm quyền con người và quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013. 2. Phân biệt quyền con người và quyền công dân.	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập trên lớp.</i>	A1, A2, A5, A7	[1] Chương 1
LLO5, 6,24	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) <i>SV thảo luận các nội dung sau đây:</i> 1. Phân tích mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân. 2. Khái quát lịch sử quyền con người và quyền công dân qua các hình thái kinh tế xã hội.	<i>SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả trước lớp.</i>	A1, A3, A5, A7	[1] Chương 1
LLO25	B. Nội dung tự học (15 tiết) <i>Sinh viên đọc tài liệu hiến pháp một số nước trên thế giới và ghi chép tóm tắt một số nội dung về quyền con người, quyền công dân trong các văn bản đó.</i> <i>SV tự tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của quyền con người, quyền công dân trên thế giới và ở Việt Nam.</i>	<i>GV kiểm tra nội dung tự học bằng phát vấn trên lớp.</i>	A1,A5, A7	[1] Chương 1 [2] Đọc tham khảo các nội dung về quyền con người và quyền công dân.

Chương 2: Quyền con người, quyền công dân trong xây dựng nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (09 tiết) 2.1. Khái quát về chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các bản hiến pháp của Việt Nam 2.1.1. Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 2.1.2. Hiến pháp năm 1946 2.1.3. Hiến pháp năm 1959 2.1.4. Hiến pháp năm 1980 2.1.5. Hiến pháp năm 1992	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1,A5,A7	[1] Chương 2, [2] Đọc phần quy định về quyền con người và quyền công dân.
LLO8, 9,10	2.2. Chế định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 2013	- <i>Thuyết trình kết</i>	A1,A5,A7	[1] Chương 2, [2] Đọc

	2.2.1. Nguyên tắc Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân 2.2.2. Phân loại các nhóm quyền cơ bản của trong Hiến pháp năm 2013 * Bài kiểm tra định kì số 1: (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề		chương quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
LLO7	* Nội dung bài tập cá nhân: (03 tiết) So sánh các nhóm quyền cơ bản trong Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam với các nhóm quyền tương ứng trong Hiến pháp một số nước trên thế giới.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.	A1, A2, A5, A7	[1] Chương 2, [2] Đọc theo yêu cầu của GV
LLO7, 11	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) SV thảo luận các nội dung sau đây: 1. Phân tích quá trình hình thành và phát triển của chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Luật Hiến pháp của Việt Nam. 2. Phân tích những điểm khác biệt trong quy định về quyền công dân trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992.	SV thảo luận theo nhóm và thuyết trình kết quả thảo luận trước lớp.	A1, A3, A5, A7	[1] Chương 2, [2] Đọc phần quy định về quyền con người và quyền công dân
LLO25	B. Nội dung tự học: (26 tiết) SV đọc tài liệu, làm bài tập mà GV giao để chuẩn bị cho các nội dung lý thuyết Chương 2.	GV kiểm tra bài tập và nội dung đọc tài liệu bằng phát vấn trên lớp.	A1, A5, A7	

Chương 3: Nhóm quyền con người về dân sự, chính trị

LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 3.1. Nhóm quyền về chính trị 3.1.1. Khái niệm quyền chính trị 3.1.2. Quyền chính trị của trong lịch sử lập hiến Việt Nam 3.1.3. Quyền chính trị trong Hiến pháp năm 2013 3.2. Nhóm quyền dân sự 3.2.1. Khái niệm quyền dân sự 3.2.2. Quyền dân sự trong lịch sử lập hiến Việt Nam	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Đóng vai - Sử dụng phim tư liệu	A1, A6, A7	[1] Chương 3, [2] Đọc chương quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
-------	--	---	------------	--

	3.2.3. Quyền dân sự trong Hiến pháp năm 2013			
LLO12 ,20,21, 22	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Phân tích nội dung của 1 quyền trong nhóm quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. 2. Giải quyết một số bài tập tình huống về quyền dân sự, chính trị.	<i>SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.</i>	A1, A2, A6, A7	[1] Chương 3, [2] Đọc chương quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
LLO16 ,17,22, 23	* Nội dung thực hành: (03 tiết) <i>SV thực hành theo nhóm: Xây dựng bài thuyết trình tuyên truyền về 1 quyền trong nhóm quyền dân sự, chính trị theo quy định của pháp luật Việt Nam.</i>	<i>SV thực hành theo nhóm và nộp SP thực hành cho GV đánh giá.</i>	A1, A4	[1] Chương 3, [2] Đọc chương quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
LLO17 ,18,22, 24	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) <i>SV thảo luận theo nhóm các nội dung sau:</i> 1. Cho ví dụ về một hành vi thực hiện quyền chính trị của bản thân hoặc gia đình. 2. Cho ví dụ về một hành vi vi phạm quyền chính trị. 3. So sánh nhóm quyền dân sự theo quy định trong Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam với pháp luật quốc tế.	<i>- SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp.</i>	A1, A3, A6, A7	[1] Chương 3, [2] Đọc chương quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
LLO25	B. Nội dung tự học: (18 tiết) <i>- Các nội dung tự học: Đọc tài liệu về các nhóm quyền cơ bản trong quy định của Hiến pháp năm 2013.</i>	<i>SV ghi chép tóm tắt các nội dung đã tự học và nộp cho GV đánh giá.</i>	A1, A6, A7	[1] Chương 3, [2] Đọc chương về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Chương 4: Nhóm quyền con người về kinh tế, xã hội, văn hóa

LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 4.1. Khái niệm quyền về kinh tế, xã hội, văn hóa 4.2. Quyền kinh tế, xã hội, văn hóa trong lịch sử lập hiến Việt Nam 4.3. Quyền kinh tế, xã hội, văn hóa trong Hiến pháp năm 2013 * Bài kiểm tra định kì số 2: (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Đóng vai - Sử dụng phim tư liệu	A1, A6, A7	[1] Chương 3, [2] Đọc chương quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
LLO12, 20, 21, 22	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Cho ví dụ về hành vi thực hiện quyền tự do kết hôn, ly hôn. 2. Cho ví dụ về hành vi vi phạm quyền lao động, việc làm. 3. Giải quyết một số bài tập tình huống về quyền kinh tế, xã hội, văn hóa.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.	A1, A2, A6, A7	[1] Chương 3, [2] Đọc chương quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
LLO17, 23	* Nội dung thực hành: (03 tiết) SV thực hành theo nhóm: Tổ chức một cuộc thi tìm hiểu về các quyền kinh tế, xã hội văn hóa.	SV thực hành theo nhóm và trình bày kết quả tại lớp để GV đánh giá.	A1, A4	[1] Chương 3, [2] Đọc chương quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
LLO12, 17	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) SV thảo luận theo nhóm các nội dung sau:	- SV thảo luận theo nhóm và	A1, A3, A6, A7	[1] Chương 3, [2] Đọc

	1. Phân tích sự cụ thể hóa nội dung quyền tự do kinh doanh trong pháp luật Việt Nam. 2. Phân tích những nội dung kế thừa và phát triển của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp 1992 về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.	<i>trình bày kết quả thảo luận trước lớp.</i>		chương quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
LLO25	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu về các nhóm quyền kinh tế, xã hội, văn hóa trong quy định của Hiến pháp năm 2013.	SV ghi chép tóm tắt các nội dung đã tự học và nộp cho GV đánh giá.	A1, A6, A7	[1] Chương 3, [2] Đọc chương về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Chương 5. Bảo đảm thực hiện quyền con người

LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (09 tiết) * Nội dung lí thuyết: (05 tiết) 5.1. Khái niệm và đặc điểm bảo đảm thực hiện quyền con người 5.2. Khái niệm và đặc điểm bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền con người	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm. - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A7	[1] Chương 4, [2] Đọc theo yêu cầu của GV
LLO14	5.3. Hệ thống bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam hiện nay	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm, nêu vấn đề	A1, A7	[1] Chương 4

LLO15	5.4. Thực trạng bảo đảm pháp lý và một số phương hướng nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay	- <i>Thảo luận nhóm.</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề.</i>	A1, A7	[1] Chương 4
LLO18,19	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) <i>SV giải quyết một số tình huống về bảo đảm quyền con người, quyền công dân bằng pháp luật do GV giao.</i>	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập và đánh giá.</i>	A1, A2, A7	[1] Chương 4
LLO18,19	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) 1. Phân tích vai trò của các yếu tố trong hệ thống bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam. 2. Xây dựng và giải quyết một tình huống giả định về các tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia vào việc bảo đảm quyền dân sự.	<i>SV thảo luận theo nhóm và nộp kết quả thảo luận cho GV đánh giá.</i>	A1, A3, A7	[1] Chương 4
LLO18,19,25	B. Nội dung tự học: (14 tiết) <i>SV đọc tài liệu và tìm hiểu về hệ thống đảm bảo thực hiện quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam. Ghi chép tóm tắt về hệ thống bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam hiện nay.</i>	<i>SV tự học và nộp bài tóm tắt cho GV đánh giá.</i>	A1,A7	[1] Chương 4

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

8.32: 60HET331, Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh (HO CHI MINH'S ETHICS TOPIC)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60

2	Bài tập	10	32
3	Thực hành	6	
4	Thảo luận	10	
5	Thực tế chuyên môn	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	
Tổng		43	92

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa

Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Vũ Thị Thủy	0983896296	thuyvt.poli@nue.edu.vn
2	Phạm Thị Huyền	0912336197	huyenpt@nue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được những vấn đề chung về đạo đức và đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO2: Đánh giá được tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

CO3: Phân tích được giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới hiện nay.

* Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, phục vụ cho việc dạy học và giáo dục môn GDCC ở trường phổ thông.

CO5: Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy phản biện, nghiên cứu và vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, trải nghiệm liên quan đến giá trị đạo đức.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Xây dựng được văn hóa ứng xử và thái độ phù hợp với chuẩn mực đạo đức nhà giáo dựa trên nền tảng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

CO7: Rèn luyện được khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và theo nhóm, học tập suốt đời, đồng thời phát triển khả năng đổi mới sáng tạo trong việc vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân tích được nội dung, bản chất và đặc điểm của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO3, PLO4
	CLO2	Giải thích được vai trò của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.	PLO3, PLO4
CO2	CLO3	Phân tích được nội dung tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh.	PLO3, PLO4
	CLO4	Đánh giá được tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	PLO3, PLO4
CO3	CLO5	Đánh giá được giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.	PLO3, PLO4
	CLO6	Phân tích được giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với cách mạng thế giới.	PLO3, PLO4
	Kỹ năng		
CO4	CLO7	Vận dụng được kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.	PLO11, PLO12
	CLO8	Ứng dụng được tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào việc thiết kế hoạt động dạy học GDĐĐ ở trường phổ thông.	PLO9, PLO10, PLO11
CO5	CLO9	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm trong nghiên cứu và học tập về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.	PLO6, PLO12
	CLO10	Vận dụng được tư duy phản biện trong đánh giá và tổ chức các hoạt động giáo dục liên quan đến giá trị đạo đức.	PLO10, PLO12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO11	Xây dựng được thái độ tôn trọng sự thật lịch sử và giá trị đạo đức cách mạng.	PLO13
	CLO12	Thực hiện được văn hóa ứng xử của nhà giáo dựa trên nền tảng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.	PLO13
CO7	CLO13	Rèn luyện được khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời trong việc nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.	PLO14

	CLO14	Thực hiện được làm việc độc lập và làm việc nhóm trong nghiên cứu, đồng thời phát triển khả năng đổi mới sáng tạo trong vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.	PLO14, PLO15
--	-------	--	-----------------

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1			x	x											
CLO2			x	x											
CLO3			x	x											
CLO4			x	x											
CLO5			x	x											
CLO6			x	x											
CLO7											x	x			
CLO8				x					x	x	x				
CLO9						x					x	x			
CLO10										x	x	x			
CLO11													x		
CLO12													x		
CLO13														x	
CLO14												x		x	x
MĐG	0	0	3	3	0	1	0	0	1	1	2	2	1	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh là học phần nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp kiến thức hệ thống về những

vấn đề chung về đạo đức, vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội, và đi sâu phân tích bản chất, đặc điểm, vai trò của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh viên được tìm hiểu về nội dung tư tưởng đạo đức cách mạng và tấm gương đạo đức mẫu mực của Người qua các phương diện: lý tưởng cách mạng kiên định, sự gắn bó với nhân dân, đức tính chí công vô tư, nếp sống giản dị và tinh thần học tập suốt đời. Qua đó, học phần giúp sinh viên nhận thức sâu sắc về giá trị trường tồn của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và thế giới, đồng thời vận dụng vào rèn luyện bản thân và thực tiễn nghề nghiệp.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO5, CLO7, CLO13

3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO3, CLO5, CLO9, CLO10, CLO14
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO4, CLO8, CLO9, CLO10, CLO14
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1, CLO2, CLO7, CLO11
	A6. Bài kiểm tra định kỳ số 2			Đáp án, thang điểm	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO12
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A7. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 - 14

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
-------------------------------------	--	-----------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	--

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
----------	------------	--------------------	---------------	---------------	----------------

Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng

				câu hỏi chưa trả lời được	
		0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. *Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương (2005), Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Khương, Nguyễn Hữu Toàn (đồng chủ biên) (2019), *Giáo trình Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII*

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân tích được khái niệm, vai trò và chức năng của đạo đức trong đời sống xã hội.
LLO2	Phân tích được quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức và đạo đức cách mạng.
LLO3	Phân tích được bản chất của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
LLO4	Phân tích được đặc điểm của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
LLO5	Giải thích được vai trò của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
LLO6	Phân tích được nội dung của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
LLO7	Phân tích được tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lý tưởng mãnh liệt, ý chí kiên cường.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO8	Đánh giá được tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về sự gắn bó giữa lãnh tụ với quần chúng.
LLO9	Phân tích được nội dung tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh: trung với nước hiếu với dân, cần kiệm liêm chính chí công vô tư.
LLO10	Phân tích được nội dung tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh: yêu thương con người, tinh thần quốc tế trong sáng thủy chung.
LLO11	Đánh giá được giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.
LLO12	Phân tích được giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với cách mạng thế giới.
LLO13	Vận dụng được kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.
LLO14	Ứng dụng được tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào việc thiết kế hoạt động dạy học GDCD ở trường phổ thông.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO1	x	x												
LLO2			x											
LLO3			x										x	
LLO4			x	x										
LLO5			x	x										xx
LLO6			x	x										
LLO7			x	x										x
LLO8			x	x								x	x	
LLO9			x	x					x	x				x
LLO10			x	x					x	x		x		
LLO11			x	x					x	x				x
LLO12			x	x					x	x				
LLO13			x	x					x	x				
LLO14				x	x					x	x			

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Phần thứ hai: Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh
Chương 1: Nhập môn Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết (4 tiết) 1.1. Những vấn đề chung về đạo đức 1.1.1. Khái niệm về đạo đức 1.1.2. Vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội 1.1.3. Chức năng của đạo đức trong đời sống xã hội	- Thuyết giảng, nêu vấn đề và kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6 A7	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương I
LLO2	1.2. Đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức. 1.2.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng	- Thuyết giảng, nêu vấn đề, kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6 A7	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương I
LLO3, 4	1.3. Bản chất, đặc điểm của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.1. Bản chất của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.2. Đặc điểm của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.	- Nêu vấn đề - Thuyết trình kết hợp trình chiếu.	A1 A6 A7	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương I
LLO5	1.4. Vai trò của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh 1.4.1. Đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng	- Thuyết giảng, nêu vấn đề và kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại	A1 A6 A7	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương I

	1.4.2. Đạo đức là thước đo đánh giá lòng cao thượng của con người 1.4.3. Đạo đức là vũ khí sắc bén phục vụ cho sự nghiệp cách mạng 1.4.4. Đạo đức là nhân tố làm tăng thêm sức mạnh của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa 1.4.5 Đạo đức cách mạng giúp cho người cán bộ chiến thắng chủ nghĩa cá nhân			
LLO6	1.5. Nội dung của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh 1.5.1. Nhận thức của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của đạo đức trong xã hội 1.5.2. Đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện ở những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới 1.5.3. Những yêu cầu xây dựng đạo đức mới trong xã hội 1.5.4. Tấm gương trong sáng, mẫu mực về đạo đức của Hồ Chí Minh	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A6 A7	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương I
LLO5, 13	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết) 1. Phân tích vai trò của đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng đạo đức của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Liên hệ với thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng và xây dựng Đảng hiện nay.	Định hướng sinh viên độc lập nghiên cứu vấn đề và trình bày vấn đề theo hình thức vẽ sơ đồ tư duy	A1 A2	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương I

	2. Liên hệ với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay đối với biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên.			
LLO9, 14	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Vì sao chuẩn mực đạo đức trung với nước hiếu với dân trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh được xem là chuẩn mực đạo đức bao trùm đối với cán bộ, đảng viên? 2. Chọn một chuẩn mực đạo đức cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí Minh (ví dụ: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư) và thiết kế một chiến dịch truyền thông ngắn để phổ biến và thúc đẩy việc thực hành chuẩn mực này trong môi trường học đường.	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm	A1 A4 A7	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương I
LLO2, 13	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. So sánh quan niệm về đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh với quan niệm đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. Làm thế nào để kết hợp hài hòa giữa đạo đức cách mạng và đạo đức truyền thống trong bối cảnh xã hội hiện đại? 2. Những yêu cầu xây dựng đạo đức mới trong xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa như thế nào đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của sinh viên hiện nay?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương I
LLO1, LLO2	B. Nội dung tự học: (16 tiết)	- Định hướng SV đọc tài liệu,	A1	[1] Đọc chương 1

	- <i>Đọc tài liệu:</i> Học những vấn đề chung về đạo đức. Trên cơ sở đó chỉ rõ ý nghĩa đối với việc xây dựng nền đạo đức mới của xã hội hiện nay. - <i>Làm bài tập cá nhân:</i> So sánh điểm khác nhau giữa đạo đức cũ và đạo đức mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh.	rút ra, ý nghĩa đối với việc xây dựng nền đạo đức mới của xã hội hiện nay. - Đọc tài liệu, lập bảng để so sánh điểm khác nhau giữa đạo đức cũ và đạo đức mới.		[2]. Đọc chương I
Chương 2: Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh				
LLO7, LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lí thuyết: (14 tiết) 2.1. Tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh 2.1.1. Là người có lý tưởng mãnh liệt, ý chí kiên cường 2.1.2. Hình ảnh cao đẹp về sự gần bó giữa lãnh tụ với quần chúng 2.1.3. Là tấm gương đạo đức chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường 2.1.4. Tấm gương không ngừng học tập và rèn luyện, không ngừng tự đổi mới và phát triển	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A6 A7	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII
LLO9, LLO10	2.2. Tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh 2.2.1. Đạo đức cách mạng trung với nước hiếu với dân 2.2.2. Đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 2.2.3. Đạo đức cách mạng yêu thương con người	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A6 A7	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII

	2.2.4. Đạo đức cách mạng với tinh thần quốc tế trong sáng thủy chung			
LLO8, LLO8, LLO13	* Nội dung bài tập cá nhân: (4 tiết) 1. Phân tích sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động trong tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ đó, rút ra bài học cho bản thân trong việc rèn luyện đạo đức và phấn đấu trong học tập, công tác. 2. Làm rõ sự hòa quyện giữa hình ảnh cao đẹp về sự gắn bó giữa lãnh tụ với quần chúng trong con người Hồ Chí Minh.	- Định hướng sinh viên làm bài tại lớp - Yêu cầu sinh viên: Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII
LLO9, LLO14	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Từ đạo đức cách mạng trung với nước hiếu với dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hãy xác định biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước đối với sinh viên hiện nay? 2. Chọn một khía cạnh trong tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh (ví dụ: yêu thương con người, tinh thần quốc tế trong sáng thủy chung) và thiết kế một hoạt động cụ thể để áp dụng tư tưởng này trong môi trường học đường hoặc cộng đồng. Trình bày kế hoạch chi tiết bao gồm mục tiêu, đối tượng, phương pháp thực hiện và cách đánh giá hiệu quả của hoạt động.	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm	A1 A4 A7	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII
LLO7, LLO9, LLO13	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. So sánh tư tưởng đạo đức cách mạng “cần, kiệm, liêm, chính,	- Định hướng SV thảo luận nhóm	A1 A3	[1]. Đọc chương II

	chí công vô tư” của Hồ Chí Minh với các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. Làm thế nào để vận dụng những tư tưởng này vào việc xây dựng đạo đức công vụ trong bối cảnh hiện nay? 2. Chứng minh tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về việc không ngừng học tập và rèn luyện, không ngừng tự đổi mới và phát triển?	- Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp		[2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII
LLO7, LLO10	B. Nội dung tự học: (38 tiết) - Đọc tài liệu và làm rõ vấn đề dưới đây: + Là tấm gương đạo đức chí công vô tư, đòi riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường của Hồ Chí Minh. + Đạo đức cách mạng với tinh thần quốc tế trong sáng thủy chung của Hồ Chí Minh. - Hoàn thành 10 câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	- Định hướng SV đọc tài liệu - Yêu cầu đối với SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở + Nộp sản phẩm cho giảng viên.	A1	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII
LLO1- LLO10	* Bài kiểm tra số 1 Thời gian làm bài: 1 tiết - Nội dung chương 1,2	Yêu cầu SV Sinh viên tự học, chuẩn bị tài liệu.	A6	[1]. Đọc chương I [2]. Đọc chương II
Chương 3: Giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay				
LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lí thuyết: (14 tiết) 3.1. Giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.	- Nêu vấn, thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1 A6 A7	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II

	3.1.1. Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của một nhà tư tưởng lớn, của bậc "<i>đại nhân, đại trí, đại dũng</i>". 3.1.2. Tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh là phần cốt yếu, chủ đạo trong tư tưởng về xây dựng con người mới và văn hóa Việt Nam	- Trao đổi, đàm thoại		[4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII
LLO12	3.2. Giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng thế giới 3.2.1. Đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh của lý luận và thực tiễn, là biểu tượng của sự tích hợp các giá trị văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây 3.2.2. Hồ Chí Minh là sự tổng hoà thống nhất giữa tư tưởng, phương pháp và phong cách, giữa đạo đức lối sống và nhân cách 3.2.4. Đạo đức Hồ Chí Minh luôn gắn liền với cách mạng, với tiến bộ xã hội và hoà quyện vào mọi mặt của đời sống xã hội	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp đàm thoại	A1 A6 A7	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII
LLO11 , LLO12 , LLO13	* Nội dung bài tập cá nhân (3 tiết) 1. Phân tích ảnh hưởng của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất các giải pháp cụ thể để nâng cao đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.	Yêu cầu sinh viên: Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII

	3. Phân tích quan điểm: Hồ Chí Minh là sự tổng hoà thống nhất giữa tư tưởng, phương pháp và phong cách, giữa đạo đức lối sống và nhân cách.			
LLO11 , LLO14	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Thiết kế một chiến dịch truyền thông xã hội nhằm phổ biến và lan tỏa giá trị đạo đức Hồ Chí Minh trong giới trẻ Việt Nam hiện nay. Chiến dịch cần tập trung vào một khía cạnh cụ thể của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh (ví dụ: tinh thần học tập suốt đời, lòng yêu nước, tinh thần quốc tế). Trình bày kế hoạch chi tiết bao gồm: mục tiêu, đối tượng, nội dung chính, phương tiện truyền thông sử dụng, các hoạt động cụ thể và cách đánh giá hiệu quả của chiến dịch.	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: Phân nhóm, mỗi nhóm thiết kế một chiến dịch truyền thông xã hội về giá trị đạo đức Hồ Chí Minh cho giới trẻ. Chuẩn bị kế hoạch chi tiết, thuyết trình và một sản phẩm truyền thông mẫu.	A1 A4 A7	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII
LLO11 , LLO12 , LLO13	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) 1. Vận dụng kiến thức đã học, nhận diện và giải thích vì sao Hồ Chí Minh lại cho rằng: Đạo đức cách mạng giúp cho người cán bộ dám nhận sai lầm và chỉ người có bản lĩnh mới dám nhận sai lầm, khuyết điểm. Người dám nhận sai lầm, khuyết điểm cũng sẽ là người nhanh chóng tiến bộ? 2. Đánh giá tác động của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối	Yêu cầu sinh viên: Sinh viên trao đổi theo nhóm, nộp sản phẩm và báo cáo trước lớp	A1 A3	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII

	với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước đang phát triển trong thế kỷ XX và XXI. Làm thế nào để vận dụng những giá trị phổ quát trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào việc giải quyết các vấn đề toàn cầu hiện nay (như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội)?			
LLO10 - LLO12	* Bài kiểm tra số 2 Thời gian làm bài: 1 tiết - Nội dung chương 3	Yêu cầu SV Sinh viên tự học, chuẩn bị tài liệu.	A6	[1]. Đọc chương III [2]. Đọc ,chương III
LLO11 , LLO12	B. Nội dung tự học: (38 tiết) - Đọc Chương 3 và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	- GV định hướng SV đọc tài liệu - Yêu cầu sinh viên: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương II [3]. Đọc chương II [4]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè, ấm áp vào mùa đông.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu, loa, micro tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.33: 60MOP331, Những vấn đề của thời đại ngày nay (MODERN DAYS OF PROBLEMS)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60
2	Bài tập	8	0	

3	Thực hành	8	0	32
4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Chủ nghĩa xã hội khoa học*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục

Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
40.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
2	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
4	TS. Vũ Thị Thủy	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
5	Ths. Trần Thanh An	0973 474 393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu và phân tích được những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay như khái niệm, đặc điểm, mâu thuẫn, xu hướng vận động của thời đại trong giai đoạn hiện nay.

CO2: Phân tích được các khái niệm, nội dung, tác động của những vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay. Hệ thống hoá được chính sách của Đảng và Nhà nước trong giải quyết những vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay.

* Về kỹ năng

CO3: Vận dụng kiến thức học phần để soạn giảng thành công các nội dung liên quan đến vấn đề toàn cầu trong chương trình GDCT, GDKT&PL ở trường phổ thông.

CO4: Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền những nội dung cấp bách toàn cầu của thời đại ngày nay đến người học và xã hội.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện đúng quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về các vấn đề toàn cầu.

CO6: Có ý thức yêu quý, trân trọng những thành tựu mà nhân loại đã đạt được. Biết phê phán, đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực trước những vấn đề cấp thiết của nhân loại.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		

CO1	CLO1	Hiểu được những nội dung cơ bản của thời đại ngày nay như khái niệm, cơ sở phân chia thời đại lịch sử, đặc điểm, mâu thuẫn của thời đại trong giai đoạn hiện nay.	PLO1 PLO3
	CLO2	Phân tích được những xu hướng vận động của thời đại trong giai đoạn hiện nay.	PLO1 PLO3
CO2	CLO3	Phân tích được khái niệm, nội dung, đặc trưng và tác động của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	PLO1 PLO3
	CLO4	Phân tích được khái niệm, nội dung, đặc trưng của kinh tế tri thức.	PLO1 PLO3
	CLO5	Phân tích được khái niệm, nội dung, đặc trưng và tác động của các vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay.	PLO1 PLO3
	CLO6	Luận giải được những chính sách của Đảng và nhà nước trong giải quyết những vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay.	PLO1 PLO3
Kĩ năng			
CO3	CLO7	Thiết kế được kế hoạch dạy học và thực hành được các nội dung liên quan đến các vấn đề toàn cầu trong chương trình GDCTD ở phổ thông.	PLO6 PLO9 PLO11
CO4	CLO8	Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền và thể hiện khả năng thuyết trình những nội dung cấp bách toàn cầu của thời đại ngày nay đến người học và xã hội.	PLO6 PLO9 PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO9	Tự giải quyết được các vấn đề đặt ra một cách sáng tạo trong bài tập cá nhân và hợp tác để hoàn thành bài tập nhóm	PLO12 PLO14 PLO15
CO6	CLO10	Biết giữ gìn, bảo vệ những di sản của dân tộc, nhân loại. Biết phê phán, đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực trước những vấn đề cấp thiết của nhân loại.	PLO13 PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3	x		x												
CLO4	x		x												
CLO5	x		x												
CLO6	x		x												
CLO7						x			x		x				
CLO8						x			x		x				
CLO9												x		x	x
CLO10				x		x							x	x	
MDG	3	0	3	1	0	2	0	0	2	0	2	1	1	2	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39%

số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay đề cập đến những nội dung cơ bản của thời đại ngày nay như khái niệm, đặc điểm, mâu thuẫn và xu hướng vận động của thời đại trong giai đoạn hiện nay. Học phần còn góp phần trang bị cho người học một cách có hệ thống các khái niệm, đặc trưng và tác động của những vấn đề cấp thiết toàn cầu hiện nay như: Bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, vấn đề chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo, vấn đề thất nghiệp, nghèo đói và tệ nạn xã hội. Đồng thời, học phần cũng hệ thống hoá những chính sách của Đảng, Nhà nước trước những vấn đề cấp thiết; nêu bật trách nhiệm của công dân trong giải quyết những vấn đề cơ bản của quốc gia, dân tộc gắn với những nội dung cấp bách toàn cầu. Học phần này có mối liên hệ mật thiết với các học phần triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, đạo đức học, pháp luật học, ...

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;
 - + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
 - Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
 - Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).
 - Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.
 - Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2, CLO4,5,10
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2,5 CLO7, CLO8
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO7,8, CLO9,10

5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,10
	A5. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO5,6,7,8,10
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A7. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4, CLO5,6,7,8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.

Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích, chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán, nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng	Lập luận có căn cứ khoa học

			và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	còn một vài sai sót nhỏ	học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1]. Nguyễn Thị Hường (2017), *Những vấn đề của thời đại ngày nay*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 32/2018/TT/BGDĐT ngày 26/12/2018*, Ban Hành Chương trình GDPT – Chương trình môn GD CD THCS và Chương trình môn GDKT&PL (Kèm theo thông tư 32), NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I,II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

9.3. Website

[7]. <http://www.tapchicongsan.org.vn>.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Biết và giải thích được khái niệm thời đại, thời đại ngày nay, cơ sở phân chia thời đại lịch sử
LLO2	Hiểu và phân tích được những đặc điểm, mâu thuẫn, xu hướng vận động của thời đại hiện nay.
LLO3	Khái quát xu hướng vận động của thời đại ngày nay và đánh giá được ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề thời đại đối với bản thân.
LLO4	Phân tích được khái niệm, nội dung, đặc trưng của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.
LLO5	Khái quát được thời cơ và thách thức của Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế
LLO6	Phân tích được khái niệm, nội dung, đặc trưng của kinh tế tri thức.
LLO7	Phân tích được những vấn đề đặt ra trong xây dựng và phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam.
LLO8	Phân tích được khái niệm, nội dung, đặc trưng và tác động của của các vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay.
LLO9	Mô tả và hệ thống hóa được những chính sách của Đảng và nhà nước trong giải quyết những vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay.
LLO10	Thiết kế được kế hoạch dạy học các nội dung liên quan đến các vấn đề toàn cầu trong chương trình GD CD, GDKT-PL ở phổ thông.
LLO11	Xây dựng được kịch bản tuyên truyền được những nội dung cấp bách toàn cầu trong thời đại ngày nay đến người học và xã hội.
LLO12	Tổ chức dạy học được các nội dung liên quan đến các vấn đề toàn cầu trong chương trình GD CD GDKT-PL ở phổ thông.
LLO13	Tìm được cách thức giải quyết vấn đề trong bài tập cá nhân, bài thảo luận, thực hành của chương 2 trên cơ sở hợp tác nhóm.
LLO14	Tự giải quyết được vấn đề đặt ra trong bài tập cá nhân của chương 3
LLO15	Lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề trong bài thảo luận, bài thực hành của chương 4 trên cơ sở hợp tác nhóm
LLO16	Biết lên án, phê phán các hành vi phá hoại gây tổn hại đến trật tự, an toàn xã hội; phê phán các hành vi tiêu cực của cá nhân và tổ chức trước những vấn đề toàn cầu
LLO17	Đề xuất được nội dung kiến thức về các vấn đề cấp bách toàn cầu để thiết kế hoạt động phối kết hợp giữa các lực lượng trong giáo dục học sinh

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2		x								
LLO3		x								
LLO4			x							
LLO5			x							
LLO6				x						
LLO7				x						
LLO8					x					

LLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO9					x	x				
LLO10							x			
LLO11								x		
LLO12							x			
LLO13									x	
LLO14									x	
LLO15									x	
LLO16										x
LLO17							x			

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Thời đại ngày nay và mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết (8 tiết) 1.1. Quan niệm về thời đại và thời đại ngày nay 1.1.1. Quan niệm về thời đại 1.1.2. Quan niệm về thời đại ngày nay 1.2. Đặc điểm, mâu thuẫn và xu hướng vận động của thời đại trong giai đoạn hiện nay 1.2.1. Những đặc điểm mới trong giai đoạn hiện nay của thời đại	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Sử dụng PP nêu vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1] Đọc chương 1 [2]. Đọc chương VII [5]. Đọc tập 1
LLO1 LLO2	1.2.2. Những mâu thuẫn chủ yếu trong giai đoạn hiện nay của thời đại 1.2.3. Xu hướng vận động trong quan hệ giữa các dân tộc trong thời đại ngày nay 1.3. Mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc trong thời đại ngày nay 1.3.1. Chủ nghĩa xã hội mở ra một kiểu quan hệ quốc tế mới 1.3.2. Những vấn đề đang đặt ra trong quan hệ giữa các quốc gia dân tộc giai đoạn hiện nay.	- Sử dụng kết hợp giữa PP thuyết trình với PP đàm thoại.	A1 A6	[1] Đọc chương 1, [2]. Đọc chương VII
LLO2	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết): Đánh giá tác động của yếu tố thời đại đến quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam	Định hướng sinh viên độc lập nghiên cứu vấn đề và trình bày vấn đề theo hình thức vẽ sơ đồ tư duy	A1 A2 A6	[1]. Đọc chương 1 [2]. Đọc chương VII
LLO2 LLO3	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Đọc tài liệu, khái quát nội dung:	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu, rút ra xu hướng vận động	A1	[2]. Đọc chương VII

	Xu hướng vận động trong quan hệ giữa các dân tộc trong thời đại ngày nay - <i>Làm bài tập cá nhân:</i> Ý nghĩa của việc nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thời đại đối với bản thân.	trong quan hệ giữa các dân tộc trong thời đại ngày nay - Đọc tài liệu, thuyết trình về ý nghĩa học tập nội dung thời đại đối với bản thân. - Yêu cầu đối với SV: Hoàn thiện bài tập, nộp sản phẩm học tập		
Chương 2: Toàn cầu hoá và Hội nhập kinh tế quốc tế				
LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Khái niệm toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế 2.1.1. Khái niệm toàn cầu hóa 2.1.2. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế 2.2. Đặc trưng của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế 2.2.1. Đặc trưng của toàn cầu hóa 2.2.2. Đặc trưng của hội nhập kinh tế quốc tế	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu về cách mạng 4.0	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc tập 1, 2
LLO13 LLO17	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) Xây dựng kịch bản tuyên truyền về tác động của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế với Việt Nam	- Định hướng sinh viên làm bài tại lớp - Yêu cầu sinh viên: Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc tập 2
LLO4 LLO13 LLO17	* Nội dung thực hành: (3 tiết) Xây dựng kịch bản và tổ chức mô phỏng cuộc thi tìm hiểu nội dung toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện sản phẩm và báo cáo theo nhóm - Cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1 A4 A6	[1]. Đọc chương II
LLO4 LLO17	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá đến sự phát triển của Việt Nam hiện nay. 2. Chiến lược phát triển KT- XH của Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập KT quốc tế.	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc tập 2

	*Kiểm tra định kì (1 tiết) - Thời gian: 50 phút - Hình thức: Tự luận		A5	[1]. Đọc chương I,II
LLO4 LLO5	B. Nội dung tự học: (23 tiết) - Đọc tài liệu nội dung 2.3. <i>Việt Nam với xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế</i> và làm rõ vấn đề dưới đây: + Thời cơ của Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế + Thách thức của Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế - Hoàn thành 5 câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	- Định hướng SV đọc tài liệu, rút ra thời cơ và thách thức của Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế - Yêu cầu đối với SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở. + Nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	- Đọc tài liệu [1]. Đọc chương II [2]. Đọc chương VII [5]. Đọc tập 2
Chương 3: Kinh tế tri thức và phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam				
LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 3.1. Khái niệm và đặc trưng 3.1.1. Khái niệm kinh tế tri thức 3.1.2. Đặc trưng của kinh tế tri thức 3.2. Vai trò của kinh tế tri thức trong thời đại ngày nay. 3.3. Kinh tế tri thức ở Việt Nam và những vấn đề đang đặt ra 3.3.1. Kinh tế tri thức ở Việt Nam 3.3.2. Phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam – tính tất yếu và tầm nhìn chiến lược	- Nêu vấn, thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Trao đổi, đàm thoại	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương III [3]. Đọc phần II, trang 10 đến trang 17.
LLO6 LLO7 LLO13	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) 1. Tìm hiểu các tư liệu về KTTT 2. Tìm hiểu tác động KTTT đến sự phát triển KT- XH.	Yêu cầu sinh viên: Nghiên cứu tài liệu phần 2.2; thiết kế bài thuyết trình trình bày trước lớp.	A1 A2	[1] Đọc Chương 3 [5]. Đọc tập 1,2 [7]. Nghiên cứu trên trang website
LLO7	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Phân tích các trụ cột của nền kinh tế tri thức. Việt Nam đã có những chiến lược gì để phát triển KTTT ở Việt Nam.	Yêu cầu sinh viên: Sinh viên trao đổi theo nhóm, từng cá nhân tiến hành khái quát, đánh giá quá trình xây dựng KTTT ở Việt Nam. Giảng viên gọi ngẫu nhiên sinh viên trình bày trước lớp.	A1 A4 A6	

LLO7	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Vận dụng kiến thức đã học, phân tích những mô hình phát triển KTTT trên thế giới và rút ra bài học đối với VN.	Yêu cầu sinh viên: Trao đổi theo nhóm, nộp sản phẩm và báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[5]. Đọc chương IV, mục 3.1
LLO LLO7	B. Nội dung tự học: (22 tiết) Đọc tài liệu và khái quát nội dung: - Những vấn đề đang đặt ra từ yêu cầu phát triển kinh tế thị trường ở VN. - Kinh tế tri thức ở Việt Nam và những yếu tố tác động. - Tính tất yếu Phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam và tầm nhìn chiến lược - Hoàn thành 5 câu hỏi trắc nghiệm khách quan.	- GV định hướng SV đọc tài liệu - Yêu cầu sinh viên: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy + Nộp sản phẩm cho GV	A1	[1]. Đọc chương III [2]. Đọc chương VII [3]. Đọc phần II, trang 10 đến trang 17. [5]. Đọc chương 3
Chương 4. Những vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay				
LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lý thuyết: (8 tiết) 4.1. Vấn đề bảo vệ hoàn bình và ngăn ngừa chiến tranh thế giới 4.1.1. Chiến tranh - nguồn gốc, bản chất và mối quan hệ với chính trị 4.1.2. Vấn đề giữ gìn hoàn bình, kiểm soát vũ trang trên thế giới và vai trò của Liên Hợp Quốc 4.1.3. Quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước trước vấn đề chiến tranh 4.1.4. Vai trò của nhà trường và trách nhiệm của công dân trước vấn đề chiến tranh 4.3. Vấn đề bùng nổ dân số và hạn chế bùng nổ dân số 4.4. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá 4.4.1. Văn hoá và di sản văn hoá 4.4.2. Cộng đồng quốc tế và vai trò của nó đối với vấn đề bảo tồn văn hoá 4.4.3. Bảo tồn các di sản văn hoá ở Việt Nam hiện nay 4.5. Thất nghiệp, đói nghèo và phòng chống tệ nạn xã hội	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3 A4 A5 A6	[1] Đọc chương 4 từ trang 87 đến 200 Xem Video https://youtu.be/08Xf1bbqhe8
LLO9 LLO10 LLO11	* Nội dung bài tập cá nhân (3 tiết) 1. Sơ đồ hóa các loại bệnh dịch hiện nay và phân tích các chính sách của Việt Nam trong phòng, chống và đẩy lùi các bệnh dịch. 2. Thiết kế kịch bản tuyên truyền về hậu quả của tệ nạn xã hội và các biện pháp đẩy lùi, giảm thiểu.	Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên đọc tài liệu, làm việc độc lập, hoàn thiện bài tập cá nhân tại lớp. - Trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[1]. Đọc chương IV,

	3. Thiết kế sơ đồ quảng bá về di sản văn hoá Việt Nam.			
LLO11 LLO15	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Tổ chức tuyên truyền về hậu quả của chiến tranh và kêu gọi xây dựng một thế giới vì hòa bình. 2. Tổ chức cuộc thi truyền truyền về phòng chống tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên. 3. Thiết kế tiểu phẩm và đóng vai tìm hiểu về các dịch bệnh trên thế giới và các biện pháp phòng tránh.	Yêu cầu sinh viên: - Thiết lập kịch bản tuyên truyền về giữ gìn hoà bình thế giới ở trường PT - Xây dựng và tổ chức mô phỏng cuộc thi truyền truyền về phòng chống tệ nạn xã hội ở trường PT - Xây dựng kịch bản hùng biện về tác động đại dịch Covid -19 - Hoàn thiện vào vở và báo cáo trước lớp	A1 A2 A4	[1]. Đọc chương 1V
LLO15	* Nội dung thảo luận nhóm: (5 tiết) 1. Đánh giá thực trạng vấn đề bùng nổ dân số và hậu quả của bùng nổ dân số 2. Nhận diện mối quan hệ giữa bùng nổ dân số với tình trạng thất nghiệp, đói nghèo và tệ nạn xã hội.	Yêu cầu sinh viên: - Chỉ rõ được tác động bùng nổ dân số - Lý giải nguyên nhân đói nghèo. - Hệ thống hoá được các tệ nạn xã hội và hậu quả của tệ nạn xã hội	A1 A2 A3	[5]. Đọc chương IV,
	*Kiểm tra định kì (1 tiết) - Thời gian: 50 phút - Hình thức: Tự luận		A5	[1]. Đọc chương III và IV
LLO8 LLO9 LLO10 LLO12 LLO16 LLO17	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: *Vấn đề bùng nổ dân số và hạn chế bùng nổ dân số - Thực trạng của dân số thế giới trong giai đoạn hiện nay. - Chính sách dân số của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. *Thất nghiệp, đói nghèo và phòng chống tệ nạn xã hội - Thực trạng của thất nghiệp, đói nghèo và tệ nạn xã hội. - Chính sách và pháp luật của Việt nam về phòng chống đói nghèo, thất nghiệp và tệ nạn xã hội.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho GV (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	[1]. Đọc chương IV [2]. Đọc chương VIII [3]. Đọc trang 28 đến 34. [5]. Đọc tập 1,2

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Rộng, sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết, máy chiếu và các thiết bị đi kèm, mạng internet, bút dạ, giấy A0, giấy màu.
- Điều kiện khác: Loa, micro

7.34: 60CPR331, Hiến pháp và định chế chính trị (CONSTITUTION AND POLITICS REGIME)**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
22.	Lý thuyết	15	15	60
23.	Bài tập	10		32
24.	Thực hành	6		
25.	Thảo luận	10		
26.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		41	15	92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,

Khoa Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
41.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
42.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
43.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)*** Về kiến thức**

CO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành luật Hiến pháp, lịch sử lập hiến Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2. Vận dụng được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về ngành luật Hiến pháp và chế định chế độ chính trị cần thiết cho hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

*** Về kỹ năng:**

CO3. Thực hiện được các kỹ năng phổ biến, giáo dục luật Hiến pháp cho học sinh phổ thông.

CO4. Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh có liên quan đến các quy định của luật Hiến pháp trong thực tiễn công việc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5. Thực hiện đúng các quy định của luật Hiến pháp về chế độ chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngành luật Hiến pháp và Hiến pháp trong cuộc sống.	PLO1,3,4
	CLO2	Khái quát được hoàn cảnh ra đời và nội dung cơ bản của các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến của Việt Nam.	PLO1,3,4
	CLO3	Luận giải được những điểm kế thừa và phát triển của các bản hiến pháp.	PLO1,3,4
CO2	CLO4	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lịch sử lập hiến của Việt Nam để chỉ ra được những thay đổi trong quy định về chế độ chính trị của Nhà nước Việt Nam qua các thời kì.	PLO1,3,4
	CLO5	Luận giải được mối quan hệ giữa các thành viên trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	PLO1,3,4
	CLO6	Mô tả được chính thể và bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của các bản hiến pháp.	PLO1,3,4
	CLO7	Luận giải được vị trí, chức năng của các cơ quan cơ bản trong bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của các bản hiến pháp.	PLO1,3,4
Kỹ năng			
CO3	CLO8	Tổ chức được một số hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về luật Hiến pháp Việt Nam cho học sinh phổ thông.	PLO6,11
CO4	CLO9	Xử lý được một số tình huống nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống và công việc có liên quan đến các quy định của luật Hiến pháp.	PLO11

	CLO10	Phản biện được những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch về chế độ chính trị nhằm chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO4	CLO11	Thực hiện đúng các quy định của luật Hiến pháp về chế độ chính trị và bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	PLO12
CO5	CLO12	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để hoàn thành nhiệm vụ của môn học một cách sáng tạo.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x		x	x											
CLO2	x		x	x											
CLO3	x		x	x											
CLO4	x		x	x											
CLO5	x		x	x											
CLO6	x		x	x											
CLO7	x		x	x											
CLO8						x					x				
CLO9											x				
CLO10											x				
CLO11												x			
CLO12															x
MDG	3	0	3	3	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Hiến pháp và định chế chính trị là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức ngành trong chương trình cử nhân Giáo dục công dân. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về lịch sử lập hiến của Việt Nam, nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-12
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-12
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-12
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-6, 9-12
	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO7,9-12
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-12

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80%

					nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

*** Rubric đánh giá bài thực hành nhóm**

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.
--------------------------------	--	---	--	--	---

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. TS. Trần Thị Lan, ThS. Nguyễn Mai Anh (2022), *Giáo trình Hiến pháp và định chế chính trị*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946)*, Nxb Lao động.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Luận giải được khái niệm và các đặc trưng của hiến pháp.
LLO2	Chứng minh được ngành luật hiến pháp là ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
LLO3	Giải thích được hoàn cảnh ra đời của các bản hiến pháp trong lịch sử lập Hiến của Việt Nam.
LLO4	Tóm tắt được nội dung cơ bản của các bản hiến pháp.
LLO5	Diễn giải được những nội dung kế thừa và những điểm phát triển của các bản hiến pháp sau so với các bản hiến pháp trước đó.
LLO6	Giải thích được Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
LLO7	Chứng minh được chế độ chính trị là một chế định có vai trò quan trọng trong ngành luật Hiến pháp Việt Nam.
LLO8	Phân tích được các quy định về chế độ chính trị trong Hiến pháp năm 2013.
LLO9	Khái quát được những điểm kế thừa và phát triển cơ bản trong nội dung về chế độ chính trị của Hiến pháp năm 2013 so với các bản hiến pháp trước đó.
LLO10	Mô tả được vị trí, vai trò của các thành viên trong hệ thống chính trị.
LLO11	Phân tích được mối quan hệ giữa Đảng – Nhà nước, Nhà nước – Mặt trận Tổ quốc, Đảng – Mặt trận Tổ quốc

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO12	Phân tích được chính thể của nhà nước theo quy định của các bản hiến pháp.
LLO13	So sánh để rút ra được điểm giống và khác nhau trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trong các bản hiến pháp.
LLO14	Vẽ được sơ đồ bộ máy nhà nước theo quy định của từng bản Hiến pháp.
LLO15	Phân tích được vị trí, chức năng của các cơ quan cơ bản trong Bộ máy Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013.
LLO16	Thực hiện được các hoạt động tuyên truyền về các nội dung cơ bản của chế độ chính trị, bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam theo quy định của Hiến pháp năm 2013.
LLO17	Thực hành được kỹ năng tìm kiếm, tra cứu các thông tin về luật Hiến pháp Việt Nam.
LLO18	Giải quyết được một số bài tập tình huống về luật Hiến pháp Việt Nam.
LLO19	Vận dụng được các kiến thức đã học để tham gia các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội.
LLO20	Nhận diện được những quan điểm, hành vi sai trái thù địch về chế độ chính trị nhằm chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
LLO21	Thực hành được các hành vi phê phán, đấu tranh chống các quan điểm, hành vi sai trái thù địch về bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
LLO22	Thực hiện đúng các quy định của Hiến pháp về quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước.
LLO23	Tuyên truyền, vận động những người xung quanh thực hiện đúng các quy định của Hiến pháp.
LLO24	Làm việc được theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ của môn học một cách sáng tạo.
LLO25	Làm việc được theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ của môn học một cách sáng tạo.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLO5			x									
LLO6			x									
LLO7				x								
LLO8				x								
LLO9				x								
LLO10					x							
LLO11					x							
LLO12						x						
LLO13						x						
LLO14							x					
LLO15							x					
LLO16								x				
LLO17								x				
LLO18									x			
LLO19									x			
LLO20										x		
LLO21										x		
LLO22											x	
LLO23											x	
LLO24												x
LLO25												x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về Hiến pháp và Luật Hiến pháp				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (05 tiết) 1.1. Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của Hiến pháp 1.1.1. Khái niệm Hiến pháp	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1, A5, A7	[1] Chương 1

	1.1.2. Các đặc trưng cơ bản của Hiến pháp	- Thảo luận nhóm		
LLO2	1.2. Luật Hiến pháp là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam 1.2.1. Khái niệm ngành luật Hiến pháp 1.2.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp 1.2.3. Nguồn của ngành luật Hiến pháp	- Dạy học dựa trên vấn đề - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A5, A7	[1] Chương 1
LLO3,4,6	1.3. Sự ra đời và phát triển của nền lập hiến Việt Nam 1.3.1. Tư tưởng lập hiến trước cách mạng tháng Tám năm 1945 1.3.2. Hiến pháp năm 1946 1.3.3. Hiến pháp năm 1959 1.3.4. Hiến pháp năm 1980 1.3.5. Hiến pháp năm 1992 1.3.6. Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) 1.3.7. Hiến pháp năm 2013 1.3.8. Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu.	A1, A5, A7	[1] Chương 1 [2] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO2,3	* Nội dung bài tập: (03 tiết) 1. Trình bày hoàn cảnh ra đời của các bản hiến pháp 1946, 1980, 1992. 3. Giải thích tại sao ngành luật Hiến pháp có vị trí là ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV	A1, A2, A5, A7	[1] Chương 1 [2] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO1, 4,5,24	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) 1. Phân tích các đặc trưng của Hiến pháp. 2. Cho ví dụ về các quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp. 3. Trình bày nội dung cơ bản của các bản hiến pháp: 1946, 1959, 1980, 1992, 2013.	SV thảo luận theo nhóm các nội dung được GV phân công và báo cáo	A1, A3, A5, A7	[1] Chương 1 [2] Đọc theo hướng dẫn của GV

	4. Chứng minh một số quy định trong Hiến pháp năm 2013 là sự kế thừa quy định của các bản hiến pháp trước đó.	<i>kết quả trước lớp.</i>		
LLO3, 4, 25	B. Nội dung tự học: (15 tiết) <i>Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị bài phần giới thiệu về lịch sử lập hiến của Việt Nam.</i>	<i>SV tóm tắt lại nội dung của các bản hiến pháp và nộp cho GV đánh giá.</i>	A1,A5,A7	[1] Chương 1 [2] Đọc theo hướng dẫn của GV

Chương 2: Chế độ chính trị				
LLO7, 8,9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (08 tiết) 2.1. Khái niệm chế độ chính trị 2.2. Chế độ chính trị là một chế định của ngành Luật Hiến pháp Việt Nam 2.2.1. Các chế định của ngành luật Hiến pháp 2.2.2. Nội dung cơ bản của chế định "chế độ chính trị" trong Hiến pháp năm 2013	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A5,A7	[1] Chương 2 [2] Đọc chương về chế độ chính trị
LLO10, 11	2.3. Hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.3.1. Khái niệm hệ thống chính trị 2.3.2. Vị trí, vai trò của các thành viên trong hệ thống chính trị ở Việt Nam	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm.</i>	A1, A5,A7	[1] Chương 2 [2] Đọc chương về chế độ chính trị
LLO12	2.4. Chính thể nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.4.1. Khái niệm chính thể của nhà nước 2.4.2. Đặc điểm chính thể nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua các bản Hiến pháp * Bài kiểm tra định kì số 1 : 01 tiết <i>thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.</i>	- <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1, A5,A7	[1] Chương 3

LLO16 ,23	* Nội dung thực hành: (02 tiết) Thiết kế và thực hiện 1 hoạt động để phổ biến, giáo dục nội dung về các nguyên tắc bầu cử vào cơ quan quyền lực nhà nước cho học sinh phổ thông.	- Chuẩn bị, sản phẩm, thuyết trình về sản phẩm.	A1, A4	[1] Chương 3 [2] Đọc chương về chế độ chính trị
LLO11, 13	* Nội dung bài tập cá nhân: (04 tiết) So sánh mô hình chính thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua các bản Hiến pháp: 1946, 1959, 1980, 1992, 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001), 2013.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV	A1, A2, A6, A7	[1] Chương 3
LLO12, 13,24	* Nội dung thảo luận: (04 tiết) 1. Phân tích những nội dung cơ bản của chế định "chế độ chính trị" trong Hiến pháp năm 2013: Quyền dân tộc cơ bản, bản chất của Nhà nước, mục đích của chế độ chính trị... 2. Phân tích vị trí, vai trò của các thành viên trong hệ thống chính trị ở Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên). 3. Chứng minh Nhà nước là thành viên trung tâm của hệ thống chính trị.	SV thảo luận theo nhóm các nội dung được GV phân công và báo cáo kết quả trước lớp.	A1, A3, A6, A7	[1] Chương 2 [2] Đọc chương về chế độ chính trị
LLO25	B. Nội dung tự học: (29 tiết) SV đọc tài liệu và chuẩn bị bài về chế độ chính trị và chính thể của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	SV ghi chép lại nội dung chuẩn bị bài, GV kiểm tra trên lớp bằng phát vấn.	A1, A5, A7	[2] Đọc chương về chế độ chính trị

Chương 3: Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (29 tiết) * Nội dung lí thuyết: (17 tiết)	- Thuyết trình kết	A1, A6, A7	[1] Chương 3
-------	---	--------------------	------------	-----------------

	3.1. Bộ máy nhà nước trong lịch sử lập hiến Việt Nam 3.1.1. Khái niệm bộ máy nhà nước 3.1.2. Phân loại các cơ quan trong bộ máy nhà nước 3.1.3. Bộ máy nhà nước theo quy định của các bản hiến pháp 1946, 1959, 1980 và 1992	<i>hợp với trình chiếu.</i> - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề		
LLO14, 15	3.2. Vị trí, chức năng và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong bộ máy nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013 3.2.1. Quốc hội 3.2.2. Chủ tịch nước 3.2.3. Chính phủ 3.2.4. Kiểm toán nhà nước 3.2.5. Hội đồng bầu cử quốc gia 3.2.6. Tòa án nhân dân 3.2.7. Viện kiểm sát nhân dân 3.2.8. Chính quyền địa phương * Bài kiểm tra định kì số 2: 01 tiết thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Sử dụng phim tư liệu - Thảo luận nhóm.	A1, A6, A7	[1] Chương 3 [2] Đọc chương về quốc hội (hoặc nghị viện)
LLO17, 18,19,22	* Nội dung bài tập cá nhân: (03 tiết) 1. Vẽ sơ đồ cơ cấu tổ chức của Chính phủ, theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). 2. Giải quyết một số bài tập tình huống về hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.	SV thực hành vẽ sơ đồ, trên bảng hoặc trên khổ giấy A3 và thuyết trình kết quả trước lớp.	A1, A2, A6, A7	[1] Chương 3 [2] Đọc chương về Chính phủ
LLO16, 24	* Nội dung thực hành: (04 tiết) 1. Tìm hiểu về cơ cấu và số lượng thành viên của Chính phủ đương nhiệm. 2. Xem video về một phiên họp Chính phủ và ghi chép vấn đề thành phần, nội dung, kết luận của phiên họp.	- Chuẩn bị, sản phẩm, thuyết trình về sản phẩm.	A1, A4	[1] Chương 3 [2] Đọc chương về Chính phủ (hoặc HĐ Bộ trưởng)

LLO20, 21,23	* Nội dung thảo luận: (04 tiết) 1. Phân tích vị trí pháp lý và thẩm quyền của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013. 2. Phân tích hình thức hoạt động chủ yếu của Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (thông qua các kỳ họp). 3. Nhận diện và đưa ra lập luận để phê phán một số quan điểm sai trái về hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân...	- Sinh viên thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp.	A1, A2, A6, A7	[1] Chương 3 [2] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO17 ,25	B. Nội dung tự học: (49 tiết) - Sinh viên đọc tài liệu và tra cứu thông tin về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Đọc tài liệu và chuẩn bị bài theo nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của giảng viên trên lớp.	A1, A6, A7	[1] Chương 3 [2] Đọc theo hướng dẫn của GV

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu sử dụng tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.35: 60AIC331, Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học GD&ĐT

1. Thông tin chung về học phần:

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60
2	Bài tập	5	0	32
3	Thực hành	16	0	
4	Thảo luận	5	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	0	92
Tổng		58	0	

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa GDCT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
44.	TS Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
45.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongsptn@gmail.com
46.	TS Ngô Lan Anh	0913349907	ngolananhspn@gmail.com
47.	Th.S Đoàn Thị Hồng Nhung	0357390819	nhungtrietk55@gmail.com
48.	Th.S Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận giải được vai trò, yêu cầu của việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong dạy học, giáo dục

CO2: Phân tích và đánh giá được các thiết bị công nghệ, phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học môn GDCT ở trường phổ thông.

* Về kỹ năng

CO3: Có kỹ năng giao tiếp và hợp tác trong dạy học GDCT ở trường phổ thông trên cơ sở ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

CO4: Lựa chọn, sử dụng được các phần mềm cơ bản để xây dựng nguồn học liệu, thiết kế hoạt động dạy học môn GDCT ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện chủ trương chuyển đổi số trong dạy học GDCT ở trường phổ thông.

CO6: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và tự học suốt đời để ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học GDCT ở trường phổ thông theo hướng đổi mới, sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giải thích được vai trò của CNTT trong hoạt động dạy học và giáo dục	PLO4 PLO5
	CLO2	Phân tích được yêu cầu chuyển đổi số trong dạy học, giáo dục	PLO4 PLO5
CO2	CLO3	Luận giải được nguyên tắc ứng dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học môn GDCT ở trường phổ thông.	PLO3 PLO4 PLO5
	CLO4	Phân tích được kỹ năng lựa chọn, sử dụng các phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học môn GDCT ở trường phổ thông.	PLO3 PLO4 PLO5

	Kĩ năng		
CO3	CLO5	Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp, hợp tác để giải quyết vấn đề đặt ra trong ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào dạy học GD&ĐT ở trường phổ thông	PLO6 PLO7 PLO9 PLO12
CO4	CLO6	Lựa chọn, sử dụng được các phần mềm để xây dựng nguồn học liệu trong dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông.	PLO9 PLO10 PLO11
	CLO7	Lựa chọn, sử dụng được các phần mềm để thiết kế hoạt động dạy học môn GD&ĐT; quản lý HS/lớp học, quản lý thông tin và theo dõi tiến bộ học tập của HS ở trường phổ thông.	PLO10 PLO11
	CLO8	Thiết kế được công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GD&ĐT ở trường phổ thông trên cơ sở chuyển đổi số	PLO10 PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO9	Tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học GD&ĐT ở trường phổ thông.	PLO14 PLO15
	CLO10	Nghiêm túc thực hiện chủ trương chuyển đổi số trong dạy học GD&ĐT ở trường phổ thông.	PLO14 PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1				x	x										
CLO2				x	x										
CLO3			x	x	x										
CLO4			x	x	x										
CLO5						x	x		x			x			
CLO6									x	x	x				
CLO7										x	x				
CLO8										x	x				
CLO9														x	x
CLO10														x	x
MDG	0	0	2	3	3	1	1	0	2	2	2	1	0	2	2

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học giáo dục công dân là học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số; vị trí, vai trò, nguyên tắc, nội dung của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học nói chung và dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông nói riêng. Qua đó, vận dụng được kiến thức đã học để hình thành, phát triển ở người học năng lực ứng dụng ứng

dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học môn GDCTD ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;
 - + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
 - Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
 - Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).
 - Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.
 - Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1- CLO8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1 - CLO8
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1 - CLO8
4	A4. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO5 – CLO8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1- CLO5
	A6. Bài kiểm tra định kì			Đáp án, thang điểm	CLO6 – CLO10
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A7. Thực hành	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO5 - CLO10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành (10%)					
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5 Không thực hiện được các thao tác, quy trình	0,5 đến < 1,0 Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	1,0 đến < 1,5 Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	1,5 đến 2,0 Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0 Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	1,0 đến < 2,0 Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	2,0 đến < 2,5 Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	2,5 đến 3,0 Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0 Giải thích và chứng minh không rõ ràng	1,0 đến < 2,0 Giải thích, chứng minh tương đối rõ ràng	2,0 đến < 2,5 Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	2,5 đến 3,0 Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25 Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	0,25 đến < 0,5 Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	0,5 đến < 0,75 Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	0,75 đến 1,0 Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Trình bày báo cáo rõ ràng		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Trần Thị Lan (2025), *Đề cương bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học môn GDCD*.
- [2]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân*. Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội)
- [3]. Nguyễn Thị Hường (2016), *Phương pháp dạy học GDCD ở phổ thông - Giáo trình nội bộ*; NXB Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2021, *Sách giáo khoa môn GDCD lớp 6*, Nxb Giáo dục Việt Nam
- [5]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2022, *Sách giáo khoa môn GDCD lớp 7*, Nxb Giáo dục Việt Nam
- [6]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2023, *Sách giáo khoa môn GDCD lớp 8*, Nxb Giáo dục Việt Nam
- [7]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2024, *Sách giáo khoa môn GDCD lớp 9*, Nxb

Giáo dục Việt Nam

[8]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2022, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10*, Nxb Đại học Huế.

[9]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2023, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11*, Nxb Đại học Huế.

[10]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2024, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12*, Nxb Đại học Huế.

[11]. Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh (2023), *Giáo trình phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

[12] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT về việc hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông* (Ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội)

[13] Thủ tướng chính phủ (2022), *Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"*, ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2022

(<https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205236&classid=0>)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO1	Nêu được quan niệm về công nghệ thông tin, thiết bị công nghệ trong dạy học
LLO2	Khái quát được bản chất của chuyển đổi số trong dạy học, giáo dục
LLO3	Luận giải được các xu hướng chuyển đổi số trong dạy học và giáo dục hiện nay
LLO4	Đánh giá được vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hoạt động dạy học, giáo dục
LLO5	Nhận diện và luận giải được một số yêu cầu đặt ra trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học, giáo dục
LLO6	Khái quát được một số thiết bị công nghệ cơ bản trong hỗ trợ hoạt động dạy học
LLO7	Khái quát được một số thiết bị công nghệ nâng cao hỗ trợ hoạt động dạy học
LLO8	Gợi ý được một số ứng dụng thiết bị công nghệ trong dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông
LLO9	Giới thiệu được một số học liệu số hỗ trợ hoạt động dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông
LLO10	Giới thiệu và khái quát được một số phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông
LLO11	Phân tích được những thuận lợi, khó khăn khi sử dụng các phần mềm và thiết bị công nghệ để dạy học môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông trên cơ sở giao tiếp, hợp tác nhóm
LLO12	Khai thác và sử dụng được một số các phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học và giáo dục môn GD&ĐT
LLO13	Liên hệ được trách nhiệm của bản thân trong sử dụng các thiết bị, phần mềm vào dạy học GD&ĐT.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương
LLO14	Trình bày được cơ sở lựa chọn, ứng dụng thiết bị công nghệ, học hiệu số và các phần mềm trong dạy học môn GD&CD ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số
LLO15	Ứng dụng được các phần mềm và thiết bị công nghệ trong xây dựng học liệu số
LLO16	Ứng dụng được các phần mềm và thiết bị công nghệ trong thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD&CD
LLO17	Ứng dụng được các phần mềm và thiết bị công nghệ trong tổ chức hoạt động dạy học môn GD&CD
LLO18	Ứng dụng được các phần mềm và thiết bị công nghệ trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GD&CD
LLO19	Ứng dụng được các phần mềm và thiết bị công nghệ trong hỗ trợ quản lý HS/lớp học, quản lý thông tin và theo dõi tiến bộ học tập của HS
LLO20	Rút ra được một số lưu ý khi thiết kế một hoạt động cụ thể để dạy học môn Giáo dục công dân có ứng dụng CNTT, học liệu số và thiết bị công nghệ.
LLO21	Đề xuất được quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy môn GD&CD có ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trên cơ sở giao tiếp, hợp tác nhóm

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2		x								
LLO3		x								
LLO4	x									
LLO5		x								
LLO6	x									
LLO7	x									
LLO8	x		x		x					
LLO9	x									
LLO10	x		x							
LLO11				x	x	x				
LLO12				x		x				
LLO13									x	x
LLO14				x		x				
LLO15						x				
LLO16						x	x			
LLO17						x	x			

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO18						x		x		
LLO19						x	x			
LLO20					x					
LLO21					x					

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Vai trò của CNTT, chuyển đổi số trong dạy học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết)		A1,A5	[1] Đọc
LLO2	* Nội dung lí thuyết: (5 tiết)	-Thuyết		Chương 1
LLO3	1.1. Khái quát về công nghệ thông tin,	trình kết hợp		[12] Đọc
LLO4	chuyển đổi số trong dạy học	với trình		quyết định
LLO5	1.1.1. Công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học	chiếu		[13] Nội
	1.1.2. Thiết bị công nghệ trong dạy học	- Dạy học		dung công
	1.1.3. Chuyển đổi số trong dạy học, giáo dục	dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại		văn
	1.2. Xu hướng chuyển đổi số trong dạy học và giáo dục hiện nay			
	1.2.1. Xu hướng chuyển đổi số trong quản lý giáo dục			
	1.2.2. Xu hướng chuyển đổi số trong phương pháp dạy học, giáo dục			
	1.2.3. Xu hướng chuyển đổi số trong kiểm tra, đánh giá			
	1.3. Vai trò và một số yêu cầu đặt ra trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hoạt động dạy học, giáo dục			

	1.3.1. Vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hoạt động dạy học, giáo dục 1.3.2. Một số yêu cầu đặt ra trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học, giáo dục			
LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập (1 tiết) Đánh giá ưu, nhược điểm, khó khăn, thách thức của việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1]. Chương 1
LLO3L LO4	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Phân tích vai trò của ICT trong tổ chức dạy học GDCD ở THPT 2. Nhận diện, đánh giá các xu hướng ứng dụng CNTT trong dạy học, giáo dục trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và việc chuyển đổi số trong giáo dục.	Nêu vấn đề, thảo luận nhóm	A3	[1]. Chương 1 [12] Đọc quyết định [13] Nội dung công văn
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5	B. Nội dung tự học: (13 tiết) - Sinh viên đọc Đề cương bài giảng chương 1 ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của GV - Sinh viên làm việc nhóm: trao đổi, thống nhất hình thành đề cương, phân công nhiệm vụ thu thập tài liệu thông tin, biên tập nội dung, thao tác kỹ thuật...; cử đại diện báo cáo sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên.	A1,A2,A3	[1]. Chương 1 [12] Đọc quyết định [13] Nội dung công văn

Chương 2: Thiết bị công nghệ, học liệu số và phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết)	Thuyết trình	A1, A5	[1] Chương
LLO7	* Nội dung lí thuyết: (12 tiết)	kết hợp trình		2
LLO8	2.1. Thiết bị công nghệ hỗ trợ hoạt động	chiếu, đàm		[13]
LLO9	dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ	thoại, động		
LLO10	thông	não		
	2.1.1. Một số thiết bị công nghệ cơ bản trong hỗ trợ hoạt động dạy học			
	2.1.2. Một số thiết bị công nghệ nâng cao hỗ trợ hoạt động dạy học			
	2.1.3. Gợi ý ứng dụng thiết bị công nghệ trong dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông			
	2.2. Học liệu số hỗ trợ hoạt động dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông			
	2.2.1. Nguồn học liệu số dùng chung			
	2.2.2. Nguồn học liệu số dùng trong dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông			
	2.2.3. Sử dụng Internet để tìm kiếm học liệu số hỗ trợ hoạt động dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông			
	2.3. Một số phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông			
	2.3.1. Khái quát các phần mềm hỗ trợ dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông			
	2.3.2. Phần mềm thiết kế/biên tập học liệu số và tổ chức hoạt động dạy học môn GD&ĐT			

	2.3.3. Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GDCD 2.3.4. Phần mềm hỗ trợ quản lí lớp học và hỗ trợ học sinh trong dạy học môn GDCD			
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	* Nội dung bài tập (2 tiết) Phân tích một số tình huống dạy học có ứng dụng các công cụ, phần mềm đã được học. Trên cơ sở này, đề xuất một tình huống dạy học cụ thể trong môn Giáo dục công dân có ứng dụng các công cụ, phần mềm cụ thể (tùy chọn).	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2	[1].Chương 2 [3-11]
LLO8 LLO10 LLO11 LLO13	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Phân tích những thuận lợi, khó khăn khi sử dụng các phần mềm và thiết bị công nghệ để dạy học môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông	Nêu vấn đề, thảo luận nhóm	A3	[1].Chương 2 [3,4,5,6,7,8,9,10,11]
LLO12	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Chọn ít nhất hai trong số các phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học và giáo dục môn GDCD đã làm quen và thực hành khai thác, sử dụng chúng theo mục tiêu giả định.	Thực hành cá nhân	A4	[3,4,5,6,7,8,9,10,11]
LLO1- LLO10	* Kiểm tra định kỳ : Bài số 1 (1 tiết)	Toàn lớp/ tự luận	A5	[1].Chương 1,2,
LLO6 LLO10	B. Nội dung tự học: (33 tiết) - SV đọc Đề cương bài giảng chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của GV - SV làm việc nhóm: trao đổi, thống nhất hình thành đề cương, phân công nhiệm vụ	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc tài liệu, làm bài tập; làm việc nhóm, báo cáo SP	A1,A2, A3, A4.	[1]Chương 1, 2 [13]

	thu thập tài liệu thông tin, biên tập nội dung, thao tác kỹ thuật...; cử đại diện báo cáo sản phẩm thảo luận, thực hành.	thực hành, thảo luận.		
Chương 3: Lựa chọn, ứng dụng thiết bị công nghệ, học hiệu số và phần mềm trong dạy học môn GD&CD ở trường phổ thông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (31 tiết)	- Thuyết	A1, A6	[1] Chương 3 [4,5,6,7,8] [9,10,11]
LLO15	* Nội dung lí thuyết: (13 tiết)	trình kết hợp		
LLO16	3.1. Cơ sở lựa chọn, ứng dụng thiết bị	với trình		
LLO17	công nghệ, học hiệu số và các phần	chiếu		
LLO18	mềm trong dạy học môn GD&CD ở	- Dạy học		
LLO19	trường phổ thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số	dựa trên vấn đề kết hợp		
	3.1.1. Đặc trưng của môn Giáo dục công dân	đàm thoại		
	3.1.2. Các hình thức dạy học có ứng dụng CNTT			
	3.1.3. Điều kiện thực tiễn ở nhà trường			
	3.1.4. Chủ đề/bài học và các yêu cầu cần đạt tương ứng			
	3.2. Sử dụng các phần mềm trong dạy học môn GD&CD ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số			
	3.2.1. Ứng dụng các phần mềm và thiết bị công nghệ trong xây dựng học liệu số môn GD&CD			
	3.2.2. Ứng dụng các phần mềm và thiết bị công nghệ trong thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD&CD			

	3.2.3. Ứng dụng các phần mềm và thiết bị công nghệ trong tổ chức hoạt động dạy học môn GD&CD 3.2.4. Ứng dụng các phần mềm và thiết bị công nghệ trong hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập, giáo dục môn GD&CD 3.2.5. Sử dụng các phần mềm và thiết bị công nghệ để hỗ trợ quản lý HS/lớp học, quản lý thông tin và theo dõi tiến bộ học tập của HS			
LLO14 LLO20	* Bài tập cá nhân (2 tiết) 1. Phân tích việc lựa chọn, sử dụng nguồn học liệu, phần mềm và thiết bị công nghệ phù hợp trong môn Giáo dục công dân. 2. Trình bày những lưu ý khi thiết kế một hoạt động cụ thể để dạy học môn Giáo dục công dân có ứng dụng CNTT, học liệu số và thiết bị công nghệ.	Giao bài và hướng dẫn SV	A2	[1].Chương 3
LLO21	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Đề xuất qui trình xây dựng kế hoạch bài dạy môn GD&CD có ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay.	Nêu vấn đề, thảo luận nhóm	A3	[1].Chương 3 [3, 11]
LLO15 LLO16 LLO17 LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành: (14 tiết) 1. Ứng dụng thiết bị công nghệ và phần mềm phù hợp để thiết kế các học liệu hỗ trợ dạy học môn GD&CD ở trường phổ thông 2. Ứng dụng thiết bị công nghệ và phần mềm phù hợp để thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GD&CD ở trường phổ thông	Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên thực hành theo nhóm	A4	[1].Chương 3 [4,5,6,7,8] [9, 10,11]

	3. Ứng dụng thiết bị công nghệ và phần mềm phù hợp để tổ chức hoạt động dạy học môn GDCD ở trường phổ thông 4. Lựa chọn một phần mềm và thiết bị công nghệ để hỗ trợ quản lí HS/lớp học, quản lí thông tin và theo dõi tiến bộ học tập của HS trong dạy học môn GDCD			
	* Kiểm tra định kỳ: Bài số 02 (1 tiết)		A6	
LLO13 -LLO17	B. Nội dung tự học: (46 tiết) - SV đọc Đề cương bài giảng chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của GV - SV làm việc nhóm: trao đổi, thống nhất hình thành đề cương, phân công nhiệm vụ thu thập tài liệu thông tin, biên tập nội dung, thao tác kỹ thuật...; cử đại diện báo cáo sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV đọc tài liệu, làm bài tập; làm việc nhóm, báo cáo SP thực hành, thảo luận.	A1, A2 A3, A4	[1].Chương 3 [4,5,6,7,8] [9, 10,11]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu sáng rõ và đủ các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: Internet đường truyền tốc độ cao.

7.36. 60SME331, Phương pháp nghiên cứu khoa học GDCD, GDCT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60
2	Bài tập	8	0	32
3	Thực hành	8	0	

4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: LSD, TTHCM.; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
49.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnguyen@dhsptn.edu.vn
50.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.com
51.	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân như: đối tượng nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu, khái niệm cơ bản, các nguyên tắc và đặc điểm nghiên cứu.

CO2: Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học và lĩnh vực nghiên cứu khoa học trong ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.

CO3: Phân tích được cấu trúc, kỹ thuật trình bày các phần và thực hành viết cấu trúc một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.

* Về kỹ năng:

CO4: Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện trong nghiên cứu khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.

CO5: Thiết kế và thực hiện được đề cương nghiên cứu khoa học, tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO6: Thực hiện nghiêm túc quy định về đạo đức nghiên cứu khoa học và đạo đức nhà giáo trong hoạt động nghiên cứu.

CO7: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào làm việc độc lập, làm việc nhóm và học tập suốt đời trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

CO8: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học để phát triển nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo trong hoạt động dạy học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân tích được đối tượng, ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học và mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học với thực tiễn trong ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.	PLO1, PLO3, PLO4
	CLO2	Phân tích được các khái niệm cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học trong ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.	PLO1, PLO3, PLO4
	CLO3	Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản và đặc điểm của nghiên cứu khoa học vào hoạt động nghiên cứu thực tiễn.	PLO1, PLO4
CO2	CLO4	Phân tích được khái niệm, hệ thống các phương pháp nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.	PLO4, PLO5
	CLO5	Phân tích được những lĩnh vực nghiên cứu, đặc thù của phương pháp nghiên cứu và cách thức xác định vấn đề nghiên cứu từ thực tiễn giáo dục.	PLO3, PLO4, PLO5
CO3	CLO6	Phân tích được cấu trúc, yêu cầu của các loại công trình nghiên cứu khoa học và vận dụng kỹ thuật xây dựng, trình bày các phần trong công trình nghiên cứu.	PLO3, PLO4, PLO5
	CLO7	Thực hiện được quy tắc trích dẫn, lập danh mục tài liệu tham khảo và xây dựng cấu trúc một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.	PLO3, PLO4, PLO5
	Kỹ năng		
CO4	CLO8	Vận dụng được các kỹ năng thuyết trình, phản biện, trao đổi và chia sẻ trong quá trình nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.	PLO9, PLO11, PLO12

	CLO9	Thực hiện được các kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác và chia sẻ trong hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân.	PLO9, PLO11, PLO12
CO5	CLO10	Thiết kế được đề cương nghiên cứu khoa học cho một vấn đề cụ thể và tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu theo đề cương.	PLO9, PLO11, PLO12
	CLO11	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu phù hợp để thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu trong quá trình nghiên cứu.	PLO9, PLO11, PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO12	Tuân thủ nghiêm túc quy định về đạo đức nghiên cứu khoa học và thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo trong hoạt động nghiên cứu.	PLO13, PLO14
	CLO13	Thực hiện đúng quy chế dân chủ và văn hóa học thuật trong nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục.	PLO13, PLO14
CO7	CLO14	Hình thành và phát triển được năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng làm việc độc lập trong hoạt động nghiên cứu khoa học.	PLO14, PLO15
	CLO15	Tổ chức được hoạt động nhóm hiệu quả và chia sẻ trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.	PLO14, PLO15
CO8	CLO16	Vận dụng được kết quả nghiên cứu vào đổi mới và sáng tạo trong hoạt động dạy học chuyên ngành.	PLO14, PLO15
	CLO17	Phát triển được năng lực nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.	PLO14, PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

[illegible]

CLO6			x	x	x										
CLO7			x	x	x										
CLO8									x		x	x			
CLO9									x		x	x			
CLO10									x		x	x			
CLO11									x		x	x			
CLO12													x	x	
CLO13													x	x	
CLO14														x	x
CLO15														x	x
CLO16														x	x
CLO17														x	x
MDG	1	0	2	2	2	0	0	0	2	0	2	2	1	2	2

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị nói riêng, bao gồm các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận, luận văn và luận án khoa học ngành Giáo dục chính trị; các phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; những lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành Giáo dục chính trị và đặc thù của phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục chính trị. Trên cơ sở nền tảng đó, sinh viên được thực hành viết cấu trúc một đề tài nghiên cứu khoa học để tập dượt và trau dồi khả năng và niềm say mê nghiên cứu khoa học của mình.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7,9-11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,7,8 - 11
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO 1 – 5, 6,9,10, 11, 12, 13
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1 – 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1 - 3
	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO4- 7
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A7. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1 – 7 - 11

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: Rubric đánh giá

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0 Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	1,0 đến < 2,0 Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	2,0 đến < 2,5 Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	2,5 đến 3,0 Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5 Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	2,5 đến < 3,3 Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	3,3 đến < 4,0 Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	4,0 đến 5,0 Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững

					vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn
--------------------------------	--	--	---	---	-----------------------------

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt,	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt

		chỉ/sai sót lớn trong tương tác	còn vài sai sót nhỏ		
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Cao Đàm (2018), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Viết Vượng (1997), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[3] Nguyễn Văn Lê (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Trẻ, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học trong ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, thông qua việc xác định phạm vi, mục tiêu và tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực này.
LLO2	Diễn giải các khái niệm cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, bao gồm việc định nghĩa, phân tích và làm rõ những thuật ngữ chuyên môn liên quan

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
	đến hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo dục chính trị và Giáo dục Công dân.
LLO3	Phân tích các nguyên tắc và đặc điểm của nghiên cứu khoa học trong ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, bao gồm việc nhận diện, đánh giá và vận dụng các nguyên tắc nghiên cứu khoa học một cách chính xác và hiệu quả.
LLO4	Sử dụng các kỹ năng đã học để giải quyết các bài tập cá nhân, bài thực hành và bài thảo luận nhóm trong Chương 1, thể hiện khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết vào các nhiệm vụ thực tế.
LLO5	Diễn giải khái niệm về phương pháp nghiên cứu, bao gồm việc làm rõ định nghĩa, phân loại và ý nghĩa của các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục chính trị và Giáo dục Công dân.
LLO6	Phân tích các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, thông qua việc đánh giá, so sánh và làm rõ đặc điểm của từng phương pháp nghiên cứu.
LLO7	Vận dụng các phương pháp nghiên cứu vào thực tiễn giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, thể hiện khả năng kết nối kiến thức lý thuyết với các ứng dụng thực tế trong nghiên cứu.
LLO8	Sử dụng các kỹ năng đã học để giải quyết các bài tập cá nhân, bài thực hành và bài thảo luận nhóm trong Chương 2, thể hiện năng lực học tập và áp dụng kiến thức.
LLO9	Phân tích các lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, bao gồm việc xác định, mô tả và đánh giá các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau.
LLO10	Chỉ ra những đặc thù trong phương pháp nghiên cứu khoa học ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, thông qua việc nhận diện và phân tích những điểm riêng biệt của phương pháp nghiên cứu.
LLO11	Vận dụng kiến thức để xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, thể hiện khả năng lựa chọn, phân tích và đánh giá các vấn đề nghiên cứu tiềm năng.
LLO12	Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học về phương pháp nghiên cứu khoa học ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân vào quá trình nghiên cứu khoa học của bản thân, thể hiện năng lực tích hợp và vận dụng kiến thức.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO13	Sử dụng các kỹ năng đã học để giải quyết các bài tập cá nhân, bài thực hành và bài thảo luận nhóm trong Chương 3, thể hiện sự phát triển toàn diện về kỹ năng nghiên cứu.
LLO14	Vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra định kỳ số 1, thể hiện khả năng tổng hợp và áp dụng kiến thức đã học vào việc đánh giá.
LLO15	Phân biệt cấu trúc của các loại công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, bao gồm việc nhận diện, so sánh và phân tích sự khác biệt giữa các loại hình công trình nghiên cứu.
LLO16	Vận dụng được kỹ thuật xây dựng và trình bày các phần chính trong công trình nghiên cứu, thể hiện khả năng viết và trình bày một cách chuyên nghiệp các phần của một công trình nghiên cứu.
LLO17	Làm việc độc lập để giải quyết bài tập cá nhân của Chương 4, thể hiện năng lực tự học, tự nghiên cứu và giải quyết vấn đề một cách độc lập.
LLO18	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để xây dựng cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể trong lĩnh vực giáo dục chính trị, GD&ĐT, thể hiện khả năng thiết kế và tổ chức một công trình nghiên cứu.
LLO19	Lựa chọn và phân tích được một đề tài nghiên cứu trong khoa học giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp, tính mới và tính khả thi của đề tài.
LLO20	Xây dựng được đề cương nghiên cứu sơ bộ cho một chủ đề trong lĩnh vực giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, thể hiện khả năng lập kế hoạch và thiết kế ban đầu cho một nghiên cứu.
LLO21	Thực hành viết được phần mở đầu cho một đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, thể hiện kỹ năng viết học thuật và trình bày mục đích nghiên cứu.
LLO22	Phân tích được các yếu tố cần xem xét khi chọn một đề tài nghiên cứu trong khoa học giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân, bao gồm việc đánh giá tính cấp thiết, tính khoa học và tính thực tiễn của đề tài.
LLO23	Sử dụng các kỹ năng đã học để giải quyết các bài tập cá nhân, bài thực hành và bài thảo luận nhóm trong Chương 5, thể hiện khả năng tích hợp và vận dụng toàn bộ kiến thức đã học.
LLO24	Vận dụng kiến thức đã học để làm bài kiểm tra định kỳ số 2, thể hiện năng lực tổng hợp, phân tích và vận dụng kiến thức vào việc đánh giá cuối cùng.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)																	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
LLO1	x																	
LLO2		x																
LLO3			x															
LLO4								x										
LLO5				x														
LLO6				x														
LLO7				x							x							
LLO8									x									
LLO9					x													
LLO10					x													
LLO11					x					x								
LLO12											x						x	
LLO13									x									
LLO14												x	x					
LLO15						x												
LLO16						x	x											
LLO17															x			
LLO18										x								
LLO19					x					x								
LLO20										x								
LLO21							x											
LLO22					x					x								
LLO23									x							x		
LLO24																		x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu khoa học ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1, LLO2, LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp: (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Đối tượng, ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân .11.1. Đối tượng nghiên cứu khoa học ngành giáo dục chính trị 1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học ngành giáo dục chính trị	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại	A1 A5 A7	[1] Chương I [2] Chương 1
LLO1, LLO2, LLO3	1.2. Một số khái niệm cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học 1.2.1. Khái niệm khoa học 1.2.2. Khái niệm nghiên cứu khoa học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A5 A7	[1] Chương I [2] Chương 1
LLO1, LLO2, LLO3	1.3. Các nguyên tắc và đặc điểm của nghiên cứu khoa học trong ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân 1.3.1. Các nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu khoa học ngành giáo dục chính trị 1.3.2. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục chính trị 1.3.3. Mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn giáo dục chính trị	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm.	A1 A5 A7	[1] Chương I [2] Chương 1
LLO1, LLO2, LLO3	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Sinh viên thực hành phân tích một số vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân theo các yêu cầu sau: a) Chọn và phân tích 3 công trình nghiên cứu khoa học về Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân để làm rõ: - Đối tượng nghiên cứu - Phạm vi nghiên cứu - Các nguyên tắc nghiên cứu được tuân thủ - Đặc điểm nghiên cứu thể hiện trong công trình b) Phân tích mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn trong các công trình đã chọn, từ đó rút ra:	SV thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1 A4 A7	

	- Cơ sở thực tiễn của vấn đề nghiên cứu - Tính ứng dụng của kết quả nghiên cứu - Đóng góp của nghiên cứu cho thực tiễn giáo dục			
LLO1, LLO3, LLO4	* Nội dung thảo luận nhóm: (03 tiết) 1. Phân tích mối quan hệ giữa đối tượng nghiên cứu của ngành giáo dục chính trị, GD&ĐT với các ngành khoa học xã hội khác. Làm thế nào để xác định ranh giới và điểm giao thoa giữa chúng trong nghiên cứu liên ngành? 2. Thảo luận về vai trò của các nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu khoa học ngành giáo dục chính trị, GD&ĐT. Làm thế nào để đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc này mà vẫn đảm bảo tính sáng tạo và đột phá trong nghiên cứu?	SV thảo luận nhóm và trình bày trước lớp.	A1, A3	[1] Chương I [2] Chương 1
LLO1, LLO3, LLO4	* Nội dung Bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Xác định và mô tả một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực giáo dục chính trị, GD&ĐT. 2. Phân tích các nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ khi tiến hành nghiên cứu vấn đề đã chọn.	Định hướng sinh viên độc lập nghiên cứu vấn đề và trình bày vấn đề theo hình thức vẽ sơ đồ tư duy	A1 A2	[1] Chương I [2] Chương 1
LLO1, LLO2, LLO3	B. Nội dung tự học: (14 tiết) <i>Yêu cầu đối với sinh viên:</i> Sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung bài học, viết tóm tắt nội dung tự học vào vở.	GV kiểm tra nội dung tự học bằng hình thức phát vấn trên lớp.	A1	[1] Chương I [2] Chương 1
Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân				
LLO5, LLO6, LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp: (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 2.1. Khái niệm về phương pháp	Thuyết trình kết hợp với phương pháp dạy	A1 A5 A7	[1] Chương II [2] Chương 2 [3] Chương 2

		học theo tình huống - Nêu vấn đề kết hợp đàm thoại .		
LLO5, LLO6, LLO7	2.2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục chính trị, GD&ĐT	-Thảo luận nhóm	A1 A5 A7	[1] Chương II [2] Chương 2 [3] Chương 2
LLO5, LLO6, LLO7	2.3. Ứng dụng các phương pháp nghiên cứu trong thực tiễn giáo dục chính trị, GD&ĐT 2.3.1. Ví dụ minh họa việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong giáo dục chính trị, GD&ĐT 2.3.2. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp cho các chủ đề cụ thể 2.3.3. Một số lưu ý khi áp dụng các phương pháp nghiên cứu	- Nêu vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1 A5 A7	[1] Chương II [2] Chương 2 [3] Chương 2
LLO6, LLO7, LLO8	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Phân tích và so sánh các phương pháp nghiên cứu trong Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - So sánh ưu điểm và hạn chế của các phương pháp nghiên cứu định lượng (điều tra bằng bảng hỏi, thống kê, thực nghiệm...) - So sánh ưu điểm và hạn chế của các phương pháp nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu, quan sát, nghiên cứu tình huống...) - Đề xuất phương pháp phù hợp cho từng loại vấn đề nghiên cứu cụ thể 2. Thảo luận về việc kết hợp các phương pháp trong nghiên cứu Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Phân tích sự cần thiết của việc kết hợp nhiều	- Định hướng SV thảo luận nhóm và viết báo cáo - SV viết báo cáo và nộp cho GV	A1, A3	[1] Chương II [2] Chương 2 [3] Chương 2

	phương pháp nghiên cứu - Thảo luận cách thức kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng - Đưa ra ví dụ cụ thể về việc thiết kế nghiên cứu đa phương pháp cho các chủ đề: + Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống + Giáo dục pháp luật và ý thức công dân + Giáo dục chính trị và đạo đức + Giáo dục quyền con người			
LLO6, LLO7, LLO8	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) 1. Phân tích ưu điểm, hạn chế và điều kiện áp dụng của các phương pháp nghiên cứu trong Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Phân loại các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng - So sánh tính ưu việt và hạn chế của từng nhóm phương pháp - Xác định điều kiện áp dụng phù hợp cho từng phương pháp - Đề xuất ví dụ cụ thể về việc sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu: + Giáo dục ý thức công dân + Giáo dục đạo đức, lối sống + Giáo dục chính trị, tư tưởng + Giáo dục pháp luật 2. Thiết kế quy trình sử dụng một phương pháp nghiên cứu cụ thể cho một vấn đề trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Xây dựng công cụ nghiên cứu (bảng hỏi/đề cương phỏng vấn/phiếu quan sát...) - Mô tả chi tiết các bước tiến hành - Dự kiến cách thức xử lý và phân tích dữ liệu - Đề xuất biện pháp đảm bảo độ tin cậy của kết quả nghiên cứu	- Định hướng sinh viên làm bài tại lớp - Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1] Chương II [2] Chương 2 [3] Chương 2
LLO7, LLO8	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Thực hành thiết kế và sử dụng công cụ nghiên cứu định lượng:	- Định hướng thảo luận và tiến	A1, A4 A7	[1] [1] Chương II

	- Xây dựng bảng hỏi điều tra về một vấn đề trong lĩnh vực GDCT, GDCTD như: + Nhận thức về quyền công dân + Thái độ với các vấn đề chính trị - xã hội + Ý thức pháp luật của học sinh + Giáo dục giá trị sống - Yêu cầu khi thiết kế: + Xác định rõ mục tiêu khảo sát + Cấu trúc logic các nhóm câu hỏi + Sử dụng đa dạng các dạng câu hỏi + Đảm bảo tính khoa học và khả thi 2. Thực hành phân tích và đánh giá phương pháp nghiên cứu: - Chọn và phân tích 2-3 công trình nghiên cứu về GDCT, GDCTD để: + Xác định phương pháp nghiên cứu được sử dụng + Phân tích cách thức triển khai các phương pháp + Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của phương pháp + Đề xuất phương án cải tiến phù hợp	hành thực hành theo nhóm - Nộp sản phẩm cho GV		[2] Chương 2 [3] Chương 2
LLO5, LLO6, LLO7	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu, làm bài tập các bài tập trong Chương 3 phần giao bài tập.	SV làm bài tập và nộp lại cho GV đánh giá.	A1	[1] Chương II [2] Chương 2 [3] Chương 2
Chương 3: Những lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân và đặc thù của phương pháp nghiên cứu khoa học				
LLO9, LLO10, LLO11	A A. Nội dung thực hiện trên lớp: (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 3.1. Những lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân	- Nêu vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A5 A7	[1] Chương II, IV, V, VI, [2] Chương 3

		- Thảo luận nhóm		
LLO9, LLO10 LLO11	3.2. Đặc thù của phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân	-Trao đổi, đàm thoại - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A1 A5 A7	
LLO9, LLO10 LLO11	3.3. Xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân 3.3.1. Cách thức xác định vấn đề nghiên cứu từ thực tiễn giáo dục chính trị, GDCCD 3.3.2. Tiêu chí đánh giá tính khả thi của vấn đề nghiên cứu 3.3.3. Ví dụ minh họa quá trình xác định vấn đề nghiên cứu trong giáo dục chính trị, GDCCD	- Nêu vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1 A5 A7	[1] Chương II, IV,V, VI, [2] Chương 3
LLO9, LLO10 LLO11 LLO12	Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Phân tích và đánh giá các công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Chọn và phân tích 2-3 công trình nghiên cứu về: + Giáo dục chính trị tư tưởng + Giáo dục đạo đức, lối sống + Giáo dục pháp luật, quyền công dân + Giáo dục giá trị - Yêu cầu phân tích: + Xác định lĩnh vực nghiên cứu cụ thể + Phân tích cách xác định vấn đề nghiên cứu + Đánh giá tính khả thi của vấn đề nghiên cứu + Phân tích đặc thù phương pháp nghiên cứu được sử dụng + Đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp với mục tiêu nghiên cứu + Đề xuất hướng phát triển cho nghiên cứu	- Định hướng thảo luận và tiến hành thực hành theo nhóm - Nộp sản phẩm cho GV	A1, A4 A7	[1] Chương II, IV,V, VI, [2] Chương 3

	2. Thực hành xác định vấn đề nghiên cứu mới từ thực tiễn: - Chọn một lĩnh vực nghiên cứu cụ thể - Phân tích thực trạng vấn đề - Đề xuất hướng nghiên cứu mới - Dự kiến phương pháp nghiên cứu phù hợp			
LLO11 LLO12	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) 1. Phân tích các yếu tố cơ bản trong thiết kế nghiên cứu thuộc lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Phân biệt và mối quan hệ giữa: + Mục đích nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu + Đối tượng nghiên cứu và khách thể nghiên cứu + Nhiệm vụ nghiên cứu và nội dung nghiên cứu + Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu 2. Thuyết minh phương pháp nghiên cứu cho một vấn đề cụ thể trong Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Mô tả rõ các phương pháp nghiên cứu sẽ sử dụng - Giải thích lý do lựa chọn các phương pháp - Trình bày cách thức triển khai từng phương pháp - Dự kiến kết quả đạt được từ mỗi phương pháp	GV hướng dẫn sinh viên làm bài tập trên lớp.	A1 A2	[1] Chương II, IV, V, VI, [2] Chương 3
LLO9, LLO11 LLO13	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Phân tích và đánh giá các lĩnh vực nghiên cứu chính trong ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân từ góc độ dạy học, giáo dục giá trị, phát triển năng lực công dân toàn cầu. Thảo luận về sự cần thiết phải có cách tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu các vấn đề này. 2. Phân tích đặc thù của việc nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân và đề xuất phương pháp nghiên cứu phù hợp cho một số chủ đề cụ thể như: - Giáo dục giá trị sống	Định hướng sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm	A1, A3	[1] Chương II, IV, V, VI, [2] Chương 3

	- Giáo dục pháp luật - Giáo dục chống tham nhũng - Giáo dục quyền con người			
LLO1, LLO2, LLO3, LLO4, LLO5, LLO6, LLO7, LLO8, LLO9, LLO10 LLO11	* Bài kiểm tra định kỳ số 1: (1 tiết) - Thời gian: 50 phút - hình thức: Tự luận	Sinh viên ôn tập chương 1, chương 2, chương 3 SV làm bài kiểm tra viết trên lớp.	A5	Đọc Chương I, II, III, VI, [2] Chương 1,2,3,
LLO9, LLO10 , LLO11	B. Nội dung tự học: (22 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu, làm bài tập các bài tập trong Chương 3 phần giao bài tập.	SV làm bài tập và nộp lại cho GV đánh giá.	A1	[1] Chương II, IV,V, VI, [2] Chương 3
Chương 4: Cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị, Giáo dục Công dân				
LLO15 LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp: (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết) 4.1. Cấu trúc của đề tài nghiên cứu khoa học và khóa luận thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị, GD CD 4.1.1. Cấu trúc của đề tài nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị, GD CD 4.1.2. Cấu trúc của khóa luận thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị, GD CD	- Nêu vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1 A6 A7	[1] Chương VII [2] Chương 4 [3] Chương 3
LLO15 LLO16	4.2. Cấu trúc của luận văn, luận án khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị, GD CD 4.2.1. Cấu trúc của luận văn thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị, GD CD 4.2.2. Cấu trúc của luận án khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị, GD CD	- Nêu vấn đề.	A1 A6 A7	[1]

LLO15 LLO16	4.3. Hướng dẫn xây dựng và trình bày các phần chính trong công trình nghiên cứu 4.3.1. Kỹ thuật viết phần mở đầu và kết luận 4.3.2. Phương pháp trình bày nội dung chính của công trình nghiên cứu 4.3.3. Quy tắc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1 A6 A7	Chương VII
LLO15 LLO16 LLO17	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) 1. So sánh và phân tích sự khác biệt giữa cấu trúc các loại hình công trình nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên - Khóa luận tốt nghiệp - Luận văn thạc sĩ - Luận án tiến sĩ Từ đó rút ra đặc điểm và yêu cầu riêng của mỗi loại hình nghiên cứu. 2. Chọn một chủ đề nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân và thực hiện: - Xây dựng cấu trúc chi tiết cho một khóa luận tốt nghiệp - Viết phần mở đầu (khoảng 2-3 trang) theo đúng yêu cầu về nội dung và hình thức - Trình bày danh mục tài liệu tham khảo theo đúng quy định hiện hành	- GV hướng dẫn SV làm bài tập trên lớp.	A1 A2	[1] Chương VII [2] Chương 4 [3] Chương 3
LLO16 LLO18	Nội dung thực hành: (1 tiết) 1. Phân tích cấu trúc và cách trình bày của 2-3 công trình nghiên cứu (khóa luận, luận văn) thuộc chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân theo các yêu cầu: - Đánh giá tính logic trong cấu trúc các chương mục - Phân tích cách trình bày các phần chính (mở đầu, nội dung, kết luận) - Đánh giá việc tuân thủ quy tắc trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo	Định hướng sinh viên trao đổi theo nhóm đôi, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và nộp báo cáo	A1 A4 A7	[1] Chương VII [2] Chương 4 [3] Chương 3

	- Đề xuất điều chỉnh (nếu có) để hoàn thiện 2. Thực hành xây dựng cấu trúc một đề cương nghiên cứu khoa học về một chủ đề trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân, yêu cầu: - Xác định rõ tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu - Xây dựng hệ thống chương mục logic - Trình bày đúng quy định về hình thức - Thực hiện đúng quy tắc trích dẫn và TLTK	nhóm cho GV		
LLO15 LLO16	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Thảo luận về cấu trúc và yêu cầu của các loại hình công trình nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - So sánh cấu trúc và yêu cầu giữa đề tài NCKH và khóa luận tốt nghiệp - So sánh cấu trúc và yêu cầu giữa luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ - Phân tích mức độ đóng góp khoa học của mỗi loại hình nghiên cứu 2. Thảo luận về phương pháp trình bày và kỹ thuật viết các phần trong một công trình nghiên cứu thuộc chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Kỹ thuật xác định và trình bày phần mở đầu - Phương pháp tổ chức và trình bày các chương/phần nội dung - Kỹ thuật viết phần kết luận và khuyến nghị - Quy tắc trích dẫn và xây dựng danh mục tài liệu tham khảo	Định hướng sinh viên trao đổi theo nhóm đôi, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và nộp báo cáo nhóm cho GV	A1 A3	[1] Chương VII [2] Chương 4 [3] Chương 3
LLO15 LLO16	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Cấu trúc của khóa luận thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị - Cấu trúc của luận văn thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị	GV kiểm tra nội dung tự học bằng phát vấn trên lớp.	A1	[1] Chương VII [2] Chương 4 [3] Chương 3
Chương 5: Thực hành viết cấu trúc của một đề tài nghiên cứu khoa học				

LLO19 - 22	A. Nội dung thực hiện trên lớp: (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 5.1. Sinh viên tự nghiên cứu và chọn một đề tài trong khoa học Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân 5.2. Giảng viên đưa ra một đề tài cụ thể trong khoa học Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân	- Dạy học dựa trên vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với thảo luận nhóm.	A1 A6 A7	[1] Chương IX, X,XI [2] Chương 5
LLO20 LLO22	*Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) 1. Thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu cho một đề tài thuộc chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Xác định và phân tích tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu - Xây dựng hệ thống mục tiêu nghiên cứu - Đề xuất câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu (nếu có) - Xây dựng khung lý thuyết và phương pháp nghiên cứu phù hợp - Dự kiến kết quả nghiên cứu và đóng góp của đề tài 2. Phân tích một đề tài nghiên cứu khoa học đã hoàn thành trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân để: - Đánh giá tính khoa học và logic của cấu trúc đề tài - Phân tích mối liên hệ giữa mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu - Đánh giá tính khả thi và ý nghĩa thực tiễn của đề tài - Đề xuất hướng phát triển/mở rộng cho đề tài.	SV làm bài tập trên lớp theo hướng dẫn.	A1 A2	[1] Chương IX, X,XI [2] Chương 5
LLO18 LLO21	* Nội dung thực hành (1 tiết) 1. Xây dựng cấu trúc chi tiết cho một đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân theo yêu cầu: - Xây dựng sơ đồ tư duy về các thành phần của đề tài - Thiết kế hệ thống chương mục logic và khoa học	- Định hướng sinh viên trao đổi nhóm - SV hoàn thiện kế	A1, A4 A7	[1] Chương IX, X,XI [2] Chương 5

	- Mô tả ngắn gọn nội dung chính của từng phần - Thể hiện mối liên hệ giữa các phần trong cấu trúc tổng thể 2. Thực hành viết phần mở đầu cho đề tài nghiên cứu đã chọn, đảm bảo các yêu cầu: - Phân tích được tính cấp thiết của đề tài - Xác định rõ mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu - Nêu được đối tượng, phạm vi nghiên cứu - Mô tả phương pháp nghiên cứu dự kiến sử dụng - Dự kiến đóng góp của nghiên cứu - Trình bày cấu trúc của đề tài	hoạch của nhóm và báo cáo trước lớp		
LLO22 LLO23	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Phân tích quy trình và yêu cầu khi lựa chọn đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục Chính trị, Giáo dục Công dân: - Cách thức xác định vấn đề nghiên cứu từ thực tiễn giáo dục - Tiêu chí đánh giá tính cấp thiết của đề tài - Phương pháp đánh giá tính khả thi của nghiên cứu - Xác định phạm vi và giới hạn nghiên cứu phù hợp 2. Thảo luận về việc đảm bảo chất lượng của đề tài nghiên cứu: - Phương pháp xác định tính mới của vấn đề nghiên cứu - Cách thức đảm bảo tính thực tiễn và khả thi của đề tài - Kỹ thuật xác định đóng góp khoa học dự kiến - Phương pháp đánh giá hiệu quả ứng dụng của kết quả nghiên cứu	SV thảo luận và thuyết trình trước lớp.	A1 A3	[1] Chương IX, X, XI [2] Chương 5
LLO12 - LLO22	* Bài kiểm tra định kỳ số 2: (1 tiết) - Thời gian: 50 phút - hình thức: Tự luận	- SV làm bài kiểm tra viết trên lớp. - Sinh viên ôn tập	A6	[1] Chương IV, V [2] Chương 4, 5

		chương 4, chương 5,		
LLO19 LLO20	B. Nội dung tự học: (17 tiết) Yêu cầu sinh viên: Tự nghiên cứu tài liệu tìm hiểu nội dung kiến thức bài học	Nộp bài tập cho GV	A1	[1] Chương IX, X, XI [2] Chương 5

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy.

7.37: 60TGC331, Chuyên đề bình đẳng giới và quyền trẻ em (GENDER EQUALITY CHILDREN'S RIGHTS TOPIC)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
27.	Lý thuyết	30	0	60
28.	Bài tập	10	0	32
29.	Thực hành	6	0	
30.	Thảo luận	10	0	
31.	Thực tế chuyên môn	0	0	
32.	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
52.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
53.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
54.	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
55.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
56.	ThS. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
57.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

- * Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về bình đẳng giới và quyền trẻ em vào trong hoạt động thực tiễn.

CO2. Phân tích được những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật trên thế giới và Việt Nam về bình đẳng giới và quyền trẻ em.

CO3. Vận dụng được pháp luật về bình đẳng giới và quyền trẻ em trong giáo dục học sinh trung học.

*** Về kỹ năng:**

CO4. Giao tiếp hiệu quả, đúng pháp luật với người học, đồng nghiệp và phụ huynh bằng các kiến thức đã học.

CO5. Thực hiện giải quyết các tình huống trong thực tế về bình đẳng giới và quyền trẻ em.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

CO6. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO7. Thực hành được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Diễn giải được những khái niệm cơ bản về giới, bình đẳng giới, quyền trẻ em.	PLO1,3
	CLO2	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về bình đẳng giới và quyền trẻ em để thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.	PLO1,4
CO2	CLO3	Phân biệt được các chính sách, pháp luật của quốc tế và Việt Nam về bình đẳng giới và quyền trẻ em	PLO3,4
	CLO4	Luận giải được các cơ quan thực thi bình đẳng giới và quyền trẻ em ở Việt Nam	PLO3,6
CO3	CLO5	Sử dụng các kiến thức đã học để giáo dục học sinh về bình đẳng giới và quyền trẻ em	PLO4
Kỹ năng			
CO4	CLO6	Thực hiện được các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cho người học trong quá trình dạy học.	PLO11
CO5	CLO7	Xây dựng được phương án giải quyết một số tình huống liên quan đến bình đẳng giới và quyền trẻ em xảy ra trong thực tế.	PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO8	Tuân theo các quy định pháp luật về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường học.	PLO11
CO7	CLO9	Thực hành được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.	PLO12

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x												
CLO2	x			x											
CLO3			x	x											
CLO4			x			x									
CLO5				x											
CLO6											x				
CLO7											x				
CLO8											x				
CLO9												x			
MDG	2	0	2	2	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	0

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một GPLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Chuyên đề Bình đẳng giới và Quyền trẻ em là học phần cung cấp những kiến thức lý luận về bình đẳng giới và quyền trẻ em; những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật thế giới và Việt Nam về bình đẳng giới và quyền trẻ em. Thực hiện giáo dục học sinh trung học về bình đẳng giới và quyền trẻ em thông qua các môn học tại nhà trường phổ thông.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO3,4,5,5
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1,2,3,7, 9
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1 - 4

	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO 5 - 9
Thi kết thúc học phần					
5	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50-64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0

Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.
-----------------------------------	--	------------------------------------	--	--	---

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic.	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.

* Rubric đánh giá bài thực hành nhóm

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic.	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.
--------------------------------	--	---	--	--	---

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Quốc hội, Luật Bình đẳng giới (hiện hành).

[2]. Quốc hội (2016), Luật trẻ em.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Thị Thuận, Trần Xuân Kỳ (2009). *Giáo trình giới và phát triển*, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.

[4]. Liên Hợp quốc (1995), *Cương lĩnh hành động Bắc Kinh*, Hội nghị phụ nữ toàn cầu của Liên Hợp quốc, Bắc Kinh, Trung Quốc, Tháng 9/1995.

[5]. Liên Hợp quốc (1979), *Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ - CEDAW*.

[6]. Liên hợp Quốc (1990), Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

[7]. Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam (2008), *Tài liệu Hướng dẫn Lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách*, NXB Phụ nữ.

[8]. Nghị định 144/2013/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Làm rõ được các khái niệm về giới và bình đẳng giới.
LLO2	Phân tích được quá trình hình thành, phát triển giới và bình đẳng giới.
LLO3	Liên hệ được thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay.
LLO4	So sánh chỉ số bình đẳng giới của Việt Nam và thế giới.
LLO5	Nhận biết được các khái niệm về trẻ em, quyền trẻ em
LLO6	Luận giải các quyền và bổn phận của trẻ em.
LLO7	Vận dụng được các kiến thức về chăm sóc, bảo vệ trẻ em vào giải quyết các tình huống trong thực tế.
LLO8	Xây dựng các hoạt động tuyên truyền để bảo vệ quyền trẻ em.
LLO9	Liệt kê được một số luật pháp quốc tế về bình đẳng giới và quyền trẻ em.
LLO10	Nhận biết được các cơ quan thực thi bình đẳng giới, quyền trẻ em ở Việt Nam.
LLO11	Phân biệt được trách nhiệm của gia đình và các cơ sở giáo dục trong thực hiện quyền trẻ em.
LLO12	Thực hiện lồng ghép giáo dục bình đẳng giới đối với học sinh.
LLO13	Đánh giá tầm quan trọng trong giáo dục quyền trẻ em đối với học sinh trung học.
LLO14	Xây dựng kế hoạch để tuyên truyền thực hiện bảo vệ quyền trẻ em trong trường phổ thông.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO15	Giải quyết được các tình huống này sinh liên quan đến vấn đề bình đẳng giới và quyền trẻ em.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	x	x							
LLO2	x		x		x				
LLO3		x	x		x				
LLO4			x					x	
LLO5		x		x			x		
LLO6		x		x		x			
LLO7				x		x			
LLO8					x			x	
LLO9				x					
LLO10					x	x			
LLO11							x		x
LLO12									
LLO13					x	x			
LLO14							x		x
LLO15					x	x		x	

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Một số vấn đề về giới và bình đẳng giới				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lí thuyết: (07 tiết) 1.1 Các khái niệm cơ bản về Giới và bình đẳng giới 1.1.1. Khái niệm về giới 1.1.2. Khái niệm bình đẳng giới 1.2. Giới và bình đẳng giới – lịch sử phát triển và quá trình hình thành	- <i>Nêu vấn đề.</i> - <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A5, A7	[1] Đọc điều 5. [3] Đọc từ 11- 13, 47 – 75. [7]. Đọc từ tr 82 – 117.

	1.2.1. Giới và bình đẳng giới – lịch sử phát triển và quá trình hình thành trên thế giới 1.2.2. Giới và bình đẳng giới – lịch sử phát triển và quá trình hình thành ở Việt Nam. 1.3. Thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam và trên thế giới. 1.3.1. Thực trạng bình đẳng giới trên thế giới 1.3.2 Thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam			
LLO1, 2	* Nội dung bài tập: (2 tiết) Nghiên cứu về chỉ số phát triển về giới và bình đẳng giới của Việt Nam và tương quan với các nước trên thế giới.		A1, A2,A5	[1] Đọc điều 5, điều 6. [3] Đọc từ 11- 13, 47 – 75. [7]. Đọc từ tr 82 – 117.
LLO3, 4	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) 1) Hãy so sánh lịch sử hình thành và phát triển về giới và bình đẳng giới ở Việt Nam và trên thế giới.	SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp để GV đánh giá.	A3	[1] Đọc điều 5. [3] Đọc từ 11- 13, 47 – 75. [7]. Đọc từ tr 82 – 117.
LLO3, 4	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - Nội dung tự học của người học: đọc tài liệu và chuẩn bị bài cho nội dung tiếp theo.	Tóm tắt lại nội dung đã học, GV kiểm tra lại trên lớp.	A1	[1] Đọc điều 5. [3] Đọc từ 11- 13, 47 – 75. [7]. Đọc từ tr 82 – 117.

Chương 2. Một số vấn đề chung về quyền trẻ em

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu
------	----------	---------------------------	----------

		Dạy học	Đánh giá	
LLO5,6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (07 tiết) 2.1. Khái niệm và các quyền cơ bản của trẻ em 2.1.1. Khái niệm trẻ em và quyền trẻ em 2.1.2. Các quyền và bổn phận của trẻ em 2.2. Chăm sóc, giáo dục trẻ em và bảo vệ trẻ em 2.2.1. Chăm sóc và giáo dục trẻ em 2.2.2. Bảo vệ trẻ em	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1, A5, A7	[2] Đọc chương 1, [6] Phần 1 [8] Đọc toàn bộ văn bản
LLO6,7	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Làm rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp thực hiện quyền trẻ em.	- <i>GV hướng dẫn SV thảo luận nhóm, viết báo cáo.</i>	A3	[2] Đọc chương 1, [6] Phần 1 [8] Đọc toàn bộ văn bản
LLO8	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Phân tích một vài quyền cơ bản của trẻ em. Liên hệ với thực tiễn cuộc sống. 2. Trẻ em được chăm sóc và giáo dục như thế nào?	- <i>Sinh viên làm bài tập cá nhân theo sự hướng dẫn của GV</i>	A2, A5, A6	[2] Đọc chương 1, [6] Phần 1 [8] Đọc toàn bộ văn bản
LLO7, 8	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Xây dựng các tình huống bảo vệ quyền trẻ em. 2. Xây dựng các hoạt động tuyên truyền để bảo vệ quyền trẻ em	- <i>GV hướng dẫn SV thực hành.</i> - <i>Đại diện SV báo cáo trước lớp.</i>	A4	[2] Đọc chương 1, [6] Phần 1 [8] Đọc toàn bộ văn bản
	* Bài kiểm tra định kì (1 tiết) <i>Thời gian làm bài: 45 phút</i> <i>Hình thức kiểm tra: Tự luận</i>	Tổ chức cho sinh viên làm bài theo quy định	A5	Chương 1, chương 2

LLO7,8	B. Nội dung tự học: (23 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp.	<i>Chuẩn bị bài theo yêu cầu cụ thể của GV trên lớp.</i>	A1	[2] Đọc chương 1, [6] Phần 1 [8] Đọc toàn bộ văn bản
Chương 3. Một số luật pháp, chính sách quốc tế và quốc gia về bình đẳng giới và quyền trẻ em				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lý thuyết: (08 tiết) 3.1. Một số công ước quốc tế về bình đẳng giới 3.1.1 CEDAW - Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối với phụ nữ 3.1.2 Cương lĩnh hành động Bắc Kinh	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A6, A7	[1] Đọc chương 2, 3, 4, 5. [4]. Đọc toàn bộ văn bản [5]. Đọc toàn bộ văn bản.
LLO9,10	3.2 Các tổ chức, cơ quan thực thi bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay 3.2.1. Hội LHPN Việt Nam 3.2.2. Vụ bình đẳng giới - Bộ Lao động Thương binh Xã hội 3.3. Một số luật pháp quốc tế về quyền trẻ em 3.3.1. Công ước về quyền trẻ em năm 1989 của Liên hợp quốc 3.3.2. Luật trẻ em ở Việt Nam 3.4. Trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan trong thực hiện quyền trẻ em 3.4.1. Bộ lao động thương binh và xã hội 3.4.2. Trách nhiệm của gia đình, cá nhân và cơ sở giáo dục	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A6, A7	[1] Đọc chương 2, 3, 4, 5. [2] Đọc chương 5, 6, 7 [4]. Đọc toàn bộ văn bản [5]. Đọc toàn bộ văn bản.
LLO10, 11	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) Vai trò của tổ chức xã hội/ cơ quan nhà nước/ tổ chức trong việc thúc đẩy bình đẳng giới tại Việt Nam.	- GV hướng dẫn SV thảo luận nhóm, viết báo cáo.	A1, A3	[1] Đọc chương 2, 3, 4, 5. [4]. Đọc toàn bộ văn bản

		- Đại diện SV báo cáo trước lớp.		[5]. Đọc toàn bộ văn bản.
LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân: (03 tiết) 1. Phân biệt trách nhiệm của gia đình và các cơ sở giáo dục trong thực hiện quyền trẻ em. 3. Phân tích vai trò của mỗi cá nhân trong thực hiện quyền trẻ em. Lấy ví dụ minh họa	SV làm bài tập nộp cho GV, GV tổng hợp và đánh giá.	A1, A2	[2] Đọc chương 5, 6, 7 [8]. Đọc toàn bộ văn bản
LLO11	* Nội dung thực hành: (02 tiết) 1. Xây dựng một tình huống có chứa các hành vi vi phạm quyền trẻ em. 2. Xây dựng một tình huống có chứa các hành vi về bất bình đẳng giới.	- SV chuẩn bị tình huống theo nhóm, xử lí tình huống của nhóm bạn. GV nhận xét, đánh giá.	A4	[1] Đọc chương 2, 3, 4, 5. [2] Đọc chương 5, 6, 7 [4]. Đọc toàn bộ văn bản [5]. Đọc toàn bộ văn bản.
LLO9, 10, 11	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp.	Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV, làm BT theo yêu cầu.	A1	[1] Đọc chương 2, 3, 4, 5. [2] Đọc chương 5, 6, 7 [4]. Đọc toàn bộ văn bản [5]. Đọc toàn bộ văn bản.

Chương 4. Giáo dục bình đẳng giới và quyền trẻ em đối với học sinh				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO12, 13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (17 tiết) * Nội dung lý thuyết: (08 tiết) 4.1. Giáo dục bình đẳng giới đối với học sinh	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A6, A7	[1] chương 3, 4, 5, 6 [2] Chương 2 – 7.

	4.1.2. Lồng ghép giáo dục bình đẳng giới trong giáo dục sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản và phòng tránh HIV/AIDS 4.1.3. Phòng tránh bạo lực học đường trên cơ sở giáo dục bình đẳng giới 4.1.4. Một số hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới trong nhà trường, kết hợp giữa nhà trường và gia đình, cộng đồng. 4.2. Giáo dục quyền trẻ em đối với học sinh. 4.2.1. Tuyên truyền, lồng ghép giáo dục quyền trẻ em trong các buổi học ngoại khóa. 4.2.2. Kết hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong giáo dục quyền trẻ em.	- Thảo luận nhóm.		
LLO14,15	* Nội dung bài tập cá nhân: (03 tiết) 1. Đánh giá vai trò của giáo dục bình đẳng giới đối với học sinh phổ thông. 2. Đề xuất các giải pháp phòng tránh bạo lực học đường trên cơ sở những nội dung kiến thức về bình đẳng giới.	- GV hướng dẫn SV làm BT.	A2	[1] chương 3, 4,5, 6 [2] Chương 2 – 7.
LLO14, 15	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) Tầm quan trọng của giáo dục quyền trẻ em đối với học sinh phổ thông.	SV thảo luận nhóm, thực hiện báo cáo.		[1] chương 3, 4,5, 6 [2] Chương 2 – 7.
LLO13	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Xây dựng các hoạt động trong nhà trường phổ thông nhằm giáo dục về bình đẳng giới đối với học sinh 2. Lên kế hoạch cho các hoạt động bảo vệ quyền trẻ em.	- SV thực hành theo nhóm và báo cáo.		[1] chương 3, 4,5, 6 [2] Chương 2 – 7.
	*Bài kiểm tra định kì (1 tiết) Thời gian làm bài: 45 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	Tổ chức cho sinh viên làm bài theo quy định	A6	Chương 3, chương 4

LLO13, 14, 15	B. Nội dung tự học: (27 tiết) - Nội dung tự học: chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của giảng viên	Chuẩn bị bài đầy đủ, trả lời câu hỏi của GV.	A1	[1] chương 3, 4, 5, 6 [2] Chương 2 – 7.
------------------	--	--	----	--

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.38: 60TER331, Chuyên đề dân tộc và tôn giáo (TOPICS ON ETHNICITY AND RELIGION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60
2	Bài tập	8	0	32
3	Thực hành	8	0	
4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
58.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
2	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
4	TS. Vũ Thị Thủy	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
5	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Luận giải được những đặc điểm, biểu hiện trong quan hệ dân tộc trên thế giới và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay.

CO2: Khái quát được nội dung cơ bản của các tôn giáo lớn trên thế giới.

CO3: Phân tích được nội dung một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

CO4: Luận giải được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về dân tộc và tín ngưỡng tôn giáo.

*** Về kỹ năng**

CO5: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phân tích, đánh giá, phản biện để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và tự học suốt đời để giải quyết các vấn đề đặt ra trong công tác dân tộc và tôn giáo theo hướng vận dụng đúng chính sách pháp luật của nhà nước.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Khái quát được đặc điểm, xu hướng của quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay và tác động của quan hệ dân tộc trên thế giới đến Việt Nam và định hướng giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam	PLO1
	CLO2	Giải thích được biểu hiện của quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay	PLO1 PLO4
	CLO3	Phân tích được những yêu cầu cơ bản trong giải quyết các mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay	PLO1 PLO4
CO2	CLO4	Tóm tắt được nội dung cơ bản của Đạo Phật.	PLO1
	CLO5	Trình bày được quá trình phát triển, giáo lý, luật lệ và nghi lễ cơ bản của Đạo Ki-tô và Đạo I-Xlam (Hồi giáo).	PLO1
CO3	CLO6	Giải thích được nguồn gốc, bản chất, nội dung nghi lễ thờ cúng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam.	PLO1 PLO3
	CLO7	Luận giải được nội dung cơ bản của đạo Cao Đài và đạo Hòa Hảo ở Việt Nam.	PLO1 PLO3
CO4	CLO8	Luận giải được quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	PLO1 PLO3 PLO4
	CLO9	Phân tích được nội dung cơ bản các chính sách của Nhà nước Việt Nam về dân tộc và tôn giáo.	PLO1 PLO3
	Kỹ năng		

CO5	CLO10	Giao tiếp, hợp tác được với các thành viên trong nhóm để phân tích, luận giải, đánh giá công tác dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	PLO6 PLO12
	CLO11	Nhận diện, đánh giá, phê phán được quan điểm sai trái, thù địch với học thuyết Mác – Lênin, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và tôn giáo	PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO12	Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về công tác dân tộc, tôn giáo trong dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.	PLO13
	CLO13	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, học tập suốt đời và cải thiện hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh trong thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên cơ sở tôn trọng chính sách, pháp luật của Nhà nước	PLO11 PLO14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x														
CLO2	x			x											
CLO3	x			x											
CLO4	x														
CLO5	x														
CLO6	x		x												
CLO7	x		x												
CLO8	x		x	x											
CLO9	x		x												
CLO10						x						x			
CLO11												x			
CLO12													x		
CLO13											x			x	
MDG	3	0	2	2	0	1	0	0	0	0	1	1	1	1	0

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Chuyên đề dân tộc và tôn giáo trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về quan hệ dân tộc, về một số tôn giáo trên thế giới và vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; luận giải tính khoa học, cách mạng trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo. Qua đó, hình thành và phát triển ở sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện những quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3 CLO4,7,8
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO 1,2,3 CLO4,8,9
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,4,6, CLO7,8,10
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3 CLO7,8
	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO4,5,7,8
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A7. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1 -9 CLO11

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng	Chủ động thực hiện, đạt 50 -	Chủ động thực hiện, đạt 65 -	Chủ động, tích cực chuẩn

chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	64% nhiệm vụ học tập được giao.	79% nhiệm vụ học tập được giao.	bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					

Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

			nhưng còn một vài sai sót quan trọng		
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5 Thiếu rõ ràng	0,5 đến < 1,0 Tương đối rõ ràng	1,0 đến < 1,5 Khá mạch lạc, rõ ràng	1,5 đến 2,0 Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25 Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	0,25 đến < 0,5 Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	0,5 đến < 0,75 Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	0,75 đến 1,0 Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25 Trả lời sai đa số các câu hỏi	0,25 đến < 0,5 Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	0,5 đến < 0,75 Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	0,75 đến 1,0 Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25 Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	0,25 đến < 0,5 Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	0,5 đến < 0,75 Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	0,75 đến 1,0 Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

[2]. Vũ Minh Tuyên (2013), *Giáo trình Tôn giáo học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I,II, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[6]. C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập, *tập 19, tập 21* (1995), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5* (2000), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 5.

[8]. Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội

[9]. Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn (2005), *Giáo trình tôn giáo học*, Nxb Đại học Sư phạm.

[10]. Nguyễn Đăng Duy (2003), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được đặc điểm, xu hướng của quan hệ dân tộc trên thế giới
LLO2	Phân tích được tác động của quan hệ dân tộc trên thế giới đến Việt Nam
LLO3	Giải thích được biểu hiện của quan hệ dân tộc ở Việt Nam và đánh giá được các nhân tố tác động đến quan hệ dân tộc ở Việt Nam
LLO4	Đề xuất được định hướng giải quyết các mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam
LLO5	Diễn giải được hoàn cảnh ra đời, giáo lý cơ bản, luật lệ và nghi lễ thờ cúng của đạo Phật.
LLO6	Chỉ ra được những ảnh hưởng tích cực của Phật giáo đến đời sống nhân dân ở địa phương.
LLO7	Giải thích được hoàn cảnh ra đời, giáo lý cơ bản, luật lệ, nghi lễ của đạo Ki-tô.
LLO8	Tóm tắt được giáo lý cơ bản của đạo I-Xlam và quá trình du nhập của đạo I-Xlam ở Việt Nam.
LLO9	Phân biệt được nguồn gốc, bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và các nghi lễ thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam.
LLO10	Xác định được nguồn gốc, bản chất, nghi lễ thờ cúng của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam.
LLO11	Mô tả được quá trình hình thành, biến đổi, giáo lý cơ bản và luật lệ của đạo Cao Đài ở Việt Nam.
LLO12	Xác định được hoàn cảnh ra đời, nội dung giáo lý cơ bản, luật lệ và nghi lễ của đạo Hòa Hảo.
LLO13	Khái quát hóa được những biểu hiện chủ yếu trong quan hệ dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam và các nhân tố tác động đến quan hệ dân tộc, tôn giáo ở nước ta hiện nay
LLO14	Phân tích, luận giải được quan điểm, giải pháp cơ bản giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay
LLO15	Luận giải được căn cứ, nguyên tắc xây dựng và nội dung đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước ta về dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ đổi mới
LLO16	Nhận diện được những vấn đề đặt ra trong xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới
LLO17	Đề xuất được phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới
LLO18	Giao tiếp, hợp tác hiệu quả được với nhóm để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về công tác dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
LLO19	Phê phán được các quan điểm sai trái, thù địch về quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay
LLO20	Vận dụng được kiến thức môn học để xác định trách nhiệm của bản thân đối với việc giáo dục và thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo trong hoạt động giáo dục học sinh

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO1	x												
LLO2	x												
LLO3		x											
LLO4			x										
LLO5				x									
LLO6				x									
LLO7					x								
LLO8					x								
LLO9						x							
LLO10						x							
LLO11							x						
LLO12							x						
LLO13								x					
LLO14								x					
LLO15									x				
LLO16									x				
LLO17									x				
LLO18										x			x
LLO19											x		
LLO20												x	

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A.Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái quát về các dân tộc và ngữ hệ trên thế giới hiện nay	-Thuyết trình kết hợp với phương pháp	A1 A5 A7	[1]. Đọc chương 2 [3]. Đọc chương 6

	1.1.1. Các dân tộc trên thế giới hiện nay 1.1.2. Các ngữ hệ trên thế giới hiện nay 1.2. Đặc điểm và xu hướng quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay 1.2.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay 1.2.2. Xu hướng quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay	dạy học theo tình huống - Nêu vấn đề kết hợp đàm thoại		
LLO2	1.3. Tác động của quan hệ dân tộc trên thế giới đến Việt Nam và định hướng giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam 1.3.1. Tác động của quan hệ dân tộc trên thế giới đến Việt Nam 1.3.2. Định hướng giải quyết vấn đề dân tộc <i>1.3.2.1. Định hướng trong việc giải quyết vấn đề quốc gia - dân tộc</i> <i>1.3.2.2. Định hướng giải quyết vấn đề dân tộc trong nội bộ quốc gia – dân tộc</i>	- Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A1 A5 A7	[1]. Đọc chương 2 [3]. Đọc chương 6 [6]: Đọc tập 19
LLO1	*Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Sơ đồ hóa các xu hướng quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay và lấy ví dụ minh họa.	- SV làm bài tại lớp - Trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[1]. Đọc chương 2 [3]. Đọc chương 6
LLO2 LLO18	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Xây dựng, thiết kế và tổ chức diễn đàn trao đổi về những yếu tố tác động, chi phối đến xu hướng quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay.	- Các nhóm thiết kế chủ đề diễn đàn trao đổi, thực hiện sắm vai theo kịch bản và thực hành trước lớp	A1 A4	[1]. Đọc chương 2 [3]. Đọc chương 6
LLO2 LLO18	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Ý nghĩa của việc nhận thức đúng đắn những yếu tố tác động, chi phối đến xu hướng quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay.	- Định hướng SV thảo luận nhóm và viết báo cáo	A1 A3	[1]. Đọc chương 2 [3]. Đọc chương 6
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (15 tiết) * Đọc tài liệu và khái quát hóa các vấn đề dưới đây: - Khái quát được các dân tộc và ngữ hệ trên thế giới hiện nay - Khái quát hóa và làm rõ được đặc điểm và xu hướng quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay	- Định hướng SV đọc tài liệu, làm rõ các nội dung đã nêu - SV đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở	A1	[1]. Đọc chương 2 [3]. Đọc chương 6

	- Đánh giá được tác động của quan hệ dân tộc trên thế giới đến Việt Nam và định hướng giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam			
Chương 2: Quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay				
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Quan hệ dân tộc và các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay 2.1.1. Quan hệ dân tộc 2.1.2. Nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay <i>2.1.2.1. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam</i> <i>2.1.2.2. Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái</i> <i>2.1.2.3. Yếu tố lịch sử tộc người</i> <i>2.1.2.4. Tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế</i> <i>2.1.2.5. Hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch</i>	- Nêu vấn đề, thuyết trình kết hợp với đàm thoại, thảo luận	A1 A5 A7	[1]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 6 [5]. Đọc tập 1, tr.153, 155, 170, 252.
LLO3	2.2. Biểu hiện chủ yếu của các mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay 2.2.1. Quan hệ giữa các dân tộc với quốc gia – dân tộc Việt Nam 2.2.2. Quan hệ dân tộc trong nội bộ từng tộc người 2.2.3. Quan hệ giữa các tộc người thiểu số 2.2.4. Quan hệ giữa tộc người đa số với các tộc người thiểu số 2.2.5. Quan hệ tộc người xuyên/ liên biên giới	- Thuyết trình - Trao đổi, đàm thoại - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A1 A5 A7	[1]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 6
LLO4	2.3. Một số vấn đề đặt ra và định hướng giải quyết các mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay 2.3.1. Một số vấn đề đặt ra trong quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay 2.3.2. Định hướng giải quyết các mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay	- Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm, đàm thoại	A1 A5 A7	[1]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 6
LLO3	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Nhận diện và đánh giá những yếu tố tác động đến quan hệ dân tộc ở Việt Nam.	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[1]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 6
LLO3 LLO19	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Phê phán âm mưu, thủ đoạn và phương thức lợi dụng mối quan hệ dân tộc ở Việt	- Định hướng thảo luận và	A1 A4 A7	[1]. Đọc chương 3

	Nam của các thể lực phản động, thù địch.	tiến hành thực hành theo nhóm - Nộp sản phẩm cho GV		[3]. Đọc chương 6
LLO4 LLO18	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Nhận diện một số vấn đề đặt ra trong quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay	- Định hướng sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm	A1 A3 A7	[1]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 6
CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	* Bài kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 1 (1 tiết) Thời gian làm bài: 50 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	Sinh viên ôn tập chương 1, chương 2	A5	[1]: Đọc chương 1,2,3
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (21 tiết) - Tự đọc tài liệu và khái quát các nội dung sau: + Quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay trên cả hai bình diện + Khái quát được các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay + Viết tóm những biểu hiện chủ yếu của các mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay + Nhận diện được một số vấn đề đặt ra và định hướng giải quyết các mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay	- Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên trước buổi học	A1	[1]. Đọc chương 3 [3]. Đọc chương 6 [4] Đọc phần quan điểm của ĐCS VN về công tác dân tộc
Chương 3: Một số tôn giáo lớn trên thế giới				
LLO5 LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 3.1. Đạo Phật 3.1.1. Hoàn cảnh ra đời và sự phát triển của đạo Phật 3.1.2. Giáo lý cơ bản của đạo Phật 3.1.3. Luật lệ và nghi lễ thờ cúng của đạo Phật 3.1.4. Đạo Phật ở Việt Nam	- Thuyết trình tích cực - Sử dụng tình huống trong dạy học.	A1 A5 A7	[2] Đọc chương 3, từ tr.33 – tr.55 [8] Đọc phần 1 từ Tr.7– tr.79
LLO7	3.2. Đạo Ki-tô 3.2.1. Hoàn cảnh ra đời và sự phát triển của đạo Ki-tô 3.2.2. Giáo lý cơ bản của đạo Ki-tô 3.2.3. Luật lệ và nghi lễ thờ cúng của đạo Ki-tô 3.2.4. Đạo Ki-tô ở Việt Nam	- Thuyết trình tích cực - Phương pháp nêu vấn đề - Đàm thoại	A1 A5 A7	[2]. Đọc chương 4 từ tr.55 – tr.67 [9]. Đọc chương 4 [10]. Đọc chương 4
LLO8	3.3. Đạo I-XLAM (Hồi giáo) 3.3.1. Giáo lý cơ bản của đạo I-XLam 3.3.2. Đạo I-XLam ở Việt Nam	- Thuyết trình tích cực - Đàm thoại	A1 A5 A7	[2]: Đọc chương 5

				đọc từ tr.69 –tr.77
LLO5 LLO8	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Diễn giải được hoàn cảnh ra đời, giáo lý cơ bản, luật lệ và nghi lễ thờ cúng của đạo Phật. 2. Tóm tắt được giáo lý cơ bản của đạo I-Xlam và quá trình du nhập của đạo I-Xlam ở Việt Nam.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo cá nhân	A1 A2	[2] <i>Chương 1,2,3,4</i>
LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện và phê phán quan điểm sai trái trong thực hành vấn đề tín ngưỡng tôn giáo.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai	A1 A4	[2] <i>Chương 1,2,3,4</i> [8], [9], [10] <i>chương 1,2,3,4</i>
LLO6 LLO18	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Mô tả được quá trình du nhập và phát triển của đạo Phật ở Việt Nam. 2. Chỉ ra được những ảnh hưởng tích cực của Phật giáo đến đời sống nhân dân ở địa phương.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.	A1 A3	[2] <i>Chương 1,2,3,4</i> [8], [9], [10] <i>chương 1,2,3,4</i>
LLO5 LLO6 LLO7 LLO8	B. Nội dung tự học: (17 tiết) 1. Quá trình du nhập Phật Giáo vào Việt Nam. 2. Hoàn cảnh ra đời, giáo lý cơ bản, luật lệ và nghi lễ thờ cúng của đạo Phật. 3. Giải thích được hoàn cảnh ra đời, giáo lý cơ bản, luật lệ, nghi lễ của đạo Ki-tô.	Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên	A5 A6	[2] <i>Chương 1,2,3,4</i> [8], [9], [10] <i>chương 1,2,3,4</i>
Chương 4: Một số tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc ở Việt Nam				
LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 4.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên 4.1.1. Nguồn gốc và bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên 4.1.2. Nghi lễ thờ cúng tổ tiên	- Thuyết trình tích cực - Thảo luận nhóm nhỏ	A1 A6 A7	[2]: Đọc chương 6 từ tr.78 – tr.112 [9]. Đọc chương 5 [10]. Đọc chương 6
LLO10	4.2. Tín ngưỡng thờ Mẫu 4.2.1. Nguồn gốc và bản chất của tín ngưỡng thờ Mẫu 4.2.2. Nội dung và nghi lễ thờ Mẫu	- Thuyết trình tích cực - Dạy học nêu vấn đề	A1 A6 A7	[2]: Đọc chương 6 từ tr.78 – tr.112 [9]. Đọc chương 5 [10]. Đọc chương 6
LLO11	4.3. Đạo Cao Đài 4.3.1. Hoàn cảnh ra đời đạo Cao Đài 4.3.2. Quá trình hình thành và biến đổi của đạo Cao Đài	- Thuyết trình kết hợp trình chiếu - Đàm thoại	A1 A6	[2]: Đọc chương 6 từ tr.78 – tr.112

	4.3.3. Giáo lí cơ bản của đạo Cao Đài 4.3.4. Về luật lệ và nghi lễ thờ cúng của Đạo Cao Đài	- Thảo luận nhóm nhỏ		[9]. Đọc chương 5 [10]. Đọc chương 6
LLO12	4.4. Đạo Hòa Hảo 4.4.1. Hoàn cảnh ra đời 4.4.2. Giáo lí cơ bản của đạo Hòa Hảo 4.4.3. Luật lệ và nghi lễ thờ cúng	- Thuyết trình kết hợp trình chiếu - Đàm thoại - Thảo luận nhóm nhỏ	A1 A6	[2]: Đọc chương 6 từ tr.78 – tr.112 [9]. Đọc chương 5
LLO9 LLO10	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Phân biệt nguồn gốc, bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và các nghi lễ thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam. 2. Luận giải nguồn gốc, bản chất, nghi lễ thờ cúng của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1 A2	[2]: Đọc chương 6 từ tr.78 – tr.112 [9]. Đọc chương 5
LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện và phê phán các hành vi mê tín dị đoan ở Việt Nam hiện nay	- Thực hành nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp	A1 A4	[2]: Đọc chương 6 từ tr.78 – tr.112 [10]: Đọc chương 6
LLO18	* Nội dung thảo luận (2 tiết) Đề xuất các biện pháp ngăn chặn các hiện tượng kích động tín đồ nhằm phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp	A1 A3	[2]: Đọc chương 6
LLO9 LLO10 LLO11 LLO12	B. Nội dung tự học: (16 tiết) - Tìm hiểu Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên; Tín ngưỡng thờ Mẫu - Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Đạo Cao Đài và Đạo Hòa Hảo.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[2]: Đọc chương 6 từ tr.78 – tr.112 [10]. Đọc chương 5
Chương 5: Quan hệ dân tộc - tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước Việt Nam về công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo				
LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 5.1. Quan hệ dân tộc và tôn giáo, những biểu hiện của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 5.1.1. Quan hệ dân tộc và tôn giáo 5.1.2. Những biểu hiện chủ yếu của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	- Nêu vấn đề kết hợp thuyết trình - Thảo luận nhóm, đàm thoại	A1 A3 A6 A7	[1]. Đọc chương 4 [3]. Đọc chương 6

LLO13	5.2. Những yếu tố tác động đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 5.2.1. Yếu tố trong nước 5.2.2. Yếu tố quốc tế		A1 A6 A7	[1]. Đọc chương 4 [3]. Đọc chương 6
LLO14	5.3. Quan điểm và giải pháp cơ bản giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 5.3.1. Quan điểm giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 5.3.2. Giải pháp cơ bản giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	- Nêu vấn đề kết hợp thuyết trình - Đàm thoại	A1 A6 A7	[1]. Đọc chương 4 [3]. Đọc chương 6 [4] Đọc phần quan điểm của ĐCS VN về công tác dân tộc
LLO15	5.4. Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước ta về dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo 5.4.1. Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam về dân tộc 5.4.2. Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo	- Nêu vấn đề kết hợp thuyết trình - Đàm thoại	A1 A7	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 7 [3]: Đọc chương 6 [7]: Đọc tập 5 [9]: Đọc chương 8
LLO16	5.5. Những vấn đề đặt ra và phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới 5.5.1. Những vấn đề đặt ra trong xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới 5.5.2. Phương hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo 5.5.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo	- Đàm thoại - Nêu vấn đề	A1 A7	[1]: Đọc chương 8 [2]: Đọc chương 7 [3]: Đọc chương 6
LLO9- LLO15	Kiểm tra định kỳ: Bài kiểm tra số 2 Thời gian làm bài: 50 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	Sinh viên tự ôn tập các kiến thức chương 4, chương 5	A6	[1]. Đọc chương 5 [3]. Đọc chương 6
LLO13 LLO15	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) 1. Sơ đồ hóa những yếu tố tác động đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	- Định hướng SV làm độc lập, hoàn thiện bài tập cá nhân tại lớp	A1	[1]. Đọc chương 4 [3]. Đọc chương 6

	2. Lấy ví dụ và phân tích về việc thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc giữa đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo tại địa phương	- Trao đổi với giảng viên trên lớp.		
LLO15 LLO18	* Nội dung thảo luận (2 tiết) 1. Chứng minh tính đúng đắn trong đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước ta về tôn giáo 2. Nhận diện, đánh giá những rào cản, khó khăn, thách thức trong công tác xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam thời kỳ đổi mới	Định hướng sinh viên trao đổi theo nhóm đôi, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và nộp báo cáo nhóm cho GV	A1 A3	[1]. Đọc chương 4 [3]. Đọc chương 6
LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1. Nhận diện âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch trong việc lợi dụng mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam. 2. Tổ chức diễn đàn trao đổi về qui tắc ứng xử với học sinh trên phương diện bình đẳng giữa các dân tộc ở Việt Nam hiện nay.	Định hướng sinh viên trao đổi theo nhóm đôi, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và nộp báo cáo nhóm cho GV	A1 A4 A7	[1]. Đọc chương 4 [3]. Đọc chương 6
LLO13 LLO14 LLO15 LLO16	B. Nội dung tự học: (23 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay được biểu hiện như thế nào? + Nhận diện những yếu tố tác động đến việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay + Đánh giá thành tựu và hạn chế trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam	- GV định hướng SV đọc tài liệu - Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1]. Đọc chương 4 [3]. Đọc chương 6

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Rộng, sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết, máy chiếu và các thiết bị đi kèm, mạng internet, bút dạ, giấy A0, giấy màu.
- Điều kiện khác: Loa, micro

7.39: 60ACS331, Công tác Đảng và Đoàn thể ở trường phổ thông (PARTY AND UNION ACTIVITIES IN HIGH SCHOOLS)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	8	32
3	Thực hành	8	
4	Thảo luận	10	
5	Kiểm tra, đánh giá	2	
Tổng		58	92

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, pháp luật và lịch sử Đảng CS Việt Nam,
Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
59.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn
60.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@gmail.com
61.	Ths. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức cơ bản, chuyên sâu về công tác Đảng trong trường học để vận dụng vào hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO2: Có kiến thức nền tảng, chuyên sâu về công tác đoàn thể trong trường học để tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

CO3. Vận dụng được kiến thức nền tảng, chuyên sâu về công tác Đảng, đoàn thể để giải quyết những công việc của đảng, đoàn thể và chính quyền nhà nước.

* Về kỹ năng:

CO3: Vận dụng được các kiến thức đã học để tổ chức và quản lý các hoạt động Đảng và đoàn thể trong trường phổ thông một cách sáng tạo.

CO4. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá, giải quyết các tình huống nảy sinh liên quan đến công tác Đảng và đoàn thể trong trường phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5. Tự giác thực hiện được những hành vi ứng xử phù hợp với quy định về công tác Đảng và đoàn thể trong trường phổ thông.

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời để cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến công tác Đảng, đoàn thể trong trường phổ thông.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giới thiệu được một số vấn đề cơ bản về học phần Công tác Đảng và đoàn thể trong trường phổ thông	PLO1 PLO3
	CLO2	Khái quát được các vấn đề lý luận chung về hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay.	PLO1 PLO3
	CLO3	Luận giải được vị trí, vai trò, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức của Đảng cộng sản Việt Nam trong trường học	PLO1 PLO3
CO2	CLO4	Phân tích, đánh giá được vị trí, vai trò, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức của một số tổ chức đoàn thể trong trường học	PLO1 PLO3
	CLO5	Phân tích được nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng trong trường học.	PLO1 PLO3
	CLO6	Luận giải được mối quan hệ giữa tổ chức Đảng và các đoàn thể với hiệu trưởng trong trường học	PLO1 PLO3
	Kỹ năng		
CO3	CLO7	Vận dụng được các kiến thức đã học để đánh giá và đề xuất giải pháp xây dựng tổ chức Đảng trong trường học	PLO11 PLO12
	CLO8	Vận dụng được các kiến thức đã học để giáo dục, tư vấn cho học sinh về các hoạt động liên quan đến tổ chức đoàn thể trong trường học	PLO6 PLO12
CO4	CLO9	Phân tích, xử lý được một số tình huống nảy sinh liên quan đến các công tác Đảng, đoàn thể ở trường phổ thông	PLO11 PLO12

	CLO10	Đánh giá, phản biện được những quan điểm, hành vi lệch chuẩn về công tác Đảng, đoàn thể trong trường học.	PLO11 PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO11	Thực hiện đúng các quy định về công tác Đảng, đoàn thể trong trường học.	PLO13
CO6	CLO12	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để giải quyết các vấn đề nảy sinh về công tác Đảng, đoàn thể trong trường học	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3	x		x												
CLO4	x		x												
CLO5	x		x												
CLO6	x		x												
CLO7											x	x			
CLO8						x						x			
CLO9											x	x			
CLO10											x	x			
CLO11													x		
CLO12														x	
MĐG	3	0	3	0	0	1	0	0	0	0	2	2	1	1	0

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Công tác Đảng, đoàn thể trong trường phổ thông là học phần tự chọn thuộc phần kiến thức ngành trong chương trình cử nhân Giáo dục công dân, góp phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học từ đối tượng nghiên cứu đến vị trí, vai trò tầm quan trọng của Đảng cũng như các tổ chức chính trị, xã hội trong trường học, trên cơ sở đó làm rõ nội dung, nhiệm vụ xây dựng Đảng và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong trường học hiện nay.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-10
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-12
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-12
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1- 4,9
	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO5-10
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

các hoạt động trong giờ học					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.

		còn nhiều lỗi logic.	thiếu tính thuyết phục.		
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

*** Rubric đánh giá bài thực hành nhóm**

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic.	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Võ Văn Lộc (2017), *Giáo trình công tác Đảng và đoàn thể trong trường học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Thư viện Trường ĐHSP Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua ngày 22/04/2004*, (2004), Nxb Chính trị, quốc gia, Hà Nội.

[3]. *Luật Giáo dục Đại học* (2019), (Sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2015, 2018), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Luận giải được vị trí, vai trò tầm quan trọng cũng như đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên môn học Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học.
LLO2	Mô tả được cơ cấu tổ chức, đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam và yêu cầu, nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.
LLO3	Luận giải được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức Đảng trong nhà trường.
LLO4	Giải thích được những qui định về tổ chức Đảng trong điều lệ Đảng, nguyên tắc tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng trong nhà trường.
LLO5	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác để phân tích, đánh giá, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Đảng trong trường học
LLO6	Trình bày được cơ cấu tổ chức Công đoàn Việt Nam hiện nay.
LLO7	Luận giải được vai trò, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức công đoàn trong nhà trường.
LLO8	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác để phân tích, luận giải chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của công đoàn trong trường học.
LLO9	Mô tả được cơ cấu tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể hiện nay
LLO10	Diễn giải được vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể trong trường học.
LLO11	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác để phân tích, luận giải nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động, vị trí, vai trò của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học.
LLO12	Mô tả được hệ thống giáo dục việt nam hiện nay.
LLO13	Giải thích được cơ cấu mục tiêu, tính chất, nguyên lý giáo dục Việt Nam hiện nay.
LLO14	Diễn giải được vai trò, tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng trong nhà trường.
LLO15	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác để phân tích, luận giải trách nhiệm của Hiệu trưởng trong quản lý trường học.
LLO16	Phân tích được mối quan hệ phối hợp giữa các tổ chức Đảng và các đoàn thể với hiệu trưởng trong trường học.
LLO17	Vận dụng được kiến thức về vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong trường học để tư vấn cho học sinh về các hoạt động liên quan đến Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.
LLO18	Xác định được các hoạt động phối hợp giữa các tổ chức Đảng và đoàn thể ở trường phổ thông.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO19	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phản biện đối với quan điểm sai trái, thù địch về công tác Đảng, đoàn thể ở nước ta hiện nay.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
LLO1	x											
LLO2		x										
LLO3			x									
LLO4			x									
LLO5			x				x					x
LLO6				x								
LLO7				x								
LLO8				x								x
LLO9				x								
LLO10				x								
LLO11				x				x				
LLO12					x							x
LLO13					x							
LLO14					x							
LLO15					x							x
LLO16						x						
LLO17					x	x					x	
LLO18						x					x	
LLO19									x	x		x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giới thiệu môn học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (03 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 1.1. Ý nghĩa môn học	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1	[1] Chương I [2] Chương 1.

	1.2. Mục tiêu của môn học 1.3 Tầm quan trọng của môn học 1.4. Nguồn gốc, đối tượng nghiên cứu của môn học 1.5. Nhiệm vụ nghiên cứu của môn học 1.6. Phương pháp luận nghiên cứu môn học 1.7. Phương pháp học tập	- Thảo luận nhóm.		
LLO1	* Nội dung thảo luận nhóm: (01 tiết) Anh (chị) hãy trình bày các phương pháp nghiên cứu của môn học “Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học”	SV thảo luận nhóm và trình bày trước lớp. GV đánh giá kết quả thảo luận nhóm.	A1, A3	[1] Chương I [2] Chương 1
LLO1	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và tóm tắt nội dung đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học.	GV kiểm tra nội dung tự học bằng hình thức phát vấn trên lớp.	A1	[1] Chương I [2] Chương 1
Chương 2: Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay				
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (06 tiết) * Nội dung lí thuyết: (05 tiết) 2.1. Khái niệm về chính trị và hệ thống chính trị 2.1.1. Chính trị 2.1.2. Hệ thống chính trị 2.2. Các thành phần của hệ thống chính trị 2.2.1. Đảng cộng sản Việt Nam 2.2.2. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.2.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 2.2.4. Các đoàn thể chính trị xã hội	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1	[1] Chương II [2] Chương II
LLO2	2.3. Đặc điểm cơ bản của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay	Thuyết trình		[1] Chương II

	2.3.1. Tính nhất nguyên chính trị 2.3.2. Tính thống nhất về tổ chức, mục tiêu và nguyên tắc hoạt động 2.3.3. Tính gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân 2.3.4. Có sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc trong hệ thống chính trị			[2] Chương II
LLO2	2.4. Các yêu cầu, nguyên tắc và phương châm đổi mới hệ thống chính trị ở VN 2.4.1. Yêu cầu đặt ra cho việc đổi mới hệ thống chính trị 2.4.2. Nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị 2.4.3. Phương châm đổi mới hệ thống chính trị	<i>Thuyết trình</i>		[1] Chương II [2] Chương II
LLO2	2.5. Tính tất yếu khách quan về sự lãnh đạo của Đảng trong trường học và sự tham gia quản lý của các tổ chức chính trị - xã hội trong trường học 2.5.1. Tính tất yếu khách quan về sự lãnh đạo của Đảng trong trường học 2.5.2. Sự tham gia quản lý của các đoàn thể trong trường học 2.6. Hệ thống chính trị trong trường học			[1] Chương II [2] Chương II
LLO2 LLO	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Anh (chị) hãy làm rõ tính nhất nguyên trong hệ thống chính trị ở Việt Nam và nhận diện, phê phán một số quan điểm sai trái, thù địch về vai trò của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập cá nhân tại lớp.</i>	A2	[1] Chương II [2] Chương II

LLO1	B. Nội dung tự học: (11 tiết)	SV nộp bài tự học cho GV đánh giá.	A4	[1]
LLO2	- Các nội dung tự học: Đọc tài liệu và viết lại tóm tắt hệ thống chính trị việt nam hiện nay bao gồm đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị, tính tất yếu khách quan về sự lãnh đạo của Đảng trong trường học			Chương II [2] Chương II
Chương 3: Đảng cộng sản Việt Nam trong trường học				
LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (09 tiết) * Nội dung lí thuyết: 05 tiết) 3.1. Khái lược về Đảng cộng sản Việt Nam 3.1.1. Vị trí của Đảng trong hệ thống chính trị Việt Nam 3.1.2. Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam 3.1.3. Mục đích của Đảng cộng sản Việt Nam 3.1.4. Chức năng của Đảng cộng sản Việt Nam. 3.1.5. Nhiệm vụ của Đảng cộng sản Việt Nam. 3.1.6. Nguyên tắc tổ chức của Đảng cộng sản Việt Nam 3.1.7. Tổ chức bộ máy của Đảng Cộng sản Việt Nam.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Sử dụng phim tư liệu. - Thảo luận nhóm	A1	[1] Chương II, IV,V, VI, [2] Chương III
LLO6	3.2. Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường học 3.2.1. Vị trí, vai trò. 3.2.2. Nhiệm vụ. 3.2.3. Nguyên tắc tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng trong nhà trường.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Sử dụng phim tư liệu. - Thảo luận nhóm		[1] Chương II, IV,V, VI, [2] Chương III

LLO5	* Nội dung thảo luận nhóm: (02 tiết) Anh (chị) hãy trình bày tổ chức bộ máy của Đảng Cộng sản Việt Nam và vẽ sơ đồ tư duy	<i>SV thảo luận nhóm và trình bày trước lớp. GV đánh giá kết quả thảo luận nhóm.</i>	A1, A3	[1] Chương III [2] Chương III
LLO5	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) Phân tích chức năng của Đảng cộng sản Việt Nam và nhiệm vụ của Đảng cộng sản Việt Nam.	<i>GV hướng dẫn sinh viên làm bài tập trên lớp.</i>	A2	[1] Chương II, IV, V, VI [1] Chương II, IV, V, VI, [2] Chương III
LLO5 LLO19	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Chuẩn bị bài thuyết trình tuyên truyền 1. Nguyên tắc hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam? Nhận diện và phê phán các quan điểm, hành vi sai trái về Nguyên tắc hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.	<i>SV chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm (có trình chiếu hoặc sử dụng phương tiện hỗ trợ hiện đại khác). Thuyết trình trước lớp.</i>	A4	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 3
LLO3 LLO4 LLO5	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu, làm bài tập các bài tập trong Chương 3	<i>SV làm bài tập và nộp lại cho GV đánh giá.</i>	A1	[1] Chương II, IV, V, VI, [2] Chương III

Chương 4: Công đoàn Việt Nam trong trường học

LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (05 tiết) 4.1. Khái niệm về công đoàn 4.1.1. Vị trí của Công đoàn trong hệ thống chính trị Việt Nam. 4.1.2. Vai trò của công đoàn Việt Nam 4.1.3. Mục tiêu của Công đoàn Việt Nam 4.1.4. Chức năng của Công đoàn VN 4.1.5. Nhiệm vụ của công đoàn Việt Nam 4.1.6. Nguyên tắc tổ chức của Công đoàn Việt Nam 4.1.7. Tổ chức bộ máy của Công đoàn VN	- <i>Nêu vấn đề.</i> - <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1	[1] Chương VII, [2] Chương IV
LLO7	4.2. Công đoàn Việt Nam trong trường học 4.2.1. Vai trò, vị trí của tổ chức Công đoàn trong trường học 4.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn trường học 4.2.3. Nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của Công đoàn trong trường học			[1] Chương VII, [2] Chương IV
LLO1-LLO7	* Bài kiểm tra định kì: (01 tiết)	<i>SV làm bài kiểm tra viết trên lớp.</i>	A5	1] Chương I, II, III, IV, V, VII [2] Chương IV
LLO8	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) 1. Chức năng, nhiệm vụ của công đoàn trong trường học 2. Nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của Công đoàn trong trường học.	<i>SV thảo luận các vấn đề theo nhóm. Các nhóm trả lời phát vấn theo hướng dẫn của GV.</i>	A3	[1] Chương VII, [2] Chương IV
LLO8	* Nội dung thực hành: (02 tiết)	<i>SV chuẩn bị bài thuyết</i>	A4	[1] Chương XIV, XV

	Chuẩn bị bài thuyết trình tuyên truyền 1. Chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn trường học	<i>trình theo nhóm (có trình chiều hoặc sử dụng phương tiện hỗ trợ hiện đại khác). Thẻ hiện bài tuyên truyền trước lớp.</i>		[2] Chương 4
LLO6 LLO7	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Các nội dung tự học: SV đọc tài liệu về Công đoàn Việt Nam trong trường học	<i>GV kiểm tra nội dung tự học bằng phát vấn trên lớp.</i>	A1	[1] Chương VII, [2] Chương IV
Chương 5: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể trong trường học				
LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lí thuyết: (05 tiết) 5.1. Khái lược về đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 5.1.1. Vị trí của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong hệ thống chính trị VN 5.1.2. Vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 5.1.3. Mục tiêu của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 5.1.4. Chức năng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 5.1.5. Nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 5.1.6. Nguyên tắc tổ chức của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 5.1.7. Tổ chức bộ máy của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	<i>- Dạy học dựa trên vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm.</i>	A1	[1] Chương IX, X, XI [2] Chương 5

LLO10	5.2. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học 5.2.1. Vị trí, vai trò của tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học. 5.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học. 5.2.3. Nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học. 5.3. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giữ vai trò phụ trách công tác Hội và Đội trong trường học 5.3.1. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với Hội sinh viên Việt Nam. 5.3.2. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh			[1] Chương IX, X, XI [2] Chương 5
LLO11	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. Trình bày chức năng, nhiệm vụ của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học.	SV làm bài tập trên lớp theo hướng dẫn.	A2	[1] Chương IX, X, XI [2] Chương 5
LLO11	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) 1. Nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học.	SV thảo luận theo nhóm và thuyết trình trước lớp.	A3	[1] Chương IX, X, XI [2] Chương 5
LLO11	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế một số hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học.	SV chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm (có trình chiếu hoặc sử dụng phương tiện hỗ trợ hiện đại khác). Thể	A4	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 5

		hiện bài tuyên truyền trước lớp.		
LLO9, LLO10 LLO11	B. Nội dung tự học: (16 tiết) - Các nội dung tự học: SV đọc tài liệu, sưu tầm tư liệu về các hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong trường học.	Nộp bài tập cho GV.	A1	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 5
Chương 6: Hiệu trưởng, người đứng đầu trường học				
LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lí thuyết: (04 tiết) 6.1. Khái quát hệ thống giáo dục VN 6.1.1. Cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam 6.1.2. Mục đích, tính chất, nguyên lý giáo dục 6.1.3. Nhà trường trong hệ thống giáo dục kinh tế quốc dân.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 6
LLO14	6.2. Một số nội dung cần biết về vai trò của hiệu trưởng 6.2.1. Tiêu chuẩn của hiệu trưởng trong trường học. 6.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng. 6.2.3. Hiệu trưởng, trách nhiệm của người đứng đầu. 6.2.4. Hiệu trưởng, người am tường các nguyên tắc quản lí nhà trường 6.2.5. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hiệu trưởng cần vận dụng phương pháp dân chủ của Hồ Chí Minh trong quản lí trường học			[1] Chương XIV, XV [2] Chương 6
LLO16 LLO17	* Nội dung thực hành: (02 tiết) Chuẩn bị bài thuyết trình tuyên truyền 1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng, trong trường học	SV chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm (có trình chiếu	A4	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 6

	2. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hiệu trưởng cần vận dụng phương pháp dân chủ của Hồ Chí Minh trong quản lý trường học	<i>hoặc sử dụng phương tiện hỗ trợ hiện đại khác). Thể hiện bài tuyên truyền trước lớp.</i>		
LLO12	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. Vẽ sơ đồ về các tiêu chuẩn của hiệu trưởng trong trường học và đánh giá vai trò của từng tiêu chuẩn đối với xây dựng phong cách của người hiệu trưởng trong bối cảnh hiện nay.	<i>SV làm bài tập cá nhân trên lớp theo hướng dẫn của GV</i>	A2	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 6
LLO16 LLO17	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) 1. Đánh giá thực trạng trách nhiệm của Hiệu trưởng trong trường học và đề xuất biện pháp tăng cường trách nhiệm của nhà giáo trong Nhà trường trong bối cảnh hiện nay.	<i>SV thảo luận theo nhóm. GV đánh giá bằng phát vấn.</i>	A3	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 6
	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu và tóm tắt lại những nét nổi bật về vai trò của hiệu trưởng	<i>SV đọc tài liệu và ghi tóm tắt khoảng 3-4 trang giấy và nộp lại cho GV.</i>	A1	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 6
Chương 7: Mối quan hệ phối hợp giữa tổ chức Đảng và các đoàn thể với hiệu trưởng trong trường học				
LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (08 tiết) * Nội dung lý thuyết: (04 tiết) 7.1. Mối quan hệ giữa Đảng ủy và hiệu trưởng 7.2. Mối quan hệ giữa tổ chức Công đoàn với hiệu trưởng 7.3. Mối quan hệ giữa tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh với hiệu trưởng.	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 7

LLO9 LLO11	* Bài kiểm tra định kì: (01 tiết)	SV làm bài kiểm tra viết trên lớp.	A5	
LLO19	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. Vẽ sơ đồ cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	SV làm bài tập cá nhân trên lớp theo hướng dẫn của GV	A2	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 7
LLO18 LLO19	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh với hiệu trưởng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn cư trú.	SV thảo luận theo nhóm. GV đánh giá bằng phát vấn.	A3	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 7
LLO17 LLO18	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu và tóm tắt lại những nét nổi bật về vai trò của hiệu trưởng	SV đọc tài liệu và ghi tóm tắt	A1	[1] Chương XIV, XV [2] Chương 7

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy.

7.40: 60RPE331, Thực tế chuyên ngành GDCD (SPECIALIZED PRACTICE IN CIVIC EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	0	0	
2	Bài tập	0	0	
3	Thực hành	90	0	90
4	Thảo luận	0	0	

Tổng	90	0	90
------	----	---	----

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh:

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và PPDH; Bộ môn Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng, Khoa GDCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Khương	0349336616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS. Ngô Thị Lan Anh	0968184818	anhntl@tnue.edu.vn
3	ThS. Thái Hữu Linh	0913550622	linhth@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0912.687.173	hienntt.poli@tnue.edu.vn
5	TS. Trần Thị Lan	0918203929	lantt@tnue.edu.vn
6	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn
7	ThS. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
8	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979858677	hienntm.poli@tnue.edu.vn
9	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
10	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
11	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hantt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Hiểu biết kiến thức thực tiễn về các vấn đề lịch sử, kinh tế, chính trị - xã hội, pháp luật của Việt Nam.

CO2: Phân tích kiến thức các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của Việt Nam và vận dụng vào thực tiễn của các địa điểm/ địa bàn thực tế.

CO3: Vận dụng được kiến thức và kinh nghiệm từ môn học vào thực tế nghề nghiệp của bản thân.

* Về kỹ năng:

CO4: Tổng hợp thông tin về các các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của địa bàn thực tế

CO5. Điều tra, nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của địa bàn thực tế

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

CO6: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; có trách nhiệm đối với đoàn thực tế, thực hiện đúng quy định của đoàn thực tế.

CO7: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng trong môn học để làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	So sánh được kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết về các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của Việt Nam	PLO1
CO2	CLO2	Phân tích và liên hệ được tình hình thực tế của các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của Việt Nam	PLO3,11
	CLO3	Vận dụng được kiến thức lý thuyết về các lĩnh vực kinh tế - chính trị vào thực tiễn của các địa điểm/ địa bàn thực tế	PLO4,6
CO3	CLO4	Vận dụng được kiến thức và kinh nghiệm từ môn học vào thực tế chuyên môn, nghề nghiệp của bản thân.	PLO6,11
Kỹ năng			
CO4	CLO5	Tổng hợp được các thông tin về các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của địa bàn thực tế và rút ra được ý nghĩa phương pháp luận khi nghiên cứu thực tế.	PLO9, 11
CO5	CLO6	Thiết kế và xử lý được phiếu điều tra, khảo sát các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của địa bàn thực tế	PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO7	Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; có trách nhiệm đối với đoàn thực tế, thực hiện đúng quy định của đoàn thực tế.	PLO14

CO7	CLO8	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng trong môn học để làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; có trách nhiệm với bản thân và với nhóm	PLO15
-----	------	---	-------

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x														
CLO2			x								x				
CLO3				x		x									
CLO4						x					x				
CLO5									x		x				
CLO6											x		x		
CLO7														x	
CLO8															x
MĐG	1	0	1	1	0	2	0	0	1	0	3	1	1	1	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Thực tế chuyên ngành Giáo dục công dân gồm 03 nội dung chính: (1). Nghiên cứu về các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của Việt Nam; (2). Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của Việt Nam; (3). Khảo sát thực tế và nghiên cứu về các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của một số địa phương cụ thể. Môn học được tiến hành ở các tỉnh với thời gian từ 3 đến 5 ngày. Sinh viên được trải nghiệm bài học lý thuyết vào thực tế tại các điểm thực tế.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Mang thẻ sinh viên, căn cước công dân; Đeo thẻ SV khi vào các cơ quan đến thực tế.
- Sinh viên phải ngồi đúng xe trong suốt chuyến thực tế (theo đúng sự phân công và quản lý của giáo viên). Giữ gìn vệ sinh chung và đảm bảo an toàn.
- Sinh viên phải có mặt tại xe theo đúng giờ quy định; nếu sinh viên nào không thực hiện đúng sẽ phải viết bản kiểm điểm, bị trừ điểm thực tế.

- Kiểm tra đồ tại nơi ở trước và sau khi trả phòng. Giữ gìn vệ sinh chung.
- Trong các ngày thực tế: Sinh viên không được xin nghỉ, tách đoàn đi thăm người nhà, người thân hay làm việc riêng.
- Ngày cuối cùng trên đường về không được xin xuống dọc đường.
- Đảm bảo quân số, an toàn, học nghiêm túc.
- Nộp Video – clip, nhật kí thực tế (làm theo cá nhân và nhóm) sau 2 tuần
- Nộp báo cáo thực tế của cá nhân sau 2 tuần
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	20	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,2,3,5,7
2	A2. Bài tập cá nhân (nhật kí thực tế)	15	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,5,6, 7,8
3	A3. Bài tập nhóm (video)	15	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4,5,6, 7,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	A4. Báo cáo thực tế	50	01	Rubric đánh giá báo cáo thực tế	CLO1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (20 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng	Chủ động thực hiện, đạt 50 -	Chủ động thực hiện, đạt 65 -	Chủ động, tích cực

chuẩn bị và tham gia các hoạt động trong thời gian đi thực tế		dưới 50% nhiệm vụ được giao.	64% nhiệm vụ được giao.	79% nhiệm vụ được giao.	tham gia các hoạt động trong thời gian đi thực tế Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ được giao.
Thời gian tham dự buổi thực tế bắt buộc	5,0	0		5	
		Tham gia		Không tham gia	
Bài tập cá nhân (15 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Bài tập nhóm (15 %)					
Thời gian tham gia họp nhóm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.

Thái độ tham gia	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Tính sáng tạo và khoa học	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc rất ít sáng tạo	Có tính sáng tạo	Có tính sáng tạo và khoa học	Rất sáng tạo và khoa học
Thời gian giao nộp sản phẩm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng hạn	Đúng hạn nhưng chưa đều	Đúng hạn	Trước thời hạn
Chất lượng video giao nộp	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu;
Báo cáo thực địa (50 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	1	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Tư liệu thực tế rõ ràng, có hình ảnh minh họa	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Có tính sáng tạo và tính thực tiễn		Không hoặc ít sự sáng tạo	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn.	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn khá cao.	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn cao
------------------------------------	--	---------------------------	-------------------------------------	---	--

9. Học liệu

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của địa phương nơi đến thực tế (GV hướng dẫn thực tế cho SV sẽ cung cấp tài liệu trước khi SV tham gia chuyến đi thực tế)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Tìm hiểu các vấn đề lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của Việt Nam
LLO2	Phân tích các vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam hiện nay
LLO3	Nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam
LLO4	Nghiên cứu được về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của địa phương.
LLO5	Tìm hiểu các vấn đề: kinh tế, chính trị, xã hội tại địa phương
LLO6	So sánh giữa việc nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực tế tại địa phương.
LLO7	Thực hiện hoạt động nghiên cứu thực tế được về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam
LLO8	Tiến hành khảo sát các vấn đề: kinh tế, chính trị, xã hội tại địa phương và rút ra ý nghĩa phương pháp luận
LLO9	Thực hiện thiết kế phiếu điều tra khảo sát các vấn đề: kinh tế, chính trị, xã hội tại địa phương.
LLO10	Đánh giá được một số vấn đề chính trị- xã hội mang tính thời sự tại địa phương.
LLO11	Vận dụng các kiến thức môn học để xây dựng các hoạt động thực tế, trải nghiệm cho học sinh THCS, THPT.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x	x						
LLO2		x						x

LLO3		x			x			
LLO4			x			x	x	
LLO5			x		x	x		
LLO6	x	x						x
LLO7				x		x		
LLO8						x		x
LLO9						x		
LLO10					x			
LLO11								x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. NGHIÊN CỨU CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM VÀ ĐỊA PHƯƠNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1,2,3,4, 5,6	A. Nội dung thực hành (45 tiết) 1.1. Nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của Việt Nam 1.1.1. Các vấn đề về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam 1.1.2. Các vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam 1.1.3. Các vấn đề về kinh tế - xã hội của Việt Nam 1.2. Nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của địa phương 1.2.1. Các vấn đề về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của địa phương 1.2.2. Các vấn đề chính trị - xã hội của địa phương 1.2.3. Các vấn đề về kinh tế - xã hội của địa phương	Sử dụng phương tiện trực quan, dạy học trải nghiệm; Dạy học ngoài thực địa; thảo luận; Khảo sát thực địa; Điều tra xã hội học	A1, A2, A3, A4	Theo tài liệu GV yêu cầu
	B. Nội dung tự học (45 tiết) Yêu cầu đối với sinh viên: Nghiên cứu các tài liệu theo nội dung thực tế chuyên môn	SV tìm hiểu và học		Theo tài liệu GV yêu cầu

		tập trên Internet		
CHƯƠNG 2. KHẢO SÁT THỰC TẾ VÀ NGHIÊN CỨU CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ, CHÍNH – XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM VÀ ĐỊA PHƯƠNG				
LLO7, 8,9,10, 11	A. Nội dung thực hành (45 tiết) 2.1. Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội của Việt Nam 1.1.1. Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam 1.1.2. Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề các vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam 1.1.3. Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề về kinh tế - xã hội của Việt Nam 2.2. Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương 1.1.1. Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của địa phương 1.1.2. Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề các vấn đề chính trị - xã hội của địa phương 1.1.3. Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề về kinh tế - xã hội của địa phương	Sử dụng phương tiện trực quan, dạy học trải nghiệm; Dạy học ngoài thực địa; thảo luận; Khảo sát thực địa; Điều tra xã hội học	A1, A2, A3, A4	Theo tài liệu GV yêu cầu
	B. Nội dung tự học: (45 tiết) Yêu cầu đối với sinh viên: Viết báo cáo thu hoạch dưới dạng bài tập lớn theo nội dung nghiên cứu của bản thân theo hướng dẫn của GV	SV tìm hiểu và học tập trên Internet	A1	Theo tài liệu GV yêu cầu

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phương tiện phục vụ thực tế: ô tô để di chuyển, loa phóng thanh, máy quay, điện thoại thông minh.

741: 60VSL331, Lịch sử nhà nước và pháp luật VN ((HISTORY OF VIETNAMESE GOVERNMENT AND LAW)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
33.	Lý thuyết	15	15	60
34.	Bài tập	8	0	32
35.	Thực hành	8	0	
36.	Thảo luận	10	0	
37.	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		43	15	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, pháp luật và lịch sử Đảng CS Việt Nam,

Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
62.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
63.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn
64.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.com

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Có kiến thức cơ bản về quá trình hình thành nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ trước đổi mới.

CO2: Có kiến thức nền tảng, chuyên sâu về lịch sử hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ đổi mới để vận dụng vào hoạt động thực tiễn của bản thân và tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục công dân ở trường phổ thông.

*** Về kỹ năng:**

CO3: Thực hiện được các kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật Việt Nam cho học sinh phổ thông.

CO4. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá, giải quyết các tình huống nảy sinh liên quan đến nhà nước và pháp luật trong thực tiễn công việc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5. Tự giác thực hiện được những quan điểm đổi mới về nhà nước và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thực tiễn cuộc sống và công việc

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Luận giải được quá trình hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.	PLO1 PLO3
	CLO2	Luận giải được sự kế thừa và phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử từ năm 179 TCN - 1945	PLO1 PLO3
CO2	CLO3	Luận giải được sự kế thừa và phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong giai đoạn 1945 - 1986	PLO1 PLO3 PLO4
	CLO4	Luận giải được sự kế thừa và phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	PLO1 PLO3 PLO4
Kỹ năng			
CO3	CLO5	Xây dựng được kế hoạch phổ biến, giáo dục một số nội dung về pháp luật cho học sinh phổ thông.	PLO4
	CLO6	Tổ chức được một số hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông.	PLO6
CO4	CLO7	Xử lý được một số tình huống nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống và công việc có liên quan đến nhà nước và pháp luật.	PLO11
	CLO8	Phản biện được những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch nhằm chống phá Nhà nước và pháp luật Việt Nam.	PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO9	Thực hiện đúng các quan điểm đổi mới về nhà nước và pháp luật Việt Nam trong thực tiễn	PLO12

	CLO10	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học để giải quyết các vấn đề nảy sinh liên quan đến đến nhà nước và pháp luật một cách sáng tạo.	PLO11
--	-------	--	-------

65. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3	x		x	x											
CLO4				x											
CLO5				x					x						
CLO6						x			x						
CLO7											x				
CLO8											x	x			
CLO9															
CLO10											x				
MĐG	2	0	2	2	0	1	0	0	0	0	2	1	0	0	0

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam là học phần tự chọn thuộc phần kiến thức ngành trong chương trình cử nhân Giáo dục công dân. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn: Sự hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam; nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; nhà nước và pháp luật phong kiến độc lập; nhà nước và pháp luật trong thời kỳ nội chiến phân liệt; nhà nước và pháp luật giai đoạn từ 1802 đến 1945; nhà nước và pháp luật từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-10
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-10
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1,2 CLO7,8
	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO3,4 CLO7,8
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4 CL07-8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
-------------------------------------	--	-----------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	3,0	0 đến <0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0

Lập luận rõ ràng, khoa học logic		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic.	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0 Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	1,0 đến < 1,3 Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	1,3 đến < 1,6 Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	1,6 đến 2,0 Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

*** Rubric đánh giá bài thực hành nhóm**

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic.	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Nhuận, Trần Thị Kim Anh, Lê Tuấn Anh, (2011) *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại. T3 Tập 3 Hoàng Việt luật lệ*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

[3]. *Quốc triều hình luật* thời Lê Sơ (1995), Nxb Chính trị Quốc gia

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Luận giải được những tiền đề vật chất và các yếu tố thúc đẩy nhà nước đầu tiên ở Việt Nam ra đời.
LLO2	Mô tả được những đặc điểm cơ bản của Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và đặc điểm nổi bật trong pháp luật của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc.
LLO3	Diễn giải được cơ cấu tổ chức bộ máy các nhà nước giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc (179 TCN - 905)
LLO4	Giải thích được đặc trưng trong pháp luật của các nhà nước giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc (179 TCN - 905)
LLO5	Mô tả được cơ cấu tổ chức bộ máy các nhà nước phong kiến độc lập ở VN
LLO6	So sánh được sự khác biệt trong cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước của một số nhà nước phong kiến độc lập ở Việt Nam.
LLO7	Khái quát được các đặc trưng cơ bản trong pháp luật của một số nhà nước phong kiến độc lập ở Việt Nam.
LLO8	Vẽ được cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước thời kì nội chiến phân liệt (thế kỷ XVI-XVIII) và tóm tắt được những nội dung cơ bản trong pháp luật Việt Nam thời kì nội chiến phân liệt (thế kỷ XVI-XVIII)
LLO9	Luận giải được những đặc điểm của Thể chế lương đầu Lê - Trịnh.
LLO10	Giải thích được tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật triều đại vua Quang Trung.
LLO11	Giải thích được cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam giai đoạn từ 1802 đến 1945.
LLO12	Khái quát được một số nội dung cơ bản trong pháp luật Việt Nam giai đoạn từ 1802 đến 1945.
LLO13	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình để luận giải những vấn đề cơ bản về pháp luật và tòa án của chính quyền thời Pháp thuộc.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO14	Khái quát được những đặc điểm cơ bản trong tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến 1986.
LLO15	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp và hợp tác để giải thích tính ưu việt của Nhà nước Việt Nam giai đoạn 1945 -1986 so với một số Nhà nước khác trong lịch sử.
LLO16	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp và hợp tác để phân tích những đặc điểm thể hiện sự ưu việt của Nhà nước Việt Nam hiện nay và những thành tựu nổi bật của hoạt động lập pháp trong những năm đầu thời kỳ đổi mới.
LLO17	Vận dụng được các kiến thức đã học về Nhà nước và pháp luật giai đoạn 1986 đến nay để nhận diện, đấu tranh phê phán quan điểm sai trái, thù địch về xây dựng nhà nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn hiện nay
LLO18	Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về thành tựu nổi bật của hoạt động lập pháp trong những năm đầu thời kỳ đổi mới.
LLO19	Thực hiện được hoạt động tuyên truyền, phổ biến về thành tựu nổi bật của hoạt động lập pháp trong những năm đầu thời kỳ đổi mới.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2	x									
LLO3		x								
LLO4		x								
LLO5		x								
LLO6		x								
LLO7		x								
LLO8		x								
LLO9		x								
LLO10		x								
LLO11		x								
LLO12		x								
LLO13		x								
LLO14			x							
LLO15			x							
LLO16				x			x	x	x	x

LLO17				x			x	x	x	x
LLO18				x	x				x	x
LLO19				x		x			x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Quá trình hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (06 tiết) * Nội dung lí thuyết: (03 tiết) 1.1. Tiền đề vật chất và các yếu tố thúc đẩy nhà nước ra đời 1.1.1. Quá trình phát triển của kinh tế và tình hình phân hóa xã hội 1.1.2. Những yếu tố thúc đẩy sự ra đời sớm của nhà nước	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm.</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu.</i>	A1,A6	[1] Chương I
LLO2	1.2. Tổ chức của nhà nước 1.2.1. Sự hình thành và tổ chức nhà nước Văn Lang 1.2.2. Sự thành lập và tổ chức nhà nước Âu Lạc 1.3. Sự ra đời của pháp luật	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i>	A1, A6	
LLO1 LLO2	* Nội dung thảo luận nhóm: (02 tiết) Anh (chị) hãy chỉ ra những điểm khác biệt cơ bản trong tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật của nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc.	<i>SV thảo luận nhóm và trình bày trước lớp. GV đánh giá kết quả thảo luận nhóm.</i>	A1, A3	[1] Chương I
LLO1	* Nội dung Bài tập cá nhân: (01 tiết) Theo anh (chị) những nguyên nhân dẫn tới sự ra đời của nhà nước ở Việt Nam có đặc thù gì khác với lý luận chung về nhà nước của chủ nghĩa Mác – Lênin và vẽ sơ đồ tư duy.	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập tại lớp.</i>	A2	[1] Chương I
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (9 tiết) Sinh viên đọc tài liệu và tóm tắt nội dung về quá trình hình thành nhà nước và pháp luật của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.	<i>GV kiểm tra nội dung tự học bằng hình thức phát vấn trên lớp.</i>	A1	

Chương 2: Nhà nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc (179 TCN - 905)				
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (05 tiết) * Nội dung lí thuyết: (03 tiết) 2.1. Tổ chức và hoạt động của các chính quyền đô hộ 2.1.1. Tổ chức bộ máy chính quyền đô hộ 2.1.2. Chính sách cai trị của chính quyền đô hộ 2.2. Các chính quyền độc lập tự chủ 2.2.1. Chính quyền Hai Bà Trưng 2.2.2. Nhà nước Vạn Xuân (544-603) 2.2.3. Nhà nước Chăm Pa (thế kỷ I-IV) 2.2.4. Những chính quyền tự chủ ở đầu thế kỷ X và sự kết thúc Bắc thuộc	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Sử dụng phim tư liệu. - Thảo luận nhóm	A1, A6	[1] Chương II
LLO4	2.3. Tình hình pháp luật	- Thuyết trình.		
LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. Anh (chị) hãy so sánh cơ cấu tổ chức bộ máy các nhà nước Vạn Xuân và nhà nước Chăm Pa. 2. Mô tả sơ lược về những chính quyền tự chủ ở đầu thế kỷ X.	GV hướng dẫn SV làm bài tập cá nhân tại lớp.	A2	[1] Chương II
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (08 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu và viết lại tóm tắt cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước của các nhà nước giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc (179 TCN - 905).	SV nộp bài tự học cho GV đánh giá.	A4	[1] Chương II
Chương 3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kì phong kiến độc lập				
LLO5 LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (08 tiết) 3.1. Nhà nước và pháp luật thời Ngô, Đinh, Tiền Lê (938 - 1009) 3.1.1. Tổ chức bộ máy nhà nước 3.1.2. Tình hình pháp luật 3.2. Nhà nước và pháp luật thời Lý - Trần - Hồ (thế kỉ XI - XV) 3.2.1. Tổ chức bộ máy nhà nước 3.2.2. Tình hình pháp luật 3.3. Nhà nước phong kiến quân chủ tập quyền thời Lê Sơ (đầu thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI) 3.3.1. Tổ chức bộ máy nhà nước 3.3.2. Cuộc cải tổ bộ máy nhà nước của Lê Thánh Tông 3.3.3. Tình hình pháp luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Sử dụng phim tư liệu. - Thảo luận nhóm	A1, A6	[1] Chương II, IV, V, VI, [3]
LLO5 LLO6	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết)	GV hướng dẫn sinh viên	A2	[1]

	1. Anh (chị) hãy so sánh tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý, Trần, Hồ. 2. Phân tích những nội dung cải tổ bộ máy nhà nước của Lê Thánh Tông.	làm bài tập trên lớp.		Chương II, IV, V, VI
LLO5 LLO6 LLO7	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu, làm bài tập các bài tập trong Chương 3 phần giao bài tập. - Tìm hiểu nội dung và ý nghĩa cuộc cải tổ bộ máy nhà nước của Vua Lê Thánh Tông.	SV làm bài tập và nộp lại cho GV đánh giá.	A1	
Chương 4: Nhà nước và pháp luật trong thời kỳ nội chiến phân liệt (thế kỷ XVI-XVIII)				
LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (06 tiết) * Nội dung lí thuyết: (03 tiết) 4.1. Thể chế lưỡng đầu Lê - Trịnh ở đàng Ngoài 4.1.1. Vai trò, địa vị và quyền hạn của vua và chúa 4.1.2. Các cơ quan ở triều đình và phủ chúa 4.1.3. Tổ chức chính quyền địa phương 4.2. Tổ chức chính quyền chúa Nguyễn ở đàng Trong 4.2.1. Chính quyền trung ương 4.2.2. Chính quyền địa phương 4.2.3. Tổ chức quân đội 4.3. Tổ chức bộ máy nhà nước của triều đại Quang Trung	- Nêu vấn đề. - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A6	[1] Chương VII,
LLO8 LLO9 LLO10	4.4. Tình hình pháp luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A6	
LLO9 LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) Thể chế lưỡng đầu là gì? Phân tích đặc điểm của thể chế lưỡng đầu Lê - Trịnh .	SV thảo luận các vấn đề theo nhóm. Các nhóm trả lời phát vấn theo hướng dẫn của GV.	A3	
LLO9 LLO10	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) Tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật triều đại vua Quang Trung.			
LLO8 LLO9 LLO10	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Các nội dung tự học: SV đọc tài liệu về tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật triều	GV kiểm tra nội dung tự học bằng phát vấn trên lớp.	A1	

	<i>đại vua Quang Trung và tóm tắt lại các điểm nổi bật.</i>			
Chương 5: Nhà nước và pháp luật giai đoạn từ 1802 đến 1945				
LLO11 LLO12 LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (06 tiết) 5.1. Nhà nước và pháp luật trong nền quân chủ chuyên chế triều Nguyễn (1802 - 1884) 5.1.1. Tổ chức bộ máy nhà nước 5.1.2. Tình hình pháp luật 5.2. Chính quyền và luật lệ thời Pháp thuộc 5.2.1. Chính quyền 5.2.2. Pháp luật và Tòa án	- <i>Dạy học dựa trên vấn đề.</i> - <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm.</i>	A1, A6	[1] Chương IX, X, XI [2]
LLO13	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Anh (chị) trình bày các hiểu biết về quyền hạn của Toàn quyền Đông Dương.	<i>SV làm bài tập trên lớp theo hướng dẫn.</i>	A2	[1] Chương IX [2]
LLO13	* Nội dung thảo luận: (02 tiết) 1. Tìm hiểu về pháp luật và tòa án của chính quyền thời Pháp thuộc.	<i>SV thảo luận theo nhóm và thuyết trình trước lớp.</i>	A3	[1] Chương IX [2]
	* Bài kiểm tra định kì số 1 (01 tiết)	<i>SV làm bài kiểm tra viết trên lớp.</i>	A5	
LLO12 LLO13	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - <i>Các nội dung tự học: SV đọc tài liệu, làm bài tập cá nhân sau:</i> Phác thảo Bộ máy cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ.	<i>Nộp bài tập cho GV.</i>	A1	
Chương 6: Nhà nước và pháp luật từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1986				
LLO14 LLO15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết: (04 tiết) 6.1. Nhà nước và pháp luật Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) 6.1.1. Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1, A6	[1] Chương XIV, XV

	6.1.2. Bảo vệ, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ, bước đầu xây dựng hệ thống pháp luật 6.1.3. Nhà nước và pháp luật trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) 6.2. Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954 - 1976) 6.2.1. Nhà nước và pháp luật Việt Nam Dân chủ cộng hòa 6.2.2. Chính quyền và pháp luật của ngụy quyền miền Nam 6.3. Nhà nước và pháp luật Việt Nam từ năm 1975 đến nay 6.3.1. Sự thành lập Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 6.3.2. Nhà nước và pháp luật trong giai đoạn 1975 - 1986			
LLO14 LLO15	* Nội dung thực hành: (04 tiết) Chuẩn bị bài thuyết trình tuyên truyền về: 1. Anh (chị) hãy phân tích những đặc điểm thể hiện sự ưu việt của Nhà nước Việt Nam hiện nay so với một số nhà nước khác trong lịch sử? 2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền những thành tựu nổi bật của hoạt động lập pháp trong những năm đầu thời kỳ đổi mới.	<i>SV chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm (có trình chiều hoặc sử dụng phương tiện hỗ trợ hiện đại khác). Thể hiện bài thuyết trình trước lớp.</i>	A4	[1] Chương XV
LLO14 LLO15	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) 1. Mô tả những điểm khác cơ bản giữa pháp luật thời kì này với pháp luật phong kiến.	<i>SV làm bài tập cá nhân trên lớp theo hướng dẫn của GV</i>	A2	[1] Chương XV
LLO14 LLO15	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) 1. Từ việc nghiên cứu lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ 1945 đến nay, Anh (chị) hãy chỉ ra những bài học kinh nghiệm về tổ chức bộ máy nhà nước và xây dựng pháp luật ở Việt Nam?	<i>SV thảo luận theo nhóm. GV đánh giá bằng phát vấn.</i>	A3	[1] Chương XV
LLO14 LLO15	B. Nội dung tự học: (16 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu và tóm tắt lại những nét nổi bật trong tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam trong giai đoạn từ	<i>SV đọc tài liệu và ghi tóm tắt khoảng 3-4 trang giấy và</i>	A1	[1] Chương XV

	<i>Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay. Chuẩn bị cho bài thực hành trên lớp.</i>	<i>nộp lại cho GV.</i>		
Chương 7: Nhà nước và pháp luật thời kỳ đổi mới				
LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (03 tiết) 7.1. Khái quát về quá trình đổi mới và quan điểm đổi mới về nhà nước và pháp luật 7.1.1. Đối với nhà nước 7.1.2. Đối với pháp luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A1, A6	[1] Chương XIV, XV
LLO16	7.2. Thực tiễn xây dựng nhà nước và pháp luật trong thời kỳ đổi mới 7.2.1. Nhà nước 7.2.2. Pháp luật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A1, A6	[1] Chương XIV, XV
	* Bài kiểm tra định kì số 2: (01 tiết)	SV làm bài kiểm tra viết trên lớp.	A5	
LLO17	*Nội dung thảo luận: (01 tiết) Nhận diện, phê phán quan điểm sai trái, thù địch về xây dựng nhà nước và pháp luật Việt Nam giai đoạn hiện nay.	SV thảo luận theo nhóm và nộp sản phẩm cho GV	A3	[1] Chương XV
LLO18	* Nội dung bài tập cá nhân: (01 tiết) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về thành tựu nổi bật của hoạt động lập pháp trong những năm đầu thời kỳ đổi mới.	SV làm bài tập cá nhân trên lớp theo hướng dẫn của GV	A4	[1] Chương XV
LLO19	* Nội dung thực hành: (04 tiết) Thực hành tuyên truyền, phổ biến về thành tựu nổi bật của hoạt động lập pháp trong những năm đầu thời kỳ đổi mới.	SV chuẩn bị bài thực hành theo nhóm và thực hành tuyên truyền trước lớp.	A3	[1] Chương XV
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu và tóm tắt lại những nét nổi bật trong tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam trong giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay. Chuẩn bị cho bài thực hành trên lớp.	SV đọc tài liệu và ghi tóm tắt khoảng 3-4 trang giấy và nộp lại cho GV.	A1	[1] Chương XV

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy.

7.42: 60EPS431, Tâm lý học giáo dục (EDUCATIONAL PSYCHOLOGY)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	28	0	56
2.	Bài tập	06	0	34
3.	Thực hành	16	0	
4.	Thảo luận	08	0	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	02	0	
Tổng		60	0	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	hoaltp@tnue.edu.vn
2	TS. Phạm Văn Cường	0982030680	cuongpv@tnue.edu.vn
3	PGS. TS. Phí Thị Hiếu	0356634388	hieupt@tnue.edu.vn
4	ThS. Lê Như Hoa	0976759693	hoaln@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Kiến thức:

- CO1. Trình bày được những vấn đề cơ bản của khoa học tâm lí.
- CO2. Phân tích được lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em; sự phát triển tâm lý trẻ em qua từng thời kỳ lứa tuổi;
- CO3. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục;
- CO4. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học.

* Kỹ năng

- CO5. Vận dụng có hiệu quả kiến thức chung tâm lý học giáo dục vào thực tiễn dạy học và giáo dục.
- CO6. Nghiên cứu được các đặc điểm phát triển tâm lý của học sinh.

CO7. Thiết kế được quy trình hình thành khái niệm và các hoạt động nhằm hình thành các phẩm chất đạo đức cho học sinh.

CO8. Hỗ trợ học sinh tiểu học, THCS, THPT vượt qua những khó khăn tâm lý trong học tập và trong cuộc sống.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO9. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm. Lập kế hoạch, điều phối được các nguồn lực tham gia vào hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Áp dụng được kiến thức về các mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người, bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm duy vật biện chứng, các phương pháp nghiên cứu tâm lý học giáo dục vào thực tiễn dạy học và giáo dục.	PLO2
CO2	CLO2	Chứng minh được tính đúng đắn của quan điểm duy vật biện chứng về trẻ em và sự phát triển tâm lý trẻ em, điều kiện phát triển tâm lý trẻ em.	PLO2
	CLO3	Minh họa được đặc điểm tâm lý của học sinh ở từng lứa tuổi.	PLO2 PLO8
CO3	CLO4	Vận hành được quy trình hình thành khái niệm cho học sinh.	PLO2 PLO8
	CLO5	Áp dụng được các tiêu chuẩn giá trị và cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức vào thực tiễn dạy học và giáo dục.	PLO2 PLO8
CO4	CLO6	Vận hành được các nguyên tắc và kỹ năng hỗ trợ tâm lý học đường.	PLO2 PLO8
Kỹ năng			
CO5	CLO7	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu tâm lý học giáo dục và kiến thức về bản chất tâm lý người trong thực tiễn dạy học và giáo dục.	PLO2, PLO8, PLO12
CO6	CLO8	Chỉ ra được sự khác biệt về tâm lý của học sinh ở từng lứa tuổi, đặc điểm tâm lý của học sinh trong các tình huống cụ thể, các biện pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý của từng lứa tuổi.	PLO2, PLO8, PLO12
CO7	CLO9	Thiết kế được quy trình hình thành khái niệm trong việc hình thành một khái niệm mới cho học sinh.	PLO2, PLO8
	CLO10	Điều chỉnh được hành vi của học sinh và các biện pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý học sinh.	PLO2, PLO12
CO8	CLO11	Xây dựng được biện pháp hỗ trợ tâm lý cho học sinh trong các tình huống cụ thể.	PLO2, PLO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

CO9	CLO12	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm.	PLO13
	CLO13	Lập kế hoạch, điều phối được các nguồn lực tham gia vào hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh.	PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1		x													
CLO2		x													
CLO3		x													
CLO4		x													
CLO5		x													
CLO6		x													
CLO7		x										x			
CLO8		x										x			
CLO9															
CLO10												x			
CLO11												x			
CLO12													x		
CLO13														x	
MĐG	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	0

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tâm lý học giáo dục là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức cơ sở, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Bài tập, Thảo luận: Hoàn thành bài tập, 01 bài thảo luận chương 2 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc chương 2 và chương 4 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch thi của Trường

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-13
2	A2. Bài tập, Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,8
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4,9,11-13
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ số 1	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,3,8
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ số 2	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 5,10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Trắc nghiệm	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-13

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện 80 -100% nhiệm vụ

					học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thái độ tham dự	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tuân thủ nội qui; Không đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Rất ít đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6,0	0 đến <3,0	3,0 đến <3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 50-60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 70-80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định (90-100%)
Báo cáo thực hành	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đúng, đủ 0-49%	Đúng, đủ 50-64%	Đúng, đủ 65-79%	Đúng, đủ 80-100%
Bài tập, Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến <2,0	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic

		0 đến <1,0	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,5 Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,5 đến <0,6 Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,6 đến < 0,8 Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,8 đến 1,0 Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,5 Không trả lời câu hỏi đầy đủ	0,5 đến <0,6 Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	0,6 đến < 0,8 Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	0,8 đến 1,0 Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,5 Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,5 đến <0,6 Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,6 đến < 0,8 Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,8 đến 1,0 Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kì (25%)					
Hình thức: Tự luận			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng.		
Thi kết thúc học phần (50%)					
Hình thức: Trắc nghiệm			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng theo bộ đề.		

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Tâm lý học, (2016), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Phạm Thành Nghị, (2013), *Tâm lý học giáo dục*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[3] Lê Văn Hồng, (Chủ biên, 2001), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[4] Phan Trọng Ngọ, (Chủ biên, 2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

[5] Nguyễn Quang Uân, (Chủ biên, 2009), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Áp dụng được kiến thức về các mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người: Nhận thức, Tình cảm, Ý chí vào dạy học và giáo dục.
LLO2	Áp dụng được bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm duy vật biện chứng vào dạy học và giáo dục.
LLO3	Áp dụng được các phương pháp quan sát, trò chuyện, điều tra bằng bảng hỏi, thực nghiệm... trong dạy học và giáo dục.
LLO4	Thiết kế được các công cụ nghiên cứu tâm lý học sinh.
LLO5	Chứng minh được quan điểm duy vật biện chứng về trẻ em và sự phát triển tâm lý trẻ em.
LLO6	Chứng minh được điều kiện phát triển tâm lý trẻ em.
LLO7	Minh họa được các đặc điểm về thể chất, nhận thức, tình cảm, ý chí của học sinh tiểu học, THCS, THPT.
LLO8	Chỉ ra được sự khác biệt các đặc điểm về thể chất, nhận thức, tình cảm, ý chí của học sinh tiểu học, THCS, THPT.
LLO9	Chỉ ra được các đặc điểm về thể chất, nhận thức, tình cảm, ý chí của học sinh tiểu học, THCS, THPT.
LLO10	Xây dựng được các biện pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học, THCS, THPT.
LLO11	Thao tác hóa được khái niệm hoạt động dạy, hoạt động học.
LLO12	Phác thảo được quy trình hình thành khái niệm cho học sinh.
LLO13	Xây dựng được các bước hình thành một khái niệm cụ thể cho học sinh.
LLO14	Hình thành được khái niệm mới cho học sinh theo đúng quy trình .
LLO15	Áp dụng được các tiêu chuẩn giá trị của hành vi đạo đức vào việc đánh giá một hành vi đạo đức cụ thể.
LLO16	Áp dụng được cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức vào việc hình thành hành vi đạo đức cho học sinh.
LLO17	Điều chỉnh được hành vi đạo đức của học sinh tiểu học, THCS, THPT cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức.
LLO18	Xây dựng được biện pháp phù hợp để giáo dục đạo đức cho học sinh.
LLO19	Thực hành đúng vai trò, trách nhiệm của người giáo viên trong giáo dục đạo đức cho học sinh.
LLO20	Đánh giá được khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học, THCS, THPT
LLO21	Áp dụng được các nguyên tắc và kỹ năng hỗ trợ tâm lý học đường vào hoạt động hỗ trợ tâm lý của học sinh.

LLO2 2	Xây dựng được biện pháp hỗ trợ tâm lý cho học sinh tiểu học, THCS, THPT trong các lĩnh vực: học tập, giao tiếp, tình cảm...
LLO2 3	Thực hành được các kỹ năng tư vấn tâm lý học đường trong hoạt động hỗ trợ học sinh tiểu học, THCS, THPT khắc phục các khó khăn tâm lý.
LLO2 4	Thể hiện được khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm.
LLO2 5	Đề xuất được kế hoạch, điều phối được các nguồn lực tham gia vào hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO1	x												
LLO2	x												
LLO3	x						x						
LLO4	x						x						
LLO5		x											
LLO6		x											
LLO7			x										
LLO8			x					x					
LLO9			x					x					
LLO10								x					
LLO11				x									
LLO12				x									
LLO13									x				
LLO14									x				
LLO15					x								
LLO16					x								
LLO17										x			
LLO18										x			
LLO19					x							x	
LLO20						x							
LLO21						x							
LLO22											x		
LLO23											x		
LLO24												x	
LLO25													x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3, 4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết)	- Thuyết trình	A1 A2	[1; Mục 1.1-1.2

	* Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học giáo dục 1.1.1. Tâm lý học là gì? 1.1.2. Tâm lý học giáo dục là gì? 1.1.3. Đối tượng của Tâm lý học giáo dục 1.1.4. Nhiệm vụ của Tâm lý học giáo dục 1.1.5. Các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học giáo dục 1.1.6. Quan hệ giữa tâm lý học giáo dục với các chuyên ngành khoa học khác	- <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		từ trang 8-52], [2]; [3];
LLO2	1.2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý 1.2.1. Bản chất của tâm lý người 1.2.2. Chức năng của tâm lý 1.2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý 1.3. Nhận thức – Tình cảm – Ý chí	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO2	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Giải thích bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng. 2. Vận dụng kiến thức về phân bản chất tâm lý người để giải thích hiện tượng tâm lý trong hai câu thơ sau: "<i>Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ</i>" (Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du) 3. "<i>Cùng trong một tiếng tơ đồng/Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm</i>" (Trích Truyện Kiều- Nguyễn Du). Vận dụng kiến thức về phân bản chất tâm lý người để giải thích hiện tượng tâm lý trong câu thơ trên. 4. Vận dụng kiến thức về phân bản chất tâm lý người để giải thích hiện tượng <i>những em bé khi mới sinh ra không</i>	<i>Thảo luận nhóm</i>		

	được sống trong xã hội loài người, do động vật nuôi thì tâm lý mất đi bản tính người. 5. Vận dụng kiến thức về phân bản chất tâm lý người để giải thích hiện tượng <i>anh chị em sinh đôi nhưng tính cách trái ngược nhau</i>.			
LLO1, 2,3	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Vận dụng kiến thức phân bản chất tâm lý người và kiến thức thực tiễn để làm rõ 3 mặt của đời sống tâm lý người: Nhận thức – Tình cảm – Ý chí. - Chuẩn bị các chủ đề thảo luận theo phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A2	
Chương 2: SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 2.1. Lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.1.1. Các quan niệm khác nhau về trẻ em 2.1.2. Một số quan niệm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.1.3. Quan điểm duy vật biện chứng về sự phát triển tâm lý trẻ em	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp		[1; Mục 2.1-2.2 từ trang 53-99]; [2]; [3]; [4]; [5]
LLO6	2.1.4. Các quy luật phát triển tâm lý trẻ em 2.1.4.1. Quy luật toàn vẹn 2.1.4.2. Quy luật không đồng đều 2.1.4.3. Quy luật mềm dẻo	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Thảo luận nhóm	A1 A2	
LLO5, 6,7,8,9, 10	2.1.5. Phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em 2.2. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em qua các giai đoạn lứa tuổi 2.2.1. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em giai đoạn trước tuổi học sinh 2.2.2. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em giai đoạn tuổi học sinh.	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu		

		- Thảo luận nhóm		
LLO6, 7,8,9,10	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) 1. Nhận định về trẻ em J. Lóc cơ cho rằng: “Trẻ em như tờ giấy trắng, như tấm bảng sạch sẽ mà người lớn, nhà giáo dục muốn vẽ gì lên đó thì vẽ”. Dựa vào các quan điểm về sự phát triển tâm lý trẻ em đã học, hãy đưa ra những đánh giá cho nhận định trên. 2. Suy tầm những câu thơ, quan niệm về tình yêu của tuổi học trò. 3. Bằng kiến thức tâm lý lứa tuổi đã học hãy chứng minh: Học sinh THCS là lứa tuổi chuyên tiếp, bắc cầu giữa trẻ em và người lớn. 4. Dựa vào phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em, hãy chứng minh: Sự phát triển tâm lý trẻ em thể hiện được sự phát triển từ “không” đến “có”, từ “có” đến trình độ cái tâm lý được định hình, rồi nó được chuyển hoá để phát triển ở mức độ ngày càng cao và cuối cùng đạt tới mức hoàn thiện.	Thảo luận nhóm		
LLO5-10	* Nội dung bài kiểm tra định kì số 1: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: Tự luận	Tổ chức, triển khai kiểm tra	A1; A4	
LLO5, 6,7,8,9,10	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Vận dụng kiến thức lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em và kiến thức thực tiễn để làm rõ các quy luật phát triển tâm lý trẻ em. - Chuẩn bị các chủ đề thảo luận, thực hành theo phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1; A2; A3	
Chương 3: CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 3.1. Hoạt động dạy 3.1.1. Khái niệm chung về hoạt động dạy	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp	-A1; A3	[1; Mục 3.1-3.2-3.3-3.4 từ trang 100-133];

	3.1.2. Đối tượng của hoạt động dạy 3.1.3. Một số đặc điểm của hoạt động dạy 3.1.4. Dạy học và sự phát triển trí tuệ 3.2. Hoạt động học 3.2.1. Khái niệm hoạt động học 3.2.2. Đối tượng hoạt động học 3.2.3. Đặc điểm của hoạt động học 3.2.4. Hình thành hoạt động học	- Sử dụng phim tư liệu		[2]; [3]; [4]
LLO1 2,13	3.3. Sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo 3.3.1. Sự hình thành khái niệm 3.3.2. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu - Thảo luận nhóm		
LLO1 1,12,1 3,14	* Nội dung thực hành: (4 tiết) 1. Hình thành các khái niệm cho học sinh bằng một bài giảng cụ thể do nhóm tự chọn. 2. Đề xuất hệ thống Biện pháp xây dựng động cơ học tập cho sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.	- Đóng vai - Thực hành nhóm		
LLO1 1,12,1 3	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - Phân tích làm rõ mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ. - Vận dụng các lý thuyết dạy học hiện đại để xây dựng kế hoạch dạy học. - Chuẩn bị các chủ đề thực hành theo phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1;A2;A3	
Chương 4: CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 4.1. Đạo đức và hành vi đạo đức 4.1.1 Khái niệm đạo đức 4.1.2. Hành vi đạo đức 4.1.2.1. Khái niệm hành vi đạo đức	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu	A1;A3	[1; Mục 4.1-4.2-4.3 từ trang 134-148, [2]

	4.1.2.2. Các tiêu chuẩn giá trị của hành vi đạo đức			
LLO1 6	4.2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức 4.2.1. Các thành phần tâm lý trong cấu trúc của hành vi đạo đức 4.2.2. Mối quan hệ giữa các thành phần tâm lý trong cấu trúc của hành vi đạo đức	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu		
LLO1 7,18,1 9,24	4.3. Vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu		
LLO1 7,18,1 9,24	* Nội dung bài tập: (3 tiết) Làm rõ nhận định sau: + “Trong lĩnh vực đạo đức, chỉ riêng ý định trung thực chưa đủ điều kiện để hành vi đạt kết quả tốt nhất”. + “Dù anh có xây dựng được bao nhiêu khái niệm đúng đắn về điều phải làm, tôi có thể nói với anh rằng: anh chẳng giáo dục gì hết nếu không giáo dục thói quen cho các em” (Macarenco)	Làm việc nhóm		
LLO1 5-18	* Nội dung bài kiểm tra định kì số 2: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: Tự luận	Tổ chức, triển khai kiểm tra	A1; A5	
LLO1 5,16,1 7,18	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đánh giá thực trạng đạo đức của học sinh, sinh viên hiện nay và đề xuất một số biện pháp khắc phục tình trạng vi phạm chuẩn mực đạo đức của người học. - Chuẩn bị các bài tập theo sự phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1; A2; A3	
Chương 5: HỖ TRỢ TÂM LÝ TRONG TRƯỜNG HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO2 0,21	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung lí thuyết: (9 tiết) 5.1. Những vấn đề chung của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học 5.1.1. Bản chất của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường 5.1.2. Vai trò của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường 5.1.3. Những chủ thể tham gia hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường 5.1.4. Một số nguyên tắc đạo đức hỗ trợ tâm lý cơ bản trong nhà trường 5.1.5. Một số kỹ năng hỗ trợ tâm lý cơ bản trong nhà trường 5.1.6. Các bước hỗ trợ tâm lý trong nhà trường	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		
LLO2 1	5.2. Những khó khăn tâm lý của học sinh và hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường 5.2.1. Những khó khăn tâm lý của học sinh 5.2.1.1. <i>Học sinh tiểu học</i> 5.2.1.2. <i>Học sinh THCS</i> 5.2.1.3. <i>Học sinh THPT</i> 5.2.2. Hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		[1; Mục 5.1-5.2-5.3 từ trang 149-184]; [2]
LLO2 2,23,2 5	* Nội dung thực hành: (12 tiết) 1. Thiết kế hệ thống các tình huống về khó khăn tâm lý trong học tập, giao tiếp, trong các mối quan hệ... của HS tiểu học, THCS, THPT và vận dụng kiến thức thuộc phần hỗ trợ tâm lý trong trường học để giải quyết tình huống đó. 2. Thực hành đóng vai các tình huống về khó khăn tâm lý trong học tập, giao tiếp, trong các mối quan hệ... của HS tiểu học, THCS, THPT và vận dụng kiến thức thuộc phần hỗ trợ tâm lý trong trường học để giải quyết tình huống đó.	<i>Thực hành nhóm</i>	A1; A2; A3	
LLO1 0- 23,24	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Chứng minh rằng: Tại sao để hỗ trợ cho học sinh được tốt nhất, người giáo viên cần thường xuyên tự học, tự bồi	<i>Làm việc nhóm</i>		

	dưỡng, cập nhật kiến thức mới về tâm lý lứa tuổi học sinh và các kiến thức về tư vấn tâm lý học đường? 2. Sưu tầm các tình huống về khó khăn tâm lý trong học tập, giao tiếp, trong các mối quan hệ... của HS tiểu học, THCS, THPT và vận dụng kiến thức thuộc phần hỗ trợ tâm lý trong trường học để giải quyết tình huống đó (thiết kế dưới dạng video clip, infographic, poster...).			
LLO2 0-24	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đánh giá vai trò của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường và xác định những chủ thể tham gia hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường. - Chuẩn bị bài tập, chủ đề thực hành theo phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1; A2; A3	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: theo phân công của Nhà trường
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Phòng có máy chiếu, loa, mic

7.43: 60PEP431, Giáo dục học (PEDAGOGY)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	29	0	51
2	Bài tập	08	0	40
3	Thực hành	12	0	
4	Thảo luận	8	0	
5	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		59	0	91

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 59EPS331, Tâm lý học giáo dục
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học Giáo dục; Khoa Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Nguyễn T. Thanh Huyền	0983.856.727	huyenntt.psy @tnue.edu.vn

2	TS. Hà Thị Kim Linh	0982.207.398	linhhtk@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912.024.817	ngocnt.psy@tnue.edu.vn
4	TS. Lê Thùy Linh	0979.438.777	linhlt@tnue.edu.vn
5	TS. Hoàng Trung Thắng	0382.987.123	thanght@tnue.edu.vn
6	TS. Dương Thị Nga	0987.936.938	ngadt@tnue.edu.vn
7	TS. Đàm Thị Kim Thu	0904.532.313	thudtk@tnue.edu.vn
8	ThS. Nguyễn Ngọc Hiếu	0915.212.911	hieunn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

CO1: Phân tích được chức năng xã hội của giáo dục, tính quy định của xã hội đối với giáo dục, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học, cấu trúc của quá trình giáo dục, xu hướng phát triển giáo dục, mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

CO2: Phân tích được những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học và giáo dục trong nhà trường.

CO3: Giải thích được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên và giáo viên chủ nhiệm ở nhà trường phổ thông trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

CO4: Vận dụng được kiến thức chung của Khoa học giáo dục; Lý luận dạy học, lý luận giáo dục, nhiệm vụ, vai trò của giáo viên và giáo viên chủ nhiệm lớp trong thiết kế, tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục.

CO5: Có năng lực làm việc độc lập, hợp tác nhóm trong nghiên cứu và ứng dụng GDH vào thực tiễn; chịu trách nhiệm cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục

4. Chuẩn đầu ra của học phần (GPLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân tích được các chức năng xã hội của giáo dục, tính quy định của xã hội đối với giáo dục.	PLO2
	CLO2	Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của giáo dục học	PLO2
	CLO3	Trình bày được các xu hướng phát triển giáo dục trên thế giới và ở Việt Nam	PLO2
	CLO4	Phân tích được mục tiêu và nguyên lý giáo dục Việt Nam	PLO2; PLO12
	CLO5	Mô tả được hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	PLO2

CO2	CLO6	Phân tích được những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học	PLO2
	CLO7	Phân tích được những vấn đề cơ bản của quá trình giáo dục	PLO2; PLO12; PLO13
CO3	CLO8	Mô tả được đặc điểm lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0	PLO2, PLO12; PLO13; PLO14
	CLO9	Phân tích được chức năng, nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;	PLO2; PLO12; PLO13; PLO14
	Kĩ năng		
CO4	CLO10	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động giáo dục trong môi trường đa văn hoá	PLO2, PLO12
	CLO11	Áp dụng được nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học	PLO2
	CLO12	Vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp giáo dục phù hợp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên trong bối cảnh cách mạng 4.0	PLO2, PLO12
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO13	Tự giác, tích cực hoàn thiện nhiệm vụ học tập của cá nhân, nhóm	PLO13, PLO14
	CLO14	Có trách nhiệm cá nhân trong hoạt động học tập và rèn luyện nghiệp vụ	PLO13, PLO14

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

[illegible]

CLO7		x										x	x		
CLO8		x										x	x		x
CLO9		x										x	x		x
CLO10		x										x			
CLO11		x													
CLO12		x										x			
CLO13													x	x	
CLO14													x	x	
MĐG	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	3	1	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một GPLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một GPLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Giáo dục học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần đề cập đến: những vấn đề chung của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0. Học phần có mối quan hệ với các môn Tâm lý học giáo dục, giao tiếp sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn... góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên tương lai.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị các yêu cầu cho bài học: tích cực tham góp trong xây dựng bài học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm.

- Hoàn thành 02 bài Kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài Thi kết thúc học phần

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 14-15
2	A2. Bài tập cá nhân	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-13

3	A3. Bài tập nhóm	10%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1-13
4	A4. Bài kiểm tra định kì	25%	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-13
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Thái độ chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài tập và thực hiện nhiệm vụ được giao	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài theo nhiệm vụ học tập do GV giao Thực hiện đạt trên 80% trở lên nhiệm vụ học tập được giao.
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Kết quả bài tập cá nhân	5,0	Vấn đề tản mạn, không thể hiện rõ nội dung yêu cầu.	Thực hiện được một số yêu cầu đặt ra.	Thực hiện đủ các yêu cầu theo quy định	Thực hiện tốt các yêu cầu. Có liên hệ, suy luận và lập luận chặt chẽ. Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Bài tập nhóm (10%)					
Thái độ chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia thực hiện nhiệm vụ	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Kết quả bài làm	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Vấn đề tản mạn, không thể hiện rõ nội dung yêu cầu.	Thực hiện được một số yêu cầu đặt ra.	Thực hiện đủ các yêu cầu theo quy định	Thực hiện tốt các yêu cầu. Có liên hệ, suy luận và lập luận chặt chẽ. Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Bài kiểm tra định kỳ (25%)					
Hình thức: Tự luận			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng theo bộ đề		
Thi kết thúc học phần (50%)					
Hình thức: Tự luận			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng theo bộ đề		

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập

[1]. Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thuý Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (2022), Giáo trình Giáo dục học, NXB Đại học sư phạm

9.2. Tài liệu tham khảo

- [2]. Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Thị Minh Huệ, Lê Công Thành (2013), *Giáo trình “Giáo dục học”*, NXB Giáo dục.
- [3]. Phan Thanh Long (chủ biên), (2013), *Lý luận giáo dục*, NXB Đại học sư phạm
- [4]. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học tập I và tập II*, NXB Giáo dục
- [5]. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục học đại cương tập I và tập II*, NXB Giáo dục.

9.3. Website

- [6] Quốc hội (2019), Luật giáo dục Việt Nam tại địa chỉ: <https://luatvietnam.vn/giao-duc/luat-giao-duc-2019-175003-d1.html>
- [7] Bộ GD&ĐT (2020), Công văn 5512 của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Giao-duc/Cong-van-5512-BGDDT-GDTrH-2020-xay-dung-va-to-chuc-thuc-hien-ke-hoach-giao-duc-cua-nha-truong-462988.aspx>
- [8] Bộ GD&ĐT (2018); Thông tư 32/2018 tại địa chỉ: <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-169745-d1.html>

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân tích được tính quy định của xã hội đối với giáo dục, các chức năng xã hội của giáo dục;
LLO2	Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học
LLO3	Trình bày được xu thế phát triển của giáo dục trong giai đoạn hiện nay
LLO4	Giải thích được mối quan hệ biện chứng giữa giáo dục và các lĩnh vực khác của xã hội.
LLO5	Phân tích được mục tiêu của giáo dục Việt Nam hiện nay.
LLO6	Phân tích được nguyên lý giáo dục Việt Nam
LLO7	Mô tả được hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam hiện nay.
LLO8	Phân tích được cấu trúc, bản chất, nhiệm vụ, động lực, nguyên tắc của quá trình dạy học.
LLO9	Phân tích được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.
LLO10	Phân tích được cấu trúc, bản chất, đặc điểm, hệ thống nguyên tắc giáo dục.
LLO11	Phân tích được phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO12	Mô tả được đặc điểm của lao động sư phạm, những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với người giáo viên
LLO13	Mô tả được các chức năng và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp.
LLO14	Xây dựng được kế hoạch theo tiến trình dạy học cho một bài lên lớp
LLO15	Tổ chức được một nội dung dạy học cụ thể theo tiến trình dạy học cho một bài lên lớp
LLO16	Xây dựng kế hoạch và tổ chức được hoạt động giáo dục học sinh ở trường phổ thông
LLO17	Có trách nhiệm trong làm việc cá nhân, làm việc nhóm, hợp tác trong học tập
LLO18	Tự chủ trong xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
LLO1	x														
LLO2		x													
LLO3		x													
LLO4	x														
LLO5				x											
LLO6				x											
LLO7					x										
LLO8						x									
LLO9						x									
LLO10						x									
LLO11						x									
LLO12							x								
LLO13								x							
LLO14										x	x				
LLO15									x						
LLO16									x			x			
LLO17														x	
LLO18													x		

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết)	- Thuyết trình (của GV)	- A1	[1] chương 1

LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết): 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.1.1. Sự nảy sinh phát triển của giáo dục 1.1.2. Tính qui định của xã hội đối với giáo dục 1.1.3. Các chức năng xã hội của giáo dục 1.2. Giáo dục học là một khoa học 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học 1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học 1.2.3. Các phạm trù cơ bản của Giáo dục học 1.2.4. Phương pháp nghiên cứu Giáo dục học 1.2.5. Các chuyên ngành của Giáo dục học 1.2.6. Mối quan hệ giữa Giáo dục học với các khoa học khác 1.3. Xu thế phát triển của giáo dục hiện nay 1.3.1. Bối cảnh của xã hội hiện nay 1.3.2. Những yêu cầu đặt ra cho giáo dục	- <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu học tập</i> - <i>Tình huống</i>		[2], chương 1
LLO2 LLO3	* Nội dung bài tập cá nhân/nhóm (1 tiết): Xác định mục đích, nhiệm vụ, nghiên cứu, đối tượng, phương pháp nghiên cứu cho đề tài thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục	- <i>Hoàn thành bài cá /nhóm nộp theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1 - A2	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung thảo luận (1 tiết): 1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người	- <i>Thảo luận nhóm & hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1	

	2. Chức năng xã hội của giáo dục trong đời sống hiện nay			
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học (13 tiết): 1. Chức năng xã hội của giáo dục 2. Mối quan hệ giữa yêu cầu xã hội với giáo dục 3. Xu thế phát triển của giáo dục 4. Nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo Thông tư 32/2018	- <i>Nêu vấn đề, Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Viết báo cáo thu hoạch sản phẩm</i>	- A1	[1] chương 1 [2], chương 1
Chương 2: Mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (3 tiết): 2.1 Mục tiêu và nguyên lý giáo dục 2.1.1. Mục tiêu giáo dục 2.1.2. Nguyên lý giáo dục 2.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 2.2.1 Khái niệm 2.2.2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 2.3. Chương trình giáo dục 2.3.1. Chương trình giáo dục mầm non 2.3.2. Chương trình giáo dục phổ thông 2.3.3. Chương trình giáo dục nghề nghiệp 2.3.4. Chương trình giáo dục đại học	- <i>Thuyết trình (của GV)</i> - <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu học tập</i> - <i>Tình huống</i>	- A1 - A3	[1] chương 3 [2], chương 3
LLO7	* Nội dung Bài tập cá nhân (1tiết) Vẽ sơ đồ cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và làm rõ mối quan hệ giữa các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân	- <i>Nghiên cứu tài liệu học tập</i>	- A1	

		- Làm bài tập theo hướng dẫn		
LLO5 LLO6	* Nội dung thảo luận (1 tiết): Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi mục đích và mục tiêu giáo dục hiện nay	- Hoàn thành sản phẩm thảo luận theo yêu cầu giảng viên	- A1	
LLO5 LLO6 LLO7	B. Nội dung tự học (7 tiết): 1. Hệ thống giáo dục của Việt Nam 2. Mối quan hệ giữa các cấp bậc học thông qua ví dụ cụ thể 3. Nghiên cứu chương trình giáo dục môn học thuộc chuyên ngành và mô tả cấu trúc môn học của cấp học hiện hành	- Hướng dẫn, liên kết - Nghiên cứu tài liệu - Viết báo cáo thu hoạch sản phẩm	- A1	[1] [2]
Chương 3: Quá trình dạy học và giáo dục ở trường phổ thông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO8 LLO9 LLO10 LLO11, LLO14 LLO15, LLO16,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (14 tiết): 3.1. Quá trình dạy học 3.1.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình dạy học 3.1.2. Các nhiệm vụ của quá trình dạy học 3.1.3. Bản chất của quá trình dạy học 3.1.4. Động lực của quá trình dạy học 3.1.5. Logic của quá trình dạy học 3.1.6. Nguyên tắc dạy học	- Thuyết trình (của GV) - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm nhỏ - Vấn đáp - Nghiên cứu tài liệu học tập - Tình huống	- A1 - A2 - A3 - A4	[1] chương 4 [2], chương 4

	3.1.7. Phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học 3.1.7.1 Phương pháp dạy học a) Phương pháp thuyết trình b) Phương pháp vấn đáp c) Phương pháp trình bày trực quan d) Phương pháp luyện tập, thí nghiệm e) Phương pháp dạy học nêu vấn đề f) Phương pháp dạy học tình huống g) Phương pháp dạy học dự án h) Phương pháp thảo luận nhóm 3.1.7.2 Hình thức tổ chức dạy học a) Hình thức dạy học Lớp- Bài b) Hình thức đoạt động ngoại khoá c) Hình thức tham quan học tập d) Hình thức phụ đạo (giúp đỡ riêng) e) Seminar. f) Hình thức trực tuyến, dạy học kết hợp g) Hình thức tự học Kiểm tra 1 tiết 3.2. Quá trình giáo dục 3.1.1. Những vấn đề chung về quá trình giáo dục 3.1.1.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình giáo dục 3.1.1.2. Các nhiệm vụ của quá trình giáo dục 3.1.1.3. Bản chất của quá trình giáo dục 3.1.1.4. Động lực của quá trình giáo dục 3.1.1.5. Logic của quá trình giáo dục 3.1.1.6. Nguyên tắc giáo dục 3.1.1.7 Phương pháp giáo dục			
--	---	--	--	--

	a) Đàm thoại b) Giảng giải c) Kể chuyện d) nêu gương e) Giao việc f) Luyện tập g) Rèn luyện h) Kỹ luật tích cực i) Đóng vai k) Thi đua l) Khen thưởng 3.3.2. Các hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông 3.3.2.1. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 3.3.2.2. Hoạt động xã hội và sinh hoạt tập thể 3.3.2.3. Hoạt động tự giáo dục			
LLO8 - LLO11; LLO14 LLO15, LLO16,	* Nội dung seminar/thảo luận (4 tiết): 1. Vấn đề đổi mới phương pháp dạy học trong các nhà trường hiện nay. 2. Những yêu cầu đối với người giáo viên trong giáo dục học sinh hiện nay 3. Hiện trạng phương pháp giáo dục học sinh ở các nhà trường hiện nay. 4. Định hướng cơ bản của chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông. 5. Chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông.	- Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập - Hoàn thành sản phẩm nhóm, cử đại diện báo cáo	- A1 - A2	
LLO8 - LLO11, LLO14	* Nội dung bài tập cá nhân (4 tiết):	- Nêu vấn đề - Hướng dẫn, liên kết	- A1	

LLO15, LLO16,	1. Vận dụng phương pháp thuyết trình/tình huống/nếu vấn đề... để thiết kế một nội dung dạy học gắn với chuyên ngành 2. Vận dụng các phương pháp và nguyên tắc giáo dục để xử lý các tình huống giáo dục về các vấn đề: - Học sinh học tập sa sút do hoàn cảnh gia đình - Học sinh “chênh mảng” trong học tập do xuất hiện tình yêu tuổi học trò - Học sinh đánh bạn cùng trường - Học sinh bạo lực bạn qua mạng xã hội	- <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i>		
LLO8 - LLO11, LLO14 LLO15, LLO16,	* Nội dung thực hành (8 tiết): 1. Thiết kế một số chủ đề dạy học liên môn phù hợp với chuyên ngành theo học 2. Thực hành xây dựng một hoạt động trong kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại CV 5512/2020 của Bộ GD&ĐT 3. Thiết kế một hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường phổ thông 4. Thiết kế kế hoạch hoạt động xã hội ngoài nhà trường để học sinh tham gia với các chủ đề: - Tặng quà cho học sinh vùng cao - Lao động công ích dọn vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ - Bảo vệ môi trường cảnh quan quê hương	- <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i> - <i>Hoàn thành sản phẩm thực hành theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1 - A2	
LLO8 - LLO11, LLO14	B. Nội dung tự học (47 tiết): 1. Phân tích và lấy được ví dụ minh họa về các nguyên tắc dạy học	- <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Hướng dẫn, liên kết</i>	- A1	[1] chương 4

LLO15, LLO16,	2. Thiết kế các phần nội dung dạy học gắn với chuyên ngành đang theo học có sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp 3. Phân biệt phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Cho ví dụ minh họa 4. Phân biệt phương pháp và con đường giáo dục học sinh. Cho ví dụ minh họa 5. Phân tích động lực của quá trình giáo dục 6. Phân tích mối quan hệ giữa các bước trong logic của quá trình giáo dục 7. Sưu tầm các tình huống giáo dục có sử dụng các phương pháp giáo dục học sinh hiệu quả	- <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ gắn liền các vấn đề tự học</i> - <i>Viết báo cáo thu hoạch; báo cáo phân tích; bản thiết kế các nội dung gắn với phương pháp)/Hoặc hoàn thành phiếu học tập</i>		[2], chương 4
Chương 4: Người giáo viên và giáo viên chủ nhiệm lớp				
Tuần	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO12 LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết): 4.1. Nhân cách người giáo viên 4.1.1. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên trong môi trường làm việc đa văn hóa và cách mạng 4.0 4.1.2. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên trong môi trường làm việc đa văn hóa và cách mạng 4.0 4.1.2.1. Mục đích của lao động sư phạm 4.1.2.2. Đối tượng của lao động sư phạm 4.1.2.3. Công cụ của lao động sư phạm 4.1.2.4. Sản phẩm của lao động sư phạm	- <i>Thuyết trình (của GV)</i> - <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu học tập</i> - <i>Tình huống</i>	- A1 - A2 - A4	[1] chương 6 [2], chương 6

	4.1.2.5. Không gian và thời gian của lao động sư phạm 4.1.3. Yêu cầu về nhân cách đối với người giáo viên trong môi trường làm việc đa văn hóa và cách mạng 4.0 4.2. Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông 4.2.1. Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông 4.2.1.1 Quản lý và giáo dục toàn diện học sinh trên thế giới thực và thế giới ảo 4.2.1.2 Phối hợp với giáo viên bộ môn nâng cao thành tích học tập ở học sinh 4.2.1.3 Phối hợp với cha mẹ học sinh quản lý và giáo dục học sinh ngoài giờ lên lớp 4.2.1.4 Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường để tổ chức các hoạt động giáo dục, hướng nghiệp và phòng chống bạo lực học đường cho học sinh 4.2.1.5. Giáo dục kỹ năng sống và tôn trọng sự khác biệt cho học sinh 4.2.2 Chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp 4.2.2.1 Chức năng quản lý tập thể học sinh một lớp học 4.2.2.2. Chức năng cầu nối giữa tập thể sư phạm với tập thể học sinh 4.2.2.3 Chức năng tư vấn hỗ trợ học sinh trong học tập, đời sống tình cảm và tư vấn hướng nghiệp.			
--	---	--	--	--

	4.2.2.4.Chức năng cố vấn cho hoạt động tự quản và sinh hoạt tập thể của học sinh lớp chủ nhiệm 4.2.2.5.Chức năng phối hợp các lực lượng giáo dục để giáo dục học sinh 4.2.2.6. Chức năng đánh giá kết quả giáo dục toàn diện học sinh			
LLO12 LLO13	* Nội dung seminar/thảo luận (2 tiết): 1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong bối cảnh hiện nay 2. Vai trò của người giáo viên chủ nhiệm trong bối cảnh đổi mới giáo dục 3. Ảnh hưởng của môi trường công nghệ số đến hoạt động của người giáo viên chủ nhiệm lớp	- <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i>	- A1 - A2	
LLO12 LLO13	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết): Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp chủ nhiệm	- <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i>	- A1	
LLO12 LLO13	* Nội dung thực hành (4 tiết): 1. Thiết kế và tổ chức hoạt động sinh hoạt lớp của giáo viên chủ nhiệm ở trường tiểu học/THCS/THPT 2. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp chủ nhiệm ở trường tiểu học/THCS/THPT 3. Thực hành xử lý tình huống sư phạm của giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp	- <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Thực hiện các nhiệm vụ học tập và hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1 - A2	
LLO12 LLO13	B. Nội dung tự học (20 tiết): 1. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên và rút ra kết luận sư phạm 2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tương ứng với cấp học sau khi tốt nghiệp	- <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ tự học.</i>	- A1	[1] chương 6 [2], chương 6

	3. Các chức năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp và rút ra kết luận sư phạm	- <i>Viết báo cáo thu hoạch; báo cáo phân tích.</i>		
--	---	---	--	--

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng học có đảm bảo đủ các điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, âm thanh, bàn ghế phục vụ cho hoạt động dạy học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Loa - mic, Máy chiếu
- Điều kiện khác: Không

7.44: 60COS431, Giao tiếp sư phạm (COMMUNICATION PEDAGOGY)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	11	14	50
2.	Bài tập	06	0	37
3.	Thực hành	24	0	
4.	Thảo luận	05	01	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	02	0	
Tổng		48	15	87

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 59EPS431, Tâm lý học giáo dục
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	hoalt@tnue.edu.vn
2	TS. Phạm Văn Cường	0982030680	cuongpv@tnue.edu.vn
3	PGS. TS. Phí Thị Hiếu	0356634388	hieupt@tnue.edu.vn
4	ThS. Lê Như Hoa	0976759693	hoaln@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@tnue.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912024817	ngocnt.psy@tnue.edu.vn
8	TS. Dương Thị Nga	0987936938	ngadt@tnue.edu.com
11	TS. Đặng Thị Phương Thảo	0971888243	thaodp@tnue.edu.vn
12	Th.S Nguyễn Ngọc Hiếu	0915212911	hieunn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Kiến thức:

CO1. Phân tích được những vấn đề cơ bản của giao tiếp sư phạm.

* Kỹ năng

CO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm vào việc phân tích các tình huống giao tiếp.

CO3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm trong việc xử lý có hiệu quả những tình huống cụ thể trong các mối quan hệ giữa giáo viên với các đối tượng giao tiếp.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong tổ chức và điều khiển các quá trình giao tiếp.

CO5. Tích cực, chủ động trong rèn luyện, hoàn thiện năng lực giao tiếp sư phạm cho bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm, đặc trưng, vị trí, vai trò và các giai đoạn của giao tiếp sư phạm.	PLO2,12,13
	CLO2	Phân tích được các nguyên tắc, phong cách giao tiếp sư phạm; Các quy tắc ứng xử trong trường học.	PLO2,12,13
	CLO3	Phân tích được các kỹ năng giao tiếp sư phạm	PLO2,12,13
	CLO4	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp sư phạm.	PLO2,12,13
Kĩ năng			
CO2	CLO5	Xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp sư phạm giả định và tình huống trong thực tiễn.	PLO2,12,13,14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO3	CLO6	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm; Hướng dẫn người học, đồng nghiệp thực hiện hoạt động giao tiếp sư phạm hiệu quả	PLO13,14
	CLO7	Lập kế hoạch, điều phối được các nguồn lực tham gia vào hoạt động giao tiếp sư phạm; Đánh giá và cải thiện được hiệu quả năng lực giao tiếp sư phạm cho bản thân.	PLO13,14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1		x										x	x		
CLO2		x										x	x		
CLO3		x										x	x		
CLO4		x										x	x		
CLO5		x										x	x	x	
CLO6		x											x	x	
CLO7		x											x	x	
MDG	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	3	0

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận chương 1 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc chương 1 và chương 2 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch thi của Trường

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1-7
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,5,6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4,5,6,7
Thi kết thúc học phần					

6	A6. Vấn đáp	50%	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-7
---	-------------	-----	----	---	--------

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện 80 -100% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thái độ tham dự	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tuân thủ nội qui; Không đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Rất ít đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6,0	0 đến <3,0	3,0 đến <3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 50-60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 70-80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định (90-100%)
Báo cáo thực hành	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đúng, đủ 0-49%	Đúng, đủ 50-64%	Đúng, đủ 65-79%	Đúng, đủ 80-100%
Thảo luận (10%)					

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến <2,0	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến <1,0	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kì (25%)					
Hình thức: Tự luận			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng.		
Thi kết thúc học phần (50%)					
Hình thức: Vấn đáp			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng theo bộ đề.		

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Tâm lý học, 2019, *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, 2008, *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.

[3]. Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn, 2017, *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB ĐH Sư phạm.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được khái niệm, đặc trưng, vị trí, vai trò của giao tiếp sư phạm.
LLO2	Trình bày được các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm.
LLO3	Phân tích được biểu hiện, yêu cầu của các nguyên tắc giao tiếp sư phạm.
LLO4	Phân tích được quy tắc ứng xử trong trường học.
LLO5	Phân tích được khái niệm và biểu hiện của các phong cách giao tiếp sư phạm.
LLO6	Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp sư phạm.
LLO7	Phân tích được khái niệm của các kỹ năng giao tiếp sư phạm
LLO8	Phân tích được biểu hiện và yêu cầu của các kỹ năng giao tiếp sư phạm.
LLO9	Mô tả được các bước rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm.
LLO10	Tự đánh giá được khả năng giao tiếp sư phạm của bản thân.
LLO11	Nhận diện được kỹ năng, nguyên tắc, phong cách giao tiếp sư phạm thể hiện trong các tình huống gia đình và trong thực tiễn.
LLO12	Vận dụng được các kiến thức giao tiếp sư phạm vào việc xử lý các tình huống giao tiếp trong mối quan hệ giữa giáo viên với các đối tượng giao tiếp khác nhau.
LLO13	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm trong tổ chức và điều khiển các quá trình giao tiếp.
LLO14	Hướng dẫn người học, đồng nghiệp thực hiện hoạt động giao tiếp sư phạm hiệu quả
LLO15	Lập kế hoạch, điều phối được các nguồn lực tham gia vào hoạt động giao tiếp sư phạm; Đánh giá và cải thiện được hiệu quả năng lực giao tiếp sư phạm cho bản thân.

10.2. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs) với chuẩn đầu ra học phần (CLOs)

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x						
LLO2	x						
LLO3		x					
LLO4		x					
LLO5			x				
LLO6			x				
LLO7				x			
LLO8				x			
LLO9				x			
LLO10					x		
LLO11					x		
LLO12						x	

LLO13						x	
LLO14						x	
LLO15							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIAO TIẾP SỰ PHẠM				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung giảng dạy trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (10 tiết) 1.1. Khái quát chung về giao tiếp sự phạm 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1.1. Khái niệm về giao tiếp sự phạm (học E-Learning) 1.1.1.2. Khái niệm văn hóa giao tiếp và ứng xử sự phạm 1.1.2. Đặc trưng của giao tiếp sự phạm 1.1.3. Vị trí, vai trò của giao tiếp sự phạm	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1 A2	[1; Mục 1.1-1.5 từ trang 7-26]; [3]; mục 1.5 từ trang 44-48; mục 2.5 từ trang 58-59; mục 2.8. từ trang 75-78]
LLO2	1.1.4. Các giai đoạn của giao tiếp sự phạm (học E-Learning)	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		
LLO3	1.2. Nguyên tắc giao tiếp sự phạm (học E-Learning) 1.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mô phạm trong giao tiếp 1.2.2. Nguyên tắc tôn trọng nhân cách đối tượng giao tiếp 1.2.3. Nguyên tắc thiện chí trong giao tiếp 1.2.4. Nguyên tắc đồng cảm trong giao tiếp	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO4	1.3. Quy tắc ứng xử trong giao tiếp sự phạm (học E-Learning) 1.3.1. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với giáo viên 1.3.2. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh 1.3.3. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa học sinh với học sinh 1.3.4. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa GV với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		

LLO5	1.4. Phong cách giao tiếp sư phạm (học E-Learning) 1.4.1. Khái niệm phong cách giao tiếp sư phạm 1.4.2. Các loại phong cách giao tiếp sư phạm 1.4.2.1. Phong cách độc đoán 1.4.2.2. Phong cách dân chủ 1.4.2.3. Phong cách tự do	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO6	1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp sư phạm 1.5.1. Từ phía chủ thể giao tiếp 1.5.2. Từ phía đối tượng giao tiếp 1.5.3. Từ môi trường giao tiếp	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		[1]; 1.2 trang 11-12; phần 1.5.2 trang 21-24
LLO5	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Phân biệt và chỉ ra mối quan hệ giữa giao tiếp và ứng xử sư phạm. 2. Trong giao tiếp sư phạm, người giáo viên nên sử dụng phong cách giao tiếp nào? Vì sao? 3. Xác định các Phong cách giao tiếp sư phạm của giáo viên trong các tình huống cho sẵn. (học E-Learning)	<i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO4, LLO5, 12,13, 14,15	* Nội dung thực hành (4 tiết) 1. Xác định những biểu hiện vi phạm quy tắc ứng xử trong trường học ở các tình huống cụ thể. 2. Đóng vai thể hiện phong cách giao tiếp sư phạm trong các tình huống khác nhau.	<i>Thực hành nhóm</i>	A1,A3	
LLO1, 2,3,4,5,6	* Nội dung bài kiểm tra định kì: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: Tự luận	- <i>Tổ chức, triển khai kiểm tra</i>	A1; A4	
LLO1, 2,3,4,6	B. Nội dung tự học: (27 tiết) - Mô tả đặc trưng của giao tiếp sư phạm; phân tích vị trí, vai trò của giao tiếp sư phạm. - Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp sư phạm. - Chuẩn bị các chủ đề thảo luận, thực hành theo sự phân công của giảng viên.	<i>Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên</i>	A2	
Chương 2: NĂNG LỰC GIAO TIẾP SƯ PHẠM				
LLOs	Nội dung	Hình thức/	Học liệu	

		phương pháp		
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7, 8,9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (13 tiết) 2.1. Khái niệm năng lực giao tiếp sư phạm 2.2. Cấu trúc năng lực giao tiếp sư phạm 2.2.1. Kiến thức về giao tiếp sư phạm 2.2.2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm 2.2.2.1. Phân loại KN theo diễn biến của một pha giao tiếp (học E-Learning) - Định hướng: Đọc trên nét mặt cử chỉ, điệu bộ - Định vị: không gian giao tiếp... - Điều khiển quá trình: điều khiển chủ thể, điều khiển ngôn ngữ, điều khiển phương tiện 2.2.2.2. Phân loại theo nội dung kỹ năng - Kỹ năng tìm hiểu môi trường giao tiếp (học E-Learning) - Kỹ năng tìm hiểu đối tượng giao tiếp (học E-Learning) - Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp (học E-Learning) - Kỹ năng lắng nghe (học E-Learning) - Kỹ năng phản hồi (học E-Learning) - Kỹ năng thấu cảm (học E-Learning) - Kỹ năng thuyết phục (học E-Learning) - Kỹ năng tự chủ cảm xúc hành vi (học E-Learning) - Kỹ năng từ chối - Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp (học E-Learning)	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu	A1 A2 A3	[1]; Mục 2.1-2.2 từ trang 53-99]; [3]; mục 2.9 từ trang 79- 88
LLO7, 8,9	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Tại sao để giao tiếp sư phạm thành công, chủ thể giao tiếp (giáo viên) cần phối hợp một cách linh hoạt các kỹ năng giao tiếp sư phạm? 2. Những yêu cầu đặt ra đối với kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.	Thảo luận nhóm		
LLO7, 8,9,12, 13,14, 15	* Nội dung thực hành: (4 tiết) Đóng vai xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm do GV/nhóm bạn đề xuất; phân tích các kỹ năng GTSP của GV được thể hiện qua các tình huống đó.	Làm việc nhóm		
LLO7- 15	* Nội dung bài kiểm tra định kì: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: Tự luận	- Tổ chức, triển khai kiểm tra	A1; A5	

LLO7, 8,9	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Vận dụng kiến thức lý luận về năng lực giao tiếp sư phạm để đánh giá năng lực giao tiếp sư phạm của người giáo viên trong những tình huống cụ thể. - Chuẩn bị chủ đề thảo luận, bài tập thực hành theo sự phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1; A2; A3	[1]; 2.2.1 trang 28-31; phần 2.2.2.5 trang 41-43; phần 2.2.2.10 trang 49-51
Chương 3: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP SƯ PHẠM				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (2 tiết) 3.1. Đánh giá năng lực giao tiếp 3.1.1. Công cụ đánh giá năng lực giao tiếp 3.1.1.1. Trắc nghiệm nhu cầu giao tiếp 3.1.1.2. Trắc nghiệm khả năng giao tiếp 3.1.1.3. Tìm hiểu khả năng ứng xử sư phạm của bản thân 3.1.2. Tự đánh giá năng lực giao tiếp (học E-Learning)	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu	A1; A3	[1]; Mục 3.1-3.2-3.3-3.4 từ trang 100-133; [2]; phần một và hai từ trang 7-108; [3]; mục 7 từ trang 148-155
LLO10 ,11	3.2. Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Nội dung phát triển năng lực 3.2.2.1 Phát triển nhận thức về giao tiếp sư phạm 3.2.2.2 Rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm (học E-Learning) 3.2.3. Thực hành giải quyết các tình huống giao tiếp sư phạm	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu		
LLO12 ,13,14, 15	* Nội dung bài tập: (6 tiết) <i>Bài tập 1:</i> Sinh viên trong vai giáo viên đến nhận lớp lần đầu tiên (vào lớp chào học sinh, tự giới thiệu, làm quen với học sinh). Sinh viên tìm hiểu và thực hành một số nghi thức trong giao tiếp. <i>Bài tập 2:</i> Sinh viên trong vai giáo viên chủ nhiệm lớp thuyết phục phụ huynh phối hợp với nhà trường để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh. <i>Bài tập 3:</i> Sinh viên trong vai giáo viên thực hiện việc khen thưởng hoặc trách phạt học sinh khi học sinh vi phạm kỉ luật ở nhà trường.	Làm việc nhóm		

	<i>Bài tập 4:</i> Sinh viên trong vai giáo viên thực hiện việc phối hợp với phụ huynh để hỗ trợ học sinh giải quyết khó khăn tâm lý trong học tập và rèn luyện. <i>Bài tập 5:</i> Sinh viên trong vai giáo viên đến thăm gia đình học sinh và trao đổi với phụ huynh về việc học sinh vi phạm nội quy trường học. <i>Bài tập 6:</i> Sinh viên trong vai giáo viên thực hiện việc phối hợp với các lực lượng giáo dục khác để hỗ trợ học sinh giải quyết khó khăn tâm lý trong học tập và rèn luyện. <i>Bài tập 7:</i> SV trong vai giáo viên chủ nhiệm tổ chức 1 buổi sinh hoạt lớp. <i>Bài tập 8:</i> Sinh viên trong vai giáo viên xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm có yếu tố đa văn hóa và công nghệ số.			
LLO12 ,13,14, 15	* Nội dung thực hành (16 tiết) Xây dựng và xử lý các nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử (có thể lồng ghép các yếu tố đa văn hóa và công nghệ số). <i>a. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh</i> <i>b. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với giáo viên</i> <i>c. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với phụ huynh học sinh</i> <i>d. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa học sinh với học sinh.</i> <i>e. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với các lực lượng giáo dục khác</i>	Thực hành, làm việc nhóm	A1,A3	[1]; phần 3.1 trang 57-62
LLO12 -15	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Xây dựng các biện pháp phát triển nhận thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm cho người giáo viên. - Chuẩn bị chủ đề thực hành, bài tập theo sự phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1;A2; A3	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: theo phân công của Nhà trường
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Phòng có máy chiếu, loa, mic

**7.45: 60TMC431, Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân
(THEORY AND METHODS OF TEACHING AND LEARNING
CIVIC EDUCATION)**

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	15	15	60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	6		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		43	15	92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Triết học, kinh tế và PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
3	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
4	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
5	Th.s Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

- CO1: Phân tích được những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn GD CD.
- CO2: Vận dụng kiến thức môn học để xây dựng kế hoạch dạy học.
- CO3: Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của các nguyên tắc phương pháp và hình thức tổ chức trong dạy học GD CD.

*** Về kỹ năng**

- CO4: Phát triển được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học

CO5: Vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp dạy học trong thực tiễn.

CO6: Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học có hiệu quả.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Thể hiện thái độ trân trọng đạo đức nghề nghiệp, thường xuyên tự rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống của người giáo viên.

CO8: Hình thành ý thức tự học để nâng cao trình độ và năng lực của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Giải thích được khái niệm cơ bản trong dạy học môn GD CD như: phương pháp, phương pháp dạy học, nguyên tắc, nguyên tắc dạy học.	PLO2
	CLO2	Trình bày được khái niệm, đặc điểm, cách thức thực hiện các hình thức dạy học môn GD CD.	PLO2
CO2	CLO3	Phân tích được quy trình xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn.	PLO5
	CLO4	Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp cho các tiết học cụ thể	PLO4, 5,6,9
	CLO5	Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy môn GD CD.	PLO4,5
CO3	CLO6	Luận giải được ưu điểm, hạn chế của các phương pháp dạy học.	PLO4,5,6, 9
	CLO7	Thiết kế kế hoạch dạy học với những phương pháp dạy học phát triển năng lực người học.	PLO4,5,6,9, 10
Kĩ năng			
CO4	CLO8	Vận dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy học	PLO5,10, 11
CO5	CLO9	Vận dụng thành thạo những kiến thức đã học để xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức được các hoạt động dạy học	PLO5,10, 11,14
CO6	CLO10	Kết hợp các phương pháp dạy học tích cực để thiết kế và tổ chức dạy học thành công môn GD CD.	PLO10, 11,14

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO11	Thể hiện ý thức rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống của người giáo viên.	PLO10,12,14
CO8	CLO12	Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm và ngoại khoá cho người học.	PLO5,10,12,14,15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x													
CLO2		x													
CLO3					x										
CLO4				x	x	x			x						
CLO5				x	x				x	x					
CLO6				x	x	x			x	x					
CLO7				x	x	x				x	x				
CLO8					x					x	x				
CLO9					x					x	x			x	
CLO10					x					x	x			x	
CLO11					x									x	x
CLO12					x					x				x	x
MDG	0	1	0	2	3	2	0	0	2	3	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học bộ môn. Học phần giúp người học nắm được những nguyên tắc, yêu cầu cơ bản trong dạy học môn GDĐC; hiểu được các hình thức dạy học chủ yếu gắn với đặc thù của bộ môn; hiểu được các phương pháp và phương tiện trong dạy học. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để xây dựng thành công kế hoạch dạy học gắn với từng nội dung bài học; thiết kế được các hình thức kiểm tra, đánh giá người học; có khả năng xử lý kết quả kiểm tra để đánh giá người học và điều chỉnh phương pháp dạy học của bản thân cho phù hợp. Học phần góp phần quan trọng trong định hướng, rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên môn GDĐC.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 4, 5, 7, 11
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, 3, 8, 10, 11, 12
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO4, 6, 8, 10
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO3, 5, 7, 9, 10, 12
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50%	01	- Đáp án, thang điểm - Rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1 - 12

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Ý tưởng sáng tạo		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng
------------------	--	--	--------------------------	------------------------------	---

8.2.4. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
--	--	--------------------------------------	---	--	--

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.5 Rubric đánh giá vấn đáp

Vấn đáp

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Câu trả lời có một số nội dung liên quan đến câu hỏi.	Nội dung câu trả lời đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung câu trả lời đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung câu trả lời đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt cơ bản đã biết liên hệ với thực tế.	Trình bày tốt, liên hệ thực tế sâu sắc.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Hương (2016), *Phương pháp dạy học GD&CD ở phổ thông- Giáo trình nội bộ*; NXB Đại học Thái Nguyên

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Khương – Thái Hữu Linh (2023), *Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông*; NXB Đại học Thái Nguyên.

[3]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (xuất bản 2022), *Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10*, NXB Giáo dục.

[4]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (xuất bản 2023), *Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11*, NXB Giáo dục.

[5]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (xuất bản 2024), *Sách giáo viên môn Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12*, NXB Giáo dục.

[6]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông*

[7]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân*.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Nhận biết được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của PPDH GD CD.
LLO2	Phân loại được phương pháp, phương pháp dạy học môn GD CD
LLO3	So sánh đối tượng nghiên cứu của môn phương pháp dạy học GD CD với các PPDH nói chung.
LLO4	Phân tích cấu trúc của quá trình dạy học.
LLO5	Đánh giá cơ sở lí luận của những nguyên tắc cơ bản trong giảng dạy môn GD CD.
LLO6	Làm rõ những yêu cầu cơ bản trong đảm bảo các nguyên tắc dạy học môn GD CD.
LLO7	Luận giải được trong dạy học GD CD cần phải đảm bảo tính khoa học, tính Đảng, tính thực tiễn, tính vừa sức.
LLO8	Áp dụng được kiến thức đã học để xây dựng kế hoạch dạy học trong năm học môn GD CD.
LLO9	Luận giải được hình thức lên lớp là hình thức tổ chức dạy học chủ đạo của môn GD CD.
LLO10	Phân tích được vai trò của các loại hình thức lên lớp.
LLO11	Làm rõ những yêu cầu cơ bản khi thực hiện hình thức lên lớp.
LLO12	Đánh giá ưu điểm, nhược điểm của hình thức lên lớp.
LLO13	Xây dựng kế hoạch dạy học vận dụng các phương pháp dạy học dùng lời, phương pháp trực quan và các phương pháp dạy học tích cực trong môn GD CD.
LLO14	Vận dụng được các phương pháp dạy học tích cực trong xây dựng kế hoạch dạy học và thực hiện dạy học các chuyên đề - Đấu tranh phòng chống tham nhũng - Thực hiện quyền bình đẳng giới - Thực hiện quyền con người, quyền công dân - Thực hiện đạo đức nhà giáo
LLO15	Chứng minh phương pháp dạy học GD CD vừa là khoa học vừa là một nghệ thuật.
LLO16	Luận giải vì sao phương pháp dạy học hiện đại và phương pháp dạy học truyền thống không mâu thuẫn với nhau
LLO17	Xây dựng được kế hoạch dạy học tích hợp liên môn cho một bài học cụ thể.
LLO18	Tổ chức được một số hoạt động dạy học theo quan điểm phát triển năng lực người học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
LLO1	x											
LLO2	x											
LLO3	x											
LLO4	x											
LLO5	x											
LLO6	x											
LLO7	x											
LLO8		x	x	x								
LLO9		x	x	x								
LLO10		x		x								
LLO11		x		x								
LLO12		x		x								
LLO13					x	x	x					
LLO14							x	x	x			
LLO15								x	x		x	
LLO16								x	x	x		
LLO17								x	x	x	x	
LLO18										x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái luận về phương pháp dạy học GD&ĐT				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2, 3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết:(4 tiết) 1.1. Quan niệm về phương pháp và phương pháp dạy học 1.1.1 Quan niệm về phương pháp 1.1.2. Quan niệm về phương pháp dạy học 1.2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của phương pháp dạy học GD&ĐT	-Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm.	A1,A5 ,A6	[1] Chương 1 [2] Chương 1 [3], [4], [5] [6], [7]

	1.2.1 Đối tượng nghiên cứu 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu 1.3 Những yêu cầu cơ bản khi dạy học môn GD CD cho học sinh			
LLO1, 2, 3,4	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Vẽ sơ đồ tư duy về cấu trúc của quá trình dạy học. 2. Lập bảng so sánh đối tượng nghiên cứu của môn phương pháp dạy học GD CD với các PPDH nói chung.	Bài tập cá nhân	A2	[1] Chương 1 [2] Chương 1 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO1, 2, 3,4	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Hãy phân tích cấu trúc của quá trình dạy học.	Sinh viên tiến hành làm việc nhóm thông qua việc nghiên cứu tài liệu ở nhà. Hoàn thành sản phẩm báo cáo trước lớp.	A3	[1] Chương 1 [2] Chương 1 [3], [4], [5] [6], [7]
	B. Nội dung tự học (12 tiết) Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những kiến thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp nếu có.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[[1] Chương 1 [2] Chương 1 [3], [4], [5] [6], [7]
Chương 2: Những nguyên tắc cơ bản trong dạy học GD CD				
LLO5, 6,7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (8 tiết) 2.1. Khái niệm chung về nguyên tắc dạy học môn GD CD 2.1.1. Nguyên tắc và nguyên tắc dạy học 2.1.2. Cơ sở xây dựng các nguyên tắc dạy học môn GD CD 2.2. Những nguyên tắc cơ bản trong giảng dạy môn GD CD.	Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn.	A1, A5, A6	[1] Chương 2 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]

LLO5, 6,7	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Vận dụng nguyên tắc tính thực tiễn trong dạy học “Chủ đề 4: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh” môn giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	Sinh viên làm bài tập nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nộp sản phẩm sau tiết học	A3	[1] Chương 2 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO5, 6, 7	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Vì sao trong dạy học GDCTD cần phải đảm bảo tính khoa học. 2. Vì sao trong dạy học GDCTD cần phải đảm bảo tính Đảng.	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A3	[1] Chương 2 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO1 – LLO7	* Bài kiểm tra định kì số 1: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	Sinh viên làm bài nghiêm túc, không sử dụng tài liệu	A5	[1] Chương 2 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO5, 6, 7	B. Nội dung tự học: (25 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1	[1] Chương 2 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
Chương 3: Các hình thức tổ chức dạy học GDCTD				
LLO8, 9, 10,11, 12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (9 tiết) 3.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học môn GDCTD 3.1.1 Khái niệm hình thức tổ chức dạy học	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử	A1, A5, A6	[1] Chương 3 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]

	3.1.2 Hình thức tổ chức dạy học môn GD&CD 3.2. Hình thức lên lớp 3.2.1. Khái niệm và vị trí của hình thức lên lớp 3.2.2. Đặc điểm của hình thức lên lớp 3.2.3. Ưu và nhược điểm của hình thức lên lớp 3.2.4. Các loại bài của hình thức lên lớp 3.2.5. Những yêu cầu cơ bản khi thực hiện hình thức lên lớp 3.3. Các hình thức dạy học khác 3.3.1. Thảo luận và sêminar 3.3.2. Thực hành môn học 3.3.3 Hình thức tự học	dụng tình huống.		
LLO8, 9, 10,11, 12	* Nội dung bài tập : (3 tiết) - Tại sao nói hình thức lên lớp là hình thức tổ chức dạy học chủ đạo của môn GD&CD nhưng không phải hình thức tổ chức dạy học duy nhất	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A2	[1] Chương 3 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO8, 9, 10,11, 12	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) <u>Chủ đề 1:</u> Hình thức dạy học càng hấp dẫn thì hiệu quả dạy học càng cao. <u>Chủ đề 2:</u> Xây dựng xã hội học tập: tự học, học thường xuyên, học suốt đời.	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm và báo cáo sản phẩm trước lớp.	A3	[1] Chương 3 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO8, 9, 10,11, 12	* Nội dung thực hành: (3 tiết) - Xây dựng kế hoạch dạy học trong năm học môn GD&CD lớp 6	Sử dụng phương pháp dự án, giảng viên giao nhiệm vụ sinh viên chuẩn bị và báo cáo theo nhóm	A4	[1] Chương 3 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO4 – LLO12	* Bài kiểm tra định kì số 2: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	- Yêu cầu sinh viên: Nghiêm túc làm bài,	A5	[1] Chương 3 [2] Chương 2, 3,4

		không sử dụng tài liệu.		[3], [4], [5] [6], [7]
LLO8, 9, 10,11, 12	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến ND tự học.	A1	[1] Chương 3 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
Chương 4: Các phương pháp dạy học GD&CD				
LLO13, 14, 15,16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (9 tiết) 4.1. Phương pháp dạy học dùng lời 4.1.1. Phương pháp thuyết trình trong dạy học môn GD&CD 4.1.2. Phương pháp dùng sách giáo khoa và các tài liệu học tập 4.2. Phương pháp dạy học trực quan 4.2.1 Quan niệm về phương pháp dạy học trực quan 4.2.2. Các hình thức trực quan 4.2.3. Các loại phương tiện trực quan 4.3 Một số PPDH theo quan điểm tích cực hóa vai trò người học 4.3.1. Phương pháp vấn đáp 4.3.2 Phương pháp nêu vấn đề 4.3.3. Phương pháp thảo luận nhóm 4.3.4 Phương pháp động não 4.3.5 Phương pháp đóng vai 4.3.6 Phương pháp dự án (projectwork) 4.3.7. Phương pháp NC trường hợp	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A6	[1] Chương 4 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO14, 15, 16,17, 18	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Thực hành vận dụng phương pháp thuyết trình trong dạy học nội dung giáo dục đạo đức lớp 8.	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp	A4	[1] Chương 4 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]

	2. Thực hành vận dụng các phương pháp trực quan trong dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11.			
LLO14 ,15,16, 17,18	* Nội dung bài tập : (2 tiết) - <i>Bài tập:</i> Thiết kế kịch bản dạy học vận dụng phương pháp trực quan và các phương pháp dạy học tích cực trong môn GDCTD lớp 7 ở THCS.	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A3	[1] Chương 4 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO14 ,15,16, 17,18	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) <u>Chủ đề 1:</u> Tại sao các phương pháp dạy học tích cực phát huy hiệu quả trong dạy học phát triển năng lực người học <u>Chủ đề 2:</u> Trong dạy học phát triển năng lực phương pháp dạy học và kỹ thuật dạy học có sự khác nhau như thế nào	Nghiên cứu tài liệu, làm việc nhóm và báo cáo sản phẩm trước lớp.	A3	[1] Chương 4 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]
LLO14 ,15,16, 17,18	B. Nội dung tự học:(25 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên tìm hiểu tài liệu, chuẩn bị nội dung báo cáo sản phẩm cho giảng viên trong giờ học.	A1	[1] Chương 4 [2] Chương 2, 3,4 [3], [4], [5] [6], [7]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.

7.46: 60DTE431, Phát triển chương trình giáo dục công dân (DEVELOPMENT PROGRAMS OF CITIZEN EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	08		32
3	Thực hành	08		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thị Hương	098859612	huongnt.poli@tnue.edu.vn
3.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
4.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
5.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Giải thích được những kiến thức chung về phát triển chương trình môn GD CD ở trường phổ thông

CO2: Trình bày được xu hướng phát triển chương trình của một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm xây dựng chương trình môn GD CD ở Việt Nam.

CO3: Phân tích được chương trình môn GD CD ở trường phổ thông và phát triển được chương trình môn GD CD, GDKT & PL

CO4: Phân tích được nội dung lý thuyết về xây dựng SGK GD CD phát triển năng lực

* Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được kiến thức về phát triển chương trình để xây dựng chương trình môn GD CD và GD KT & PL ở trường phổ thông.

CO6: Vận dụng được kiến thức về phát triển chương trình GD CD để biên soạn nội dung dạy học GD CD ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Tự học để hình thành năng lực phát triển chương trình GD CD và biên soạn sách giáo khoa GD CD.

CO8: Chịu trách nhiệm về chương trình, sách giáo khoa môn GD CD đã xây dựng, biên soạn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được những vấn đề chung về phát triển chương trình môn GD CD ở trường phổ thông	PLO5
	CLO2	Phân biệt được các cách tiếp cận trong xây dựng chương trình GDPT.	PLO5
CO2	CLO3	Mô tả được xu hướng phát triển tất yếu của giáo dục hiện đại trên thế giới trong thế kỉ XXI.	PLO5
	CLO4	Nêu được những nét chính trong phát triển chương trình, sách giáo khoa của một số quốc gia trên thế	PLO5

		giới và kinh nghiệm cho Việt Nam trong xây dựng chương trình môn GD CD.	
CO3	CLO5	Trình bày được vị trí, vai trò, căn cứ và yêu cầu về phát triển chương trình môn GD CD ở trường phổ thông.	PLO2
	CLO6	Phân biệt được chương trình quốc gia, chương trình nhà trường, chương trình môn học	PLO5
	CLO7	Phân tích được chương trình môn Giáo dục công dân năm 2018	PLO5, PLO11
	CLO8	Xây dựng được: kế hoạch nhà trường; kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn; kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy môn GD CD, GDKT&PL	PLO4, PLO11
CO4	CLO9	Giải thích được bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến việc xây dựng sách giáo khoa.	PLO4, PLO11
	CLO10	Phân biệt được ưu, nhược điểm của SGK hiện hành và yêu cầu của việc xây dựng SGK GD CD theo định hướng phát triển năng lực.	PLO4, PLO11
	CLO11	Trình bày được định hướng xây dựng sách giáo khoa GD CD theo hướng phát triển năng lực	PLO5, PLO11
Kĩ năng			
CO5	CLO12	Thực hành xây dựng chương trình môn GD CD, GDKT&PL ở trường phổ thông	PLO6, PLO9, PLO14
CO6	CLO13	Vận dụng được kiến thức về phát triển chương trình GD CD để biên soạn một số chủ đề và nội dung dạy học môn GD CD ở trường phổ thông	PLO6, PLO9, PLO10, PLO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO14	Tự học để hình thành năng lực phát triển chương trình GD CD và biên soạn sách giáo khoa GD CD.	PLO6, PLO9, PLO14, PLO15
CO8	CLO15	Chịu trách nhiệm về chương trình, nội dung dạy học môn GD CD đã xây dựng, biên soạn.	PLO5, PLO14, PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1					x										
CLO2					x										
CLO3					x										
CLO4					x										
CLO5		x													
CLO6					x										
CLO7					x						x				
CLO8				x	x						x				
CLO9				x							x				
CLO10				x							x				
CLO11											x				
CLO12						x			x					x	
CLO13						x			x	x				x	

CLO14					x	x			x					x	x
CLO15					x									x	x
MDG	0	1	0	2	3	2	0	0	2	1	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng chương trình, sách giáo khoa môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Bao gồm: những vấn đề chung về phát triển chương trình, sách giáo khoa; một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình và sách giáo khoa; phân tích và xây dựng chương trình môn GDCC ở nhà trường phổ thông; phân tích chương trình môn GDCC trong chương trình phổ thông mới 2018 và xây dựng sách giáo khoa GDCC theo định hướng phát triển năng lực.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân, nộp đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm, báo cáo thực hành trước lớp và nộp sản phẩm thực hành cho giảng viên.

- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3, 4, 5; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 03 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-15
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 10-15
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1-15
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7
	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO 8-15
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-15

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian giao hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian giao hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán; nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (2021), *Phát triển chương trình, sách giáo khoa GD&ĐT ở phổ thông*, NXB Đại học Thái Nguyên

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình môn GD&ĐT*.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình tổng thể*.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu Hội thảo, Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông*

[5]. Nguyễn Phúc Chính (Chủ biên, 2014), *Giáo trình phát triển chương trình, sách giáo khoa Sinh học ở phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam

[6]. Sách giáo khoa lớp 6, 7, 8, 9; Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống (Có thể sử dụng bản lần đầu và tái bản các năm)

[7]. Sách giáo khoa lớp 10, 11, 12; Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống (Có thể sử dụng bản lần đầu và tái bản các năm)

9.3. Website

<https://moet.gov.vn/>; <http://rgep.moet.gov.vn/>...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

(đánh số liên tục từ 1 cho đến hết các LLOs của các chương trong học phần)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân biệt được khái niệm chương trình đào tạo, chương trình giáo dục, phát triển chương trình đào tạo.
LLO2	Trình bày được các cách tiếp cận trong xây dựng chương trình.
LLO3	Trình bày được chức năng, nhiệm vụ phát triển chương trình GD&ĐT ở trường PT
LLO4	Trình bày được quan điểm xây dựng chương trình môn GD&ĐT ở trường phổ thông.
LLO5	Phân tích được xu hướng tất yếu của giáo dục hiện đại trên thế giới và trong nước
LLO6	Trình bày được những nét chính trong phát triển chương trình, sách giáo khoa của một số quốc gia (Hoa Kỳ, Úc, Hàn Quốc)
LLO7	Rút ra được kinh nghiệm cho Việt Nam trong xây dựng chương trình môn GD&ĐT khi nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa của một số quốc gia trên thế giới
LLO8	Mô tả được vị trí, vai trò của phát triển chương trình môn GD&ĐT ở trường phổ thông.
LLO9	Xác định được căn cứ và yêu cầu của phát triển chương trình môn GD&ĐT ở trường phổ thông.
LLO10	Trình bày được các khái niệm: chương trình quốc gia, chương trình nhà trường, chương trình môn học
LLO11	Phân tích được chương trình môn Giáo dục công dân cấp THCS năm 2018
LLO12	Phân tích được chương trình môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật năm 2018
LLO13	Thiết kế được kế hoạch nhà trường; kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn
LLO14	Thiết kế được kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy môn GD&ĐT, GDKT&PL
LLO15	Thực hành xây dựng chương trình môn GD&ĐT, GDKT&PL ở trường phổ thông
LLO16	Biên soạn một số chủ đề và nội dung dạy học môn GD&ĐT ở trường THCS
LLO17	Biên soạn một số chủ đề và nội dung dạy học môn GDKT&PL
LLO18	Giải thích được bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến việc xây dựng sách giáo khoa.
LLO19	Phân tích được ưu, nhược điểm của các bộ sách giáo khoa môn GD&ĐT, GDKT&PL hiện hành
LLO20	Trình bày các yêu cầu của việc xây dựng SGK GD&ĐT phát triển năng lực.
LLO21	Trình bày được định hướng xây dựng sách giáo khoa GD&ĐT phát triển năng lực
LLO22	Biên soạn 1 chủ đề/1 nội dung sách giáo khoa GD&ĐT, GDKT&PL phát triển năng lực.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
------	------------------------------

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
LLO1	X														
LLO2		x													
LLO3	x														
LLO4	x														
LLO5			x												
LLO6				x											
LLO7				x											
LLO8					x										
LLO9					x										
LLO10						x									
LLO11							x								
LLO12							x								
LLO13								x				x			
LLO14								x				x			
LLO15								x				x			
LLO16								x				x	x	x	
LLO17								x					x	x	
LLO18									x						
LLO19										x					
LLO20															
LLO21											x				
LLO22											x			x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm chung 1.1.1. Chương trình 1.1.2. Khái niệm chương trình đào tạo, chương trình giáo dục 1.1.3. Khái niệm phát triển chương trình đào tạo	- <i>Thuyết trình tích cực kết hợp đàm thoại</i>	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 1 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 1, 2
LLO2	1.2. Các cách tiếp cận trong xây dựng chương trình giáo dục/đào tạo	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i>	A1, A5, A6	[1]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1, 2
LLO3 LLO4	1.3. Chức năng, nhiệm vụ phát triển chương trình môn GDCD ở trường phổ thông	- <i>Thuyết trình kết hợp</i>	A1, A5, A6	[1]. Đọc chương 1 [4]. Đọc toàn bộ

	1.3.1. Chương trình môn GD&CD ở trường phổ thông 1.3.1. Chức năng phát triển chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông 1.3.2. Nhiệm vụ phát triển chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông	<i>đàm thoại, nêu vấn đề</i>	A7	[5]. Đọc chương 1, 2
LLO5 LLO6	1.4. Quan điểm xây dựng chương trình môn học ở trường phổ thông	- <i>Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu</i> - <i>Vấn đáp</i>	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 1 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 1, 2
LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Mô tả các cách tiếp cận trong xây dựng chương trình. 2. Tóm tắt chương trình môn GD&CD ở trường phổ thông. 3. Trình bày chức năng, nhiệm vụ phát triển chương trình giáo dục công dân ở trường phổ thông.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1, A2, 5, A6	[1]. Đọc chương 1 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 1, 2
LLO1 LLO6	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Phân biệt khái niệm chương trình chương trình đào tạo, chương trình giáo dục, phát triển chương trình đào tạo. 2. Lấy ví dụ về các quan điểm phát triển chương trình đối với môn GD&CD ở trường phổ thông	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo nhóm.</i>	A1, A4	[1]. Đọc chương 1 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 1, 2
LLO1, LLO2 LLO3 LLO5	B. Nội dung tự học: (12 tiết) 1. Phân tích các cách tiếp cận trong xây dựng chương trình 2. Trình bày chức năng, nhiệm vụ phát triển chương trình môn GD&CD ở trường phổ thông.	- <i>Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy</i>	A1, A2 A5, A6	[1]. Đọc chương 1 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 1, 2
Chương 2: XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết)			[1]. Đọc chương 2

LLO7 LLO8	2.1. Xu hướng tất yếu của giáo dục hiện đại trên thế giới trong thế kỷ XXI 2.1.1. Ba tầng kiến thức và kỹ năng và phương châm của giáo dục 2.1.2. Lựa chọn chương trình phù hợp cho mỗi cá nhân và thay đổi hình thức tổ chức dạy học truyền thống 2.1.3. Mô hình học phần 2.1.4. Chuẩn hóa việc kiểm tra/thi các học phần và đánh giá năng lực người học 2.1.5. Mô hình trường học hiện đại	- <i>Thuyết trình kết hợp với phương pháp tình huống</i>	A1, A5, A6 A7	[4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 4, 5
LLO9	2.2. Phát triển chương trình, sách giáo khoa của một số quốc gia trên thế giới 2.2.1. Phát triển chương trình và sách giáo khoa phổ thông của Hoa Kỳ 2.2.2. Phát triển chương trình và sách giáo khoa phổ thông của Hàn Quốc 2.2.3. Phát triển chương trình và sách giáo khoa phổ thông của Australia 2.2.4. Phát triển chương trình và sách giáo khoa phổ thông của Phần Lan	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Đàm thoại</i>	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 2 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 4, 5
LLO10	2.3. Vận dụng kinh nghiệm của thế giới để xây dựng chương trình môn GD CD ở Việt Nam 2.3.1. Những vấn đề rút ra từ xây dựng chương trình GDPT ở một số quốc gia 2.3.2. Kinh nghiệm cho Việt Nam trong xây dựng chương trình, sách giáo khoa môn GD CD	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Đàm thoại</i>	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 2 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 4, 5
LLO7 LLO8	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Giải thích ba tầng kiến thức và kỹ năng và phương châm của giáo dục; việc lựa chọn chương trình phù hợp cho mỗi cá nhân và thay đổi hình thức tổ chức dạy học truyền thống. 2. Trình bày xu hướng phát triển chương trình, sách giáo khoa của Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Australia và Phần Lan..	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1, A2, A5, A6	[1]. Đọc chương 2 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 4, 5
LLO8 LLO10	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. So sánh sự khác nhau giữa trường học hiện đại và trường học truyền thống; mô hình học phần, mô hình trường học hiện đại. 2. Trình bày kinh nghiệm cho Việt Nam trong xây dựng chương trình môn GD CD từ việc nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông trên thế giới	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.</i>	A1, A4	[1]. Đọc chương 2 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 4, 5

LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	B. Nội dung tự học: (14 tiết) 1. Mô tả xu hướng phát triển tất yếu của giáo dục hiện đại trên thế giới trong thế kỉ XXI. 2. Tóm tắt việc phát triển chương trình, sách giáo khoa của một số quốc gia trên thế giới. 3. Vận dụng kinh nghiệm phát triển chương trình, sách giáo khoa của một số quốc gia trên thế giới cho Việt Nam trong xây dựng chương trình môn GD CD.	Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học vào vở.	A1	[1]. Đọc chương 2 [4]. Đọc toàn bộ [5]. Đọc chương 4, 5
Chương 3: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11 LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 3.1. Vị trí, vai trò, căn cứ và yêu cầu về phát triển chương trình môn GD CD ở trường trung học 3.1.1. Vị trí, vai trò môn GD CD ở trường phổ thông 3.1.2. Căn cứ và yêu cầu về phát triển chương trình môn GD CD ở trường trung học	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Thảo luận nhóm nhỏ - Dạy học nêu vấn đề	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
LLO13	3.2. Phân tích chương trình môn Giáo dục công dân ở trường Trung học 3.2.1. Phân tích chương trình môn Giáo dục công dân ở trường Trung học cơ sở 3.3.2. Phân tích chương trình môn GD CD ở trường Trung học phổ thông	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
LLO14	3.3. Phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường Trung học 3.3.1. Xác định mục tiêu chương trình 3.3.2. Xác định nội dung chương trình 3.3.3. Xác định kết cấu chương trình 3.3.4. Xác định các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp	- Thuyết trình kết hợp trình chiếu - Đàm thoại - Thảo luận nhóm nhỏ	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
LLO11	* Nội dung bài tập: (1 tiết)	- Thảo luận nhóm	A1, A2	[1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc toàn bộ

LLO13	1 Mô tả vị trí, vai trò về phát triển chương trình môn GD CD ở trường trung học. 2. Phân tích khái quát chương trình môn Giáo dục công dân và GDKT&PL	- Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm		[3]. Đọc toàn bộ
LLO15 LLO16 LLO18 LLO17 LLO19	* Nội dung thực hành: (6 tiết) 1. Thực hiện xác định mục tiêu, nội dung, chương trình, kết cấu, các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học để phát triển chương trình môn GD CD ở trường THCS. 2. Thực hành xác định mục tiêu, nội dung, chương trình, kết cấu, các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học để phát triển chương trình môn GDKT&PL 4. Xây dựng kế hoạch dạy học môn GD CD và GDKT&PL	- Thảo luận nhóm	A1, A3	1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc toàn bộ [6]. Đọc toàn bộ [7]. Đọc toàn bộ
LLO12 LLO14	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) 1. Xác định vai trò, căn cứ và yêu cầu về phát triển chương trình môn GD CD ở trường trung học. 2. Thiết kế 01 nội dung dạy học môn GD CD, GDKT&PL	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	1]. Đọc chương 3 [2]. Đọc toàn bộ
LLO11 LLO12 LLO17 LLO18 LLO19	B. Nội dung tự học: (24 tiết) 1. Trình bày vị trí, vai trò, căn cứ và yêu cầu về phát triển chương trình môn GD CD ở trường trung học. 2. Biên soạn 1 nội dung bất kỳ (1 chủ đề/1 yêu cầu cần đạt) dưới dạng sách giáo khoa để dạy học sinh môn GD CD, GDKT&PL	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học vào vở bài tập.	A1	[1]. Đọc chương 3 [3]. Đọc toàn bộ [6]. Đọc toàn bộ [7]. Đọc toàn bộ
	Kiểm tra bài số 1: Lý thuyết: 1 tiết Tự học: 3 tiết			
Chương 4: PHÂN TÍCH CHƯƠNG TRÌNH MÔN GD CD TRONG CHƯƠNG TRÌNH PHỔ THÔNG 2018				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO20	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết)	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu		[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ

	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết) 4.1. Đặc điểm, quan điểm xây dựng môn GD&CD trong chương trình phổ thông mới 4.1.1. Vị trí và tên môn học trong chương trình GDPT mới 4.1.2. Vai trò và tính chất của môn học trong giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp 4.1.3. Quan hệ giữa môn GD&CD với các môn học/hoạt động giáo dục khác 4.1.4. Quan điểm xây dựng chương trình môn GD&CD	- Dạy học nêu vấn đề	A1, A5, A6 A7	
LLO21	4.2. Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực môn GD&CD 4.2.1. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung 4.2.2. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất môn GD&CD 4.2.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực môn GD&CD	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Thảo luận nhóm nhỏ	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
LLO22	4.3. Nội dung giáo dục 4.3.1. Nội dung giáo dục cụ thể của chương trình môn học 4.3.2. Phương pháp giáo dục 4.3.3. Đánh giá kết quả học tập môn GD&CD 4.3.4. Định hướng thiết bị dạy học môn GD&CD	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề	A1, A5, A6 A7	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
LLO20 LLO21	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Giải thích đặc điểm, quan điểm xây dựng môn GD&CD trong chương trình phổ thông mới. 2. Trình bày các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực môn GD&CD.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo nhóm	A1, A2	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc toàn bộ
LLO20 LLO21 LLO22	B. Nội dung tự học: (15 tiết) 1. Trình bày quan điểm, yêu cầu xây dựng môn GD&CD trong chương trình phổ thông mới. 2. Hệ thống hoá bằng sơ đồ tư duy các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực môn GD&CD và giải thích cụ thể.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy.	A1	[1]. Đọc chương 4 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ

	3. Mô tả nội dung giáo dục cụ thể của chương trình môn học GD&CD.			
Chương 5. XÂY DỰNG SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO25 LLO26	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 5.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến việc xây dựng sách giáo khoa 5.1.1. Bối cảnh quốc tế 5.1.2. Bối cảnh trong nước	- <i>Thuyết trình tích cực</i> - <i>Phương pháp dạy học vấn đề</i>	A1, A6 A7	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
LLO27	5.2. Ưu điểm và nhược điểm của sách giáo khoa GD&CD hiện hành 5.2.1. Ưu điểm 5.2.2. Nhược điểm	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Vấn đáp</i>	A1, A6 A7	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc toàn bộ
LLO28	5.3. Xây dựng sách giáo khoa GD&CD theo định hướng phát triển năng lực 5.3.1. Nhận diện và đánh giá sách giáo khoa GD&CD theo định hướng phát triển năng lực 5.3.2. Yêu cầu của việc xây dựng sách giáo khoa GD&CD theo định hướng phát triển năng lực	- <i>Thuyết trình kết hợp trình chiếu</i> - <i>Đàm thoại</i>	A1, A6 A7	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
LLO26 LLO28	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Trình bày bối cảnh quốc tế tác động đến việc xây dựng SGK. 2. Giải thích các yêu cầu của việc xây dựng sách giáo khoa GD&CD theo định hướng phát triển năng lực.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1, A2	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
LLO27 LLO29	* Nội dung thực hành: (4 tiết) 1. Thiết kế một chủ đề sách giáo khoa môn GDKT&PL 2. So sánh được ưu, nhược điểm của SGK hiện hành.	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A3	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ [6]. Đọc toàn bộ [7]. Đọc toàn bộ
LLO25	* Nội dung thảo luận: (2 tiết)	- <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A4	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ [6]. Đọc toàn bộ

	1. Trình bày bối cảnh tác động đến việc xây dựng SGK GDĐD trong thế kỷ XXI	- Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.		[7]. Đọc toàn bộ
LLO25 LLO26	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Trình bày các tiêu chí xây dựng sách giáo khoa GDĐD theo định hướng phát triển năng lực	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy.	A1	[1]. Đọc chương 5 [6]. Đọc toàn bộ [7]. Đọc toàn bộ
LLO27 LLO28	2. Phân biệt được ưu, nhược điểm của SGK hiện hành và yêu cầu của việc xây dựng sách giáo khoa GDĐD theo định hướng phát triển năng lực	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy.	A1	[1]. Đọc chương 5 [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc toàn bộ
	Kiểm tra bài số 2: 1 tiết Lý thuyết: 1 tiết Tự học: 3 tiết		A6	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị đi kèm.
- Điều kiện khác: Học liệu đầy đủ trong thư viện.

8.47: 60MCS431, Phương pháp dạy học GDĐD 1 (TEACHING METHOD OF CIVILS EDUCATION 1)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		56
2	Bài tập	8		36
3	Thực hành	14		
4	Thảo luận	8		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		60		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 60MCS431 - Lý luận về phương pháp dạy học GDĐD
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
----	-------------------------	---------------	-------

1	TS Nguyễn Thị Khương	0349 366 616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	Th.S Thái Hữu Linh	0388644227	thailinhchinhtri@gmail.com
3	TS Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
6	TS Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongntpoli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO 1: Phân tích được cấu trúc chương trình, các mạch nội dung kiến thức cơ bản trong chương trình dạy học môn Giáo dục công dân cấp THCS.

CO 2: Mô tả được cách sử dụng các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học các mạch nội dung kiến thức môn Giáo dục công dân cấp THCS

* Về kỹ năng

CO3: Có kỹ năng thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức các giờ học phát triển năng lực người học trong dạy học môn GD CD cấp THCS.

CO4: Vận dụng thành thạo các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học vào giảng dạy các mạch nội dung kiến thức môn giáo dục công dân cấp THCS.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có ý thức rèn luyện đạo đức nhà giáo và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong học tập môn học.

CO6: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào phát triển nghề nghiệp của bản thân

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Phân tích được cấu trúc chương trình môn Giáo dục công dân cấp THCS	PLO 5,6,15
	CLO2	Phân tích nội dung các mạch kiến thức môn Giáo dục công dân cấp THCS	PLO 5,6,15
CO2	CLO3	Mô tả được cách sử dụng các phương pháp dạy học trong dạy học môn Giáo dục công dân cấp THCS.	PLO 5,6, 10
	CLO4	Mô tả được cách sử dụng các phương tiện, kỹ thuật dạy học môn Giáo dục công dân cấp THCS.	PLO 5,6, 10
Kỹ năng			
CO3	CLO5	Thiết kế được kế hoạch bài dạy phát triển năng lực người học trong dạy học môn GD CD cấp THCS.	PLO4,5,6,9 10, 11
	CLO6	Tổ chức thành công các giờ học phát triển năng lực người học trong dạy học môn GD CD cấp THCS.	PLO4,5,6,9, 10, 11
CO4	CLO7	Sử dụng thành thạo các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học vào giảng dạy các mạch nội dung kiến thức trong dạy học môn giáo dục công dân cấp THCS.	PLO4,5,6,9 10, 11
	CLO8	Tổ chức thực hiện các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm gắn với thực tiễn dạy học môn GD CD cấp THCS	PLO4,5,6,9 11,14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO9	Thường xuyên rèn luyện đạo đức nhà giáo theo yêu cầu, nhiệm vụ của học phần	PLO14

	CLO10	Nâng cao năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong học tập môn học	PLO11,14
CO6	CLO11	Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân	PLO 9,14,15

5. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1		x			x	x									
CLO2					x	x									
CLO3					x	x									
CLO4					x	x				x					
CLO5		x		x	x	x			x	x	x				
CLO6				x	x	x			x	x	x				
CLO7				x	x	x			x	x	x				
CLO8				x	x	x			x	x				x	
CLO9										x				x	
CLO10														x	
CLO11									x					x	
CLO12		x													x
MĐG	0	1	0	2	3	3	0	0	3	3	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 1 trang bị những kiến thức cơ bản về dạy học môn GDCC ở trường THCS, về những kiến thức của môn GDCC lớp 6,7,8,9. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ môn GDCC ở trường THCS; xây dựng được các kịch bản dạy học gắn với từng bài học. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học môn GDCC ở trường THCS.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân, 2 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	02	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-12
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1-12
4	A4. Thực hành nhóm	10	02	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 1-12
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 1-12
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận mở	50%	01	Đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 1 - 12

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5 Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	2,5 đến < 3,3 Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	3,3 đến < 4,0 Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	4,0 đến 5,0 Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0 Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	1,0 đến < 2,0 Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian giao hạn	2,0 đến < 2,5 Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong	2,5 đến 3,0 Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn

				thời gian gia hạn	
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
		0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
Ý tưởng sáng tạo	2,0	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
		0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
		0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn sai sót cơ bản	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
		0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
		0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
		0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng

				những câu hỏi chưa trả lời rõ ràng	
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình GD phổ thông; Chương trình môn GDCCD

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình GD phổ thông; Chương trình tổng thể

[3]. Nguyễn Thị Khương (2021), Đề cương bài giảng Phương pháp dạy học môn GD CD ở trường THCS

[4]. Nguyễn Thị Khương (2021), *Phát triển chương trình, sách giáo khoa GD CD ở phổ thông*, NXB Đại học Thái Nguyên

[5]. Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên) (2022), *Sách giáo khoa GD CD 6*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[6]. Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên) (2022), *Sách giáo khoa GD CD 7*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[8]. Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo khoa GD CD 8*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[9]. Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo khoa GD CD 9*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân tích cấu trúc, nội dung các mạch kiến thức cơ bản của chương trình môn GD CD lớp 6
LLO2	Trình bày các phương pháp dạy học môn GD CD lớp 6
LLO3	Trình bày các kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 6
LLO4	Thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD CD lớp 6
LLO5	Thực hiện dạy học một bài/chủ đề trong chương trình môn GD CD lớp 6; rút ra ưu điểm, hạn chế sau giờ dạy.
LLO6	Thiết kế kịch bản (cuộc thi, kịch, tuyên truyền...) và tổ chức thành công một hoạt động ngoại khóa phù hợp với chương trình môn GD CD lớp 6
LLO7	Phân tích cấu trúc, nội dung các mạch kiến thức cơ bản của chương trình môn GD CD lớp 7
LLO8	Trình bày các phương pháp dạy học môn GD CD lớp 7
LLO9	Trình bày các kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 7
LLO10	Thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD CD lớp 7
LLO11	Thực hiện dạy học một bài/chủ đề trong chương trình môn GD CD lớp 7, rút ra ưu điểm, hạn chế sau giờ dạy
LLO12	Thiết kế kịch bản (cuộc thi, kịch, tuyên truyền...) và tổ chức thành công một hoạt động ngoại khóa phù hợp với chương trình môn GD CD lớp 7
LLO13	Phân tích cấu trúc, nội dung các mạch kiến thức cơ bản của chương trình môn GD CD lớp 8
LLO14	Trình bày các phương pháp dạy học môn GD CD lớp 8
LLO15	Trình bày các kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 8
LLO16	Thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD CD lớp 8
LLO17	Thực hiện dạy học một bài/chủ đề trong chương trình môn GD CD lớp 8, rút ra ưu điểm, hạn chế sau giờ dạy
LLO18	Thiết kế kịch bản (cuộc thi, kịch, tuyên truyền...) và tổ chức thành công một hoạt động ngoại khóa phù hợp với chương trình môn GD CD lớp 8
LLO19	Phân tích cấu trúc, nội dung các mạch kiến thức cơ bản của chương trình môn GD CD lớp 9

LLO20	Trình bày các phương pháp dạy học môn GD CD lớp 6
LLO21	Trình bày các kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 6
LLO22	Thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD CD lớp 9
LLO23	Thực hiện dạy học một bài/chủ đề trong chương trình môn GD CD lớp 9, rút ra ưu điểm, hạn chế sau giờ dạy
LLO24	Thiết kế kịch bản (cuộc thi, kịch, tuyên truyền...) và tổ chức thành công một hoạt động ngoại khóa phù hợp với chương trình môn GD CD lớp 9

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)											
LLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
LLO1	x	x							x	x	x
LLO2			x				x		x	x	x
LLO3				x			x		x	x	x
LLO4					x		x		x	x	x
LLO5						x	x		x	x	x
LLO6					x	x	x	x	x	x	x
LLO7	x	x							x	x	x
LLO8			x				x		x	x	x
LLO9				x			x		x	x	x
LLO10					x		x		x	x	x
LLO11						x	x		x	x	x
LLO12					x	x	x	x	x	x	x
LLO13	x	x							x	x	x
LLO14			x				x		x	x	x
LLO15				x			x		x	x	x
LLO16					x		x		x	x	x
LLO17						x	x		x	x	x
LLO18					x	x	x	x	x	x	x
LLO19	x	x							x	x	x
LLO20			x				x		x	x	x
LLO21				x			x		x	x	x
LLO22					x		x		x	x	x
LLO23						x	x		x	x	x
LLO24					x	x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 6 ở trường THCS

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 1.1. Cấu trúc, nội dung các mạch kiến thức cơ bản của chương trình môn GD CD lớp 6 1.1.2. Cấu trúc chương trình 1.1.3. Các mạch kiến thức cơ bản trong chương trình 1.2. Một số phương pháp, kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 6 1.2.1. Một số phương pháp dạy học môn GD CD lớp 6 1.2.2. Một số kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 6 1.3. Thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức giờ dạy môn GD CD lớp 6 1.3.1. Thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD CD lớp 6 1.3.2. Tổ chức giờ dạy môn GD CD lớp 6	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, nêu vấn đề... để dạy các nội dung bài học cho phù hợp với từng đơn vị kiến thức.	A1, A5, A6	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 1 [4], [5], [6]. Đọc toàn bộ
LLO3, 4	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết) Thiết kế hoàn thiện kế hoạch bài dạy 1 bài/chủ đề môn GD CD lớp 6	Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải hướng dẫn sinh viên làm bài tập Yêu cầu SV nộp sản phẩm sau tiết học.	A1,A2	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 1 [4], [5], [6]. Đọc toàn bộ
LLO3, 5	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Nội dung môn GD CD lớp 6 góp phần hình thành những năng lực gì cho học sinh? - Sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học đối với từng bài/chủ đề môn GD CD lớp 6?	Sinh viên làm việc nhóm thông qua việc nghiên cứu tài liệu; hoàn thành sản phẩm ở nhà và thuyết trình lớp vào buổi học	A1,A3	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 1 [4], [5], [6]. Đọc toàn bộ
LLO4, 5	* Nội dung thực hành: (4 tiết) Dạy học 01 đơn vị kiến thức của 1 bài/chủ đề trong môn GD CD lớp 6. Rút ra ưu điểm và nhược điểm sau giờ dạy	Yêu cầu nhóm sinh viên cử đại diện giảng 1 đơn vị kiến thức và tổ chức thảo luận,	A1,A4	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 1

		góp ý sau tiết giảng		[4], [5], [6]. Đọc toàn bộ
	B. Nội dung tự học (22 tiết) Sinh viên chuẩn bị nội dung được giao, thực hiện tập giảng trên giảng đường.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1,A2,A3	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 1 [4], [5], [6]. Đọc toàn bộ
Chương 2: Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7 ở trường THCS				
LLO6, 7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 2.1. Cấu trúc, nội dung các mạch kiến thức cơ bản của chương trình môn GD CD lớp 7 2.1.2. Cấu trúc chương trình 2.1.3. Các mạch kiến thức cơ bản trong chương trình 2.2. Một số phương pháp, kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 7 2.2.1. Một số phương pháp dạy học môn GD CD lớp 7 2.2.2. Một số kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 7 2.3. Thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức giờ dạy môn GD CD lớp 7 2.3.1. Thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD CD lớp 7 2.3.2. Tổ chức giờ dạy môn GD CD lớp 7	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, nêu vấn đề... để dạy các nội dung bài học cho phù hợp với từng đơn vị kiến thức.	A1, A5, A6	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 2 [4], [5], [7]. Đọc toàn bộ
LLO8, 9	* Nội dung bài tập cá nhân, nhóm: (2 tiết) - Nội dung bài tập cá nhân: Thiết kế hoàn thiện kế hoạch bài dạy 1 bài/chủ đề môn GD CD lớp 7 - Nội dung bài tập nhóm: Thiết kế nội dung, kế hoạch cuộc thi <i>Tìm hiểu về phòng, chống các tệ nạn xã hội</i>	Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải hướng dẫn sinh viên làm bài tập Yêu cầu SV nộp sản phẩm sau tiết học.	A1,A2,A3	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 2 [4], [5], [7]. Đọc toàn bộ
LLO7, 8, 9	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Nội dung môn GD CD lớp 7 góp phần hình thành những năng lực gì cho học sinh?	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo trước lớp	A1,A3	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 2 [4], [5], [7]. Đọc toàn bộ

	- Sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học đối với từng bài/chủ đề môn GD CD lớp 7?			
	* Nội dung thực hành (4 tiết) Dạy học 01 đơn vị kiến thức của 1 bài/chủ đề trong môn GD CD lớp 7. Rút ra ưu điểm và nhược điểm sau giờ dạy	Yêu cầu nhóm sinh viên cử đại diện giảng 1 đơn vị kiến thức và tổ chức thảo luận, góp ý sau tiết giảng	A1,A4	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 2 [4], [5], [7]. Đọc toàn bộ
	B. Nội dung tự học: (25 tiết) Sinh viên chuẩn bị nội dung được giao, thực hiện tập giảng trên giảng đường.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1,A2 ,A3	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 2 [4], [5], [7]. Đọc toàn bộ
	Bài Kiểm tra số 1 Lý thuyết: 01 tiết Tự học: 03 tiết	Kiểm tra viết	A5	
Chương 3: Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 8 ở trường THCS				
LLO10 , 11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 3.1. Cấu trúc, nội dung các mạch kiến thức cơ bản của chương trình môn GD CD lớp 8 3.1.2. Cấu trúc chương trình 3.1.3. Các mạch kiến thức cơ bản trong chương trình 3.2. Một số phương pháp, kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 8 3.2.1. Một số phương pháp dạy học môn GD CD lớp 8 3.2.2. Một số kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 8 3.3. Thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức giờ dạy môn GD CD lớp 8 3.3.1. Thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD CD lớp 8 3.3.2. Tổ chức giờ dạy môn GD CD lớp 8	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, nêu vấn đề... để dạy các nội dung bài học cho phù hợp với từng đơn vị kiến thức.	A1, A5, A6	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 3 [4], [5], [8]. Đọc toàn bộ
LLO13 , 14	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết)	Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải	A1,A2	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 3

	Thiết kế hoàn thiện kế hoạch bài dạy 1 bài/chủ đề môn GD CD lớp 8	hướng dẫn sinh viên làm bài tập Yêu cầu SV nộp sản phẩm sau tiết học.		[4], [5], [8]. Đọc toàn bộ
LLO12, 13	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Nội dung môn GD CD lớp 8 góp phần hình thành những năng lực gì cho học sinh? - Sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học đối với từng bài/chủ đề môn GD CD lớp 8?	Sinh viên làm việc nhóm thông qua việc nghiên cứu tài liệu; hoàn thành sản phẩm ở nhà và thuyết trình lớp vào buổi học	A1,A3	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 3 [4], [5], [8]. Đọc toàn bộ
LLO12, 13, 14	* Nội dung thực hành (3 tiết) Dạy học 01 đơn vị kiến thức của 1 bài/chủ đề trong môn GD CD lớp 8. Rút ra ưu điểm và nhược điểm sau giờ dạy	Yêu cầu nhóm sinh viên cử đại diện giảng 1 đơn vị kiến thức và tổ chức thảo luận, góp ý sau tiết giảng	A1,A4	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 3 [4], [5], [8]. Đọc toàn bộ
	B. Nội dung tự học: (21 tiết) Sinh viên chuẩn bị nội dung được giao, thực hiện tập giảng trên giảng đường.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1,A2	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 3 [4], [5], [8]. Đọc toàn bộ
Chương 4: Dạy học các nội dung môn Giáo dục công dân lớp 9 ở trường THCS				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 4.1. Cấu trúc, nội dung các mạch kiến thức cơ bản của chương trình môn GD CD lớp 9 4.1.2. Cấu trúc chương trình 4.1.3. Các mạch kiến thức cơ bản trong chương trình 4.2. Một số phương pháp, kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 9 4.2.1. Một số phương pháp dạy học môn GD CD lớp 9 4.2.2. Một số kỹ thuật dạy học môn GD CD lớp 9	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, nêu vấn đề... để dạy các nội dung bài học cho phù hợp với từng đơn vị kiến thức.	A1, A5, A6	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 4 [4], [5], [9]. Đọc toàn bộ

	4.3. Thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức giờ dạy môn GD CD lớp 9 4.3.1. Thiết kế kế hoạch bài dạy môn GD CD lớp 9 4.3.2. Tổ chức giờ dạy môn GD CD lớp 9			
	*Nội dung bài tập cá nhân, nhóm: (2 tiết) -Nội dung bài tập cá nhân: Thiết kế 1 kế hoạch bài dạy 1 bài/chủ đề môn GD CD lớp 9 -Nội dung bài tập nhóm: Thiết kế nội dung/kế hoạch về hoạt động trải nghiệm: <i>Tham gia các hoạt động cộng đồng</i>	Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải hướng dẫn sinh viên làm bài tập Yêu cầu SV nộp sản phẩm sau tiết học.	A1,A2 ,A3	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 4 [4], [5], [9]. Đọc toàn bộ
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Nội dung môn GD CD lớp 9 góp phần hình thành những năng lực gì cho học sinh? - Sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học đối với từng bài/chủ đề môn GD CD lớp 9?	Sinh viên làm việc nhóm thông qua việc nghiên cứu tài liệu; hoàn thành sản phẩm ở nhà và thuyết trình lớp vào buổi học	A1,A2 ,A3	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 4 [4], [5], [9]. Đọc toàn bộ
	* Nội dung thực hành (3 tiết) Dạy học 01 đơn vị kiến thức của 1 bài/chủ đề trong môn GD CD lớp 9. Rút ra ưu điểm và nhược điểm sau giờ dạy	Yêu cầu nhóm sinh viên cử đại diện giảng 1 đơn vị kiến thức và tổ chức thảo luận, góp ý sau tiết giảng	A1,A4	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 4 [4], [5], [9]. Đọc toàn bộ
	B. Nội dung tự học: (24 tiết) Sinh viên chuẩn bị nội dung được giao, thực hiện tập giảng trên giảng đường.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1,A2 ,A3,A4	[1] Đọc toàn bộ [2]. Đọc toàn bộ [3]. Đọc chương 4 [4], [5], [9]. Đọc toàn bộ
	Bài Kiểm tra số 2 Lý thuyết: 01 tiết Tự học: 03 tiết	Viết tự luận	A5	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu, loa, mic...

7.48: 60MCS432, Phương pháp dạy học GD CD 2 (TEACHING METHOD OF CIVILS EDUCATION 2)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		56
2	Bài tập	5		36
3	Thực hành	12		
4	Thảo luận	5		
5	Thực tế chuyên môn	8		
6	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		60		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: 60MCS431 - Lý luận về phương pháp dạy học GD&CD
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Kinh tế - xã hội và pháp luật; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
66.	TS Nguyễn Thị Khuong	0349 366 616	khuongnt@tnue.edu.vn
67.	Th.S Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
68.	TS Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
69.	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
70.	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất năng lực môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

CO2: Luận giải được cấu trúc, nội dung, yêu cầu trong chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

CO3: Phân tích được các thành phần kiến thức cơ bản trong các chương trình dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

CO4: Vận dụng được các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học trong dạy học các thành phần kiến thức môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

* Về kỹ năng

CO5: Hình thành kỹ năng tổ chức các hình thức dạy học, kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học gắn với những nội dung kiến thức môn học.

CO6: Sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học vào giảng dạy các thành phần kiến thức môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Thực hiện tốt yêu cầu trong làm việc độc lập và làm việc theo nhóm của môn học.

CO8: Đề xuất ý tưởng về xây dựng chương trình, về vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Đánh giá được mục tiêu của môn giáo dục kinh tế và pháp luật	PLO2
	CLO2	Phân tích được những yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật	PLO2
	CLO3	Phân tích được những yêu cầu cần đạt về năng lực trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật	PLO5
CO2	CLO4	Tóm tắt được cấu trúc chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO5,6,9
	CLO5	Luận giải được nội dung tri thức cơ bản trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	
	CLO6	Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO4, 5,6, 9
CO3	CLO7	Phân tích được cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng các chủ đề trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO4,5,6,9,10
	CLO8	Phân tích được các thành phần kiến thức cơ bản môn giáo dục kinh tế và pháp luật	PLO4,5,10
CO4	CLO9	Áp dụng được các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy trong dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO4,5,10

	CLO10	Áp dụng được hình thức tổ chức giờ học khi dạy học các nội dung trong chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO4,5,10, 11
Kĩ năng			
CO5	CLO11	Hình thành kỹ năng tổ chức dạy học trên lớp cho học sinh trung học phổ thông.	PLO4, 5,6,10, 11
	CL12	Sử dụng thành thạo những kiến thức để xây dựng kế hoạch dạy học gắn với những nội dung kiến thức môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO5,6,10,11,12
CO6	CLO13	Xây dựng được kế hoạch chuyên đề học tập môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO6,9,10,14
	CLO14	Thực hiện được các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm gắn với thực tiễn ở trung học phổ thông.	PLO6,9,10, 14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO15	Hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập cá nhân .Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động nhóm.	PLO 9,14, 15
CO8	CLO16	Xây dựng ý tưởng về các chủ đề trong dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO14, 15
	CLO17	Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO14, 15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x			x										
CLO2		x			x										
CLO3					x										
CLO4					x	x			x						
CLO5				x	x	x			x						
CLO6				x	x	x			x	x					
CLO7				x	x					x					
CLO8				x	x					x					
CLO9				x	x					x					
CLO10					x	x				x	x				
CLO11					x						x				

CLO12					x	x				x	x				
CLO13						x			x	x				x	
CLO14						x			x	x				x	x
CLO15									x					x	x
CLO16									x					x	
CLO17														x	x
MĐG	0	1	0	2	3	3	0	0	3	3	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Phương pháp dạy học Giáo dục công dân 2 trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông, về những kiến thức của môn giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10, 11, 12. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ môn; xây dựng các kế hoạch dạy học gắn với từng bài học. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm. Sinh viên thực hiện nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu, trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 17
2	A2. Bài tập cá nhân	5	02	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 3, 4, 8, 10
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, 4, 5, 10, 12
4	A4. Thực hành nhóm	10	02	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO2, 3, 7, 9, 10, 12
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO3, 5, 8, 12,15,16
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50%	01	Đáp án, thang điểm Rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1 – 17

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

			logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	một vài sai sót nhỏ	
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.5. Rubric đánh giá vấn đáp

Vấn đáp					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Câu trả lời có một số nội dung liên quan đến câu hỏi.	Nội dung câu trả lời đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung câu trả lời đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung câu trả lời đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

		Trình bày chưa tốt.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt cơ bản đã biết liên hệ với thực tế.	Trình bày tốt, liên hệ thực tế sâu sắc.
--	--	---------------------	--	---	---

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương – Thái Hữu Linh (2023), *Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông*; NXB Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Thu Hoài (2020), *Hướng dẫn môn Giáo dục kinh tế và pháp luật*, Nxb Đại học sư phạm.

[3]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2022, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10*, Nxb Đại học Huế.

[4]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2023, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11*, Nxb Đại học Huế.

[5]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2024, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12*, Nxb Đại học Huế.

[6] Nguyễn Thị Hường (2016), *Giáo trình phương pháp dạy học GDCD ở THPT*, NXB Đại học Thái Nguyên.

[7] Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể*.

[8] Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông, Chương trình môn Giáo dục công dân*.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân tích mục tiêu của chương trình môn học giáo dục kinh tế và pháp luật
LLO2	Xác định được yêu cầu cần đạt về phẩm chất cần đạt trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật
LLO3	Phân tích được các hoạt động dạy học cơ bản trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật
LLO4	Xây dựng bảng biểu nội dung kiến thức lớp 10 môn giáo dục kinh tế và pháp luật thông qua thảo luận nhóm.
LLO5	Làm rõ các thành phần kiến thức cơ bản của chương trình lớp 10 môn giáo dục kinh tế và pháp luật.
LLO6	Thiết kế kế hoạch dạy học phần nội dung về kinh tế trong chương trình lớp 10.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO7	Luận giải nội dung học phần giáo dục kinh tế, trong chương trình lớp 10 ở trường phổ thông góp phần hình thành năng lực gì cho học sinh.
LLO8	Luận giải nội dung học phần giáo dục pháp luật, trong chương trình lớp 10 ở trường phổ thông góp phần hình thành năng lực gì cho học sinh
LLO9	Tập giảng một đơn vị kiến thức thuộc nội dung trong chương trình giáo dục kinh tế và pháp luật 10, rút ra bài học cho bản thân.
LLO10	Minh họa cấu trúc các thành phần kiến thức cơ bản của chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 ở THPT thông qua bảng biểu.
LLO11	Luận giải nội dung học phần giáo dục kinh tế, trong chương trình lớp 11 ở trường phổ thông góp phần hình thành năng lực gì cho học sinh.
LLO12	Luận giải nội dung học phần giáo dục pháp luật, trong chương trình lớp 11 ở trường phổ thông góp phần hình thành phẩm chất gì cho học sinh.
LLO13	Xây dựng các bước tiến hành giảng dạy chuyên đề học tập lớp 11 môn giáo dục kinh tế và pháp luật.
LLO14	Thiết kế kịch bản (cuộc thi, kịch) cho giờ ngoại khóa tìm hiểu các quyền công dân theo quy định của pháp luật hiện hành. (chương trình lớp 11)
LL15	Thực hiện tập giảng một đơn vị kiến thức thuộc nội dung trong chương trình giáo dục kinh tế và pháp luật 11, rút ra bài học cho bản thân.
LLO16	Phân tích nội dung các thành phần kiến thức cơ bản của chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12 ở THPT.
LLO17	Luận giải nội dung học phần giáo dục kinh tế, trong chương trình lớp 12 ở trường phổ thông góp phần hình thành năng lực gì cho học sinh.
LLO18	Luận giải nội dung học phần giáo dục kinh tế, trong chương trình lớp 12 ở trường phổ thông góp phần hình thành phẩm chất gì cho học sinh.
LLO19	Thiết kế kế hoạch dạy học phần nội dung kinh tế trong chương trình lớp 12 môn giáo dục kinh tế và pháp luật.
LLO20	Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp thông qua học tập chuyên đề (lên kế hoạch, các bước tiến hành, rút kinh nghiệm).
LLO21	Giảng tập mô phỏng trên lớp một bài đã được chuẩn bị, rút ra bài học cho bản thân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
LLO1	x																
LLO2		x	x														
LLO3		x	x	x													
LLO4				x	x												
LLO5					x	x	x	x									
LLO6					x	x	x	x	x		x						
LLO7							x		x								
LLO8								x	x								
LLO9									x	x	x	x					
LLO10		x	x	x	x						x	x	x				
LLO11			x	x	x							x	x				
LLO12					x	x					x						
LLO13									x	x	x	x	x				
LLO14											x	x	x	x			
LLO15											x	x	x	x			
LLO16			x	x	x			x	x								
LLO17					x	x					x	x					
LLO18		x	x	x						x	x	x	x	x			
LLO19										x		x	x	x	x	x	
LLO20													x	x	x	x	x
LLO21												x	x	x	x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung về môn Giáo dục kinh tế và pháp luật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết:(4 tiết)	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp: -Thuyết trình tích cực	A1,A5 ,A6	[1] Chương 1 [2] Phần 1 [3], [4], [5] [6] Chương 2 [7]

	1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực môn giáo dục kinh tế và pháp luật 1.1.1 Mục tiêu môn giáo dục kinh tế và pháp luật 1.1.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực môn giáo dục kinh tế và pháp luật 1.2. Nội dung yêu cầu dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật 1.2.1. Nội dung cơ bản trong chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật 1.2.2. Một số yêu cầu cơ bản trong dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật 1.3 Phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục và thiết bị dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật 1.3.1 Phương pháp dạy học, giáo dục 1.3.1 Đánh giá kết quả giáo dục 1.3.3 Thiết bị dạy học và học liệu 1.4. Các hoạt động dạy học trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật 1.4.1. Hoạt động mở đầu 1.4.2. Hoạt động khám phá 1.4.3. Hoạt động luyện tập 1.4.4. Hoạt động vận dụng	- Thảo luận nhóm nhỏ - Dạy học nêu vấn đề - Phương pháp dạy học tình huống		
LLO3, 4	* Nội dung bài tập: (1 tiết)	Sinh viên làm bài tập cá nhân dưới sự	A2	[1] Chương 1 [2] Phần 1

	Thiết kế bảng khái quát phẩm chất, năng lực môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	hướng dẫn của giảng viên. Nộp sản phẩm sau tiết học.		[3], [4], [5] [6] Chương 2 [7]
LLO3, 5	* Nội dung thảo luận:(1 tiết) - Nội dung học phần kinh tế, trong chương trình lớp 10 ở trường phổ thông góp phần hình thành năng lực gì cho học sinh. - Thiết kế các hoạt động học tập chuyên đề trong chương trình GDKT&PL lớp 10.	Sinh viên tiến hành làm việc nhóm thông qua việc nghiên cứu tài liệu ở nhà. Hoàn thành sản phẩm thuyết trình chủ đề trước lớp.	A3	[1] Chương 1 [2] Phần 1 [3], [4], [5] [6] Chương 2 [7]
LLO4, 5	* Nội dung thực hành: (2 tiết) - Thiết kế hoạt động khởi động trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật 10.	Giảng tập và thực hành trên lớp	A2	[1] Chương 1 [2] Phần 1 [3], [4], [5] [6] Chương 2 [7]
	B. Nội dung tự học (12 tiết) Sinh viên chuẩn bị nội dung được giao, thực hiện tập giảng trên giảng đường.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1] Chương 1 [2] Phần 1 [3], [4], [5] [6] Chương 2 [7]
Chương 2: Dạy học các chủ đề trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10				
LLO6, 7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết:(8 tiết) 2.1. Cấu trúc, nội dung yêu cầu cần đạt trong chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp: -Thuyết trình tích cực - Thảo luận nhóm nhỏ	A1, A5, A6	[1] Chương 2 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]

	2.1.1. Cấu trúc chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 2.1.2. Nội dung yêu cầu cần đạt trong chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 2.2. Hướng dẫn dạy học các chủ đề trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 2.3. Hướng dẫn dạy học các chuyên đề trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10	- Dạy học nêu vấn đề - Phương pháp dạy học tình huống		
LLO7, 8, 9	* Nội dung thực hành (3 tiết) - Giảng mô phỏng 2 học phần kiến thức kinh tế và pháp luật lớp 11.	Thực hành nhóm	A4	[1] Chương 2 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7], [8]
LLO8, 9	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Thiết kế kịch bản (cuộc thi, kịch) cho giờ ngoại khóa tìm hiểu các quyền công dân theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sinh viên làm bài tập nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nộp sản phẩm sau tiết học.	A3	[1] Chương 2 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7], [8]
LLO7, 8, 9	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Phân tích vị trí, vai trò nội dung kinh tế trong phân phối chương trình GDKT&PL lớp 11 ở THPT. 2. Xây dựng các bước tiến hành giảng dạy chuyên đề học tập lớp 11.	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A3	[1] Chương 2 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7], [8]

LLO7, 8, 9	* Bài kiểm tra định kì số 1: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	Sinh viên làm bài nghiêm túc, không sử dụng tài liệu	A5	[1] Chương 2 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7], [8]
LLO7, 8, 9	B. Nội dung tự học: (24 tiết) Sinh viên chuẩn bị nội dung được giao, thực hiện tập giảng trên giảng đường.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1	[1] Chương 2 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7], [8]
Thực tế phổ thông (8 tiết)				
Chương 3: Dạy học các chủ đề trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11				
LLO10 , 11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết:(8 tiết) 3.1. Cấu trúc, nội dung yêu cầu cần đạt trong chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 3.1.1. Cấu trúc chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 3.1.2. Yêu cầu cần đạt trong chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 3.2. Hướng dẫn dạy học các chủ đề trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 3.3. Hướng dẫn dạy học các chuyên đề trong chương	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp: -Thuyết trình tích cực - Thảo luận nhóm nhỏ - Dạy học nêu vấn đề - Phương pháp dạy học tình huống	A1, A6	[1] Chương 3 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7], [8]

	trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11			
LLO13 , 14	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Thiết kế kế hoạch dạy học phần nội dung kinh tế trong chương trình lớp 12 2. Thiết kế kịch bản dự án học tập: sản xuất kinh tế hàng hóa ở địa phương. 3. Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp thông qua học tập chuyên đề (lên kế hoạch, các bước tiến hành, rút kinh nghiệm).	Tích cực tìm kiếm tài liệu, hoàn thành bài tập cá nhân, nộp sản phẩm cho giảng viên trong thời gian quy định	A2	[1] Chương 3 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]
LLO12 , 13	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Nội dung pháp luật học ở chương trình lớp 12 góp phần hình thành năng lực gì cho học sinh. 2. Theo em, nội dung pháp luật học trong chương trình lớp 12 có hợp lý không? Vì sao?	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A3	[1] Chương 3 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]
LLO12 ,13, 14	* Nội dung thực hành:(3 tiết) Giảng tập mô phỏng trên lớp, rút ra bài học cho bản thân.	Mỗi sinh viên chuẩn bị nội dung giảng trên lớp theo sự phân công của giảng viên. Tiến hành giảng mô phỏng 15 phút/sinh viên.	A4	[1] Chương 3 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]
LLO12 ,13, 14	*Bài kiểm tra định kì số 2: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	Sinh viên làm bài nghiêm túc, không sử dụng tài liệu	A5	[1] Chương 3 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]

LLO12 ,13, 14	B. Nội dung tự học:(24 tiết) Sinh viên chuẩn bị nội dung được giao, thực hiện tập giảng trên giảng đường.	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung.	A1	[1] Chương 3 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]
Chương 4: Dạy học các chủ đề trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12				
LLO16 ,17, 18,19, 20,21	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết:(8 tiết) 3.1. Cấu trúc, nội dung yêu cầu cần đạt trong chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12 3.1.1. Cấu trúc chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12 3.1.2. Yêu cầu cần đạt trong chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12 3.2. Hướng dẫn dạy học các chủ đề trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12 3.3. Hướng dẫn dạy học các chuyên đề trong chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp: -Thuyết trình tích cực - Thảo luận nhóm nhỏ - Dạy học nêu vấn đề	A1, A6	[1] Chương 4 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]
LLO16 ,17, 18,19, 20,21	* Nội dung bài tập:(2 tiết) 1. Thiết kế kế hoạch dạy học phần nội dung kinh tế trong chương trình lớp 12	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A2	[1] Chương 4 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]

	2. Thiết kế kịch bản dự án học tập: sản xuất kinh tế hàng hóa ở địa phương. 3. Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp thông qua học tập chuyên đề (lên kế hoạch, các bước tiến hành, rút kinh nghiệm).			
LLO16 ,17, 18,19, 20,21	*Nội dung thảo luận:(2 tiết) 1. Nội dung pháp luật học ở chương trình lớp 12 góp phần hình thành năng lực gì cho học sinh. 2. Theo em, nội dung pháp luật học trong chương trình lớp 12 có hợp lý không? Vì sao?	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A3	[1] Chương 4 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]
LLO16 ,17, 18,19, 20,21	* Nội dung thực hành:(4 tiết) Giảng tập mô phỏng trên lớp, rút ra bài học cho bản thân.	- Tập giảng và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong bài học	A4	[1] Chương 4 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]
LLO16 ,17, 18,19, 20,21	B. Nội dung tự học:(24 tiết) Sinh viên chuẩn bị nội dung được giao, thực hiện tập giảng trên giảng đường.	Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (mỗi nội dung khoảng 1-2 trang viết tay)	A1	[1] Chương 4 [2] Phần 2, phần 3 [3], [4], [5] [6] Chương 3,4 [7] ,[8]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác:

7.49: 60CTE431, Kiểm tra đánh giá trong dạy học GD&CD (CHECK EVALUATION IN TEACHING CIVIC EDUCATION EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	8		32
3	Thực hành	10		
4	Thảo luận	8		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: “*Phương pháp dạy học GD&CD ở trường THCS (60MCS441)*”
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thị Hương	098859612	huongnt.poli@tnue.edu.vn
3.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
4.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục.

CO2: Trình bày được kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong dạy học GD&CD.

CO3: Luận giải được nội dung, quy trình, kỹ thuật đánh giá kết quả học tập, thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD&CD.

CO4: Nêu được kiến thức về ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GD&CD.

*** Về kỹ năng**

CO5: Sử dụng được kiến thức kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GD&CD để phát triển năng lực người học.

CO6: Vận dụng được kiến thức đánh giá để tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn một cách sáng tạo.

CO7: Thực hiện được các hình thức kiểm tra trong tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn một cách sáng tạo.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8: Vận dụng được kiến thức kiểm tra đánh giá môn GD&CD vào khởi nghiệp, phát triển và đổi mới sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giải thích được mục đích, ý nghĩa của kiểm tra đánh giá trong giáo dục.	PLO2, 5
	CLO2	Diễn giải được chức năng, vai trò, yêu cầu sư phạm đối với việc kiểm tra đánh giá trong giáo dục.	PLO4, 5
	CLO3	Xác định được xu hướng và triết lý đánh giá trong giáo dục.	PLO4, 5
CO2	CLO4	Mô tả được các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học môn GD CD.	PLO5
	CLO5	Tóm tắt được quy trình thiết kế và triển khai một hoạt động đánh giá trên lớp đối với môn GD CD.	PLO4, 5
CO3	CLO6	Trình bày được nội dung, kỹ thuật đánh giá kết quả học tập, môn GD CD.	PLO5
	CLO7	Xác định được quy trình, kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD CD.	PLO4, 5
CO4	CLO8	Nêu được ma trận và bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GD CD.	PLO5
	CLO9	Trình bày được khung ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra thi môn GD CD, GDKT&PL	PLO5
	Kỹ năng		
CO5	CLO10	Thực hành được quy trình và kỹ thuật đánh giá kết quả học tập môn GD CD để phát triển năng lực người học.	PLO6, 9
	CLO11	Thực hiện được quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD CD để phát triển năng lực người học.	PLO6, 9, 10
	CLO12	Thực hành được việc xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và đề kiểm tra, thi môn GD CD	PLO10
CO6	CLO13	Thực hiện được các hoạt động đánh giá trong tổ chức và quản lý các hoạt trải nghiệm của học sinh.	PLO6, 9, 11
	CLO14	Thực hành được các loại hình đánh giá trên lớp đối với môn GD CD một cách sáng tạo.	PLO9, 11
CO7	CLO15	Sử dụng được các hình thức kiểm tra phù hợp để tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh một cách hiệu quả.	PLO6, 11, 14
	CLO16	Thiết kế được các hình thức kiểm tra phù hợp đối với môn GD CD để phát triển năng lực của người học.	PLO10, 11, 14
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO8	CLO17	Hỗ trợ được kiến thức kiểm tra đánh giá môn GD CD vào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	PLO14, 15
	CLO18	Tổ chức được các hình thức đánh giá năng lực trong dạy học môn GD CD để giúp học sinh tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.	PLO14, 15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

[illegible]

CLO2				x	x										
CLO3				x	x										
CLO4					x										
CLO5				x	x										
CLO6					x										
CLO7				x	x										
CLO8					x										
CLO9					x										
CLO10						x			x						
CLO11						x			x	x					
CLO12										x					
CLO13						x			x		x				
CLO14									x		x			x	
CLO15						x					x			x	
CLO16										x	x				
CLO17														x	x
CLO18														x	x
MĐG	0	1	0	2	3	2	0	0	2	1	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức về mục đích, ý nghĩa của việc kiểm tra đánh giá trong giáo dục (chương 1); những vấn đề chung về kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị (chương 2); nội dung và kỹ thuật đánh giá kết quả học tập đối với môn Giáo dục công dân (chương 3); xây dựng quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra môn GD CD (chương 4); Hướng dẫn xây dựng và thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề, đề kiểm tra, thi môn GD CD (chương 5).

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3, 4, 5; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					

1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-18
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO10-18
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO10-18
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2			Đáp án, thang điểm	CLO6-9
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-18

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài, tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo, có dẫn chứng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5 Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	0,5 đến < 1,0 Mới chỉ nêu được ý tưởng	1,0 đến < 1,5 Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	1,5 đến 2,0 Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25 Không tham gia thảo luận và chia sẻ	0,25 đến < 0,5 Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	0,5 đến < 0,75 Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	0,75 đến 1,0 Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5 Không thực hiện được các thao tác, quy trình	0,5 đến < 1,0 Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	1,0 đến < 1,5 Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	1,5 đến 2,0 Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0 Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	1,0 đến < 2,0 Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	2,0 đến < 2,5 Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	2,5 đến 3,0 Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0 Giải thích và chứng minh không rõ ràng	1,0 đến < 2,0 Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	2,0 đến < 2,5 Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	2,5 đến 3,0 Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25 Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	0,25 đến < 0,5 Format nhiều chỗ không nhất quán; nộp trong thời gian gia hạn	0,5 đến < 0,75 Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	0,75 đến 1,0 Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
----------	------------	--------------------	---------------	---------------	----------------

Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ.	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Ngô Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Khương, Nguyễn Thị Hương (2021), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Giáo dục Công dân*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc (2017), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia.

[3] Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh (2016), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm.

[4]. *Tài liệu về kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở trung học phổ thông* (2013), Nxb Đại học Quốc gia.

9.3. Website

<https://moet.gov.vn/>; <http://cet.vnu.edu.vn>; <https://voer.edu.vn/>, ...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

(đánh số liên tục từ 1 cho đến hết các LLOs của các chương trong học phần)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Xác định được mục đích của kiểm tra đánh giá trong giáo dục.
LLO2	Mô tả được ý nghĩa của kiểm tra đánh giá trong giáo dục.
LLO3	Phân biệt được các chức năng của kiểm tra đánh giá trong giáo dục.
LLO4	Trình bày được vai trò của kiểm tra đánh giá trong giáo dục đối với giáo viên, học sinh, nhà quản lý giáo dục.
LLO5	Chứng tỏ được xu hướng đổi mới kiểm tra đánh giá.
LLO6	Lấy được ví dụ về triết lý đánh giá trong giáo dục.
LLO7	Xây dựng được một tình huống sư phạm về kiểm tra đánh giá đối với môn GD CD thể hiện được các yêu sư phạm trong kiểm tra đánh giá.
LLO8	Xây dựng được một kịch bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông liên quan quan đến kiến thức môn GD CD trong đó sử dụng triết lý đánh giá vì sự tiến bộ của người học để đánh giá hoạt động trải nghiệm đó.
LLO9	Lựa chọn được các xu hướng đổi mới kiểm tra đánh giá vào phát triển nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.
LLO10	Phân biệt được các hình thức và các loại bài kiểm tra trong dạy học GD CD.
LLO11	So sánh được sự khác nhau giữa đo lường và đánh giá.
LLO12	Giải thích được mục đích, yêu cầu khi đánh giá trên lớp đối với môn GD CD.
LLO13	Trình bày được một quy trình thiết kế và triển khai một hoạt động đánh giá đối với môn GD CD ở một lớp cụ thể.
LLO14	Thiết kế được quy trình đánh giá trên lớp gắn với một nội dung cụ thể trong chương trình GD CD để phát triển năng lực người học.
LLO15	Kết hợp hình thức đánh giá cá nhân và đánh giá theo nhóm để tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh trong học tập môn GD CD.
LLO16	Áp dụng được hình thức kiểm tra thực hành để đánh giá một hoạt ngoại khóa môn GD CD của học sinh.
LLO17	Thực hành được quy trình đánh giá trên lớp trong dạy học môn GD CD, GD CT qua đó tư vấn cho học sinh về xu hướng lựa chọn nghề nghiệp
LLO18	Phân biệt được mục tiêu dạy học, mục tiêu học tập và vai trò của việc xác lập mục tiêu học tập trong đánh giá kết quả học tập môn GD CD ở trường phổ thông.
LLO19	Xác định được vai trò và chức năng của đánh giá kết quả học tập môn GD CD ở trường phổ thông.
LLO20	Mô tả được các kỹ thuật đánh giá kết quả học tập môn GD CD: kỹ thuật quan sát, kỹ thuật kiểm tra vấn đáp, kỹ thuật kiểm tra viết.
LLO21	Thực hiện được một trong các kỹ thuật đánh giá: quan sát, viết, vấn đáp gắn với một nội dung cụ thể của chương trình GD CD và GD kinh tế và pháp luật

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO22	Sử dụng được hình thức bảng kiểm để đánh giá hoạt động làm việc nhóm trên lớp của học sinh trong một tiết học cụ thể đối với môn GDCD.
LLO23	Thiết kế được sổ nhật ký, sổ theo dõi học sinh trong học tập môn GDCD một cách sáng tạo.
LLO24	Sử dụng được hình thức kiểm tra vấn đáp gợi mở, vấn đáp củng cố, vấn đáp tổng kết trong dạy học môn GDCD nhằm phát triển năng lực của người học
LLO25	Giải thích được tính đặc thù của bài kiểm tra môn GDCD ở trường phổ thông.
LLO26	Trình bày được nguyên tắc và yêu cầu khi ra đề kiểm tra, thi môn GDCD ở trường phổ thông.
LLO27	Mô tả được quy trình thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDCD ở trường phổ thông.
LLO28	Viết lại được quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan và tự luận.
LLO29	Thiết kế được một đề kiểm tra, một đề thi trắc nghiệm khách quan; cho môn GDCD.
LLO30	Thiết kế được một đề kiểm tra, một đề thi tự luận cho môn GDCD.
LLO31	Xác định được khung ma trận đề kiểm tra, thi môn GDCD
LLO32	Xây dựng được ma trận và bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GDCD cấp THCS
LLO33	Xây dựng được ma trận và bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL.
LLO34	Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDCD lớp 6
LLO35	Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDCD lớp 7
LLO36	Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDCD lớp 8
LLO37	Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDCD lớp 9
LLO38	Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL lớp 10
LLO39	Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL lớp 11
LLO40	Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL lớp 12.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLO12					x												
LLO13					x												
LLO14									x								
LLO15											x						
LLO16													x				
LLO17															x		
LLO18						x											
LLO19						x											
LLO20						x											
LLO21									x								
LLO22													x				
LLO23													x				
LLO24															x		
LLO25							x										
LLO26							x										
LLO27							x										
LLO28							x										
LLO29										x							
LLO30										x							
LLO31								x									
LLO32								x									
LLO33									x								
LLO34									x								
LLO35											x						
LLO36											x						
LLO37														x			
LLO38															x		
LLO39																	x
LLO40																	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA VIỆC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Mục đích của kiểm tra đánh giá 1.1.1. Cấp độ trực tiếp dạy và học 1.1.2. Cấp độ hỗ trợ hoạt động dạy và học 1.1.3. Cấp độ ra chính sách	- Thuyết trình tích cực	A1, A5, A7	[1] chương 1. Mục 1 [2], [3], [4] chương 1. Mục 1
LLO2	1.2. Ý nghĩa của việc kiểm tra đánh giá	- Thuyết trình	A1, A5, A7	[1] chương 1.

	1.2.1. Đối với học sinh 1.2.2. Đối với giáo viên 1.2.3. Đối với cán bộ quản lý giáo dục	- Thảo luận nhóm nhỏ		Mục 2; [2], [3], [4] chương 1. Mục 2
LLO3 LLO4	1.3. Chức năng và vai trò của kiểm tra đánh giá trong giáo dục 1.3.1. Chức năng 1.3.2. Vai trò	- Thuyết trình kết hợp đàm thoại, nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1] chương 1. Mục 3; [2], [3], chương 1. Mục 3
LLO4	1.4. Những yêu cầu sư phạm 1.4.1. Khách quan 1.4.2. Công bằng 1.4.3. Toàn diện 1.4.4. Công khai 1.4.5. Tính giáo dục 1.4.6. Tính phát triển	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Vấn đáp	A1, A5, A7	[1] chương 1. Mục 4 [2], [3] chương 1. Mục 4
LLO5 LLO6	1.5. Xu hướng và triết lý đánh giá trong giáo dục 1.5.1. Xu hướng đổi mới kiểm tra đánh giá 1.5.2. Triết lý đánh giá trong giáo dục	- Thuyết trình kết hợp nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1] chương 1.
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Trình bày được mục đích, ý nghĩa của kiểm tra đánh giá trong giáo dục.	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1, A2	[1] chương 1. Mục I. [2], [3] chương 1. Mục I, II; chương 4. Mục I
LLO3	2. Phân biệt được các chức năng của kiểm tra đánh giá trong giáo dục.	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo nhóm	A1, A2	[1] chương 1. Mục II. [3], [4] chương 1. Mục II;
LLO4	3. Trình bày được vai trò của kiểm tra đánh giá trong giáo dục đối với giáo viên, học sinh, nhà quản lý giáo dục. 4. Diễn giải được các yêu cầu sư phạm trong kiểm tra đánh giá.	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm	A1, A2	[1] chương 1. Mục II. [3], [4] chương 1. Mục II; chương 4. Mục I

LLO7	* Nội dung thực hành: (1 tiết) 1. Xây dựng được một tình huống sự phạm về kiểm tra đánh giá đối với môn GD&CD ở trường phổ thông thể hiện được các yêu sự phạm trong kiểm tra đánh giá.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của cá nhân hoặc nhóm trước lớp	A1, A3	[1] chương 1. Mục I, II. [2], [3], [4], [5] chương 1. Mục I, II
LLO8	2. Xây dựng được một kịch bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông liên quan quan đến kiến thức môn GD&CD trong đó sử dụng triết lý đánh giá vì sự tiến bộ của người học để đánh giá hoạt động trải nghiệm đó.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả trước lớp	A1, A3	[1] chương 1. Mục I, II. [2], [3], [4], [5] chương 1. Mục I, II
LLO9	3. Lựa chọn được các xu hướng đổi mới kiểm tra đánh giá vào phát triển nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả trước lớp	A1, A3	[1] chương 1. Mục I, II. [2], [3], [4], [5] chương 1. Mục I, II
LLO5	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Chứng tỏ được xu hướng đổi mới kiểm tra đánh giá.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của nhóm trước lớp.	A1, A4	[1] Chương 1 Mục 1,2,3,4 [2], [3], [4] chương 1 Mục 1,2,3,4
LLO6	2. Lấy được ví dụ về triết lý đánh giá trong giáo dục	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của nhóm trước lớp.	A1, A4	[1] Chương 1 Mục 1,2,3,4 [2], [3], [4] chương 1 Mục 1,2,3,4
LLO1, LLO2	B. Nội dung tự học: (13 tiết) 1. Xác định được mục đích của kiểm tra đánh giá trong giáo dục. 2. Mô tả được ý nghĩa của kiểm tra đánh giá trong giáo dục	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A5, A6	[1] Chương 1 Mục 1,2,3,4 [2], [3], [4] chương 1 Mục 1,2,3,4
LLO3	3. Phân biệt được các chức năng của kiểm tra đánh giá trong giáo dục	Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1] Chương 1 Mục 1,2,3,4 [2], [3], [4] chương 1 Mục 1,2,3,4

LLO4 LLO5	4. Làm sáng tỏ các yêu cầu sự phạm trong kiểm tra đánh giá 5. Diễn giải được các xu hướng đổi mới kiểm tra đánh giá	<i>Tự học và nộp sản phẩm cho giảng viên</i>	A1	[1] <i>Chương 1</i> <i>Mục 1,2,3,4</i> [2], [3], [4]
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC GDCD, GDCT				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO10LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCD 2.1.1. Kiểm tra 2.1.2. Các hình thức kiểm tra và loại bài kiểm tra trong dạy học GDCD 2.2. Đánh giá 2.2.1. Đo lường 2.2.2. Đánh giá	- <i>Thuyết giảng kết hợp trình chiếu</i> - <i>Sử dụng tình huống trong dạy học.</i>	A1, A5, A7	[1] <i>Chương 2.</i> <i>Mục 2.1, 2.2</i> [2], [3], [4] <i>chương 2</i> <i>mục 1,2</i>
LLO12 LLO13	2.3. Quy trình thiết kế một kế hoạch đánh giá trên lớp 2.3.1. Mục đích và các yêu cầu khi đánh giá 2.3.2. Quy trình thiết kế và triển khai một hoạt động đánh giá	- <i>Thuyết trình</i> <i>Kết hợp với PP nêu vấn đề</i> - <i>Đàm thoại</i>	A1, A5, A7	[1] <i>Chương 2.</i> <i>Mục 2.3</i> [2], [3], [4] <i>chương 2</i> <i>mục 3</i>
LLO10	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Phân biệt được các hình thức và các loại bài kiểm tra trong dạy học GDCD.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1, A2	[1] <i>Chương 2.</i> <i>Mục 2.3</i> [2], [3], [4] <i>chương 2</i> <i>mục 3</i>
LLO13	2. Trình bày được một quy trình thiết kế và triển khai một hoạt động đánh giá đối với môn GDCD ở một lớp cụ thể.	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân</i>	A1, A2	[1] <i>Chương 2.</i> <i>Mục 2.3</i> [2], [3], [4] <i>chương 2</i> <i>mục 3</i>

LLO14	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Thiết kế được quy trình đánh giá trên lớp gắn với một nội dung cụ thể trong chương trình GD CD ở trường phổ thông để phát triển năng lực người học.	- Thảo luận nhóm - Dạy học dự án	A1, A3,	[1] Chương 2. Mục 2.1, 2.2, 2.3; [2], [3], [4] chương 2 mục 1,2,3
LLO15	2. Kết hợp hình thức đánh giá cá nhân và đánh giá theo nhóm để tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh trong học tập môn GD CD.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3,	[1] Chương 2. Mục 2.1, 2.2, 2.3; [2], [3], [4] chương 2 mục 1,2,3
LLO16	3. Thực hành được quy trình đánh giá trên lớp trong dạy học môn GD CD qua đó tư vấn cho học sinh về xu hướng lựa chọn nghề nghiệp.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 2. Mục 2.1, 2.2, 2.3; [2], [3], [4] chương 2 mục 1,2,3
LLO11	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. So sánh được sự khác nhau giữa đo lường và đánh giá	- Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.	A1, A4	[1] Chương 2. Mục 2.1, 2.2, 2.3 [2], [3], [4] chương 2 mục 1,2,3
LLO12	2. Giải thích được mục đích, yêu cầu khi đánh giá trên lớp đối với môn GD CD.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.	A1, A4,	[1] Chương 2. Mục 2.1, 2.2, 2.3 [2], [3], [4] chương 2 mục 1,2,3
LLO1-LLO6 LLO11 LLO12 LLO13	* Kiểm tra (1 tiết) bài số 1	Làm bài tại lớp	A5	[1] Chương 1,2. [2], [3], [4] chương 2
LLO10LLO11	B. Nội dung tự học: (19 tiết) 1. Phân biệt được các hình thức và các loại bài kiểm tra trong dạy học GD CD 2. Khái niệm đo lường và đánh giá.	Tự học và hệ thống hóa các nội dung	A1	[1]

		tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên		Chương 2. Mục 2.1, 2.2, 2.3 [2], [3], [4] chương 2 mục 1,2,3
LLO12	3. Mục đích, yêu cầu khi đánh giá trên lớp đối với môn GD CD.	Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ.	A1	[1] Chương 2. Mục 2.1, 2.2, 2.3
LLO13	4. Mô tả được quy trình thiết kế và triển khai một hoạt động đánh giá đối với môn GD CD ở một lớp cụ thể.	Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy ghi chép vào vở.	A1	[1] Chương 2. [2], [3], [4] chương 2 mục 1,2,3

Chương 3: NỘI DUNG VÀ KỸ THUẬT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GD CD

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 3.1. Mục tiêu dạy học, mục tiêu học tập và vai trò của việc xác lập mục tiêu học tập trong đánh giá kết quả học tập môn GD CD 3.1.1. Mục tiêu dạy học 3.1.2. Mục tiêu học tập 3.1.3. Vai trò của việc xác lập mục tiêu học tập trong đánh giá kết quả học tập môn GD CD ở trường phổ thông	- Thuyết trình kết hợp PP nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	A1, A6, A7	[1] Chương 3. Mục 3.1 [2], [3], [4], chương 3 mục 1,2
LLO19	3.2. Đánh giá kết quả học tập 3.2.1. Khái niệm đánh giá kết quả học tập 3.2.2. Vai trò và chức năng của đánh giá kết quả học tập	- Thuyết trình kết hợp PP nêu vấn đề	A1, A6, A7	[1] Chương 3. Mục 3.2

				[2], [3], [4], <i>Chương 3 mục 1,2</i>
LLO20	3.3. Kỹ thuật đánh giá kết quả học tập môn GD&CD 3.3.1. Kỹ thuật quan sát 3.3.2. Kỹ thuật kiểm tra vấn đáp (kiểm tra miệng) 3.3.3. Kỹ thuật kiểm tra viết	- <i>Thuyết trình kết hợp đàm thoại</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A6, A7	[1] <i>Chương 3. Mục 3.3</i> [2], [3], [4], <i>Chương 3</i>
LLO18	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Phân biệt được mục tiêu dạy học, mục tiêu học tập và vai trò của việc xác lập mục tiêu học tập trong đánh giá kết quả học tập môn GD&CD ở trường phổ thông.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo trước lớp theo cá nhân hoặc nhóm</i>	A1, A2	[1] <i>Chương 3. Mục 3.1, 3.2, 3.3</i> [2], [3], [4], <i>Chương 3 mục 1, 2, 3</i>
LLO19	2. Xác định được vai trò và chức năng của đánh giá kết quả học tập môn GD&CD.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Báo cáo trước lớp theo nhóm</i>	A1, A2	[1] <i>Chương 3. Mục 3.1, 3.2, 3.3; [2], [3], [4], Chương 3 mục 1, 2, 3</i>
LLO21	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Thực hiện được kỹ thuật đánh giá quan sát gắn với một nội dung cụ thể của chương trình GD&CD lớp 10, 11, 12.	- <i>Đọc hiểu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai hoặc dạy học dự án</i>	A1, A3	[1] <i>Chương 3. Mục 3.2, 3.3</i> [2], [3], [4], <i>Chương 3 mục 1, 2, 3</i>
LLO22	2. Sử dụng được hình thức bảng kiểm để đánh giá hoạt động làm việc nhóm trên lớp của học sinh trong một tiết học cụ thể đối với môn GD&CD.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai hoặc dạy học dự án</i>	A1, A3	[1] <i>Chương 3. Mục 3.2, 3.3</i> [2], [3], [4], <i>Chương 3 mục 1, 2, 3</i>
LLO23	3. Thiết kế được sổ nhật ký, sổ theo dõi học sinh trong học tập môn GD&CD một cách sáng tạo.	- <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Đóng vai hoặc dạy học dự án</i>	A1, A3	[1] <i>Chương 3. Mục 3.2, 3.3</i> [2], [3], [4], <i>Chương 3 mục 1, 2, 3</i>

LLO24	4. Thực hiện được kỹ thuật đánh giá vấn đề gắn với một nội dung cụ thể của chương trình GD CD.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 3. Mục 3.2, 3.3 [2], [3], [4], chương 3 mục 1, 2, 3
LLO19	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Lấy ví dụ để làm sáng tỏ vai trò và chức năng của đánh giá kết quả học tập môn GD CD ở trường phổ thông.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 3. Mục 3.1, 3.2, [2], [3], [4], chương 3 mục 1, 2, 3
LLO20	2. Mô tả được các kỹ thuật đánh giá kết quả học tập môn GD CD ở trường phổ thông: kỹ thuật quan sát, kỹ thuật kiểm tra vấn đáp, kỹ thuật kiểm tra viết	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 3. Mục 3.2, 3.3 [2], [3], [4], chương 3 mục 1, 2, 3
LLO18 LLO19	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 1. Mục tiêu dạy học, mục tiêu học tập trong đánh giá kết quả học tập môn GD CD. 2. Vai trò và chức năng của đánh giá kết quả học tập môn GD CD ở trường phổ thông.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1] Chương 3. Mục 3.1, 3.2, 3.3 [2], [3], [4], chương 3 mục 1, 2, 3
LLO20	3. Quy trình thiết kế và triển khai một hoạt động đánh giá trên lớp.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học vào trong vở.	A1	[1] Chương 3. Mục 3.1, 3.2, [2], [3], [4], chương 3 mục 1, 2, 3
Chương 4: QUY TRÌNH VÀ KỸ THUẬT THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA, THI MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO25	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết) 4.1. Đặc thù của bài kiểm tra, thi môn GD CD	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề	A1, A6, A7	[1] Chương 4, mục 4.1

LLO26	4.2. Nguyên tắc và yêu cầu khi ra đề kiểm tra, thi môn GD&ĐT 4.2.1. Nguyên tắc 4.2.2. Yêu cầu	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu	A1, A6, A7	[1] Chương 4, mục 4.2
LLO27	4.3. Quy trình thiết kế đề kiểm tra, thi để đánh giá kết quả học tập của học sinh 4.3.1. Các bước thiết kế đề 4.3.2. Nhận xét và cho điểm	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề	A1, A6, A7	[1] Chương 4, mục 4.3
LLO28	4.4. Quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan và tự luận môn GD&ĐT 4.4.1. Quy trình thiết kế bài kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan (có nhiều phương án lựa chọn) 4.4.2. Quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi kiểu tự luận	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Đàm thoại	A1, A6, A7	[1] Chương 4, mục 4.4
LLO26	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Trình bày được nguyên tắc và yêu cầu khi ra đề kiểm tra, thi môn GD&ĐT	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp theo nhóm	A1, A2	[1] Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4
LLO28	2. Viết lại được quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan và tự luận.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp theo cá nhân	A1, A2,	[1] Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4
LLO29	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Thiết kế được một đề kiểm tra, một đề thi trắc nghiệm khách quan cho môn GD&ĐT và GDKT và PL.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4
LLO30	2. Thiết kế được một đề kiểm tra, một đề thi tự luận cho môn GD&ĐT và GDKT và PL.	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4
LLO27	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Mô tả được quy trình thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD&ĐT ở trường phổ thông.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.	A1, A4	[1] Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4

LLO25	2. Giải thích được tính đặc thù của bài kiểm tra môn GD CD ở trường phổ thông.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả của nhóm trước lớp.	A1, A4,	[1] <i>Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4</i>
LLO26	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 1. Nguyên tắc, yêu cầu khi ra đề kiểm tra, thi môn GD CD.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy.	A1	[1] <i>Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4</i>
LLO27	2. Quy trình thiết kế đề kiểm tra, thi để đánh giá kết quả học tập môn GD CD ở trường phổ thông.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy.	A1	[1] <i>Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4</i>
LLO28	3. Trình bày được quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra, thi trắc nghiệm khách quan và tự luận	- Tự học và hệ thống hóa nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy vào vở.	A1	[1] <i>Chương 4, mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4</i>

**Chương 5. HƯỚNG DẪN VÀ THỰC HÀNH XÂY DỰNG MA TRẬN
VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ MÔN GD CD**

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO31 LLO32	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 5.1. Hướng dẫn xây dựng ma trận và bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GD CD 5.1.1. Hướng dẫn xây dựng ma trận đề kiểm tra, thi môn GD CD 5.1.2. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GD CD	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Dạy học nêu vấn đề	A1, A6, A7	[1] <i>Chương 5. Mục 5.1</i>
LLO31 LLO33	5.2. Hướng dẫn xây dựng ma trận và bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL 5.2.1. Hướng dẫn xây dựng ma trận đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL 5.2.2. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL	- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu - Vấn đáp	A1, A6, A7	[1] <i>Chương 5. Mục 5.2</i>

LLO34	* Nội dung bài tập: (1 tiết) 1. Xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD CD lớp 6	- Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập trước lớp	A1, A2	[1] Chương 5. Mục 5.1, 5.2, 5.3, 5.4
LLO38	2. Xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL lớp 10	- Thảo luận nhóm - Báo cáo trước lớp	A1, A2	[1] Chương 5. Mục 5.1, 5.2, 5.3, 5.4
LLO35	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD CD lớp 7	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 5. Mục 5.1, 5.2, 5.3, 5.4
LLO36	2. Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD CD lớp 8	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 5. Mục 5.1, 5.2, 5.3, 5.4
LLO37	3. Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD CD lớp 9	- Thảo luận nhóm - Đóng vai hoặc dạy học dự án	A1, A3	[1] Chương 3. Mục 3.1, 3.2, 3.3
LLO39	4. Thực hành xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL lớp 11	- Thảo luận nhóm - Đóng vai	A1, A3	[1] Chương 3. Mục 3.1, 3.2
LLO40	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Xây dựng ma trận, bản đặc tả đề và thiết kế đề kiểm tra, thi môn GDKT&PL lớp 12.	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp.	A1, A4	[1] Chương 5. Mục 5.1, 5.2, 5.3, 5.4
LLO18,19,20 LLO25-28 LLO31,32	* Kiểm tra (1 tiết) bài số 2	Làm bài tại lớp	A6	[1] Chương 4 và chương 5.
LLO31 LLO32 LLO33	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 1. Quy trình xây dựng ma trận đề môn GD CD.	- Tự học: Nghiên cứu tài liệu và hệ thống	A1	[1]

	2. Bản đặc tả đề kiểm tra, thi môn GD&ĐT, GD&ĐT & PL 3. Thực hành xây dựng ma trận đề, bản đặc tả đề và thiết kế 1 đề kiểm tra minh họa cho môn GD&ĐT và GD&ĐT&PL.	hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy nộp sản phẩm cho GV		Chương 5. Mục 5.1, 5.2, 5.3, 5.4
--	---	---	--	-------------------------------------

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác:

7.50: 60PSR431, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (REGULARLY PRACTICE PEDAGOGICAL)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	18		36
2	Bài tập	15		56
3	Thực hành	15		
4	Thảo luận	20		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		70		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Triết học, kinh tế và PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
3	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
4	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn

5	TS Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
6	Ths Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
7	Ths Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Trình bày được vai trò, ý nghĩa, yêu cầu của rèn luyện các kỹ năng: thuyết trình, trình bày bảng, khai thác học liệu, sử dụng phương tiện và ứng dụng CNTT trong dạy học GDCD

* Về kỹ năng

CO2: Sử dụng thành thạo ngôn ngữ nói, thuyết trình trong dạy học GDCD

CO3: Sử dụng thành thạo kỹ năng viết và trình bày bảng trong dạy học GDCD

CO4: Khai thác và sử dụng thành thạo các loại học liệu trong dạy học GDCD

CO5: Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị và ứng dụng được CNTT trong dạy học GDCD

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Tự giác, tự chủ và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ

CO7: Sáng tạo, đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Luận giải được vai trò, ý nghĩa của kỹ năng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong dạy học phát triển năng lực người học	PLO2
	CLO2	Phân tích được nội dung cơ bản về quy trình thực hiện các kỹ năng rèn luyện: thuyết trình, trình bày bảng, khai thác học liệu, sử dụng phương tiện và ứng dụng CNTT trong dạy học GDCD	PLO4,6
Kỹ năng			
CO2	CLO3	Thực hiện thành thạo những kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong tổ chức các hoạt động giáo dục môn giáo dục công dân.	PLO4
	CLO4	Vận dụng những kỹ năng cơ bản trong việc thực hiện ngôn ngữ nói, thuyết trình trong tổ chức các hoạt động giáo dục.	PLO5,6,9

CO3	CLO5	Vận dụng được kỹ năng viết và trình bày bảng trong tổ chức các hoạt động giáo dục môn giáo dục công dân.	PLO5,6,9
CO4	CLO6	Thực hiện thành thạo các kỹ năng để khai thác và sử dụng các loại học liệu trong dạy học GD CD	PLO5,6,9,10
CO5	CLO7	Vận dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị hiện đại trong dạy học GD CD	PLO6,9,10
	CLO8	Vận dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục môn giáo dục công dân	PLO5,6,9,10,11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO9	Thể hiện được trách nhiệm tự giác, tự chủ và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ	PLO 5,10,11,14
CO7	CLO10	Thực hành ý thức sáng tạo, đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ dạy học và phát triển chuyên môn nghiệp vụ.	PLO10,14, 15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x													
CLO2				x		x									
CLO3				x											
CLO4					x	x			x						
CLO5					x	x			x						
CLO6					x	x			x	x					
CLO7						x			x	x					
CLO8					x	x			x	x	x				
CLO9					x					x	x			x	
CLO10										x				x	x
MDG	0	1	0	2	3	3	0	0	3	3	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong thực hiện các thao tác nghiệp vụ sư phạm như ngôn ngữ nói, thuyết trình, các kỹ năng viết và trình bày bảng, sử dụng phương tiện dạy

học, ứng dụng công nghệ thông tin góp phần tổ chức thành công một giờ dạy môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; thảo luận; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập/thảo luận: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân, 1 bài thảo luận nhóm
- Thực hành: Hoàn thành 3 bài thực hành cá nhân/ nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và giảng trước lớp

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 100%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 10
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2, 5, 7
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO3, 4, 8,9
4	A4. Chấm giáo án	25	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO3, 6, 9, 10
5	A5. Chấm giảng	50	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO1- 10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài	5,0	0 đến < 2,5 Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ	2,5 đến < 3,3 Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ	3,3 đến < 4,0 Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ	4,0 đến 5,0 Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham

và tham gia các hoạt động trong giờ học		vụ học tập được giao.	học tập được giao.	học tập được giao.	gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau

khí báo cáo và trả lời				còn vài chỗ chưa đồng bộ	trong khi báo cáo và trả lời
---------------------------	--	--	--	-----------------------------	---------------------------------

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thùy 2020, *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*, Nxb Đại học sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2021, *Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 6*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2022, *Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 7*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[4]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2023, *Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 8*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[5]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2024, *Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 9*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[6]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2022, *Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 10*, Nxb Đại học Huế.

[7]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2023, *Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 11*, Nxb Đại học Huế.

[8]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2024, *Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 12*, Nxb Đại học Huế.

[9]. Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh (2023), *Giáo trình phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

[10]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân*.

[11]. Nguyễn Thị Hương (2016), *Phương pháp dạy học GD&ĐT ở phổ thông- Giáo trình nội bộ*; NXB Đại học Thái Nguyên

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Đánh giá được vai trò của việc sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong tổ chức hoạt động giáo dục
LLO2	Phân tích được các kỹ năng, yêu cầu xây dựng bài thuyết trình trong đào tạo học môn giáo dục công dân
LLO3	Phân tích được quy trình xây dựng bài thuyết trình trong đào tạo học môn giáo dục công dân

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO4	Đánh giá được vai trò của việc trình bày bảng trong tổ chức hoạt động giáo dục
LLO5	Phân tích được yêu cầu của việc trình bày bảng trong tổ chức hoạt động giáo dục
LLO6	Vận dụng được các kỹ thuật của việc trình bày bảng trong tổ chức hoạt động giáo dục
LLO7	Thực hiện các kỹ năng khai thác các nguồn học liệu trong dạy học GDCC
LLO8	Thực hiện các kỹ năng xây dựng học liệu trong dạy học GDCC
LLO9	Thực hiện các kỹ năng sử dụng học liệu số và truyền thống trong dạy học GDCC
LLO10	Vận dụng quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học trong tổ chức hoạt động giáo dục
LLO11	Thực hiện các kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học trong tổ chức dạy học GDCC
LLO12	Thực hiện được việc xử lý các tình huống khi kết nối, sử dụng phương tiện dạy học
LLO13	Xây dựng được quy trình ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục môn giáo dục công dân
LLO14	Vận dụng công nghệ thông tin trong xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học môn giáo dục công dân.
LLO15	Vận dụng công nghệ thông tin trong thực hiện kiểm tra, đánh giá môn giáo dục công dân.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2	x	x								
LLO3		x	x							
LLO4	x		x	x						
LLO5			x	x	x		x			
LLO6			x	x	x	x	x			
LLO7					x	x	x	x		
LLO8						x	x	x	x	

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO9								X	X	X
LLO10				X			X	X	X	
LLO11						X		X	X	X
LLO12						X			X	X
LLO13							X	X	X	
LLO14								X	X	X
LLO15							X	X	X	X

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong dạy học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lý thuyết (5 tiết) 1.1. Vai trò và ý nghĩa của rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong dạy học 1.2. Nội dung rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong dạy học 1.2.1 Những yêu cầu cơ bản trong rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong dạy học 1.2.2 Quy trình rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong dạy học 1.3. Kỹ thuật thuyết trình hiệu quả 1.3.1 Sử dụng ngôn ngữ cơ thể, cử chỉ, điệu bộ 1.3.2 Sử dụng các phương tiện hỗ trợ thuyết trình	Sinh viên nghe giảng, nghiên cứu tài liệu	A1,A4, A5	[1] chương 1, chương 3 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 1 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4

LLO1, 2,3	*Nội dung thảo luận (4 tiết) Tại sao kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong dạy học có ý nghĩa quyết định trong môn GD&CD	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A3	[1] chương 1, chương 3 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 1 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO1, 2,3	*Nội dung bài tập (4 tiết) Phân tích những yêu cầu cơ bản khi sử dụng ngôn ngữ nói, thuyết trình trong dạy học	Sinh viên hoàn thành bài tập cá nhân	A2, A4	[1] chương 1, chương 3 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 1 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO1, 2,3	*Nội dung thực hành (5 tiết) Thuyết trình về chủ đề ứng phó với các tình huống nguy hiểm	Sinh viên hoàn thành bài thực hành của cá nhân	A4	[1] chương 1, chương 3 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 1 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO1, 2,3	B. Nội dung tự học: (23 tiết) Sinh viên tự tập giảng, soạn giáo án với những nội dung đã được giao.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu.	A1	[1] chương 1, chương 3 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 1 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
Chương 2. Rèn luyện kĩ năng viết và trình bày bảng trong dạy học				
LLO4, 5,6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết)	Sinh viên nghe giảng,	A1,A4, A5	[1] chương 1, chương 2

	* Nội dung lý thuyết (5 tiết) 2.1. Vai trò, ý nghĩa của rèn luyện kỹ năng viết và trình bày bảng trong dạy học 2.2. Nội dung cơ bản trong rèn luyện kỹ năng viết và trình bày bảng trong dạy học 2.2.1 Rèn luyện kỹ năng viết bảng 2.2.2 Rèn luyện kỹ năng trình bày bảng 2.2.3 Những yêu cầu khi viết, trình bày bảng	nghiên cứu tài liệu		[2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO4, 5,6	* Nội dung bài tập : (4 tiết) - Phân tích các yêu cầu cơ bản khi viết và trình bày bảng trong dạy học	Sinh viên bài tập và nộp cho giảng viên.	A2	[1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO4, 5,6	*Nội dung thảo luận (4 tiết) Tại sao kỹ năng trình bày bảng góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong môn GD CD	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.		[1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO4, 5,6	* Nội dung thực hành (5 tiết) Thực hành viết và trình bày bảng trong dạy học môn GD CD ở trường phổ thông	Sinh viên hoàn thành bài thực hành của cá nhân trên lớp	A3	1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO4, 5,6	* Bài kiểm tra định kỳ số 1: - Thời gian làm bài: 50 phút	Sinh viên hoàn thành	A3	[1] chương 1, chương 2

	- <i>Hình thức kiểm tra: tự luận</i>	bài kiểm tra cá nhân trên lớp		[2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO4, 5,6	B. Nội dung tự học:(26 tiết) Sinh viên chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ các sản phẩm để tập giảng, nộp giáo án cho giảng viên	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung.	A1	1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
Chương 3. Rèn luyện kỹ năng khai thác, xây dựng, sử dụng học liệu trong dạy học GDCD				
LLO7, 8,9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lý thuyết (6 tiết) 3.1. Rèn luyện kỹ năng khai thác thông tin trong dạy học GDCD 3.1.1. Kỹ năng khai thác thông tin trong các sách, báo, tạp chí in 3.1.2. Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet, truyền hình 3.2. Rèn luyện kỹ năng xây dựng học liệu trong dạy học GDCD 3.2.1. Kỹ năng xây dựng học liệu số 3.2.2. Kỹ năng xây dựng học liệu truyền thống 3.3. Rèn luyện kỹ năng sử dụng học liệu trong dạy học GDCD 3.3.1. Kỹ năng sử dụng học liệu số 3.3.2. Kỹ năng sử dụng học liệu truyền thống	Sinh viên nghe giảng, nghiên cứu tài liệu	A1,A4, A5	[1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4

LLO7, 8,9	* Nội dung bài tập cá nhân: (4 tiết) - Phân tích vai trò của học liệu số trong dạy học phát triển năng lực	Sinh viên bài tập và nộp cho giảng viên.	A2	[1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO7, 8,9	*Nội dung thảo luận (4 tiết) Tại sao rèn luyện kỹ năng sử dụng học liệu góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong môn GD&CD	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.		[1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO7, 8,9	* Nội dung thực hành (5 tiết) Thực hành khai thác hình ảnh, tư liệu trong dạy học các chủ đề GD&CD lớp 9	Sinh viên hoàn thành bài thực hành của cá nhân trên lớp	A3	1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO7, 8,9	B. Nội dung tự học:(23 tiết) Sinh viên chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ các sản phẩm để tập giảng, nộp giáo án cho giảng viên	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung.	A1	1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
Chương 4: Rèn luyện kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GD&CD				
LLO10 ,11,12,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết)	Sinh viên nghe giảng,	A1,A4, A5	[1] chương 1, chương 4

13,14, 15	* Nội dung lý thuyết (3 tiết) 4.1. Rèn luyện kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị trong dạy học GD&ĐT 4.1.1. Hệ thống các phương tiện, thiết bị dạy học 4.1.2. Rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học 4.1.3. Quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học 4.2. Rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GD&ĐT 4.2.1. Vai trò, ý nghĩa của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học 4.2.2. Sử dụng công nghệ thông tin trong thiết kế các hoạt động học tập trên lớp 4.2.2. Sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá.	nghiên cứu tài liệu.		[2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 3,4
LLO10 ,11,12, 13,14, 15	* Nội dung bài tập: (3 tiết) Anh chị hãy sơ đồ hóa các quy trình sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học	Sinh viên làm bài tập và nộp cho giảng viên.	A2,A4	[1] chương 1, chương 4 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 3,4
LLO10 ,11,12, 13,14, 15	*Nội dung thảo luận (3 tiết) Anh chị hãy đánh giá vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GD&ĐT theo hướng phát triển năng lực	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.		[1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO10 ,11,12,	* Nội dung thực hành (5 tiết)	Sinh viên hoàn thành	A3	[1] chương 1, chương 4

13,14, 15	1, Vận dụng các phần mềm dạy học hãy thiết kế và tổ chức hoạt động Khởi động trong dạy học môn GD&CD. 2, Thực hành xây dựng câu hỏi kiểm tra, đánh giá thông qua ứng dụng công nghệ thông tin.	bài thực hành của cá nhân trên lớp		[2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 3,4
LLO10 ,11,12, 13,14, 15	* Bài kiểm tra định kì số 2: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	Sinh viên hoàn thành bài kiểm tra cá nhân trên lớp	A3	[1] chương 1, chương 2 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 4
LLO10 ,11,12, 13,14, 15	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Sinh viên tự tập giảng, soạn giáo án với những nội dung đã được giao.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu.	A1	[1] chương 1, chương 4 [2][3] [4][5] [6][7][8] [9] Chương 2,3,4 [10] Mục I đến Mục VI [11] Chương 3,4

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị dạy học.

7.51: 60PEH431, Thực hành sư phạm GD&T&PL (TEACHING PRACTICE ECONOMICS AND LAW EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 30; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		56
2	Bài tập	5		36

3	Thực hành	20		
4	Thảo luận	5		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		60		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: 59MEH441-Phương pháp dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Triết học, kinh tế và PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
3	Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
4	Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
5	Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
6	Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
7	Ths Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1:Đánh giá được định hướng đổi mới thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông

CO2: Vận dụng được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong chương trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật vào thực tiễn giảng dạy.

* Về kỹ năng

CO3: Phát triển kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông.

CO4: Xây dựng được kế hoạch dạy học chi tiết trong một bài học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

CO5: Thực hiện hoạt động dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật theo định hướng phát triển năng lực người học.

CO6: Phát triển kỹ năng kiểm tra, đánh giá người học trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Thể hiện được trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các quá trình dạy học.

CO8: Tổ chức học tập, rèn luyện, hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng sư phạm trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Chỉ ra được cơ sở của định hướng đổi mới thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT	PLO 5
	CLO2	Phân biệt được giữa thiết kế bài dạy theo định hướng đổi mới với bài dạy kiểu truyền thống.	PLO 5
CO2	CLO3	Làm rõ được nội dung kiến thức môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông	PLO4
	CLO4	Áp dụng được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp để thực hành dạy học môn học ở trường phổ thông	PLO4, 9,10, 11
Kỹ năng			
CO3	CLO5	Xây dựng được kế hoạch để tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh.	PLO4, 9,11
	CLO6	Hình thành những kỹ năng cơ bản trong việc xây dựng các bước tiến hành hoạt động ngoài giờ lên lớp.	PLO9,11, 13
CO4	CLO7	Xác định được mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các bài học trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật	PLO5,9,10, 11
	CLO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học chi tiết trong một bài học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO5,10, 11
CO5	CLO9	Kết hợp các phương pháp thích hợp để thực hành dạy học môn Giáo dục Kinh tế & pháp luật	PLO5, 11
	CLO10	Thực hiện hoạt động dạy học thông qua các tiết tập giảng trên lớp.	PLO4, 5,10

CO6	CLO11	Xây dựng quy trình thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật	PLO4, 5, 11
	CLO12	Phát triển kỹ năng kiểm tra, đánh giá người học trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật.	PLO5, 11,14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO13	Thể hiện được trách nhiệm của người giáo viên trong các hoạt động dạy học	PLO 9,14, 15
CO8	CLO14	Thực hành ý thức tự giác, tích cực, chủ động, hợp tác trong rèn luyện, hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng sư phạm trong dạy học.	PLO9,15,14

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x			x										
CLO2		x			x										
CLO3				x	x										
CLO4				x	x	x			x						
CLO5				x	x	x			x						
CLO6					x	x			x	x					
CLO7					x				x	x	x				
CLO8				x	x					x	x				
CLO9					x					x	x				
CLO10					x	x				x					
CLO11					x						x				
CLO12					x	x				x	x			x	
CLO13						x			x	x				x	x
CLO14						x			x	x				x	x
MDG	0	1	0	2	3	3	0	0	3	3	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Thực hành sư phạm môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những định hướng đổi mới thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông; những kiến thức và

kỹ năng cơ bản để thiết kế giáo án và tổ chức thành công một giờ dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; thảo luận; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập/thảo luận: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân, 1 bài thảo luận nhóm
- Thực hành: Hoàn thành 3 bài thực hành cá nhân/ nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và giảng trước lớp

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 100%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 10
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2, 5, 7
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO3, 4, 9,10,11
4	A4. Chấm giáo án	25	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO3, 6, 9, 10,11,12
5	A5. Chấm giảng	50	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO1- 14

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
----------	------------	--------------------	---------------	---------------	----------------

Thảo luận nhóm (5,0 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2022), *Sách giáo khoa GDKT&PL lớp 10* Nxb Giáo dục, Hà Nội .
- [2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2023), *Sách giáo khoa GDKT&PL lớp 11* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2024), *Sách giáo khoa GDKT&PL lớp 12*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh (2023), *Giáo trình phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
- [5]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*
- [6]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân*.
- [7]. Nguyễn Thị Hường (2016), *Phương pháp dạy học GD&PT ở phổ thông- Giáo trình nội bộ*; NXB Đại học Thái Nguyên

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Đánh giá được mục tiêu cơ bản trong đổi mới xây dựng kế hoạch dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật
LLO2	Nhận biết được yêu cầu cơ bản khi thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học.
LLO3	Chứng minh được tính tất yếu của đổi mới thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.
LLO4	Đánh giá được những ưu điểm của thiết kế dạy học theo định hướng đổi mới
LLO5	So sánh được kế hoạch dạy học theo hướng phát triển năng lực người học và kế hoạch dạy học trong chương trình cũ
LLO6	Phác thảo nội dung kiến thức môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
LLO7	Xây dựng được kế hoạch môn học trên một số phần mềm dạy học
LLO8	Kết hợp được linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực trong xây dựng giáo án môn giáo dục kinh tế và pháp luật.
LLO9	Xây dựng được sơ đồ tư duy cho mỗi bài học thông qua thảo luận nhóm.
LLO10	Thực hành giảng dạy trên lớp các bài học cụ thể của môn học
LLO11	Thực hiện giáo dục ý thức học sinh thông qua học những kiến thức pháp luật.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO12	Tổ chức được các hoạt động ngoài giờ lên lớp thông qua các chủ đề học tập.
LLO13	Xây dựng được các tiêu chí của hoạt động kiểm tra, đánh giá qua bài học.
LLO14	Thực hành xây dựng công cụ tiến hành kiểm tra đánh giá môn giáo dục kinh tế và pháp luật
LLO15	Làm rõ được kết cấu của một số chuyên đề học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật
LLO16	Thiết kế được kế hoạch chi tiết các chuyên đề học tập của môn học.
LLO17	Tổ chức giảng dạy các chuyên đề học thông thông qua các giờ tập giảng trên lớp

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)													
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
LLO1	x													
LLO2	x	x												
LLO3		x	x											
LLO4	x		x	x										
LLO5			x	x	x		x							
LLO6				x	x	x	x							
LLO7					x	x	x	x						
LLO8						x	x	x	x					
LLO9								x	x	x				
LLO10				x			x	x	x					
LLO11						x		x	x	x				
LLO12						x			x	x	x	x	x	x
LLO13											x	x	x	x
LLO14											x	x	x	x
LLO15										x	x	x	x	x
LLO16											x	x	x	
LLO17												x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Định hướng đổi mới thiết kế bài dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT			
LLOs	Nội dung	Hình thức/	Học liệu

		phương pháp		
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,3	A.Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (8 tiết) 1.1 Cơ sở lí luận về chương trình dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học 1.2 Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật 1.3. Quy trình tổ chức hoạt động dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật. 1.4 Yêu cầu cơ bản khi thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học	Sinh viên nghe giảng	A1,A4 ,A5	[1] ,[2],[3] [4] Chương 1 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 1
LLO1, 2, 3,4	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Hãy giải thích và chứng minh tính tất yếu của đổi mới thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.	Sinh viên thảo luận cặp đôi	A1,A4 ,A5	[1] ,[2],[3] [4] Chương 1 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 1
LLO1, 2, 3,4	* Nội dung bài tập (1 tiết) Soạn 1 kế hoạch dạy học theo mẫu mới nhất của bộ Giáo dục và đào tạo.	Mỗi nhóm thiết kế 1 giáo án dạy học,nộp sản phẩm cho giảng viên	A3	[1] ,[2],[3] [4] Chương 1 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 1
LLO1, 2, 3,4	B. Nội dung tự học (18 tiết) Chuẩn bị nội dung được giao, thực hành tập giảng, soạn giáo án.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1] ,[2],[3] [4] Chương 1 [5] Mục I đến Mục VI

				[6] Mục I đến mục V [7] Chương 1
Chương 2. Thực hành dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật				
LLO4, 5, 6, 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (13 tiết) 2.1. Hướng dẫn thực hành dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 10 2.2. Hướng dẫn thực hành dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 11 2.3. Hướng dẫn thực hành dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 12	Sinh viên thực hành theo sự hướng dẫn của giảng viên	A1, A4, A5	[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
LLO5, 6, 7, 8	*Nội dung bài tập (2 tiết) - Xây dựng các sơ đồ tư duy cho các bài học cụ thể.	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A3	[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
LLO5, 6, 7, 8	*Nội dung thực hành (15 tiết) - Tập giảng các chủ đề trong môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 10,11,12 .	Sinh viên tích cực tập giảng theo yêu cầu của giảng viên	A3	[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
LLO5, 6, 7, 8	*Nội dung thảo luận (2 tiết) - Đánh giá phương pháp dạy học hiệu quả trong tổ chức hoạt động ngoại khóa.	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A3	[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
LLO5, 6,7, 8,9	* Bài kiểm tra định kì số 1: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	Sinh viên làm bài nghiêm túc, không sử dụng tài liệu	A5	1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4

LLO5, 6, 7, 8,9	B. Nội dung tự học: (48 tiết) Sinh viên tự tập giảng, soạn giáo án với những nội dung đã được giao.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu.	A1	[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
Chương 3: Thực hành dạy học chuyên đề học tập trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật				
LLO10 ,12, 13,16, 17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (7 tiết) 3.1. Hướng dẫn dạy học các chuyên đề học tập môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 10 3.2. Hướng dẫn dạy học các chuyên đề học tập môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 11 3.3. Hướng dẫn dạy học các chuyên đề học tập môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 12	Sinh viên thực hành giảng dạy các chuyên đề.	A1, A4, A5	[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
LLO11 ,12,14, 15	* Nội dung bài tập : (2 tiết) - Xây dựng các hoạt động ngoài giờ để tổ chức học tập chuyên đề.	Sinh viên bài tập và nộp cho giảng viên.	A2	[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
LLO11 ,12,14, 15	*Nội dung thực hành (5 tiết) - Tập giảng các chủ đề trong môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật lớp 10,11,12 .	Sinh viên tích cực tập giảng theo yêu cầu của giảng viên	A3	[[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
LLO11 ,12,14, 15	*Nội dung thảo luận (2 tiết) - Đánh giá phương pháp dạy học hiệu quả trong tổ chức hoạt động ngoại khóa.	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A3	[1] ,[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4

LLO11 ,12,14, 16,17	* Bài kiểm tra định kì số 2: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	Sinh viên làm bài nghiêm túc, không sử dụng tài liệu	A5	[1],[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4
LLO11 ,12,14, 16,17	B. Nội dung tự học:(26 tiết) Sinh viên chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ các sản phẩm để tập giảng, nộp giáo án cho giảng viên	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung.	A1	[1],[2],[3] [4] Chương 2,3,4 [5] Mục I đến Mục VI [6] Mục I đến mục V [7] Chương 2,3,4

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị dạy học.

7.52: 60ICE431, Dạy học tích hợp trong dạy học GDCD (INTEGRATED TEACHING IN TEACHING CIVIC EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		58
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	10		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		60		90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

71.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
72.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
73.	TS Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongntpoli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Trình bày được những vấn đề chung trong dạy học tích hợp môn GD CD ở trường phổ thông

CO2: Phân tích được quy trình và điều kiện tổ chức dạy học tích hợp trong môn GD CD ở trường phổ thông

* Về kỹ năng:

CO3: Xây dựng được một số chủ đề tích hợp và thiết kế được kế hoạch bài dạy các chủ đề dạy học tích hợp môn GD CD ở trường phổ thông

CO4: Tổ chức được giờ dạy học và thiết kế được các công cụ kiểm tra, đánh giá dạy học tích hợp môn GD CD ở trường phổ thông

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Tích cực, chủ động, sáng tạo trong làm việc cá nhân và làm việc nhóm để nghiên cứu, xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp môn GD CD ở trường phổ thông

74. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được quan niệm về tích hợp, dạy học tích hợp và dạy học tích hợp môn GD CD ở phổ thông.	PLO5,6,9,10
	CLO2	Chứng minh được vai trò của dạy học tích hợp theo chủ đề môn GD CD ở phổ thông và các mức độ tích hợp	PLO2,5,6,9,10
CO2	CLO3	Mô tả quy trình xây dựng các chủ đề tích hợp môn GD CD ở phổ thông	PLO5,6,9,10
	CLO4	Trình bày các điều kiện tổ chức dạy học tích hợp trong môn GD CD ở trường phổ thông	PLO5,6,9,10
	Kĩ năng		
CO3	CLO5	Thiết kế được một số chủ đề tích hợp trong dạy học môn GD CD ở trường phổ thông.	PLO4,5,6,9,10
	CLO6	Thiết kế được kế hoạch bài dạy các chủ đề dạy học tích hợp môn GD CD ở trường phổ thông	PLO4,5,6,9,10
CO4	CLO7	Tổ chức dạy học thành công giờ dạy chủ đề tích hợp môn GD CD ở phổ thông	PLO5,6,9,10,11

	CLO8	Thiết kế được các công cụ kiểm tra, đánh giá dạy học tích hợp môn GDCD ở trường phổ thông	PLO5,6,9,10,11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO9	Tích cực, chủ động làm việc cá nhân và làm việc nhóm để nghiên cứu, xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp môn GDCD ở trường phổ thông	PLO6,9,10 14
	CLO10	Hình thành tư duy đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu, xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp môn GDCD ở trường phổ thông	PLO6,9,10 14,15

75. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1					x	x			x	x					
CLO2		x			x	x			x	x					
CLO3					x	x			x	x					
CLO4					x	x			x	x					
CLO5				x	x	x			x	x					
CLO6				x	x	x			x	x					
CLO7					x	x			x	x	x				
CLO8					x	x			x	x	x				
CLO9						x			x	x				x	
CLO10						x			x	x				x	x
MĐG	0	1	0	2	3	3	0	0	3	3	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Dạy học tích hợp trong dạy học Giáo dục công dân” là một trong những môn học góp phần bồi dưỡng và hình thành ở sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thiết kế và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp môn giáo dục công dân một cách hiệu quả theo tinh thần đổi mới giáo dục phổ thông 2018. Nội dung học phần tập trung làm rõ vai trò của tổ chức dạy học tích hợp nói chung và tổ chức dạy học tích hợp môn giáo dục công dân ở phổ thông hiện nay. Đồng thời, giới thiệu quy trình xây dựng và tổ chức thực hành thiết kế, dạy học một số chủ đề tích hợp trong dạy học môn giáo dục công dân ở phổ thông gắn với chương trình phổ thông 2018

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học theo yêu cầu của giảng viên

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành cá nhân và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: nộp 01 chủ đề tích hợp, nộp 1 kế hoạch bài dạy tích hợp môn GDCTD theo yêu cầu của giảng viên.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	02	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-10
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1-10
4	A4. Thực hành nhóm	10	02	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 1-10
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Thi tự luận (đề mở)	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 – 10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng, lập luận sáng tạo, có căn cứ vững chắc
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa đầy đủ và không sáng tạo	Ý tưởng được đầy đủ, không sáng tạo	Ý tưởng được đầy đủ, sáng tạo ít	Ý tưởng được đầy đủ, rất sáng tạo

8.2.3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm và thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận, thực hành và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình

		thao tác, quy trình			
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành và đáp ứng các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Chỉ giải thích rõ ràng	Giải thích, CM tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Nộp báo cáo thực hành	1,0	0	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không nộp bài	Nộp quá thời gian gia hạn	Nộp trong thời gian gia hạn	Nộp đúng hạn

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương, Ngô Thị Lan Anh, Trần Thị Lan, *Đề cương bài giảng Day học tích hợp trong dạy học Giáo dục công dân*, 2025

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình môn GD CD*

[3]. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình tổng thể*

[4]. Nguyễn Thị Khương – Thái Hữu Linh (2023), *Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông*; NXB Đại học Thái Nguyên.

[5]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2022, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10*, Nxb Đại học Huế.

[6]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2023, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11*, Nxb Đại học Huế.

[7]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2024, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12*, Nxb Đại học Huế.

[8]. Các bộ Sách giáo khoa GD CD các lớp 6,7,8,9: *Cánh diều, Chân trời sáng tạo, Kết nối tri thức với cuộc sống* (Có thể sử dụng tái bản qua các năm)

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được quan niệm về tích hợp và dạy học tích hợp
LLO2	Trình bày được dạy học tích hợp môn GD CD ở phổ thông

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO3	Chứng minh được vai trò của dạy học tích hợp môn GDCD ở trường phổ thông
LLO4	Phân biệt được các hình thức/mức độ tích hợp trong dạy học môn GDCD ở trường phổ thông
LLO5	Trình bày quy trình dạy học tích hợp môn GDCD ở trường phổ thông
LLO6	Trình bày điều kiện tổ chức dạy học tích hợp môn GDCD ở trường phổ thông
LLO7	Đánh giá được những vấn đề đặt ra trong xây dựng các chủ đề tích hợp môn GDCD ở phổ thông.
LLO8	Thiết kế được một số chủ đề tích hợp nội môn môn GDCD ở trường PT
LLO9	Thiết kế được một số chủ đề tích hợp liên môn môn GDCD ở trường PT
LLO10	Thiết kế được kế hoạch bài dạy chủ đề tích hợp nội môn môn GDCD ở trường PT
LLO11	Thiết kế được kế hoạch bài dạy chủ đề tích hợp liên môn môn GDCD ở trường PT
LLO12	Thực hành tổ chức dạy học một số chủ đề tích hợp các nội dung giáo dục môn GDCD ở trường PT
LLO13	Giải thích được vì sao phải kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích hợp môn GDCD ở trường PT
LLO14	Trình bày được quy trình kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích hợp môn GDCD ở trường PT
LLO15	Thiết kế được các công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích hợp môn GDCD ở trường PT
LLO16	Thiết kế được ma trận đề kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích hợp môn GDCD ở trường PT
LLO17	Thực hành đánh giá trong dạy học tích hợp môn GDCD ở trường PT

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x								x	
LLO2	x								x	
LLO3		x							x	x
LLO4		x							x	x
LLO5			x						x	
LLO6				x					x	
LLO7			x	x					x	x
LLO8					x				x	x
LLO9					x				x	x

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO10						x			x	x
LLO11						x			x	x
LLO12							x		x	x
LLO13								x	x	x
LLO14								x	x	x
LLO15								x	x	x
LLO16								x	x	x
LLO17								x	x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung về dạy học tích hợp trong dạy học GD CD				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 1.1. Quan niệm về tích hợp và dạy học tích hợp 1.1.1. Quan niệm về tích hợp 1.1.2. Quan niệm về dạy học tích hợp	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - nêu vấn đề Yêu cầu SV: Trả lời câu hỏi của GV	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO2- LLO4	1.2. Đặc trưng cơ bản và các mức độ của dạy học tích hợp trong dạy học GD CD 1.2.1. Đặc trưng cơ bản của dạy học tích hợp trong dạy học GD CD 1.2.2. Các mức độ của dạy học tích hợp trong dạy học GD CD			[1] Đọc chương 1 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO5- LLO7	1.3. Quy trình và điều kiện tổ chức dạy học tích hợp trong dạy học GD CD 1.3.1. Quy trình tổ chức dạy học tích hợp trong dạy học GD CD 1.3.2. Điều kiện tổ chức dạy học tích hợp trong dạy học GD CD	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm Yêu cầu SV: Thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi theo nhóm	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO1- LLO7	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Vai trò của dạy học tích hợp trong môn GD CD? 2. Phân tích ưu, nhược điểm các hình thức tích hợp trong dạy học môn GD CD	- Định hướng sinh viên thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị đề	A1, A3	[1] Đọc chương 1 [2]-[8]: Đọc toàn bộ

	3. Chứng minh quy trình thiết kế một chủ đề dạy học tích hợp trong môn GDCD. 4. Phân tích các điều kiện cần thiết (thiết bị, học liệu...) để tổ chức dạy học tích hợp môn GDCD	cương thảo luận, nộp sản phẩm thảo luận.		
LLO1-LLO7	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) Tại sao phải dạy học tích hợp. Phân tích quy trình của dạy học tích hợp trong dạy học môn GDCD ở trường phổ thông	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm Yêu cầu sinh viên: Nghiên cứu tài liệu; Mô tả quy trình thiết kế kịch bản và trình bày sản phẩm trước lớp.	A1, A2	[1] Đọc chương 1 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO1-LLO7	B. Nội dung tự học: (20 tiết) -Làm bài tập được giao về nhà -Tóm tắt nội dung tự học	Hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu Yêu cầu sinh viên: Nghiên cứu tài liệu, sơ đồ hoá nội dung và trả lời câu hỏi của giảng viên thông qua diễn đàn học tập.	A1	[1] Đọc chương 1 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
Chương 2: Xây dựng chủ đề và thiết kế kế hoạch bài dạy tích hợp môn GDCD ở phổ thông				
LLO8-LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (28 tiết) * Nội dung lí thuyết: (15 tiết) 2.1. Xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp môn GDCD ở phổ thông 2.1.1. Phân tích chương trình và lựa chọn các chủ đề tích hợp môn GDCD ở trường phổ thông 2.1.2. Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn GDCD ở phổ thông 2.2. Thiết kế kế hoạch bài dạy các chủ đề dạy học tích hợp môn GDCD ở phổ thông	Thuyết trình Nêu vấn đề Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi phát vấn của GV	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO8-LLO11	*Nội dung thực hành: (3 tiết) Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp trong dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật cho các lớp: 10,11,12	Yêu cầu sinh viên: làm bài thực hành và báo cáo kết quả theo nhóm	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO8-LLO11	*Nội dung thảo luận nhóm: (5 tiết) Thiết kế 01 kế hoạch bài dạy các chủ đề dạy học tích hợp môn GDCD ở phổ thông (tự chọn trong chương trình môn GDKT&PL)	Yêu cầu SV: làm bài thực hành và báo cáo kết quả theo nhóm	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2 [2]-[8]: Đọc toàn bộ

LLO8-LLO11	*Nội dung bài tập (5 tiết) Thiết kế 01 kế hoạch bài dạy 1 chủ đề dạy học tích hợp môn GD&ĐT ở phổ thông cho lớp 10/11/12 môn GD&ĐT&PL	Yêu cầu SV: làm bài và nộp sản phẩm	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO8-LLO11	B. Nội dung tự học: (43 tiết) Đọc tài liệu Làm bài tập cá nhân	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập Nghiên cứu tài liệu, sơ đồ hoá nội dung và trả lời câu hỏi của giảng viên thông qua diễn đàn học tập.	A1	[1] Đọc chương 2 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO1-LLO11	Kiểm tra bài số 1 Lý thuyết: 01 Tự học: 02		A5	
Chương 3. Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá dạy học tích hợp môn GD&ĐT ở trường phổ thông				
LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lý thuyết: (10 tiết) 3.1. Tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp môn GD&ĐT ở trường phổ thông			[1] Đọc chương 3 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO13 - LLO17	3.2. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích hợp môn GD&ĐT ở trường phổ thông			[1] Đọc chương 3 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO12	* Nội dung thực hành: (7 tiết) Thực hành dạy học một số chủ đề tích hợp môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật	- Hướng dẫn sinh viên thực hành Yêu cầu sinh viên: Nghiên cứu tài liệu; thiết kế kịch bản, lựa chọn và trình bày sản phẩm trên lớp.	A1, A4	[1] Đọc chương 2 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO13 - LLO17	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Phân tích ưu, nhược điểm của các hình thức kiểm tra, đánh giá trong dạy học tích hợp môn GD&ĐT 2. Thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá một chủ đề dạy học tích hợp môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10/11/12	- Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Nghiên cứu tài liệu; hoàn thành đề cương, sản phẩm thảo luận - Báo cáo kết quả theo nhóm trước lớp	A1, A3	[1] Đọc chương 22 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO13 - LLO17	*Nội dung bài tập (3 tiết) Thiết kế đề kiểm tra, đánh giá một chủ đề dạy học tích hợp môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10/11/12	Tự làm bài cá nhân và nộp sản phẩm		[1] Đọc chương 3 [2]-[8]: Đọc toàn bộ

LLO12 - LLO17	B. Nội dung tự học: (43 tiết) Đọc tài liệu Làm bài tập cá nhân	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập Nghiên cứu tài liệu, sơ đồ hoá nội dung và trả lời câu hỏi của giảng viên thông qua diễn đàn học tập.	A1	[1] Đọc chương 3 [2]-[8]: Đọc toàn bộ
LLO12 - LLO17	Kiểm tra bài số 2 Lý thuyết: 01 Tự học: 03		A5	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đủ ánh sáng, bàn ghế
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu kết nối Internet, loa, mic, bảng chính, bảng phụ, tranh ảnh, bảng biểu...

7.53: 60TRA421, Thực tập sư phạm 1 (PEDAGOGICAL INTERNSHIP 1)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30 tiết
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	0		0
2	Bài tập	0		60
3	Thực hành	0		
4	Thảo luận	0		
5	Thực tập sư phạm 1	3 tuần		
6	Kiểm tra, đánh giá	0		
Tổng		30		60

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: Giáo dục học (60PEP431)
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Kinh tế - xã hội và Pháp luật; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

Giáo viên của trường phổ thông, nơi sinh viên được liên hệ và cử đi thực tập.

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, cơ cấu tổ chức và đặc điểm, tình hình của trường phổ thông – nơi sinh viên thực tập.

* Về kỹ năng

CO2: Hình thành được kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm và thực hiện được các tương tác sư phạm trong quá trình học tập.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO3: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và để khởi nghiệp, phát triển, đổi mới sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Hiểu được nội dung công việc giảng dạy của người giáo viên, của tổ bộ môn ở một trường học.	PLO2,5
	CLO2	Hiểu được các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, cho điểm, phân loại học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh và các loại tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục	PLO4,5
	CLO3	Hiểu được cơ cấu tổ chức, nội dung công tác và tình hình thực tế của nhà trường.	PLO4,5
Kỹ năng			
CO2	CLO4	Xây dựng được kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp cho cả đợt và từng tuần	PLO6,9,10,11,15
	CLO5	Sử dụng được kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	PLO6,9,10,11,14,15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO3	CLO6	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học một cách thành thạo vào làm việc độc lập, theo nhóm và để khởi nghiệp, phát triển, đổi mới sáng tạo..	PLO6,9,10,14,15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x			x										
CLO2				x	x										
CLO3				x	x										
CLO4						x			x	x	x				x
CLO5						x			x	x	x			x	x
CLO6						x			x	x				x	x
MDG	0	1	0	2	3	3	0	0	3	3	2	0	0	2	3

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Thực tập sư phạm 1 giúp người học hiểu được thực tế giáo dục phổ thông; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp; rèn kỹ năng giao tiếp với học

sinh và giáo viên ở cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, thực hiện đúng các yêu cầu của trường phổ thông.
- Hoàn thành hồ sơ thực tập: Kế hoạch thực tập chuyên môn; kế hoạch thực tập giáo dục; báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	A1. Thực tập chuyên môn	30	01	Rubric đánh giá kế hoạch Thực tập chuyên môn	CLO 1,2 CLO 4,5 CLO 6
2	A2. Thực tập giáo dục	70	01	Rubric đánh giá kế hoạch thực tập giáo dục	CLO 1,2 CLO 4,5 CLO 6

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá): Theo quy định.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10/10/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

[2] Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được nội dung công việc giảng dạy của người giáo viên, của tổ bộ môn ở một trường học.
LLO2	Trình bày được nội dung, chương trình, kế hoạch giảng dạy của cơ sở thực tập.
LLO3	Thiết lập được các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, cho điểm, phân loại học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh và các loại tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục
LLO4	Ghi được biên bản dự một giờ giảng đúng yêu cầu
LLO5	Phân tích được cơ cấu tổ chức, nội dung công tác và tình hình thực tế của nhà trường
LLO6	Thực hành xây dựng được kế hoạch công tác chủ nhiệm đối với từng khối lớp cho cả đợt và từng tuần phù hợp với đặc thù của nhà trường
LLO7	Thiết kế và tổ chức được buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn/Đội đáp ứng yêu cầu
LLO8	Tổ chức được các buổi lao động, văn nghệ, thể dục thể thao theo kế hoạch của nhà trường.
LLO9	Tự vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, tự học hỏi kinh nghiệm của giáo viên để lập và thực hiện được kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
------	------------------------------

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
LLO1	x	x	x			
LLO2	x	x	x			
LLO3		x		x		x
LLO4	x	x				x
LLO5	x		x			
LLO6				x		x
LLO7	x			x	x	x
LLO8	x			x	x	x
LLO9	x	x		x		x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Mở đầu				
dung Thực tế chuyên môn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	Nội dung Thực tế chuyên môn: 1.Tìm hiểu nội dung công việc giảng dạy của người giáo viên, của tổ bộ môn ở một trường học	<i>Tự học</i>	A1	[1], [2]
LLO2	2.Tìm hiểu nội dung, chương trình, kế hoạch giảng dạy của cơ sở thực tập		A1	[1], [2]
LLO3	3.Tìm hiểu các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, cho điểm, phân loại học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục theo từng cấp học, bậc học, ngành học		A1	[1], [2]
LLO4	4. Mỗi nhóm thực tập chuyên môn dự 06 tiết giảng của giáo viên cơ sở thực tập (các môn học khác nhau); tập ghi biên bản dự giờ; tập nhận xét, rút kinh nghiệm giờ giảng.	- Nghe giảng, ghi chép - Nhận xét, rút kinh nghiệm - Trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của GV	A1	
Nội dung Thực tế giáo dục				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO5 LLO6 LLO7 LLO9	* Nội dung Thực tế chuyên môn: 1. Vận dụng các kiến thức tâm lý học, giáo dục học vào thực tế. 2. Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, nội dung công tác và tình hình thực tế của nhà trường thông qua việc nghe các báo cáo của cơ sở thực tập và thực tế hoạt động của nhà trường. 3. Dự các buổi sinh hoạt lớp do giáo viên chủ nhiệm chủ trì, các buổi sinh hoạt Đoàn, Đội và các buổi sinh hoạt ngoại khoá, văn thể do giáo viên chủ trì.	<i>Tự học</i> - Dự giờ, ghi chép - Nhận xét, rút kinh nghiệm - Trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của giáo viên	A2	[1], [2]
LLO7 LLO8 LLO9	4. Trực tiếp tham gia làm chủ nhiệm ở một lớp: Xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm cho cả đợt và từng tuần, theo dõi tình hình đạo đức, học tập, sức khỏe, sinh hoạt của lớp có ghi chép nhận xét và tổ chức rút kinh nghiệm 5. Tham gia hướng dẫn các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, tổ chức các buổi lao động, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, tham quan, cắm trại phù hợp với đặc thù của nhà trường, địa phương và học sinh.	- Quan sát, theo dõi, nắm bắt tình hình lớp - Đôn đốc, nhắc nhở HS trong học tập và các hoạt động rèn luyện khác - Hướng dẫn các buổi sinh hoạt, lao động, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, tham quan, cắm trại - Học hỏi kinh nghiệm của GV	A2	[1], [2]
	B. Nội dung tự học: Hoàn thành kế hoạch thực tập giáo dục; Báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục	- Đọc tài liệu học tập, tìm hiểu điều kiện, đặc điểm của nhà trường và học sinh - Học hỏi kinh nghiệm của GV	A2	[1], [2]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học chuyên môn, phòng đợi của sinh viên thực tập: Rộng, sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Sinh viên có mặt trên trường phổ thông (cơ sở thực tập) theo kế hoạch học tập của khối/lớp thực tập.
- Phương tiện phục vụ: Máy tính, máy chiếu và các thiết bị đi kèm, mạng internet, bút dạ, giấy A0, giấy màu.
- Điều kiện khác: Loa, micro

7.54: 60TRA432, Thực tập sư phạm 2 (PEDAGOGICAL INTERNSHIP 2)**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45 tiết

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	0		0
2	Bài tập	0		90
3	Thực hành	0		
4	Thảo luận	0		
5	Thực tập sư phạm 2	7 tuần		
6	Kiểm tra, đánh giá	0		
Tổng		45		90

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*.

- Học phần học trước: Thực tập sư phạm 1 - 60TRA421

- Học phần học song hành: *Không*.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Kinh tế, xã hội và Pháp luật; Khoa: Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

Giáo viên của trường phổ thông, nơi sinh viên được liên hệ và cử đi thực tập sư phạm.

3. Mục tiêu của học phần (CO)*** Về kiến thức**

CO1: Vận dụng được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn GD&ĐT vào quá trình thực tập sư phạm.

*** Về kỹ năng**

CO2: Hoàn thiện những kỹ năng cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp.

CO3: Có kỹ năng cơ bản về sử dụng phương tiện dạy học, soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng.

CO4: Có được các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm và thực hiện các tương tác sư phạm trong quá trình học tập.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và đề khởi nghiệp, phát triển, đổi mới sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Hiểu được tình hình giáo dục của nhà trường, của địa phương nơi đến thực tập sư phạm	PLO2,4,5
	CLO2	Vận dụng được nội dung các hoạt động của tổ chuyên môn, chức năng nhiệm vụ của giáo viên, các hồ sơ, văn bản chuyên môn vào quá trình thực tập sư phạm.	PLO4, 5
	Kỹ năng		
CO2	CLO3	Lập được kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp trong cả đợt và từng tuần thực tập sư phạm	PLO5,6,9 10,15
	CLO4	Tổ chức được các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn, các buổi lao động, văn nghệ, thể dục thể thao...	PLO6,9,10,11,14,15
CO3	CLO5	Thiết kế được kế hoạch bài học (giáo án) và tổ chức giảng dạy cho học sinh theo đúng kế hoạch bài học đã xây dựng	PLO6,9,10,15
CO4	CLO6	Hình thành được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và thiết bị dạy học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.	PLO6,9,10,11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO7	Lập kế hoạch học tập và có trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được quy định trong học phần; đề khởi nghiệp, phát triển và đổi mới sáng tạo.	PLO14, 15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x		x	x										
CLO2				x	x										
CLO3					x	x			x	x					x
CLO4						x			x	x	x			x	x
CLO5						x			x	x					x
CLO6						x			x	x	x				
CLO7														x	x
MĐG	0	1	0	2	3	3	0	0	3	3	2	0	0	2	3

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng cơ bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, thực hiện đúng các yêu cầu của trường phổ thông.
- Hoàn thành hồ sơ thực tập: Kế hoạch thực tập chuyên môn; kế hoạch thực tập giáo dục; báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	-------------------	------------------	-------------------	------------

1	A1. Thực tập chuyên môn	70	01	Rubric đánh giá thực tập chuyên môn	CLO1, 2, 3, 4, 7
2	A2. Thực tập giáo dục	30	01	Rubric đánh giá thực tập giáo dục	CLO2, 5, 6, 7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá): Theo quy định.

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10/10/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

[2] Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Thị Khương, Phát triển chương trình, sách giáo khoa GDCC ở trường PT, NXB Đại học Thái Nguyên, 2021.

[4]. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình tổng thể*

[5]. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình môn Giáo dục công dân.*

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được tình hình giáo dục của nhà trường, của địa phương nơi đến thực tập sư phạm
LLO2	Vận dụng được nội dung các hoạt động của tổ chuyên môn, chức năng nhiệm vụ của giáo viên vào quá trình thực tập sư phạm.
LLO3	Sử dụng được các hồ sơ, văn bản chuyên môn vào quá trình thực tập sư phạm.
LLO4	Xây dựng được kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp
LLO5	Điều khiển được các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đoàn
LLO6	Tổ chức được các buổi lao động, văn nghệ, thể dục thể thao...
LLO7	Thiết kế được kế hoạch bài học (giáo án)
LLO8	Tổ chức giảng dạy cho học sinh theo đúng kế hoạch bài học đã xây dựng

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO9	Hình thành được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.
LLO10	Biết lập kế hoạch học tập, tự học cho bản thân, giúp đỡ, chia sẻ các nhiệm vụ của học phần với bạn học.
LLO11	Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong thời gian đi thực tập sư phạm.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)						
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LLO1	x					x	
LLO2		x	x	x		x	
LLO3		x	x	x			
LLO4	x	x	x			x	
LLO5				x		x	
LLO6	x			x		x	
LLO7		x			x	x	
LLO8		x			x	x	
LLO9						x	
LLO10						x	x
LLO11							x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Mở đầu				
Nội dung Thực tế giáo dục				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung Thực tế giáo dục: 1. Tìm hiểu tình hình giáo dục của nhà trường, của địa phương nơi đến thực tập	Tự học	A1	[1], [2]
LLO2 LLO3	2. Tìm hiểu kế hoạch của nhà trường, các kế hoạch của tổ chuyên môn (kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo			

	dục của tổ chuyên môn) và hồ sơ dạy học của giáo viên			
LLO4 LLO10 LLO11	3. Lập kế hoạch dạy học của cá nhân và kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp trong thời gian thực tập.	<i>Tự học</i>	A1	[3]
LLO5 LLO6 LLO9 LLO11	4. Hướng dẫn các buổi sinh hoạt lớp, tham gia các buổi sinh hoạt Đoàn của lớp thực tập. Phối hợp cùng tổ chuyên môn tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trong thời gian thực tập. Gặp gỡ, trao đổi với học sinh lớp thực tập	<i>Tự học</i>	A1	
Nội dung Thực tế chuyên môn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO10 LLO11	Nội dung Thực tập sư phạm: 1. Lập kế hoạch giảng dạy trong thời gian thực tập 2. Dự 2 tiết dạy do giáo viên hướng dẫn hoặc giáo viên dạy giỏi thực hiện	<i>Tự học</i>	A2	[1], [2], [3]
LLO7 LLO8 LLO9 LLO11	3. Soạn ít nhất 07 giáo án; chuẩn bị đồ dùng dạy học 4. Tự tập giảng tất cả các giáo án đã soạn. 5. Lên lớp dạy học dưới sự chỉ đạo của giáo viên hướng dẫn.	<i>Tự học</i>	A2	[1], [2], [3], [4], [5]
LLO1- LLO11	B. Nội dung tự học: Hoàn thành kế hoạch thực tập giáo dục; Báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục	<i>Đọc tài liệu học tập</i>	A2	[1], [2]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phụ thuộc vào cơ sở giáo dục
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu: Phụ thuộc vào cơ sở giáo dục

7.55: 60DOE431, Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học GD CD (DEVELOP PLANS AND ORGANIZE)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		56
2	Bài tập	10		36
3	Thực hành	10		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		60		92

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước:

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Triết học, kinh tế và PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
3	TS Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
4	Ths Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được những vấn đề lí luận chung về kế hoạch dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học môn GD CD

CO2: Phân biệt được các kế hoạch dạy học và giáo dục môn GD CD ở trường phổ thông

CO3: Phân tích được các bước xây dựng các kế hoạch dạy học và giáo dục, kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa môn GD CD ở trường phổ thông

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng thiết kế các kế hoạch dạy học và giáo dục môn GD CD ở trường phổ thông

CO5: Hình thành kỹ năng tổ chức dạy học phát triển năng lực học sinh trong dạy học môn GD CD ở trường phổ thông

CO6: Hình thành kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động ngoại khóa môn GD CD ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Tự giác, tự chủ và hợp tác với đồng nghiệp trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục.

CO8: Sáng tạo, đổi mới trong thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Phân tích được quan niệm, vai trò, ý nghĩa của xây dựng kế hoạch dạy học	PLO2,5
	CLO2	Phân tích được các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng kế hoạch dạy học	PLO2,5
CO2	CLO3	Phân tích được các yêu cầu cơ bản trong xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn	PLO2,4,5
	CLO4	Phân tích được các yêu cầu cơ bản trong xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên	PLO4, 5,6,9
	CLO5	Phân tích được các yêu cầu cơ bản trong xây dựng kế hoạch bài dạy của giáo viên	PLO4, 5,6,9
CO3	CLO6	Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn	PLO4, 5,6,9,10
	CLO7	Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên	PLO4, 5,6,10,11
	CLO8	Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch bài dạy của giáo viên	PLO4,5,6,9,10,11
	CLO9	Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa môn GD CD ở trường phổ thông	PLO5,9,10,11
Kĩ năng			
CO4	CLO10	Thiết kế được kế hoạch dạy học và giáo dục môn GD CD ở trường phổ thông của tổ chuyên môn	PLO 5,6, 9,10,11
	CLO11	Thiết kế được kế hoạch dạy học và giáo dục môn GD CD ở trường phổ thông của giáo viên	PLO 5,10,11
	CLO12	Thiết kế được kế hoạch bài dạy môn GD CD ở trường phổ thông	PLO 6,10,11

CO5	CLO13	Thực hiện thành thạo tổ chức dạy học theo lớp để phát triển năng lực học sinh trong dạy học môn GDCD ở trường phổ thông	PLO6,9,10,
	CLO14	Thực hiện thành thạo tổ chức dạy học theo nhóm để phát triển năng lực học sinh trong dạy học môn GDCD ở trường phổ thông	PLO6,9,10,14
CO6	CLO15	Thiết kế được kế hoạch hoạt động ngoại khóa môn GDCD ở trường phổ thông.	PLO 9,10,14
	CLO16	Tổ chức thành thạo các hoạt động ngoại khóa môn GDCD ở trường phổ thông.	PLO9,10,14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO17	Tự giác, tự chủ, có tinh thần trách nhiệm trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục.	PLO14,15
	CLO18	Hợp tác với đồng nghiệp trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục.	PLO14,15
CO9	CLO19	Sáng tạo, đổi mới trong thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục	PLO14,15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x			x										
CLO2		x			x										
CLO3		x		x	x										
CLO4				x	x	x			x						
CLO5				x	x	x			x						
CLO6				x	x	x			x	x					
CLO7				x	x	x				x	x				
CLO8				x	x	x			x	x	x				
CLO9					x				x	x	x				
CLO10					x	x			x	x	x				
CLO11					x					x	x				
CLO12						x				x	x				
CLO13						x			x	x					
CLO14						x			x	x				x	
CLO15									x	x				x	

CLO16									X	X				X	
CLO17														X	X
CLO18														X	X
CLO19														X	X
MDG	0	1	0	2	3	3	0	0	3	3	2	0	0	2	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học GDCTD cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những định hướng đổi mới xây dựng kế hoạch và tổ chức bài dạy học môn GDCTD ở trường phổ thông; những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thiết kế giáo án và tổ chức thành công một giờ dạy. Học phần trang bị cho người học những cơ sở lý luận và cách thức tổ chức hoạt động ngoại khóa nhằm hình thành và phát triển năng lực người học

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; thảo luận; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập/thảo luận: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân, 1 bài thảo luận nhóm
- Thực hành: Hoàn thành 3 bài thực hành cá nhân/ nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và giảng trước lớp

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 19
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 4, 5, 7, 11
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, 3, 8, 10, 11, 12

4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO5, 6, 8, 10,15,16,17, 18,19
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO3,5,7,8 9,10,11,12,14,15,16,17,18,19
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	- Đáp án, thang điểm - Rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1 - 19

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					

Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2021, *Sách giáo khoa môn GDCD lớp 6*, Nxb Giáo dục Việt Nam
- [2]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2022, *Sách giáo khoa môn GDCD lớp 7*, Nxb Giáo dục Việt Nam
- [3]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2023, *Sách giáo khoa môn GDCD lớp 8*, Nxb Giáo dục Việt Nam
- [4]. Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) 2024, *Sách giáo khoa môn GDCD lớp 9*, Nxb Giáo dục Việt Nam
- [5]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2022, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10*, Nxb Đại học Huế.
- [6]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2023, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11*, Nxb Đại học Huế.

[7]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) 2024, *Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12*, Nxb Đại học Huế.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[8]. Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh (2023), *Giáo trình phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

[9]. Bộ Giáo dục &Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân*.

[10]. Nguyễn Thị Hường (2016), *Phương pháp dạy học GD&CD ở phổ thông- Giáo trình nội bộ*; NXB Đại học Thái Nguyên

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân tích được vai trò của kế hoạch dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học môn GD&CD
LLO2	Đánh giá được ý nghĩa của kế hoạch dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học môn GD&CD
LLO3	Vận dụng các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học môn GD&CD ở trường phổ thông.
LLO4	Phân tích được các khái niệm, ý nghĩa, vai trò của giáo viên trong xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn
LLO5	Phân tích được các yêu cầu cơ bản trong xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn
LLO6	Phân tích được quy trình xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn
LLLO7	Phân tích được các khái niệm, ý nghĩa, vai trò của giáo viên trong xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục
LLO8	Phân tích được các yêu cầu, quy trình trong xây dựng kế hoạch dạy học của giáo viên trong môn GD&CD
LLO9	Phân tích được vai trò xây dựng kế hoạch bài dạy học của giáo viên
LLO10	Phân tích được các yêu cầu, quy trình trong xây dựng kế hoạch dạy học của giáo viên trong môn GD&CD
LLO11	Đánh giá được vai trò của tổ chức dạy học theo lớp trong môn GD&CD ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực.
LLO12	Nhận biết được yêu cầu cơ bản khi tổ chức dạy học theo lớp trong môn GD&CD ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO13	Phân tích được hình thức, quy trình thực hiện tổ chức dạy học theo lớp trong môn GD CD ở trường phổ thông
LLO14	Phân tích được ưu điểm, hạn chế của tổ chức dạy học theo lớp trong môn GD CD ở trường phổ thông
LLO15	Đánh giá được vai trò của tổ chức dạy học theo nhóm trong môn GD CD ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực.
LLO16	Nhận biết được yêu cầu cơ bản khi tổ chức dạy học theo nhóm trong môn GD CD ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực.
LLO17	Phân tích được hình thức, quy trình thực hiện tổ chức dạy học theo nhóm trong môn GD CD ở trường phổ thông
LLO18	Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động ngoại khóa
LLO19	Phân tích được các hình thức cơ bản trong tổ chức hoạt động ngoại khóa
LLO20	Làm rõ được quy trình xây dựng và tổ chức hoạt động ngoại khóa trong môn GD CD ở trường phổ thông
LLO21	Tổ chức được các hoạt động ngoại khóa thông qua các chủ đề học tập .
LLO22	Đánh giá được kết quả của hoạt động ngoại khóa nhằm phát triển năng lực người học.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)																		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
LLO1	x																		
LLO1	x	x																	
LLO2																			
LLO3		x	x																
LLO4	x		x	x															
LLO5				x	x		x												
LLO6					x	x	x												
LLO7						x	x	x											
LLO8							x	x	x										
LLO9								x	x	x									
LLO10				x			x		x										
LLO11						x			x	x									
LLO12						x				x	x	x	x	x					

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)																		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
LLO13											x	x	x	x					
LLO14											x		x	x					
LLO15										x				x					
LLO16											x	x	x		x				
LLO17													x		x				
LLO18													x		x	x	x		
LLO19																x	x	x	
LLO20																x	x	x	x
LLO21																x	x	x	x
LLO22																			x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề lí luận chung về kế hoạch dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Quan niệm, vai trò, ý nghĩa của xây dựng kế hoạch dạy học 1.1.1. Quan niệm về kế hoạch dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học 1.1.2. Vai trò, ý nghĩa của xây dựng kế hoạch dạy học 1.2. Các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng kế hoạch dạy học	Sinh viên nghe giảng	A1,A4 ,A5	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 1 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 1,2
LLO1, 2,3	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Hãy chứng minh tính tất yếu của đổi mới xây dựng kế hoạch dạy học	Sinh viên thảo luận và trình bày sản phẩm theo nhóm	A1,A4	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 1 [9] Mục I đến mục V

				[10] Chương 1,2
LLO1, 2,3	B. Nội dung tự học (8 tiết) Sinh viên tự nghiên cứu bài học thông qua những nội dung đã được giao.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 1 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 1,2
Chương 2. Kế hoạch dạy học và giáo dục môn GDCTD ở trường phổ thông				
LLO4, 5,6,7,8 ,9, 10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (18 tiết) 2.1. Kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn 2.1.1. Khái niệm, ý nghĩa, vai trò của giáo viên của xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn 2.1.2. Các yêu cầu cơ bản trong xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn 2.1.3. Cấu trúc và quy trình xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn 2.2. Kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên 2.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên 2.2.2. Các yêu cầu cơ bản trong xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên 2.2.3. Cấu trúc và quy trình xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của giáo viên 2.3. Kế hoạch dạy học bài dạy của giáo viên	Sinh viên nghiên cứu tài liệu, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập	A1, A4, A5, A6	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4

	2.3.1. Khái niệm, ý nghĩa của xây dựng kế hoạch bài dạy học của giáo viên 2.3.2. Các yêu cầu cơ bản trong xây dựng kế hoạch bài dạy học của giáo viên 2.3.3. Cấu trúc và quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy học của giáo viên			
LLO4, 5,6,7,8 ,9, 10	*Nội dung thảo luận (5 tiết) - Anh chị hãy đánh giá tầm quan trọng của kế hoạch dạy học tổ chuyên môn đối với giáo viên và ban giám hiệu nhà trường.	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A3	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
LLO4, 5,6,7,8 ,9, 10	* Nội dung bài tập (6 tiết) So sánh điểm giống và khác nhau giữa xây dựng kế hoạch dạy học theo chương trình giáo dục 2018 và chương trình cũ	Sinh viên hoàn thành bài tập cá nhân đúng quy định	A3	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
LLO4, 5,6,7,8 ,9, 10	*Nội dung thực hành (7 tiết) Hãy xây dựng kế hoạch dạy học các chủ đề giáo dục đạo đức trong môn GD CD lớp 6	Sinh viên thực hành theo sự hướng dẫn của giảng viên	A3	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
LLO4, 5,6,7,8 ,9, 10	* Bài kiểm tra định kì số 1: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	Sinh viên hoàn thành bài kiểm tra đúng quy định	A5	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
LLO4, 5,6,7,8 ,9, 10	B. Nội dung tự học: (57 tiết) Sinh viên tự tập giảng, soạn giáo án với những nội dung đã được giao.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu.	A1	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
Chương 3: Tổ chức dạy học phát triển năng lực người học				
LLO11 ,12,13, 14,15, 16,17,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (17 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết)	Sinh viên nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tích	A1, A4, A5, A6	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4

18,19, 20,21, 22	3.1. Tổ chức dạy học theo lớp 3.1.1 Vai trò, ý nghĩa của tổ chức dạy học theo lớp 3.1.2 Yêu cầu cơ bản trong tổ chức dạy học theo lớp 3.1.3 Ưu điểm, hạn chế tổ chức dạy học theo lớp 3.2. Tổ chức dạy học theo nhóm 3.2.1 Vai trò, ý nghĩa của tổ chức dạy học theo nhóm 3.2.2 Yêu cầu cơ bản trong tổ chức dạy học theo nhóm 3.2.3 Ưu điểm, hạn chế tổ chức dạy học theo nhóm 3.3. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa 3.3.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa 3.3.2. Tổ chức hoạt động ngoại khóa theo hướng phát triển năng lực	cực thực hiện nhiệm vụ học tập		
LLO11 ,12,13, 14,15, 16,17, 18,19, 20,21, 22	* Nội dung bài tập: (4 tiết) Hãy phân tích sơ đồ hóa quy trình xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động ngoại khóa	Sinh viên bài tập và nộp cho giảng viên.	A2	[1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
LLO11 ,12,13, 14,15, 16,17, 18,19, 20,21, 22	*Nội dung thảo luận (3 tiết) Đánh giá vai trò của tổ chức dạy học theo nhóm trong dạy học phát triển năng lực.	Các nhóm thảo luận làm việc, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A2	1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
LLO11 ,12,13,	*Nội dung thực hành (3 tiết)	Sinh viên thực hành theo sự	A3	1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4

14,15, 16,17, 18,19, 20,21, 22	Hãy xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học theo lớp khóa trong các chuyên đề môn GDKT và PL lớp 10	hướng dẫn của giảng viên		[9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
LLO11 ,12,13, 14,15, 16,17, 18,19, 20,21, 22	* Bài kiểm tra định kỳ số 2: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận	Sinh viên hoàn thành bài kiểm tra đúng quy định	A5	1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4
LLO11 ,12,13, 14,15, 16,17, 18,19, 20,21, 22	B. Nội dung tự học:(27 tiết) Sinh viên chuẩn bị kỹ lưỡng, đầy đủ các sản phẩm để tập giảng, nộp giáo án cho giảng viên	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung.	A1	1] ,[2],[3],[4],[5] [6], [7] [8] Chương 2,3,4 [9] Mục I đến mục V [10] Chương 3,4

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị dạy học.

7.56: 60PSC431, Xử lý tình huống sư phạm GD CD (PROCESS SITUATIONS CIVIC EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	08		32
3	Thực hành	08		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Tổ Triết học, kinh tế và phương pháp dạy học; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
3	Th.s Thái Hữu Linh	0388 644 227	linhth@tnue.edu.vn
4	TS Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những vấn đề chung về xử lý tình huống sư phạm môn GD CD.

CO2: Áp dụng được các quy trình xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành những kỹ năng cơ bản để xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD

CO5: Vận dụng những kỹ năng đã học để xử lý những tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thể hiện được trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các tình huống sư phạm;

CO7: Tích cực, chủ động trong rèn luyện, hoàn thiện các kỹ năng để xử lý tốt những tình huống sư phạm nảy sinh trong dạy học môn GD CD.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		

CO1	CLO1	Trình bày được khái niệm tình huống sư phạm môn GD CD, các yếu tố trong tình huống sư phạm môn GD CD	PLO4
	CLO2	Tóm tắt được những quan điểm chỉ đạo chung và các yêu cầu cần đảm bảo khi xây dựng tình huống sư phạm để dạy học môn GD CD	PLO4,5
CO2	CLO3	Phân loại được một số tình huống sư phạm thường gặp trong dạy học môn GD CD	PLO4,5
	CLO4	Áp dụng được quy trình xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD	PLO5
Kĩ năng			
CO3	CLO5	Giải quyết được dấu hiệu nảy sinh các tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD	PLO9
	CLO6	Thực hiện nhuần nhuyễn các kỹ năng như sưu tầm, xây dựng THSP; kỹ năng xử lý THSP, kỹ năng ứng xử trong các mối quan hệ xã hội...	PLO9,13
CO4	CLO7	Chỉ ra những phương pháp tối ưu để xử lý tốt những tình huống sư phạm nảy sinh trong dạy học môn GD CD	PLO9,11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO8	Thực hành ý thức trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các tình huống sư phạm	PLO13
CO6	CLO9	Thể hiện thái độ đúng đắn trong học tập, tự giác, tích cực, chủ động tìm tòi, sưu tầm, xây dựng các THSP trong môn GD CD	PLO13
	CLO10	Bình tĩnh, tự tin trong giải quyết tình huống sư phạm nảy sinh trong dạy học môn GD CD	PLO13

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (GPLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (GPLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1					x				x				x		

CLO2				x	x				x				x		
CLO3				x	x				x				x		
CLO4				x					x				x		
CLO5									x				x		
CLO6									x				x		
CLO7									x		x		x		
CLO8									x				x		
CLO9									x				x		
CLO10									x				x		
MĐG	0	0	0	2	2	0	0	0	3	0	1	0	3	0	0

Ghi chú: “0” = không đóng góp; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Xử lý tình huống sư phạm môn GD CD cung cấp các kiến thức cơ bản về xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD như lý luận chung về tình huống sư phạm; các thành phần cơ bản của tình huống sư phạm môn GD CD; các kỹ năng cơ bản trong xử lý tình huống sư phạm môn GD CD; một số tình huống sư phạm thường gặp trong dạy học môn GD CD. Học phần này có quan hệ với học phần phát triển kỹ năng con người và các học phần nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân, 2 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm, 1 bài thực hành cá nhân và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 3, 7, 9
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, 4, 7, 10
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3, 5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO3, 4, 8, 10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 - 10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80%

					nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác	Tương tác tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác khá tốt	Tương tác tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng ít câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi
Nhóm phối hợp tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Ít phối hợp trong nhóm trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn chưa tốt	Nhóm phối hợp tốt trong khi báo cáo và trả lời

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bùi Thị Mùi (2004), *Tình huống sư phạm trong công tác GDHS THPT*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thị Khương, *Đề cương bài giảng môn Xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GDCD*

[3]. Nguyễn Đình Chính (1995), *Bài tập tình huống quản lý giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Phân loại các tình huống sư phạm trong dạy học môn GDCD
LLO2	Phân tích các yếu tố trong tình huống sư phạm môn GDCD
LLO3	Phác thảo được những yêu cầu cần đảm bảo để thực hiện tốt việc xây dựng tình huống sư phạm để dạy học môn GDCD ở trường phổ thông

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO4	Giải quyết được tình huống sự phạm để dạy học môn GDCC ở trường phổ thông
LLO5	Thiết kế được một số tình huống sự phạm trong dạy học môn GDCC ở THPT
LLO6	So sánh được tình huống sự phạm trong dạy học môn GDCC ở THCS và THPT
LLO7	Thực hành xử lý tình huống sự phạm trong dạy học môn GDCC ở THCS
LLO8	Thực hành xử lý tình huống sự phạm trong dạy học môn GDCC ở THCS
LLO9	Xây dựng được các bước tiến hành xử lý tình huống sự phạm trong dạy học môn GDCC.
LLO10	Thiết kế được cuộc thi ứng xử sự phạm trong dạy học môn GDCC thông qua làm nhóm
LLO11	Đề xuất được cách xử lý tình huống sự phạm trong thực tiễn giảng dạy môn GDCC
LLO12	Lựa chọn quy trình xử lý tình huống sự phạm tối ưu nhất trong hoạt động giảng dạy môn GDCC

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2	x	x								
LLO3		x				x				
LLO4				x	x					x
LLO5				x		x			x	
LLO6			x					x		
LLO7				x			x	x		
LLO8				x			x	x		
LLO9			x		x					x
LLO10						x	x	x		
LLO11									x	x
LLO12							x			x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về tình huống sư phạm				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm chung 1.1.1. Khái niệm tình huống 1.1.1. Khái niệm tình huống sư phạm 1.1.1. Khái niệm tình huống sư phạm môn GD CD 1.2. Các yếu tố trong tình huống sư phạm môn GD CD 1.2.1. Cái đã biết trong tình huống sư phạm môn GD CD 1.2.2. Cái chưa biết trong tình huống sư phạm môn GD CD 1.2.3. Trạng thái tâm lý trong tình huống sư phạm môn GD CD	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A5, A6	[1]. Đọc chương 1 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
LLO1, LLO2	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) Phân tích các yếu tố trong tình huống sư phạm môn GD CD	Bài tập nhóm	A2	[1]. Đọc chương 1 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
LLO1, 2	* Nội dung thảo luận (4 tiết): Vẽ sơ đồ thể hiện sự phân loại trong tình huống sư phạm môn GD CD	Thảo luận nhóm	A3	[1]. Đọc chương 1 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ

	B. Nội dung tự học (16 tiết) Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những kiến thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp nếu có.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1]. Đọc chương 1 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
Chương 2: Xây dựng và sử dụng tình huống sư phạm để dạy học môn GCDC ở trường phổ thông				
LLO3, 4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Quan điểm chỉ đạo chung 2.1.1. Trong xây dựng tình huống sư phạm môn GCDC 2.1.2. Trong sử dụng tình huống sư phạm môn GCDC 2.2. Những điều kiện và yêu cầu cần đảm bảo để thực hiện tốt việc xây dựng và sử dụng tình huống sư phạm để dạy học môn GCDC ở trường phổ thông 2.2.1. Những điều kiện cần đảm bảo để thực hiện tốt việc xây dựng và sử dụng tình huống sư phạm để dạy học môn GCDC ở trường phổ thông	Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn.	A1, A5, A6	[1]. Đọc chương 2 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
LLO5, 6	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) Để thực hiện tốt việc xây dựng và sử dụng tình huống sư phạm để dạy học môn GCDC ở trường phổ thông cần những điều kiện và yêu cầu nào? Hãy phân tích và liên hệ	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A3	[1]. Đọc chương 2 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ

	thực tiễn hiện nay ở các nhà trường phổ thông?			
	B. Nội dung tự học: (14 tiết) Sinh viên chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của giảng viên. Làm bài thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên	GV giao nhiệm vụ, SV làm việc nhóm	A1	[1]. Đọc chương 2 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
	Kiểm tra Lý thuyết: 1 tiết Tự học: 3 tiết		A5	
Chương 3. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD				
LLO7, 8, 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (10 tiết) 3.1. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD ở trường THCS 3.1.1. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD lớp 6 3.1.2. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD lớp 7 3.1.3. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD 8 3.1.4. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD 9 3.2. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1,A5, A6	[1]. Đọc chương 3 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ

	môn GDKT&PL ở trường THPT 3.2.1. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GDCD lớp 10 3.2.2. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GDCD lớp 11 3.2.3. Thực hành xây dựng tình huống sư phạm trong dạy học môn GDCD lớp 12			
LLO8, 9	* Nội dung bài tập cá nhân (3 tiết) Phân biệt tình huống sư phạm trong dạy học môn GDCD ở cấp THCS với cấp THPT.	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A2	[1]. Đọc chương 3 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
LLO8, 9	Thực hành nội dung đã học (5 tiết)	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A2	[1]. Đọc chương 3 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
	B. Nội dung tự học: (28 tiết) Sinh viên chuẩn bị tài liệu. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập	A1	[1]. Đọc chương 3 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
LLO 1 - 9	* Bài kiểm tra định kì số 1: Thời gian làm bài: 1 tiết Hình thức kiểm tra tự luận	Yêu cầu SV chuẩn bị bài trước kiểm tra		[1]. Đọc chương 3 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
Chương 4. Thực hành xử lý tình huống sư phạm môn GDCD				
LLO10, 12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết)	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu	A1	[1]. Đọc chương 4

	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) 4.1. Các giai đoạn xử lý THSP (10 tiết) 4.2. Tổ chức thực hành xử lý các tình huống sư phạm môn GDCT 4.2.1. Nêu các tình huống sư phạm môn GDCT 4.2.2. Tổ chức cho người học xử lý các tình huống sư phạm môn GDCT 4.2.3. Tổ chức hội thi ứng xử sư phạm trong dạy học môn GDCT	vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.		[2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
LLO11 ,12	* Nội dung thực hành: (5 tiết) Thi ứng xử sư phạm giữa các nhóm	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp	A4	[1]. Đọc chương 4 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
LLO11 , 12	* Nội dung bài tập cá nhân (3 tiết) Xử lý các tình huống sư phạm trong sách bài tập	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A2	[1]. Đọc chương 4 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ
	B. Nội dung tự học: (28 tiết) Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên tìm hiểu tài liệu, chuẩn bị nội dung báo cáo sản phẩm	A1	[1]. Đọc chương 4 [2], [3], [4]. Đọc toàn bộ

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: không

7.57: 60SRH431, Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản (SEX-EDUCATION AND REPRODUCTIVE HEALTH)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60
2	Bài tập	8	0	32
3	Thực hành	8	0	
4	Thảo luận	10	0	
5	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước:
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
3	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Phân tích được các khái niệm, nội dung về giới tính, giáo dục giới tính học đường và sức khỏe sinh sản.

CO2: Khái quát được nội dung chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam giai đoạn 2010 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

*** Về kỹ năng**

CO3: Tổ chức được hoạt động giáo dục, tuyên truyền về giới tính và sức khỏe sinh sản cho học sinh trường THCS, THPT.

CO4: Hình thành kỹ năng nhận diện những vấn đề giới tính và sức khỏe sinh sản và có năng lực phản biện những quan điểm sai lầm về giới tính và sức khỏe sinh sản.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Xây dựng lối sống văn hoá và thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Luận giải được các khái niệm, vai trò, nội dung về giới tính, giáo dục giới tính học đường sức khỏe sinh sản nói chung và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng	PLO1
	CLO2	Vận dụng được những kiến thức liên quan đến giới tính, sức khỏe sinh sản vào cuộc sống.	PLO3
CO2	CLO3	Làm rõ được Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam giai đoạn 2010 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030	PLO4
Kĩ năng			
CO3	CLO4	Xây dựng, lồng ghép nội dung giáo dục về giới tính, về sức khỏe sinh sản cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục tại trường phổ thông.	PLO9
	CLO5	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho học sinh THCS, THPT	PLO13
CO4	CLO6	Hình thành được kỹ năng phân biệt những vấn đề thuộc giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO7	Thể hiện được vai trò của giáo viên trong xây dựng lối sống lành mạnh cả về thể chất và tinh thần.	PLO13
CO6	CLO8	Thực hiện làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoàn thành các mục tiêu của bài học.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (GPLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x														
CLO2			x												
CLO3				x											
CLO4									X						
CLO5													x		
CLO6													x		
CLO7													x		
CLO8															x
MDG	1	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39%

số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về giới tính, sức khỏe sinh sản nói chung và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng cũng như Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu học phần Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sinh viên có cơ hội để tiếp cận kiến thức về giới tính và rèn luyện kỹ năng về giáo dục sức khỏe sinh sản. Từ đó, giúp cho người học hình thành những hành vi chuẩn mực về giới nhằm xây dựng cuộc sống tốt đẹp, lành mạnh, an toàn, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 3, 4
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, 5, 6
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3, 7, 8
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,8
	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO4,5,6,8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A7. (Viết) Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4, 5,6,7,8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0 %)					
	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0

Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Văn Cư (2009), *Giáo trình giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] TS Phạm Thị Huyền, *Đề cương bài giảng môn Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản*

[3] *Chuyên đề bồi dưỡng giáo viên THPT môn Giáo dục công dân* (2013), NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.

[4] Vũ Thị Tùng Hoa – Nguyễn Thị Hoàng Lan (2013), *Tài liệu hỗ trợ giáo viên tập sự môn Giáo dục công dân*, Hà Nội.

[5] *Quyết định số 122/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*

[6] Tổ chức Giáo dục, Khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (2003), *Tài liệu tập huấn giáo sinh về nội dung Giáo dục phòng chống HIV/AIDS.*

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Chứng minh vai trò và ảnh hưởng của giới đến sức khỏe sinh sản

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO2	Phân biệt vai trò của nữ giới và nam giới trong hoạt động tình dục, duy trì nòi giống, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và nuôi dạy con cái
LLO3	Phân tích hậu quả của bất bình đẳng giới ở Việt Nam
LLO4	Xây dựng các tình huống về bạo lực trong gia đình ở Việt Nam hiện nay thông qua hoạt động nhóm.
LLO5	Liệt kê một số biện pháp nhằm giáo dục giới tính học đường trong giai đoạn hiện nay
LLO6	Làm rõ mục tiêu của hoạt động giáo dục giới tính học đường
LLO7	Đánh giá nội dung giáo dục giới tính học đường
LLO8	Chỉ ra một số nội dung về sức khỏe sinh sản vị thành niên
LLO9	Bày tỏ quan điểm vấn đề quan hệ tình dục sớm ở tuổi vị thành niên
LLO10	Phân loại những yếu tố liên quan đến việc mang thai ở tuổi vị thành niên thông qua bài tập
LLO11	Phân tích những yếu tố dẫn đến mang thai sớm ở tuổi vị thành niên
LLO12	Quan điểm cá nhân về tình yêu ở tuổi dậy thì
LLO13	Phác thảo quá trình kiện toàn hệ thống tổ chức và phát triển nhân lực để cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản
LLO14	Tổng hợp về việc tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở địa phương đang sinh sống.
LLO15	Đề xuất các giải pháp và chính sách chủ yếu nhằm thực hiện Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam.
LLO16	Làm rõ vai trò của giáo viên trong tham gia hoạt động bảo vệ sức khỏe vị thành niên.
LLO17	Đánh giá những kết quả đạt được trong việc thực hiện chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe tại địa phương

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO1	x				x		x	
LLO2	x			x				x
LLO3	x					x		
LLO4		x						
LLO5		x					x	
LLO6		x		x				x
LLO7			x		x			
LLO8				x		x		x
LLO9			x				x	
LLO10			x				x	
LLO11						x		
LLO12		x			x			

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)							
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
LLO13			x		x			
LLO14			x					
LLO15					x			
LLO16				x			x	
LLO17					x			x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1 : Giới và sức khỏe sinh sản				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết:(6 tiết) 1.1. Khái niệm giới 1.2. Vai trò và ảnh hưởng của giới đến sức khỏe sinh sản 1.3. Bình đẳng giới và sức khỏe sinh sản 1.4. Nhu cầu giới và sức khỏe sinh sản 1.5. Giáo dục về giới trong trường học hiện nay	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A5, A7	[1] Đọc Chương 1 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [4] Đọc chương 3 [6] Đọc môđun 3,4,5,6
LLO3 LLO4	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết) - Nhận xét về bất bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, phân tích hậu quả của bất bình đẳng giới ở Việt Nam.	Bài tập cá nhân	A2	[1] Đọc Chương 1 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [4] Đọc chương 3 [6] Đọc môđun 3,4,5,6
LLO5 LLO6 LLO7	* Nội dung thực hành: (3 tiết) - Xây dựng tình huống trong thực tế về bạo lực trong gia đình (thông qua đóng kịch, sắm vai) - Đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề bạo lực gia đình.	Thực hành nhóm	A4	[1] Đọc Chương 1 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [4] Đọc chương 3 [6] Đọc môđun 3,4,5,6
LLO3 LLO5 LLO7	* Nội dung thảo luận nhóm: (3 tiết)	Thảo luận tại lớp	A3	[1] Đọc Chương 1 [2] Đọc Chương 4

	Vai trò của nữ giới trong việc chăm sóc con cái và hoạt động kinh tế ở Việt Nam hiện nay.			[3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [4] Đọc chương 3 [6] Đọc mô đun 3,4,5,6
LLO3 LLO4 LLO5	B. Nội dung tự học (16,5 tiết) Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những kiến thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp nếu có.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1] Đọc Chương 1 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [4] Đọc chương 3 [6] Đọc mô đun 3,4,5,6
Chương 2: Sức khỏe sinh sản và sức khỏe sinh sản vị thành niên				
LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết:(7 tiết) 2.1. Sức khỏe sinh sản 2.2. Sức khỏe sinh sản vị thành niên 2.3. Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên trong trường phổ thông	Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn.	A1 A5, A7	[1] Đọc Chương 2 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 10
LLO10 LLO11	* Nội dung bài tập cá nhân: 4 tiết) - Đánh giá tình yêu ở tuổi vị thành niên. - Những hậu quả của việc mang thai trước ý muốn ở tuổi vị thành niên.	Nghiên cứu tài liệu làm bài tập cá nhân.	A2	[1] Đọc Chương 2 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 10
LLO8 LLO11 LLO12	* Nội dung thực hành: (3 tiết) - Quan điểm cá nhân về vấn đề quan hệ tình dục sớm ở tuổi vị thành niên? - Xây dựng những định hướng về vấn đề quan hệ tình dục sớm ở tuổi vị thành niên	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp	A4	[1] Đọc Chương 2 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 10
LLO9 LLO10	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) - Những yếu tố liên quan đến việc mang thai ở tuổi vị thành niên.	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và	A3	[1] Đọc Chương 2 [2] Đọc Chương 4

	- Những tác động đến việc quan hệ trước hôn nhân ở tuổi vị thành niên	cử đại diện báo cáo.		[3] Đọc Chuyên đề 2 lớp
LLO1 - 12	* Bài kiểm tra định kì: (1 tiết) <i>Thời gian làm bài: 45 phút</i> <i>Hình thức kiểm tra: Tự luận</i>	Sinh viên thực hiện làm bài kiểm tra theo đúng quy định	A5	[1] Đọc Chương 2 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 10
LLO7 LLO8 LLO9	B. Nội dung tự học: (21 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm.	A1	[1] Đọc Chương 2 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 10
Chương 3: Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam				
LLO13 LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết:(4 tiết) 3.1. Mục tiêu Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe 3.2. Các giải pháp và chính sách chủ yếu của chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe 3.3. Tổ chức thực hiện chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1 A6, A7	[1] Đọc Chương 3 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [5] Đọc Quyết định số 122/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ
LLO14 LLO16	* Nội dung bài tập theo nhóm: (2 tiết) - Đánh giá về chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản. - Vai trò của giáo viên trong việc tham gia hoạt động bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A2	[1] Đọc Chương 3 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [5] Đọc Quyết định số 122/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ
LLO15	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Các giải pháp và chính sách chủ yếu nhằm thực hiện Chiến lược	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo	A3	[1] Đọc Chương 3 [2] Đọc Chương 4

	quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam.	theo nhóm và cử đại diện báo cáo.		[3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [5] Đọc Quyết định số 122/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ
LLO12 – 16	* Bài kiểm tra định kì: (1 tiết) <i>Thời gian làm bài: 45 phút</i> <i>Hình thức kiểm tra: Tự luận</i>	Sinh viên thực hiện làm bài kiểm tra theo đúng quy định	A6	[1] Đọc Chương 2 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 10
LLO13 LLO14 LLO17	* Nội dung thực hành: (2 tiết) - Nghiên cứu về việc tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở địa phương đang sinh sống. - Tìm hiểu những kết quả đạt được trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe tại địa phương	Sử dụng phương pháp dự án, giảng viên giao nhiệm vụ sinh viên chuẩn bị và báo cáo theo nhóm	A4	[1] Đọc Chương 3 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [5] Đọc Quyết định số 122/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ
LLO16 LLO17	B. Nội dung tự học: (10,5 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung tự học.	A1	[1] Đọc Chương 3 [2] Đọc Chương 4 [3] Đọc Chuyên đề 2 lớp 12 [5] Đọc Quyết định số 122/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.

7.58: 60POL961, Khoá luận tốt nghiệp

7.59: 60OWE931, Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GDCD ((ORGANIZATIONS WORKING EXPERIENCE IN TEACHING CIVIC EDUCATION COURSES)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60
2	Bài tập	8	0	32
3	Thực hành	10	0	
4	Thảo luận	8	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
6.	TS. Nguyễn Thị Hường	0988596121	huong.poli@tnue.edu.vn
7.	TS. Nguyễn Thị Khương	0983896296	khuongnt@tnue.edu.vn
8.	Th.S Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
9.	Th.S Nguyễn Thị Minh Hiền	0986351114	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu và phân tích được quan niệm, nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp ở trường phổ thông. Đánh giá được vị trí, vai trò của việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.

CO2: Mô tả và phân tích được quan niệm, đặc trưng, phương pháp và quy trình thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD&CD ở phổ thông hiện nay.

* Về kỹ năng

CO3: Người học lập kế hoạch và thiết kế được các chủ đề trải nghiệm sáng tạo gắn với đặc thù môn GD&CD ở phổ thông. Biết tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm gắn với đặc thù môn GD&CD như: Câu lạc bộ; tổ chức sự kiện; hoạt động tình nguyện, nhân đạo; tổ chức chiến dịch....

CO4: Người học rèn luyện được kỹ năng như: Thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch... trong xây dựng và triển khai các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD. Có khả năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Người học có khả năng làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO6: Người học biết vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào phát triển nghề nghiệp của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Hiểu và phân tích được quan niệm, nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp ở trường phổ thông.	PLO2 PLO3
	CLO2	Trình bày được vị trí, vai trò của các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD&CD ở Chương trình giáo dục phổ thông 2018.	PLO4
CO2	CLO3	Mô tả được quan niệm, đặc trưng, phương pháp và quy trình thiết kế các hình thức trải nghiệm trong dạy học môn GD&CD ở trường phổ thông.	PLO5 PLO6
	CLO4	Đánh giá được ưu, nhược điểm của các hình thức trải nghiệm trong dạy học môn GD&CD ở trường phổ thông.	PLO4 PLO5 PLO6
Kỹ năng			
CO3	CLO5	Xây dựng được kế hoạch và kịch bản tổ chức các hoạt động nghiệm môn GD&CD ở trường phổ thông.	PLO6 PLO9 PLO10 PLO11
	CLO6	Vận dụng thành thạo các phương pháp tổ chức trải nghiệm để tổ chức thành công các hoạt động trải nghiệm trong dạy học GD&CD ở trường phổ thông.	PLO6 PLO9 PLO10 PLO11
CO4	CLO7	Phát triển được các kỹ năng: Hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh... qua thực tiễn tổ chức hoạt động trải nghiệm môn GD&CD.	PLO11 PLO12 PLO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO8	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để xây dựng và hoàn thiện văn hoá nhà trường.	PLO11 PLO13
CO6	CLO9	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào phát triển nghề nghiệp.	PLO12 PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x	x												
CLO2				x											
CLO3					x	x									
CLO4				x	x	x									
CLO5						x			x	x	x				

CLO6						x			x	x	x				
CLO7											x	x			x
CLO8											x		x		
CLO9												x			x
MĐG	0	1	1	2	2	3	0	0	2	2	3	2	1	0	1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn giáo dục công dân góp phần hình thành, phát triển những năng lực cần thiết cho người học gắn với đặc thù bộ môn GDCC ở trường phổ thông. Trong quá trình học tập, người học sẽ được thực hành bốn nhóm hoạt động chính: Hoạt động tự chủ (thích ứng, tự chủ, tổ chức sự kiện, sáng tạo độc lập...); Hoạt động câu lạc bộ (hội thanh niên, văn hóa nghệ thuật, thể thao, thực tập siêng năng...); Hoạt động tình nguyện (chia sẻ quan tâm tới hàng xóm láng giềng và những người xung quanh, bảo vệ môi trường); Hoạt động định hướng (tìm hiểu thông tin về hướng phát triển tương lai, tìm hiểu bản thân... Từ đó, giúp sinh viên định chuẩn được hành vi, bồi đắp lý tưởng và giáo dục tình cảm, niềm tin cho học sinh phổ thông qua các hình thức hoạt động trải nghiệm môn học.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,9, 10
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5,6,7,8,10

4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5,6,7,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO3,4,6
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Thực hành	50	01	Dự án trải nghiệm theo nhóm	CLO2,3,4,5,6,7,8,9

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát	Nội dung được phân tích kỹ càng

		hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.		triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Liên – chủ biên (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong*

nhà trường phổ thông, NXB Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Hương (2021), *Đề cương bài giảng môn Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn GD&ĐT*, ĐHSP TN.

[3]. Bộ GD&ĐT (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông - HĐGD ngoài giờ lên lớp*.

[4]. Bộ GD&ĐT (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể*.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Khái quát được những nội dung cơ bản của hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp ở trường phổ thông như quan niệm, nội dung, hình thức trải nghiệm trong tổ chức dạy học ở trường phổ thông.
LLO2	Đánh giá được vị trí, vai trò của tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học ở trường phổ thông.
LLO3	Trình bày được được quan niệm, đặc trưng, phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD&ĐT ở phổ thông hiện nay.
LLO4	Phân tích được quy trình thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD&ĐT ở phổ thông hiện nay.
LLO5	Đánh giá được ưu, nhược điểm của các hình thức trải nghiệm trong dạy học môn GD&ĐT ở trường phổ thông.
LLO6	Mô tả được các chủ điểm giáo dục và sự cần thiết trong xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm môn GD&ĐT ở THCS.
LLO7	Tổ chức xây dựng được kịch bản một số chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT ở THCS.
LLO8	Mô tả được các chủ điểm giáo dục và sự cần thiết trong xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm môn GD&ĐT ở THPT.
LLO9	Tổ chức xây dựng được kịch bản một số chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT ở THPT.
LLO10	Tổ chức thực hành mô phỏng một số hoạt động trải nghiệm môn GD&ĐT và môn GD&ĐT ở trường phổ thông
LLO11	Vận dụng được kiến thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm vào phát triển nghề nghiệp sau này.
LLO12	Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với qui định đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc (trong trường học/các cơ quan đoàn thể ở cấp xã, phường).

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO1	x								
LLO2		x							
LLO3		x							
LLO4			x						

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
LLO5			x						
LLO6				x	x				
LLO7				x	x				x
LLO8						x			x
LLO9						x	x		x
LLO10									x
LLO11								x	x
LLO12								x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM MÔN GDCC Ở PHỔ THÔNG				
Chương 1: Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông – những vấn đề lý luận và thực tiễn				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết (8 tiết) 1.1. Quan niệm về hoạt động trải nghiệm và vai trò, ý nghĩa của tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông 1.1.1. Quan niệm về hoạt động trải nghiệm và tổ chức hoạt động trải nghiệm 1.1.2. Vị trí, vai trò của tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông 1.2. Nội dung và các hình thức tổ chức trải nghiệm cơ bản ở trường phổ thông 1.2.1. Mục tiêu, yêu cầu và nội dung cơ bản của hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông. 1.2.2. Các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt	Sử dụng phương pháp huyết trình với nêu vấn đề và thảo luận nhóm	A1 A6	[1] Chương 1 [3] Đọc phần môn: Chương trình GDCC. [4] Đọc chương 1

	động trải nghiệm ở trường phổ thông 1.2.2.1. Các hình thức và phương pháp trải nghiệm cơ bản ở trường phổ thông 1.2.2. 2. Quy trình thiết kế các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông			
LLO1 LLO2 LLO3	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) 1. Vai trò, tầm quan trọng của tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong môn GD&CD. 2. Sơ đồ hóa quy trình thiết kế một hoạt động trải nghiệm gắn với nội dung môn GD&CD ở trường phổ thông.	- Định hướng sinh viên độc lập nghiên cứu vấn đề và xây dựng kịch bản thuyết trình trên lớp. - Sử dụng các công cụ đánh giá đồng đẳng, đánh giá chéo.	A1 A2 A6	[1] Chương 1 [3] Đọc phần môn: Chương trình GD&CD. [4] Đọc chương 1
	* Nội dung thảo luận (2 tiết) 1. Phân tích đặc trưng, yêu cầu cần đạt của các hình thức hoạt động trải nghiệm môn GD&CD ở trường phổ thông 2. So sánh sự khác nhau giữa hoạt động trải nghiệm môn GD&CD ở phổ thông với các môn học khác.	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1] Chương 1 [3] Đọc phần môn: Chương trình GD&CD. [4] Đọc chương 1
LLO1 LLO2 LLO5	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - <i>Đọc tài liệu nội dung:</i> + Phân tích vị trí, vai trò của tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông. + Làm rõ tính đặc thù của các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD ở phổ thông. - <i>Làm bài tập cá nhân:</i> Ý nghĩa của việc nghiên cứu học phần tổ chức hoạt động trải nghiệm môn GD&CD đối với bản thân.	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu, rút ra Vị trí, vai trò của tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông. - SV sơ đồ hoá tính đặc thù của các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD ở phổ thông - Yêu cầu đối với SV: Hoàn thiện bài tập, chuẩn bị hồ sơ học tập để GV đánh giá.	A1 A2	[1] Chương 1 [3] Đọc phần môn: Chương trình GD&CD. [4] Đọc chương 1
Chương 2: Thiết kế các chủ đề trải nghiệm môn GD&CD ở THCS				
LLO4 LLO5 LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết (10 tiết): 2.1. Khái quát các chủ điểm giáo dục và sự cần thiết xây	- Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp điển hình	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương II [4] Đọc phần 4 [5]. Đọc chương 2

	dựng chủ đề trải nghiệm môn GD&CD ở THCS 2.1.1. Khái quát các chủ điểm giáo dục ở THCS 2.1.2. Sự cần thiết xây dựng chủ đề trải nghiệm môn GD&CD ở THCS 2.2 Xây dựng các chủ đề trải nghiệm môn GD&CD ở nhà trường phổ thông hiện nay 2.2.1. Chủ điểm giáo dục và chủ đề trải nghiệm trong chương trình GD&CD lớp 6. 2.2.2. Chủ điểm giáo dục và chủ đề trải nghiệm trong chương trình GD&CD lớp 7. 2.2.3. Chủ điểm giáo dục và chủ đề trải nghiệm trong chương trình GD&CD lớp 8 2.2.4. Chủ điểm giáo dục và chủ đề trải nghiệm trong chương trình GD&CD lớp 8			
LLO4 LLO5 LLO6 LLO7 LLO11	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) 1. Thiết kế ma trận phẩm chất và năng lực cần phát triển cho HS trong chương trình GD&CD ở THCS. 2. Phân tích tính kế thừa, đồng tâm và phát triển trong chương trình GD&CD ở THCS.	- Định hướng sinh viên làm bài tại lớp. - Yêu cầu: Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp và nộp sản phẩm sau khi kết thúc để GV đánh giá.	A1 A2	[1]. Đọc chương II [4] Đọc phần 4 [5]. Đọc chương 2
LLO6 LLO7 LLO11	* Nội dung thảo luận: (2tiết) 1. Hãy phân mối quan hệ giữa các chủ điểm giáo dục và môn GD&CD trong ở THCS. 2. Sơ đồ hóa các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD ở THCS.	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc mục 2.1
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6 LLO7	* Bài kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 1 (1 tiết) Thời gian làm bài: 50 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	Sinh viên ôn tập chương 1, chương 2	A5	[1]: Đọc chương 1,2 [2] Đọc chương 1, 2
LLO4 LLO5 LLO6 LLO7	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - Đọc tài liệu, khái quát các nội dung:	- Định hướng SV đọc tài liệu, rút ra Mối quan hệ giữa các chủ điểm giáo	A1 A2	- Đọc tài liệu [1]. Đọc chương II

	+ Mỗi quan hệ giữ các chủ điểm giáo dục với việc xây dựng các chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT lớp 6,7,8,9. + Chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT góp phần hình thành các năng lực chủ yếu nào? + Những vấn đề đặt ra trong thiết kế và tổ chức xây dựng các hoạt động trải nghiệm môn GD&ĐT ở THCS. - Hoàn thành 5 câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	dục với việc xây dựng các chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT ở lớp 6,7,8,9. Khái quát các năng lực cần hình thành và rèn luyện ở người học qua hoạt động trải nghiệm. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong xây dựng và tổ chức GD&ĐT ở THCS. - Yêu cầu đối với SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở. + Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)		[2]. Đọc chương VII [5]. Đọc chương 2
Chương 3: Thiết kế các chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT&PL ở THPT				
LLO4 LLO5 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 3.1. Khái quát các chủ điểm giáo dục và sự cần thiết xây dựng chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT&PL ở THPT 3.1.1. Khái quát các chủ điểm giáo dục ở THPT 3.1.2. Sự cần thiết xây dựng chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT&PL ở THPT 3.2. Xây dựng các chủ đề trải nghiệm môn GD&ĐT&PL ở THPT hiện nay 3.2.1. Chủ điểm giáo dục và chủ đề trải nghiệm trong chương trình GD&ĐT&PL 10 3.2.2. Chủ điểm giáo dục và chủ đề trải nghiệm trong chương trình GD&ĐT&PL 11.	- Nêu vấn, thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Trao đổi, đàm thoại, nghiên cứu trường hợp điển hình	A1 A5 A6	[1] đọc chương 3, từ tr95-145; [2] đọc chương 3,4,5 đọc thêm [3], [4], [5]

	3.3.3. Chủ điểm giáo dục và chủ đề trải nghiệm trong chương trình GDKT&PL 12			
LLO8 LLO9 LLO12	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) 1. Thiết kế ma trận phẩm chất và năng lực cần phát triển cho HS trong chương trình GDKT&PL ở THPT. 2. Xây dựng kịch bản thuyết trình một số chủ điểm giáo dục môn GDKT&PL ở THPT.	- Định hướng sinh viên làm bài tại lớp - Yêu cầu sinh viên: Sinh viên thiết kế bài thuyết trình trên lớp.	A1 A2	[1] đọc chương 3, từ tr95-145; [2] đọc chương 3,4,5 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO8 LLO9 LLO12	* Nội dung thực hành: (5 tiết) 1. Sơ đồ hoá các chủ điểm giáo dục trong chương trình GDKT&PL ở THPT. 2. Xây dựng kịch bản hoạt động trải nghiệm môn GDKT&PL ở THPT 2. Tổ chức 01 hình thức trải nghiệm trên lớp học trong môn GDKT&PL ở THPT	Yêu cầu sinh viên: Sinh viên trao đổi theo nhóm, xây dựng bài thuyết trình và sơ đồ. Giảng viên gọi ngẫu nhiên nhóm sinh viên trình bày trước lớp.	A1 A4 A6	
LLO4 LLO5 LLO11	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Hệ thống hóa những yêu cầu cần đạt trong tổ chức hoạt động trải nghiệm GDKT&PL ở THPT. 2. Phân tích quy trình thực hiện các hình thức trải nghiệm môn GDKT&PL ở THPT.	Yêu cầu sinh viên: Sinh viên trao đổi theo nhóm, nộp sản phẩm và báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1] đọc chương 3, từ tr95-145; [2] đọc chương 3,4,5 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO5 LLO8 LLO9 LLO12	B. Nội dung tự học: (29 tiết) - SV đọc tài liệu và hoàn thành các sản phẩm học tập. + Mỗi quan hệ giữ các chủ điểm giáo dục với việc xây dựng các chủ đề trải nghiệm môn GDKT&PL ở THPT. + Chủ đề trải nghiệm môn GDKT&PL góp phần phát triển các năng lực chủ yếu nào? + Những vấn đề đặt ra trong thiết kế và tổ chức xây dựng các hoạt động trải nghiệm môn GDKT&PL ở THPT. - Hoàn thành 5 câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa	- GV định hướng SV đọc tài liệu - Yêu cầu sinh viên: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	[1] đọc chương 3; [2] đọc chương 3,4,5; đọc thêm [3], [4], [5]
PHẦN II: THỰC HÀNH THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM MÔN GD&CD Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG				

Chương 4. Thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm môn GD&PT ở nhà trường phổ thông				
LLO4 LLO5 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 4.1. Quy trình thiết kế các chủ đề trải nghiệm môn GD&PT, GDKT&PT ở trường phổ thông 4.1.1. Quy trình thiết kế - Xác định chủ đề và mục tiêu - Thiết kế kịch bản tổ chức - Tổ chức thực hiện (chủ đề) 4.1.2. Yêu cầu sư phạm trong xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm môn GD&PT ở THCS. 4.2. Thực hành thiết kế và tổ chức thực hiện một số chủ đề trải nghiệm 4.2.1. Nhóm hoạt động tự chủ sáng tạo. 4.2.2. Nhóm hoạt động câu lạc bộ. 4.2.3. Nhóm hoạt động tình nguyện 4.2.4. Nhóm hoạt động định hướng	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Dự án học tập.	A1 A3 A4 A5 A6	[1] Đọc chương 4 [2] đọc chương 4, đọc thêm [3], [4], [5]
LLO4 LLO5 LLO9 LLO10	* Nội dung bài tập nhóm (4 tiết) 1. Xây dựng bản kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm môn GD&PT lớp 6,7,8,9. 2. Xây dựng bản kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm môn GDKT&PT 10,11,12. 3. Xây dựng kịch bản tổ chức hoạt động trải nghiệm môn GD&PT lớp 6,7,8,9. 4. Xây dựng kịch bản tổ chức hoạt động trải nghiệm môn GDKT&PT 10,11,12.	Yêu cầu sinh viên: - Sinh viên làm nhóm, trao đổi, thống nhất và báo cáo sản phẩm tại lớp	A1 A2	[1] Đọc chương 4 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO4 LLO5 LLO11 LLO12	* Nội dung thực hành: (5 tiết) 1. Tổ chức mô phỏng 01 kịch bản trải nghiệm môn GD&PT lớp 6.	Yêu cầu sinh viên: - Thiết lập 1 bản đề cương kế hoạch trải nghiệm gắn với chủ đề, lớp tùy chọn.	A1 A2 A4 A6	[1] Đọc chương 4 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171

	2. Tổ chức mô phỏng 01 kịch bản trải nghiệm môn GD CD lớp 7. 3. Tổ chức mô phỏng 01 kịch bản trải nghiệm môn GD CD lớp 8. 4. Tổ chức mô phỏng 01 kịch bản trải nghiệm môn GD CD lớp 9. 5. Tổ chức mô phỏng 01 kịch bản trải nghiệm môn GD KT&PL lớp 10. 6. Tổ chức mô phỏng 01 kịch bản trải nghiệm môn GD KT&PL lớp 11. 7. Tổ chức mô phỏng 01 kịch bản trải nghiệm môn GD KT&PL lớp 12.	- Thống nhất và hoàn thiện kế hoạch. - Xây dựng kịch bản tổ chức chi tiết. - Thực hiện tổ chức mô phỏng bằng dự án học tập. - Đóng gói và báo cáo sản phẩm dự án trước lớp để đánh giá, xếp loại.		đọc thêm [3], [4], [5]
LLO4 LLO5 LLO11 LLO12	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Đánh giá ưu, nhược điểm của các loại hình hoạt động trải nghiệm đã thực hiện trong chương trình GD CD ở THCS. 2. Đánh giá ưu, nhược điểm của các loại hình hoạt động trải nghiệm đã thực hiện trong chương trình GD KT&PL ở THPT.	Yêu cầu sinh viên: - Chỉ rõ được các ưu, nhược điểm của loại hình trải nghiệm đã thực hiện.. - Mô tả được những điểm cần lưu ý và bài học khi thực trải nghiệm môn học. - Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời.	A1 A2 A3	[1] Đọc chương 4 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171 đọc thêm [3], [4], [5]
LLO1 LLO2 LLO3 LLO7 LLO8	* Bài kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 2 (1 tiết) Thời gian làm bài: 50 phút Hình thức kiểm tra: Tự luận	Sinh viên ôn tập chương 1, chương 2	A5	[1]: Đọc chương 1,2 [2] Đọc chương 1, 2
LLO4 LLO5 LLO11 LLO12	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Quy trình tổ chức câu lạc bộ; tổ chức sự kiện, tổ chức các hoạt động thiện nguyện... + Xây dựng ý tưởng, đề xuất dự án tổ chức các hoạt động trải nghiệm môn GD CD, GD KT&PL ở nhà trường phổ thông.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	[1] Đọc chương 4 [2] đọc chương 4, từ tr146 - 171 đọc thêm [3], [4], [5]

	- Làm bài tập: Trả lời 5 câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra			
--	--	--	--	--

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Rộng, sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết, máy chiếu và các thiết bị đi kèm, mạng internet.
- Điều kiện khác: Loa, micro

7.60: 60FAE931, Giáo dục gia đình (FAMILY EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30	0	60
2	Bài tập	8	0	32
3	Thực hành	8	0	
4	Thảo luận	10	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		58	0	92

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
80.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
2	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
4	TS. Vũ Thị Thủy	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
5	Ths. Trần Thanh An	0973 474 393	antnt@tnue.edu.vn
6	Ths. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận chứng được vai trò của giáo dục gia đình.

CO2: Phân tích và đánh giá được nội dung, nguyên tắc và phương pháp giáo dục gia đình.

CO3: Luận giải được những vấn đề thực tiễn nảy sinh và sự cần thiết kết hợp giữa gia đình, nhà trường và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ.

*** Về kỹ năng**

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp và hợp tác để giải quyết các vấn đề đặt ra liên quan đến giáo dục gia đình.

CO5: Phản biện được những hành vi sai trái, lệch chuẩn trong công tác giáo dục gia đình.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục gia đình, về phối hợp nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh.

CO7: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và tự học suốt đời để giải quyết các vấn đề đặt ra trong giáo dục gia đình theo hướng đổi mới, sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Giải thích được quan niệm chung về gia đình, giáo dục gia đình Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của đất nước	PLO1
CO2	CLO2	Luận giải được nội dung cơ bản trong giáo dục gia đình	PLO1
	CLO3	Luận chứng và vận dụng được những nguyên tắc, phương pháp giáo dục gia đình trong những tình huống cụ thể	PLO3 PLO4
CO3	CLO4	Vận dụng kiến thức đã học để luận chứng một số vấn đề mới nảy sinh trong giáo dục gia đình, đề xuất được giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục gia đình	PLO3
	CLO5	Giải thích được tính tất yếu và những yêu cầu cơ bản của việc phối hợp giữa gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ	PLO3 PLO4
	Kỹ năng		
CO4	CLO6	Giao tiếp, hợp tác được với các thành viên trong nhóm và vận dụng được các kiến thức đã học để tổ chức hoạt động giáo dục một cách sáng tạo trên cơ sở phối hợp linh hoạt giữa giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường	PLO11 PLO13
CO5	CLO7	Phân tích, đánh giá được quan điểm sai trái trong công tác giáo dục gia đình	PLO11 PLO13
	CLO8	Phản biện được tính chất sai trái trong một số hành vi lệch chuẩn trong công tác giáo dục gia đình, phối hợp giáo dục nhà trường và gia đình	PLO11
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CO6	CLO9	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng để độc lập hoặc hợp tác giải quyết một số vấn đề đặt ra trong công tác giáo dục gia đình	PLO13

	CLO10	Thực hiện được hành vi ứng xử phù hợp trong phối hợp giáo dục Nhà trường và gia đình, giải quyết sáng tạo các nhiệm vụ đặt ra từ thực tiễn giáo dục gia đình	PLO15
--	-------	--	-------

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x														
CLO2	x														
CLO3			x	x											
CLO4			x												
CLO5			x	x											
CLO6											x		x		
CLO7											x		x		
CLO8											x				
CLO9													x		
CLO10															x
MDG	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục gia đình tiếp cận vấn đề gia đình ở bình diện lý luận về giáo dục nhân cách của trẻ. Trên cơ sở khái quát vai trò và chức năng cơ bản của gia đình qua các giai đoạn phát triển của đất nước, học phần khẳng định tính tất yếu của giáo dục gia đình và làm rõ những nguyên tắc, nội dung cơ bản và các phương pháp chủ yếu trong giáo dục gia đình. Dưới góc độ chính trị - xã hội, học phần Giáo dục gia đình còn tập trung nghiên cứu những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn giáo dục gia đình làm rõ yêu cầu của việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
- + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;
- + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, CLO3,4,5
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4 CLO5,6,7,8
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4 CLO5,6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3, CLO8
	A6. Bài kiểm tra định kì			Đáp án, thang điểm	CLO4,5,7,8
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A7. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3, CLO4,5,7,8

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

Kết quả được giải thích và chứng minh		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích, chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25 Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	0,25 đến < 0,5 Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	0,5 đến < 0,75 Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	0,75 đến 1,0 Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm:

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
--	--	--------------------------------------	---	--	--

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Phương Thủy, Nguyễn Thị Thọ (2014), *Gia đình và giáo dục gia đình*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Thị Lan (2020), *Đề cương bài giảng Giáo dục gia đình*, Thái nguyên.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. C.Mác – Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 3, Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 9*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 12*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Mô tả được khái niệm giáo dục gia đình và các đặc trưng cơ bản của giáo dục gia đình
LLO2	Chứng minh được đặc trưng, vai trò của giáo dục gia đình ở từng giai đoạn cụ thể gắn với sự phát triển của dân tộc
LLO3	Luận giải được nội dung của giáo dục gia đình về đạo đức; về thái độ kỹ năng lao động; về thể chất và thẩm mỹ; về giới tính và sức khỏe sinh sản
LLO4	Vận dụng kiến thức đã học để nhận diện được những biểu hiện sai lầm trong thực hiện nội dung giáo dục gia đình ở địa phương nơi cư trú và đề xuất biện pháp khắc phục.
LLO5	Phác thảo và diễn giải được nguyên tắc và phương pháp giáo dục gia đình
LLO6	Vận dụng được những nguyên tắc giáo dục gia đình trong một số tình huống cụ thể
LLO7	Dự đoán được sự biến đổi của gia đình và một số vấn đề mới nảy sinh đòi hỏi nâng cao công tác giáo dục gia đình
LLO8	Luận giải được những bất cập cơ bản trong thực tiễn giáo dục gia đình ở nước ta hiện nay và biện pháp khắc phục
LLO9	Luận giải được vai trò của giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và các thiết chế xã hội khác đối với việc hình thành và phát triển nhân cách con người
LLO10	Xác định được yêu cầu của việc phối hợp giữa giáo dục gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác
LLO11	Trao đổi được với nhóm và thể hiện được quan điểm cá nhân trước những vấn đề đặt ra đối với giáo dục gia đình về giới tính và sức khỏe sinh sản

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO12	Trao đổi được với nhóm và thể hiện được quan điểm cá nhân trước những biểu hiện sai lầm trong phương pháp giáo dục ở một số gia đình Việt Nam hiện nay
LLO13	Trao đổi được với nhóm và thể hiện được quan điểm cá nhân trước vấn đề bạo lực trong gia đình.
LLO14	Bày tỏ được thái độ không đồng tình với những nhận thức, hành vi sai lầm trong thực hiện nội dung giáo dục gia đình ở địa phương nơi cư trú
LLO15	Sử dụng được những lập luận để chứng minh tính sai lầm về phương pháp giáo dục trong một số gia đình Việt Nam hiện nay
LLO16	Bày tỏ được quan điểm cá nhân thể hiện sự đồng tình hoặc không đồng tình trước những ý kiến trái chiều của sinh viên về nguyên nhân, hậu quả của hiện tượng “sống thử” trước hôn nhân và bạo lực học đường
LLO17	Tự luận chứng được những yêu cầu đặt ra trong giáo dục gia đình về hành vi đạo đức
LLO18	Nhận diện, đánh giá được những vấn đề đặt ra đối với giáo dục gia đình về giới tính, về sức khỏe sinh sản trong giai đoạn hiện nay trên cơ sở hợp tác nhóm
LLO19	Tự xây dựng được tình huống và đóng vai vận dụng các phương pháp để giáo dục trẻ có hành vi lệch chuẩn về đạo đức

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

[illegible]

LLOs	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO19									x	x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giáo dục gia đình Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của lịch sử				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết (6 tiết) 1.1. Gia đình và chức năng giáo dục của gia đình 1.1.1. Khái niệm gia đình và các mối quan hệ cơ bản của gia đình 1.1.2. Chức năng giáo dục của gia đình 1.2. Giáo dục gia đình và đặc trưng của giáo dục gia đình 1.2.1. Khái niệm giáo dục gia đình 1.2.2. Đặc trưng của giáo dục gia đình	- Thuyết trình kết hợp với đàm thoại - Dạy học nêu vấn đề kết hợp đàm thoại	A1 A5 A7	[1]: Đọc chương II, mục I; [2] Đọc chương 1 [7]: Đọc tập 5, tr.100.
LLO2	1.3. Giáo dục của gia đình Việt Nam trước thời kỳ đổi mới 1.3.1. Giáo dục của gia đình Việt Nam truyền thống 1.3.2. Giáo dục của gia đình Việt Nam trong thời kỳ thuộc Pháp 1.3.3. Giáo dục của gia đình Việt Nam trong 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội	- Dạy học nêu vấn đề kết hợp thảo luận - Xây dựng kịch bản dựng lại bối cảnh lịch sử, đặc trưng, vai trò của giáo dục gia đình Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử và sắm vai theo kịch bản đã xây dựng	A1 A5 A7	[1] Đọc chương 1 [2]: Đọc chương II, mục I
LLO2	1.4. Giáo dục của gia đình Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước 1.4.1. Những yếu tố tác động đến giáo dục gia đình Việt Nam hiện nay 1.4.2. Những thuận lợi và khó khăn đối với giáo dục gia đình Việt Nam hiện nay 1.4.3. Mục tiêu của giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay	Dạy học nêu vấn đề kết hợp thuyết trình và thảo luận nhóm	A1 A5 A7	[1]: Đọc chương II, mục I; [2] Đọc chương 1
LLO2	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Chỉ ra những giá trị truyền thống cần được giáo dục trong gia đình và những vấn đề cần phải khắc phục trong xây dựng gia đình mới.	Định hướng sinh viên độc lập nghiên cứu vấn đề và trình bày vấn đề theo hình thức vẽ sơ đồ tư duy	A1	[1]. Đọc chương mở đầu

LLO2	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Chỉ ra những hạn chế trong công tác giáo dục gia đình ở địa phương nơi cư trú và đề xuất biện pháp khắc phục.	Định hướng sinh viên độc lập nghiên cứu vấn đề và trình bày vấn đề theo hình thức vẽ sơ đồ tư duy	A1 A4	[1]: Đọc chương II [2] Đọc chương 1
LLO2	*Nội dung thảo luận nhóm: (2 tiết) Đánh giá tác động của sự nghiệp đổi mới đất nước đối với công tác giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay.	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3	[1]: Đọc chương II [2] Đọc chương 1
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (16 tiết) Đọc chương 1 và khái quát các nội dung sau: - Mục đích của giáo dục gia đình - Sự khác biệt giữa giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường - Mối quan hệ giữa giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường - Vai trò nổi bật của giáo dục gia đình trong từng giai đoạn lịch sử.	- Định hướng SV đọc tài liệu, khái quát hóa nội dung - Yêu cầu đối với SV: Hoàn thiện bài tập ra vở và nộp cho GV	A1	[1]. Đọc chương mở đầu [2]. Đọc chương 1 [3]. Đọc chương 8
Chương 2: Những nội dung cơ bản trong giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay				
LLO3 LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Giáo dục hành vi đạo đức 1.1.1. Giáo dục hành vi đạo đức trong mối quan hệ đối với các thành viên của gia đình 1.1.2. Giáo dục hành vi đạo đức trong mối quan hệ với xã hội 2.2. Giáo dục nhận thức, thái độ, kỹ năng lao động 2.2.1. Giáo dục nhận thức về lao động 2.2.2. Giáo dục thái độ, kỹ năng lao động 2.3. Giáo dục thể chất và thẩm mỹ 2.3.1. Giáo dục thể chất 2.3.2. Giáo dục thẩm mỹ 2.4. Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản 2.4.1. Giáo dục giới tính 2.4.2. Giáo dục sức khỏe sinh sản	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng video	A1 A5 A7	[1]: Đọc chương 2, mục III [2]: Đọc chương II [7]: Đọc tập 12, trang 300.
LLO3	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Giáo dục hành vi đạo đức của gia đình cần đảm bảo những yêu cầu gì?. Ý nghĩa của việc nhận thức đúng đắn vấn đề này đối với giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay.	Định hướng sinh viên làm bài tại lớp Yêu cầu SV: làm tại lớp, trao đổi với giảng viên	A1 A2	[1]. Đọc mục 1.3.1 [2]. Đọc chương II

LLO4 LLO14	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Vận dụng kiến thức đã học để nhận diện những biểu hiện sai lầm trong thực hiện nội dung giáo dục gia đình ở địa phương nơi cư trú, chỉ ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục?	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm - SV trao đổi theo nhóm và cử đại diện báo cáo	A1 A4 A7	[1]. Đọc chương II
LLO18	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Nhận diện, đánh giá những yếu tố tác động đến hiệu quả giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay.	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A7	[2]. Đọc chương II [5]. Đọc mục 2.1
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (14 tiết) * Đọc tài liệu và làm rõ các vấn đề: - Vai trò của gia đình trong giáo dục hành vi đạo đức của trẻ - Vai trò của gia đình trong giáo dục nhận thức, thái độ, kỹ năng lao động của trẻ - Vai trò của gia đình trong giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản - Vai trò của gia đình trong giáo dục thể chất và thẩm mỹ. * Tự vận dụng kiến thức đã học để luận giải những vấn đề nảy sinh về nội dung giáo dục gia đình	- Định hướng SV đọc tài liệu, làm rõ các nội dung đã nêu - SV đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở, nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[2]. Đọc chương II
Chương 3: Nguyên tắc và phương pháp giáo dục trong gia đình				
LLO5 LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 3.1. Những vấn đề có tính nguyên tắc trong giáo dục gia đình 3.1.1. Nguyên tắc thống nhất mục đích giáo dục 3.1.2. Xây dựng không khí gia đình êm ấm, hòa thuận. 3.1.3. Tôn trọng nhân cách trẻ 3.1.4. Nghiêm khắc và khoan dung, độ lượng 3.1.5. Đảm bảo uy quyền của cha mẹ trong giáo dục gia đình 3.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính cá biệt	Nêu vấn đề, thuyết trình kết hợp với trao đổi và đàm thoại và thảo luận nhóm	A1 A5 A7	[1]: Đọc phần III [2]: Đọc chương 2, mục 3.1
LLO5	3.2. Một số phương pháp cơ bản trong giáo dục gia đình 3.2.1. Phương pháp nêu gương 3.2.2. Phương pháp giao việc 3.2.3. Phương pháp khuyến bảo, thuyết phục 3.2.4. Phương pháp rèn luyện thói quen	Nêu vấn đề, thuyết trình kết hợp với trao đổi và đàm thoại và thảo luận nhóm	A1 A5 A7	[1]: Đọc phần III [2]: Đọc chương 2, mục 3.1

	3.2.5. Phương pháp khen thưởng, trách phạt			
	* Kiểm tra định kỳ: Bài kiểm tra số 1 (1 tiết) - Thời gian: 50 phút - Hình thức: Tự luận	Làm bài kiểm tra tự luận	A5	[2]: Đọc chương 1 - 3
LLO5	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Xây dựng hoặc tìm kiếm những tình huống thực tiễn giáo dục gia đình trong vận dụng nguyên tắc nghiêm khắc và khoan dung, độ lượng.	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với GV trên lớp.	A1 A2	[5]. Đọc chương III, mục 3.3.1
LLO19	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Xây dựng tình huống và đóng vai vận dụng các phương pháp để giáo dục trẻ có hành vi ham chơi game/có hành vi bạo lực học đường.	- Sinh viên trao đổi theo nhóm, xây dựng tình huống và đóng vai. - Giảng viên gọi ngẫu nhiên sinh viên nhận xét	A1 A4 A7	[5]. Đọc chương III
LLO12 LLO15	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Phương pháp giáo dục ở gia đình Việt Nam hiện nay đang đứng trước những khó khăn, thách thức nào? Nguyên nhân và hướng khắc phục? 2. Những biểu hiện sai lầm trong phương pháp giáo dục ở một số gia đình Việt Nam hiện nay? Nguyên nhân và hướng khắc phục?	SV trao đổi, hoàn thiện báo cáo và cử đại diện báo cáo, các nhóm nhận xét, bổ sung	A1 A3 A7	[1]: Đọc phần III [2]: Đọc chương 2, mục 3.1
LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Tự đọc tài liệu và khái quát cơ sở lý luận và các yêu cầu đặt ra đối với các nguyên tắc sau: + Nguyên tắc thống nhất mục đích giáo dục gia đình + Xây dựng không khí gia đình êm ấm, hòa thuận. + Tôn trọng nhân cách trẻ - Làm rõ mối quan hệ giữa yêu cầu đảm bảo tính nghiêm khắc và khoan dung, độ lượng	- GV định hướng SV đọc tài liệu - SV tự đọc tài liệu liên quan và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên trước buổi học	A1	[1]: Đọc phần III [2]: Đọc chương 2, mục 3.1
Chương 4: Những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh đòi hỏi nâng cao hiệu quả giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay				
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lý thuyết: (7 tiết) 4.1. Sự biến đổi cấu trúc, qui mô và mối quan hệ trong gia đình 4.1.1. Sự biến đổi cấu trúc gia đình 4.1.2. Sự biến đổi qui mô trong gia đình 4.1.3. Sự biến đổi mối quan hệ trong gia đình	Nêu vấn đề, thuyết trình kết hợp với trao đổi và đàm thoại và thảo luận nhóm - Khảo sát, điều tra	A1 A6 A7	[1]: Đọc chương III, mục I, II [2]: Đọc chương 4 [3]: Đọc chương 8

LLO7	4.2. Vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân 4.2.1. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến quan hệ tình dục trước hôn nhân ở thế hệ trẻ của Việt Nam hiện nay 4.2.2. Hậu quả của quan hệ tình dục trước hôn nhân	Nêu vấn đề kết hợp thuyết trình và thảo luận nhóm	A1 A6 A7	[1]: Đọc chương III, mục I, II trang 185-247. [2]: Đọc chương 4
LLO7 LLO12 LLO13	4.3. Vấn đề bạo lực gia đình và học đường 4.3.1. Quan niệm về bạo lực gia đình và bạo lực học đường 4.3.2. Nguyên nhân của bạo lực trong gia đình và học đường 4.3.3. Hậu quả bạo lực trong gia đình và học đường	- Nêu vấn đề kết hợp thuyết trình, đàm thoại - Sử dụng phim tư liệu	A1 A6 A7	[1]: Đọc chương III, mục I, mục II trang 185 đến 247. [2]: Đọc chương 4
LLO8 LLO12 LLO13 LLO18	4.4. Những bất cập cơ bản trong thực tiễn giáo dục gia đình ở nước ta hiện nay 4.4.1. Bất cập về nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức 4.4.2. Bất cập về giáo dục thái độ và kỹ năng lao động cho thế hệ trẻ 4.4.3. Bất cập về giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản 4.5. Phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao vai trò của giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay 4.5.1 Phương hướng cơ bản nhằm nâng cao vai trò của giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay 4.5.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao vai trò của giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay	- Nêu vấn đề, thuyết trình kết hợp với trao đổi, đàm thoại	A1 A6 A7	[1]: Đọc chương III, mục I, II [2]: Đọc chương 4 [3]. Đọc chương 8
LLO7	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Nhận diện những yếu tố tác động và nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi cấu trúc, qui mô và mối quan hệ trong gia đình ở Việt Nam hiện nay?	- SV Hoàn thiện bài tập cá nhân - Trao đổi với GV trên lớp.	A1 A2 A7	[1]: Đọc chương III, mục I, II [2]: Đọc chương 4
LLO13 LLO16	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Thăm dò ý của sinh viên về nguyên nhân của hiện tượng “sống thử” và bạo lực trong gia đình. Đề xuất biện pháp góp phần khắc phục hiện tượng “sống thử” và bạo lực trong gia đình hiện nay.	- Thảo luận nhóm để xây dựng phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về hiện tượng “sống thử” và bạo lực trong gia đình - Tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo	A1 A4	[1]: Đọc chương III, mục I, II [2]: Đọc chương 4

LLO13	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Phân tích nguyên nhân của bạo lực trong gia đình? Hậu quả của bạo lực trong gia đình?	SV trao đổi nhóm, hoàn thiện báo cáo, cử đại diện báo cáo, các nhóm nhận xét	A1 A3 A6 A7	[2]: Đọc chương 4
LLO7 LLO8	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đọc tài liệu, khái quát nội dung: + Sự biến đổi cấu trúc, qui mô và mối quan hệ trong gia đình + Những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh trong công tác giáo dục gia đình đòi hỏi nâng cao hiệu quả giáo dục gia đình ở Việt Nam hiện nay. + Những bất cập cơ bản trong thực tiễn giáo dục gia đình ở nước ta hiện nay	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Khảo sát, điều tra về quy mô, kết cấu gia đình ở tổ dân phố nơi em cư trú.	A1	[1]: Đọc chương III, mục I, II [2]: Đọc chương 4
Chương 5: Phối hợp việc giáo dục của gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác				
LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 5.1. Vai trò của giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và các thiết chế xã hội khác đối với việc hình thành và phát triển nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa 5.1.1. Vai trò của giáo dục gia đình 5.1.2. Vai trò của giáo dục nhà trường 5.1.3. Vai trò giáo dục của các thiết chế xã hội khác	Nêu vấn đề, thuyết trình kết hợp với trao đổi và đàm thoại và thảo luận nhóm	A1 A6 A7	[1]: Đọc chương I, phần 2 [2]: Đọc chương 5
LLO10	5.2. Tính tất yếu, yêu cầu của việc phối hợp giữa giáo dục gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác 5.2.1. Tính tất yếu của việc phối hợp giữa giáo dục gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác 5.2.2. Yêu cầu của việc phối hợp giữa giáo dục gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác 5.3. Nội dung phối hợp giữa giáo dục gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác 5.3.1. Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm 5.3.2. Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong quản lý học sinh 5.3.3. Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh	- Kết hợp giữa nêu vấn đề với thuyết trình, trao đổi, phát vấn.	A1 A6 A7	[1]: Đọc chương I, phần 2 [10]. [2]: Đọc chương 5

	5.3.4. Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong xây dựng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học 5.3.5. Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.			
CLO3 - CLO10	* Kiểm tra định kỳ: Bài kiểm tra số 2 (1 tiết) - Thời gian: 50 phút - Hình thức: Tự luận	Làm bài kiểm tra tự luận	A6	[2]: Đọc chương 4 - 5
LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) Trình bày những điều kiện kết hợp của gia đình và các thiết chế xã hội khác mà cha mẹ có thể vận dụng và huy động vào quá trình giáo dục trẻ.	- Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với GV trên lớp. - Nộp bài báo cáo cho GV	A1 A2	[2]: Đọc chương 5
LLO10 LLO19	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Xây dựng và sắm vai với chủ đề: Kết hợp Nhà trường, gia đình và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ có hành vi nghiện thuốc lá điện tử/nghiện game.	- Sinh viên thảo luận nhóm, xây dựng kịch bản theo yêu cầu và thực hành sắm vai	A1 A4 A7	[2]: Đọc chương 5
LLO9	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Vai trò của giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và các thiết chế xã hội khác đối với việc hình thành, phát triển nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	- SV trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm - Sinh viên báo cáo trước lớp	A1 A3 A7	[2]: Đọc chương 5
LLO9 LLO10	B. Nội dung tự học: (23 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung: + Vai trò của giáo dục gia đình + Vai trò của giáo dục nhà trường + Vai trò giáo dục trẻ của các thiết chế xã hội khác + Yêu cầu của việc phối hợp giữa gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học nộp sản phẩm cho giảng viên (bài viết khoảng 3 trang)	A1	[1]: Đọc chương I, phần 2 [2]: Đọc chương 5

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Rộng, sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết, máy chiếu và các thiết bị đi kèm, mạng internet, bút dạ, giấy A0, giấy màu.
- Điều kiện khác: Loa, micro.

**7.61: 60MTM931, Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin
(TEACHING METHODS THE SCIENCE MAXR –LENINIST)**

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	28		56
2	Bài tập	10		34
3	Thực hành	10		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		60		90

- Loại học phần: Tự chọn (Thay thế khóa luận tốt nghiệp)
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước:
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Triết học, Kinh tế và PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ tên	Số thoại	điện	Email
81.	TS Nguyễn Thị Khương	0349 616	366	khuongnt@tnue.edu.vn
82.	TS Trần Thị Lan	0983896296		lantt@tnue.edu.vn
83.	TS Vũ Thị Thủy	0982633373		thuy.poli@tnue.edu.vn
84.	TS Phạm Thị Huyền	0982033005		huyenpt@tnue.edu.vn
85.	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907		anhntl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Phân tích được lý luận chung về phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin

CO2: Khái quát được lý luận chung về kiểm tra đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin

CO3: Vận dụng được kiến thức nền tảng, chuyên sâu về lý luận chính trị vào dạy học các môn khoa học Mác – Lênin

*** Về kỹ năng**

CO4: Giao tiếp hiệu quả và thuyết trình được các vấn đề thuộc tri thức khoa học Mác – Lênin.

CO5: Thiết kế được kế hoạch dạy học có sử dụng các phương pháp giảng dạy phát triển phẩm chất, năng lực người học

CO6: Sử dụng được các phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá năng lực vào giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Làm việc độc lập và hợp tác có hiệu quả trong các hoạt động nhóm để giải quyết nhiệm vụ của môn học

CO8: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn để phát triển năng lực giảng dạy, đổi mới sáng tạo và tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp ở các vị trí việc làm khác nhau.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Phân tích được những khái niệm cơ bản về phương pháp, phương pháp dạy học và các phương pháp dạy học tích cực	PLO2,6,10
	CLO2	Phân tích được cấu trúc chương trình các môn khoa học Mác – Lênin ở các trường chuyên nghiệp	PLO5,10
	CLO3	Luận giải được quan điểm hiện đại về đổi mới phương pháp dạy học	PLO5,10
	CLO4	Khái quát được lý luận chung về kiểm tra, đánh giá	PLO10
CO2	CLO5	Phân tích các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin	PLO10
CO3	CLO6	Sử dụng được kiến thức nền tảng, chuyên sâu về Triết học để dạy học các môn khoa học Mác – Lênin ở trường chuyên nghiệp	PLO3,11
	CLO7	Áp dụng được kiến thức nền tảng, chuyên sâu về Kinh tế chính trị trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin ở trường chuyên nghiệp	PLO3,11
	CLO8	Vận dụng được kiến thức nền tảng, chuyên sâu về Chủ nghĩa xã hội khoa học để dạy học các môn khoa học Mác – Lênin ở trường chuyên nghiệp	PLO3,11
Kỹ năng			
CO4	CLO9	Giao tiếp hiệu quả và thuyết trình được các vấn đề thuộc khoa học Mác - Lênin	PLO2,11, 12,13,15
CO5	CLO10	Sử dụng được thành thạo những kiến thức đã học để xây dựng kế hoạch bài dạy gắn với những nội dung kiến thức đặc thù của khoa học Mác – Lênin	PLO4,6,9, 10
CO6	CLO11	Thực hiện được hoạt động dạy học các môn khoa học Mác – Lênin trên cơ sở vận dụng các hình thức và phương pháp dạy học tích cực	PLO4,6,9, 10
	CLO12	Thực hiện được hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin	PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO13	Độc lập giải quyết được các nhiệm vụ cá nhân trong việc giải quyết các nhiệm vụ của môn học	PLO6,11
	CLO14	Hợp tác có hiệu quả trong các hoạt động nhóm để giải quyết nhiệm vụ của môn học	PLO6,11,12, 13

CO8	CLO15	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn để phát triển năng lực, đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ	PLO6,9,11 12,13,15
	CLO16	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp ở các vị trí việc làm khác nhau.	PLO9,11,12, 13,15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (GPLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1		x				x				x					
CLO2					x					x					
CLO3					x					x					
CLO4										x					
CLO5										x					
CLO6			x								x				
CLO7			x								x				
CLO8			x								x				
CLO9		x									x	x	x		x
CLO10				x		x			x	x					
CLO11				x		x			x	x					
CLO12										x					
CLO13						x					x				
CLO14						x					x	x	x		
CLO15						x			x		x	x	x		x
CLO16									x		x	x	x		x
MDG	0	1	1	1	1	2	0	0	2	3	3	1	1	0	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin. Sau khi học xong học phần này, người học có được những kỹ năng cơ bản để thiết kế và tổ chức dạy học các môn khoa học Mác – Lênin đạt hiệu quả cao; hình thành ở người học khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; khả năng vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn để phát triển kỹ năng dạy học các môn khoa học Mác – Lênin theo hướng tiếp cận năng lực và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục hiện nay.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 02 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1- 16
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- 16
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-16
4	A4. Thực hành	10	02	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO6- CLO12
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1 – 5
	A5. Bài kiểm tra định kì 2		01		CLO6-16
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1 – 16

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
-------------------------------------	--	-----------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.4. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc

			logic nhưng còn 1 vài sai sót quan trọng	một vài sai sót nhỏ	
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

đủ và đáp ứng yêu cầu		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lí luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo ((2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lí luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lí luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

9.2. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Nguyễn Thị Khương (2020), *Đề cương bài giảng Phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin*.
- [5] Nguyễn Lăng Bình (chủ biên) (2010), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, (Bộ Giáo dục và đào tạo, Dự án Việt – Bỉ), Nxb Đại học Sư Phạm.
- [6]. Nguyễn Thị Khương (2015), “*Dạy học hợp tác – phương thức dạy học theo định hướng phát triển năng lực*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 143, số 13/1.
- [7]. Nguyễn Thị Khương (2018), “*Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trung học phổ thông*”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 179 (03).
- [8]. Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Khương, *Bồi dưỡng giáo viên Giáo dục công dân ở các trường THPT về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phần "Giáo dục kinh tế" theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*, Tạp chí Khoa học & Công nghệ, tập 226, số 04, tr.91-100, ISSN 1859-2171; 2734-9098
- [9]. Nguyễn Thị Khương, *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Triết học Mác – Lênin ở trường ĐHSP, ĐHTN*, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 5/2022 (kỳ 2), ISSN 1859-3917, tr.344-348,365.
- [10]. Nguyễn Thị Khương (2021), *Phát triển chương trình, sách giáo khoa GDCC ở phổ thông*, NXB Đại học Thái Nguyên

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Khái lược được những quan niệm cơ bản về phương pháp dạy học, phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin
LLO2	Phân tích được những yêu cầu và nguyên tắc cơ bản trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin
LLO3	Giải thích được các đặc trưng, ưu, nhược điểm của một số phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin
LLO4	Luận giải được xu hướng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực
LLO5	Giải thích được các lý thuyết dạy học tiếp cận năng lực
LLO6	Phân tích được một số kỹ thuật và phương pháp dạy học tích cực trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin
LLO7	Lựa chọn và phân tích được những đơn vị kiến thức triết học cơ bản trong chương trình các môn khoa học Mác – Lênin
LLO8	Lựa chọn và phân tích được những đơn vị kiến thức Kinh tế chính trị cơ bản trong chương trình các môn khoa học Mác – Lênin
LLO9	Lựa chọn và phân tích được những đơn vị kiến thức Chủ nghĩa xã hội khoa học cơ bản trong chương trình các môn khoa học Mác – Lênin
LLO10	Phân tích được một số quy định, nguyên tắc, yêu cầu kiểm tra đánh giá các môn khoa học Mác - Lênin
LLO11	Giải thích được một số định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin
LLO12	Phân biệt và đánh giá được ưu, nhược điểm của các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin
LLO13	Trao đổi được với nhóm, thuyết trình được các nguyên tắc cần quán triệt trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin
LLO14	Giảng được 1 tiết trên lớp theo giáo án đã soạn
LLO15	Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Triết học Mác – Lênin
LLO16	Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin
LLO17	Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học
LLO18	Thực hành được giờ dạy môn Triết học Mác – Lênin có sự vận dụng hình thức và phương pháp dạy học tích cực
LLO19	Thực hành được giờ dạy môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin có sự vận dụng hình thức và phương pháp dạy học tích cực
LLO20	Thực hành được giờ dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học có sự vận dụng hình thức và phương pháp dạy học tích cực
LLO21	Thiết kế được công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Triết học Mác – Lênin
LLO22	Thiết kế được công cụ kiểm tra, đánh giá môn Kinh tế chính trị
LLO23	Thiết kế được công cụ kiểm tra, đánh giá môn Chủ nghĩa xã hội khoa học
LLO24	Độc lập tư duy và phân tích được một số phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin
LLO25	Tự nghiên cứu và soạn được giáo án vận dụng các phương pháp dạy học tích cực đối với các nội dung thuộc Khoa học Mác – Lênin
LLO26	Tự thiết kế được ma trận đề kiểm tra cho các môn học thuộc khoa học Mác - Lênin
LLO27	Trao đổi được với nhóm về kỹ thuật viết câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra, đánh giá các môn khoa học Mác – Lênin.

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO28	Giảng được các đơn vị kiến thức khác nhau trên cơ sở vận dụng các phương pháp dạy học tích cực
LLO29	Vận dụng được kỹ năng giao tiếp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp ở các vị trí việc làm khác nhau.
LLO30	Vận dụng được kỹ năng thuyết trình và năng lực dạy học để đổi mới sáng tạo, phát triển nghề nghiệp ở các cơ sở giáo dục khác nhau

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
LLO1	x															
LLO2		x														
LLO3		x														
LLO4			x			x										
LLO5							x									
LLO6								x								
LLO7						x										
LLO8							x									
LLO9								x								
LLO10				x												
LLO11				x												
LLO12					x											
LLO13									x							
LLO14									x							
LLO15										x						
LLO16										x						
LLO17										x						
LLO18											x					
LLO19											x					
LLO20											x					
LLO21												x				
LLO21												x				
LLO23												x				
LLO24													x			
LLO25													x			

LLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
LLO26													x			
LLO27														x		
LLO28															x	
LLO29																x
LLO30																x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Lý luận chung về phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1- LLO6	A.Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (8 tiết) 1.1. Khái luận về phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin 1.1.1. Quan niệm về phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin 1.1.2. Những yêu cầu cơ bản khi giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin 1.2. Những nguyên tắc cơ bản trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin 1.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học 1.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính Đảng 1.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn 1.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức 1.3.Quan điểm hiện đại về phương pháp dạy học tích cực 1.3.1.Phương pháp dạy học tích cực 1.3.2.Xu hướng đổi mới phương pháp dạy học 1.3.3. Đổi mới phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin 1.4. Các lý thuyết và hình thức tổ chức dạy học các môn khoa học Mác – Lênin 1.4.1. Các lý thuyết dạy học 1.4.1.1. Dạy học kiến tạo 1.4.1.2. Dạy học tương tác 1.4.1.3. Dạy học trải nghiệm 1.4.1.4. Dạy học phân hóa 1.4.2 Các hình thức tổ chức dạy học 1.4.2.1.Thảo luận và sêminar	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp thuyết trình, thảo luận, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác	A1 A5 A6	[1] Chương 1 [2]. Đọc phần thứ nhất và phần thứ hai [6], [7] Đọc toàn bộ

	1.4.2.2. Thực hành môn học 1.4.2.3. Hình thức tự học 1.4.2.4. Dạy học toàn lớp, dạy học theo nhóm và dạy học cá nhân 1.4.2.5. Dạy học trên lớp 1.4.2.6. Dạy học ngoài lớp 1.5. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin 1.5.1. Một số phương pháp dạy học tích cực 1.5.1.1. Nêu vấn đề 1.5.1.2. Thảo luận 1.5.1.3. Dự án 1.5.1.4. Đóng vai 1.5.2. Một số kỹ thuật dạy học các môn khoa học Mác – Lênin 1.5.2.1. Kỹ thuật khăn trải bàn 1.5.2.2. Kỹ thuật mảnh ghép 1.5.2.3. Kỹ thuật KWLH 1.5.2.4. Kỹ thuật ổ bi 1.5.2.5. Kỹ thuật sơ đồ tư duy 1.5.2.6. Kỹ thuật XYZ 1.5.2.7. Kỹ thuật phòng tranh 1.5.2.8. Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi 1.5.2.9. Kỹ thuật bể cá			
LLO13	*Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) 1. Phân tích các ưu điểm và nhược điểm khi vận dụng phương pháp dạy học hợp tác trong dạy học các môn KHMLN 2. Phân tích các ưu điểm và nhược điểm khi vận dụng phương pháp dạy học đóng vai trong dạy học các môn KHMLN	Định hướng sinh viên độc lập nghiên cứu vấn đề và trình bày vấn đề theo sơ đồ tư duy Yêu cầu SV - Báo cáo trước lớp và nộp báo cáo cho GV	A1 A2	[1] Chương 1
LLO3, 5	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Phân tích các nguyên tắc điển hình trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin	Sinh viên tiến hành làm việc nhóm thông qua việc nghiên cứu tài liệu ở nhà. Hoàn thành sản phẩm thuyết trình chủ đề trước lớp.	A1 A3 A6	[1] Chương 1 [2]. Đọc phần thứ nhất và phần thứ hai
LLO1-6	B. Nội dung tự học (20 tiết) Đọc tài liệu và khái quát các nội dung:	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1] Chương 1

	- Cấu trúc, nội dung chương trình của các môn khoa học Mác - Lênin - Những yêu cầu cơ bản khi giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin - Những nguyên tắc cơ bản trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin. - Xu hướng đổi mới phương pháp dạy học - Các lý thuyết dạy học - Đánh giá ưu, nhược điểm phương pháp nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai. - Sơ đồ hóa một số kỹ thuật dạy học cơ bản.			[2]. Đọc phần thứ nhất và phần thứ hai
Chương 2: Vận dụng hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin				
LLO7 LLO17	A.Nội dung thực hiện trên lớp (32 tiết) *Nội dung giảng dạy lý thuyết (15 tiết) 2.1. Phương pháp dạy học phần Triết học Mác - Lênin 2.1.1. Nội dung chương trình 2.1.2. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình 2.1.3. Phương pháp dạy học nội dung 2.3.1. Phương pháp dạy học phần chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.3.2. Phương pháp dạy học phần chủ nghĩa duy vật lịch sử 2.2. Phương pháp dạy học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2.2.1. Nội dung chương trình 2.2.2. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình 2.2.3. Phương pháp dạy học nội dung 2.2.3.1. Phương pháp dạy học phần Phương thức sản xuất kinh tế tư bản chủ nghĩa 2.2.3.2. Phương pháp dạy học phần Kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.3. Phương pháp dạy học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học 2.3.1. Nội dung chương trình 2.3.2. Các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình 2.3.3. Phương pháp dạy học nội dung 2.3.3.1. Phương pháp dạy học phần sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	Giảng viên sử dụng kết hợp các phương pháp thuyết trình, thảo luận. dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác	A1 A5 A6	[1] Chương 2 [3], [4], [5] Đọc toàn bộ [9] Đọc toàn bộ

	2.3.3.2.Phương pháp dạy học phần Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.3.3.3.Phương pháp dạy học phần Các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.			
LLO18 LLO19 LLO20 LLO29 LLO30	* Nội dung thực hành (7 tiết) Thực hành giảng 01 giáo án về nội dung bất kỳ của khoa học MLN	Thực hành nhóm	A1 A4 A6	[1] Chương 2
LLO24 LLO25	* Nội dung bài tập: (5 tiết) Thiết kế kế hoạch bài dạy học 1 bài/ chương thuộc nội dung kiến thức phần Triết học Mác – Lênin/Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Định hướng sinh viên đọc lập nghiên cứu vấn đề Yêu cầu SV: - Báo cáo trước lớp và nộp sản phẩm cho GV	A1 A2	[1] Chương 2 [3], [4], [5] Đọc toàn bộ
LLO28 LLO29 LLO30	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) Thảo luận cách tiếp cận giảng 1 học phần KHMLN theo định hướng PTNL người học.	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo. Hình thức thảo luận theo trạm	A1 A3 A6	[1] Chương 2 [3], [4], [5] Đọc toàn bộ
LLO11 LLO12	B. Nội dung tự học (46 tiết) - Sinh viên nghiên cứu giáo trình các môn Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học (Chương trình dành cho các trường Đại học khối chuyên ngành). - Khái lược cấu trúc chương trình, mục tiêu, nội dung cơ bản của từng môn học. - Rèn luyện kỹ năng thuyết trình cho sinh viên	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1	[1] Chương 2 [3], [4], [5] Đọc toàn bộ
	* Kiểm tra định kỳ bài số 1 Thời gian: 50 phút Hình thức: Tự luận Lý thuyết: 01 tiết Tự học: 02 tiết		A5	[1] Đọc chương 1,2
Chương 3: Kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin				

LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (121tiết)	Giảng viên sử	A1	[1] Đọc
LLO11	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (5 tiết)	dụng kết hợp	A5	chương 3
LLO12	3.1. Một số vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin 3.1.1. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin 3.1.2. Quy trình thiết kế một kế hoạch kiểm tra, đánh giá trên lớp 3.2. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin 3.2.1. Định hướng chung về kiểm tra, đánh giá 3.2.2. Một số yêu cầu cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin 3.3. Một số hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin 3.3.1. Một số hình thức kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin 3.3.2. Một số phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin 3.3.3. Một số công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác - Lênin	các phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề, sử dụng công nghệ thông tin để giảng dạy nội dung vị trí, vai trò các nhiệm vụ dạy học.	A6	[2]. Đọc phần thứ hai [3], [4], [5] Đọc toàn bộ [8] Đọc toàn bộ
LLO11	* Nội dung bài tập cá nhân (3 tiết)	Định hướng	A1	[1] Đọc
LLO12	1. Thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá môn Triết học MLN	sinh viên đọc	A2	chương 3

	2. Thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá môn KTCT MLN 3. Thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá môn CNXHKH	lập nghiên cứu vấn đề Yêu cầu SV - Báo cáo trước lớp và nộp sản phẩm cho GV sau tiết học		[2]. Đọc phần thứ hai [3], [4], [5] Đọc toàn bộ
LLO12 LLO13 LLO26 LLO27	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Thiết kế đặc tả và ma trận câu hỏi kiểm tra, đánh giá các học phần Triết học Mác – Lênin/Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Chủ nghĩa xã hội khoa học (Chương trình đại học khối chuyên ngành; Mỗi ma trận thiết kế câu hỏi kiểm tra, đánh giá cho 1 tiết) 2. Thiết kế đề tự luận kiểm tra, đánh giá cho từng học phần Triết học Mác Triết học, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học	-Định hướng thảo luận nhóm -Yêu cầu SV + Thảo luận nhóm, viết báo cáo - Mỗi SV thiết kế 1 ma trận cho 1 đề kiểm tra trên lớp - Báo cáo trước lớp, nộp sản phẩm cho GV	A1 A3 A6	[1] Đọc chương 3 [2]. Đọc phần thứ hai [3], [4], [5] Đọc toàn bộ
LLO11 LLO12 LLO13	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đọc tài liệu, tóm lược các nội dung : + Vai trò của kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin + Quy trình thiết kế một kế hoạch kiểm tra, đánh giá trên lớp. + Một số định hướng và yêu cầu cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin + Sơ đồ hóa một số hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá - Sinh viên chuẩn bị nội dung tự học ở nhà, thực hiện tập cá nhân	- Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến nội dung. - Hoàn thành các sản phẩm cho giảng viên	A1	[1] Đọc chương 3 [2]. Đọc phần thứ hai [3], [4], [5] Đọc toàn bộ
	* Kiểm tra định kỳ bài số 2 Thời gian: 50 phút Hình thức: Tự luận Lý thuyết: 01 tiết Tự học: 02 tiết		A5	[1] Đọc chương 3 [3], [4], [5] Đọc toàn bộ

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: sạch, thoáng, đủ ánh sáng.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng viết, máy chiếu và các thiết bị kèm.
- Điều kiện khác: Loa, micro, bút dạ, bút màu, giấy A0.

7.62: 60SDP931, Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật (SKILLS IN LEGAL DISSEMINATION AND LEGAL PROPAGANDA)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
38.	Lý thuyết	30		60
39.	Bài tập	8		32
40.	Thực hành	8		
41.	Thảo luận	10		
42.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng				92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa: Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
86.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
87.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
88.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1. Phân tích được vấn đề chung về kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

CO2. Vận dụng được các kiến thức về kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường vào hoạt động thực tiễn của bản thân.

*** Về kỹ năng**

CO3. Thực hiện thành thạo các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường.

CO4. Tổ chức được các hoạt động giáo dục pháp luật có sử dụng các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5. Thực hiện được hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan khi tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

CO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học một cách sáng tạo vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật.	PLO1, PLO3, PLO4

	CLO2	Xác định được các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường.	PLO1,PLO2, PLO4
CO2	CLO3	Sử dụng được một số kỹ năng phù hợp để giáo dục pháp luật cho học sinh trung học.	PLO1, PLO3, PLO5
Kỹ năng			
CO3	CLO4	Thực hiện được các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở trường trung học.	PLO6,PLO11, PLO12
	CLO5	Phối hợp được với những tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các kỹ năng tuyên truyền phổ biến pháp luật trong trường phổ thông.	PLO7, PLO9,PLO11
CO4	CLO6	Thiết kế được các hoạt động giáo dục pháp luật có sử dụng các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã học.	PLO6, PLO9,PLO11
	CLO7	Tổ chức được các hoạt động giáo dục pháp luật có sử dụng các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã học.	PLO9,PLO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO5	CLO8	Ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan trong các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật.	PLO13
	CLO9	Thể hiện thái độ phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.	PLO13
CO6	CLO10	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học một cách sáng tạo vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.	PLO15

5. Mức đóng góp (MDG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1	x		x	x											
CLO2	x	x	x	x											
CLO3	x		x	x											
CLO4						x					x	x			
CLO5					x				x		x				
CLO6						x			x		x				
CLO7									x		x				
CLO8													x		
CLO9													x		
CLO10															x
MDG	2	1	2	2	1	2	1	1	2	0	3	1	2	0	1

Ghi chú: “0” = Đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý

luận về tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Học phần giúp người học hiểu rõ những điểm đặc thù của hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường, từ đó xác định được những kỹ năng thích hợp với hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học rèn luyện phát triển các kỹ năng này.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-10
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-10
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-10
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1,2
6	A6. Bài kiểm tra định kì số 2			Đáp án, thang điểm	CLO3,4
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn	Lập luận cơ bản	Lập luận chặt	Lập luận chặt

học logic		chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic	đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

*** Rubric đánh giá bài thực hành nhóm**

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (chủ biên), Nguyễn Mai Anh (2022), Giáo trình Pháp luật học, Nxb Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ (2011), Chuyên đề Phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

[3]. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Trình bày được khái niệm, vai trò của kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong giáo dục pháp luật.
LLO2	Xác định được các kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật cơ bản
LLO3	Phân tích được khái niệm, đặc điểm hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường.
LLO4	Xác định được những kỹ năng phù hợp để tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường.
LLO5	Đưa ra được các giải pháp phát triển kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường.
LLO6	Phân loại được các kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng để giáo dục pháp luật ở trường trung học.
LLO7	Sử dụng được các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp trong nhà trường cho những trường hợp cụ thể.
LLO8	Thể hiện được kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp cho học sinh trung học.
LLO9	Xây dựng được tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.
LLO10	Thực hiện được các kỹ năng để tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trong sinh hoạt ngoại khóa
LLO11	Phối hợp được với những tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các kỹ năng tuyên truyền phổ biến pháp luật trong trường phổ thông.
LLO12	Hướng dẫn được người khác thực hiện các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường.
LLO13	Xây dựng được kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật có sử dụng các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã học.
LLO14	Tự điều chỉnh để hoàn thiện được các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã học.
LLO15	Thực hành được các kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật sử dụng các kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã học.
LLO16	Thực hiện được các hoạt động giao tiếp phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.
LLO17	Phê phán được những hành vi vi phạm quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.
LLO18	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học một cách sáng tạo để thực hiện các nhiệm vụ tự học, làm việc nhóm.

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
LLO1	x									
LLO2	x									
LLO3		x								
LLO4		x								
LLO5		x								
LLO6			x							
LLO7			x							
LLO8				x						
LLO9				x						
LLO10				x						
LLO11					x					
LLO12					x					
LLO13						x				
LLO14						x				
LLO15							x			
LLO16								x		
LLO17									x	
LLO18										x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (22 tiết) * Nội dung lí thuyết: (14 tiết) 1.1. Khái niệm, đặc điểm kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật 1.1.1. Khái niệm kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A5, A7	[1]. Chương 2 [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV

	1.1.2. Đặc điểm kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật 1.2. Vai trò của kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong giáo dục pháp luật 1.3. Các kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật cơ bản	- <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>		
LLO2, 18	* Nội dung bài tập cá nhân: (04 tiết) 1. Kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật có đặc điểm gì khác với một số kỹ năng mềm khác? 2. Phân tích 1 kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp mà anh (chị) cho rằng bản thân cần hoàn thiện nhất. Giải thích rõ tại sao?	<i>GV hướng dẫn SV làm bài tập trên lớp.</i>	A1, A5, A2, A7	[1]. Chương 2 [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4, 11,12, 18	* Nội dung thảo luận: (04 tiết) <i>SV thảo luận các nội dung sau đây:</i> 1. Phân tích vai trò của kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong giáo dục pháp luật 2. Theo anh (chị) kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật nào là quan trọng nhất?	<i>SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả trước lớp.</i>	A1, A5, A3, A7	[1]. Chương 2 [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO18	B. Nội dung tự học (36 tiết) - <i>Nội dung tự học của người học:</i> + <i>Đọc tài liệu về tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường theo yêu cầu của GV.</i> + <i>Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu.</i>	<i>GV kiểm tra nội dung tự học bằng phát vấn trên lớp.</i>	A1, A5, A7	[1]. Chương 2 [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV

Chương 2. Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong nhà trường

LLO4, 7,8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 2.1. Khái niệm và đặc điểm hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường 2.2. Những kỹ năng thích hợp với hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong nhà trường 2.3. Phát triển kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong nhà trường	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Dạy học dựa trên vấn đề</i>	A1, A5, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
-----------	---	--	------------	---------------------------------------

LLO1-6	* Bài kiểm tra định kì số 1: (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	SV làm bài KT theo quy định.	A5	[1], [2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4, 8,18	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. Phân tích những điểm đặc thù của hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhà trường. 2. Xây dựng kế hoạch phát triển 1 kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong nhà trường mà anh (chị) cho rằng cần thiết nhất.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.	A1, A2,A5, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4, 7,11, 12	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) SV thảo luận các nội dung sau đây: 1. Giải thích tại sao các kỹ năng: tuyên truyền miệng; kỹ năng xây dựng tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin... lại được coi là thích hợp với hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong nhà trường?	SV thảo luận theo nhóm và thuyết trình kết quả thảo luận trước lớp.	A1, A3,A5, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO13, 18	B. Nội dung tự học (36 tiết) - Nội dung tự học của người học: + Đọc tài liệu về kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo hướng dẫn của GV. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu. + Hoàn thành bài tập cá nhân.	GV kiểm tra bài tập và nội dung đọc tài liệu bằng phát vấn trên lớp.	A1, A5, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV

Chương 3: Thực hành một số kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong nhà trường

LLO6, 9,10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 3.1. Thực hành kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp 3.2. Thực hành kỹ năng xây dựng tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường 3.3. Thực hành kỹ năng tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trong sinh hoạt ngoại khóa	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề	A1, A6, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO7-10	* Bài kiểm tra định kì số 2: (01 tiết) thời gian làm bài 60 phút, hình thức kiểm tra tự luận	SV làm bài kiểm tra trên lớp		[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV

	<i>luận, yêu cầu SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.</i>	<i>theo quy định.</i>		
LLO9, 10,18	* Nội dung bài tập cá nhân: (02 tiết) 1. Xây dựng kế hoạch 1 buổi nói chuyện về Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. 2. Xây dựng kế hoạch tổ chức 1 cuộc thi tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng.	SV làm bài tập theo hướng dẫn của GV.	A1, A2, A6, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO11, 12,13, 14,15, 16	* Nội dung thực hành: (08 tiết) Mỗi nhóm lựa chọn 1 hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật để tổ chức tại lớp học (nội dung tuyên truyền theo bất thăm hoặc chỉ định của GV).	SV thực hành theo nhóm và nộp SP thực hành cho GV đánh giá.	A1, A4	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO12, 16,17	* Nội dung thảo luận: (03 tiết) SV thảo luận theo nhóm các nội dung sau: 1. Phân tích những thuận lợi và khó khăn của thành viên trong nhóm khi phát triển các kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật trong nhà trường. Đề xuất giải pháp khắc phục các khó khăn đã được nêu ra.	- SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp.	A1, A3, A6, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO18	B. Nội dung tự học: (36 tiết) - Các nội dung tự học: Đọc tài liệu về giáo dục pháp luật theo yêu cầu của GV.	SV ghi chép tóm tắt các nội dung đã tự học và nộp cho GV đánh giá.	A1, A6, A7	[2], [3] Đọc theo hướng dẫn của GV

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.
- Điều kiện khác: đảm bảo cho giờ dạy

7.63: 60EED931, Giáo dục môi trường (INRONMENTAL EDUCATION)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		

5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Tự chọn thay thế KLTN
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, Kinh tế và PPDH; Khoa: GDCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
89.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
90.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
91.	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
92.	Th.s. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Hiểu và phân tích được những kiến thức về môi trường, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trên khía cạnh môi trường

CO 2. Phân tích được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trên thế giới và ở VN; đề xuất được các giải pháp cơ bản để bảo vệ môi trường

CO 3. Phân tích được nội dung và phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở trường phổ thông

* Về kỹ năng

CO4. Rèn luyện kỹ năng phản biện, đánh giá thực trạng môi trường và công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam

CO5. Rèn luyện kỹ năng thiết kế, tổ chức một giờ trải nghiệm thực tế cho học sinh với chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường

CO6. Biết soạn giáo án tích hợp chủ đề bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò của công dân trong việc bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

CO8. Có tinh thần chủ động, tích cực trong bảo vệ môi trường và biết tuyên truyền tình yêu thiên nhiên, môi trường cho người học.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
	Kiến thức		
CO1	CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về môi trường và phân tích được các vấn đề về môi trường trên thế giới và ở Việt Nam	PLO1,3

	CLO2	Phân tích được cấu trúc của tam giác phát triển bền vững và mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường	PLO1,3
CO2	CLO3	Giải thích được tính tất yếu của việc cần thiết phải giáo dục BVMT cho học sinh phổ thông	PLO1,3,13
	CLO4	Phân tích được mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản trong giáo dục BVMT cho học sinh	PLO1,3,13
CO3	CLO5	Phân tích được những nội dung cơ bản về giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở trường phổ thông	PLO4,11,13
	CLO6	Phân tích được các phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở trường phổ thông	PLO4,11,13
Kĩ năng			
CO4	CLO7	Biết hùng biện, thuyết trình một chủ đề về bảo vệ môi trường	PLO4, 11
CO5	CLO8	Thiết kế, tổ chức được một giờ trải nghiệm thực tế cho học sinh với chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường	PLO4,11
CO6	CLO9	Thiết kế được giáo án tích hợp chủ đề bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế	PLO4,11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO10	Tự giác, tích cực bảo vệ quan điểm phát triển bền vững	PLO3,13
	CLO11	Tích cực giáo dục cho học sinh ở trường trung học hiểu rõ về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường	PLO3,15
CO8	CLO12	Chủ động, tích cực trong bảo vệ môi trường	PLO15
	CLO13	Tuyên truyền, vận động học sinh biết yêu quý, trân trọng thiên nhiên và môi trường	PLO15

5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	x		x												
CLO2	x		x												
CLO3	x		x										x		
CLO4	x		x										x		
CLO5				x							x		x		
CLO6				x							x		x		
CLO7				x							x				
CLO8				x							x				

CLO9				x							x				
CLO10	x												x		
CLO11	x														
CLO12															x
CLO13															x
MĐG	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	1

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (0-29% số CLOs đóng góp cho PLO); “2” = Mức trung bình (30-59% số CLOs đóng góp cho PLO); “3” = Mức cao (60-100% số CLOs đóng góp cho PLO).

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung về môi trường gồm các khái niệm; các nội dung cơ bản về phát triển bền vững, về vai trò của việc bảo vệ môi trường trong để đảm bảo phát triển bền vững, về ô nhiễm môi trường sinh thái và các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường như việc cần thiết phải giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, các nguyên tắc, các phương pháp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh...

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; làm bài tập đầy đủ...

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên)

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: 1 bài tự học cá nhân và 1 bài tự học nhóm.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-13
2	A2. Bài tập cá nhân	5	02	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-13

3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1-13
4	A4. Thực hành nhóm	10	02	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 1-13
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-13
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Thi tự luận đề mở	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 – 13

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian giao hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn

				thời gian gia hạn	
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kĩ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

Kết quả được giải thích và chứng minh		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Ngôn ngữ hình thể tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có ngôn ngữ hình thể	Sử dụng ngôn ngữ hình thể tương đối tốt	Sử dụng ngôn ngữ hình thể tốt	Sử dụng ngôn ngữ hình thể rất tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng

				những câu hỏi chưa trả lời được	
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

9. Học liệu

9.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (2025), Giáo dục môi trường, NXB Đại học Thái Nguyên.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vũ Trọng Dung, Đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái (sách chuyên khảo), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2009.

[3]. Các Mác và Ph. Ăng ghen, Toàn tập, Tập 20, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994

[4]. Nguyễn Thị Khương, Vai trò của Nhà nước trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện CTQG HCM, 2014

[5]. Nguyễn Thị Khương, Quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên ở các tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam, NXB Đại học Thái Nguyên, 2015.

[6]. Nguyễn Thị Khương, *Đạo đức học môi trường và vai trò của nhà trường sư phạm trong việc giáo dục đạo đức học môi trường cho thế hệ trẻ*, Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Đại học Sư phạm toàn quốc, Lần thứ nhất, năm 2011.

[7]. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996

9.3. Website

[8]. Tham khảo các website: monge.gov.vn; vietnamnet.vn; dantri.com.vn; ciren.gov.vn; gdla.gov.vn; va.gov.vn; baotainguyenmoitruong.vn...

10. Nội dung chi tiết của học phần

10.1. Chuẩn đầu ra chương/bài học (LLOs)

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO1	Giải thích được khái niệm môi trường, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội
LLO2	Phân biệt được các thành phần của môi trường tự nhiên
LLO3	Chứng minh được những vấn đề về môi trường trên thế giới
LLO4	Chứng minh được những vấn đề về môi trường ở Việt Nam
LLO5	Giải thích được vì sao phải bảo vệ môi trường tự nhiên
LLO6	Trình bày được các biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên
LLO7	Nêu được khái niệm phát triển bền vững
LLO8	Trình bày được các yếu tố của PTBV và PTBV ở Việt Nam hiện nay
LLO9	Giải thích được vì sao phải kết hợp giữa TTKT với BVMT ở VN

LLOs	Nội dung chuẩn đầu ra của chương/bài học
LLO10	Phân tích được mối quan hệ giữa TTKT với BVMT ở VN
LLO11	Trình bày được khái niệm và các thành tố cấu thành đạo đức môi trường
LLO12	Giải thích được vì sao phải giáo dục đạo đức môi trường cho học sinh
LLO13	Thiết kế và thuyết trình được mô hình trực quan về giáo dục phát triển bền vững và giáo dục đạo đức môi trường
LLO14	Trình bày được mục đích, nhiệm vụ của việc giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường phổ thông
LLO15	Đề xuất và luận giải được các nguyên tắc cơ bản trong giáo dục bảo vệ môi trường ở nhà trường phổ thông
LLO16	Phân tích được nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong môn giáo dục công dân ở trường phổ thông
LLO17	Vận dụng được các phương pháp, biện pháp giáo dục bảo vệ môi trường trong dạy học môn giáo dục công dân ở trường phổ thông
LLO18	Vận dụng kiến thức đã học về đạo đức môi trường vào thiết kế kế hoạch dạy học, kế hoạch trải nghiệm có tích hợp nội dung kiến thức giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh
LLO19	Thiết kế được đề kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục bảo vệ môi trường trong môn giáo dục công dân ở trường phổ thông

10.2. Ma trận liên kết LLOs và CLOs

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO1	x									x		x	
LLO2	x									x		x	
LLO3	x									x		x	
LLO4	x									x		x	
LLO5	x						x			x		x	
LLO6	x						x			x		x	
LLO7		x								x		x	
LLO8		x						x		x		x	
LLO9		x					x			x		x	
LLO10		x								x		x	
LLO11			x								x		x
LLO12			x								x		x
LLO13							x				x		x
LLO14				x							x		x
LLO15				x							x		x

LLOs	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)												
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
LLO16					x						x		x
LLO17						x					x		x
LLO18								x	x		x		x
LLO19								x	x		x		x

10.3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về môi trường và bảo vệ môi trường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 1.1. Những vấn đề chung về môi trường 1.1.1. Một số khái niệm	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A6	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5]: Đọc chương 1 [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO2	1.1.2. Phân loại và các thành phần của môi trường tự nhiên	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5]: Đọc chương 1 [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO3	1.2. Những vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam 1.2.1. Những vấn đề môi trường trên thế giới	- Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu Yêu cầu đối với SV: Xem phim tư liệu, thảo luận nhóm và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5]: Đọc chương 1 [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO4	1.2.2. Những vấn đề môi trường ở Việt Nam	- Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu Yêu cầu đối với SV: thảo luận nhóm và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5]: Đọc chương 1 [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO5	1.3: Tính tất yếu của việc bảo vệ môi trường tự nhiên và các biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời	A1, A6	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5]: Đọc chương 1

	1.3.1. Tính tất yếu của việc bảo vệ môi trường tự nhiên	các vấn đề trao đổi trên lớp		[3],[7],[8: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO6	1.3.2 Các biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên	- Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nêu và giải quyết các vấn đề trao đổi trên lớp	A1	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5: Đọc chương 1 [3],[7],[8: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO2 LLO4	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết): - Phân tích các thành tố cấu thành môi trường tự nhiên ở nước ta - Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên - Làm Infographic về bảo vệ môi trường tự nhiên ở Việt Nam	Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với sinh viên: giải quyết vấn đề, làm bài tập cá nhân ra giấy và nộp sản phẩm	A1; A2.	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5: Đọc chương 1 [3],[7],[8: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO3 LLO4	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trên thế giới và ở VN	Thảo luận nhóm Yêu cầu đối với sinh viên: - Đọc tài liệu, thực hiện thảo luận theo nhóm. - Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp	A1;A 3	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5: Đọc chương 1 [3],[7],[8: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO1 đến LLO6	B. Nội dung tự học (18 tiết) Thực hiện các yêu cầu sau: Tìm hiểu và vẽ sơ đồ tư duy về các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương anh/chị và chỉ ra các biện pháp khắc phục.	Hướng dẫn sinh viên vẽ sơ đồ tư duy bằng các loại hình khác nhau; hướng dẫn sinh viên cách khai thác tư liệu về ô nhiễm môi trường ở địa phương. Yêu cầu đối với SV: hoàn thiện sơ đồ tư duy, nộp sản phẩm và thuyết trình trước lớp đối với yêu cầu 2	A1, A2	[1] Đọc chương 1 [2],[4],[5: Đọc chương 1 [3],[7],[8: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
Chương 2. Phát triển bền vững và đạo đức môi trường				
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (7 tiết) 2.1. Phát triển bền vững 1.2.1. Khái niệm PTBV	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A6	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp

LLO8	1.2.2. Các trụ cột của PTBV và PTBV ở Việt Nam hiện nay	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO9	2.2. Mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam 2.2.1. Tính tất yếu của việc kết hợp giữa TTKT với BVMT ở VN	- Dạy học nêu vấn đề - Thảo luận nhóm. Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng, thảo luận và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO10	2.2.2. Nội dung mối quan hệ giữa TTKT với BVMT ở VN	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A6	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO11	2.3. Đạo đức môi trường 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Các thành tố của đạo đức môi trường	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A6	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO12	2.3.3. Giáo dục đạo đức môi trường cho học sinh	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A6	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO8	* Nội dung thảo luận nhóm (4 tiết) - Thảo luận các trụ cột của “tam giác phát triển bền vững” trên thế giới - Thảo luận về phát triển bền vững ở Việt Nam trên khía cạnh môi trường tự nhiên	Thảo luận theo nhóm Yêu cầu đối với SV: Đọc tài liệu, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm trước lớp, nộp sản phẩm cho GV	A1, A3	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO13	* Nội dung thực hành: (3 tiết) - Thiết kế mô hình dạy học trực quan về chủ đề bảo vệ môi trường	Thảo luận theo nhóm Yêu cầu đối với SV: Các nhóm thiết kế mô hình và trình bày sản phẩm trước lớp.	A1, A4	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ

	- Vận dụng mô hình trực quan trong dạy học giáo dục môi trường cho học sinh ở 1 bài cụ thể			[3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO7 đến LLO13	B. Nội dung tự học (21 tiết) Xây dựng sơ đồ tư duy về các kiến thức đã học theo nhóm	Hướng dẫn sinh viên vẽ sơ đồ tư duy Yêu cầu đối với SV: Đọc tài liệu, hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy, nộp sản phẩm cho GV	A1, A3	[1] Đọc chương 2 [2],[4],[5]: Đọc chương 2 [6] Đọc toàn bộ [3],[7],[8]: Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
	Kiểm tra: Lý thuyết: 01 tiết Tự học: 03 tiết		A5	
Chương 3. Giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở trường phổ thông				
LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (8 tiết) 3.1. Mục đích, nhiệm vụ của việc giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường phổ thông 3.1.1. Mục đích 3.1.2. Nhiệm vụ	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 3 [8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO15	3.2. Các nguyên tắc cơ bản trong giáo dục bảo vệ môi trường ở nhà trường phổ thông	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng và trả lời các vấn đề trao đổi trên lớp	A1, A6	[1] Đọc chương 3 [8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO16	3.3. Những nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong môn giáo dục công dân ở trường phổ thông	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm Yêu cầu đối với SV: Nghe giảng, trả lời câu hỏi của GV, thảo luận nhóm	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 3 [8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO14	* Nội dung thảo luận nhóm (3 tiết) - Vì sao cần giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh? - Phân tích các biện pháp giáo dục môi trường cho học sinh THCS và học sinh THPT	Thảo luận nhóm Yêu cầu đối với sinh viên: Thảo luận theo nhóm, báo cáo kết quả, chuẩn bị câu hỏi cho nhóm khác và nộp sản phẩm cho GV	A1, A3	[1] Đọc chương 3 [8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO14 LLO15	B. Nội dung tự học (19 tiết)	Hướng dẫn sinh viên cách thức tìm hiểu nội	A1, A2	[1] Đọc chương 3

LLO16	Tìm hiểu nội dung giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tại địa phương nơi sinh sống	dung giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tại địa phương nơi sinh sống Yêu cầu đối với sinh viên: Tự tìm hiểu, đọc tài liệu, hệ thống hóa kiến thức, nộp sản phẩm cho GV		[8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
Chương 4. Các phương pháp dạy học bảo vệ môi trường trong môn giáo dục công dân ở trường phổ thông				
LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (9 tiết) 4.1. Các phương pháp, biện pháp dạy học bảo vệ môi trường trong môn giáo dục công dân ở trường phổ thông	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học nêu vấn đề Yêu cầu đối với SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV, thảo luận nhóm	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 4 [8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO19	4.2. Đo lường, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục bảo vệ môi trường môn giáo dục công dân ở trường phổ thông	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm Yêu cầu đối với SV: Ghi chép, trả lời câu hỏi của GV, thảo luận nhóm	A1, A6	[1] Đọc chương 4 [8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO19	* Nội dung bài tập cá nhân (7 tiết) - Giảng 1 tiết kế hoạch bài dạy về giáo dục môi trường - Thiết kế đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan đánh giá về bảo vệ môi trường của học sinh THPT.	Dạy học theo nhóm Yêu cầu đối với sinh viên: Làm bài tập cá nhân, nộp sản phẩm	A1, A2	[1] Đọc chương 4 [8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO18	* Nội dung thực hành (3 tiết) 1. Tổ chức giờ hoạt động ngoại khóa/trải nghiệm cho học sinh về chủ đề bảo vệ môi trường 2. Giảng 1 đơn vị kiến thức môn GD CD có tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh	Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: -Thiết kế hoạt động theo nhóm và thuyết trình ý tưởng trước lớp -Giảng theo nhóm trước lớp	A1, A3, A4	[1] Đọc chương 4 [8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
LLO18	B. Nội dung tự học (31 tiết) Thiết kế kế hoạch bài dạy có tích hợp nội dung giáo dục	Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch bài dạy	A1, A2	[1] Đọc chương 4

	bảo vệ môi trường cho học sinh	Yêu cầu đối với sinh viên: Thiết kế kế hoạch bài dạy, nộp sản phẩm		[8]. Đọc theo chỉ dẫn của GV trên lớp
	Kiểm tra Lý thuyết: 01 tiết Tự học: 03 tiết		A5	

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: Phòng đủ chỗ ngồi, có thể kê bàn ghế thảo luận theo nhóm, sạch sẽ, đủ ánh sáng...
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng, máy chiếu có kết nối Internet, máy ghi hình, loa, mic

VIII. Danh mục học liệu (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	60SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	<i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
				<i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>	Nguyễn Thị Khương (chủ biên)	Nhà xuất bản Công thương, Hà Nội	2021
				<i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2007
				<i>Giáo trình Triết học Mác - Lênin</i>	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.	1999

				<i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long chủ biên	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2004
				Website	http://dangcongsan.vn/ , http://chinhphu.vn/ , https://vtv.vn/ , http://quochoi.vn/ , http://www.tuyengiao.vn/ , http://triethoc.edu.vn/ , ...		
2	60SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	<i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học – chuyên ngành lý luận chính trị)</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
				<i>Thành phần kinh tế TBTN trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá;</i>	Nguyễn Thanh Tuyền	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2002
				<i>Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam</i>	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2002
				<i>Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về phương thức sản xuất TBCN</i>	Học viện CTQG Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2001
				<i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin</i>	Bộ Giáo dục - Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
				Website	http://www.sbv.gov.vn; http://www.chinhphu.vn; http://www.dangcongsan.vn; http://www.lyluanchinhtri.vn; http://www.tapchicongsan.org.vn.		
3	60SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<i>), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (Dành cho bậc đại học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021

				hệ không chuyên Lý luận chính trị)			
				<i>Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,</i>	Đảng cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2011
				<i>Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, II</i>	Đảng cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
				<i>Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)</i>	Đảng cộng sản Việt Nam	Nxb Sự thật, Hà Nội	2011
				<i>Giáo trình chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	Trần Thị Lan	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2023
4	60HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
				Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Khánh Bật (Chủ biên)	NXB Lý luận chính trị, Hà Nội,	2000
				Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh	Đinh Xuân Lý - Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên)	NXB Lý luận chính trị, Hà Nội	2008
				Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc	Song Thành	NXB Lý luận chính trị	2005

				Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	1996,2001, 2006,2011, 2016,2021
					Chỉ thị số 03 – CT/TW ngày 14/5/2011 và 05 ngày 15/5/ 2016 của Bộ Chính trị (đọc trên Website: http://tulieuvankien.dangcongsan.vn).		
				Website	Nghị quyết Trung ương IV khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” - ban hành ngày 16/1/2012, (đọc trên Website: http://tulieuvankien.dangcongsan.vn).		
5	60HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	<i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho bậc Đại học Hệ chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia sự thật	2021
				<i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2006
				<i>Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các Đại hội và Hội nghị Trung ương (1930 - 2002)</i>	Nguyễn Trọng Phúc	Nxb Lao động, Hà Nội.	2003
				<i>Các Cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	Lê Mậu Hãn	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2001
				<i>Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam dưới dạng hỏi và đáp</i>	Bùi Kim Đỉnh (chủ biên)	NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.	2007

				Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.	2011
				Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.	2016
				Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, tập II	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
				Webside	]. www.cpv.org.vn , www.lyluanchinhtri.vn		
6	60GEL121	Pháp luật đại cương	2	<i>Giáo trình Pháp luật đại cương,</i>	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb Đại học Sư phạm.	2015
				Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb Công an nhân dân.	2016
				Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946) (2014),		Nxb Lao động.	2014
				Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017)		Nxb Lao động.	2017

				Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017),			
				Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017),		Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.	2017
				Luật hôn nhân và gia đình: có hiệu lực từ ngày 1/1/2015		Nxb Lao động.	2014
				Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016)		Nxb Lao động.	2017
				Luật Phòng Chống tham nhũng		Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.	2018
				Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013): Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính		Nxb Lao động.	2014
				Luật Bình đẳng giới (hiện hành),		Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.	(thiếu năm)

				Website	- cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật: http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx - Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật: http://www.moj.gov.vn/Pages/vbpq.aspx		
7	60ENG131	Tiếng Anh 1	3	Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition).	Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P,	Singapore : Cengage Learning Asia.	2022
				<i>English Vocabulary in use.</i>	Redman, Stuart	Cambridge University Press.	2003
				<i>English grammar in use.</i>	Murphy, Raymond	Cambridge University Press	2019
				Website	https://learn.eltngl.com/ https://www.instructure.com/ https://classroom.google.com/		
8	60ENG132	Tiếng Anh 2	3	Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition).	Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P,	Singapore : Cengage Learning Asia.	2022
				<i>English Vocabulary in use.</i>	Redman, Stuart	Cambridge University Press.	2003
				<i>English grammar in use.</i>	Murphy, Raymond	Cambridge University Press	2019
				Website	https://learn.eltngl.com/ https://www.instructure.com/ https://classroom.google.com/		
9	60ENG143	Tiếng Anh 3	4	Life: A2-B1. Student's Book 2nd	Hughes. J, Stephenson.	Singapore : Cengage	2022

				Edition. (Vietnam Edition).	H, & Dummet. P,	Learning Asia.	
				<i>English Vocabulary in use.</i>	Redman, Stuart	Cambridg e University Press.	2003
				<i>English grammar in use.</i>	Murphy, Raymond	NXB Thời đại	2011
				Website	https://learn.eltngl.com/ https://www.instructure.com/ https://classroom.google.com/		
10	60GIF131	Tin học đại cương	3	Tin học đại cương	Trần Ngọc Hà, Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Thu Hiền,	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	2023
				Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở	Phạm Hồng Thái, Dư Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu (	NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội	2008
				Tin học cơ sở,	Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy	NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.	2006
				Website	https://support.microsoft.com/en-us/training		
11	60PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	Giáo Trình Bơi	Đào Thị Hoa Quỳnh, Nguyễn Huy Ánh, Trần Minh Khương	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2023
				Giáo trình bơi thể thao	Ngô Xuân Viện	NXB – Thể dục thể thao, Hà Nội	2015

				Bơi lội	Nguyễn Văn Trạch	NXB TDTT, Hà Nội	1999
12	60PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	Giáo trình Thể dục Aerobic,	Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Thị Kim Lan,	NXB TDTT, Hà Nội	2014
				Giáo trình Bóng rổ,	Nguyễn Đức Trường, Lê Trọng Đồng	Nxb ĐHTN	2019
				Luật thi đấu Bóng rổ	Tổng cục TDTT	NXB TDTT Hà Nội	2015
				Giáo trình Đá cầu	Đào Thị Hoa Quỳnh	NXB ĐH Thái Nguyên	2021
				Luật thi đấu đá cầu	Tổng cục TDTT,	NXB TDTT, Hà Nội	2015
				Giáo trình Võ thuật	Nguyễn Văn Chung	NXB Đại học Sư phạm	2007
				Kỹ thuật Vovinam Việt võ đạo (tập 1)	Lê Quốc Ân chủ biên	NXB Thể dục thể thao Hà Nội	2009
				Luật thi đấu Vovinam, 2018	Tổng cục Thể dục thể thao	NXB Hồng Đức	2018
				<i>Giáo trình thể dục Aerobic tập 1</i>	TS Nguyễn Văn Thời, ThS. Lê Minh Hường, ThS. Trần Thị Thu Trang	NXB TDTT Hà Nội	
				Bóng rổ trong trường phổ thông	Đinh Quang Ngọc	NXB TDTT Hà Nội	2013

				<i>Phương pháp giảng dạy và huấn luyện Đá cầu</i>	Vụ TDTT quần chúng	NXB Đại học Sư phạm,	2009
				Website	- Vovinamthainguyen.vn - Nguồn hướng dẫn tập luyện Võ thuật trên Youtube: https://www.youtube.com/		
13	60PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	<i>Khiêu vũ Thể thao</i>	Vũ Thanh Mai,	NXB TDTT Hà Nội	2011
				Giáo Trình Bóng đá	PGS.TS Trần Đức Dũng	Nxb TDTT, Hà Nội	2007
				Giáo trình bóng chuyền,	Nguyễn Đức Tuân (Chủ biên), Trương Tấn Hùng	NXB Đại học Thái Nguyên	2020
				Giáo trình cầu lông	Nguyễn Văn Đức , Trần Văn Vinh	NXB TDTT Hà Nội	2016
				Luật thi đấu Cầu Lông	Tổng cục TDTT	NXB TDTT Hà Nội	2015
				Băng đĩa hình; video	Giảng viên giảng dạy cung cấp cho sinh viên.		
				Luật thi đấu Bóng đá	Tổng cục TDTT	NXB TDTT Hà Nội	2014
				Luật Bóng chuyền và luật Bóng chuyền bãi biển	Tổng cục TDTT	NXB TDTT Hà Nội	2015
				Bóng chuyền	Iu. KLESEP –	NXB TDTT, Hà Nội	1997

					AG. AIRIANX		
14	60MIE131	Giáo dục quốc phòng					
15	60AED231	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	3	<i>Giáo trình Mỹ học</i>	Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Hà (đồng chủ biên)	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2016
				<i>Giáo trình mỹ học Mác - Lênin</i>	Đỗ Huy - Nguyễn Văn Huyền - Nguyễn Ngọc Long	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2000
				<i>Mỹ học Mác - Lênin</i>	Đỗ Văn Khang (chủ biên), Đỗ Huy, Nguyễn Văn Huyền	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2004
				<i>Mỹ học đại cương</i>	Thế Hùng (2006)	Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.	2006
				C.Mác – Ăngghen (1995), <i>Toàn tập</i> , Tập 3, 20, 42,	C.Mác – Ăngghen	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	1995
				<i>Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ</i>	Vũ Minh Tâm	Nxb Giáo dục, Hà Nội.	1998
				Website	http://dangcongsan.vn/ , http://chinhphu.vn/ , https://vtv.vn/ , http://quochoi.vn/ , www.gso.gov.vn/ , http://tapchikhxh.vass.gov.vn/ .		
16	60LOG231	Lô gic học	3	<i>Giáo trình lôgic học</i>	Đồng Văn Quân	Nxb Đại học Thái Nguyên	2014

				<i>Giáo trình Logic học</i>	Viện Triết học, Học viện CTQGHCM	Nxb lý luận chính trị	2006
				<i>Logic học</i>	Tô Duy Hợp và Nguyễn Anh Tuấn	NXB Đồng Nai	1997
				<i>Logic học đại cương</i>	Vương Tất Đạt	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2000
				<i>Giáo trình logic học đại cương,</i>	Nguyễn Như Hải	Nxb Giáo dục	2007
				<i>Giáo trình logic hình thức</i>	Bùi Thanh Quát, Nguyễn Tuấn Chi	Hà Nội	1994
				<i>Giáo trình logic học hình thức,</i>	Vũ Thị Tùng Hoa	Thái Nguyên	2014
17	60CUL231	Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam	3	<i>Giáo trình Văn hoá học</i>	Nguyễn Thị Thường	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội	2008
				<i>Đề cương bài giảng môn Văn hoá học</i>	Vũ Thị Tùng Hoa	Đại học Sư phạm, Thái Nguyên.	2012
				<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	Trần Ngọc Thêm	Nxb Giáo dục.	1999
				<i>Giáo trình Tôn giáo học</i>	Vũ Minh Tuyên	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.	2013
				<i>Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	Đặng Đình Siêu	Nxb Đại học Sư phạm.	2008
				Website	http://www.vanhoahoc.vn/ http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvhh-nhung-van-de-chung/2569-tran-ngoc-them-khai-luan-ve-van-hoa.html		

18	60EDE231	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	3	<i>Giáo trình Đạo đức học</i>	Vũ Thị Tùng Hoa	Nxb Giáo dục	2012
				Đề cương bài giảng <i>Đạo đức học và giáo dục đạo đức</i>	Nguyễn Thị Khương	Đại học Sư phạm - ĐHTN	2024
				<i>Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay</i>	Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (đồng chủ biên)	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2013
				<i>Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, 2</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật	2021
				<i>Giáo trình Đạo đức học Mác - Lênin (Hệ cử nhân chính trị),</i>	Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.	2004
				<i>Quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên ở các tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam</i>	Nguyễn Thị Khương (chủ biên)	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2015
				C.Mác và Ph.Ăngghen, <i>Toàn tập</i> , tập 3, tập 20,	C.Mác và Ph.Ăngghen	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	1994
				<i>Toàn tập</i> , tập 5, tập 9	Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	1995
				Sách giáo khoa: lớp 6,7,8,9,10,11,12 (có thể sử dụng các bộ sách: Cánh diều, Kết nối tri thức với cuộc			

				sống, Chân trời sáng tạo được xuất bản và tái bản các năm theo Chương trình GDPT 2018)			
				<i>Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa</i>	Nguyễn Hữu Toàn, Nguyễn Thị Khương (đồng chủ biên), Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy	NXB Đại học Thái Nguyên.	2019
				Website	<i>triethoc.edu.vn; triethoc.info.vn; vietnamnet; dantri, dhsptn.edu.vn...</i>		
19	60FEC231	Kinh tế học đại cương	3	<i>Giáo trình Kinh tế học đại cương</i>	Vũ Hồng Tiến, Phạm Thị Hồng Điệp	NXB Đại học Sư phạm.	2008
				<i>Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô,</i>	Nguyễn Văn Công, Bộ môn Kinh tế vĩ mô – Trường ĐHKQTĐ	NXB Lao động.	2012
				<i>Giáo trình nguyên lý kinh tế vĩ mô,</i>	Nguyễn Văn Công, Bộ môn Kinh tế vĩ mô – Trường ĐHKQTĐ	NXB Lao động.	2010
				<i>Kinh tế học</i>	David Begg	NXB Thống kê.	2008
				<i>Bài tập Kinh tế vi mô</i>	Vũ Kim Dũng, Đinh Thiện Đức	NXB Văn hóa thông tin	2011
				<i>Đề cương bài giảng Kinh tế học đại cương</i>	Nguyễn Thị Mão, Trường ĐHSP Thái Nguyên,	NXB Giáo dục.	2011

				<i>Kinh tế học vi mô</i>	Cao Thúy Xiêm	NXB Đại học KTQD	2008
				<i>Kinh tế phát triển (Dùng cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị),</i>	Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Giang	NXB Khoa học Xã hội	2022
20	60LSE231	Giáo dục kỹ năng sống	3	<i>Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống</i>	Nguyễn Thanh Bình	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2010
				<i>Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học kỹ năng sống</i>	Vũ Thị Tùng Hoa (2016)	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2016
				<i>Hiệu trưởng trường trung học với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lý</i>	Lục Thị Nga, Nguyễn Thanh Bình	Nxb Hà Nội, Đại học Sư phạm.	2012
				<i>Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống giúp bạn gạt hái sự thành công</i>	Nguyễn Công Khanh	Nxb Hà Nội, Đại học Sư phạm.	2014
				<i>Rèn luyện kỹ năng sống và kỹ năng mềm cho sinh viên</i>	Huỳnh Văn Sơn (2020)	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.	2020
				Website	- http://kdiscovery.dhsptn.edu.vn/ - http://thuvien.ajc.edu.vn		
21	60IAE231	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	<i>Giáo trình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp,</i>	Nguyễn Hữu Long (chủ biên), Trần Thị Hồng,	Nxb Thanh niên.	2022

					Phạm Thị Lan Phương, Hồ Minh Nhật, Hoàng Hà, Ngô Hữu Thống		
				Tài liệu tham khảo về hỗ trợ khởi nghiệp: Dành cho sinh viên các trường đại học.	Bộ Giáo dục và đào tạo		2017
				Tài liệu giáo dục khởi nghiệp dung cho giáo viên trung học cơ sở.	Bộ Giáo dục và đào tạo		2017
				Tài liệu giáo dục khởi nghiệp dung cho giáo viên trung học phổ thông.	Bộ Giáo dục và đào tạo		2017
				Luật khoa học và công nghệ			
22	60MCM231	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3	<i>Tập bài giảng về chủ nghĩa tư bản hiện đại</i>	Nguyễn Khắc Thân (2002)	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2002
				<i>Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Mâu thuẫn nội tại, xu thế và triển vọng</i>	Đỗ Lộc Diệp	Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.	2003
				<i>Chủ nghĩa tư bản đầu thế kỷ XXI</i>	Đỗ Lộc Diệp, Đào Huy Quát, Lê Văn Sang	Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.	2003
				<i>Chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI – Một cách tiếp cận từ lịch sử</i>	Trần Thị Vinh	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2011

				<i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học chuyên ngành lý luận chính trị)</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
				Website	http://www.sbv.gov.vn ; https://www.ssi.com.vn ; http://gso.gov.vn ; http://dangcongsan.vn		
23	60HFV231	Đại cương lịch sử Việt Nam	3	<i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i>	Nguyễn Quang Ngọc	Nxb Giáo dục, Hà Nội.	2000
				<i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i>	Trương Hữu Quýnh	Nxb Giáo dục, Hà Nội	1998
				<i>Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập 1,2,3</i>		Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2010
				<i>Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay</i>	Trần Bá Đệ	Nxb ĐH Quốc gia HN.	2000
				<i>Lịch sử Việt Nam hiện đại 1945-2000</i>	Nguyễn Xuân Minh	Nxb Giáo dục, Hà Nội	2006
24	60HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	<i>Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế,</i>	Ngô Thái Hà	NXB. Đại học Sư phạm.	2022
				<i>Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế</i>	Trần Bình Trọng	NXB. Thống kê	2003
				<i>Tìm hiểu môn học Lịch sử các Học thuyết kinh tế,</i>	An Như Hải	NXB. Lý luận chính trị.	2007
				<i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành</i>	Bộ GD-ĐT	NXB Chính trị	2021

				<i>cho bậc đại học – chuyên ngành lý luận chính trị)</i>		quốc gia, Hà Nội.	
25	60SCI231	Xã hội học	3	<i>Giáo trình xã hội học</i>	Lương Văn Úc	Nxb Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	2009
				<i>Đề cương bài giảng Xã hội học.</i>	Nguyễn Thị Hường		2024
				<i>Lịch sử xã hội học từ cổ đại đến thế kỷ XX</i>	Thanh Lê	Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.	2002
				<i>Xã hội học giáo dục,</i>	Mạc Văn Trang	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2011
				<i>Lịch sử và lý thuyết xã hội học</i>	Lê Ngọc Hùng	Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội	2002
26	60PBM231	Lịch sử triết học	3	<i>Lịch sử triết học</i>	Nguyễn Hữu Vui	Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.	2004
				<i>Giáo trình Lịch sử triết học</i>	Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Khương (chủ biên), ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS. Vũ Thị Thúy Hằng	Nxb ĐHTN.	2022
				<i>Lịch sử triết học - Dành cho chuyên ngành Giáo dục Chính trị</i>	Đông Văn Quân	Đại học Sư phạm, Thái Nguyên.	2010

				<i>Lịch sử triết học phương Đông</i>	Nguyễn Đăng Thục	Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.	2006
				<i>Lịch sử triết học,</i>	Trần Đăng Sinh	Nxb Đại học Sư phạm.	2009
				Website	https://moet.gov.vn/ ; http://btgcp.gov.vn/ ; https://voer.edu.vn/ , http://triethoc.edu.vn/ ...		
27	60EDL331	Giáo dục pháp luật 1	3	<i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i>	Bộ Giáo dục và đào tạo (2015)	Nxb Đại học Sư phạm.	2015
				Giáo trình Pháp luật học	Nguyễn Thị Khương (chủ biên), Nguyễn Mai Anh	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2022
				Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb Công an nhân dân.	2016
				Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946).		Nxb Lao động.	2014
				Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017)		Nxb Lao động	2017
				Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017)		Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật	2017

				Luật hôn nhân và gia đình: có hiệu lực từ ngày 1/1/2015		Nxb Lao động.	2014
				Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016)		Nxb Lao động.	2017
				Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013): Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính		Nxb Lao động	2014
28	60EDL332	Giáo dục pháp luật 2	3	Giáo trình Pháp luật học	Nguyễn Thị Khương (chủ biên), Nguyễn Mai Anh	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2022
				Chuyên đề Phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ		2011
				Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012			2012
29	60ECE331	Giáo dục kinh tế 1	3	<i>Đề cương bài giảng Giáo dục kinh tế 1.</i>	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN, Nguyễn Thị Hạnh,		2025

					Nguyễn Thị Mão		
				<i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học chuyên ngành lý luận chính trị)</i>	Bộ GD-ĐT	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021
				<i>Giáo trình Kinh tế học đại cương</i>	Vũ Hồng Tiến, Phạm Thị Hồng Điệp	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2008
				Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty,	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Mạnh Quân	NXB Đại học KTQD.	2007
				<i>Giáo trình Nguyên lý kinh tế vĩ mô,</i>	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Lao động.	2012
				<i>Giáo trình Kinh tế Phát triển (Dùng cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế)</i>	Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (2012)	NXB Đại học KTQD, Hà Nội	2012
				Website	www.gso.gov.vn/ , chinhphu.vn/ , dangcongsan.vn/ , https://molisa.gov.vn/ , https://doanhnhvan.vn/ ; ...		
30	60ECE332	Giáo dục kinh tế 2	3	<i>Đề cương bài giảng Giáo dục kinh tế 2.</i>	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Mão		2025
				<i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành</i>	Bộ GD-ĐT (2021)	NXB Chính trị	2021

				<i>cho bậc đại học chuyên ngành lý luận chính trị)</i>		quốc gia, Hà Nội	
				<i>Giáo trình Kinh tế học đại cương,</i>	Vũ Hồng Tiến, Phạm Thị Hồng Điệp	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2008
				<i>Giáo trình Văn hoá kinh doanh, phần 1, phần 2.</i>	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Dương Thị Liễu	NXB Đại học KTQD.	2012
				Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty,	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Mạnh Quân	NXB Đại học KTQD.	2007
				<i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i>	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga	NXB Đại học KTQD.	2016
				<i>Giáo trình Nguyên lý kinh tế vĩ mô</i>	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Lao động.	2012
				<i>Giáo trình Kinh tế Phát triển (Dùng cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế)</i>	Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung	NXB Đại học KTQD, Hà Nội	2012
				Website	www.gso.gov.vn/ , chinhphu.vn/ , dangcongsan.vn/ , http://khoinghiiep.org.vn/ , https://doanhnhnan.vn/ ; ...		

31	60TLH331	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3	<i>Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền công dân</i>	Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Mai Anh	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2022
				<i>Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946),</i>	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Nxb Lao động.	2014
32	60HET331	Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh	3	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</i>	<i>Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương</i>	<i>Nxb Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương</i>	2005
				<i>Giáo trình Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa</i>	Nguyễn Thị Khương, Nguyễn Hữu Toàn (đồng chủ biên)	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2019
				<i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị)</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật	2021
				<i>Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam		
33	60MOP331	Những vấn đề của thời đại ngày nay	3	<i>Giáo trình Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học,</i>	Trần Thị Lan	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2023
				<i>Những vấn đề của thời đại ngày nay</i>	Nguyễn Thị Hường	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2017

				<i>Giáo trình cao cấp Lý luận Chính trị- Khó khăn kiến thức thứ nhất - Tập 3: Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.	2015
				<i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị),</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.	2021
				<i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội,	2011
				Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011).	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội,	2011
				<i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII,</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.	2016
				<i>Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I,II</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội	2021
				<i>Thông tư 32/2018/TT/BGDĐT ngày 26/12/2018, Ban Hành Chương trình GDPT – Chương trình môn GD CD THCS và</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Giáo dục, Hà Nội	2018

				Chương trình môn GDKT&PL (Kèm theo thông tư 32)			
34	60CPR331	Hiến pháp và định chế chính trị	3	<i>Giáo trình Hiến pháp và định chế chính trị</i>	TS. Trần Thị Lan, ThS. Nguyễn Mai Anh	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2022
				<i>Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946)</i>	Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Nxb Lao động.	2014
35	60AIC331	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học GD CD	3	<i>Đề cương bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học môn GD CD.</i>	Trần Thị Lan		2025
				<i>Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân</i>	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018
				<i>Phương pháp dạy học GD CD ở phổ thông - Giáo trình nội bộ</i>	Nguyễn Thị Hường	NXB Đại học Thái Nguyên.	2016
				<i>Sách giáo khoa môn GD CD lớp 6</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021
				<i>Sách giáo khoa môn GD CD lớp 7</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2022
				<i>Sách giáo khoa môn GD CD lớp 8</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2023

				<i>Sách giáo khoa môn GDCD lớp 9</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2024
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2022
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2023
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2024
				<i>Giáo trình phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT</i>	Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh	Nxb Đại học Thái Nguyên	2023
				<i>Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT về việc hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2018
36	60SME331	Phương pháp nghiên cứu khoa học GDCD, GDCT		<i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học,</i>	Vũ Cao Đàm	Nxb Giáo dục, Hà Nội.	2018
				<i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	Phạm Viết Vượng	Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.	1997
				<i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học,</i>	Nguyễn Văn Lê	Nxb Trẻ, Hà Nội.	2001

37	60TGC331	Chuyên đề bình đẳng giới và quyền trẻ em	3	Luật Bình đẳng giới (hiện hành).	Quốc hội,		
				Luật trẻ em.	Quốc hội		2016
				<i>Giáo trình giới và phát triển</i>	Nguyễn Thị Thuận, Trần Xuân Kỳ	Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.	2009
				<i>Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, Hội nghị phụ nữ toàn cầu của Liên Hợp quốc, Bắc Kinh, Trung Quốc</i>	Liên Hợp quốc		1995.
				<i>Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ - CEDAW.</i>	Liên Hợp quốc		1979
				Công ước quốc tế về quyền trẻ em.	Liên hợp Quốc		1990
				<i>Tài liệu Hướng dẫn Lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách</i>	Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam	NXB Phụ nữ.	2008
				<u>Nghị định 144/2013/NĐ- CP</u> xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em	Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam		2013
38	60TER331	Chuyên đề dân tộc và tôn giáo	3	<i>Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</i>	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.	2019

				<i>Giáo trình Tôn giáo học,</i>	Vũ Minh Tuyên	NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.	2013
				<i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.	2021
				<i>Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2016
				<i>Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I,II</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.	2021
				C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập, tập 19, tập 21	C.Mác và Ph.Ăngghen	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995
				<i>Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5</i>	<i>Hồ Chí Minh</i>	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,	2000
				<i>Phật giáo với văn hóa Việt Nam</i>	Nguyễn Đăng Duy	Nxb Hà Nội	1999
				<i>Giáo trình tôn giáo học</i>	Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn	Nxb Đại học Sư phạm.	2005
				<i>Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam</i>	Nguyễn Đăng Duy	Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.	2003
39	60ACS331	Công tác Đảng và Đoàn thể ở	3	<i>Giáo trình công tác Đảng và đoàn thể trong trường học</i>	Võ Văn Lộc	NXB Giáo dục Việt Nam	2017

		trường phổ thông		<i>Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua ngày 22/04/2004</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị, quốc gia, Hà Nội.	2004
				<i>Luật Giáo dục Đại học (Sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2015, 2018)</i>		Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019
40	60RPE331	Thực tế chuyên ngành GD&ĐT	3	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của địa phương nơi đến thực tế (GV hướng dẫn thực tế cho SV sẽ cung cấp tài liệu trước khi SV tham gia chuyến đi thực tế)	GV hướng dẫn thực tế chuyên ngành		
41	60VSL331	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	3	<i>Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam</i>	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.	2015
				<i>Điểm chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại. T3 Tập 3 Hoàng Việt luật lệ,</i>	Nguyễn Ngọc Nhuận, Trần Thị Kim Anh, Lê Tuấn Anh	Nhà xuất bản Khoa học xã hội.	2011
				<i>Quốc triều hình luật thời Lê Sơ</i>		Nxb Chính trị Quốc gia	1995
42	60EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	<i>Giáo trình Tâm lý học giáo dục,</i>	Bộ môn Tâm lý học,	NXB Đại học Thái Nguyên.	2016
				<i>Tâm lý học giáo dục,</i>	Phạm Thành Nghị,	NXB ĐHQG Hà Nội.	2013

				<i>Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm,</i>	Lê Văn Hồng, (Chủ biên,	NXB ĐHQG Hà Nội.	2001
				<i>Các lý thuyết phát triển tâm lý người,</i>	Phan Trọng Ngọ, (Chủ biên)	NXB ĐHSP, Hà Nội.	2003
				<i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>	Nguyễn Quang Uẩn, (Chủ biên)	NXB ĐHSP, Hà Nội.	2009
43	60PEP431	Giáo dục học	3	Giáo trình Giáo dục học	Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lê Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thuý Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng	NXB Đại học sư phạm	2022
				<i>Giáo trình “Giáo dục học”</i>	Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Thị Minh Huế, Lê Công Thành	NXB Giáo dục.	2013
				<i>Lý luận giáo dục,</i>	Phan Thanh Long (chủ biên)	NXB Đại học sư phạm	2013
				<i>Giáo dục học tập I và tập II,</i>	Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt	NXB Giáo dục	1987
				<i>Giáo dục học đại cương tập I và tập II</i>	Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức	NXB Giáo dục.	2002
				Website	- Quốc hội (2019), Luật giáo dục Việt Nam tại địa chỉ: https://luatvietnam.vn/giao-		

					duc/luat-giao-duc-2019-175003-d1.html - Bộ GD&ĐT (2020), Công văn 5512 của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Giao-duc/Cong-van-5512-BGDDT-GDTrH-2020-xay-dung-va-to-chuc-thuc-hien-ke-hoach-giao-duc-cua-nha-truong-462988.aspx - Bộ GD&ĐT (2018); Thông tư 32/2018 tại địa chỉ: https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-169745-d1.html		
44	60COS431	Giao tiếp sư phạm	3	<i>Giáo trình Giao tiếp sư phạm</i>	Bộ môn Tâm lý học	NXB Đại học Thái Nguyên.	2019
				<i>300 tình huống giao tiếp sư phạm</i>	Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu	NXB Giáo dục.	2008
				<i>Giáo trình Giao tiếp sư phạm,</i>	Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn,	NXB ĐH Sư phạm.	2017
45	60TMC431	Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân, giáo dục chính trị	3	<i>Phương pháp dạy học GD&ĐT ở phổ thông- Giáo trình nội bộ</i>	Nguyễn Thị Hường	NXB Đại học Thái Nguyên	2016
				<i>Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông</i>	Nguyễn Thị Khương – Thái Hữu Linh	NXB Đại học Thái Nguyên.	2023
				<i>Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10,</i>	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB Giáo dục.	2022
				<i>Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11,</i>	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB Giáo dục.	2023

				<i>Sách giáo viên môn Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12,</i>	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB Giáo dục.	2024
				<i>Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông</i>	Bộ Giáo dục và đào tạo		2018
				<i>Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân.</i>	Bộ Giáo dục và đào tạo		2018
46	60DTE431	Phát triển chương trình giáo dục công dân	3	<i>Phát triển chương trình, sách giáo khoa GDCC ở phổ thông,</i>	Nguyễn Thị Khương	NXB Đại học Thái Nguyên	2021
				Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình môn GDCC.	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2018
				Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình tổng thể.	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2018
				<i>Tài liệu Hội thảo, Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2014
				<i>Giáo trình phát triển chương trình, sách giáo khoa Sinh học ở phổ thông,</i>	Nguyễn Phúc Chính (Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2014
				Sách giáo khoa lớp 6, 7, 8, 9; Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống (Có thể sử	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		

				dụng bản lần đầu và tái bản các năm)			
				Sách giáo khoa lớp 10, 11, 12; Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống (Có thể sử dụng bản lần đầu và tái bản các năm)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam		
				Website	https://moet.gov.vn/ ; http://rgep.moet.gov.vn/...		
47	60MCS431	Phương pháp dạy học GDCD 1	3	Chương trình GD phổ thông; Chương trình môn GDCD	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2018
				Chương trình GD phổ thông; Chương trình tổng thể	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2018
				Đề cương bài giảng Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THCS	Nguyễn Thị Khương		2021
				<i>Phát triển chương trình, sách giáo khoa GDCD ở phổ thông,</i>	Nguyễn Thị Khương	NXB Đại học Thái Nguyên	2021
				<i>Sách giáo khoa GDCD 6,</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam.	2022
				<i>Sách giáo khoa GDCD 7</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam.	2022
				<i>Sách giáo khoa GDCD 8</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam.	2023
				<i>Sách giáo khoa GDCD 9</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam.	2024

48	60MCS432	Phương pháp dạy học GD CD 2	3	<i>Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông;</i>	Nguyễn Thị Khương – Thái Hữu Linh	NXB Đại học Thái Nguyên.	2023
				<i>Hướng dẫn môn Giáo dục kinh tế và pháp luật,</i>	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nxb Đại học sư phạm.	2020
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10,</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2022
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11,</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2023
				<i>2024, Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12,</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2024
				<i>Giáo trình phương pháp dạy học GD CD ở THPT,</i>	Nguyễn Thị Hường	NXB Đại học Thái Nguyên.	2016
				<i>Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể.</i>	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018
				<i>Chương trình Giáo dục phổ thông, Chương trình môn Giáo dục công dân.</i>	Bộ Giáo dục và đào tạo		2018
49	60CTE431	Kiểm tra đánh giá trong dạy học GD CD	3	<i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Giáo dục Công dân,</i>	Ngô Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Khương, Nguyễn Thị Hường	Nxb Đại học Thái Nguyên	2021

50	60PSR431	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	3	<i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học,</i>	Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc	Nxb Đại học Quốc gia.	2017
				<i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục,</i>	Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh	Nxb Đại học Sư phạm.	2016
				<i>Tài liệu về kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở trung học phổ thông</i>		Nxb Đại học Quốc gia.	2013
				Website	https://moet.gov.vn/ ; http://cet.vnu.edu.vn ; https://voer.edu.vn/ , ...		
				<i>Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên</i>	Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thùy	Nxb Đại học sư phạm.	2020
				<i>Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 6</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021
				<i>Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 7</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2022
				<i>Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 8</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2023
				<i>Sách giáo khoa môn GD&ĐT lớp 9</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2024

				Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2022
				Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2023
				Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2024
				Giáo trình phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT	Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2023
				Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân.	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018
				Phương pháp dạy học GD&CD ở phổ thông- Giáo trình nội bộ	Nguyễn Thị Hường	NXB Đại học Thái Nguyên	2016
51	59PEH431	Thực hành sư phạm GDKT&PL	3	Sách giáo khoa GDKT&PL lớp 10	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb Giáo dục, Hà Nội	2022
				Sách giáo khoa GDKT&PL lớp 11	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb Giáo dục, Hà Nội.	2023
				Sách giáo khoa GDKT&PL lớp 12,	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb Giáo dục, Hà Nội	2024
				Giáo trình phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT,	Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh	Nxb Đại học Thái Nguyên	2023

				<i>Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể</i>	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018
				<i>Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân.</i>	Bộ Giáo dục & Đào tạo		2018
				<i>Phương pháp dạy học GD&ĐT ở phổ thông- Giáo trình nội bộ;</i>	Nguyễn Thị Hương	NXB Đại học Thái Nguyên	2016
52	60ICE431	Dạy học tích hợp trong dạy học GD&ĐT	3	<i>Đề cương bài giảng Dạy học tích hợp trong dạy học Giáo dục công dân</i>	Nguyễn Thị Khương, Ngô Thị Lan Anh, Trần Thị Lan		2025
				<i>Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình môn GD&ĐT</i>	Bộ giáo dục và đào tạo		2018
				<i>Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình tổng thể</i>	Bộ giáo dục và đào tạo		2018
				<i>Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông;</i>	Nguyễn Thị Khương – Thái Hữu Linh	NXB Đại học Thái Nguyên.	2023
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2022
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2023
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12,</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2024,

				Các bộ Sách giáo khoa GDCD các lớp 6,7,8,9: <i>Cánh diều, Chân trời sáng tạo, Kết nối tri thức với cuộc sống</i> (Có thể sử dụng tái bản qua các năm)	Bộ GD&ĐT		
53	60TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10/10/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.	Hiệu trưởng trường ĐHSP-ĐHTN		2011
				Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.	Hiệu trưởng trường ĐHSP-ĐHTN		2018
54	60TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10/10/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.	Hiệu trưởng trường ĐHSP-ĐHTN		2011

				Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.	Hiệu trưởng trường ĐHSP-ĐHTN		2018
				Phát triển chương trình, sách giáo khoa GDCD ở trường PT, Thái Nguyên	Nguyễn Thị Khương,	NXB Đại học	2021
				<i>Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình tổng thể</i>	Bộ giáo dục và đào tạo		2018
				<i>Chương trình Giáo dục phổ thông; Chương trình môn Giáo dục công dân.</i>	Bộ giáo dục và đào tạo		2018
55	60DOE431	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học GDCD	3	<i>Sách giáo khoa môn GDCD lớp 6</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021
				<i>Sách giáo khoa môn GDCD lớp 7</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2022
				<i>Sách giáo khoa môn GDCD lớp 8</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2023
				<i>Sách giáo khoa môn GDCD lớp 9</i>	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2024
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 10</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2022

				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 11</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2023
				<i>Sách giáo khoa môn GDKT&PL lớp 12</i>	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	Nxb Đại học Huế.	2024
				Giáo trình phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT	Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2023
				<i>Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân.</i>	Bộ Giáo dục &Đào tạo		2018
				<i>Phương pháp dạy học GD&CD ở phổ thông- Giáo trình nội bộ;</i>	Nguyễn Thị Hường	NXB Đại học Thái Nguyên	2016
56	60PSC431	Xử lý tình huống sư phạm GD&CD	3	<i>Tình huống sư phạm trong công tác GD&HS THPT</i>	Bùi Thị Mùi	NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.	2004
				<i>Đề cương bài giảng môn Xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD&CD</i>	Nguyễn Thị Khương		
				<i>Bài tập tình huống quản lý giáo dục,</i>	Nguyễn Đình Chính	NXB Giáo dục, Hà Nội.	1995
57	60SRH431	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	3	<i>Giáo trình giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản,</i>	Nguyễn Văn Cư	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2009

				<i>Đề cương bài giảng môn Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản</i>	Phạm Thị Huyền		
				<i>Chuyên đề bồi dưỡng giáo viên THPT môn Giáo dục công dân</i>		NXB Đại học quốc gia, Hà Nội	2013
				<i>Tài liệu hỗ trợ giáo viên tập sự môn Giáo dục công dân, Hà Nội.</i>	Vũ Thị Tùng Hoa – Nguyễn Thị Hoàng Lan		2013
				<i>Quyết định số 122/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.</i>	Thủ tướng Chính phủ		
				<i>Tài liệu tập huấn giáo sinh về nội dung Giáo dục phòng chống HIV/AIDS.</i>	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc		2003
58	60POL961	Khoá luận tốt nghiệp	6				
59	60OWE931	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD CD	3	<i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông,</i>	Nguyễn Thị Liên – chủ biên	NXB Giáo dục.	2016
				<i>Đề cương bài giảng môn Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn GD CD,</i>	Nguyễn Thị Hường	ĐHSP TN.	2011

				<i>Chương trình giáo dục phổ thông - HĐGD ngoài giờ lên lớp</i>	Bộ GD&ĐT		2006
				Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể.	Bộ GD&ĐT		2018
60	60FAE931	Giáo dục gia đình	3	<i>Gia đình và giáo dục gia đình,</i>	Nguyễn Thị Phương Thủy, Nguyễn Thị Thọ	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.	2014
				<i>Đề cương bài giảng Giáo dục gia đình</i>	Trần Thị Lan		2020
				<i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị),</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
				<i>C. Mác – Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 3, Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước,</i>	C.Mác – Ph.Ăngghen	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	1995
				Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5,	Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2000
				Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9,	Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2000
				Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 12,	Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.	2011

61	60MTM931	Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin	3	<i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lí luận chính trị),</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
				<i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lí luận chính trị),</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.	2021
				<i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lí luận chính trị),</i>	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
				<i>Đề cương bài giảng Phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin.</i>	Nguyễn Thị Khương		2020
				<i>Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học, (Bộ Giáo dục và đào tạo, Dự án Việt – Bỉ),</i>	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	Nxb Đại học Sư Phạm.	2010
				<i>“Dạy học hợp tác – phương thức dạy học theo định hướng phát triển năng lực”,</i>	Nguyễn Thị Khương	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 143, số 13/1.	2015
				<i>“Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trung học phổ thông”,</i>	Nguyễn Thị Khương	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 179 (03).	2018

				<i>Bồi dưỡng giáo viên Giáo dục công dân ở các trường THPT về phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phần "Giáo dục kinh tế" theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh,</i>	Trần Thị Lan, Nguyễn Thị Khương	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, tập 226, số 04, tr.91-100, ISSN 1859-2171; 2734-9098	
				<i>Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Triết học Mác – Lênin ở trường ĐHSP, ĐHTN</i>	Nguyễn Thị Khương	Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 5/2022 (kỳ 2), ISSN 1859-3917, tr.344-348,365	2022
				<i>Phát triển chương trình, sách giáo khoa GDCD ở phổ thông,</i>	Nguyễn Thị Khương	NXB Đại học Thái Nguyên	2021
62	60SDP931	Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	3	Giáo trình Pháp luật học,	Nguyễn Thị Khương (chủ biên), Nguyễn Mai Anh	Nxb Đại học Thái Nguyên.	2022
				Chuyên đề Phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ		2011
				Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012			2012

63	60EED931	Giáo dục môi trường	3	Giáo dục môi trường,	Nguyễn Thị Khương	NXB Đại học Thái Nguyên.	2025
				Đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái (sách chuyên khảo),	Vũ Trọng Dung	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2009
				Các Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Tập 20	Các Mác và Ph. Ăng ghen	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	1994
				Vai trò của Nhà nước trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay,	Nguyễn Thị Khương	Luận án Tiến sỹ Triết học, Học viện CTQG HCM	2014
				Quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên ở các tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam	Nguyễn Thị Khương	NXB Đại học Thái Nguyên	2015
				<i>Đạo đức học môi trường và vai trò của nhà trường sư phạm trong việc giáo dục đạo đức học môi trường cho thế hệ trẻ</i>	Nguyễn Thị Khương,	Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Đại học Sư phạm toàn quốc, Lần thứ nhất, năm 2011.	2011
				Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9	Hồ Chí Minh	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	1996
				Website	monge.gov.vn; vietnamnet.vn; dantri.com.vn; ciren.gov.vn; gdla.gov.vn; va.gov.vn; baotainguyenmoitruong.vn...		

IX. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

ST T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Giảng dạy bằng Tiếng Anh	Đơn vị công tác
1	60SPH131	Triết học Mác - Lênin	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thanh Hà	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thúy Hằng	Th.S	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thu Hiền	Th.S	Triết học		GDCT
2	60SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Nguyễn Thị Mão	Th.S	KTCT		GDCT
				Nguyễn Thị Hạnh	Th.S	KTCT		GDCT
3	60SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Hoàng Thu Thủy	TS	LSD		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Trần Thanh An	Th.S	LSD		GDCT
				Lý Trung Thành	TS	LSD		GDCT
4	60HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Hoàng Thu Thủy	TS	LSD		GDCT
				Phạm Thị Huyền	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSD		GDCT
				Nguyễn Thị Minh Hiền	Th.S	LSD		GDCT
				Trần Thanh An	Th.S	LSD		GDCT
				Lý Trung Thành	TS	LSD		GDCT
5	60HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	Hoàng Thu Thủy	TS	LSD		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSD		GDCT

				Nguyễn Thị Minh Hiền	Th.S	LSD		GDCT
				Trần Thanh An	Th.S	LSD		GDCT
				Lý Trung Thành	TS	LSD		GDCT
6	60GEL121	Pháp luật đại cương	2	Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSD		GDCT
				Phạm Thị Huyền	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
7	60ENG131	Tiếng Anh 1	3	Nguyễn Quốc Thủy	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Vì Thị Trung	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Nguyễn T. Hạnh Phúc	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Đỗ T. Ngọc Phương	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Phùng Thị Thanh Tú	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Trần Thị Thảo	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Nguyễn Quốc Thủy	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
8	60ENG132	Tiếng Anh 2	3	Nguyễn Quốc Thủy	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Vì Thị Trung	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Nguyễn T. Hạnh Phúc	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Đỗ T. Ngọc Phương	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Phùng Thị Thanh Tú	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Trần Thị Thảo	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
9	60ENG143	Tiếng Anh 3	4	Nguyễn Quốc Thủy	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ

				Vi Thị Trung	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Nguyễn T. Hạnh Phúc	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Đỗ T. Ngọc Phương	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Phùng Thị Thanh Tú	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
				Trần Thị Thảo	Th.S	Tiếng anh		Ngoại ngữ
10	60GIF131	Tin học đại cương	3	Nguyễn Văn Trường	TS	Tin học		Toán
				Trần Ngọc Hà	TS	Tin học		Toán
				Ngô Thị Tú Quyên	TS	Tin học		Toán
				Lê Bích Liên	Th.S	Tin học		Toán
				Th.S Phạm Văn Tiến	Th.S	Tin học		Toán
				Nguyễn Thị Thu Hiền	TS	Tin học		Toán
				Vũ Đức Quang	TS	Tin học		Toán
				Cáp Thanh Tùng	Th.S	Tin học		Toán
11	60PHE111	Giáo dục thể chất 1		Đào ngọc Anh	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Nguyễn Đức Tuấn	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Lê Văn Hùng	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Trần Minh Khương	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Nguyễn Thành Trung	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Nguyễn Đức Trường	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Nguyễn Nhạc	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Nguyễn Huy Ánh	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Trần Thị Tú	TS	TĐTT		TĐTT
				Mã Thiêm Phách	Th.S	TĐTT		TĐTT
				Nguyễn Duy Nam	TS	TĐTT		TĐTT

				Ma Đức Tuấn	TS	TDTT		TDTT
				Nguyễn Mạnh Hùng	TS	TDTT		TDTT
12	60PHE112	Giáo dục thể chất 2		Đào ngọc Anh	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Đức Tuấn	Th.S	TDTT		TDTT
				Lê Văn Hùng	Th.S	TDTT		TDTT
				Trần Minh Khương	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Thành Trung	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Đức Trường	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Nhạc	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Huy Ánh	Th.S	TDTT		TDTT
				Trần Thị Tú	TS	TDTT		TDTT
				Mã Thiêm Phách	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Duy Nam	TS	TDTT		TDTT
				Ma Đức Tuấn	TS	TDTT		TDTT
				Nguyễn Mạnh Hùng	TS	TDTT		TDTT
				Đào ngọc Anh	Th.S	TDTT		TDTT
13	60PHE113	Giáo dục thể chất 3		Nguyễn Đức Tuấn	Th.S	TDTT		TDTT
				Lê Văn Hùng	Th.S	TDTT		TDTT
				Trần Minh Khương	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Thành Trung	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Đức Trường	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Nhạc	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Huy Ánh	Th.S	TDTT		TDTT
				Trần Thị Tú	TS	TDTT		TDTT
				Mã Thiêm Phách	Th.S	TDTT		TDTT
				Nguyễn Duy Nam	TS	TDTT		TDTT
				Ma Đức Tuấn	TS	TDTT		TDTT
				Đào ngọc Anh	Th.S	TDTT		TDTT

				Nguyễn Mạnh Hùng	TS	TĐTT		TĐTT
14	60MIE131	Giáo dục quốc phòng						
15	60AED231	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thanh Hà	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thu Hiền	Th.S	Triết học		GDCT
16	60LOG231	Logic học	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thanh Hà	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thúy Hằng	Th.S	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thu Hiền	Th.S	Triết học		GDCT
17	60CUL231	Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thanh Hà	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thúy Hằng	Th.S	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thu Hiền	Th.S	Triết học		GDCT
18	60EDE231	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thanh Hà	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thúy Hằng	Th.S	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thu Hiền	Th.S	Triết học		GDCT
19	60FEC231	Kinh tế học đại cương	3	Nguyễn Thị Mão	Th.S	KTCT		GDCT
				Nguyễn Thị Hạnh	Th.S	KTCT		

20	60LSE231	Giáo dục kỹ năng sống	3	Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSD		GDCT
				Nguyễn Thị Minh Hiền	Th.S	LSD		GDCT
21	60IAE231	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
				Nguyễn Thị Hạnh	Th.S	KTCT		GDCT
22	60MCM231	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3	Nguyễn Thị Mão	Th.S	KTCT		GDCT
				Nguyễn Thị Hạnh	Th.S	KTCT		
23	60HFV231	Đại cương lịch sử Việt Nam	3	Nguyễn Thị Hòa	TS	Lịch sử		Lịch sử
				Lê Thị Thu Hương A	ThS	Lịch sử		Lịch sử
24	60HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	Nguyễn Thị Mão	Th.S	KTCT		GDCT
				Nguyễn Thị Hạnh	Th.S	KTCT		
25	60SCI231	Xã hội học	3	Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Nguyễn Thị Mão	Th.S	KTCT		GDCT
				Nguyễn Thị Hạnh	Th.S	KTCT		
26	60PBM231	Lịch sử triết học	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thúy Hằng	Th.S	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thu Hiền	Th.S	Triết học		GDCT
27	60EDL331	Giáo dục pháp luật 1	3	Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
28	60EDL332	Giáo dục pháp luật 2	3	Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT

				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
29	60ECE331	Giáo dục kinh tế 1	3	Nguyễn Thị Mão	Th.S	KTCT		GDCT
				Nguyễn Thị Hạnh	Th.S	KTCT		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
30	60ECE332	Giáo dục kinh tế 2	3	Nguyễn Thị Mão	Th.S	KTCT		GDCT
				Nguyễn Thị Hạnh	Th.S	KTCT		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
31	60TLH331	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
				Vũ Thúy Hằng	Th.S	Triết học		GDCT
32	60SVP331	Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh	3	Hoàng Thu Thủy	TS	LSĐ		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSĐ		GDCT
				Nguyễn Thị Minh Hiền	Th.S	LSĐ		GDCT
				Trần Thanh An	Th.S	LSĐ		GDCT
				Lý Trung Thành	TS	LSĐ		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Phạm Thị Huyền	TS	CTH		GDCT
33	60MOP331	Những vấn đề của thời đại ngày nay	3	Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Hoàng Thu Thủy	TS	LSĐ		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Trần Thanh An	TS	LSĐ		GDCT
34	60CPR331	Hiến pháp và định chế chính trị	3	Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
35	60AIC331		3	Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT

		Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học GDCT		Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
36	60SME331	Phương pháp nghiên cứu khoa học GDCT, GDCT	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	TTHCM		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Phạm Thị Huyền	TS	CTH		GDCT
37	60TGC331	Chuyên đề bình đẳng giới và quyền trẻ em	3	Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSD		GDCT
38	60TER331	Chuyên đề dân tộc và tôn giáo	3	Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
39	60ACS331	Công tác Đảng và Đoàn thể ở trường phổ thông	3	Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSD		GDCT
				Trần Thanh An	TS	LSD		GDCT
40	60RPE331	Thực tế chuyên ngành GDCT	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Thanh Hà	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Hoàng Thu Thủy	TS	LSD		GDCT
				Lý Trung Thành	TS	LSD		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSD		GDCT
				Trần Thanh An	TS	LSD		GDCT
41	60VSL331	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	3	Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Tuấn Anh	TS	LSD		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT

42	60EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	Lê Thị Phương Hoa	TS	Tâm lý		TLGD
				Phạm Văn Cường	TS	Tâm lý		TLGD
				Phí Thị Hiếu	PGS. TS	Tâm lý		TLGD
				Lê Như Hoa	Th.S	Tâm lý		TLGD
				Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	TS	Tâm lý		TLGD
43	60PEP431	Giáo dục học	3	Nguyễn T. Thanh Huyền	PGS. TS	GDH		TLGD
				Hà Thị Kim Linh	PGS. TS	GDH		TLGD
				Nguyễn Thị Ngọc	PGS. TS	GDH		TLGD
				Lê Thùy Linh	TS	GDH		TLGD
				Hoàng Trung Thắng	TS	GDH		TLGD
				Dương Thị Nga	TS	GDH		TLGD
				Đàm Thị Kim Thu	TS	GDH		TLGD
44	60COS431	Giao tiếp sư phạm	3	Lê Thị Phương Hoa	TS	Tâm lý		TLGD
				Phạm Văn Cường	TS	Tâm lý		TLGD
				Phí Thị Hiếu	PGS. TS	Tâm lý		TLGD
				Lê Như Hoa	Th.S	Tâm lý		TLGD
				Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	TS.	Tâm lý		TLGD
				Nguyễn Thị Ngọc	PGS. TS	Tâm lý		TLGD
				TS. Dương Thị Nga	TS	Tâm lý		TLGD
45	60TMC431	Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT

46	60DTE431	Phát triển chương trình giáo dục công dân	3	Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
47	60MCS431	Phương pháp dạy học GDCT 1	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
48	60MCS432	Phương pháp dạy GDCT 2	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
				Phạm Thị Huyền	TS	TTHCM		GDCT
49	60CTE431	Kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCT	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
50	60PSR431	Rèn luyện kỹ năng sống thường xuyên	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	TTHCM		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
51	59PEH431	Thực hành kỹ năng GDCT&PL	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT

				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Thị Mão	Th.S	KTCT		GDCT
52	60ICE431	Dạy học tích hợp trong dạy học GDCD	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
53	60TRA421	Thực tập sư phạm 1	2					
54	60TRA432	Thực tập sư phạm 2	3					
55	60DOE431	Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học GDCD	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
56	60PSC431	Xử lý tình huống sư phạm GDCD	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
57	60SRH431	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	3	Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Phạm Thị Huyền	TS	CTH		GDCT
				Trần Thanh An	TS	LSĐ		GDCT
58	60POL961	Khoá luận tốt nghiệp	6					
59	60OWE931	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT

		trong dạy học môn GDCD		Nguyễn Thị Minh Hiền	Th.S	LSD		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
60	60FAE931	Giáo dục gia đình	3	Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Hoàng Thu Thủy	TS	LSD		GDCT
				Nguyễn Thị Hương	TS	CNXH		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Trần Thanh An	Th.S	LSD		GDCT
				Lý Trung Thành	TS	LSD		GDCT
61	60MTM931	Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT
				Phạm Thị Huyền	TS	CTH		GDCT
62	60SDP931	Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Vũ Thị Thủy	TS	CTH		GDCT
				Nguyễn Mai Anh	Th.S	Pháp luật		GDCT
63	60EED931	Giáo dục môi trường	3	Nguyễn Thị Khương	TS	Triết học		GDCT
				Trần Thị Lan	TS	CNXH		GDCT
				Thái Hữu Linh	Th.S	PPDH		GDCT
				Ngô Thị Lan Anh	TS	Triết học		GDCT

X. Bảng đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài và chương trình đào tạo trong nước (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

1. Danh mục các chương trình đào tạo tham khảo:

STT	Tên chương trình đào tạo	Cơ sở đào tạo	Quốc gia
1	Chương trình Giáo dục đại học đào tạo giáo viên theo hệ thống tín chỉ ngành Giáo dục công dân, Mã ngành: 7140204	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	Việt Nam
2	Chương trình Giáo dục đại học đào tạo giáo viên theo hệ thống tín chỉ ngành Giáo dục công dân, Mã ngành: 7140204	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Việt Nam
3	Chương trình Giáo dục đại học đào tạo giáo viên theo hệ thống tín chỉ ngành Giáo dục công dân, Mã ngành: 7140204	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Việt Nam

2. Nội dung tham khảo:

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Nguồn chương trình tham khảo	Ghi chú
1.	Kiến thức giáo dục đại cương		29		
	Các học phần bắt buộc		29		
1	60SPH131	Triết học Mác Lênin	4	Học phần bắt buộc theo QĐ của Bộ GD-ĐT	Tương đương
2	60SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3	Học phần bắt buộc theo QĐ của Bộ GD-ĐT	Tương đương
3	60SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần bắt buộc theo QĐ của Bộ GD-ĐT	Tương đương
4	60HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần bắt buộc theo QĐ của Bộ GD-ĐT	Tương đương
5	60HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	3	Học phần bắt buộc theo QĐ của Bộ GD-ĐT	Tương đương
6	60GEL121	Pháp luật đại cương	2	Học phần bắt buộc theo QĐ của Bộ GD-ĐT	Tương đương
7	60ENG131	Tiếng Anh 1	3	Theo đặc thù chương trình trường ĐHSP - ĐHTN	
8	60ENG132	Tiếng Anh 2	3	Theo đặc thù chương trình trường ĐHSP - ĐHTN	

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Nguồn chương trình tham khảo	Ghi chú
9	60ENG143	Tiếng Anh 3	4	Theo đặc thù chương trình trường ĐHSP - ĐHTN	
10	60PHE111	Giáo dục thể chất 1		Theo đặc thù chương trình trường ĐHSP - ĐHTN	
11	60PHE112	Giáo dục thể chất 2		Theo đặc thù chương trình trường ĐHSP - ĐHTN	
12	60PHE113	Giáo dục thể chất 3		Theo đặc thù chương trình trường ĐHSP - ĐHTN	
13	60GIF131	Tin học đại cương	3	Theo đặc thù chương trình trường ĐHSP - ĐHTN	
II Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1.	Khối kiến thức chung của khối ngành		24		
Các học phần bắt buộc			21		
14	60AED231	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ (CIV115); CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ cho HS phổ thông	Giống nhau
15	60LOG231	Lôgic học	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Lôgic học (CIV111); CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần logic học (32021409); CTĐT ĐHSP Hà Nội: Lôgic học	Giống nhau
16	60CUL231	Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Đại cương văn hóa Việt Nam (CUL200)	Tương đương 50%
17	60EDE241	Đạo đức học	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Đạo đức học (CIV115); CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Đạo đức học (31632014)	Giống nhau
18	60FEC231	Kinh tế học đại cương	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Kinh tế học đại cương (CIV222); CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Kinh tế học (31641230)	Giống nhau
19	60GPS231	Chính trị học đại cương	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội, Chính trị học đại cương (Poli 2102); CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Chính trị học (CIV214)	Giống nhau

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Nguồn chương trình tham khảo	Ghi chú
20	60LSE231	Giáo dục kỹ năng sống	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông; - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông (31631026); - CTĐT CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Giáo dục kỹ năng sống ở trường trung học (CIV322)	Giống nhau 50% Giống nhau 50% Giống nhau 50%
Các học phần tự chọn			3		
21	60MCM231	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3		Môn mới
22	60HFV231	Đại cương lịch sử Việt Nam	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Lịch sử Việt Nam cận – hiện đại (821320)	Tương đương 50%
23	60HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế (CIV124);	Giống nhau
24	60SCI231	Xã hội học	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Xã hội học (CIV116); - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Xã hội học đại cương	Giống nhau Giống nhau 50%
25	60PBM231	Lịch sử triết học	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Lịch sử triết học (CIV212)	Giống nhau
2.2.	Khối kiến thức chung của nhóm ngành		27		
Các học phần bắt buộc			24		
26	60EDL331	Giáo dục pháp luật 1	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Giáo dục pháp luật 1; - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Giáo dục pháp luật1 (31641232)	Giống nhau Giống nhau
27	60EDL332	Giáo dục pháp luật 2	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Giáo dục pháp luật 2; - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Giáo dục pháp luật 2 (31641233)	Giống nhau
28	60ECE331	Giáo dục kinh tế 1	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Giáo dục kinh tế 1	Giống nhau
29	60ECE332	Giáo dục kinh tế 2	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Giáo dục kinh tế 2	Giống nhau

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Nguồn chương trình tham khảo	Ghi chú
30	60TLH331	Lý luận và pháp luật về quyền con người	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Lý luận và pháp luật về quyền con người (31631033); - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Pháp luật về quyền con người (CIV216) - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Chuyên đề Giáo dục pháp luật: - Pháp luật về quyền con người và quyền trẻ em - Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	Giống nhau, Giống nhau 50% Giống nhau 50%
31	60ERT331	Chuyên đề dân tộc và tôn giáo	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Chuyên đề tôn giáo và dân tộc	Giống nhau
32	60SVP331	Chuyên đề lịch sử Đảng và đạo đức Hồ Chí Minh	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (CIV227) và học phần Chuyên tư tưởng Hồ Chí Minh (CIV228)	Tương đương
33	60MOP331	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội và những vấn đề của thời đại ngày nay	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Những vấn đề của thời đại - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Chuyên đề CNXH và học phần Những vấn đề của thời đại ngày nay	Giống nhau 50% Tương đương
Các môn tự chọn			3		
34	60CPR331	Hiến pháp và định chế chính trị	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Hiến pháp và các định chế chính trị (CIV213); - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam	Giống nhau
35	60TGC331	Chuyên đề bình đẳng giới	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Giáo dục bình đẳng giới (CIV122) - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình	Giống nhau 50%

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Nguồn chương trình tham khảo	Ghi chú
36	60FAE431	Chuyên đề giáo dục gia đình	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Chuyên đề Bình đẳng giới và Giáo dục gia đình - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Giáo dục gia đình - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Giáo dục gia đình	Giống nhau 50%
37	60ACS331	Công tác Đảng và Đoàn thể ở trường phổ thông	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Công tác đoàn đội ở trường phổ thông - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Nghiệp vụ công tác Đoàn - Hội - Đội (31641017) và học phần Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Đội và phong trào thanh niên (31621018)	Giống nhau 50% Giống nhau 50%
38	60VPD331	Văn kiện Đảng	3		Môn mới
III	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		37		
	Các môn học bắt buộc		34		
39	60ESP431	Tâm lý học giáo dục	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Tâm lý giáo dục - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Tâm lý học giáo dục (32041719) - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Tâm lý học đại cương (PSY501)	Tương đương
40	60PEP431	Giáo dục học	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Giáo dục học - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1) (EDU501) - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Giáo dục học (32031255)	Tương đương
41	60COS431	Giao tiếp sư phạm	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Giao tiếp sư phạm (32021273) - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Giao tiếp sư phạm (PSY501) - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Giao tiếp sư phạm	Tương đương

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Nguồn chương trình tham khảo	Ghi chú
42	60TMC431	Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân, giáo dục chính trị	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Lý luận chung về dạy học chương trình môn GD CD ở trường trung học (CIV315) - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân (31631693)	Giống nhau 50%
43	60DTE431	Phát triển chương trình giáo dục công dân	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Phát triển chương trình nhà trường - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Kỹ năng phát triển chương trình môn GD CD ở trường trung học (CIV319) - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở phổ thông (31621039)	Giống nhau 50%
44	60MCS441	Phương pháp dạy học môn GD Kinh tế và pháp luật	4	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Phương pháp nội dung giáo dục kinh tế trong chương trình môn GD CD ở trường trung học (CIV316) và học phần Phương pháp nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình môn GD CD ở trường trung học (CIV317)	Tương đương
45	60MTE431	Phương pháp dạy học đạo đức	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho HS phổ thông - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Phương pháp nội dung giáo dục đạo đức và giáo dục kỹ năng sống trong chương trình môn GD CD ở trường trung học (CIV318)	Giống nhau 50%

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Nguồn chương trình tham khảo	Ghi chú
46	60PSR431	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	4	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Rèn luyện NVSP thường xuyên - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Thực hành sư phạm 1 (CIVC311) và học phần Thực hành sư phạm 2 (CIVC312) - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Thực hành phương pháp dạy học môn GDCD (3161040) và học phần Thực hành phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (3161041)	Giống nhau Tương đương Tương đương
47	60DOE431	Xây dựng kế hoạch về tổ chức dạy học GDCD	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục công dân	Giống nhau
48	60TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	Theo chương trình đào tạo chung của trường ĐHSP, ĐHTN	
49	60TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	Theo chương trình đào tạo chung của trường ĐHSP, ĐHTN	
Các môn tự chọn			3		
50	60SME431	Phương pháp nghiên cứu khoa học GD chính trị	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Phương pháp luận NCKH - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành (CIV311) - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục công dân (31631031)	Giống nhau 50%
51	60IAE431	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	Tham khảo: CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp (31621006)	Tương đương
52	60PSC431	Xử lý tình huống sư phạm GDCD	3		Môn mới
53	60SRH431	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính (33121252) - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Tâm lý học giới tính (PSY506)	Giống nhau 50% Giống nhau 30%

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Nguồn chương trình tham khảo	Ghi chú
IV	Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6		Giống nhau
54	60POL961	Khóa luận tốt nghiệp	6	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Khóa luận tốt nghiệp (CIV411) - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Khóa luận tốt nghiệp (31661061) - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Khóa luận	Tương đương
55	60OWE931	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GDCD	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Hoạt động trải nghiệm trong môn GDCD - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GDCD (31631029) - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chương trình môn GDCD ở trường trung học (CIV324)	Tương đương
56	60INR931	Quan hệ quốc tế	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Quan hệ chính trị quốc tế	Giống nhau 30%
57	60ICM931	Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	3	Môn học đặc thù của Khoa	Môn mới
58	60MTM931	Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin	3	Môn học đặc thù của Khoa	Môn mới
59	60SDP931	Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật	3	Tham khảo: - CTĐT ĐHSP Hà Nội, học phần Chuyên đề Giáo dục pháp luật - Pháp luật về quyền con người và quyền trẻ em - Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật - CTĐT ĐHSP Hà Nội 2, học phần Kỹ năng tuyên truyền và phổ biến pháp luật (CIV113) - CTĐT ĐHSP Đà Nẵng, học phần Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở trường phổ thông (31621028)	Giống nhau 50% Giống nhau 50%
Tổng cộng			123		

3. Kết luận

Chương trình Giáo dục công dân xây dựng cho ngành Giáo dục công dân, hệ chính quy, bậc đại học của Khoa Giáo dục Chính trị so với các trường đại học trong cả nước cùng đào tạo ngành Giáo dục công dân, đã đáp ứng được nội dung đào tạo và thỏa mãn các yêu cầu về khối kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành, kiến thức nghiệp vụ sư phạm đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục công dân.

Tài liệu tham khảo: (xem trong file đính kèm)

- Khung chương trình đào tạo của trường đại học nước ngoài được sử dụng để tham khảo xây dựng chương trình đào tạo (tên học phần, thời lượng, tóm tắt nội dung học phần).
- Khung chương trình đào tạo hiện hành của chương trình đào tạo dự kiến mở của một số trường đại học có uy tín trong nước (ít nhất có 02 chương trình tham khảo).
- Các tài liệu liên quan khác.

